

Canon

EOS 7D Mark II

EOS 7D Mark II (G)



- Hướng dẫn này dành cho máy ảnh EOS 7D Mark II được cài đặt phiên bản firmware 1.1.0 hoặc mới hơn.
- Bạn có thể tải Hướng dẫn sử dụng (tập tin PDF) từ trang web của Canon (tr.4).



Hướng dẫn
sử dụng

Giới thiệu

EOS 7D Mark II (G) là loại máy ảnh kỹ thuật số phản xạ ống kính đơn được trang bị cảm biến CMOS chuẩn xác với độ phân giải hình ảnh khoảng 20,2 megapixel, chip xử lý ảnh DIGIC 6+, khung ngắm bao phủ khoảng 100% khuôn hình, hệ thống lấy nét tự động chính xác tốc độ cao 65 điểm (Điểm AF chữ thập: Tối đa 65 điểm), chụp liên tục khoảng 10,0 fps, chụp Live View, quay phim độ phân giải cao (Full HD), CMOS AF Pixel đôi và chức năng GPS.

Trước khi bắt đầu chụp, đảm bảo đọc kỹ những điều sau

Để tránh làm hỏng ảnh và xảy ra tai nạn, trước tiên tham khảo phần “Cảnh báo an toàn” (tr.528-530) và “Những điều cần chú ý khi thao tác” (tr.20-21). Ngoài ra, đọc kỹ hướng dẫn sử dụng này để bảo đảm sử dụng máy ảnh đúng cách.

Tham khảo hướng dẫn sử dụng này khi sử dụng máy ảnh để làm quen với máy

Khi đọc hướng dẫn sử dụng, chụp thử vài kiểu ảnh và xem kết quả. Điều này sẽ giúp bạn hiểu rõ hơn về máy ảnh. Cũng đảm bảo cất giữ hướng dẫn sử dụng cẩn thận để tham khảo lại khi cần.

Kiểm tra máy ảnh trước khi sử dụng và tìm hiểu trách nhiệm pháp lý

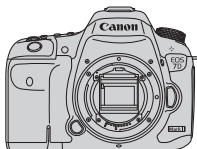
Sau khi chụp, bạn nên xem lại và kiểm tra ảnh đã được ghi chính xác chưa. Nếu máy ảnh hay thẻ nhớ bị lỗi dẫn đến không thể ghi hoặc tải ảnh xuống máy tính, Canon sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ lỗi hoặc những bất tiện xảy ra.

Bản quyền

Lưu ý bản quyền tại quốc gia sở tại có thể cấm sử dụng ảnh chụp người hoặc chủ thể cụ thể cho bất kỳ mục đích nào khác ngoài mục đích giải trí cá nhân. Ngoài ra, lưu ý rằng một số hoạt động công cộng như biểu diễn, triển lãm, v.v... có thể cấm chụp ảnh ngay cả khi dùng vào mục đích giải trí cá nhân.

Danh sách vật dụng

Trước khi bắt đầu, kiểm tra để đảm bảo tất cả các vật dụng sau được đi kèm máy ảnh. Nếu thiếu bất kỳ vật dụng nào, vui lòng liên hệ với đại lý bán hàng.



Máy ảnh
(có nắp thân máy)



Vành đỡ mắt Eg
(tr.249)



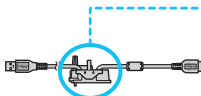
Pin
LP-E6N (tr.38)
(có nắp bảo vệ)



Sạc pin
LC-E6E*
(tr.32)



Dây đeo to bản
(tr.33)



Cáp nối
IFC-150U II



Đầu giữ cáp
(tr.34)



Thẻ Wi-Fi W-E1
(tr.36)



Đĩa EOS DIGITAL Solution Disk
(phần mềm)

* Sạc pin LC-E6E được đi kèm với máy ảnh. (Sạc pin LC-E6E có kèm theo dây nguồn.)

- Hướng dẫn sử dụng kèm theo được liệt kê ở trang sau.
- Nếu bạn mua bộ ống kính, kiểm tra để đảm bảo có ống kính đi kèm.
- Chú ý tránh làm mất các vật dụng nêu trên.



Hướng dẫn sử dụng ống kính (PDF) chỉ dành cho các ống kính bán riêng. Lưu ý rằng khi mua bộ kèm ống kính, một số phụ kiện đi kèm với ống kính có thể không khớp với danh sách được liệt kê trong Hướng dẫn sử dụng ống kính.

Hướng dẫn sử dụng



**Hướng dẫn sử dụng
cơ bản về máy ảnh***



**Lưu ý cơ bản và thông tin
pháp lý về Thẻ Wi-Fi W-E1***

* Bạn có thể tải Hướng dẫn sử dụng (tập tin PDF) chi tiết hơn từ trang web của Canon (tham khảo bên dưới).

Tải xuống và xem Hướng dẫn sử dụng (tập tin PDF)

1 Tải xuống Hướng dẫn sử dụng (tập tin PDF).

- Kết nối internet và truy cập trang web dưới đây của Canon.
www.canon.com.vn/localizedmanual

Các Hướng dẫn sử dụng có thể tải xuống

- Hướng dẫn sử dụng máy ảnh
- Hướng dẫn sử dụng Thẻ Wi-Fi W-E1

2 Xem Hướng dẫn sử dụng (tập tin PDF).

- Nhấp đúp vào Hướng dẫn sử dụng (tập tin PDF) đã tải xuống để mở.
- Để xem Hướng dẫn sử dụng (tập tin PDF), cần cài đặt Adobe Acrobat Reader DC hoặc phần mềm xem PDF khác của Adobe (nên sử dụng phiên bản mới nhất).
- Bạn có thể tải miễn phí Adobe Acrobat Reader DC từ Internet.
- Để tìm hiểu về cách sử dụng phần mềm xem PDF, tham khảo mục Trợ giúp của phần mềm.

Thẻ nhớ tương thích

Máy ảnh có thể sử dụng các loại thẻ nhớ sau với dung lượng bất kỳ:
Nên định dạng thẻ mới hay thẻ đã định dạng trên máy ảnh hoặc máy tính khác bằng máy ảnh của bạn (tr.67).

- **Thẻ CF (CompactFlash)**

* Loại I, tương thích UDMA mode 7.

- **Thẻ nhớ SD/SDHC*/SDXC***

* Có hỗ trợ thẻ UHS-I.

Thẻ có thể ghi phim

Khi quay phim, bạn nên sử dụng thẻ nhớ có dung lượng lớn và tốc độ ghi/đọc nhanh như trình bày trong bảng bên dưới.

Kích thước ghi phim (tr.332)		Thẻ CF: Định dạng ghi	
		MOV	MP4
ALL-I (Để chỉnh sửa)		30 MB/giây trở lên	
IPB (Tiêu chuẩn)	EFHD : 59.94P 50.00P	30 MB/giây trở lên	
	Ngoài những yêu cầu trên	10 MB/giây trở lên	
IPB (Nhẹ)		-	10 MB/giây trở lên

Kích thước ghi phim (tr.332)		Thẻ SD: Định dạng ghi	
		MOV	MP4
ALL-I (Để chỉnh sửa)		20 MB/giây trở lên	
IPB (Tiêu chuẩn)	EFHD : 59.94P 50.00P	20 MB/giây trở lên	
	Ngoài những yêu cầu trên	6 MB/giây trở lên	
IPB (Nhẹ)		-	4 MB/giây trở lên

- Nếu sử dụng thẻ có tốc độ ghi chậm khi quay phim, phim có thể không được ghi chính xác. Ngoài ra, nếu xem lại phim trên thẻ có tốc độ đọc chậm, phim có thể không được phát lại chính xác.
- Nếu muốn chụp ảnh trong khi quay phim, bạn cần dùng thẻ nhớ có tốc độ cao hơn.
- Để kiểm tra tốc độ đọc/ghi của thẻ, tham khảo trang web của nhà sản xuất thẻ.

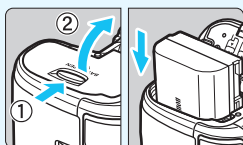


Trong hướng dẫn sử dụng này, từ “thẻ CF” dùng để chỉ thẻ nhớ CompactFlash và từ “thẻ SD” chỉ thẻ nhớ SD/SDHC/SDXC. Tất cả thẻ nhớ dùng để quay phim và chụp ảnh được gọi chung là “thẻ”.

* **Máy ảnh không kèm theo thẻ để ghi ảnh/phim.** Vui lòng mua riêng thẻ.

Hướng dẫn bắt đầu nhanh

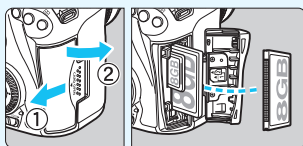
1



Lắp pin (tr.40).

- Để sạc pin, tham khảo trang 38.

2

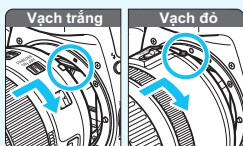


Lắp thẻ (tr.41).

- Khe cắm phía trước để cắm thẻ CF, khe phía sau để cắm thẻ SD.

* Có thể chụp với thẻ CF hoặc thẻ SD lắp trong máy ảnh.

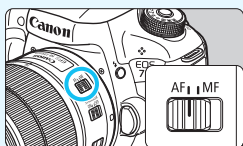
3



Lắp ống kính (tr.50).

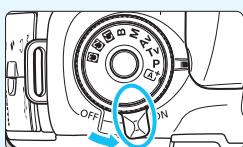
- Điều chỉnh cho vạch trắng hoặc vạch đỏ của ống kính trùng với vạch màu tương ứng trên máy ảnh.

4



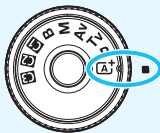
Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <AF> (tr.50).

5



Đặt công tắc nguồn thành <ON> (tr.45).

6



Nhấn giữ nút trung tâm của nút xoay chế độ, đặt nút xoay chế độ thành <A+> (Tự động nhận cảnh thông minh) (tr.29).

- Tất cả cài đặt cần thiết cho máy ảnh sẽ được tự động thiết lập.

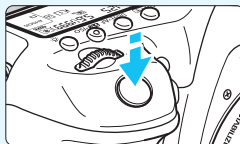
7



Lấy nét chủ thể (tr.55).

- Nhìn vào khung ngắm và hướng trung tâm của khung ngắm vào chủ thể.
- Nhấn nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ lấy nét chủ thể.
- Đèn flash tích hợp sẽ nâng lên nếu cần.

8



Chụp ảnh (tr.55).

- Nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh.

9



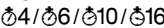
Xem ảnh.

- Ảnh vừa chụp sẽ hiển thị trong 2 giây trên màn hình LCD.
- Để hiển thị lại ảnh, nhấn nút <▶> (tr.356).

- Để chụp trong khi nhìn vào màn hình LCD, tham khảo phần “Chụp Live View” (tr.287).
- Để xem ảnh đã chụp, tham khảo phần “Xem lại ảnh” (tr.356).
- Để xóa ảnh, tham khảo phần “Xóa ảnh” (tr.394).

Các quy ước sử dụng trong hướng dẫn

Biểu tượng sử dụng trong hướng dẫn

-  : Biểu thị nút xoay chính.
-  : Biểu thị nút xoay điều khiển nhanh.
-  : Biểu thị nút gạt lựa chọn vùng AF.
-  : Biểu thị nút điều khiển đa năng.
-  : Biểu thị nút cài đặt.
-  : Biểu thị chức năng tương ứng vẫn tiếp tục hoạt động trong 4 giây, 6 giây, 10 giây hoặc 16 giây sau khi nhấn nút chức năng.

* Trong hướng dẫn này, các biểu tượng và dấu biểu thị các nút, nút xoay, và cài đặt của máy ảnh tương ứng với các biểu tượng và dấu trên máy ảnh và trên màn hình LCD.

-  : Biểu thị chức năng có thể điều chỉnh bằng cách nhấn nút <MENU> để thay đổi cài đặt.
-  : Biểu tượng này ở phía trên bên phải của tiêu đề trang biểu thị chức năng chỉ có thể sử dụng trong các chế độ <P>, <Tv>, <Av>, <M> hoặc .
- (tr.**)
-  : Cảnh báo để tránh vấn đề trực trực khi chụp ảnh.
-  : Thông tin bổ sung.
-  : Gợi ý hoặc lời khuyên để chụp tốt hơn.
-  : Hướng dẫn giải quyết vấn đề trực trực.

Giả định cơ bản

- Tất cả thao tác được giải thích trong hướng dẫn giả định rằng công tắc nguồn đã đặt thành <ON> và công tắc <LOCK▶> được đặt sang trái (Nhả khóa đa chức năng) (tr.45, 59).
- Giả định tất cả cài đặt menu và chức năng tùy chỉnh, v.v... đã đặt ở chế độ mặc định.
- Hình minh họa trong hướng dẫn này lấy ví dụ máy ảnh lắp ống kính EF-S18-135mm f/3.5-5.6 IS USM.

Chương

Chương 1 và chương 2 giải thích các thao tác và quy trình chụp cơ bản dành cho người lần đầu tiên sử dụng máy ảnh DSLR.

	Giới thiệu	2
1	Hướng dẫn bắt đầu	37
2	Chụp cơ bản	81
3	Cài đặt kiểu chụp và AF	87
4	Cài đặt ảnh	147
5	Thiết lập GPS	199
6	Thao tác nâng cao	217
7	Chụp ảnh với đèn flash	255
8	Chụp với màn hình LCD (Chụp Live View)	287
9	Quay phim	315
10	Xem lại ảnh	355
11	Xử lý hậu kỳ ảnh	399
12	Làm sạch cảm biến	407
13	In ảnh và truyền ảnh vào máy tính	413
14	Tùy chỉnh máy ảnh	433
15	Tham khảo	469
16	Tải ảnh về máy tính / Phần mềm	535

Nội dung

Giới thiệu **2**

Danh sách vật dụng	3
Hướng dẫn sử dụng	4
Thẻ nhớ tương thích	5
Hướng dẫn bắt đầu nhanh	6
Các quy ước sử dụng trong hướng dẫn	8
Chương	9
Danh mục các tính năng	17
Những điều cần chú ý khi thao tác	20
Tên bộ phận	22

1 **Hướng dẫn bắt đầu** **37**

Sạc pin	38
Lắp và tháo pin	40
Lắp và tháo thẻ	41
Bật nguồn	45
Thiết lập ngày, giờ và múi giờ	47
Chọn ngôn ngữ giao diện	49
Lắp và tháo ống kính	50
Hệ thống ổn định hình ảnh của ống kính	53
Thao tác cơ bản	54
 Điều khiển nhanh chức năng chụp	61
 Thao tác với menu	64
Trước khi bắt đầu	67
Định dạng thẻ	67
Tắt tiếng bíp	69
Đặt thời gian tắt nguồn/tự động tắt nguồn	69
Đặt thời gian xem lại ảnh	70
Khôi phục cài đặt mặc định của máy ảnh	70

⌘	Hiện thị khung lưới.....	75
⌘	Hiện thị cân bằng điện tử.....	76
	Cài đặt hiển thị thông tin trong khung ngắm	78
?	Trợ giúp	79

2 Chụp cơ bản 81

⌘	Chụp hoàn toàn tự động (Tự động nhận cảnh thông minh).....	82
⌘	Kỹ thuật hoàn toàn tự động (Tự động nhận cảnh thông minh) ...	85

3 Cài đặt kiểu chụp và AF 87

AF:	Chọn thao tác lấy nét tự động	88
⌘	Chọn vùng và điểm AF	92
	Chế độ chọn vùng AF	97
	Cảm biến AF	101
	Ống kính và điểm AF khả dụng.....	102
	Chọn đặc tính Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục.....	110
	Tùy chỉnh chức năng AF	119
	Tinh chỉnh điểm lấy nét tự động.....	135
	Khi không lấy được nét.....	141
	MF: Lấy nét bằng tay.....	142
⌘	Chọn kiểu chụp	143
⌘	Sử dụng chế độ chụp hẹn giờ	145

4 Cài đặt ảnh 147

	Chọn thẻ để ghi và xem lại ảnh	148
	Cài đặt chất lượng ghi ảnh	151
	ISO: Thiết lập tốc độ ISO	156
⌘	Chọn kiểu ảnh.....	162
⌘	Tùy chỉnh kiểu ảnh.....	165
⌘	Đăng ký kiểu ảnh	168

WB: Cài đặt cân bằng trắng	170
 Cân bằng trắng tùy chỉnh	171
 Thiết lập nhiệt độ màu	173
WB Hiệu chỉnh cân bằng trắng	174
Tự động hiệu chỉnh độ sáng và độ tương phản	177
Thiết lập giảm nhiễu hạt	178
Ưu tiên tông màu sáng	182
Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi và sắc sai của ống kính	183
Giảm nhấp nháy	187
Thiết lập không gian màu	189
Tạo và chọn thư mục	190
Đổi tên tập tin	192
Phương pháp đánh số thứ tự tập tin	195
Cài đặt thông tin bản quyền	197

5 Thiết lập GPS 199

Tính năng của GPS	200
Thận trọng khi sử dụng GPS	202
Bắt tín hiệu GPS	203
Thiết lập khoảng thời gian định vị	207
Sử dụng la bàn kỹ thuật số	208
Cài đặt thời gian thu từ GPS trên máy ảnh	211
Ghi chép tuyến đường du lịch	212

6 Thao tác nâng cao 217

P: Phơi sáng tự động	218
Tv: Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập	220
Av: Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ	222
Xem trước độ sâu trường ảnh	223
M: Phơi sáng bằng tay	224

 Chọn chế độ đo sáng.....	226
 Thiết lập bù trừ phơi sáng.....	228
 Phơi sáng hỗn hợp tự động (AEB).....	229
 Khóa đo sáng	231
B : Phơi sáng bulb	232
HDR : Chụp HDR (Dải tương phản động cao)	235
 Chụp đa phơi sáng	240
 Khóa gương lật	248
Sử dụng nắp thị kính.....	249
 Sử dụng công tắc điều khiển từ xa	250
 Chụp điều khiển từ xa.....	250
 Chụp hẹn giờ ngắt quãng	252

7 Chụp ảnh với đèn flash 255

 Sử dụng đèn flash tích hợp.....	256
 Sử dụng đèn Speedlite ngoài	261
Cài đặt flash	264
Sử dụng đèn flash không dây	274

8 Chụp với màn hình LCD (Chụp Live View) 287

 Chụp với màn hình LCD	288
Cài đặt chức năng chụp.....	294
Cài đặt chức năng menu.....	296
Sử dụng lấy nét tự động để lấy nét (Phương pháp AF)	301
MF: Lấy nét bằng tay	310

9 Quay phim 315

 Quay phim	316
Quay phim phơi sáng tự động.....	316
Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập.....	317

Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ	318
Quay phim phơi sáng bằng tay	322
Chụp ảnh trong khi quay phim	329
Cài đặt chức năng quay phim	331
Cài đặt kích thước ghi phim	332
Cài đặt ghi âm	338
Điều khiển yên lặng	340
Cài đặt mã thời gian	341
Cài đặt chức năng menu	344

10 Xem lại ảnh 355

 Xem lại ảnh	356
INFO.: Hiển thị thông tin chụp	358
 Tìm kiếm ảnh nhanh chóng	363
 Hiển thị nhiều ảnh trên một màn hình (Hiển thị bằng kê)	363
 Nhảy qua các ảnh (Hiển thị nhảy ảnh)	364
 Phóng to ảnh	366
 So sánh ảnh (Hiển thị hai ảnh)	368
 Xoay ảnh	369
 Bảo vệ ảnh	370
Thiết lập xếp hạng	373
 Điều khiển nhanh trong khi xem lại	376
 Thường thức phim	378
 Xem phim	380
 Chỉnh sửa cảnh đầu tiên và cuối cùng của phim	382
Trình chiếu (Tự động xem lại)	384
Xem ảnh trên TV	387
 Sao chép ảnh	390
 Xóa ảnh	394

Thay đổi cài đặt xem lại ảnh	396
Điều chỉnh độ sáng màn hình LCD	396
Tự động xoay ảnh dọc	397

11 Xử lý hậu kỳ ảnh 399

 XỬ lý ảnh RAW trên máy ảnh	400
 Thay đổi cỡ ảnh JPEG	405

12 Làm sạch cảm biến 407

 Làm sạch cảm biến tự động.....	408
Thêm dữ liệu xóa bụi	409
Làm sạch cảm biến bằng tay	411

13 In ảnh và truyền ảnh vào máy tính 413

Chuẩn bị in	414
 In ảnh.....	416
 Định dạng lệnh in kỹ thuật số (DPOF)	423
 In trực tiếp ảnh đã đặt lệnh in	426
 Truyền ảnh vào máy tính	427
 Chỉ định ảnh cho sách ảnh	431

14 Tùy chỉnh máy ảnh 433

Chức năng tùy chỉnh	434
Cài đặt chức năng tùy chỉnh	436
C.Fn1: Phơi sáng	436
C.Fn2: Phơi sáng/Kiểu chụp	440
C.Fn3: Hiển thị/Thao tác	442
C.Fn4: Khác	445
 3: Điều khiển tùy chỉnh	447
Đăng ký Danh mục riêng	461
 : Đăng ký chế độ chụp tùy chỉnh	466

15 Tham khảo 469

Chức năng nút INFO	470
Kiểm tra thông tin pin	472
Sử dụng ổ điện gia đình	476
📶 Sử dụng thẻ Eye-Fi.....	477
Sơ đồ hệ thống.....	480
Bảng chức năng khả dụng theo chế độ chụp.....	482
Cài đặt menu	486
Hướng dẫn giải quyết các vấn đề trực trực	497
Mã lỗi.....	512
Thông số kỹ thuật.....	513
Cảnh báo an toàn.....	528

16 Tài ảnh về máy tính / Phần mềm 535

Tài ảnh xuống máy tính.....	536
Giới thiệu về phần mềm	538
Cài đặt phần mềm	540
Tải xuống và xem Hướng dẫn sử dụng phần mềm (tập tin PDF)	541
Chỉ mục	542

Danh mục các tính năng

Thiết bị nguồn

- Sạc pin → tr.38
- Kiểm tra pin → tr.46
- Kiểm tra thông tin pin → tr.472
- Ổ điện gia đình → tr.476
- Tự động tắt nguồn → tr.69

Thẻ

- Định dạng → tr.67
- Chức năng ghi → tr.148
- Chọn thẻ → tr.150
- Nhà màn trập khi không lắp thẻ → tr.42

Ống kính

- Lắp → tr.50
- Zoom → tr.51
- Loa che nắng → tr.52
- Ổn định hình ảnh → tr.53

Cài đặt cơ bản

- Ngôn ngữ → tr.49
- Ngày/Giờ/Múi giờ → tr.47
- Tiếng bíp → tr.69
- Thông tin bản quyền → tr.197
- Xóa tất cả cài đặt của máy ảnh → tr.70

Khung ngắm

- Điều chỉnh độ khúc xạ → tr.54
- Nắp thị kính → tr.249
- Hiển thị khung lưới → tr.75
- Cân bằng điện tử → tr.77
- Ẩn/hiện trong khung ngắm → tr.78

Màn hình LCD

- Điều chỉnh độ sáng → tr.396
- Cân bằng điện tử → tr.76
- Trợ giúp → tr.79

AF (Lấy nét tự động)

- Thao tác lấy nét tự động → tr.88
- Chế độ chọn vùng AF → tr.92
- Chọn điểm AF → tr.95
- Đăng ký điểm AF → tr.452
- Nhóm ống kính → tr.102
- Điểm AF nháy sáng đỏ → tr.133
- Đặc tính lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục → tr.110
- Chức năng tùy chỉnh AF → tr.119
- Vi chỉnh AF → tr.135
- Lấy nét bằng tay → tr.142

Đo sáng

- Chế độ đo sáng → tr.226

Kiểu chụp

- Kiểu chụp → tr.143
- Chụp hẹn giờ → tr.145
- Số ảnh chụp liên tục tối đa → tr.155

Ghi ảnh

- Chức năng ghi → tr.148
- Tạo/chọn thư mục → tr.190
- Tên tập tin → tr.192
- Đánh số thứ tự tập tin → tr.195

Chất lượng ảnh

- **Chất lượng ghi ảnh** → tr.151
- **Tốc độ ISO** → tr.156
- **Kiểu ảnh** → tr.162
- **Cân bằng trắng** → tr.170
- **Tự động tối ưu hóa ánh sáng** → tr.177
- **Giảm nhiễu do tốc độ ISO cao** → tr.178
- **Giảm nhiễu do phơi sáng lâu** → tr.180
- **Ưu tiên tông màu sáng** → tr.182
- **Hiệu chỉnh quang sai của ống kính** → tr.183
- **Chống nhấp nháy** → tr.187
- **Không gian màu** → tr.189

Chụp

- **Chế độ chụp** → tr.29
- **HDR** → tr.235
- **Chụp đa phơi sáng** → tr.240
- **Khóa gương lật** → tr.248
- **Hẹn giờ bulb** → tr.233
- **Hẹn giờ ngắt quãng** → tr.252
- **Xem trước độ sâu trường ảnh** → tr.223
- **Điều khiển từ xa** → tr.250
- **Điều khiển nhanh** → tr.61

Lượng bù trừ phơi sáng

- **Bù trừ phơi sáng** → tr.228
- **Bù trừ phơi sáng với ISO tự động trong chế độ M** → tr.225
- **AEB** → tr.229
- **Khóa đo sáng** → tr.231
- **Chuyển chế độ an toàn** → tr.438

GPS

- **GPS** → tr.199
- **La bàn kỹ thuật số** → tr.208
- **Ghi chép** → tr.212

Flash

- **Đèn flash tích hợp** → tr.256
- **Đèn Speedlite ngoài** → tr.261
- **Bù trừ phơi sáng flash** → tr.259
- **Khóa phơi sáng flash** → tr.260
- **Cài đặt chức năng flash** → tr.264
- **Chụp không dây** → tr.274
- **Chức năng tùy chỉnh đèn Speedlite ngoài** → tr.273

Chụp Live View

- **Chụp Live View** → tr.287
- **Phương pháp AF** → tr.301
- **Lấy nét liên tục** → tr.296
- **Lấy nét bằng tay** → tr.310
- **Tỷ lệ cỡ ảnh** → tr.297
- **Chụp Live View ngắt tiếng** → tr.299

Quay phim

- Quay phim → tr.315
- Phương pháp AF → tr.301
- Lấy nét Servo phim → tr.344
- Tốc độ lấy nét Servo phim → tr.347
- Độ nhạy theo dõi lấy nét Servo phim → tr.348
- Chất lượng ghi phim → tr.332
- Ghi âm → tr.338
- Mã thời gian → tr.341
- Ngõ ra HDMI → tr.350
- Chụp ảnh trong khi quay phim → tr.329

Xem lại

- Thời gian xem lại ảnh → tr.70
- Hiển thị từng ảnh → tr.356
- Thông tin chụp → tr.358
- Hiển thị bảng kê → tr.363
- Duyệt ảnh (Hiển thị nhảy ảnh) → tr.364
- Xem phóng to → tr.366
- Hiển thị hai ảnh → tr.368
- Xoay ảnh → tr.369
- Bảo vệ ảnh → tr.370
- Xếp hạng → tr.373
- Xem lại phim → tr.380
- Trình chiếu → tr.384
- Xem ảnh trên TV → tr.387

- Sao chép → tr.390
- Xóa → tr.394
- Điều khiển nhanh → tr.376

Chỉnh sửa ảnh

- Xử lý ảnh RAW → tr.400
- Thay đổi cỡ ảnh JPEG → tr.405

In và truyền ảnh

- PictBridge → tr.413
- Lệnh in (DPOF) → tr.423
- Truyền ảnh → tr.427
- Lập sách ảnh → tr.431

Tùy chỉnh

- Chức năng tùy chỉnh (C.Fn) → tr.434
- Điều khiển tùy chỉnh → tr.447
- Danh mục riêng → tr.461
- Chế độ chụp tùy chỉnh → tr.466

Làm sạch cảm biến và giảm bụi

- Làm sạch cảm biến → tr.408
- Thêm dữ liệu xóa bụi → tr.409

Cáp nối

- Đầu giữ cáp → tr.34

Phần mềm

- Tổng quan → tr.538
- Cài đặt → tr.540

Chức năng không dây

- W-E1 Hướng dẫn sử dụng

Những điều cần chú ý khi thao tác

Bảo quản máy ảnh

- Máy ảnh là thiết bị có độ chính xác cao. Không làm rơi máy ảnh hoặc để máy ảnh chịu tác động mạnh.
- Máy ảnh không có khả năng chống thấm nước, vì vậy không thể sử dụng dưới nước. Nếu vô tình làm rơi máy ảnh xuống nước, cần nhanh chóng liên lạc với Trung tâm bảo hành gần nhất của Canon. Lau sạch nước bằng khăn sạch và khô. Nếu máy ảnh tiếp xúc với không khí nhiễm mặn, cần lau sạch máy ảnh bằng vải ẩm vắt kỹ.
- Tuyệt đối không để máy ảnh gần các vật có từ trường mạnh như nam châm hoặc động cơ điện. Ngoài ra, tránh sử dụng hoặc để máy ảnh gần vật phát sóng vô tuyến mạnh như ăng-ten lớn. Từ trường mạnh có thể khiến máy ảnh trục trặc hoặc làm hỏng dữ liệu ảnh.
- Không để máy ảnh tại những nơi có nhiệt độ cao như trong ô tô có ánh sáng mặt trời chiếu trực tiếp. Nhiệt độ cao có thể gây trục trặc cho máy ảnh.
- Máy ảnh có hệ thống mạch điện tử chính xác. Tuyệt đối không tự ý tháo rời máy ảnh.
- Không để ngón tay hoặc các vật khác cản trở hoạt động của gương lật. Làm vậy có thể gây trục trặc cho máy ảnh.
- Sử dụng dụng cụ thổi để thổi sạch bụi trên ống kính, khung ngắm, gương phản chiếu và màn hình lấy nét. Không sử dụng chất tẩy rửa có chứa dung môi hữu cơ để vệ sinh máy ảnh hoặc ống kính. Với vết bẩn khó lau, bạn cần mang máy ảnh đến Trung tâm bảo hành gần nhất của Canon.
- Không tháo màn hình lấy nét trừ khi bạn muốn thay. Khi thay màn hình lấy nét, không được chạm bằng tay không. Đề nghị dùng dụng cụ chuyên dụng đi kèm với màn hình lấy nét thay thế (bán riêng).
- Không chạm ngón tay vào điểm tiếp xúc điện của máy ảnh. Điều này bảo vệ điểm tiếp xúc khỏi bị mòn. Điểm tiếp xúc bị mòn có thể gây trục trặc cho máy ảnh.
- Nếu đột ngột chuyển máy ảnh từ nơi lạnh vào phòng ấm, hơi nước có thể đọng trên máy ảnh và các bộ phận bên trong. Để tránh đọng hơi nước, trước tiên đặt máy ảnh vào túi nhựa kín và để máy thích nghi với nhiệt độ ấm hơn trước khi lấy ra khỏi túi.
- Không sử dụng nếu hơi nước đọng trên máy ảnh. Điều này giúp tránh làm hỏng máy ảnh. Nếu đọng hơi nước, tháo ống kính, thẻ và pin ra khỏi máy ảnh. Chỉ tiếp tục sử dụng máy khi hơi ẩm bay hơi hết.
- Nếu không sử dụng máy ảnh trong khoảng thời gian dài, nên tháo pin và bảo quản máy ảnh ở nơi khô ráo, thoáng mát. Trong thời gian cất giữ máy ảnh, thỉnh thoảng nên nhấn nút chụp vài lần để đảm bảo máy ảnh vẫn hoạt động bình thường.
- Tránh cất giữ máy ảnh ở nơi có hóa chất gây gỉ và ăn mòn như trong phòng thí nghiệm hóa học.

- Nếu không sử dụng máy ảnh trong khoảng thời gian dài, nên kiểm tra tất cả chức năng máy ảnh trước khi sử dụng. Nếu không sử dụng máy ảnh trong một khoảng thời gian hoặc cần chụp những sự kiện quan trọng, ví dụ: chuyến đi du lịch nước ngoài sắp tới, bạn nên nhờ đại lý Canon hoặc tự mình kiểm tra lại máy ảnh để đảm bảo rằng máy vẫn hoạt động chính xác.
- Máy ảnh có thể bị nóng nếu sử dụng tính năng chụp liên tục, chụp Live View hoặc quay phim trong khoảng thời gian dài. Đây không phải vấn đề trực tiếp.
- Nếu có nguồn sáng trong hoặc ngoài phạm vi chụp, hiện tượng bóng ma (ảnh bị mờ do lóa sáng) có thể xảy ra.

Bảng điều khiển LCD và màn hình LCD

- Mặc dù màn hình LCD được sản xuất bằng công nghệ có độ chính xác rất cao với hơn 99,99% số điểm ảnh hiệu dụng, nhưng trong ít hơn 0,01% số điểm ảnh còn lại có thể có một vài điểm ảnh chết, chỉ hiển thị màu đen hoặc màu đỏ, v.v... Điểm ảnh chết không phải vấn đề trực tiếp và không ảnh hưởng đến ảnh được ghi.
- Nếu màn hình LCD ở trạng thái bật trong khoảng thời gian dài, có thể xảy ra hiện tượng lưu ảnh, bạn sẽ nhìn thấy dấu vết của ảnh đã hiển thị trước đó trên màn hình. Tuy nhiên, hiện tượng này chỉ là tạm thời và sẽ biến mất khi không sử dụng máy ảnh trong vài ngày.
- Màn hình LCD có thể hiển thị chậm trong điều kiện nhiệt độ thấp hoặc trông đen hơn trong điều kiện nhiệt độ cao. Máy ảnh sẽ trở lại bình thường ở điều kiện nhiệt độ phòng.

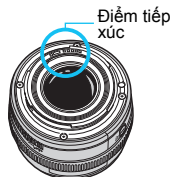
Thẻ

Để bảo vệ thẻ và dữ liệu ghi trong thẻ, lưu ý những điều sau:

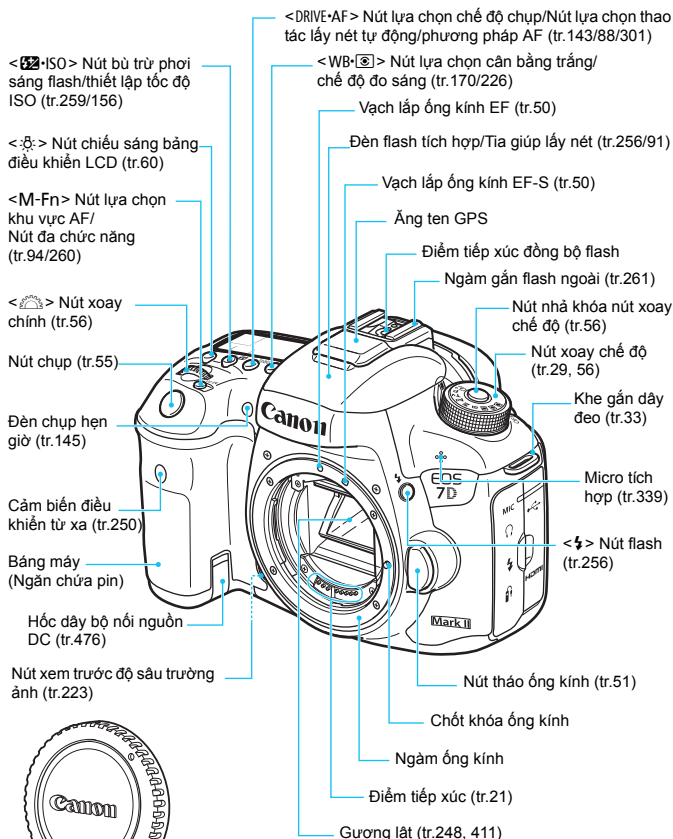
- Không làm rơi, bẻ cong hoặc làm ướt thẻ. Không để thẻ chịu lực tác động lớn, va đập hoặc rung lắc.
- Không chạm ngón tay hoặc vật kim loại vào các điểm tiếp xúc điện của thẻ.
- Không dán bất kỳ vật nào lên thẻ, ví dụ: miếng dán, v.v...
- Không bảo quản hoặc sử dụng thẻ gần các vật có từ trường mạnh như TV, loa hoặc nam châm. Ngoài ra, tránh những nơi có tĩnh điện.
- Không để thẻ ở nơi có ánh nắng mặt trời chiếu trực tiếp hoặc gần nguồn nhiệt.
- Bảo quản thẻ trong hộp.
- Không bảo quản thẻ ở những nơi có nhiệt độ cao, nhiều bụi bẩn hoặc ẩm ướt.

Ống kính

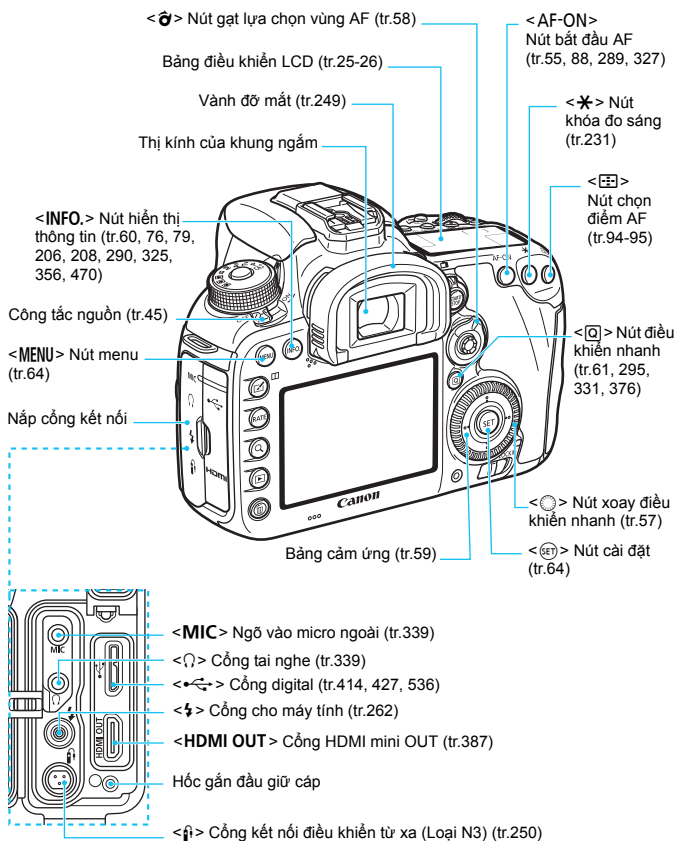
Sau khi tháo ống kính khỏi máy ảnh, đặt mặt dưới ống kính ngửa lên và lắp nắp ống kính để tránh trầy xước bề mặt ống kính và các điểm tiếp xúc điện.



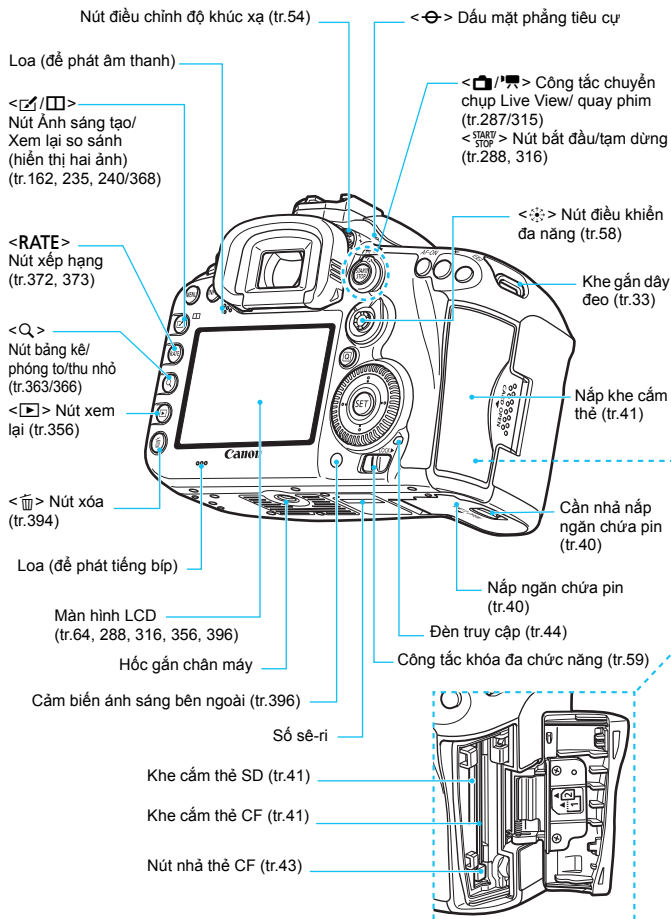
Tên bộ phận



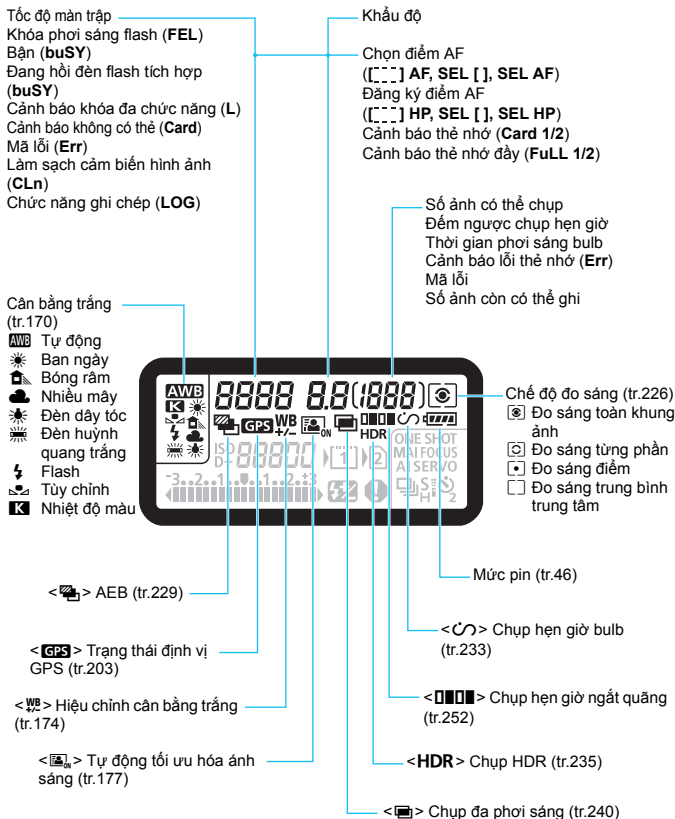
Nắp thân máy (tr.50)



Khi kết nối cáp nối chuyên dụng với cổng digital, sử dụng đầu giữ cáp đi kèm (tr.34).

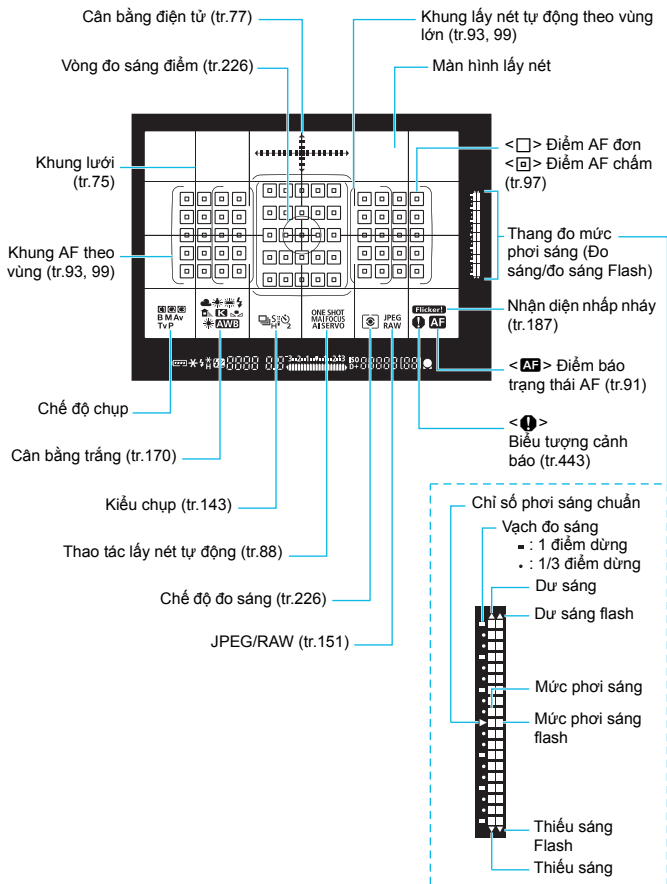


Bảng điều khiển LCD



* Màn hình chỉ hiển thị cài đặt được áp dụng hiện thời.

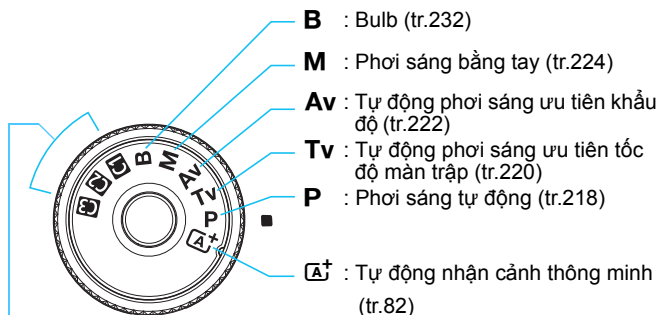
Thông tin khung ngắm



* Màn hình chỉ hiển thị cài đặt được áp dụng hiện thời.

Nút xoay chế độ

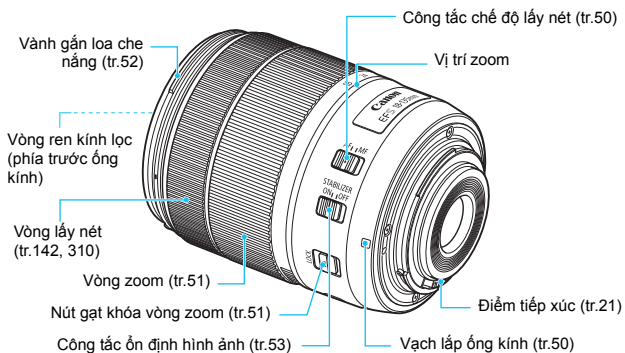
Bạn có thể đặt chế độ chụp. Xoay nút xoay chế độ khi nhấn giữ giữa nút xoay chế độ (nút nhả khóa nút xoay chế độ).



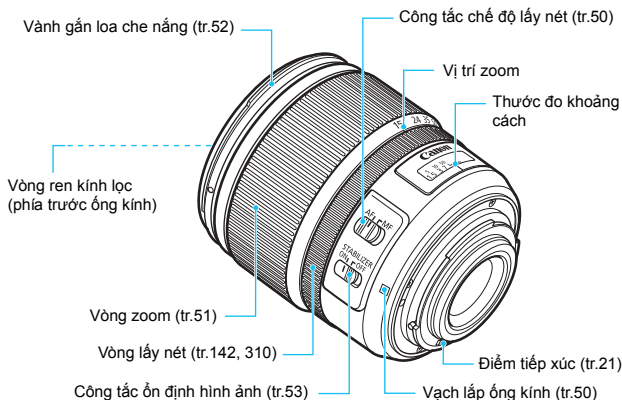
Chế độ chụp tùy chỉnh

Bạn có thể đăng ký chế độ chụp (**P/Tv/Av/M/B**), thao tác lấy nét tự động, cài đặt menu, v.v... với các vị trí nút xoay chế độ **C1**, **C2**, **C3** (tr.466).

Ống kính EF-S18-135mm f/3.5-5.6 IS USM

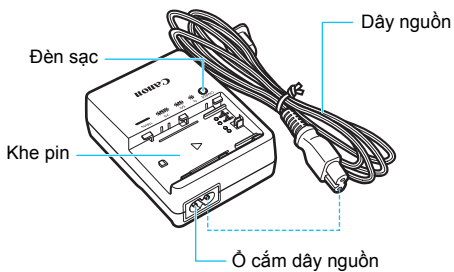


Ống kính EF-S15-85mm f/3.5-5.6 IS USM

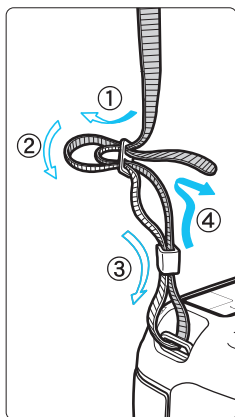


Sạc pin LC-E6E

Sạc cho pin LP-E6N/LP-E6 (tr.38).

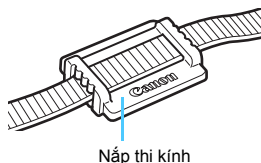


Gắn dây đeo



Luồn dây đeo từ dưới lên qua khe gắn dây đeo. Sau đó, kéo dây đeo qua khóa như hình minh họa. Kéo căng dây đeo để đảm bảo nút thắt không bị rơi lỏng.

- Nắp thị kính cũng được gắn vào dây đeo (tr.249).

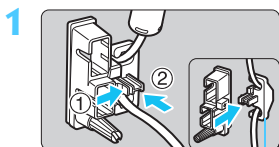


Sử dụng đầu giữ cáp

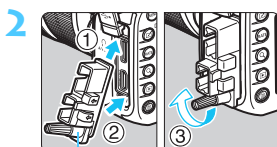
Khi kết nối máy ảnh với máy tính, máy in, hoặc bộ truyền dữ liệu không dây, sử dụng cáp nối đi kèm hoặc cáp chính hãng Canon khác (Xem sơ đồ hệ thống trang 480).

Khi kết nối với cáp nối, luôn sử dụng đầu giữ cáp đi kèm. Sử dụng đầu giữ cáp sẽ tránh được việc ngắt kết nối giữa chừng và bảo vệ cáp cùng cổng kết nối.

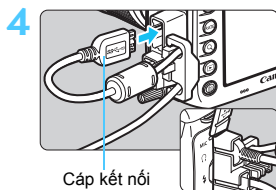
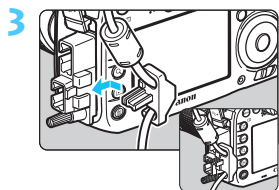
Sử dụng cáp kết nối đi kèm và cáp HDMI chính hãng (bán riêng)



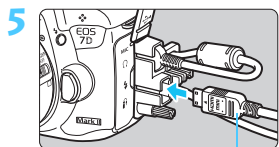
Kẹp



Đầu giữ cáp

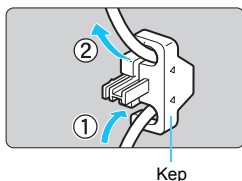


Cáp kết nối
đi kèm



Cáp HDMI (bán riêng)

Sử dụng cáp kết nối chính hãng (bán riêng)



Khi sử dụng cáp nối chính hãng (bán riêng, tr.480), luôn cáp qua kẹp trước khi gắn kẹp vào đầu giữ cáp.



- Việc không sử dụng đầu giữ cáp khi kết nối cáp có thể gây hư hại cổng digital.
- Không sử dụng cáp USB 2.0 đầu Micro-B. Có thể gây hư hại cổng digital của máy ảnh.
- Đảm bảo cáp kết nối được gắn chắc vào cổng digital như hình minh họa phía dưới bên phải ở bước 4.

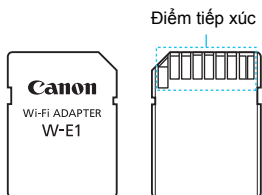


Để kết nối máy ảnh với TV, nên sử dụng cáp HDMI HTC-100 (bán riêng). Luôn sử dụng đầu giữ cáp khi gắn cáp, kể cả cáp HDMI.

Thẻ Wi-Fi W-E1

Thẻ này là phụ kiện bật chức năng Wi-Fi (giao tiếp không dây) khi được lắp trong khe cắm thẻ SD của máy ảnh.

Để tìm hiểu hướng dẫn, tham khảo các phần “Lưu ý cơ bản và thông tin pháp lý về Thẻ Wi-Fi W-E1” và “Hướng dẫn sử dụng Thẻ Wi-Fi W-E1” (tr.4).



 Thẻ W-E1 không thể ghi ảnh. Để ghi ảnh, bắt buộc phải sử dụng thẻ CF.

1

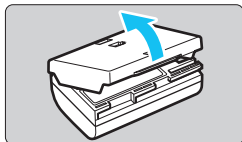
Hướng dẫn bắt đầu

Chương này giải thích các bước chuẩn bị trước khi bắt đầu chụp và các thao tác cơ bản với máy ảnh.

Giảm thiểu bụi

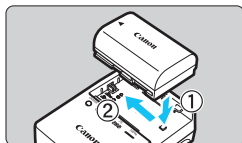
- Thực hiện thay ống kính nhanh chóng ở nơi ít bụi.
- Khi cất giữ máy ảnh mà không lắp ống kính, đảm bảo đã lắp nắp thân máy vào máy ảnh.
- Loại bỏ bụi trên nắp thân máy trước khi lắp.

Sạc pin



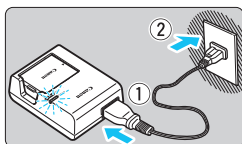
1 Tháo nắp bảo vệ.

- Tháo nắp bảo vệ đi kèm với pin.



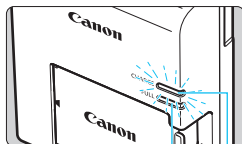
2 Lắp pin.

- Lắp pin cố định vào sạc như hình minh họa.
- Để tháo pin, thực hiện theo các bước ngược lại với quy trình trên.



3 Sạc lại pin.

- Kết nối dây nguồn với sạc và cắm phích vào ổ điện.
- ▶ Quá trình sạc lại sẽ tự động bắt đầu và đèn sạc nhấp sáng màu cam.



Đèn báo sạc đầy

Đèn sạc

Mức sạc	Đèn sạc	
	Màu	Hiển thị
0-49%	Màu cam	Nhấp sáng 1 lần/giây
50-74%		Nhấp sáng 2 lần/giây
75% trở lên		Nhấp sáng 3 lần/giây
Sạc đầy pin	Màu xanh lá cây	Phát sáng

- Trong nhiệt độ phòng (23°C / 73°F), thời gian sạc đầy pin đã hết kéo dài khoảng 2 giờ 30 phút. Thời gian sạc pin sẽ thay đổi phụ thuộc vào nhiệt độ môi trường và lượng pin còn lại.
- Vì lý do an toàn, ở nhiệt độ thấp (5°C - 10°C / 41°F - 50°F), thời gian sạc lại sẽ dài hơn (tối đa khoảng 4 giờ).



Gợi ý sử dụng pin và sạc

- **Khi mua máy ảnh, pin chưa được sạc đầy.**
Sạc pin trước khi sử dụng.
- **Sạc lại pin trước một ngày hoặc trong ngày sử dụng máy ảnh.**
Trong thời gian cất giữ, pin đã sạc cũng sẽ dần cạn và mất năng lượng.
- **Sau khi sạc lại pin, tháo pin và rút sạc khỏi ổ cắm điện.**
- **Bạn có thể lắp nắp bảo vệ theo hướng khác để chỉ ra pin đã được sạc lại chưa.**
Nếu pin đã được sạc lại, lắp nắp bảo vệ sao cho hốc hình pin <  > thẳng hàng với miếng dán màu xanh trên pin. Nếu pin đã hết, lắp nắp bảo vệ theo hướng ngược lại.
- **Tháo pin ra khi không sử dụng máy ảnh.**
Nếu lắp pin trong máy ảnh trong khoảng thời gian dài, pin sẽ giải phóng một lượng nhỏ năng lượng, dẫn đến pin phóng điện quá nhiều và làm giảm tuổi thọ pin. Bảo quản pin với nắp bảo vệ. Cất giữ pin khi đã sạc đầy có thể làm giảm hiệu suất pin.
- **Sạc pin có thể sử dụng ở nước ngoài.**
Sạc pin tương thích với nguồn điện 50/60 Hz 100 V AC đến 240 V AC. Nếu cần, cắm sạc pin thông qua bộ chuyển đổi phích cắm bán trên thị trường của quốc gia hoặc khu vực sử dụng tương ứng. Không cắm sạc pin vào bộ biến thể di động. Làm vậy có thể gây hỏng sạc pin.
- **Nếu pin hết nhanh chóng ngay cả khi đã sạc đầy, tuổi thọ pin đã hết.**



Kiểm tra hiệu suất sạc lại của pin (tr.472) và mua pin mới.

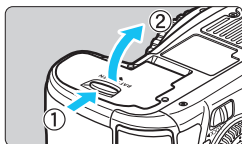


- Sau khi rút phích cắm điện của sạc, không chạm vào chân cắm trong ít nhất 10 giây.
- Nếu dung lượng còn lại của pin (tr.472) đạt 94% trở lên, không cần sạc lại pin.
- Không sử dụng sạc pin với các loại pin khác ngoại trừ Pin LP-E6N/LP-E6.

Lắp và tháo pin

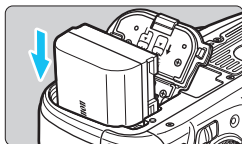
Lắp Pin LP-E6N (hoặc LP-E6) đã sạc đầy vào máy ảnh. Khung ngắm của máy ảnh sẽ phát sáng khi lắp pin và trở nên tối dần khi tháo pin.

Lắp pin



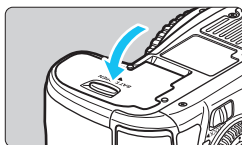
1 Mở nắp.

- Đẩy nút gạt theo hướng mũi tên và mở nắp.



2 Lắp pin.

- Lắp đầu có các điểm tiếp xúc của pin vào.
- Lắp pin cho đến khi vào vị trí khóa.

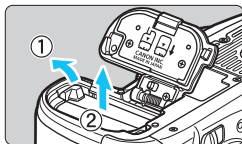


3 Đóng nắp.

- Nhấn nắp cho đến khi phát ra tiếng tách.

⚠ Chỉ có thể sử dụng Pin LP-E6N/LP-E6.

Tháo pin



Mở nắp và tháo pin.

- Nhấn nút gạt khóa pin theo hướng mũi tên và tháo pin.
- Để ngăn hiện tượng đoản mạch cho các điểm tiếp xúc của pin, đảm bảo gắn nắp bảo vệ kèm theo máy ảnh (tr.38) vào pin.

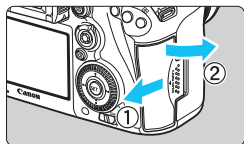
Lắp và tháo thẻ nhớ

Máy ảnh có thể sử dụng một thẻ CF và một thẻ SD. **Ảnh chỉ được ghi khi có ít nhất một thẻ nhớ lắp trong máy ảnh.**

Nếu cả hai loại thẻ cùng được lắp, có thể lựa chọn thẻ để ghi ảnh hoặc đồng thời ghi ảnh vào cả hai thẻ (tr.148-150).

❗ Nếu sử dụng thẻ SD, đảm bảo mẫu chống ghi của thẻ được đẩy lên để đặt thành ghi/xóa.

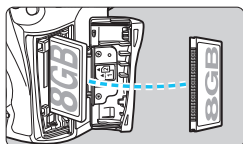
Lắp thẻ nhớ



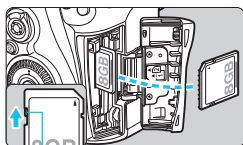
1 Mở nắp.

- Đẩy nắp theo hướng mũi tên để mở.

Thẻ CF



Thẻ SD



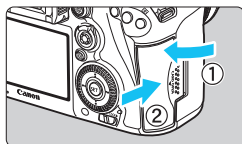
Mẫu chống ghi

2 Lắp thẻ.

- Khe cắm phía trước để cắm thẻ CF, khe phía sau để cắm thẻ SD.
- **Hướng nhãn thẻ CF về phía bạn và lắp đầu thẻ với những lỗ nhỏ vào trong máy ảnh.**

Nếu lắp thẻ sai hướng, có thể làm hỏng máy ảnh.

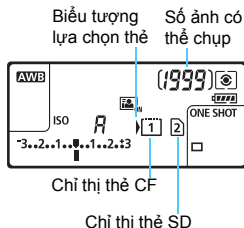
- ▶ Nút nhả thẻ CF sẽ trồi ra.
- Xoay nhãn thẻ SD về phía bạn, rồi cắm thẻ cho đến khi phát ra tiếng tách vào vị trí.



3 Đóng nắp.

- Đóng nắp và trượt nắp theo hướng mũi tên cho đến khi phát ra tiếng tách.
- ▶ Khi đặt công tắc nguồn thành <ON> (tr.45), số lượng ảnh có thể chụp và thẻ đã lắp sẽ hiển thị trên bảng điều khiển LCD.

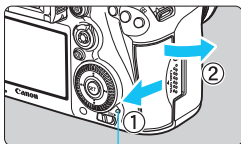
Ảnh sẽ được ghi vào thẻ đang được chỉ thị bởi biểu tượng mũi tên <▶>.



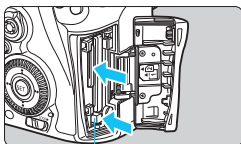
- Máy ảnh không thể sử dụng thẻ CF loại II hoặc các loại thẻ đĩa cứng khác.
- Thẻ Wi-Fi W-E1 không thể lưu ảnh. Hơn nữa, chỉ báo thẻ SD sẽ không hiển thị cho thẻ.

- Thẻ CF Ultra DMA (UDMA) cũng có thể sử dụng với máy ảnh. Thẻ UDMA có thể ghi dữ liệu nhanh hơn.
- Hỗ trợ thẻ nhớ SD/SDHC/SDXC. Thẻ UHS-I SDHC hoặc SDXC cũng có thể được sử dụng.
- Số lượng ảnh có thể chụp phụ thuộc vào dung lượng còn lại của thẻ, chất lượng ghi ảnh, tốc độ ISO, v.v...
- Dù số ảnh có thể chụp còn lại lớn hơn 2000, chỉ thị chỉ hiển thị tới 1999.
- Đặt [📷1: Release shutter without card (Nhả màn trập khi không lắp thẻ)] thành [Disable (Tắt)] sẽ giúp bạn không quên lắp thẻ (tr.486).

Tháo thẻ



Đèn truy cập



Nút nhả thẻ CF

1 Mở nắp.

- Đặt công tắc nguồn thành <OFF>.
- Đảm bảo đèn truy cập đã tắt, rồi mở nắp.
- Đóng nắp khi thông báo [Recording... (Đang ghi...)] hiển thị.

2 Tháo thẻ.

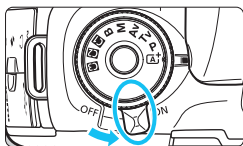
- Để tháo thẻ CF, đẩy nút nhả thẻ vào trong.
- Để tháo thẻ SD, đẩy nhẹ thẻ vào trong, rồi để thẻ tự đẩy ra. Rồi kéo thẻ ra.
- Kéo thẳng thẻ ra, rồi đóng nắp lại.



- **Đèn truy cập sáng hoặc nhấp nháy cho biết ảnh đang được ghi vào thẻ hoặc đọc trên thẻ, ảnh đang bị xóa hoặc dữ liệu đang truyền. Trong trường hợp này, không mở nắp khe cắm thẻ. Ngoài ra, khi đèn truy cập sáng hoặc nhấp nháy, tuyệt đối không thực hiện các thao tác sau. Nếu không, dữ liệu ảnh, thẻ hoặc máy ảnh có thể bị hỏng.**
 - **Tháo thẻ nhớ.**
 - **Tháo pin.**
 - **Lắc hoặc đập máy ảnh.**
- Nếu thẻ đã chứa ảnh ghi, số thứ tự ảnh có thể không bắt đầu từ 0001 (tr.195).
- Nếu thông báo lỗi liên quan đến thẻ hiển thị trên màn hình LCD, cần tháo và lắp lại thẻ. Nếu vẫn còn lỗi, nên sử dụng thẻ khác. Nếu có thể truyền tất cả ảnh trên thẻ vào máy tính, bạn nên truyền tất cả ảnh và sau đó thực hiện định dạng thẻ bằng máy ảnh (tr.67). Thẻ có thể khôi phục trạng thái bình thường.
- Không dùng ngón tay hoặc vật kim loại chạm vào các điểm tiếp xúc của thẻ SD. Không để bụi hoặc nước dính vào điểm tiếp xúc. Vết bẩn bám vào điểm tiếp xúc có thể khiến tiếp xúc thất bại.
- Không thể sử dụng thẻ đa phương tiện (MMC) (thông báo lỗi liên quan đến thẻ hiển thị).

Bật nguồn

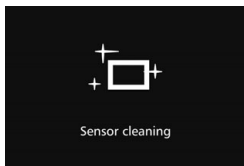
Khi bật công tắc nguồn và màn hình cài đặt ngày/giờ/múi giờ xuất hiện, tham khảo trang 47 để thiết lập ngày/giờ/múi giờ.



<ON> : Máy ảnh bật.

<OFF> : Máy ảnh tắt và không hoạt động. Đặt công tắc về vị trí này khi không sử dụng máy ảnh.

Làm sạch cảm biến tự động



- Khi đặt công tắc nguồn thành <ON> hoặc <OFF>, quá trình làm sạch cảm biến sẽ tự động thực hiện. (Máy ảnh có thể phát ra tiếng động nhỏ.) Trong khi làm sạch cảm biến, màn hình LCD sẽ hiển thị <+□+>.

- Bạn vẫn có thể chụp trong khi làm sạch cảm biến bằng cách nhấn nửa chừng nút chụp (tr.55) để dừng quá trình làm sạch và chụp ảnh.
- Nếu liên tục xoay công tắc nguồn <ON>/<OFF> trong khoảng thời gian ngắn, biểu tượng <+□+> có thể không hiển thị. Đây là hiện tượng bình thường và không phải vấn đề trực tiếp.

MENU Tự động tắt nguồn

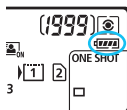
- Để tiết kiệm pin, máy ảnh sẽ tự động tắt sau khoảng 1 phút không hoạt động. Nhấn nửa chừng nút chụp để bật lại máy ảnh.
- Bạn có thể đặt thời gian tự động tắt nguồn với [**42: Auto power off (Tự động tắt nguồn)**] (tr.69).



Nếu đặt công tắc nguồn thành <OFF> khi đang ghi ảnh vào thẻ, thông báo [Recording... (Đang ghi...)] sẽ hiển thị và nguồn sẽ tắt sau khi quá trình ghi ảnh kết thúc.

Kiểm tra mức pin

Khi công tắc nguồn đặt thành <ON>, mức pin sẽ hiển thị ở một trong 6 mức. Biểu tượng pin nhấp nháy () cho biết sắp hết pin.



Hiển thị						
Mức (%)	100 - 70	69 - 50	49 - 20	19 - 10	9 - 1	0

Số ảnh có thể chụp

(Số ảnh ước chừng)

Nhiệt độ	Nhiệt độ phòng (23°C / 73°F)	Nhiệt độ thấp (0°C / 32°F)
Không sử dụng flash	800	760
Sử dụng flash đối với 50% ảnh	670	640

- Các số liệu trên dựa trên điều kiện Pin LP-E6N được sạc đầy, không chụp Live View và theo tiêu chuẩn thử nghiệm của CIPA (Camera & Imaging Products Association).
- Có thể chụp với Bảng pin BG-E16 (bán riêng)
 - Với Pin LP-E6N x 2: xấp xỉ gấp đôi số ảnh so với không dùng bảng pin.
 - Với Pin alkaline AA/LR6 ở nhiệt độ phòng (23°C / 73°F): khoảng 270 ảnh khi không sử dụng flash, khoảng 210 ảnh khi sử dụng flash đối với 50% ảnh.

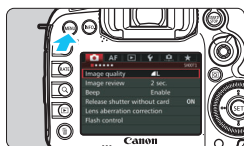


- Thực hiện các thao tác sau sẽ khiến pin hết nhanh hơn:
 - Nhấn nửa chừng nút chụp trong một khoảng thời gian dài.
 - Thường xuyên kích hoạt AF mà không chụp ảnh.
 - Sử dụng hệ thống ổn định hình ảnh của ống kính.
 - Sử dụng màn hình LCD thường xuyên.
- Số ảnh có thể chụp có thể giảm tùy thuộc vào điều kiện chụp thực tế.
- Pin máy ảnh cung cấp năng lượng cho thao tác ống kính. Pin có thể hết nhanh hơn tùy thuộc vào loại ống kính được sử dụng.
- Để tìm hiểu số ảnh có thể chụp trong chế độ chụp Live View, tham khảo trang 289.
- Tham khảo [**43: Battery info. (Thông tin pin)**] để kiểm tra chi tiết điều kiện pin (tr.472).
- Với Bảng pin BG-E16 (bán riêng) lắp pin AA/LR6, thang đo chỉ hiển thị cấp 4. () () sẽ không hiển thị.)

MENU Thiết lập ngày, giờ và múi giờ

Khi bật nguồn lần đầu tiên hoặc nếu ngày/giờ/múi giờ bị cài đặt lại, màn hình cài đặt ngày/giờ/múi giờ sẽ xuất hiện. Thực hiện theo các bước sau, đảm bảo thiết lập múi giờ trước. Nếu cài đặt đúng múi giờ địa phương hiện tại cho máy ảnh, khi bạn di chuyển, chỉ cần thay đổi cài đặt múi giờ cho điểm đến, máy ảnh sẽ tự động điều chỉnh ngày giờ.

Lưu ý rằng ngày/giờ thêm vào ảnh sẽ căn cứ theo cài đặt ngày/giờ này. Hãy đảm bảo ngày/giờ được thiết lập chính xác.



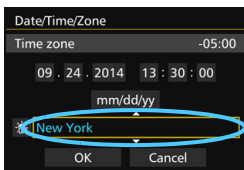
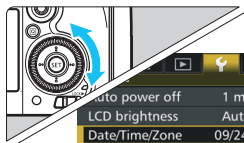
1 Hiển thị màn hình menu.

- Nhấn nút <MENU> để hiển thị màn hình menu.



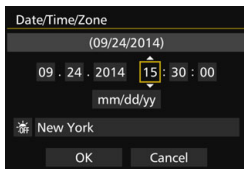
2 Trong tab [Q2], chọn [Date/Time/Zone (Ngày/Giờ/Múi giờ)].

- Nhấn nút <Q> và chọn tab [Q].
- Xoay nút xoay <☀> để chọn tab [Q2].
- Xoay nút xoay <☀> để chọn [Date/Time/Zone (Ngày/Giờ/Múi giờ)], rồi nhấn <SET>.



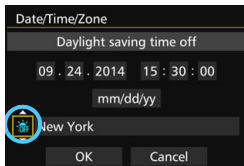
3 Thiết lập múi giờ.

- Múi giờ [London] được cài đặt mặc định.
- Xoay nút xoay <☀> để chọn [Time zone (Múi giờ)].
- Nhấn <SET> để hiển thị <☀>.
- Xoay nút xoay <☀> để chọn múi giờ, rồi nhấn <SET>.



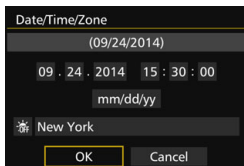
4 Thiết lập ngày và giờ.

- Xoay nút xoay <⊙> để chọn số.
- Nhấn <SET> để hiển thị <⏰>.
- Xoay nút xoay <⊙> để chọn cài đặt mong muốn, rồi nhấn <SET> (Quay lại <□>).



5 Cài đặt giờ mùa hè.

- Thiết lập tính năng này nếu cần.
- Xoay nút xoay <⊙> để chọn [☀].
- Nhấn <SET> để hiển thị <⏰>.
- Xoay nút xoay <⊙> để chọn [☀], rồi nhấn <SET>.
- Khi giờ mùa hè được đặt thành [☀], thời gian cài đặt ở bước 4 sẽ sớm hơn 1 giờ. Nếu đặt thành [☀], giờ mùa hè sẽ bị hủy và thời gian sẽ lùi lại 1 giờ.



6 Thoát cài đặt.

- Xoay nút xoay <⊙> để chọn [OK], rồi nhấn <SET>.
- ▶ Ngày/giờ/múi giờ và giờ mùa hè được thiết lập và menu sẽ xuất hiện lại.

- Cài đặt ngày/giờ/múi giờ có thể bị cài đặt lại khi cất giữ máy ảnh không lắp pin, khi pin hết hoặc khi máy ảnh được đặt ở dưới nhiệt độ đóng băng trong một khoảng thời gian dài. Trong trường hợp này, cần thiết lập lại ngày/giờ/múi giờ.
- Sau khi thay đổi múi giờ, kiểm tra để đảm bảo ngày/giờ đã được thiết lập chính xác.
- Khi thực hiện [Sync time between cameras (Đồng bộ giờ giữa các máy ảnh)] thông qua bộ truyền dữ liệu không dây, nên sử dụng một máy EOS 7D Mark II khác. Nếu thực hiện [Sync time between cameras (Đồng bộ giờ giữa các máy ảnh)] với máy ảnh model khác, giờ hoặc múi giờ có thể không được cài đặt chính xác.



- Ngày/giờ đã thiết lập sẽ bắt đầu hiệu lực sau khi bạn nhấn <SET> ở bước 6.
- Ở bước 3, thời gian hiển thị ở phía trên bên phải màn hình là thời gian chênh lệch so với Giờ phối hợp quốc tế (Coordinated Universal Time - UTC). Nếu không thấy múi giờ địa phương, tham khảo chênh lệch giờ UTC để thiết lập múi giờ.
- Có thể sử dụng chức năng cài đặt thời gian tự động GPS để đặt giờ (tr.211).

MENU Chọn ngôn ngữ giao diện



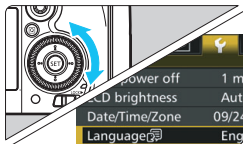
1 Hiển thị màn hình menu.

- Nhấn nút <MENU> để hiển thị màn hình menu.



2 Trong tab [F2], chọn [Language (Ngôn ngữ)].

- Nhấn nút <Q> và chọn tab [F2].
- Xoay nút xoay <gear> để chọn tab [F2].
- Xoay nút xoay <wheel> để chọn [Language (Ngôn ngữ)], rồi nhấn <SET>.



3 Cài đặt ngôn ngữ mong muốn.

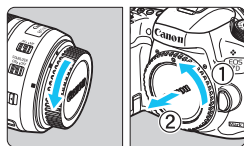
- Xoay nút xoay <wheel> để chọn ngôn ngữ, rồi nhấn <SET>.
- Ngôn ngữ giao diện sẽ thay đổi.

English	Norsk	Română
Deutsch	Svenska	Türkçe
Français	Español	العربية
Nederlands	Ελληνικά	עברית
Dansk	Русский	简体中文
Português	Polski	繁體中文
Suomi	Čeština	한국어
Italiano	Magyar	日本語
Українська		

Lắp và tháo ống kính

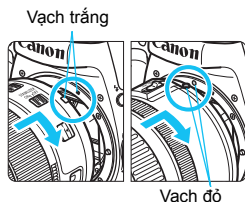
Máy ảnh tương thích với tất cả ống kính Canon EF và EF-S. **Không thể sử dụng máy ảnh với ống kính EF-M.**

Lắp ống kính



1 Tháo nắp.

- Tháo nắp sau của ống kính và nắp thân máy bằng cách xoay nắp theo hướng mũi tên.

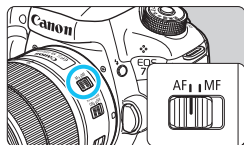


Vạch trắng

Vạch đỏ

2 Lắp ống kính.

- Điều chỉnh vạch đỏ hoặc vạch trắng của ống kính trùng với vạch màu tương ứng của ngàm máy ảnh. Xoay ống kính theo hướng mũi tên cho đến khi phát ra tiếng tách.



3 Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <AF>.

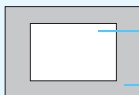
- <AF> là viết tắt của autofocus (lấy nét tự động).
- <MF> là viết tắt của manual focus (lấy nét bằng tay). Lấy nét tự động sẽ không hoạt động.

4 Tháo nắp trước của ống kính.



Hệ số chuyển đổi hình ảnh

Do kích thước cảm biến ảnh nhỏ hơn định dạng phim 35mm, góc nhìn của ống kính lắp trên máy sẽ tương đương với khoảng 1,6 lần tiêu cự ống kính chỉ thị.



Kích thước cảm biến hình ảnh

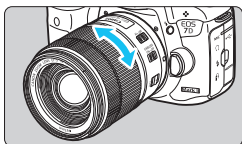
(Xấp xỉ)

(22,4 x 15,0 mm / 0,88 x 0,59 in.)

Kích thước ảnh 35mm

(36 x 24 mm / 1,42 x 0,94 in.)

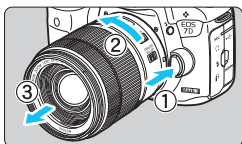
Zoom



Dùng ngón tay xoay vòng zoom trên ống kính.

- Nếu bạn muốn zoom, thực hiện tính năng này trước khi lấy nét. Xoay vòng zoom sau khi lấy được nét có thể làm mất nét.

Tháo ống kính



Khi nhấn nút tháo ống kính, xoay ống kính theo hướng mũi tên.

- Xoay ống kính cho đến khi dừng, rồi tháo ống kính.
- Lắp nắp sau của ống kính vào ống kính đã tháo.

● Dành cho người sử dụng ống kính EF-S18-135mm f/3.5-5.6 IS USM:

Bạn có thể ngăn ống kính tự động xoay ra khi di chuyển ống kính. Đặt vòng zoom đến đầu góc rộng 18mm, rồi trượt nút gạt khóa vòng zoom đến <LOCK (KHÓA)>. Vòng zoom chỉ có thể được khóa ở đầu góc rộng.

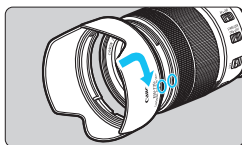


- Không nhìn trực tiếp vào ánh nắng mặt trời qua ống kính. Làm vậy có thể gây tổn thương thị lực.
- Khi lắp hoặc tháo ống kính, đặt công tắc nguồn của máy ảnh thành <OFF>.
- Nếu phần phía trước (vòng lấy nét) của ống kính xoay trong khi lấy nét tự động, chú ý không chạm vào phần xoay.

Lắp loa che nắng

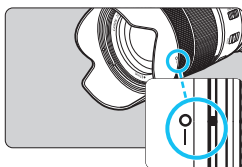
Loa che có thể chắn nguồn sáng không mong muốn và giảm bớt mưa, tuyết, bụi, v.v... ở phía trước ống kính. Trước khi cất giữ ống kính, lắp loa che nắng theo chiều ngược lại.

- **Nếu ống kính hoặc loa che nắng có vạch chỉ**



1 Điều chỉnh chấm đỏ khớp với nhau, rồi xoay loa che nắng theo hướng mũi tên.

- Điều chỉnh chấm đỏ trên loa che nắng và ống kính khớp với nhau, rồi xoay loa che nắng theo hướng mũi tên.



2 Xoay loa che nắng như hình minh họa.

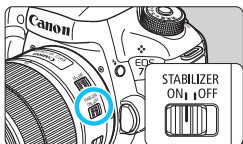
- Xoay loa che nắng theo chiều kim đồng hồ cho đến khi loa che nắng được lắp cố định.

- Nếu loa che nắng không được lắp chính xác, phần rìa ảnh có thể bị che khuất và trông tối.
- Để tháo hoặc lắp loa che nắng, giữ phần đế loa che nắng trong khi xoay. Giữ phần rìa của loa che nắng trong khi xoay có thể gây biến dạng và không xoay được loa che nắng.

Hệ thống ổn định hình ảnh của ống kính

Khi sử dụng hệ thống ổn định hình ảnh tích hợp của ống kính IS, hiện tượng rung máy sẽ được điều chỉnh để chụp ảnh rõ nét. Quy trình được trình bày sử dụng ống kính EF-S18-135mm f/3.5-5.6 IS USM làm ví dụ minh họa.

* IS là viết tắt của Image Stabilizer (Hệ thống ổn định hình ảnh).



1 Đặt công tắc IS thành <ON>.

- Đồng thời đặt công tắc nguồn của máy ảnh thành <ON>.

2 Nhấn nửa chừng nút chụp.

- ▶ Hệ thống ổn định hình ảnh sẽ hoạt động.

3 Chụp ảnh.

- Khi ảnh hiển thị rõ nét trong khung ngắm, nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh.



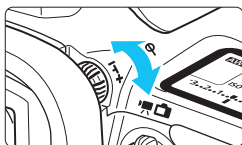
- Nếu chủ thể di chuyển trong khi phơi sáng, hệ thống ổn định hình ảnh sẽ không hoạt động hiệu quả.
- Đối với phơi sáng bulb, đặt công tắc IS thành <OFF>. Nếu đặt thành <ON>, hệ thống ổn định hình ảnh có thể hoạt động không chính xác.
- Hệ thống ổn định hình ảnh có thể không hoạt động hiệu quả khi máy ảnh quá rung, ví dụ khi ngồi trên thuyền lắc lư.



- Hệ thống ổn định hình ảnh có thể hoạt động khi công tắc chế độ lấy nét của ống kính được đặt thành <AF> hoặc <MF>.
- Nếu sử dụng chân máy, bạn có thể chụp dễ dàng ngay cả khi công tắc IS đặt thành <ON>. Tuy nhiên, bạn nên đặt công tắc IS thành <OFF> để tiết kiệm pin.
- Hệ thống ổn định hình ảnh vẫn hoạt động hiệu quả khi đặt máy ảnh trên chân máy đơn.
- Với ống kính EF-S18-135mm f/3.5-5.6 IS USM hoặc EF-S15-85mm f/3.5-5.6 IS USM, công tắc chế độ ổn định hình ảnh có thể tự động phù hợp với điều kiện chụp.

Thao tác cơ bản

Điều chỉnh độ nét khung ngắm



Xoay nút điều chỉnh độ khúc xạ.

- Xoay nút sang trái hoặc sang phải cho đến khi nhìn rõ nét điểm AF trong khung ngắm.
- Tháo nắp thị kính nếu khó xoay nút (tr.249).

 Nếu điều chỉnh độ khúc xạ của máy ảnh vẫn không làm ảnh trong khung ngắm sắc nét, nên sử dụng thấu kính điều chỉnh độ khúc xạ Eg (bán riêng).

Giữ máy ảnh

Để thu được ảnh sắc nét, giữ chắc máy ảnh để giảm thiểu rung máy.



Chụp ngang

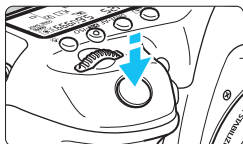
Chụp dọc

1. Tay phải nắm chắc báng máy.
2. Tay trái giữ phía dưới ống kính.
3. Nhẹ nhàng đặt ngón trỏ tay phải lên nút chụp.
4. Cánh tay và khuỷu tay tỳ nhẹ vào thân người.
5. Để duy trì tư thế ổn định, bàn chân này đặt trước mũi bàn chân kia một khoảng cách.
6. Áp sát khuôn mặt vào máy ảnh và nhìn vào khung ngắm.

 Để chụp trong khi xem màn hình LCD, tham khảo trang 287.

Nút chụp

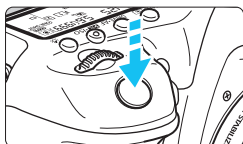
Nút chụp có 2 mức. Bạn có thể nhấn nửa chừng nút chụp. Sau đó, có thể nhấn hoàn toàn nút chụp.



Nhấn nửa chừng

Thao tác này kích hoạt lấy nét tự động và hệ thống phơi sáng tự động để thiết lập tốc độ màn trập và khẩu độ.

Các thiết lập phơi sáng (tốc độ màn trập và khẩu độ) được hiển thị trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD trong 4 giây (Hẹn giờ đo sáng/☀4).



Nhấn hoàn toàn

Màn trập được nhả và ảnh sẽ được chụp.

Chống rung máy

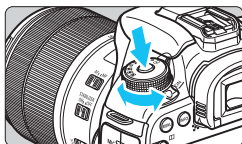
Chuyển động của máy ảnh cầm tay trong khi phơi sáng gọi là rung máy. Rung máy có thể làm mờ ảnh. Để chống rung máy, lưu ý những điều sau:

- Cầm và giữ chắc máy ảnh như hình minh họa ở trang trước.
- Nhấn nửa chừng nút chụp để lấy nét tự động, rồi từ từ nhấn hoàn toàn nút chụp.



- Trong các chế độ chụp <P> <Tv> <Av> <M> , nhấn nút <AF-ON> sẽ thực hiện thao tác tương tự như nhấn nửa chừng nút chụp.
- Nếu bạn nhấn hoàn toàn nút chụp mà không nhấn nửa chừng trước hoặc nếu bạn nhấn nửa chừng nút chụp rồi nhấn hoàn toàn nút chụp ngay, máy ảnh sẽ mất một khoảng thời gian trước khi chụp ảnh.
- Ngay cả trong khi hiển thị menu, xem lại ảnh hoặc ghi ảnh, bạn cũng có thể chụp ảnh trở lại ngay bằng cách nhấn nửa chừng nút chụp.

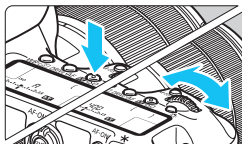
Nút xoay chế độ



Xoay nút xoay khi nhấn giữ nút nhả khóa ở chính giữa nút xoay.
Sử dụng để cài đặt chế độ chụp.



Nút xoay chính

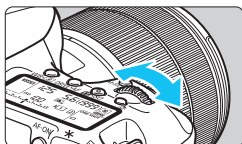


(1) Sau khi nhấn nút, xoay nút xoay < >.

Khi bạn nhấn một nút như <WB• > <DRIVE•AF> <•ISO>, chức năng tương ứng vẫn được chọn trong thời gian 6 giây (6). Trong khoảng thời gian này, bạn có thể xoay nút xoay <  > để thay đổi cài đặt.

Khi chọn xong chức năng hoặc khi nhấn nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ sẵn sàng chụp.

- Xoay nút xoay để chọn hoặc cài đặt chế độ đo sáng, thao tác lấy nét tự động, tốc độ ISO, điểm AF, v.v...



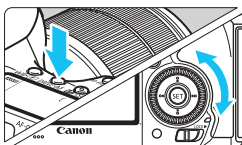
(2) Chỉ xoay nút xoay < >.

Khi nhìn vào khung ngắm hoặc bảng điều khiển LCD, xoay nút xoay <  > để thay đổi cài đặt.

- Xoay nút xoay để thiết lập thông số tốc độ màn trập, khẩu độ, v.v...

 Thao tác ở (1) vẫn có thể thực hiện ngay cả khi công tắc <LOCK▶> được đẩy sang phải (Khóa đa chức năng, tr.59).

Nút xoay điều khiển nhanh

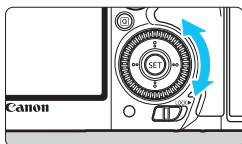


(1) Sau khi nhấn nút, xoay nút xoay <☉>.

Khi bạn nhấn một nút như <WB•☉> <DRIVE•AF> <☉•ISO>, chức năng tương ứng vẫn được chọn trong thời gian 6 giây (6). Trong khoảng thời gian này, bạn có thể xoay nút xoay <☉> để thay đổi cài đặt.

Khi chọn xong chức năng hoặc khi nhấn nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ sẵn sàng chụp.

- Xoay nút xoay này để chọn hoặc cài đặt cân bằng trắng, kiểu chụp, bù trừ phơi sáng flash, điểm AF, v.v...



(2) Chỉ xoay nút xoay <☉>.

Khi nhìn vào khung ngắm hoặc bảng điều khiển LCD, xoay nút xoay <☉> để thay đổi cài đặt.

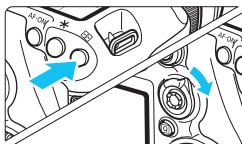
- Xoay nút xoay để đặt lượng bù trừ phơi sáng, cài đặt thông số khẩu độ cho phơi sáng bằng tay, v.v...



Thao tác ở (1) vẫn có thể thực hiện ngay cả khi công tắc <LOCK▶> được đẩy sang phải (Khoá đa chức năng, tr.59).

🔘 Nút gạt lựa chọn vùng AF

Nút gạt <🔘> có thể nghiêng sang phải. Sử dụng để chọn chế độ lựa chọn vùng lấy nét.



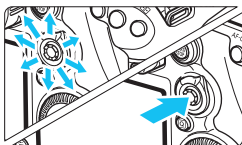
Sau khi nhấn nút <🔘>, nghiêng nút gạt <🔘>.

- Nhấn nút <🔘> kích hoạt chế độ lựa chọn vùng AF và có thể lựa chọn điểm AF trong 6 giây (🔘6). Sau đó, khi bạn nghiêng nút gạt <🔘> về bên phải trong thời gian trên, có thể thay đổi chế độ lựa chọn vùng AF.

📖 Có thể nhấn nút <🔘> rồi nhấn nút <M-Fn> để chọn chế độ lựa chọn vùng AF.

🔘 Nút điều khiển đa năng

<🔘> bao gồm một nút tám hướng và một nút ở giữa.

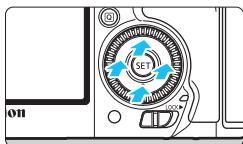


- Sử dụng để chọn điểm AF, hiệu chỉnh cân bằng trắng, di chuyển điểm AF hoặc phóng to khung trong khi chụp Live View, lướt quanh ảnh phóng to trong khi xem lại, thao tác màn hình điều khiển nhanh v.v...
- Bạn cũng có thể sử dụng nút này để chọn và cài đặt các mục menu.
- Đối với các menu và điều khiển nhanh, nút điều khiển đa năng chỉ hoạt động theo hướng ngang hoặc hướng dọc <▲▼> <◀▶>, không hoạt động theo các hướng chéo.

🔘 Bảng cảm ứng

Trong khi quay phim, bảng cảm ứng cho phép điều chỉnh tốc độ màn trập, khẩu độ, bù trừ phơi sáng, tốc độ ISO, mức ghi âm và âm tai nghe một cách yên lặng (tr.340).

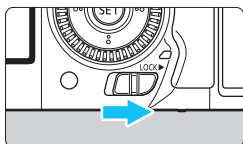
Chức năng này hoạt động khi [📷5: Silent Control (Điều khiển yên lặng)] được đặt thành [Enable 🔘 (Bật 🔘)].



Sau khi nhấn nút <Q>, chạm vào trên, dưới, trái, phải ở vòng trong của nút xoay <🔘>.

LOCK▶ Khóa đa chức năng

Cài đặt [📷3: Multi function lock (Khóa đa chức năng)] (tr.444) và chuyển công tắc <LOCK▶> sang phải giúp tránh được việc các nút xoay chính, nút xoay điều khiển nhanh, điều khiển đa năng và nút gạt lựa chọn vùng AF di chuyển làm thay đổi cài đặt ngoài ý muốn.



Công tắc <LOCK▶> đặt sang trái:

Nhả khóa

Công tắc <LOCK▶> đặt sang phải:

Khoá



Nếu công tắc <LOCK▶> được đặt sang phải và bạn cố thực hiện thao tác điều khiển máy ảnh đã khóa, <L> sẽ xuất hiện trên khung ngắm và bảng điều khiển LCD. Trên màn hình cài đặt chức năng chụp (tr.60), [LOCK (KHÓA)] sẽ hiển thị.

Chiếu sáng bằng điều khiển LCD



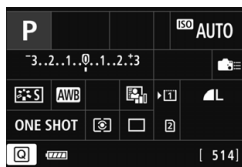
Bật (ON) hoặc tắt tính năng chiếu sáng bằng điều khiển LCD bằng cách nhấn nút <  >. Trong phơi sáng bulb, nhấn hoàn toàn nút chụp để tắt tính năng chiếu sáng bằng điều khiển LCD.

Hiển thị cài đặt chức năng chụp

Sau khi nhấn nút < **INFO.** > nhiều lần, cài đặt chức năng chụp sẽ hiển thị. Khi cài đặt chức năng chụp hiển thị, bạn có thể xoay nút xoay chế độ để xem cài đặt cho từng chế độ chụp (tr.471).

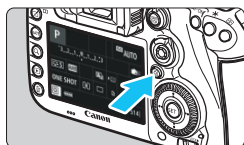
Nhấn nút <  > sẽ khởi động tính năng điều khiển nhanh của cài đặt chức năng chụp (tr.61).

Nhấn lại nút < **INFO.** > để tắt hiển thị.



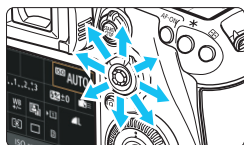
Q Điều khiển nhanh chức năng chụp

Bạn có thể trực tiếp chọn và thiết lập các chức năng chụp hiển thị trên màn hình LCD. Tính năng này được gọi là điều khiển nhanh.



1 Nhấn nút <Q> (10).

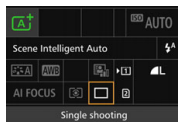
- ▶ Màn hình điều khiển nhanh sẽ xuất hiện.



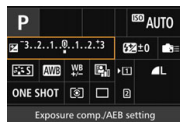
2 Thiết lập chức năng mong muốn.

- Sử dụng nút <☼> để lựa chọn chức năng.
- ▶ Cài đặt của chức năng đã chọn sẽ xuất hiện.
- Xoay nút xoay <☼> hoặc <☼> để thay đổi cài đặt.

● Chế độ <A+>



● Các chế độ <P/Tv/Av/M/B>



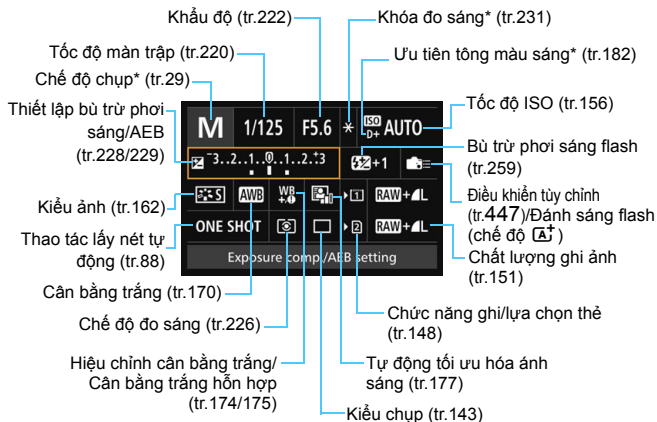
3 Chụp ảnh.

- Nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh.
- ▶ Ảnh chụp sẽ hiển thị.



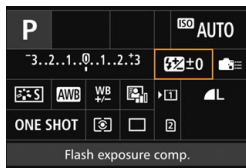
Trong chế độ <A+>, bạn có thể chỉ chọn chức năng ghi và thẻ nhớ, rồi cài đặt chất lượng ghi ảnh, chế độ chụp và đánh sáng flash.

Các chức năng có thể cài đặt trên màn hình điều khiển nhanh

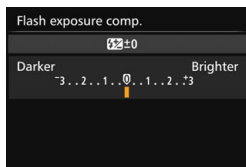


📖 * Không thể cài đặt các chức năng đánh dấu sao với màn hình điều khiển nhanh.

Màn hình cài đặt chức năng



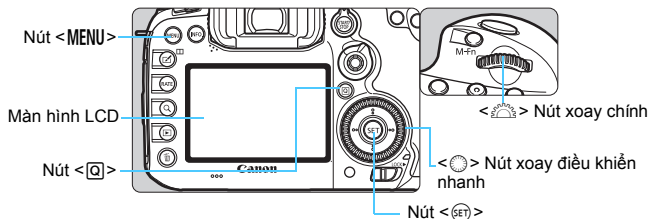
↓ <SET>



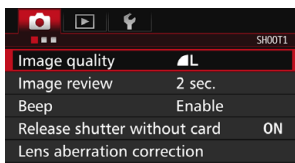
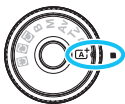
- Chọn chức năng, rồi nhấn <SET>. Màn hình cài đặt chức năng sẽ xuất hiện.
- Xoay nút xoay <☀> hoặc <☾> để thay đổi cài đặt. Một số chức năng có thể thiết lập bằng cách nhấn nút.
- Nhấn <SET> để kết thúc cài đặt và quay lại màn hình trước đó.
- Khi chọn <☑> (tr.447) và nhấn nút <MENU>, màn hình trước đó sẽ xuất hiện lại.

MENU Thao tác với menu

Bạn có thể thiết lập nhiều cài đặt với menu như chất lượng ghi ảnh, ngày/giờ, v.v...

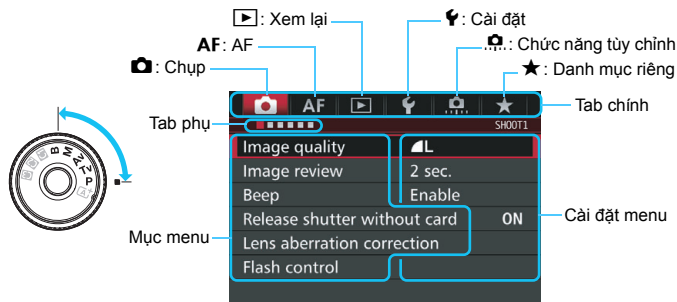


Màn hình menu chế độ A^+

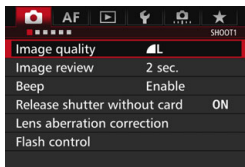


* Một số tab menu và mục menu sẽ không hiển thị trong chế độ A^+ .

Màn hình menu chế độ P/Tv/Av/M/B



Quy trình cài đặt menu

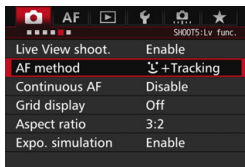


1 Hiển thị màn hình menu.

- Nhấn nút <MENU> để hiển thị màn hình menu.

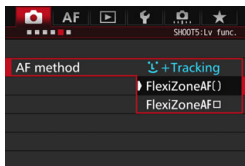
2 Chọn tab.

- Mỗi lần nhấn nút <Q>, tab chính sẽ thay đổi.
- Xoay nút xoay <⚙> để chọn tab phụ.
- Ví dụ, tab [📷4] chỉ màn hình sẽ hiển thị khi tab 📷 (Chụp ảnh) được chọn với dấu "■" thứ tư từ bên trái sang.



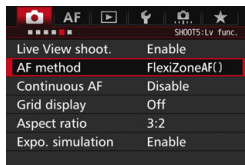
3 Chọn mục mong muốn.

- Xoay nút xoay <⦿> để chọn mục, rồi nhấn <SET>.



4 Chọn cài đặt.

- Xoay nút xoay <⦿> để chọn cài đặt mong muốn.
- Cài đặt hiện thời biểu thị bằng màu xanh da trời.



5 Điều chỉnh cài đặt.

- Nhấn <SET> để thiết lập.

6 Thoát cài đặt.

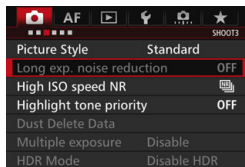
- Nhấn nút <MENU> để thoát menu và trở về màn hình chụp.



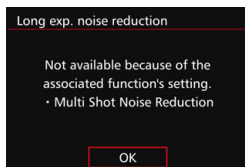
- Phần giải thích các chức năng menu sau đây giả định bạn đã nhấn nút **<MENU>** để hiển thị màn hình menu.
- Bạn cũng có thể sử dụng **<Fn>** để thao tác và thiết lập các chức năng menu. (Ngoại trừ [**Fn** 1: **Erase images (Xóa ảnh)**] và [**Fn** 1: **Format card (Định dạng thẻ)**].)
- Để hủy thao tác, nhấn nút **<MENU>**.
- Để tìm hiểu chi tiết từng mục menu, tham khảo trang 486.

Các mục menu bị mờ

Ví dụ: Khi thiết lập Multi Shot Noise Reduction (Giảm nhiễu hạt đa ảnh)



Những mục menu bị mờ sẽ không thể thiết lập. Mục menu bị làm mờ khi đang cài đặt một chức năng khác ghi đè.



Bạn có thể nhìn thấy chức năng ghi đè đó bằng cách chọn mục bị mờ và nhấn **<(SET)>**.

Nếu hủy cài đặt chức năng ghi đè trên, mục menu bị mờ sẽ khả dụng trở lại.



Một vài mục menu mờ không hiển thị chức năng đang ghi đè.



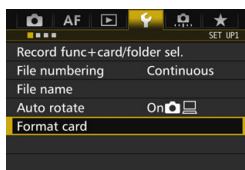
Với [**Fn** 4: **Clear all camera settings (Xóa tất cả cài đặt của máy ảnh)**], bạn có thể cài đặt lại các chức năng menu về cài đặt mặc định (tr.70).

Trước khi bắt đầu

MENU Định dạng thẻ

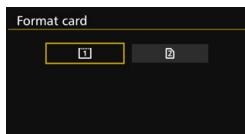
Định dạng thẻ mới hoặc thẻ đã định dạng trên máy ảnh hoặc máy tính khác bằng máy ảnh của bạn.

⚠ Khi định dạng thẻ, tất cả ảnh và dữ liệu trong thẻ sẽ bị xóa. Ngay cả ảnh được bảo vệ chống xóa cũng sẽ bị xóa, do đó đảm bảo rằng bạn không cần giữ lại thông tin nào trên thẻ. Nếu cần, truyền ảnh và dữ liệu vào máy tính, v.v... trước khi định dạng thẻ.



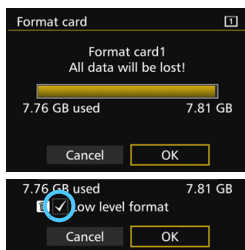
1 Chọn [Format card (Định dạng thẻ)].

- Trong tab [Y1], chọn [Format card (Định dạng thẻ)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn thẻ.

- [1] là thẻ CF, và [2] là thẻ SD.
- Chọn thẻ, rồi nhấn <SET>.



3 Chọn [OK].

- Thẻ sẽ được định dạng.

- Khi chọn [2], có thể sử dụng định dạng mức độ thấp (tr.68). Với định dạng mức thấp, nhấn nút <⏏> để chọn [Low level format (Định dạng mức thấp)] bằng dấu chọn <✓>, rồi chọn [OK].



Định dạng thẻ trong các trường hợp sau:

- Thẻ mới.
- Thẻ đã định dạng trên máy ảnh hoặc máy tính khác.
- Thẻ chứa đầy ảnh hoặc dữ liệu.
- Hiện thị lỗi liên quan đến thẻ (tr.512).

Định dạng mức thấp

- Thực hiện định dạng mức thấp nếu tốc độ đọc hoặc ghi của thẻ SD chậm hoặc nếu bạn muốn xóa toàn bộ dữ liệu trong thẻ.
- Định dạng mức thấp sẽ định dạng tất cả phân khu có thể ghi trong thẻ SD, do vậy sẽ tốn nhiều thời gian hơn so với định dạng thông thường.
- Bạn có thể dừng định dạng mức thấp bằng cách chọn **[Cancel (Hủy)]**. Trong trường hợp này, định dạng thông thường vẫn được hoàn tất và bạn có thể sử dụng thẻ SD như bình thường.



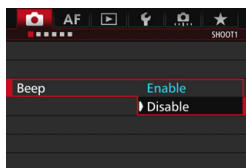
- Khi định dạng thẻ hoặc xóa dữ liệu, chỉ có thông tin quản lý tập tin thay đổi. Dữ liệu thực không bị xóa hoàn toàn. Lưu ý điều này khi bán hoặc vứt bỏ thẻ. Khi vứt bỏ thẻ, thực hiện định dạng ở mức thấp hoặc hủy thẻ bằng hình thức vật lý để ngăn chặn rò rỉ dữ liệu cá nhân.
- **Trước khi sử dụng thẻ Eye-Fi mới (tr.477), cần cài đặt phần mềm trong thẻ trên máy tính. Sau đó, định dạng thẻ bằng máy ảnh.**



- Dung lượng thẻ hiển thị trên màn hình định dạng có thể nhỏ hơn dung lượng được ghi trên thẻ.
- Thiết bị này kết hợp công nghệ exFAT được cấp phép bởi Microsoft.

MENU Tắt tiếng bíp

Bạn có thể tắt tiếng bíp phát ra khi lấy được nét hoặc trong quá trình chụp hẹn giờ.



1 Chọn [Beep (Bíp)].

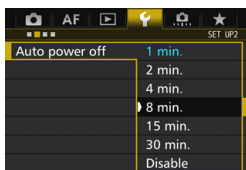
- Trong tab [1], chọn [Beep (Bíp)], rồi nhấn <SET>.

2 Chọn [Disable (Tắt)].

- Chọn [Disable (Tắt)], rồi nhấn <SET>.
- Không phát tiếng bíp.

MENU Đặt thời gian tắt nguồn/tự động tắt nguồn

Để tiết kiệm pin, máy ảnh sẽ tự động tắt khi kết thúc thời gian nghỉ đã đặt. Thiết lập mặc định là 1 phút, có thể thay đổi. Nếu bạn không muốn máy ảnh tự động tắt, đặt [Disable (Tắt)]. Sau khi tắt nguồn, nhấn nút chụp hoặc các nút khác để bật lại máy ảnh.



1 Chọn [Auto power off (Tự động tắt nguồn)].

- Trong tab [2], chọn [Auto power off (Tự động tắt nguồn)], rồi nhấn <SET>.

2 Thiết lập thời gian mong muốn.

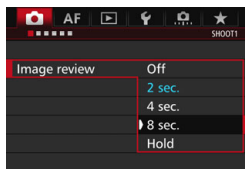
- Chọn cài đặt mong muốn, rồi nhấn <SET>.



Dù đặt [Disable (Tắt)], màn hình LCD vẫn sẽ tự động tắt sau 30 phút để tiết kiệm pin. (Máy ảnh không tắt nguồn.)

MENU Đặt thời gian xem lại ảnh

Bạn có thể đặt thời gian ảnh hiển thị trên màn hình LCD sau mỗi lần chụp. Đặt [**Hold (Giữ)**] để giữ ảnh hiển thị. Đặt [**Off (Tắt)**] để không hiển thị ảnh.



1 Chọn [**Image review (Xem lại ảnh)**].

- Trong tab [**1**], chọn [**Image review (Xem lại ảnh)**], rồi nhấn <SET>.

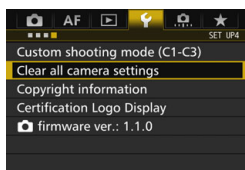
2 Thiết lập thời gian mong muốn.

- Chọn cài đặt mong muốn, rồi nhấn <SET>.

 Nếu đặt [**Hold (Giữ)**], ảnh sẽ hiển thị cho đến khi hết thời gian tự động tắt nguồn.

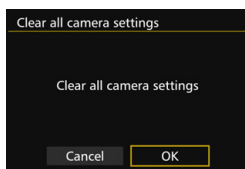
MENU Khôi phục cài đặt mặc định của máy ảnh ☆

Cài đặt chức năng chụp và cài đặt menu của máy ảnh có thể được khôi phục về cài đặt mặc định.



1 Chọn [**Clear all camera settings (Xóa tất cả cài đặt của máy ảnh)**].

- Trong tab [**4**], chọn [**Clear all camera settings (Xóa tất cả cài đặt của máy ảnh)**], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [**OK**].

- Xóa tất cả cài đặt của máy ảnh sẽ thiết lập lại máy ảnh về cài đặt mặc định ở trang 71-73.

Cài đặt chức năng chụp

AF operation (Thao tác lấy nét tự động)	One-Shot AF (Lấy nét một lần)
AF area selection mode (Chế độ chọn vùng AF)	Single-point AF (AF một điểm) (Chọn bằng tay)
AF point selection (Chọn điểm AF)	Center (Trung tâm)
Registered AF point (Điểm AF đã đăng ký)	Canceled (Đã hủy)
Metering mode (Chế độ đo sáng)	 (Evaluative metering (Đo sáng toàn khung ảnh))
ISO speed (Tốc độ ISO)	Auto (Tự động)
ISO speed range (Phạm vi tốc độ ISO)	Minimum limit (Thấp nhất): 100 Maximum limit (Cao nhất): 16000
Auto ISO range (Phạm vi ISO tự động)	Minimum limit (Thấp nhất): 100 Maximum limit (Cao nhất): 6400
Minimum shutter speed (Tốc độ màn trập tối thiểu)	Auto (Tự động)
Drive mode (Kiểu chụp)	 (Single shooting (Chụp từng ảnh))
Exposure compensation/AEB (Bù trừ phơi sáng/AEB)	Canceled (Đã hủy)
Flash exposure compensation (Bù trừ phơi sáng flash)	Canceled (Đã hủy)
Red-eye reduction (Giảm mắt đỏ)	Disable (Tắt)
Multiple exposure (Chụp đa phơi sáng)	Disable (Tắt)
HDR Mode (Chế độ HDR)	Disable HDR (Tắt HDR)
Interval timer (Hẹn giờ ngắt quãng)	Disable (Tắt)
Bulb timer (Hẹn giờ bulb)	Disable (Tắt)
Anti-flicker shooting (Chụp chống nhấp nháy)	Disable (Tắt)
Mirror lockup (Khóa gương lật)	Disable (Tắt)

Cài đặt AF

Case 1 - 6 (Trường hợp 1 - 6)	Case1 (Trường hợp 1)/Xóa tất cả cài đặt thông số kỹ thuật của các case
AI Servo 1st image priority (Ưu tiên AI Servo ảnh đầu tiên)	Equal priority (Ưu tiên cân bằng)
AI Servo 2nd image priority (Ưu tiên AI Servo ảnh thứ 2)	Equal priority (Ưu tiên cân bằng)
Lens electronic MF (Lấy nét tay điện tử của ống kính)	Enable after One-Shot AF (Bật sau khi lấy nét một lần)
AF-assist beam firing (Đánh sáng tia giúp lấy nét)	Enable (Bật)
One-Shot AF release priority (Lấy nét một lần ưu tiên nhà nhiếp ảnh)	Focus priority (Ưu tiên lấy nét)
Lens drive when AF impossible (Điều khiển ống kính khi không thể lấy nét tự động)	Continue focus search (Tiếp tục tìm kiếm lấy nét)
Selectable AF point (Điểm AF có thể chọn)	65 points (65 điểm)
Select AF area selection mode (Chọn chế độ lựa chọn vùng AF)	All items selected (Chọn tất cả mục)
AF area selection method (Phương pháp lựa chọn vùng AF)	M-Fn button (Nút M-Fn)
Orientation linked AF point (Điểm AF theo hướng chụp)	Same for both vertical/horizontal (Giống nhau với chụp ngang/chụp dọc)
Initial AF point (Điểm AF ban đầu),  AI Servo AF (Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục)	Auto (Tự động)
Automatic AF point selection: EOS iTR AF (Chọn điểm AF tự động: EOS iTR AF)	Enable (Bật)

Viewfinder display (Hiển thị trong khung ngắm)	
Viewfinder level (Cân bằng trong khung ngắm)	Hide (Ẩn)
VF grid display (Hiển thị khung lưới trong khung ngắm)	Disable (Tắt)
Show/hide in viewfinder (Ẩn/hiện trong khung ngắm)	Chỉ đánh dấu chọn mục Nhận diện nhấp nháy
Custom Functions (Chức năng tùy chỉnh)	Unchanged (Không thay đổi)
Flash control (Điều khiển flash)	
Flash firing (Đánh sáng flash)	Enable (Bật)
E-TTL II Flash metering (Đo sáng tự động Flash E-TTL II)	Evaluative flash metering (Đo sáng flash toàn khung ảnh)
Flash sync. speed in Av mode (Tốc độ đồng bộ flash trong chế độ Av)	Auto (Tự động)

Manual AF point selection pattern (Kiểu chọn điểm AF bằng tay)	Stops at AF area edges (Dừng ở rìa vùng AF)
AF point display during focus (Hiển thị điểm AF khi lấy nét)	Selected (constant) (Đã chọn (không đổi))
VF display illumination (Chiếu sáng hiển thị trong khung ngắm)	Auto (Tự động)
VF display illumination (Chiếu sáng hiển thị trong khung ngắm)	Auto (Tự động)
AF point during AI Servo AF (Điểm AF trong khi lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục)	Non illuminated (Không phát sáng)
AF status in viewfinder (Trạng thái AF trong khung ngắm)	Show in field of view (Hiển thị trong trường ảnh)
AF Microadjustment (Vi chỉnh AF)	Disable/Adjustment amount retained (Tắt/Điều chỉnh lượng còn lại)

Cài đặt ghi ảnh

Image quality (Chất lượng ảnh)	■ L
Picture Style (Kiểu ảnh)	Standard (Tiêu chuẩn)
Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)	Standard (Tiêu chuẩn)
Peripheral illumination correction (Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi)	Enable/Correction data retained (Bật/Dữ liệu chỉnh được lưu giữ)
Chromatic aberration correction (Hiệu chỉnh sắc sai)	Enable/Correction data retained (Bật/Dữ liệu chỉnh được lưu giữ)
Distortion correction (Hiệu chỉnh méo hình)	Disable/Correction data retained (Tắt/Dữ liệu chỉnh được lưu giữ)
White balance (Cân bằng trắng)	AWB (Auto (Tự động))
Custom White Balance (Cân bằng trắng tùy chỉnh)	Canceled (Đã hủy)
White balance shift (Thay đổi cân bằng trắng)	Canceled (Đã hủy)

Cài đặt máy ảnh

Auto power off (Tự động tắt nguồn)	1 min. (1 phút)
Beep (Bíp)	Enable (Bật)
Release shutter without card (Nhả màn trập khi không lắp thẻ)	Enable (Bật)
Image review time (Thời gian xem lại ảnh)	2 sec. (2 giây)
Highlight alert (Cảnh báo vùng sáng)	Disable (Tắt)
AF point display (Hiển thị điểm AF)	Disable (Tắt)
Playback grid (Khung lưới khi xem lại)	Off (Tắt)
Histogram display (Hiển thị biểu đồ)	Brightness (Độ sáng)
Movie playback count (Số lần xem lại phim)	Unchanged (Không thay đổi)
Magnification (Approx.) (Phóng to (Khoảng))	2x (magnify from center) (2x (phóng to từ trung tâm))
Control over HDMI (Điều khiển qua HDMI)	Disable (Tắt)

White balance bracketing (Cân bằng trắng hỗn hợp)	Canceled (Đã hủy)
Color space (Không gian màu)	sRGB
Long exposure noise reduction (Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu)	Disable (Tắt)
High ISO speed noise reduction (Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao)	Standard (Tiêu chuẩn)
Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)	Disable (Tắt)
Record function (Chức năng ghi)	Standard (Tiêu chuẩn)
File numbering (Đánh số thứ tự tập tin)	Continuous (Liên tục)
File name (Tên tập tin)	Preset code (Mã cài đặt)
Auto cleaning (Tự động làm sạch)	Enable (Bật)
Dust Delete Data (Dữ liệu xóa bụi)	Erased (Đã xóa)

Image jump w/ (Nhảy ảnh với)	70 (10 ảnh)
Auto rotate (Xoay tự động)	On (Bật)
LCD brightness (Độ sáng LCD)	Auto (Tự động)
Date/Time/Zone (Ngày/Giờ/Múi giờ)	Unchanged (Không thay đổi)
Eye-Fi settings (Cài đặt Eye-Fi)	Disable (Tắt)
Language (Ngôn ngữ)	Unchanged (Không thay đổi)
GPS and digital compass settings (Thiết lập GPS và la bàn kỹ thuật số)	Disable (Tắt)
Video system (Hệ thống video)	Unchanged (Không thay đổi)
INFO button display options (Tùy chọn hiển thị nút INFO)	All items selected (Chọn tất cả mục)
RATE button function (Chức năng nút RATE)	Rating (Xếp hạng)
Custom shooting mode (Chế độ chụp tùy chỉnh)	Unchanged (Không thay đổi)
Copyright information (Thông tin bản quyền)	Unchanged (Không thay đổi)
Configure (Định cấu hình): MY MENU (DANH MỤC RIÊNG)*	Unchanged (Không thay đổi)
Menu display (Hiển thị menu)	Normal display (Hiển thị bình thường)
Wi-Fi Function (Chức năng Wi-Fi) (chỉ khi cắm W-E1)	Unchanged (Không thay đổi)

Cài đặt chụp Live View

Live View shooting (Chụp Live View)	Enable (Bật)
AF method (Phương pháp AF)	Tracking (Theo dõi)
Continuous AF (Lấy nét liên tục)	Disable (Tắt)
Grid display (Hiển thị khung lưới)	Off (Tắt)
Aspect ratio (Tỷ lệ cỡ ảnh)	3:2
Exposure simulation (Mô phỏng phơi sáng)	Enable (Bật)
Silent LV shooting (Chụp Live View ngắt tiếng)	Mode 1 (Chế độ 1)
Metering timer (Hẹn giờ đo sáng)	8 sec. (8 giây)

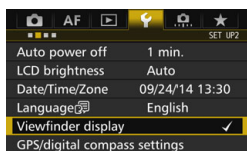
Cài đặt quay phim

Movie Servo AF (Lấy nét Servo phim)	Enable (Bật)
AF method (Phương pháp AF)	Tracking (Theo dõi)
Grid display (Hiển thị khung lưới)	Off (Tắt)
Movie recording quality (Chất lượng ghi phim)	
MOV/MP4	MOV
Movie recording size (Kích thước ghi phim)	NTSC: 1920x1080 29.97P 1PB PAL: 1920x1080 25.00P 1PB
24,00P	Disable (Tắt)
Sound recording (Ghi âm)	Auto (Tự động)
Wind filter (Lọc gió)	Disable (Tắt)
Attenuator (Bộ tiêu âm)	Disable (Tắt)

Movie Servo AF speed (Tốc độ lấy nét Servo phim)	
When active (Khi kích hoạt)	Always on (Luôn bật)
AF speed (Tốc độ AF)	Standard (Tiêu chuẩn)
Movie Servo AF tracking sensitivity (Độ nhạy theo dõi lấy nét Servo phim)	0 (Standard) (0 (Tiêu chuẩn))
Silent LV shooting (Chụp Live View ngắt tiếng)	Mode 1 (Chế độ 1)
Metering timer (Hẹn giờ đo sáng)	8 sec. (8 giây)
Time code (Mã thời gian)	
Count up (Tổng số)	Unchanged (Không thay đổi)
Start time setting (Bắt đầu cài đặt thời gian)	Unchanged (Không thay đổi)
Movie recording count (Số phim đang ghi)	Unchanged (Không thay đổi)
Movie playback count (Số lần xem lại phim)	Unchanged (Không thay đổi)
HDMI	Unchanged (Không thay đổi)
Drop frame (Mất khung hình)	Unchanged (Không thay đổi)
Silent control (Điều khiển yên lặng)	Disable (Tắt) 
 button function (Chức năng nút )	 AF / 
HDMI output + LCD (Ngõ ra HDMI + LCD)	No mirroring (Không phản chiếu)
HDMI frame rate (Tốc độ khung hình HDMI)	Auto (Tự động)

⦶ Hiển thị khung lưới

Hiển thị khung lưới trong khung ngắm sẽ giúp căn chỉnh độ nghiêng máy và lấy bố cục ảnh chụp.



1 Chọn [Viewfinder display (Hiển thị trong khung ngắm)].

- Trong tab [2], chọn [Viewfinder display (Hiển thị trong khung ngắm)], rồi nhấn <SET>.

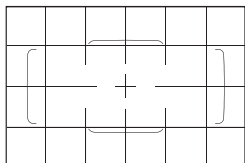


2 Chọn [VF grid display (Hiển thị khung lưới trong khung ngắm)].



3 Chọn [Enable (Bật)].

- Khi thoát menu, khung lưới sẽ xuất hiện trong khung ngắm.

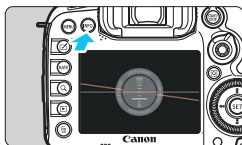


Bạn có thể hiển thị khung lưới trên màn hình LCD trong khi chụp Live View và trước khi bắt đầu quay phim (tr.297, 346).

Hiển thị cân bằng điện tử

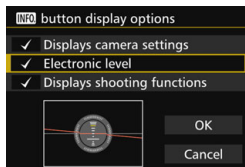
Bạn có thể hiển thị cân bằng điện tử trên màn hình LCD hoặc trong khung ngắm để chỉnh nghiêng máy.

Hiển thị cân bằng điện tử trên màn hình LCD

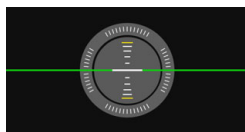


1 Nhấn nút <INFO.>.

- Mỗi lần nhấn nút <INFO.>, màn hình hiển thị sẽ thay đổi.
- Hiển thị cân bằng điện tử.
- Nếu cân bằng điện tử không xuất hiện, thiết lập [**43: INFO button display options** (Tùy chọn hiển thị nút INFO.)] để hiển thị cân bằng điện tử (tr.470).



Cân bằng theo hướng dọc Cân bằng theo hướng ngang



2 Kiểm tra nghiêng máy.

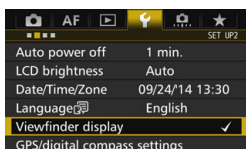
- Nghiêng máy theo hướng ngang và hướng dọc hiển thị ở mức tăng 1°.
- Đường lưới đỏ chuyển sang màu xanh lá cây cho biết hiện tượng nghiêng máy đã được chỉnh sửa.

- Ngay cả khi hiện tượng nghiêng máy được chỉnh sửa, ảnh vẫn có thể bị nghiêng khoảng $\pm 1^\circ$.
- Nếu độ nghiêng của máy ảnh quá lớn, sai số của cân bằng điện tử sẽ lớn hơn.

 Trong khi chụp Live View và trước khi quay phim (ngoại trừ với L^+ + Tracking (L^+ + Theo dõi)), bạn cũng có thể hiển thị cân bằng điện tử theo hướng dẫn phía trên.

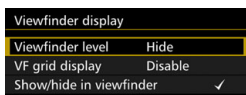
MENU Hiển thị cân bằng điện tử trong khung ngắm

Cân bằng điện tử có thể được hiển thị ở phía trên khung ngắm. Do được hiển thị suốt thời gian chụp, bạn có thể chỉnh sửa nghiêng máy bất cứ lúc nào.

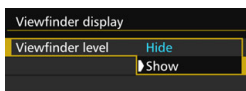


1 Chọn [Viewfinder display (Hiển thị trong khung ngắm)].

- Trong tab [2], chọn [Viewfinder display (Hiển thị trong khung ngắm)], rồi nhấn <SET>.



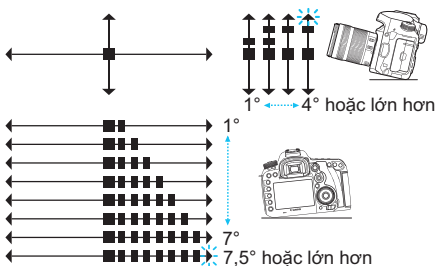
2 Chọn [Viewfinder level (Cân bằng trong khung ngắm)].



3 Chọn [Show (Hiển thị)].

4 Nhấn nửa chừng nút chụp.

- Cân bằng điện tử sẽ hiển thị trong khung ngắm.
- Cân bằng có hiệu lực cả khi chụp ảnh dọc.

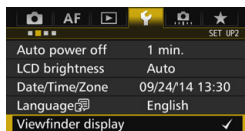


Ngay cả khi hiện tượng nghiêng máy được chỉnh sửa, ảnh vẫn có thể bị nghiêng khoảng $\pm 1^\circ$.

MENU Cài đặt hiển thị thông tin trong khung ngắm ☆

Các cài đặt chức năng chụp (Chế độ chụp, Cân bằng trắng, Kiểu chụp, thao tác lấy nét tự động, Chế độ đo sáng, Chất lượng ảnh: JPEG/RAW, Nhận diện nhấp nháy) có thể hiển thị trên khung ngắm.

Mặc định chỉ có mục Nhận diện nhấp nháy được đánh dấu chọn [✓].

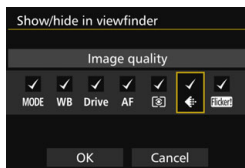


1 Chọn [Viewfinder display (Hiển thị trong khung ngắm)].

- Trong tab [F2], chọn [Viewfinder display (Hiển thị trong khung ngắm)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Show/hide in viewfinder (Ẩn/hiện trong khung ngắm)].



3 Đánh dấu chọn [✓] thông tin sẽ hiển thị.

- Chọn thông tin muốn hiển thị rồi nhấn <SET> để đánh dấu chọn <✓>.
- Lặp lại bước này để thêm đánh dấu chọn [✓] với tất cả thông tin muốn hiển thị. Rồi chọn [OK].
- ▶ Khi thoát menu, thông tin được đánh dấu chọn sẽ xuất hiện trong khung ngắm (tr.27).



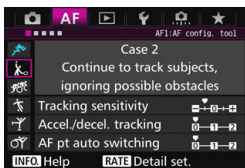
⚠ Nếu máy ảnh không cầm thê, thông tin chất lượng ghi ảnh sẽ không hiển thị trong khung ngắm.

📷 Khi bạn nhấn nút <WB•[icon]> hoặc <DRIVE•AF>, vận hành công tắc chế độ lấy nét của ống kính hoặc khi ống kính được trang bị lấy nét tay điện tử và công tắc AF/MF dưới dạng vòng lấy nét của ống kính được xoay (tr.121), thông tin tương ứng sẽ xuất hiện trong khung ngắm bất kể có được đánh dấu chọn hay không.

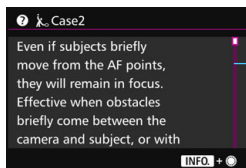
? Trợ giúp

Khi [**INFO** Help (Trợ giúp)] hiển thị ở phía dưới màn hình menu, mô tả tính năng (Trợ giúp) có thể hiển thị. Màn hình trợ giúp chỉ hiển thị khi bạn nhấn giữ nút <**INFO**>. Nếu phần trợ giúp không hiển thị hết trong màn hình, thanh cuộn sẽ xuất hiện ở rìa bên phải. Để cuộn, nhấn giữ nút <**INFO**> và xoay nút xoay <🕒>.

● Ví dụ: [AF1: Case2 (Trường hợp 2)]

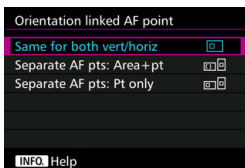


INFO.

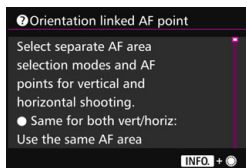


Thanh cuộn

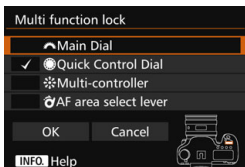
● Ví dụ: [AF4: Orientation linked AF point (Điểm AF theo hướng chụp)]



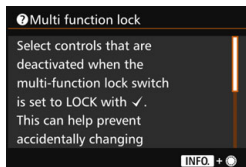
INFO.



● Ví dụ: [AF3: Multi function lock (Khóa đa chức năng)]



INFO.



[illegible]

2

Chụp cơ bản

Chương này giới thiệu cách sử dụng chế độ $\langle A^+ \rangle$ (Tự động nhận cảnh thông minh) trên nút xoay chế độ để chụp ảnh dễ dàng.

Trong chế độ $\langle A^+ \rangle$, bạn chỉ cần ngắm và chụp, máy ảnh sẽ tự động thiết lập các cài đặt (tr.482). Ngoài ra, để tránh làm hỏng ảnh do thao tác sai, bạn không thể thay đổi các cài đặt chức năng chụp nâng cao.



Tự động tối ưu hóa ánh sáng

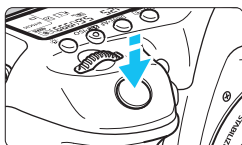
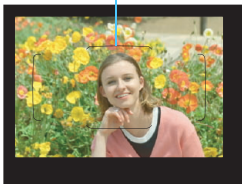
Trong chế độ $\langle A^+ \rangle$, chức năng tự động tối ưu hoá ánh sáng (tr.177) sẽ tự động điều chỉnh ánh sáng để đạt được độ sáng và độ tương phản tối ưu. Chức năng này cũng được bật mặc định trong các chế độ $\langle P \rangle$, $\langle Tv \rangle$ hoặc $\langle Av \rangle$.

[A⁺] Chụp hoàn toàn tự động (Tự động nhận cảnh thông minh) ■

<[A⁺> là chế độ tự động hoàn toàn. Máy ảnh phân tích cảnh và tự động thiết lập các cài đặt tối ưu. Chế độ này cũng điều chỉnh lấy nét tự động bằng cách phát hiện chủ thể tĩnh hay đang chuyển động (tr.85).



Khung AF theo vùng



Đèn báo lấy nét

1 **Đặt nút xoay chế độ thành <[A⁺>.**

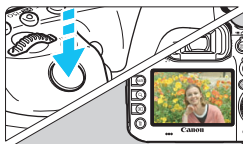
- Xoay nút xoay chế độ trong lúc nhấn giữ nút nhả khóa ở giữa.

2 **Hướng khung AF theo vùng vào chủ thể.**

- Tất cả các điểm AF đều được sử dụng để lấy nét và máy ảnh sẽ lấy nét chủ thể gần nhất.
- Hướng trung tâm của khung AF theo vùng vào chủ thể sẽ giúp lấy nét dễ dàng hơn.

3 **Lấy nét chủ thể.**

- Nhấn nửa chừng nút chụp. Các tính năng của ống kính sẽ thay đổi để lấy nét.
- ▶ Trong khi thao tác lấy nét tự động, sẽ hiển thị <[AF]>.
- ▶ Điểm AF lấy được nét sẽ hiển thị. Đồng thời, máy phát ra tiếng bíp và đèn báo lấy nét <●> sẽ phát sáng.
- ▶ Trong điều kiện ánh sáng yếu, (các) điểm AF sẽ chớp sáng đỏ.
- ▶ Đèn flash tích hợp sẽ tự động nâng lên nếu cần.



4 Chụp ảnh.

- Nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh.
- ▶ Ảnh chụp sẽ hiển thị trong 2 giây trên màn hình LCD.
- Sau khi chụp ảnh, dùng ngón tay đẩy đèn flash tích hợp xuống.



Chế độ **[A⁺]** giúp màu sắc trong cảnh tự nhiên, ngoài trời và hoàng hôn trở nên ấn tượng hơn. Nếu bạn chưa đạt được tông màu mong muốn, chuyển sang chế độ **[P]**, **[Tv]**, **[Av]** hoặc **[M]**, đặt một Kiểu ảnh khác với **[A⁺]**, rồi chụp lại (tr.162).



Câu hỏi thường gặp

- **Đèn báo lấy nét <●> nhấp nháy và không lấy được nét.**
Hướng khung AF theo vùng vào vùng có độ tương phản tốt, rồi nhấn nửa chừng nút chụp (tr.55). Di chuyển ra xa và thử lại nếu bạn ở quá gần chủ thể.
- **Khi lấy được nét, (các) điểm AF không chớp sáng đỏ.**
Điểm AF chớp sáng đỏ trong điều kiện ánh sáng yếu.
- **Nhiều điểm AF phát sáng đồng thời.**
Đã lấy được nét tại tất cả các điểm này. Khi điểm AF bao quanh chủ thể mong muốn phát sáng, bạn có thể chụp ảnh.
- **Tiếng bíp nhỏ phát ra liên tục. (Đèn báo lấy nét <●> không phát sáng.)**
Biểu thị máy ảnh đang lấy nét liên tục trên chủ thể chuyển động. (Đèn báo lấy nét <●> không phát sáng.) Bạn có thể chụp ảnh sắc nét với chủ thể chuyển động.
Lưu ý rằng khóa lấy nét (tr.85) không hoạt động trong trường hợp này.

- **Nhấn nửa chừng nút chụp nhưng không lấy được nét.**

Đặt công tắc chế độ lấy nét trên ống kính thành <AF> (lấy nét tự động) nếu đang ở chế độ <MF> (lấy nét bằng tay).

- **Đèn flash nâng lên cho dù vào ban ngày.**

Đối với chủ thể ngược sáng, flash có thể đánh sáng giúp làm sáng các vùng tối của chủ thể. Nếu bạn không muốn đèn flash phát sáng, sử dụng Điều khiển nhanh để đặt [Flash firing (Đánh sáng flash)] thành [🔇] (tr.61).

- **Flash đánh sáng và ảnh chụp quá sáng.**

Di chuyển ra xa chủ thể rồi chụp. Khi chụp ảnh có flash, nếu chủ thể ở quá gần máy ảnh, ảnh chụp có thể quá sáng (dư sáng).

- **Trong điều kiện ánh sáng yếu, đèn flash tích hợp phát ra một loạt tia sáng.**

Nhấn nửa chừng nút chụp để kích hoạt đèn flash tích hợp phát ra một loạt tia sáng nhằm hỗ trợ lấy nét tự động. Tính năng này được gọi là tia giúp lấy nét (tr.91). Phạm vi hiệu quả khoảng 4 m/13,1 ft. Đèn flash tích hợp sẽ phát ra âm thanh khi đánh sáng liên tục. Đây là hiện tượng bình thường và không phải vấn đề trục trặc.

- **Khi sử dụng flash, phần dưới của ảnh chụp bị tối một cách thiếu tự nhiên.**

Bóng của vành ống kính sẽ xuất hiện trong ảnh khi chủ thể ở quá gần ống kính. Di chuyển ra xa chủ thể rồi chụp. Tháo loa che nắng trên ống kính trước khi chụp ảnh sử dụng flash.

[A⁺] Kỹ thuật hoàn toàn tự động (Tự động nhận cảnh thông minh) ■

Bố cục lại ảnh



Tùy thuộc vào bối cảnh chụp, định vị chủ thể sang trái hoặc sang phải để tạo hậu cảnh cân bằng và phối cảnh tốt.

Ở chế độ **[A⁺]**, khi nhấn nửa chừng nút chụp để lấy nét chủ thể tĩnh, lấy nét sẽ bị khóa. Bố cục lại ảnh trong khi nhấn giữ nửa chừng nút chụp, rồi nhấn xuống hoàn toàn để chụp ảnh. Thao tác này gọi là “khóa lấy nét”.

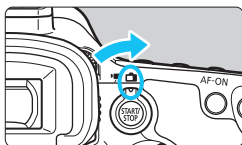
Chụp chủ thể chuyển động



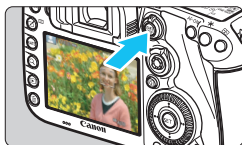
Ở chế độ **[A⁺]**, nếu chủ thể chuyển động (khoảng cách từ chủ thể tới máy ảnh thay đổi) trong khi hoặc sau khi bạn lấy nét, Lấy nét AI Servo sẽ thực hiện lấy nét liên tục. (Tiếng bíp nhỏ sẽ phát ra liên tục.) Khi bạn vẫn hướng khung AF theo vùng vào chủ thể trong khi nhấn nửa chừng nút chụp, quá trình lấy nét sẽ thực hiện liên tục. Nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh.

Chụp Live View

Bạn có thể chụp trong khi xem ảnh trên màn hình LCD. Chức năng này được gọi là “chụp Live View”. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 287.

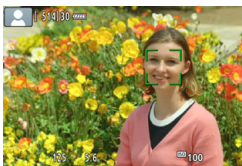


1 **Đặt công tắc chụp Live View/ Quay phim thành < >.**



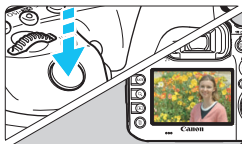
2 **Hiện thị ảnh Live View trên màn hình LCD.**

- Nhấn nút <  >.
- ▶ Ảnh Live View sẽ xuất hiện trên màn hình LCD.



3 **Lấy nét chủ thể.**

- Nhấn nửa chừng nút chụp để lấy nét.
- ▶ Khi lấy được nét, điểm AF chuyển sang màu xanh lá cây và máy ảnh phát ra tiếng bíp.

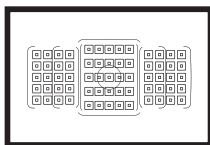


4 **Chụp ảnh.**

- Nhấn hoàn toàn nút chụp.
- ▶ Ảnh sẽ được chụp và hiển thị trên màn hình LCD.
- ▶ Sau khi hiển thị xem lại kết thúc, máy ảnh sẽ tự động trở về chế độ chụp Live View.
- Nhấn nút <  > để kết thúc chụp Live View.

3

Cài đặt kiểu chụp và AF



Các điểm AF trong khung ngắm được sắp xếp để chụp AF phù hợp với đa dạng cảnh và chủ thể.

Bạn cũng có thể chọn thao tác lấy nét tự động và kiểu chụp phù hợp nhất với điều kiện chụp và chủ thể.

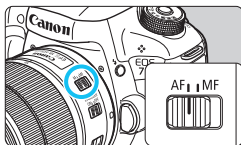
- Biểu tượng ☆ hiển thị ở phía trên bên phải của tiêu đề trang biểu thị chỉ sử dụng được chức năng này ở các chế độ: <P> <Tv> <Av> <M> .
- Trong chế độ <A+>, thao tác lấy nét tự động và chế độ chọn vùng AF được thiết lập tự động.



<AF> là viết tắt của autofocus (lấy nét tự động). <MF> là viết tắt của manual focus (lấy nét bằng tay).

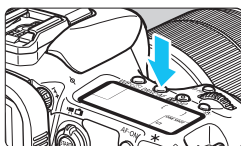
AF: Chọn thao tác lấy nét tự động ☆

Bạn có thể chọn đặc tính thao tác lấy nét tự động phù hợp với các điều kiện chụp hoặc chủ thể. Trong chế độ <A+>, “tự động lấy nét AI” được đặt tự động.

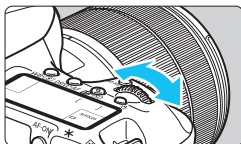


1 Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <AF>.

2 Đặt chế độ <P> <Tv> <Av> <M> .



3 Nhấn nút <DRIVE/AF>. (ⓘ6)



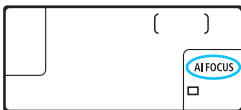
4 Chọn thao tác lấy nét tự động.

- Trong khi xem bảng điều khiển LCD hoặc khung ngắm, xoay nút xoay <AF-ON>.

ONE SHOT : Lấy nét một lần

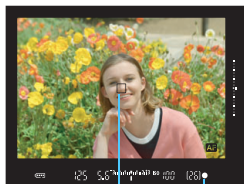
AI FOCUS : Lấy nét tự động AI

AI SERVO : Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục



Trong chế độ <P>, <Tv>, <Av>, <M> hoặc , có thể lấy nét tự động bằng cách nhấn nút <AF-ON>.

Lấy nét một lần cho chủ thể tĩnh



Thích hợp với chủ thể tĩnh. Khi nhấn nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ chỉ lấy nét một lần.

- Khi lấy được nét, điểm AF lấy được nét sẽ hiển thị và đèn báo lấy nét <●> trong khung ngắm cũng phát sáng.
- Đối với đo sáng toàn khung ảnh (tr.226), cài đặt phơi sáng được thiết lập cùng lúc lấy được nét.
- Trong khi nhấn giữ nửa chừng nút chụp, lấy nét sẽ khóa. Sau đó, bạn có thể bố cục lại ảnh nếu muốn.



- Nếu không lấy được nét, đèn báo lấy nét <●> trong khung ngắm sẽ nhấp nháy. Trong trường hợp này, không thể chụp ảnh ngay cả khi nhấn hoàn toàn nút chụp. Bố cục lại ảnh và lấy nét lại hoặc tham khảo phần “Khi không lấy được nét” (tr.141).
- Nếu đặt [**1: Beep (Bíp)**] thành [**Disable (Tắt)**], tiếng bíp sẽ không phát ra khi lấy được nét.
- Sau khi lấy được nét với Lấy nét một lần, bạn có thể khóa lấy nét trên chủ thể và bố cục lại ảnh. Thao tác này gọi là “khóa lấy nét”. Thao tác này thuận tiện khi bạn muốn lấy nét chủ thể không nằm trong khung AF theo vùng.

Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục cho chủ thể chuyển động

Thao tác lấy nét tự động này phù hợp để chụp các chủ thể chuyển động khi khoảng cách lấy nét luôn thay đổi. Trong khi nhấn giữ nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ liên tục lấy nét chủ thể.

- Phơi sáng được thiết lập tại thời điểm chụp ảnh.
- Khi chế độ chọn vùng AF (tr.92) được đặt thành AF 65 điểm tự động chọn, quá trình theo dõi lấy nét vẫn tiếp tục khi chủ thể nằm trong khung AF theo vùng.

 Với Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục, tiếng bíp sẽ không phát ra ngay cả khi lấy được nét. Ngoài ra, đèn báo lấy nét <●> trong khung ngắm sẽ không phát sáng.

Lấy nét tự động AI để tự động chuyển đổi thao tác lấy nét tự động

Chế độ lấy nét tự động AI sẽ tự động chuyển từ lấy nét một lần sang lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục khi chủ thể tĩnh bắt đầu di chuyển.

- Sau khi chủ thể được lấy nét bằng thao tác lấy nét một lần, nếu chủ thể bắt đầu di chuyển, máy ảnh sẽ phát hiện chuyển động, tự động chuyển thành lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục và bắt đầu theo dõi chủ thể chuyển động.

 Khi lấy được nét bằng Lấy nét tự động AI với thao tác Servo được kích hoạt, tiếng bíp nhỏ sẽ liên tục phát ra. Tuy nhiên, đèn báo lấy nét <●> trong khung ngắm sẽ không phát sáng. Lưu ý rằng lấy nét sẽ không khóa trong trường hợp này.

Chỉ thị thao tác lấy nét tự động



Khi bạn nhấn nửa chừng nút chụp và máy ảnh thực hiện tự động lấy nét, biểu tượng <AF> sẽ xuất hiện ở góc dưới bên phải của khung ngắm.

Trong chế độ lấy nét một lần, khi bạn nhấn nửa chừng nút chụp, biểu tượng cũng xuất hiện sau khi lấy được nét.



Chỉ thị thao tác lấy nét tự động có thể hiển thị bên ngoài khu vực ảnh của khung ngắm (tr.134).

Điểm AF chớp sáng đỏ

Điểm AF chớp sáng đỏ trong điều kiện ánh sáng yếu. Trong chế độ <P>, <Tv>, <Av>, <M> hoặc , bạn có thể thiết lập để điểm AF chớp sáng hoặc không chớp sáng đỏ (tr.133).

Tia giúp lấy nét với đèn flash tích hợp

Trong điều kiện ánh sáng yếu, khi nhấn nửa chừng nút chụp, flash tích hợp sẽ đánh một loạt flash ngắn, giúp chiếu sáng chủ thể để lấy nét tự động dễ dàng hơn.



- Trong chế độ <A+>, nếu [Flash firing (Đánh sáng flash)] được đặt thành <☺>, đèn flash tích hợp sẽ không phát ra tia giúp lấy nét.
- Tia giúp lấy nét không thể phát ra với thao tác lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục.
- Đèn flash tích hợp sẽ phát ra âm thanh khi đánh sáng liên tục. Đây là hiện tượng bình thường và không phải vấn đề trực trực.



- Phạm vi hiệu quả của tia giúp lấy nét được phát ra bởi flash tích hợp là khoảng 4 m/13,1 ft.
- Trong chế độ <P>, <Tv>, <Av>, <M> hoặc , nhấn nút <⚡> để nâng đèn flash tích hợp lên. Và tia giúp lấy nét sẽ phát ra khi cần thiết.

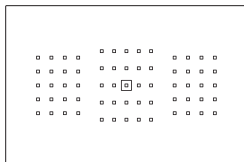
Chọn vùng và điểm AF ☆

Máy ảnh có 65 điểm AF để lấy nét tự động. Bạn có thể chọn chế độ chọn vùng AF và (các) điểm AF phù hợp với cảnh hoặc chủ thể.

 **Số lượng điểm AF khả dụng và cách bố trí các điểm AF sẽ khác nhau tùy thuộc vào ống kính được lắp. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo phần “Ống kính và điểm AF khả dụng” ở trang 102.**

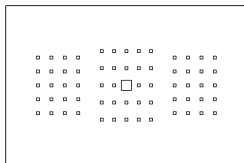
Chế độ chọn vùng AF

Bạn có thể chọn một trong bảy chế độ chọn vùng AF. Để tìm hiểu về quy trình cài đặt, tham khảo trang 94.



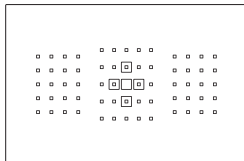
AF một chấm điểm (Chọn bằng tay)

Để xác định chính xác lấy nét.



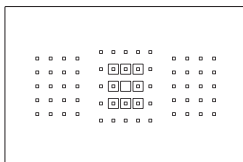
AF một điểm (Chọn bằng tay)

Chọn một điểm AF để lấy nét.



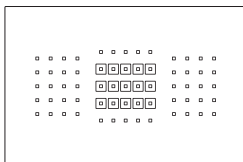
Mở rộng điểm AF (Chọn bằng tay)

Điểm AF đã chọn bằng tay <□> và bốn điểm AF kề sát <◻> (trên, dưới, trái, phải) sẽ được sử dụng để lấy nét.



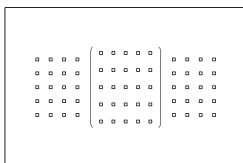
Mở rộng điểm AF (Chọn bằng tay, các điểm bao quanh)

Điểm AF đã chọn bằng tay <□> và các điểm AF bao quanh nó <□> sẽ được sử dụng để lấy nét.



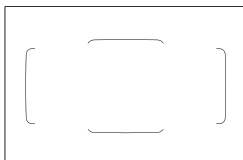
Lấy nét tự động theo vùng (Chọn vùng bằng tay)

Một trong chín vùng sẽ được sử dụng để lấy nét.



Lấy nét tự động theo vùng lớn (Chọn vùng bằng tay)

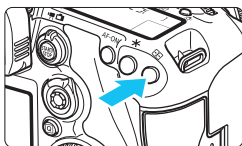
Một trong ba vùng (trái, giữa hoặc phải) sẽ được sử dụng để lấy nét.



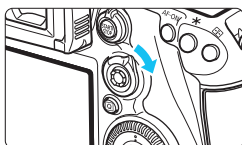
AF 65 điểm tự động chọn

Khung AF theo vùng (toàn bộ khu vực AF) sẽ được sử dụng để lấy nét. **Chế độ này được thiết lập tự động trong chế độ <A⁺>.**

Chọn chế độ chọn vùng AF

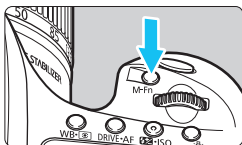


1 Nhấn nút . (tr.6)



2 Thao tác với nút  hoặc <M-Fn>.

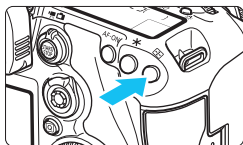
- Ngắm qua khung ngắm và nhấn nút  hoặc <M-Fn>.
- Chế độ chọn vùng AF thay đổi sau mỗi lần nghiêng nút  sang phải.
- Chế độ chọn vùng AF thay đổi sau mỗi lần nhấn nút <M-Fn>.



- Với [**AF4: Select AF area selec. mode (Chọn chế độ chọn vùng AF)**], bạn có thể giới hạn các chế độ chọn vùng AF có thể chọn (tr.126).
- Nếu đặt [**AF4: AF area selection method (Phương pháp chọn vùng AF)**] thành [ → **Main Dial (Nút xoay chính)**], bạn có thể chọn chế độ chọn vùng AF bằng cách nhấn nút , rồi xoay nút xoay  (tr.127).

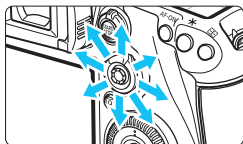
Chọn điểm AF bằng tay

Bạn có thể chọn điểm hoặc vùng AF bằng tay.



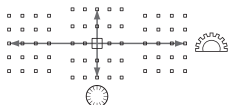
1 Nhấn nút <AF-ON>.

- ▶ Các điểm AF sẽ hiển thị trong khung ngắm.
- Trong các chế độ mở rộng điểm AF, các điểm AF kề sát cũng được hiển thị.
- Trong chế độ lấy nét tự động theo vùng, vùng đã chọn sẽ được hiển thị.



2 Chọn điểm AF.

- Chọn điểm AF sẽ thay đổi theo hướng bạn nghiêng nút <AF-ON>. Khi nhấn thẳng nút <AF-ON> xuống, điểm/vùng AF trung tâm sẽ được chọn.
- Xoay nút xoay <AF-ON> để chọn điểm AF ngang, hoặc xoay nút xoay <AF-ON> để chọn điểm AF dọc.
- Trong chế độ lấy nét tự động theo vùng, xoay nút xoay <AF-ON> hoặc <AF-ON> sẽ thay đổi vùng theo thứ tự vòng.



- Khi đặt [AF4: Initial AF pt (Điểm AF ban đầu), (○) AI Servo AF (Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục)] thành [Initial (○) AF pt selected (Điểm AF (○) được chọn ban đầu)] (tr.129), có thể sử dụng phương pháp này để chọn bằng tay vị trí bắt đầu lấy nét AI Servo.
- Khi nhấn nút <AF-ON>, bảng điều khiển LCD sẽ hiển thị các mục sau:
 - 65-point automatic selection AF (AF 65 điểm tự động chọn), Zone AF (Lấy nét tự động theo vùng), Large Zone AF (Lấy nét tự động theo vùng lớn): [] AF
 - Single-point Spot AF (AF một chấm điểm), Single-point AF (AF một điểm) và AF point expansion (Mở rộng điểm AF): SEL [] (Trung tâm)/SEL AF (Ngoài trung tâm)
- Với [AF5: Manual AF pt. selec. pattern (Kiểu lựa chọn điểm AF bằng tay)], bạn có thể thiết lập [Stops at AF area edges (Dừng tại rìa của vùng AF)] hoặc [Continuous (Liên tục)] (tr.131).

Chỉ thị hiển thị điểm AF

Nhấn nút  sẽ bật sáng điểm AF là các điểm AF chữ thập để lấy nét đạt độ chính xác cao. Các điểm AF nhấp nháy nháy với đường ngang hoặc đường dọc. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 101-105.

Đăng ký điểm AF

Bạn có thể đăng ký điểm AF thường dùng với máy ảnh.

Khi bạn sử dụng nút hoặc nút gạt được đặt với màn hình cài đặt chi tiết của menu [ 3: Custom Controls (Điều khiển tùy chỉnh)] (tr.447) cho [Metering and AF start (Khởi động đo sáng và AF)], [Switch to registered AF point (Chuyển sang điểm AF được đăng ký)], [Selected AFpt ↔ Cent/Reg AFpt (Điểm AF được chọn ↔ Điểm AF trung tâm/được đăng ký)], [Direct AF point selection (Chọn trực tiếp điểm AF)] hoặc [Register/recall shooting func (Đăng ký/gọi ra chức năng chụp)], bạn có thể ngay lập tức chuyển từ điểm AF hiện tại sang điểm AF được đăng ký.

Để tìm hiểu chi tiết về đăng ký điểm AF, tham khảo trang 452.

Chế độ chọn vùng AF ☆

☐ AF một chấm điểm (chọn bằng tay)



Để xác định lấy nét chính xác trên một vùng hẹp hơn so với AF một điểm (chọn bằng tay). Chọn một điểm AF <☐> để lấy nét.

Hiệu quả khi cần lấy nét chính xác hoặc lấy nét các chủ thể chồng nhau như động vật trong chuồng.

Do AF một chấm điểm (chọn bằng tay) bao trùm một vùng rất nhỏ, có thể khó thực hiện lấy nét trong khi chụp cầm tay hoặc khi chủ thể chuyển động.

☐ AF một điểm (chọn bằng tay)

Chọn một điểm AF <☐> sẽ sử dụng để lấy nét.



☐ Mờ rộng điểm AF (chọn bằng tay)

Điểm AF đã chọn bằng tay <☐> và các điểm AF kề sát <☐> (trên, dưới, trái, phải) sẽ được sử dụng để lấy nét. Hiệu quả khi khó theo dõi chủ thể chuyển động với chỉ một điểm AF.

Với Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục, điểm AF được chọn bằng tay ban đầu <☐> phải theo dõi lấy nét chủ thể trước tiên. Tuy nhiên, lấy nét AI Servo có ưu thế hơn so với lấy nét tự động theo vùng trong việc lấy nét trên chủ thể mục tiêu.

Với Lấy nét một lần, khi lấy được nét với các điểm AF mờ rộng, các điểm AF mờ rộng <☐> cũng sẽ hiển thị cùng với điểm AF được chọn bằng tay <☐>.



Mở rộng điểm AF (Chọn bằng tay, các điểm bao quanh)

Điểm AF được chọn bằng tay <□> và các điểm AF bao quanh <▣> sẽ được sử dụng để lấy nét. Mở rộng điểm AF lớn hơn so với mở rộng điểm AF (chọn bằng tay <▣>), do đó lấy nét sẽ được thực hiện trên một vùng rộng hơn. Hiệu quả khi khó theo dõi chủ thể chuyển động với chỉ một điểm AF.

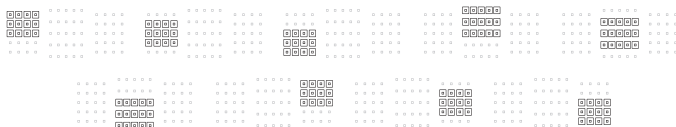
Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục và Lấy nét một lần hoạt động giống như trong chế độ mở rộng điểm AF (chọn bằng tay <▣>) (tr.97).



Lấy nét tự động theo vùng (Chọn vùng bằng tay)

Vùng AF được chia thành 9 vùng lấy nét để lấy nét. Tất cả điểm AF trong vùng đã chọn sẽ được sử dụng để chọn điểm AF tự động. Lấy nét tự động theo vùng có ưu thế hơn so với AF một điểm hoặc mở rộng điểm AF trong việc lấy nét và hiệu quả đối với chủ thể chuyển động. Tuy nhiên, chế độ này có xu hướng lấy nét trên chủ thể gần nhất, nên việc lấy nét mục tiêu cụ thể có thể khó khăn hơn so với AF một điểm hoặc mở rộng điểm AF.

(Các) điểm AF lấy được nét sẽ được hiển thị là <□>.



[] Lấy nét tự động theo vùng lớn (chọn vùng bằng tay)

Vùng AF được chia thành 3 vùng lấy nét (trái, trung tâm và phải) để lấy nét. Do vùng lấy nét lớn hơn so với lấy nét tự động theo vùng, nên chế độ này có ưu thế hơn trong việc lấy nét trên chủ thể. AF chọn tự động được sử dụng khiến lấy nét tự động theo vùng lớn có ưu thế hơn so với AF một điểm hoặc mở rộng điểm AF trong việc lấy nét, do đó hiệu quả đối với chủ thể chuyển động.

Tuy nhiên, chế độ này có xu hướng lấy nét trên chủ thể gần nhất, nên việc lấy nét mục tiêu cụ thể có thể khó khăn hơn so với AF một điểm. (Các) điểm AF lấy được nét sẽ được hiển thị là <□>.

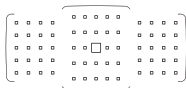


[] AF 65 điểm tự động chọn

Khung AF theo vùng (toàn bộ khu vực AF) sẽ được sử dụng để lấy nét. Chế độ này được thiết lập tự động trong chế độ <A+>.



Với Lấy nét một lần, nhấn nửa chừng nút chụp sẽ hiển thị (các) điểm AF <□> đã lấy được nét. Nếu nhiều điểm AF cùng hiển thị, điều đó có nghĩa là tất cả các điểm đó đều đã lấy nét được. Chế độ này ưu tiên lấy nét trên chủ thể gần nhất.



Với Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục, bạn có thể đặt điểm bắt đầu lấy nét AI Servo bằng [Initial AF pt (Điểm AF ban đầu), [] AI Servo AF (Lấy nét AI Servo)] (tr.129). Miễn là khung AF theo vùng có thể theo dõi chủ thể trong khi chụp, lấy nét sẽ tiếp tục.

(Các) điểm AF lấy được nét sẽ được hiển thị là <□>.



- Khi chế độ lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục được đặt thành AF 65 điểm tự động chọn, lấy nét tự động theo vùng lớn (chọn vùng bằng tay) hoặc lấy nét tự động theo vùng (chọn vùng bằng tay), điểm AF hoạt động <□> sẽ liên tục di chuyển để theo dõi chủ thể. Tuy nhiên, trong một số điều kiện chụp (ví dụ: khi chủ thể quá nhỏ), có thể không theo dõi được chủ thể. Ngoài ra, trong điều kiện nhiệt độ thấp, phản ứng theo dõi có thể chậm hơn.
- Với AF một chấm điểm (chọn bằng tay), lấy nét bằng tia giúp lấy nét của đèn Speedlite có thể gặp khó khăn.
- Nếu sử dụng điểm AF vùng ngoại vi hoặc ống kính góc rộng, lấy nét có thể khó khăn với tia giúp lấy nét của đèn Speedlite ngoài dành riêng cho máy EOS. Trong trường hợp này, sử dụng điểm AF gần trung tâm hơn.
- Khi (các) điểm AF sáng lên, một phần hoặc toàn bộ khung ngắm có thể nháy đỏ. Đây là một đặc tính của màn hình hiển thị điểm AF (sử dụng tinh thể lỏng).
- Ở nhiệt độ thấp, hiển thị của điểm AF có thể khó thấy. Đây là một đặc tính của màn hình hiển thị điểm AF (sử dụng tinh thể lỏng).



- Với [**AF4: Orientation linked AF point (Điểm AF theo hướng chụp)**], bạn có thể thiết lập chế độ chọn vùng AF + điểm AF (hoặc chỉ điểm AF) riêng cho hướng ngang và hướng dọc (tr.127).
- Với [**AF4: Selectable AF point (Điểm AF có thể chọn)**], bạn có thể thay đổi số lượng điểm AF có thể chọn bằng tay (tr.125).

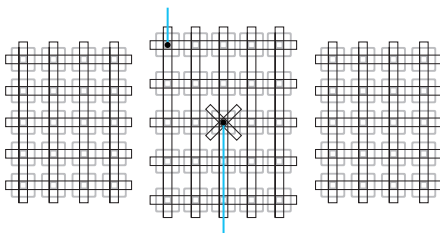
Cảm biến AF

Cảm biến AF của máy ảnh có 65 điểm AF. Hình minh họa bên dưới thể hiện mô hình cảm biến AF tương ứng với mỗi điểm AF. Với ống kính có khẩu độ lớn nhất $f/2.8$ hoặc lớn hơn, AF độ chính xác cao (high-precision AF) hoạt động với điểm AF trung tâm.

Số lượng điểm AF khả dụng và mô hình AF sẽ khác nhau tùy thuộc vào ống kính được lắp. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 102-109.

Biểu đồ

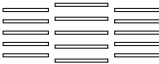
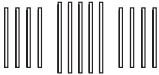
Lấy nét chữ thập: $f/5.6$ dọc + $f/5.6$ ngang



Lấy nét chữ thập đúng:

$f/2.8$ đường chéo phải + $f/2.8$ đường chéo trái

$f/5.6$ dọc + $f/5.6$ ngang

	Cảm biến lấy nét được thiết kế để đạt được lấy nét chính xác cao hơn với các ống kính có khẩu độ lớn nhất $f/2.8$ hoặc lớn hơn. Mô hình đường chéo giao nhau giúp dễ dàng lấy nét những chủ thể khó lấy nét. Mô hình áp dụng tại điểm AF trung tâm.
	Cảm biến lấy nét được thiết kế phù hợp với các ống kính có khẩu độ lớn nhất $f/5.6$ hoặc lớn hơn. Với một mẫu đường ngang đã có, các đường dọc được nhận diện. Mô hình áp dụng cho tất cả 65 điểm AF. Điểm AF trung tâm cùng các điểm AF kề sát ở trên và dưới phù hợp với các ống kính có khẩu độ lớn nhất $f/8$ hoặc lớn hơn.
	Cảm biến lấy nét được thiết kế phù hợp với các ống kính có khẩu độ lớn nhất $f/5.6$ hoặc lớn hơn. Với một mẫu đường dọc đã có, các đường ngang được nhận diện. Mô hình áp dụng cho tất cả 65 điểm AF. Điểm AF trung tâm cùng các điểm AF kề sát ở hai phía trái phải phù hợp với các ống kính có khẩu độ lớn nhất $f/8$ hoặc lớn hơn.

Ống kính và điểm AF khả dụng



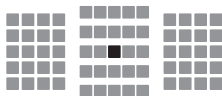
- Mặc dù máy ảnh có 65 điểm AF, số điểm AF khả dụng và các mô hình lấy nét sẽ khác nhau tùy thuộc vào ống kính. Các ống kính theo đó được xếp thành bảy nhóm từ A đến G.
- Khi sử dụng một ống kính trong nhóm từ E đến G, số điểm AF khả dụng sẽ ít hơn.
- Tham khảo các trang 106-109 để tìm hiểu thông tin về nhóm ống kính. Kiểm tra xem ống kính đang sử dụng thuộc về nhóm nào.



- Khi bạn nhấn nút , các điểm AF chỉ thị bởi dấu  sẽ nhấp nháy (Các điểm AF /  sẽ sáng). Về việc bật sáng hoặc nhấp nháy của điểm AF, tham khảo trang 96.
- Với những ống kính được bán ra sau khi EOS 7D Mark II bắt đầu bán trong nửa cuối năm 2014, tham khảo trang web Canon để biết ống kính thuộc nhóm nào.
- Một số ống kính có thể không có tại một vài quốc gia và khu vực.

Nhóm A

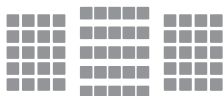
Lấy nét tự động với 65 điểm có thể sử dụng. Tất cả các chế độ chọn vùng AF đều có thể lựa chọn.



- : Điểm AF chữ thập kép. Theo dõi chủ thể tốt hơn và lấy nét chính xác cao hơn các điểm AF khác.
- : Điểm AF chữ thập. Theo dõi chủ thể tốt hơn và lấy được nét chính xác cao.

Nhóm B

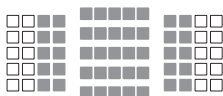
Lấy nét tự động với 65 điểm có thể sử dụng. Tất cả các chế độ chọn vùng AF đều có thể lựa chọn.



- : Điểm AF chữ thập. Theo dõi chủ thể tốt hơn và lấy được nét chính xác cao.

Nhóm C

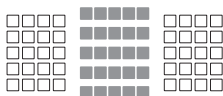
Lấy nét tự động với 65 điểm có thể sử dụng. Tất cả các chế độ chọn vùng AF đều có thể lựa chọn.



- : Điểm AF chữ thập. Theo dõi chủ thể tốt hơn và lấy được nét chính xác cao.
- : Các điểm AF nhảy với đường ngang.

Nhóm D

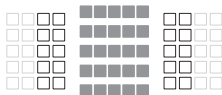
Lấy nét tự động với 65 điểm có thể sử dụng. Tất cả các chế độ chọn vùng AF đều có thể lựa chọn.



- : Điểm AF chữ thập. Theo dõi chủ thể tốt hơn và lấy được nét chính xác cao.
- : Các điểm AF nhảy với đường ngang.

Nhóm E

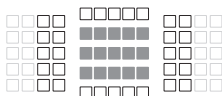
Lấy nét tự động chỉ có thể sử dụng với 45 điểm. (Không thể sử dụng với tất cả 65 điểm.) Tất cả các chế độ chọn vùng AF đều có thể lựa chọn. Trong khi tự động chọn điểm AF, khung phía ngoài đánh dấu vùng AF (Khung AF theo vùng) sẽ khác so với AF 65 điểm tự động chọn.



- : Điểm AF chữ thập. Theo dõi chủ thể tốt hơn và lấy được nét chính xác cao.
- : Các điểm AF nhạy với đường ngang.
- : Các điểm AF không khả dụng (không hiển thị).

Nhóm F

Lấy nét tự động chỉ có thể sử dụng với 45 điểm. (Không thể sử dụng với tất cả 65 điểm.) Tất cả các chế độ chọn vùng AF đều có thể lựa chọn. Trong khi tự động chọn điểm AF, khung phía ngoài đánh dấu vùng AF (Khung AF theo vùng) sẽ khác so với AF 65 điểm tự động chọn.



- : Điểm AF chữ thập. Theo dõi chủ thể tốt hơn và lấy được nét chính xác cao.
- : Các điểm AF nhạy với đường dọc (Các điểm AF nằm thẳng hàng ở hàng ngang phía trên và dưới) hoặc đường ngang (Các điểm AF nằm thẳng hàng ở hàng dọc phía trái hoặc phải).
- : Các điểm AF không khả dụng (không hiển thị).

Nhóm G

Lấy nét tự động có thể sử dụng với điểm AF trung tâm và các điểm AF kề sát phía trên, dưới, trái và phải. Chỉ những chế độ chọn vùng AF sau có thể lựa chọn: AF một điểm (chọn bằng tay), AF một chấm điểm (chọn bằng tay) và mở rộng điểm AF (chọn bằng tay $\square$).

Nếu ống kính được gắn ống nối và khẩu độ lớn nhất là f/8 (giữa f/5.6 và f/8), lấy nét tự động có thể sử dụng.



■ : Điểm AF chữ thập. Theo dõi chủ thể tốt hơn và lấy được nét chính xác cao.

□ : Các điểm AF nhảy với đường dọc (Các điểm AF kề sát nằm phía trên và dưới điểm AF trung tâm) hoặc đường ngang (Các điểm AF kề sát nằm phía trái hoặc phải điểm AF trung tâm).

Không thể chọn bằng tay. Chỉ hoạt động khi chọn “Mở rộng điểm AF (chọn bằng tay $\square$)”.

□ : Các điểm AF không khả dụng (không hiển thị).



- Nếu khẩu độ lớn nhất nhỏ hơn f/5.6 (số khẩu độ lớn nhất nằm trong khoảng f/5.6 đến f/8), có thể không lấy được nét với lấy nét tự động khi chụp chủ thể có độ tương phản thấp hoặc dưới ánh sáng yếu.
- Khi lắp Ống nối EF2x vào ống kính EF180mm f/3.5L Macro USM, không thể thực hiện lấy nét tự động.
- Nếu khẩu độ lớn nhất nhỏ hơn f/8 (số khẩu độ lớn nhất vượt quá f/8), không thể thực hiện lấy nét tự động trong khi chụp bằng khung ngắm.

Danh sách nhóm ống kính

EF-S24mm f/2.8 STM	A
EF-S60mm f/2.8 Macro USM	B
EF-S10-18mm f/4.5-5.6 IS STM	E
EF-S10-22mm f/3.5-4.5 USM	C
EF-S15-85mm f/3.5-5.6 IS USM	B
EF-S17-55mm f/2.8 IS USM	A
EF-S17-85mm f/4-5.6 IS USM	B
EF-S18-55mm f/3.5-5.6	C
EF-S18-55mm f/3.5-5.6 USM	C
EF-S18-55mm f/3.5-5.6 II	C
EF-S18-55mm f/3.5-5.6 II USM	C
EF-S18-55mm f/3.5-5.6 III	C
EF-S18-55mm f/3.5-5.6 IS	C
EF-S18-55mm f/3.5-5.6 IS II	C
EF-S18-55mm f/3.5-5.6 IS STM	C
EF-S18-135mm f/3.5-5.6 IS	B
EF-S18-135mm f/3.5-5.6 IS USM	B
EF-S18-135mm f/3.5-5.6 IS STM	B
EF-S18-200mm f/3.5-5.6 IS	B
EF-S55-250mm f/4-5.6 IS	B
EF-S55-250mm f/4-5.6 IS II	B
EF-S55-250mm f/4-5.6 IS STM	B
EF14mm f/2.8L USM	A
EF14mm f/2.8L II USM	A
EF15mm f/2.8 Mắt cá	A
EF20mm f/2.8 USM	A
EF24mm f/1.4L USM	A
EF24mm f/1.4L II USM	A
EF24mm f/2.8	A
EF24mm f/2.8 IS USM	A
EF28mm f/1.8 USM	A
EF28mm f/2.8	A
EF28mm f/2.8 IS USM	A
EF35mm f/1.4L USM	A
EF35mm f/1.4L II USM	A
EF35mm f/2	A
EF35mm f/2 IS USM	A
EF40mm f/2.8 STM	A
EF50mm f/1.0L USM	A
EF50mm f/1.2L USM	A
EF50mm f/1.4 USM	A
EF50mm f/1.8	A
EF50mm f/1.8 II	A
EF50mm f/1.8 STM	A
EF50mm f/2.5 Compact Macro	B

EF50mm f/2.5 Compact Macro + Bộ chuyển đổi KÍCH THƯỚC	B
EF85mm f/1.2L USM	A
EF85mm f/1.2L II USM	A
EF85mm f/1.8 USM	A
EF100mm f/2 USM	A
EF100mm f/2.8 Macro	B
EF100mm f/2.8 Macro USM	E
EF100mm f/2.8L Macro IS USM	B
EF135mm f/2L USM	A
EF135mm f/2L USM + Ống nối EF1.4x	A
EF135mm f/2L USM + Ống nối EF2x	B
EF135mm f/2.8 (Lấy nét mềm)	A
EF180mm f/3.5L Macro USM	B
EF180mm f/3.5L Macro USM + Ống nối EF1.4x	F
EF200mm f/1.8L USM	A
EF200mm f/1.8L USM + Ống nối EF1.4x	A*
EF200mm f/1.8L USM + Ống nối EF2x	B*
EF200mm f/2L IS USM	A
EF200mm f/2L IS USM + Ống nối EF1.4x	A
EF200mm f/2L IS USM + Ống nối EF2x	B
EF200mm f/2.8L USM	A
EF200mm f/2.8L USM + Ống nối EF1.4x	B
EF200mm f/2.8L USM + Ống nối EF2x	B
EF200mm f/2.8L II USM	A
EF200mm f/2.8L II USM + Ống nối EF1.4x	B
EF200mm f/2.8L II USM + Ống nối EF2x	B
EF300mm f/2.8L USM	A
EF300mm f/2.8L USM + Ống nối EF1.4x	B*
EF300mm f/2.8L USM + Ống nối EF2x	B*
EF300mm f/2.8L IS USM	A
EF300mm f/2.8L IS USM + Ống nối EF1.4x	B

EF300mm f/2.8L IS USM + Ống nối EF2x	B	EF400mm f/5.6L USM + Ống nối EF1,4x	G (f/8)
EF300mm f/2.8L IS II USM	A	EF500mm f/4L IS USM	B
EF300mm f/2.8L IS II USM + Ống nối EF1,4x	B	EF500mm f/4L IS USM + Ống nối EF1,4x	B
EF300mm f/2.8L IS II USM + Ống nối EF2x	B	EF500mm f/4L IS USM + Ống nối EF2x	G (f/8)
EF300mm f/4L USM	B	EF500mm f/4L IS II USM	B
EF300mm f/4L USM + Ống nối EF1,4x	B	EF500mm f/4L IS II USM + Ống nối EF1,4x	B
EF300mm f/4L USM + Ống nối EF2x	G (f/8)	EF500mm f/4L IS II USM + Ống nối EF2x	G (f/8)
EF300mm f/4L IS USM	B	EF500mm f/4.5L USM	B
EF300mm f/4L IS USM + Ống nối EF1,4x	B	EF500mm f/4.5L USM + Ống nối EF1,4x	G (f/8)*
EF300mm f/4L IS USM + Ống nối EF2x	G (f/8)	EF600mm f/4L USM	B
EF400mm f/2.8L USM	A	EF600mm f/4L USM + Ống nối EF1,4x	B*
EF400mm f/2.8L USM + Ống nối EF1,4x	B*	EF600mm f/4L USM + Ống nối EF2x	G (f/8)*
EF400mm f/2.8L USM + Ống nối EF2x	B*	EF600mm f/4L IS USM	B
EF400mm f/2.8L II USM	A	EF600mm f/4L IS USM + Ống nối EF1,4x	B
EF400mm f/2.8L II USM + Ống nối EF1,4x	B*	EF600mm f/4L IS USM + Ống nối EF2x	G (f/8)
EF400mm f/2.8L II USM + Ống nối EF2x	B*	EF600mm f/4L IS II USM	B
EF400mm f/2.8L IS USM	A	EF600mm f/4L IS II USM + Ống nối EF1,4x	B
EF400mm f/2.8L IS USM + Ống nối EF1,4x	B	EF600mm f/4L IS II USM + Ống nối EF2x	G (f/8)
EF400mm f/2.8L IS USM + Ống nối EF2x	B	EF800mm f/5.6L IS USM	E
EF400mm f/2.8L IS II USM	A	EF800mm f/5.6L IS USM + Ống nối EF1,4x	G (f/8)
EF400mm f/2.8L IS II USM + Ống nối EF1,4x	B	EF1200mm f/5.6L USM	E
EF400mm f/2.8L IS II USM + Ống nối EF2x	B	EF1200mm f/5.6L USM + Ống nối EF1,4x	G (f/8)*
EF400mm f/4 DO IS USM	B	EF8-15mm f/4L USM Mắt cá	B
EF400mm f/4 DO IS USM + Ống nối EF1,4x	B	EF11-24mm f/4L USM	C
EF400mm f/4 DO IS USM + Ống nối EF2x	G (f/8)	EF16-35mm f/2.8L USM	A
EF400mm f/4 DO IS II USM	B	EF16-35mm f/2.8L II USM	A
EF400mm f/4 DO IS II USM + Ống nối EF1,4x	B	EF16-35mm f/4L IS USM	B
EF400mm f/4 DO IS II USM + Ống nối EF2x	G (f/8)	EF17-35mm f/2.8L USM	A
EF400mm f/4 DO IS II USM + Ống nối EF1,4x	B	EF17-40mm f/4L USM	B
EF400mm f/4 DO IS USM + Ống nối EF2x	G (f/8)	EF20-35mm f/2.8L	A
EF400mm f/5.6L USM	B	EF20-35mm f/3.5-4.5 USM	C
		EF22-55mm f/4-5.6 USM	F
		EF24-70mm f/2.8L USM	A
		EF24-70mm f/2.8L II USM	A

EF24-70mm f/4L IS USM	B
EF24-85mm f/3.5-4.5 USM	D
EF24-105mm f/3.5-5.6 IS STM	B
EF24-105mm f/4L IS USM	B
EF24-105mm f/4L IS II USM	B
EF28-70mm f/2.8L USM	A
EF28-70mm f/3.5-4.5	E
EF28-70mm f/3.5-4.5 II	E
EF28-80mm f/2.8-4L USM	B
EF28-80mm f/3.5-5.6	E
EF28-80mm f/3.5-5.6 USM	E
EF28-80mm f/3.5-5.6 II	E
EF28-80mm f/3.5-5.6 II USM	E
EF28-80mm f/3.5-5.6 III USM	E
EF28-80mm f/3.5-5.6 IV USM	E
EF28-80mm f/3.5-5.6 V USM	E
EF28-90mm f/4-5.6	B
EF28-90mm f/4-5.6 USM	B
EF28-90mm f/4-5.6 II	B
EF28-90mm f/4-5.6 II USM	B
EF28-90mm f/4-5.6 III	B
EF28-105mm f/3.5-4.5 USM	B
EF28-105mm f/3.5-4.5 II USM	B
EF28-105mm f/4-5.6	F
EF28-105mm f/4-5.6 USM	F
EF28-135mm f/3.5-5.6 IS USM	B
EF28-200mm f/3.5-5.6	B
EF28-200mm f/3.5-5.6 USM	B
EF28-300mm f/3.5-5.6L IS USM	B
EF35-70mm f/3.5-4.5	E
EF35-70mm f/3.5-4.5A	E
EF35-80mm f/4-5.6	F
EF35-80mm f/4-5.6 PZ	E
EF35-80mm f/4-5.6 USM	F
EF35-80mm f/4-5.6 II	E
EF35-80mm f/4-5.6 III	F
EF35-105mm f/3.5-4.5	B
EF35-105mm f/4-5.6	G
EF35-105mm f/4-5.6 USM	G
EF35-135mm f/3.5-4.5	B
EF35-135mm f/4-5.6 USM	C
EF35-350mm f/3.5-5.6L USM	D
EF38-76mm f/4.5-5.6	E
EF50-200mm f/3.5-4.5	B
EF50-200mm f/3.5-4.5L	B
EF55-200mm f/4.5-5.6 USM	D

EF55-200mm f/4.5-5.6 II USM	D
EF70-200mm f/2.8L USM	A
EF70-200mm f/2.8L USM + Ống nối EF1,4x	B*
EF70-200mm f/2.8L USM + Ống nối EF2x	B*
EF70-200mm f/2.8L IS USM	A
EF70-200mm f/2.8L IS USM + Ống nối EF1,4x	B
EF70-200mm f/2.8L IS USM + Ống nối EF2x	B
EF70-200mm f/2.8L IS II USM	A
EF70-200mm f/2.8L IS II USM + Ống nối EF1,4x	B
EF70-200mm f/2.8L IS II USM + Ống nối EF2x	B
EF70-200mm f/4L USM	B
EF70-200mm f/4L USM + Ống nối EF1,4x	B
EF70-200mm f/4L USM + Ống nối EF2x	G (f/8)
EF70-200mm f/4L IS USM	B
EF70-200mm f/4L IS USM + Ống nối EF1,4x	B
EF70-200mm f/4L IS USM + Ống nối EF2x	G (f/8)
EF70-210mm f/3.5-4.5 USM	B
EF70-210mm f/4	B
EF70-300mm f/4-5.6 IS USM	B
EF70-300mm f/4-5.6L IS USM	B
EF70-300mm f/4.5-5.6 DO IS USM	B
EF75-300mm f/4-5.6	B
EF75-300mm f/4-5.6 USM	C
EF75-300mm f/4-5.6 II	B
EF75-300mm f/4-5.6 II USM	B
EF75-300mm f/4-5.6 III	B
EF75-300mm f/4-5.6 III USM	B
EF75-300mm f/4-5.6 IS USM	B
EF80-200mm f/2.8L	A
EF80-200mm f/4.5-5.6	D
EF80-200mm f/4.5-5.6 USM	E
EF80-200mm f/4.5-5.6 II	E
EF90-300mm f/4.5-5.6	D
EF90-300mm f/4.5-5.6 USM	D
EF100-200mm f/4.5A	B
EF100-300mm f/4.5-5.6 USM	C

EF100-300mm f/5.6	B
EF100-300mm f/5.6L	B
EF100-400mm f/4.5-5.6L IS USM	B
EF100-400mm f/4.5-5.6L IS USM + Ống nối EF1,4x	G (f/8)
EF100-400mm f/4.5-5.6L IS II USM	B
EF100-400mm f/4.5-5.6L IS II USM + Ống nối EF1.4x	G (F8)
EF200-400mm f/4L IS USM Ống nối 1.4x	B
EF200-400mm f/4L IS USM Tích hợp ống nối 1,4x: Sử dụng ống nối tích hợp 1,4x	B
EF200-400mm f/4L IS USM Tích hợp ống nối 1,4x + Ống nối EF1,4x	B
EF200-400mm f/4L IS USM Tích hợp ống nối 1,4x: Sử dụng ống nối tích hợp 1,4x + Ống nối EF1,4x	G (f/8)
EF200-400mm f/4L IS USM Tích hợp ống nối 1,4x + Ống nối EF2x	G (f/8)
TS-E17mm f/4L	B
TS-E24mm f/3.5L	B
TS-E24mm f/3.5L II	B
TS-E45mm f/2.8	A
TS-E90mm f/2.8	A



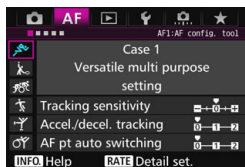
Khi sử dụng kết hợp ống kính và ống nối được đánh dấu *, có thể không lấy được nét chính xác với lấy nét tự động. Tham khảo hướng dẫn sử dụng ống kính hoặc ống nối được sử dụng.



“Ống nối EF1,4x” và “Ống nối EF2x” áp dụng cho tất cả các model I/II/III (trong nhóm này).

MENU Chọn đặc tính Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục ☆

Bạn có thể dễ dàng tinh chỉnh Lấy nét AI Servo để thích hợp với chủ thể hoặc cảnh cụ thể bằng cách chọn tùy chọn trong Case 1 (trường hợp 1) đến Case 6 (trường hợp 6). Tính năng này được gọi là “Công cụ định cấu hình AF”.



1 Chọn tab [AF1].

2 Chọn một trường hợp.

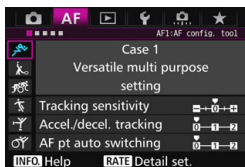
- Xoay nút xoay < > để chọn biểu tượng trường hợp, rồi nhấn < >.
- ▶ Trường hợp đã chọn sẽ được đặt. Trường hợp đã chọn biểu thị bằng màu xanh da trời.

Trường hợp 1 đến 6

Như được giải thích trên các trang 115 đến 117, trường hợp 1 đến 6 là sáu tổ hợp cài đặt của “Tracking sensitivity” (Độ nhạy theo dõi), “Acceleration/deceleration tracking” (Tăng/giảm tốc độ theo dõi) và “AF point auto switching” (Tự động chuyển đổi điểm AF). Tham khảo bảng sau để chọn trường hợp có thể áp dụng cho chủ thể hoặc cảnh.

Trường hợp	Biểu tượng	Mô tả	Chủ thể có thể áp dụng	Trang
Case 1 (Trường hợp 1)		Cài đặt đa chức năng	Đối với chủ thể chuyển động bất kỳ.	111
Case 2 (Trường hợp 2)		Tiếp tục theo dõi chủ thể, bỏ qua chướng ngại vật có thể xuất hiện	Vận động viên quần vợt, bơi bướm, trượt tuyết tự do, v.v...	111
Case 3 (Trường hợp 3)		Lấy nét ngay chủ thể đột ngột tiến vào điểm AF	Vạch xuất phát trong đua xe đạp, trượt tuyết xuống dốc núi cao, v.v...	112
Case 4 (Trường hợp 4)		Đối với chủ thể tăng/giảm tốc nhanh	Bóng đá, mô tô thể thao, bóng rổ, v.v...	112
Case 5 (Trường hợp 5)		Đối với chủ thể di chuyển nhanh thất thường theo bất kỳ hướng nào (tắt ở chế độ AF một điểm)	Người trượt băng nghệ thuật, v.v...	113
Case 6 (Trường hợp 6)		Đối với chủ thể thay đổi tốc độ và di chuyển tự do (tắt ở chế độ AF một điểm)	Thể dục nhịp điệu, v.v...	114

Trường hợp 1: Cài đặt đa chức năng



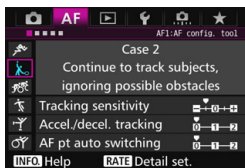
Cài đặt mặc định

- Tracking sensitivity (Độ nhạy theo dõi): 0
- Accel./decel. tracking (Tăng/giảm tốc độ theo dõi): 0
- AF pt auto switching (Tự động chuyển đổi điểm AF): 0

Cài đặt tiêu chuẩn thích hợp với chủ thể chuyển động. Có thể sử dụng cho nhiều chủ thể và cảnh.

Chọn [**Case 2 (Trường hợp 2)**] đến [**Case 6 (Trường hợp 6)**] trong các trường hợp sau: Khi chúmng ngại vật đi qua điểm AF hoặc chủ thể sắp chệch khỏi điểm AF, khi muốn lấy nét nhanh chủ thể xuất hiện đột ngột, khi tốc độ chuyển động của chủ thể thay đổi đột ngột hay khi chủ thể di chuyển đáng kể theo hướng dọc hoặc ngang.

Trường hợp 2: Tiếp tục theo dõi chủ thể, bỏ qua chúmng ngại vật có thể xuất hiện



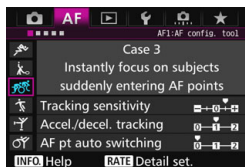
Cài đặt mặc định

- Tracking sensitivity (Độ nhạy theo dõi): -1
- Accel./decel. tracking (Tăng/giảm tốc độ theo dõi): 0
- AF pt auto switching (Tự động chuyển đổi điểm AF): 0

Máy ảnh sẽ tiếp tục lấy nét chủ thể khi chúmng ngại vật tiến vào điểm AF hoặc khi các điểm AF chệch khỏi chủ thể. Có hiệu quả khi có chúmng ngại vật cản trở chủ thể hoặc khi bạn không muốn lấy nét hậu cảnh.

Nếu chúmng ngại vật tiến vào hoặc chủ thể chệch khỏi điểm AF trong một khoảng thời gian dài dẫn đến cài đặt mặc định không theo dõi được chủ thể mục tiêu, đặt [**Tracking sensitivity (Độ nhạy theo dõi)**] thành [-2] có thể đem lại hiệu quả tốt hơn (tr.115).

Trường hợp 3: Lấy nét ngay chủ thể đột ngột tiến vào điểm AF



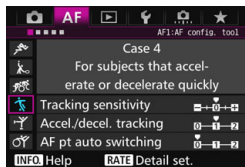
Khi sử dụng một điểm AF theo dõi chủ thể, cài đặt này cho phép máy ảnh lấy nét nhiều chủ thể liên tục ở những khoảng cách khác nhau. Nếu chủ thể mới xuất hiện trước chủ thể mục tiêu, máy ảnh sẽ bắt đầu lấy nét trên chủ thể mới. Chức năng này cũng có hiệu lực nếu muốn luôn lấy nét chủ thể gần nhất.

Cài đặt mặc định

- Tracking sensitivity
(Độ nhạy theo dõi): Nhạy cảm: +1
- Accel./decel. tracking
(Tăng/giảm tốc độ theo dõi): +1
- AF pt auto switching
(Tự động chuyển đổi điểm AF): 0

 Nếu bạn muốn nhanh chóng lấy nét chủ thể xuất hiện đột ngột, đặt **[Tracking sensitivity (Độ nhạy theo dõi)]** thành **[+2]** có thể đem lại hiệu quả tốt hơn (tr.115).

Trường hợp 4: Đối với chủ thể tăng/giảm tốc nhanh



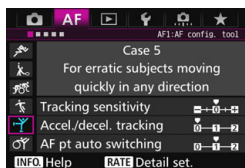
Thích hợp để theo dõi chủ thể di chuyển với tốc độ thay đổi đột ngột. Phù hợp với chủ thể có những chuyển động, tăng/giảm tốc hoặc dừng đột ngột.

Cài đặt mặc định

- Tracking sensitivity
(Độ nhạy theo dõi): 0
- Accel./decel. tracking
(Tăng/giảm tốc độ theo dõi): +1
- AF pt auto switching
(Tự động chuyển đổi điểm AF): 0

 Nếu chủ thể đang chuyển động và để thay đổi tốc độ đột ngột, đặt **[Accel./decel. tracking (Tăng/giảm tốc độ theo dõi)]** thành **[+2]** có thể đem lại hiệu quả tốt hơn (tr.116).

Trường hợp 5: Đối với chủ thể di chuyển nhanh thất thường theo bất kỳ hướng nào (tắt ở chế độ AF một điểm)



Cài đặt mặc định

- Tracking sensitivity
(Độ nhạy theo dõi): 0
- Accel./decel. tracking
(Tăng/giảm tốc độ theo dõi): 0
- AF pt auto switching
(Tự động chuyển đổi điểm AF): +1

Mặt dù chủ thể mục tiêu di chuyển đáng kể lên trên, xuống dưới, sang trái hoặc sang phải, điểm AF sẽ tự động chuyển sang theo dõi lấy nét chủ thể. Có hiệu quả khi chụp chủ thể di chuyển đáng kể lên trên, xuống dưới, sang trái hoặc sang phải.

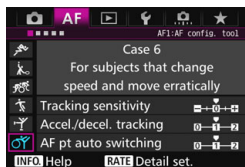
Cài đặt này hoạt động khi chế độ chọn vùng AF được đặt thành Mở rộng điểm AF (chọn bằng tay $\square$), Mở rộng điểm AF (chọn bằng tay, các điểm bao quanh), Lấy nét tự động theo vùng (chọn vùng bằng tay), Lấy nét tự động theo vùng lớn (chọn vùng bằng tay) hoặc AF 65 điểm tự động chọn.

Cài đặt này không thể sử dụng với chế độ AF một chấm điểm (chọn bằng tay) và AF một điểm (chọn bằng tay).



Nếu chủ thể di chuyển đáng kể hơn lên trên, xuống dưới, sang trái hoặc sang phải, đặt [AF pt auto switching (Tự động chuyển đổi điểm AF)] thành [+2] có thể đem lại hiệu quả tốt hơn (tr.117).

Trường hợp 6: Đối với chủ thể thay đổi tốc độ và di chuyển tự do (tắt ở chế độ AF một điểm)



Cài đặt mặc định

- Tracking sensitivity
(Độ nhạy theo dõi): 0
- Accel./decel. tracking
(Tăng/giảm tốc độ theo dõi): +1
- AF pt auto switching
(Tự động chuyển đổi điểm AF): +1

Thích hợp để theo dõi chủ thể di chuyển với tốc độ thay đổi đột ngột. Ngoài ra, nếu chủ thể mục tiêu di chuyển đáng kể lên trên, xuống dưới, sang trái hoặc sang phải và khó lấy nét, điểm AF sẽ tự động chuyển sang theo dõi chủ thể.

Cài đặt này hoạt động khi chế độ chọn vùng AF được đặt thành Mở rộng điểm AF (chọn bằng tay $\square \square \square$), Mở rộng điểm AF (chọn bằng tay, các điểm bao quanh), Lấy nét tự động theo vùng (chọn vùng bằng tay), Lấy nét tự động theo vùng lớn (chọn vùng bằng tay) hoặc AF 65 điểm tự động chọn.

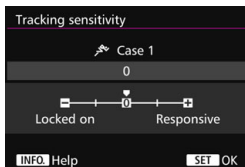
Cài đặt này không thể sử dụng với chế độ AF một chấm điểm (chọn bằng tay) và AF một điểm (chọn bằng tay).



- Nếu chủ thể đang chuyển động và dễ thay đổi tốc độ đột ngột, đặt **[Accel./decel. tracking (Tăng/giảm tốc độ theo dõi)]** thành **[+2]** có thể đem lại hiệu quả tốt hơn (tr.116).
- Nếu chủ thể di chuyển đáng kể hơn lên trên, xuống dưới, sang trái hoặc sang phải, đặt **[AF pt auto switching (Tự động chuyển đổi điểm AF)]** thành **[+2]** có thể đem lại hiệu quả tốt hơn (tr.117).

Thông số

● Tracking sensitivity (Độ nhạy theo dõi)



Bạn có thể thiết lập độ nhạy theo dõi chủ thể trong khi lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục, khi chương ngại vật tiến vào điểm AF hoặc khi các điểm AF chệch khỏi chủ thể.

0

Cài đặt mặc định. Thích hợp với chủ thể đang di chuyển bình thường.

Locked on: -2 (Khóa: -2) / Locked on: -1 (Khóa: -1)

Máy ảnh sẽ tiếp tục lấy nét chủ thể khi chương ngại vật tiến vào điểm AF hoặc khi các điểm AF chệch khỏi chủ thể. Cài đặt -2 khiến máy ảnh theo dõi chủ thể mục tiêu lâu hơn so với cài đặt -1. Tuy nhiên, nếu máy ảnh lấy nét sai chủ thể, sẽ tốn nhiều thời gian hơn để chuyển và lấy nét chủ thể mục tiêu.

Responsive: +2 (Nhạy cảm: +2) / Responsive: +1 (Nhạy cảm: +1)

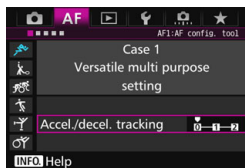
Máy ảnh có thể lấy nét nhiều chủ thể liên tục ở những khoảng cách khác nhau được điểm AF bao trùm. Chức năng này cũng có hiệu lực nếu muốn luôn lấy nét chủ thể gần nhất. Cài đặt +2 nhạy hơn so với +1 khi lấy nét chủ thể tiếp theo.

Tuy nhiên, máy ảnh sẽ có xu hướng lấy nét nhầm chủ thể.



Tính năng **[Tracking sensitivity (Độ nhạy theo dõi)]** ở máy ảnh EOS-1D Mark III/IV, EOS-1Ds Mark III và EOS 7D có tên **[AI Servo tracking sensitivity (Độ nhạy theo dõi AI Servo - lấy nét liên tục)]**.

● Acceleration/deceleration tracking (Tăng/giảm tốc độ theo dõi)



Chức năng này thiết lập độ nhạy theo dõi cho chủ thể thay đổi tốc độ liên tục khi di chuyển hoặc dừng lại đột ngột, v.v...

0

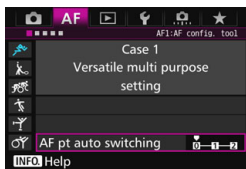
Thích hợp với chủ thể di chuyển theo tốc độ ổn định (thay đổi nhỏ nhất trong tốc độ di chuyển).

+2 / +1

Phù hợp với chủ thể có những chuyển động, tăng/giảm tốc hoặc dừng đột ngột. Ngay cả khi tốc độ di chuyển của chủ thể thay đổi đột ngột đáng kể, máy ảnh vẫn tiếp tục lấy nét chủ thể mục tiêu. Ví dụ, với chủ thể đang tiến lại gần, máy ảnh sẽ hạn chế lấy nét phía sau chủ thể để tránh làm chủ thể bị mờ. Với chủ thể dừng đột ngột, máy ảnh sẽ hạn chế lấy nét phía trước chủ thể. Cài đặt +2 theo dõi những thay đổi đột ngột của tốc độ chủ thể nhanh hơn so với cài đặt +1.

Tuy nhiên, do máy ảnh sẽ phản ứng với những chuyển động nhỏ nhất của chủ thể, nên đôi lúc việc lấy nét trở nên không ổn định.

● AF point auto switching (Tự động chuyển đổi điểm AF)



Chức năng này cài đặt độ nhạy chuyển đổi của điểm AF khi theo dõi chủ thể đang di chuyển đáng kể lên trên, xuống dưới, sang trái hoặc sang phải.

Cài đặt này hoạt động khi chế độ chọn vùng AF được đặt thành Mở rộng điểm AF (chọn bằng tay $\square$), Mở rộng điểm AF (chọn bằng tay, các điểm bao quanh), Lấy nét tự động theo vùng (chọn vùng bằng tay), Lấy nét tự động theo vùng lớn (chọn vùng bằng tay) hoặc AF 65 điểm tự động chọn.

0

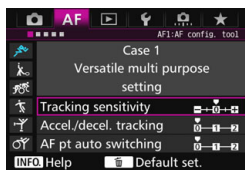
Cài đặt tiêu chuẩn cho chuyển đổi dần điểm AF.

+2 / +1

Ngay cả khi chủ thể mục tiêu di chuyển đáng kể lên trên, xuống dưới, sang trái hoặc sang phải và ra xa khỏi điểm AF, máy ảnh chuyển lấy nét sang điểm AF lân cận để tiếp tục lấy nét chủ thể. Máy ảnh chuyển sang điểm AF được coi là dễ lấy nét chủ thể nhất dựa trên chuyển động liên tiếp, độ tương phản, v.v... của chủ thể. Đặt máy ảnh thành +2 sẽ dễ chuyển đổi điểm AF hơn so với cài đặt +1. Tuy nhiên, nếu sử dụng ống kính góc rộng có độ sâu trường ảnh rộng hoặc nếu chủ thể quá nhỏ trong khung lấy nét, máy ảnh có thể chọn nhầm điểm AF để lấy nét.

Thay đổi cài đặt thông số kỹ thuật của các trường hợp

Bạn có thể điều chỉnh bằng tay 3 thông số kỹ thuật của từng trường hợp: 1. Tracking sensitivity (Độ nhạy theo dõi), 2. Acceleration/ deceleration tracking (Tăng/giảm tốc độ theo dõi), và 3. AF point auto switching (Tự động chuyển đổi điểm AF).

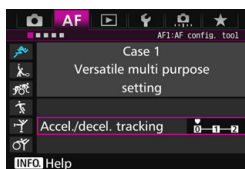


1 Chọn một trường hợp.

- Xoay nút xoay <⌚> để chọn biểu tượng trường hợp bạn muốn điều chỉnh.

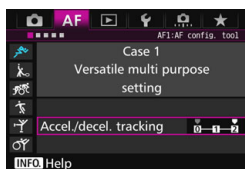
2 Nhấn nút <RATE>.

- Thông số kỹ thuật đã chọn sẽ xuất hiện khung màu tím.



3 Chọn thông số kỹ thuật cần điều chỉnh.

- Chọn thông số kỹ thuật cần điều chỉnh, rồi nhấn <SET>.
- Khi đã chọn độ nhạy theo dõi, màn hình cài đặt sẽ xuất hiện.



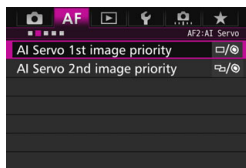
4 Thực hiện điều chỉnh.

- Điều chỉnh cài đặt, rồi nhấn <SET>.
- ▶ Điều chỉnh đã được lưu.
- Cài đặt mặc định được biểu thị bằng dấu [] màu xám nhạt.
- Để trở về màn hình ở bước 1, nhấn nút <RATE>.



- Ở bước 2, nếu nhấn nút <RATE> rồi nhấn nút <⌚>, bạn có thể trở lại cài đặt thông số kỹ thuật 1, 2 và 3 trên cho từng trường hợp.
- Cũng có thể đăng ký cài đặt thông số kỹ thuật 1, 2 và 3 vào Danh mục riêng (tr.461). Làm vậy sẽ thay đổi cài đặt của trường hợp đã chọn.
- Khi chụp với trường hợp đã được điều chỉnh thông số kỹ thuật, chọn trường hợp đã điều chỉnh đó, rồi chụp ảnh.

MENU Tùy chỉnh chức năng AF ☆

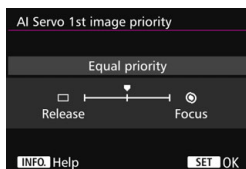


Với các tab menu [AF2] đến [AF5], bạn có thể đặt chức năng AF để phù hợp với kiểu chụp hoặc chủ thể.

AF2: AI Servo

AI Servo 1st image priority (Ưu tiên AI Servo ảnh đầu tiên)

Bạn có thể thiết lập các đặc tính của thao tác lấy nét tự động và thời điểm nhả màn trập cho ảnh chụp đầu tiên với Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục.



□/⊙: Equal priority (Ưu tiên cân bằng)

Lấy nét và nhả màn trập được ưu tiên ngang nhau.

□: Release priority (Ưu tiên nhả màn trập)

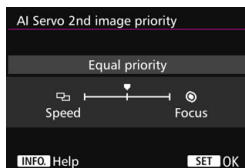
Ảnh sẽ được chụp ngay khi nhấn nút chụp ngay cả khi chưa lấy được nét. Có hiệu quả khi bạn muốn ưu tiên chụp ảnh hơn việc lấy nét.

⊙: Focus priority (Ưu tiên lấy nét)

Mặc dù nhấn nút chụp, máy ảnh cũng sẽ không chụp ảnh cho đến khi lấy được nét. Có hiệu quả khi bạn muốn lấy nét trước khi chụp.

AI Servo 2nd image priority (Ưu tiên AI Servo ảnh thứ 2)

Bạn có thể thiết lập các đặc tính của thao tác lấy nét tự động và thời điểm nhả màn trập khi chụp liên tục sau ảnh đầu tiên chụp với Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục.



Equal priority (Ưu tiên cân bằng)

Lấy nét và tốc độ chụp liên tục được ưu tiên ngang nhau. Trong điều kiện ánh sáng yếu hoặc chủ thể có độ tương phản thấp, tốc độ chụp có thể giảm.

Shooting speed priority (Ưu tiên tốc độ chụp)

Ưu tiên tốc độ chụp liên tục hơn việc lấy nét.

Focus priority (Ưu tiên lấy nét)

Ưu tiên lấy nét hơn tốc độ chụp liên tục. Ảnh sẽ không được chụp cho đến khi lấy được nét.



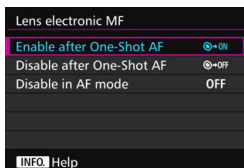
Trong các điều kiện chụp kích hoạt chụp chống nhấp nháy (tr.187), ngay cả khi thiết lập [**Shooting speed priority (Ưu tiên tốc độ chụp)**], tốc độ chụp liên tục có thể chậm hơn đôi chút hoặc khoảng chụp có thể không đều.

AF3: Một ảnh

Lens electronic MF (Lấy nét tay điện tử của ống kính)

Với các ống kính USM và STM sau được trang bị vòng lấy nét điện tử, bạn có thể đặt có sử dụng lấy nét tay điện tử hay không.

EF-S18-135mm f/3.5-5.6 IS USM	EF200mm f/1.8L USM	EF500mm f/4.5L USM
EF50mm f/1.0 L USM	EF300mm f/2.8L USM	EF600mm f/4L USM
EF85mm f/1.2L USM	EF400mm f/2.8L USM	EF1200mm f/5.6L USM
EF85mm f/1.2L II USM	EF400mm f/2.8L II USM	EF28-80mm f/2.8-4L USM
EF-S24mm f/2.8 STM	EF-S18-135mm f/3.5-5.6 IS STM	EF50mm f/1.8 STM
EF-S10-18mm f/4.5-6.3 IS STM	EF-S55-250mm f/4-5.6 IS STM	EF24-105mm f/3.5-5.6 IS STM
EF-S18-55mm f/3.5-5.6 IS STM	EF40mm f/2.8 STM	



☞ON: Enable after One-Shot AF (Bật sau khi lấy nét một lần)

Sau thao tác lấy nét tự động, nếu nhấn giữ nửa chừng nút chụp, bạn có thể hiệu chỉnh lấy nét bằng tay.

☞OFF: Disable after One-Shot AF (Tắt sau khi lấy nét một lần)

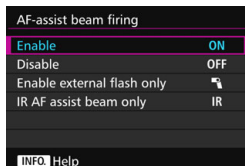
Sau thao tác lấy nét tự động, hiệu chỉnh lấy nét bằng tay sẽ bị tắt.

OFF: Disable in AF mode (Tắt trong chế độ AF)

Khi đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <AF>, lấy nét bằng tay sẽ bị tắt.

AF-assist beam firing (Đánh sáng tia giúp lấy nét)

Bật hoặc tắt tia giúp lấy nét của đèn flash tích hợp hoặc đèn Speedlite ngoài dành riêng cho máy EOS.

**ON: Enable (Bật)**

Nếu cần, tia giúp lấy nét sẽ được phát ra.

OFF: Disable (Tắt)

Không phát ra tia giúp lấy nét. Việc này ngăn tia giúp lấy nét khỏi ảnh hưởng tới người xung quanh.

Flash icon: Enable external flash only (Chỉ bật flash ngoài)

Chỉ khi sử dụng đèn tốc độ ngoài, đèn sẽ phát ra tia giúp lấy nét khi cần. Đèn flash tích hợp của máy ảnh sẽ không đánh sáng tia giúp lấy nét.

IR: IR AF assist beam only (Chỉ dùng tia giúp lấy nét hồng ngoại)

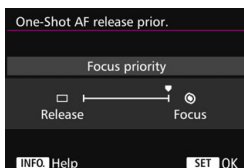
Nếu lắp đèn Speedlite ngoài, đèn chỉ phát ra tia giúp lấy nét hồng ngoại. Điều này ngăn các tia giúp lấy nét không phát ra như một loạt các flash nhỏ.

Với đèn Speedlite sê-ri EX có trang bị đèn LED, đèn LED sẽ không tự động bật để hỗ trợ lấy nét.

! Nếu chức năng tùy chỉnh [**AF-assist beam firing (Đánh sáng tia giúp lấy nét)**] của đèn Speedlite ngoài được đặt thành [**Disabled (Tắt)**], đèn Speedlite sẽ không phát ra tia giúp lấy nét không phụ thuộc vào cài đặt.

One-Shot AF release priority**(Lấy nét một lần ưu tiên nhả màn trập)**

Bạn có thể đặt đặc tính thao tác lấy nét tự động và thời điểm nhả nút chụp cho lấy nét một lần.

**☉: Focus priority (Ưu tiên lấy nét)**

Ảnh sẽ không được chụp cho đến khi lấy được nét. Có hiệu quả khi bạn muốn lấy nét trước khi chụp.

☐: Release priority (Ưu tiên nhả màn trập)

Ưu tiên chụp ảnh hơn việc lấy nét. Cài đặt này ưu tiên chụp ảnh hơn lấy nét chính xác.

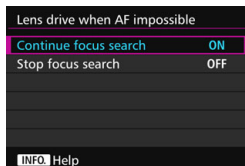
Lưu ý rằng ảnh sẽ được chụp ngay cả khi chưa lấy được nét.

AF4

Lens drive when AF impossible

(Điều khiển ống kính khi không thể lấy nét tự động)

Nếu lấy nét tự động không lấy được nét, bạn có thể điều khiển ống kính tiếp tục hoặc dừng tìm kiếm lấy nét chính xác.

**ON: Continue focus search****(Tiếp tục tìm kiếm lấy nét)**

Nếu không lấy được nét bằng lấy nét tự động, máy ảnh sẽ điều khiển ống kính để tìm kiếm lấy nét chính xác.

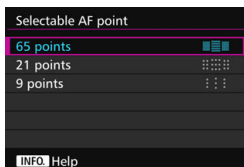
OFF: Stop focus search**(Dừng tìm kiếm lấy nét)**

Nếu lấy nét tự động bắt đầu và không lấy được nét hoặc chủ thể ở ngoài vùng lấy nét, điều khiển ống kính sẽ dừng. Điều này ngăn ống kính lệch nét quá xa khi tìm kiếm lấy nét.

 Những ống kính có phạm vi điều khiển lấy nét rộng như ống kính siêu xa, v.v... có thể lệch nét nghiêm trọng khi tìm kiếm lấy nét, khiến cho lần lấy nét sau tốn nhiều thời gian hơn. Nên đặt [**Stop focus search (Dừng tìm kiếm lấy nét)**].

Selectable AF point (Điểm AF có thể chọn)

Bạn có thể thay đổi số điểm AF có thể chọn bằng tay. Nếu đặt AF 65 điểm tự động chọn, khung AF theo vùng (toàn bộ khu vực AF) sẽ được dùng để lấy nét tự động không phụ thuộc vào cài đặt bên dưới.



: **65 points (65 điểm)**

Có thể chọn tất cả 65 điểm AF bằng tay.

: **21 points (21 điểm)**

Có thể chọn 21 điểm AF chính bằng tay.

: **9 points (9 điểm)**

Có thể chọn 9 điểm AF chính bằng tay.

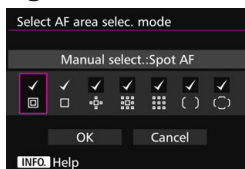
 Khi sử dụng ống kính từ nhóm E đến G (tr.104-105), số điểm AF có thể chọn bằng tay sẽ ít hơn.



- Ngay cả khi cài đặt khác với **[65 points (65 điểm)]**, bạn vẫn có thể sử dụng Mở rộng điểm AF (chọn bằng tay ) , Mở rộng điểm AF (chọn bằng tay, các điểm bao quanh), Lấy nét tự động theo vùng (chọn vùng bằng tay) và Lấy nét tự động theo vùng lớn (chọn vùng bằng tay).
- Khi nhấn nút , những điểm AF không thể chọn bằng tay sẽ không hiển thị trong khung ngắm.

Select AF area selection mode (Chọn chế độ lựa chọn vùng AF)

Bạn có thể hạn chế các chế độ chọn vùng AF có thể chọn cho phù hợp với sở thích chụp của mình. Chọn chế độ chọn mong muốn rồi nhấn **<SET>** để đánh dấu chọn **<✓>**. Sau đó chọn **[OK]** để đăng ký cài đặt.



☐: Manual select.:Spot AF (Chọn bằng tay:AF một chấm điểm)

Để xác định lấy nét chính xác với một vùng hẹp hơn so với AF một điểm (chọn bằng tay).

☐: Manual selection:1 pt AF (Chọn bằng tay:AF một điểm)

Có thể chọn một trong các điểm AF được thiết lập bởi cài đặt **[Selectable AF point (Điểm AF có thể chọn)]**.

⦶: Expand AF area (Mở rộng vùng AF):⦶

Máy ảnh sẽ lấy nét với điểm AF được chọn bằng tay và các điểm AF kề sát (phía trên, dưới, trái và phải).

⦶: Expand AF area:Surround (Mở rộng vùng AF:Bao quanh)

Máy ảnh sẽ lấy nét với điểm AF được chọn bằng tay và các điểm AF bao quanh.

⦶: Manual select.:Zone AF (Chọn bằng tay:Lấy nét tự động theo vùng)

Vùng AF được chia thành 9 vùng lấy nét để lấy nét.

(): Manual select.:Large Zone AF (Chọn bằng tay:Lấy nét tự động theo vùng lớn)

Vùng AF được chia thành 3 vùng lấy nét để lấy nét.

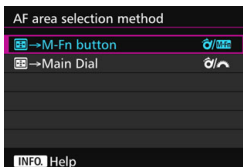
(○): Auto selection:65 pt AF (Chọn tự động:AF 65 điểm)

Khung AF theo vùng (toàn bộ khu vực AF) sẽ được sử dụng để lấy nét.

- ⓘ Không thể xóa dấu chọn **<✓>** từ **[Manual selection:1 pt AF (Chọn bằng tay:AF một điểm)]**.
- Nếu ống kính được lắp thuộc nhóm G (tr.105), bạn chỉ có thể chọn **[Manual select.:Spot AF (Chọn bằng tay:AF chấm điểm)]**, **[Manual selection:1 pt AF (Chọn bằng tay:AF một điểm)]** và **[Expand AF area (Mở rộng vùng AF):⦶]**.

AF area selection method (Phương pháp lựa chọn vùng AF)

Bạn có thể thiết lập phương pháp thay đổi chế độ chọn vùng AF.



/ **M-Fn**: → **M-Fn button**
(Nút M-Fn)

Sau khi nhấn nút <>, thao tác nút <> hoặc <M-Fn> sẽ thay đổi chế độ chọn vùng AF.

/ : → **Main Dial**
(Nút xoay chính)

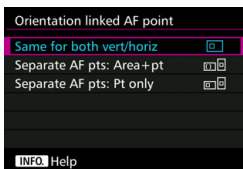
Sau khi nhấn nút <>, thao tác nút <> hoặc nút xoay <> sẽ thay đổi chế độ chọn vùng AF.



Khi đặt [→ **Main Dial (Nút xoay chính)**], sử dụng nút <> để di chuyển điểm AF theo chiều ngang.

Orientation linked AF point (Điểm AF theo hướng chụp)

Bạn có thể thiết lập điểm AF hoặc chế độ chọn vùng AF + điểm AF riêng cho chụp dọc và chụp ngang.



: **Same for both vert/horiz**
(Giống nhau với chụp ngang/chụp dọc)

Một chế độ chọn vùng AF và chọn điểm (vùng) AF bằng tay được áp dụng cho cả chụp ngang và chụp dọc.

: **Separate AF pts: Area+pt (Điểm AF riêng biệt: Vùng+điểm)**

Có thể đặt chế độ chọn vùng AF và điểm (hoặc vùng) AF riêng cho mỗi hướng của máy ảnh (1. Hướng ngang, 2. Hướng dọc với báng máy ở bên trên, 3. Hướng dọc với báng máy ở bên dưới).

Khi chọn chế độ chọn vùng AF và điểm (vùng) AF bằng tay cho một trong ba hướng của máy ảnh, chúng sẽ được đặt cho từng hướng tương ứng. Khi bạn thay đổi hướng của máy ảnh trong khi chụp, máy ảnh sẽ chuyển về chế độ chọn vùng AF và điểm (hoặc vùng) AF được chọn bằng tay sẽ được đặt cho hướng đó.

: **Separate AF pts: Pt only (Điểm AF riêng biệt: Chỉ điểm)**

Có thể đặt điểm AF riêng cho mỗi hướng của máy ảnh (1. Hướng ngang, 2. Hướng dọc với báng máy ở bên trên, 3. Hướng dọc với báng máy ở bên dưới). Trong khi sử dụng cùng một chế độ chọn vùng AF, điểm AF sẽ tự động chuyển cho hướng tương ứng của máy ảnh.

Tính năng này hoạt động với Chọn bằng tay:AF chấm điểm, Chọn bằng tay:AF một điểm, Mở rộng vùng AF:  và Mở rộng vùng AF: Bao quanh. Khi chọn điểm AF bằng tay cho mỗi hướng trong ba hướng của máy ảnh, điểm AF sẽ được ghi cho từng hướng tương ứng. Trong khi chụp, điểm AF được chọn bằng tay sẽ chuyển để phù hợp với hướng tương ứng của máy ảnh. Ngay cả khi bạn thay đổi chế độ chọn vùng AF thành Chọn bằng tay:AF chấm điểm, Chọn bằng tay:AF một điểm, Mở rộng vùng AF:  hoặc Mở rộng vùng AF: Bao quanh, điểm AF được thiết lập cho hướng tương ứng vẫn giữ nguyên.

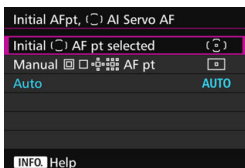
Nếu bạn thay đổi chế độ chọn vùng AF thành Lấy nét tự động theo vùng (chọn vùng bằng tay) hoặc Lấy nét tự động theo vùng lớn (chọn vùng bằng tay), vùng sẽ chuyển để phù hợp với hướng tương ứng của máy ảnh.



- Nếu bạn xóa cài đặt của máy ảnh về mặc định (tr.70), cài đặt này sẽ là **[Same for both vert/horiz (Giống nhau với chụp ngang/chụp dọc)]**. Ngoài ra, cài đặt của bạn cho ba hướng của máy ảnh (1, 2 và 3) sẽ bị xóa và tất cả ba hướng sẽ chuyển thành AF một điểm (chọn bằng tay) với điểm AF trung tâm được chọn.
- Nếu bạn thiết lập cài đặt này và sau đó lắp ống kính từ nhóm AF khác (tr.102-105, cụ thể là Nhóm G), cài đặt có thể bị xóa.

Initial AF Point (Điểm AF ban đầu), () AI Servo AF () Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục)

Bạn có thể đặt điểm AF bắt đầu của Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục khi chế độ chọn vùng AF được đặt thành Chọn tự động: AF 65 điểm.



() : Initial () AF pt selected (Điểm AF () được chọn ban đầu)

Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục sẽ bắt đầu từ điểm AF được chọn bằng tay khi thao tác lấy nét tự động được đặt thành Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục và chế độ chọn vùng AF được đặt thành Chọn tự động: AF 65 điểm.

() : Manual () AF pt (Điểm AF () chỉnh tay)

Nếu bạn chuyển từ Chọn bằng tay:AF chấm điểm, Chọn bằng tay:AF một điểm, Mở rộng vùng AF: hoặc Mở rộng vùng AF:Bao quanh thành Chọn tự động: AF 65 điểm, Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục sẽ bắt đầu từ điểm AF được chọn bằng tay trước khi chuyển. Tiện lợi nếu bạn muốn Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục bắt đầu từ điểm AF đã chọn trước khi chế độ chọn vùng AF chuyển sang Chọn tự động: AF 65 điểm. Sau khi bạn đặt chế độ chọn vùng AF thành Chọn tự động: AF 65 điểm với [Metering and AF start (Khởi động đo sáng và AF)] (tr.452), [Switch to registered AF func. (Chuyển sang chức năng AF đã đăng ký)] (tr.454) hoặc [Register/recall shooting func (Đăng ký/gọi ra chức năng chụp)] (tr.459) của menu [3: Custom Controls (Điều khiển tùy chỉnh)], bạn có thể nhấn nút được chỉ định trong: Chọn bằng tay: AF một chấm điểm, Chọn bằng tay: AF một điểm, Mở rộng vùng AF: hoặc Mở rộng vùng AF:Bao quanh để chuyển sang Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục bằng Chọn tự động: AF 65 điểm thay vì điểm AF được sử dụng ngay trước đó.

AUTO: Auto (Tự động)

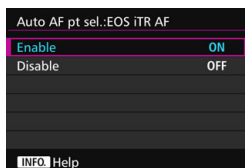
Điểm AF mà Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục bắt đầu từ đó được đặt tự động cho phù hợp với các điều kiện chụp.

Khi đặt [Manual () AF pt (Điểm AF () chỉnh tay)], Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục sẽ bắt đầu với vùng tương ứng với điểm AF được chọn bằng tay, ngay cả khi bạn chuyển chế độ chọn vùng AF thành Lấy nét tự động theo vùng (chọn vùng bằng tay) hoặc Lấy nét tự động theo vùng lớn (chọn vùng bằng tay).

Auto AF point selection: EOS iTR AF (Chọn điểm AF tự động: EOS iTR AF)

EOS iTR* AF thực hiện lấy nét tự động bằng cách nhận diện khuôn mặt và màu của chủ thể. EOS iTR AF hoạt động khi chế độ chọn vùng AF được đặt thành Lấy nét tự động theo vùng (chọn vùng bằng tay), Lấy nét tự động theo vùng lớn (chọn vùng bằng tay) hoặc AF 65 điểm tự động chọn.

* Theo dõi và nhận diện thông minh: Cảm biến đo sáng nhận diện chủ thể và các điểm AF theo dõi chủ thể.



ON: Enable (Bật)

Điểm AF được chọn tự động dựa trên thông tin AF, khuôn mặt và các chi tiết khác.

Trong chế độ lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục, máy ảnh ghi nhớ màu ở điểm lấy nét đầu tiên, sau đó tiếp tục theo dõi và lấy nét chủ thể bằng cách chuyển các điểm lấy nét để theo dõi màu đó. Điều này giúp dễ dàng theo dõi chủ thể hơn khi chỉ có thông tin AF.

Trong chế độ lấy nét một lần, EOS iTR AF giúp lấy nét người dễ dàng hơn, để bạn có thể ưu tiên bố cục ảnh.

OFF: Disable (Tắt)

Các điểm AF tự động được chọn chỉ dựa trên thông tin AF. (Lấy nét tự động sẽ không sử dụng thông tin dựa trên khuôn mặt, màu chủ thể và các chi tiết khác.)

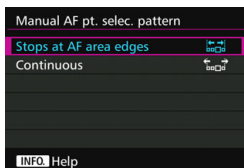


- Nếu đặt **[Enable (Bật)]**, máy ảnh sẽ lấy nét lâu hơn khi đặt **[Disable (Tắt)]**.
- Khi EOS iTR AF đang hoạt động, tốc độ chụp liên tục tối đa với <[H]> đặt được sẽ là khoảng 9,5 ảnh/giây. Ngoài ra, trong các điều kiện ánh sáng yếu, tốc độ chụp liên tục có thể giảm.
- Ngay cả khi bạn đặt **[Enable (Bật)]**, kết quả mong muốn có thể không đạt được tùy thuộc vào các điều kiện chụp và chủ thể.
- Khi ánh sáng quá yếu và đèn flash tự động phát ra tia giúp lấy nét, các điểm AF được chọn tự động chỉ dựa trên thông tin AF.
- Nhận diện khuôn mặt có thể không hoạt động nếu khuôn mặt nhỏ hoặc trong các điều kiện ánh sáng yếu.

AF5

Manual AF point selection pattern (Kiểu lựa chọn điểm AF bằng tay)

Trong khi chọn điểm AF bằng tay, việc lựa chọn có thể dừng ở rìa ngoài hoặc có thể xoay vòng sang điểm phía đối diện. Chức năng này hoạt động trong các chế độ chọn vùng AF khác ngoài Lấy nét tự động theo vùng (chọn vùng bằng tay), Lấy nét tự động theo vùng lớn (chọn vùng bằng tay) và AF 65 điểm tự động chọn (hoạt động với lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục).



 : **Stops at AF area edges**
(Dừng ở rìa vùng AF)

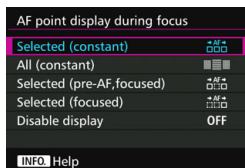
Tiện lợi khi bạn thường xuyên sử dụng điểm AF ở vùng ngoại vi.

 : **Continuous (Liên tục)**

Thay vì dừng ở rìa ngoài, việc lựa chọn điểm AF tiếp tục ở phía đối diện.

AF point display during focus (Điểm AF hiển thị trong khi lấy nét)

Bạn có thể đặt có hoặc không hiển thị (các) điểm AF trong các trường hợp sau: 1. Khi chọn (các) điểm AF, 2. Khi máy ảnh đã sẵn sàng chụp (trước thao tác lấy nét tự động), 3. Khi thao tác lấy nét tự động, và 4. Khi lấy được nét.



 **: Selected (constant)**
(Đã chọn (không đổi))

(Các) Điểm AF đã chọn sẽ luôn luôn hiển thị.

 **: All (constant)**
(Tất cả (không đổi))

Tất cả các điểm AF sẽ luôn luôn hiển thị.

 **: Selected (pre-AF, focused) (Đã chọn (trước AF, lấy được nét))**
(Các) Điểm AF đã lấy nét sẽ hiển thị cho 1, 2 và 4.

 **: Selected (focused) (Đã chọn (lấy được nét))**
(Các) Điểm AF đã chọn sẽ hiển thị cho 1 và 4 và khi AF bắt đầu.

OFF: Disable display (Tắt hiển thị)

Đối với 2, 3 và 4, (các) điểm AF đã chọn sẽ không hiển thị.

VF display illumination (Chiếu sáng hiển thị trong khung ngắm)

Bạn có thể thiết lập để điểm AF trong khung ngắm chớp sáng đỏ hoặc không chớp sáng khi lấy được nét.

VF display illumination	
Auto	AUTO
Enable	ON
Disable	OFF
AF point during AI Servo AF	
AF point during AI Servo AF	OFF
INFO Help	

AUTO: Auto (Tự động)

Điểm AF tự động chớp sáng đỏ trong điều kiện ánh sáng yếu.

ON: Enable (Bật)

Điểm AF chớp sáng đỏ bất kể mức ánh sáng xung quanh.

OFF: Disable (Tắt)

Điểm AF không chớp sáng đỏ.

Khi đặt **[Auto (Tự động)]** hoặc **[Enable (Bật)]**, bạn có thể đặt điểm AF có chớp sáng đỏ (nhấp nháy) khi bạn nhấn nút **<Q>** trong khi lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục.

AF point during AI Servo AF	
Non illuminated	OFF
Illuminated	ON

OFF: Non illuminated (Không phát sáng)

Điểm AF sẽ không chớp sáng trong khi lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục.

ON: Illuminated (Phát sáng)

Các điểm AF được sử dụng để lấy nét sẽ chớp sáng đỏ trong khi lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục, ngoài ra còn phát sáng trong khi chụp liên tục.

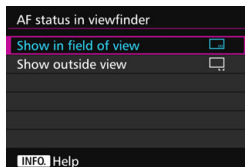
Tính năng này sẽ không hoạt động nếu **[VF display illumination (Chiếu sáng hiển thị trong khung ngắm)]** được đặt thành **[Disable (Tắt)]**.



- Khi bạn nhấn nút **<Q>**, các điểm AF sẽ chớp sáng đỏ không phụ thuộc vào cài đặt này.
- Cân bằng điện tử và khung lưới trong khung ngắm và thông tin được đặt với **[Show/hide in viewfinder (Ẩn/hiện trong khung ngắm)]** (tr.78) cũng sẽ chớp sáng đỏ.

AF status in viewfinder (Trạng thái AF trong khung ngắm)

Biểu tượng trạng thái AF cho biết thao tác lấy nét tự động có thể hiển thị trong trường ảnh của khung ngắm hoặc ngoài trường ảnh.



: **Show in field of view** (Hiển thị trong trường ảnh)

Biểu tượng trạng thái AF <AF> hiển thị ở phía dưới bên phải trong trường ảnh của khung ngắm.

: **Show outside view** (Hiển thị ngoài trường ảnh)

Biểu tượng <▲▲> hiển thị bên dưới chỉ thị lấy nét <●> ngoài trường ảnh của khung ngắm.

 Biểu tượng trạng thái AF hiển thị trong khi bạn nhấn nửa chừng nút chụp sau khi lấy được nét và trong khi bạn nhấn giữ nút <AF-ON>.

AF Microadjustment (Vi chỉnh AF)

Bạn có thể thực hiện tinh chỉnh điểm lấy nét tự động. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo phần “Tinh chỉnh điểm lấy nét tự động” ở trang sau.

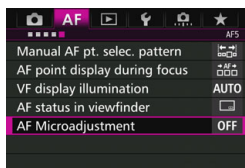
MENU Tinh chỉnh điểm lấy nét tự động ☆

Tinh chỉnh điểm lấy nét tự động có thể thực hiện cho chụp qua khung ngắm. Thao tác này gọi là “Vi chỉnh AF”. Trước khi điều chỉnh, tham khảo “Thận trọng khi vi chỉnh AF” ở trang 140.

❗ Thông thường, vi chỉnh AF này là không cần thiết. Chỉ thực hiện điều chỉnh này khi cần thiết. Lưu ý rằng thực hiện điều chỉnh này có thể ảnh hưởng đến việc lấy nét chính xác.

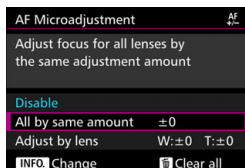
Điều chỉnh tất cả với cùng một lượng

Thực hiện điều chỉnh bằng tay thông qua các thao tác điều chỉnh, chụp và kiểm tra kết quả. Lặp lại quy trình cho tới khi đạt được điều chỉnh phù hợp. Khi lấy nét tự động, với mọi ống kính, điểm lấy nét sẽ luôn bị thay đổi tùy theo lượng điều chỉnh.



1 Chọn [AF Microadjustment (Vi chỉnh AF)].

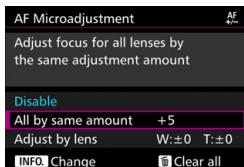
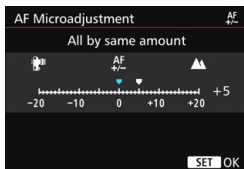
- Trong tab [AF5], chọn [AF Microadjustment (Vi chỉnh AF)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [All by same amount (Tất cả với cùng một lượng)].

3 Nhấn nút <INFO.>.

- Màn hình [All by same amount (Tất cả với cùng một lượng)] sẽ xuất hiện.



4 Thực hiện điều chỉnh.

- Đặt lượng điều chỉnh. Phạm vi điều chỉnh là ± 20 bậc.
- Điều chỉnh về phía “-: ” sẽ di chuyển điểm lấy nét về phía trước điểm lấy nét tiêu chuẩn.
- Điều chỉnh về phía “+: ” sẽ di chuyển điểm lấy nét về phía sau điểm lấy nét tiêu chuẩn.
- Sau khi thực hiện điều chỉnh, nhấn nút $\langle \text{SET} \rangle$.
- Chọn [**All by same amount (Tất cả với cùng một lượng)**], rồi nhấn $\langle \text{SET} \rangle$.

5 Kiểm tra kết quả điều chỉnh.

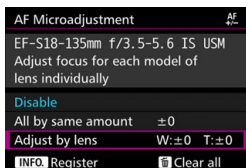
- Chụp và xem lại ảnh (tr.356) để kiểm tra kết quả điều chỉnh.
- Nếu kết quả chụp ra bị lấy nét về phía trước điểm mục tiêu, điều chỉnh về phía “+: ”. Nếu kết quả chụp ra bị lấy nét phía sau điểm mục tiêu, điều chỉnh về phía “-: ”.
- Nếu cần, lặp lại điều chỉnh.

⚠ Nếu chọn [**All by same amount (Tất cả với cùng một lượng)**], không thể thực hiện điều chỉnh AF cho tiêu cự góc rộng và tiêu cự chụp xa của ống kính zoom.

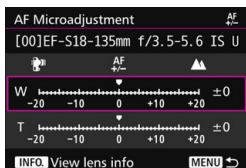
Điều chỉnh theo ống kính

Bạn có thể thực hiện điều chỉnh cho từng ống kính và đăng ký điều chỉnh với máy ảnh. Bạn có thể đăng ký điều chỉnh cho tối đa 40 ống kính. Khi thực hiện lấy nét tự động với ống kính đã đăng ký điều chỉnh, điểm lấy nét sẽ bị thay đổi theo lượng đã điều chỉnh.

Thực hiện điều chỉnh bằng tay thông qua các thao tác điều chỉnh, chụp và kiểm tra kết quả. Lặp lại quy trình cho tới khi đạt được điều chỉnh mong muốn. Nếu sử dụng ống kính zoom, thực hiện điều chỉnh cho tiêu cự góc rộng (W) và tiêu cự chụp xa (T).

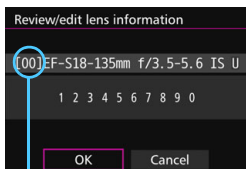


1 Chọn [Adjust by lens (Điều chỉnh theo ống kính)].



2 Nhấn nút <INFO.>.

▶ Màn hình [Adjust by lens (Điều chỉnh theo ống kính)] sẽ xuất hiện.

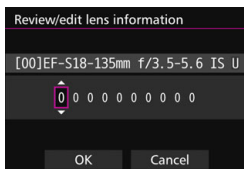


3 Kiểm tra và thay đổi thông tin ống kính.

Kiểm tra thông tin ống kính.

- Nhấn nút <INFO.>.
- ▶ Màn hình sẽ hiển thị tên ống kính và số sê-ri có 10 chữ số. Khi số sê-ri hiển thị, chọn [OK] và thực hiện bước 4.
- Nếu không xác định được số sê-ri của ống kính, "0000000000" sẽ xuất hiện. Trong trường hợp này, nhập số bằng cách thực hiện theo hướng dẫn ở trang sau.
- Về dấu "*" hiển thị trước số sê-ri của một số loại ống kính, tham khảo trang sau.

Số đăng ký



Nhập số sê-ri

- Chọn chữ số cần nhập, rồi nhấn **<SET>** để **<⏏>** xuất hiện.
- Nhập số, rồi nhấn **<SET>**.
- Sau khi nhập tất cả chữ số, chọn **[OK]**.

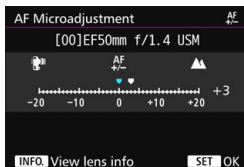
Số sê-ri của ống kính

- Ở bước 3, nếu dấu “*” xuất hiện trước 10 chữ số sê-ri của ống kính, bạn chỉ có thể đăng ký một ống kính cùng model. Ngay cả khi nhập số sê-ri, dấu “*” vẫn hiển thị.
- Số sê-ri trên ống kính có thể khác với số sê-ri hiển thị trên màn hình ở bước 3. Đây không phải vấn đề trực tiếp.
- Nếu số sê-ri của ống kính bao gồm chữ cái, chỉ nhập phần chữ số.
- Nếu số sê-ri ống kính dài từ 11 chữ số trở lên, chỉ nhập 10 chữ số cuối cùng.
- Vị trí số sê-ri thay đổi tùy thuộc vào ống kính.
- Một số ống kính không ghi số sê-ri. Để đăng ký ống kính không có số sê-ri, nhập số sê-ri bất kỳ.

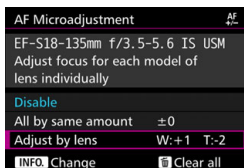
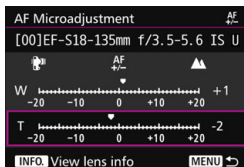


- Nếu chọn **[Adjust by lens (Điều chỉnh theo ống kính)]** và sử dụng ống nối, điều chỉnh sẽ được đăng ký cho tổ hợp ống kính và ống nối.
- Thông báo sẽ xuất hiện trong trường hợp có 40 ống kính được đăng ký. Sau khi chọn ống kính để xóa (ghi đè) đăng ký, bạn có thể đăng ký ống kính khác.

Ống kính tiêu cự đơn



Ống kính zoom



4 Thực hiện điều chỉnh.

- Với ống kính zoom, chọn tiêu cự góc rộng (W) hoặc tiêu cự chụp xa (T). Nhấn <SET> sẽ tắt khung màu tím và có thể thực hiện điều chỉnh.
- Đặt lượng điều chỉnh, rồi nhấn <SET>. Phạm vi điều chỉnh là ± 20 bậc.
- Điều chỉnh về phía “-: ” sẽ di chuyển điểm lấy nét về phía trước điểm lấy nét tiêu chuẩn.
- Điều chỉnh về phía “+: ” sẽ di chuyển điểm lấy nét về phía sau điểm lấy nét tiêu chuẩn.
- Đối với ống kính zoom, lặp lại quy trình này và điều chỉnh cho tiêu cự góc rộng (W) và tiêu cự chụp xa (T).
- Sau khi hoàn tất chỉnh sửa, nhấn nút <MENU> để quay về màn hình ở bước 1.
- Chọn **[Adjust by lens (Điều chỉnh theo ống kính)]**, rồi nhấn <SET>.

5 Kiểm tra kết quả điều chỉnh.

- Chụp và xem lại ảnh (tr.356) để kiểm tra kết quả điều chỉnh.
- Nếu kết quả chụp ra bị lấy nét về phía trước điểm mục tiêu, điều chỉnh về phía “+: ”. Nếu kết quả chụp ra bị lấy nét phía sau điểm mục tiêu, điều chỉnh về phía “-: ”.
- Nếu cần, lặp lại điều chỉnh.

 Khi chụp với phạm vi trung gian (tiêu cự) của ống kính zoom, điểm lấy nét AF sẽ được chỉnh tự động tương ứng với điều chỉnh thiết lập cho tiêu cự góc rộng và tiêu cự chụp xa. Ngay cả khi tiêu cự góc rộng và tiêu cự chụp xa đã được chỉnh, điều chỉnh vẫn được thực hiện tự động trong phạm vi trung gian.

Xóa tất cả vi chỉnh AF

Khi biểu tượng  **Clear all (Xóa tất cả)** xuất hiện phía dưới màn hình, nhấn nút  sẽ xóa tất cả điều chỉnh của **[All by same amount (Tất cả với cùng một lượng)]** và **[Adjust by lens (Điều chỉnh theo ống kính)]**.

Thận trọng khi vi chỉnh AF

- Điểm lấy nét AF thay đổi tùy vào điều kiện của chủ thể, độ sáng, vị trí zoom và các điều kiện chụp khác. Do vậy ngay cả khi thực hiện vi chỉnh AF, có thể không lấy được nét tại vị trí thích hợp.
- Lượng điều chỉnh của mỗi bậc thay đổi tùy thuộc vào khẩu độ tối đa của ống kính. Tiếp tục điều chỉnh, chụp và liên tục kiểm tra tiêu cự để điều chỉnh điểm lấy nét AF.
- Điều chỉnh sẽ không được áp dụng cho lấy nét tự động trong khi chụp Live View hoặc quay phim.
- Điều chỉnh sẽ được giữ lại ngay cả khi bạn xóa tất cả cài đặt của máy ảnh (tr.70). Tuy nhiên, cài đặt sẽ tự động **[Disable (Tắt)]**.

Lưu ý khi vi chỉnh AF

- Tốt nhất nên thực hiện điều chỉnh tại vị trí chụp thực tế để có được điều chỉnh chính xác. Việc này sẽ làm cho điều chỉnh chính xác hơn.
- Nên sử dụng chân máy khi thực hiện điều chỉnh.
- Để thực hiện điều chỉnh, bạn nên chụp ảnh ở chất lượng ghi ảnh  **L**.

Khi không lấy được nét

Lấy nét tự động có thể không lấy được nét (đèn báo lấy nét của khung ngắm <●> sẽ nhấp nháy) đối với các chủ thể sau đây:

Chủ thể khó lấy nét

- Chủ thể có độ tương phản rất thấp
(Ví dụ: bầu trời xanh, mặt phẳng đồng màu, v.v...)
- Chủ thể trong điều kiện ánh sáng rất yếu
- Chủ thể ngược sáng hoặc phản chiếu mạnh
(Ví dụ: ô tô với thân xe có độ phản chiếu cao, v.v...)
- Chủ thể gần và xa được đóng khung gần điểm AF
(Ví dụ: động vật trong chuồng, v.v...)
- Chủ thể như các điểm sáng được đóng khung gần với điểm AF
(Ví dụ: Cảnh đêm, v.v...)
- Các dạng lặp đi lặp lại
(Ví dụ: cửa sổ của tòa nhà chọc trời, bàn phím máy tính, v.v...)

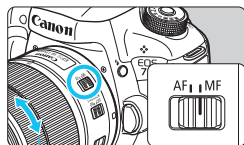
Trong những trường hợp như vậy, lấy nét bằng cách thực hiện một trong hai thao tác sau:

- (1) Đối với lấy nét một lần, nên lấy nét vật thể ở cùng khoảng cách với chủ thể và khóa lấy nét, rồi bố cục lại ảnh (tr.85).
- (2) Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF> và lấy nét bằng tay (tr.142).

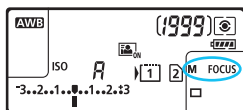


- Tùy thuộc vào chủ thể, có thể lấy được nét bằng cách bố cục lại ảnh một chút và thực hiện thao tác lấy nét tự động lại.
- Các điều kiện khiến khó lấy nét với AF trong chụp Live View hoặc quay phim được liệt kê ở trang 308.

MF: Lấy nét bằng tay



Vòng lấy nét



1 Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF>.

- ▶ Biểu tượng <M FOCUS> sẽ được hiển thị trên bảng điều khiển LCD.

2 Lấy nét chủ thể.

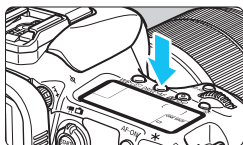
- Lấy nét bằng cách xoay vòng lấy nét của ống kính cho đến khi chủ thể trong khung ngắm trở nên sắc nét.



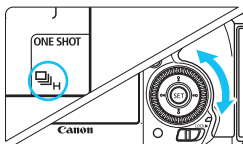
- Nếu bạn nhấn nửa chừng nút chụp trong khi lấy nét bằng tay, đèn báo lấy nét <●> sẽ chớp sáng khi lấy được nét.
- Với AF 65 điểm tự động chọn, khi điểm AF trung tâm lấy được nét, đèn báo lấy nét <●> sẽ chớp sáng.

Chọn kiểu chụp

Máy ảnh cung cấp chế độ chụp từng ảnh và chụp liên tục. Bạn có thể chọn kiểu chụp phù hợp với cảnh hoặc chủ thể.



1 Nhấn nút <DRIVE•AF>. (📷6)



2 Chọn kiểu chụp.

- Trong khi xem bảng điều khiển LCD hoặc khung ngắm, xoay nút xoay <📷>.

: Chụp từng ảnh

Khi bạn nhấn hoàn toàn nút chụp, máy ảnh chỉ chụp một ảnh đơn.

: Chụp liên tục tốc độ cao

Khi nhấn giữ hoàn toàn nút chụp, ảnh sẽ được chụp liên tục với **tốc độ tối đa khoảng 10,0 ảnh/giây**

: Chụp liên tục tốc độ thấp

Khi nhấn giữ hoàn toàn nút chụp, ảnh sẽ được chụp liên tục với **tốc độ tối đa khoảng 3,0 ảnh/giây**

: Chụp từng ảnh ngắt tiếng

Chụp từng ảnh với ít tiếng động hơn <📷> khi chụp với khung ngắm.

: Chụp liên tục ngắt tiếng

Chụp liên tục với ít tiếng động hơn <📷> khi chụp với khung ngắm. Tốc độ chụp liên tục vào **khoảng 4,0 ảnh/giây**



Trong khi chụp Live View hoặc quay phim, sẽ có tiếng ồn phát ra ngay cả khi đặt <📷S> hoặc <📷S>.

 : Chụp hẹn giờ 10 giây/ điều khiển từ xa

₂: Chụp hẹn giờ 2 giây/điều khiển từ xa

Để tìm hiểu về chụp hẹn giờ, tham khảo trang 145. Để tìm hiểu về chụp điều khiển từ xa, tham khảo trang 250.



- Khi EOS iTR AF đang hoạt động (tr.130), tốc độ chụp liên tục tối đa với  đạt được sẽ là khoảng 9,5 ảnh/giây. Ngoài ra, trong các điều kiện ánh sáng yếu, tốc độ chụp liên tục có thể giảm.
- Nếu đặt <S> hoặc <S>, thời gian trễ từ lúc nhấn hoàn toàn nút chụp đến khi ảnh được chụp sẽ lâu hơn bình thường.
- Nếu bạn thực hiện chụp liên tục tốc độ cao ở nhiệt độ thấp khi lượng pin còn lại ít, tốc độ chụp liên tục sẽ chậm.
- Trong thao tác lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục, tốc độ chụp liên tục có thể trở nên chậm hơn tùy thuộc vào chủ thể và ống kính được sử dụng.
- : Tốc độ chụp liên tục tối đa đạt được là khoảng 10 ảnh/giây trong điều kiện sau*: tốc độ màn trập là 1/1000 giây trở lên, khẩu độ lớn nhất (thay đổi tùy thuộc vào ống kính), EOS iTR AF: TẮT và Chụp chống nhấp nháy: Tắt. Tốc độ chụp liên tục có thể giảm tùy thuộc vào tốc độ màn trập, khẩu độ, điều kiện của chủ thể, độ sáng, ống kính, sử dụng flash, nhiệt độ, lượng pin còn lại, v.v...

* Với chế độ AF được đặt thành lấy nét một lần và hệ thống ổn định hình ảnh tắt khi sử dụng các ống kính sau: EF300mm f/4L IS USM, EF28-135mm f/3.5-5.6 IS USM, EF75-300mm f/4-5.6 IS USM, EF100-400mm f/4.5-5.6L IS USM.

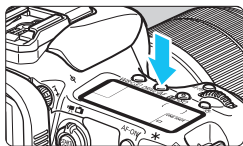
- Nếu [Record func. (Chức năng ghi)] của menu [1: Record func+card/folder sel. (Chức năng ghi+chọn thẻ/thư mục)] được đặt thành [Rec. separately (Ghi riêng)] (tr.148) và cài đặt chất lượng ghi cho thẻ CF [1] và thẻ SD [2] khác nhau, số ảnh chụp liên tục tối đa (tr.153) sẽ giảm. Nếu bộ nhớ trong đầy trong khi chụp liên tục, tốc độ chụp liên tục có thể giảm do chụp sẽ tạm thời bị tắt (tr.155).



Đặt [2: Continuous shooting speed (Tốc độ chụp liên tục)] (tr.441) để thiết lập bằng tay tốc độ chụp liên tục.

🔍 Sử dụng chế độ chụp hẹn giờ

Sử dụng chế độ chụp hẹn giờ khi bạn muốn có mặt trong hình.



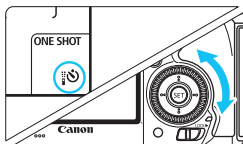
1 Nhấn nút <DRIVE•AF>. (🔍6)

2 Chọn chế độ chụp hẹn giờ.

- Trong khi xem bảng điều khiển LCD hoặc khung ngắm, xoay nút xoay <🔍>.

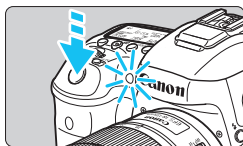
🔍 : chụp hẹn giờ 10 giây

🔍2 : chụp hẹn giờ 2 giây



3 Chụp ảnh.

- Nhìn qua khung ngắm, lấy nét chủ thể, rồi nhấn hoàn toàn nút chụp.
- Bạn có thể kiểm tra thao tác hẹn giờ bằng đèn chụp hẹn giờ, tiếng bíp và hiển thị đếm ngược (bằng giây) trên bảng điều khiển LCD.
- 2 giây trước khi chụp ảnh, đèn chụp hẹn giờ sẽ sáng lên và tiếng bíp phát ra nhanh hơn.



🔍 Nếu không nhìn qua khung ngắm khi nhấn nút chụp, nên đẩy nắp thị kính lại (tr.249). Ánh sáng lọt vào khung ngắm khi chụp có thể làm sai giá trị phơi sáng.



- Chế độ <🔍2> cho phép bạn chụp trong khi không chạm vào máy ảnh được gắn trên chân máy. Điều này giúp máy ảnh tránh bị rung khi chụp tĩnh vật hoặc phơi sáng lâu.
- Sau khi chụp ảnh hẹn giờ, nên xem lại ảnh (tr.356) để kiểm tra lấy nét và phơi sáng.
- Khi chỉ sử dụng chụp hẹn giờ để tự chụp, bạn nên sử dụng khóa lấy nét (tr.85) cho vật thể ở cùng khoảng cách với vị trí bạn sẽ đứng.
- Để hủy chế độ chụp hẹn giờ sau khi đã khởi động, nhấn nút <DRIVE•AF>.

[illegible]

4

Cài đặt ảnh

Phần này giải thích các cài đặt chức năng liên quan đến ảnh: chất lượng ghi ảnh, tốc độ ISO, kiểu ảnh, cân bằng trắng, tự động tối ưu hóa ánh sáng, giảm nhiễu hạt, ưu tiên tông màu sáng, chỉnh quang sai của ống kính, chụp chống nhấp nháy và các chức năng khác.

- Biểu tượng ☆ hiển thị ở phía trên bên phải của tiêu đề trang biểu thị chỉ sử dụng được chức năng này ở các chế độ: <P> <Tv> <Av> <M> .

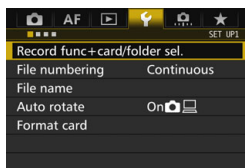
MENU Chọn thẻ để ghi và xem lại ảnh

Nếu đã lắp thẻ CF hoặc thẻ SD vào máy ảnh, bạn có thể bắt đầu ghi ảnh chụp. Khi chỉ lắp một thẻ, bạn không bắt buộc phải thực hiện theo quy trình giới thiệu ở các trang 148-150.

Nếu lắp cả thẻ CF và thẻ SD, bạn có thể chọn phương pháp ghi và chọn thẻ để sử dụng cho việc ghi và xem lại ảnh.

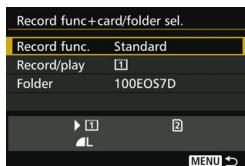
[1] là thẻ CF, và [2] là thẻ SD.

Phương pháp ghi khi lắp hai thẻ

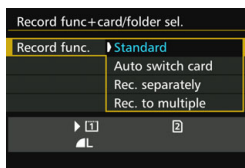


1 Chọn [Record func+card/folder sel. (Chức năng ghi+chọn thẻ/thư mục)].

- Trong tab [f1], chọn [Record func+card/folder sel. (Chức năng ghi+chọn thẻ/thư mục)], rồi nhấn <SET>.



2 Select [Record func. (Chức năng ghi)].



3 Chọn phương pháp ghi.

- Chọn phương pháp ghi, rồi nhấn <SET>.

- **Standard (Tiêu chuẩn)**

Ảnh sẽ được ghi vào thẻ đã chọn bằng **[Record/play (Ghi/phát)]**.

- **Auto switch card (Tự động chuyển thẻ)**

Giống như cài đặt **[Standard (Tiêu chuẩn)]**. Nhưng nếu thẻ đầy, máy ảnh sẽ tự động chuyển sang thẻ khác để ghi ảnh. Khi tự động chuyển thẻ, máy ảnh sẽ tạo một thư mục mới.

- **Rec. separately (Ghi riêng)**

Bạn có thể đặt chất lượng ghi ảnh cho từng thẻ (tr.151). Mỗi ảnh được ghi vào cả thẻ CF và thẻ SD với chất lượng ghi ảnh đã đặt. Bạn có thể đặt tự do chất lượng ghi ảnh thành **L** và **RAW**, hoặc **S3** và **M RAW** v.v...

- **Rec. to multiple (Ghi vào nhiều phương tiện)**

Mỗi ảnh được ghi vào cả thẻ CF và thẻ SD đồng thời với kích thước ảnh giống nhau. Bạn cũng có thể chọn RAW+JPEG.



- Nếu đặt chức năng **[Rec. separately (Ghi riêng)]** và thiết lập nhiều chất lượng ghi khác nhau cho thẻ CF và thẻ SD, số ảnh chụp liên tục tối đa sẽ giảm (tr.153).
- Ngay cả khi đặt **[Record func. (Chức năng ghi)]** thành **[Rec. to multiple (Ghi vào nhiều phương tiện)]**, cũng không thể ghi phim vào cả thẻ CF và thẻ SD cùng lúc. Nếu đặt **[Rec. separately (Ghi riêng)]** hoặc **[Rec. to multiple (Ghi vào nhiều phương tiện)]**, phim sẽ được ghi lên thẻ được đặt để **[Playback (Xem lại)]**.



[Rec. separately (Ghi riêng)] và [Rec. to multiple (Ghi vào nhiều phương tiện)]

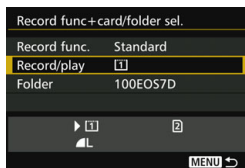
- Số tập tin giống nhau được sử dụng để ghi lên cả thẻ CF và thẻ SD.
- Bảng điều khiển LCD sẽ hiển thị số ảnh có thể ghi được của thẻ có số lượng ít hơn.
- Nếu một trong hai thẻ đầy, cảnh báo **[Card* full (Thẻ nhớ đầy)]** sẽ hiển thị và sẽ không thể chụp được ảnh. Nếu điều này xảy ra, hãy thay thẻ nhớ hoặc đặt **[Record func. (Chức năng ghi)]** thành **[Standard (Tiêu chuẩn)]** hoặc **[Auto switch card (Tự động chuyển thẻ)]** và chọn thẻ còn dung lượng để tiếp tục chụp ảnh.

Chọn thẻ CF hoặc thẻ SD để ghi và xem lại

Nếu [**Record func. (Chức năng ghi)**] được đặt thành [**Standard (Tiêu chuẩn)**] hoặc [**Auto switch card (Tự động chuyển thẻ)**], chọn thẻ để ghi và xem lại ảnh.

Nếu [**Record func. (Chức năng ghi)**] được đặt thành [**Rec. separately (Ghi riêng)**] hoặc [**Rec. to multiple (Ghi vào nhiều phương tiện)**], chọn thẻ để xem lại ảnh.

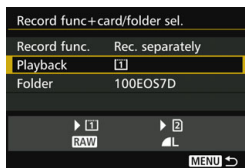
Tiêu chuẩn / Tự động chuyển thẻ



Chọn [**Record/play (Ghi/phát)**].

- Chọn [**Record/play (Ghi/phát)**], rồi nhấn **<SET>**.
 - 1 : Ghi ảnh vào và xem lại ảnh từ thẻ CF.
 - 2 : Ghi ảnh vào và xem lại ảnh từ thẻ SD.
- Chọn thẻ, rồi nhấn **<SET>**.

Ghi riêng / Ghi vào nhiều phương tiện

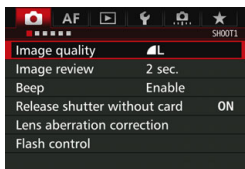


Chọn [**Playback (Xem lại)**].

- Chọn [**Playback (Xem lại)**], rồi nhấn **<SET>**.
 - 1 : Xem lại ảnh trong thẻ CF.
 - 2 : Xem lại ảnh trong thẻ SD.
- Chọn thẻ, rồi nhấn **<SET>**.

MENU Cài đặt chất lượng ghi ảnh

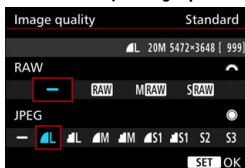
Bạn có thể chọn độ phân giải và chất lượng ảnh. Có tám mức cài đặt chất lượng ghi ảnh JPEG là: **L**, **L**, **M**, **M**, **S1**, **S1**, **S2**, **S3**. Có ba mức cài đặt chất lượng ảnh RAW là: **RAW**, **M RAW**, **S RAW** (tr.154).



1 Chọn [Image quality (Chất lượng ảnh)].

- Trong tab [**1**], chọn [Image quality (Chất lượng ảnh)], rồi nhấn <SET>.

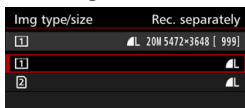
Tiêu chuẩn / Tự động chuyển thể / Ghi vào nhiều phương tiện



2 Chọn chất lượng ghi ảnh.

- Để chọn chất lượng RAW, xoay nút xoay <[Gears]>. Để chọn chất lượng JPEG, xoay nút xoay <[Clock]>.
- Ở phía trên bên phải, số “***M” (megapixel) “*** x ***” biểu thị độ phân giải được ghi và “***” là số ảnh có thể chụp (được hiển thị lên tới 9999).
- Nhấn <SET> để thiết lập.

Ghi riêng



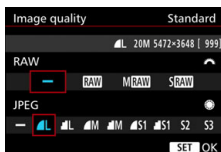
- Trong tab [**1**: Record func+card/ folder sel. (Chức năng ghi+chọn thẻ/thư mục)], nếu [Record func. (Chức năng ghi)] được đặt thành [Rec. separately (Ghi riêng)], chọn thẻ CF [**1**] hoặc thẻ SD [**2**], rồi nhấn <SET>.



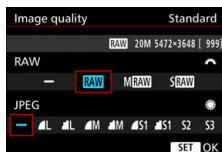
- Chọn chất lượng ghi ảnh mong muốn, rồi nhấn <SET>.

Ví dụ về cài đặt chất lượng ghi ảnh

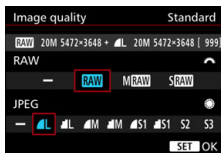
Chỉ **L**



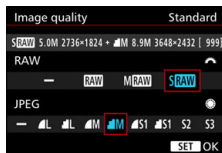
Chỉ **RAW**



RAW + **L**



S RAW + **M**



- Nếu đặt [-] cho cả ảnh RAW và JPEG, **L** sẽ được cài đặt.
- Bảng điều khiển LCD sẽ hiển thị tối đa 1999 ảnh có thể chụp.

Hướng dẫn cài đặt chất lượng ghi ảnh (Ước chừng)

Chất lượng ảnh		Độ phân giải được ghi	Kích cỡ in	Kích thước tập tin (MB)	Số ảnh có thể chụp	Số ảnh chụp liên tục tối đa
JPEG	L	20M	A2	6,6	1090	130 (1090)
	L			3,5	2060	2060 (2060)
	M	8,9M	A3	3,6	2000	2000 (2000)
	M			1,8	3810	3810 (3810)
	S1	5,0M	A4	2,3	3060	3060 (3060)
	S1			1,2	5800	5800 (5800)
	S2 ^{*1}	2,5M	9x13 cm	1,3	5240	5240 (5240)
	S3 ^{*2}	0,3M	-	0,3	20330	20330 (20330)
RAW	RAW	20M	A2	24,0	290	24 (31)
	M RAW	11M	A3	19,3	350	28 (31)
	S RAW	5,0M	A4	13,3	510	35 (35)
RAW + JPEG	RAW L	20M 20M	A2 A2	24,0+6,6	220	18 (19)
	M RAW L	11M 20M	A3 A2	19,3+6,6	260	18 (19)
	S RAW L	5,0M 20M	A4 A2	13,3+6,6	340	18 (19)

*1: S2 phù hợp để xem ảnh trên khung ảnh kỹ thuật số.

*2: S3 phù hợp để gửi ảnh qua email hoặc sử dụng ảnh trên một trang web.

- S2 và S3 đều có chất lượng (Đẹp).
- Kích thước tập tin, số ảnh có thể chụp và số ảnh chụp liên tiếp tối đa trong khi chụp liên tục dựa trên tiêu chuẩn thử nghiệm của Canon (tỷ lệ cỡ ảnh 3:2, ISO 100 và kiểu ảnh tiêu chuẩn) bằng thẻ CF 8 GB. **Số liệu sẽ khác nhau tùy thuộc vào chủ thể, thương hiệu thẻ, tỷ lệ cỡ ảnh, tốc độ ISO, kiểu ảnh, chức năng tùy chỉnh và các cài đặt khác.**
- Số ảnh chụp liên tục tối đa áp dụng cho chụp liên tục tốc độ cao < >. Số liệu trong dấu ngoặc đơn áp dụng cho thẻ CF loại Ultra DMA (UDMA) 7 dựa trên tiêu chuẩn thử nghiệm của Canon.

Ngay cả nếu bạn sử dụng thẻ UDMA, đèn báo số ảnh chụp liên tục tối đa sẽ không thay đổi. Thay vào đó, số ảnh chụp liên tục tối đa trong ngoặc đơn trong bảng sẽ được áp dụng.



- Nếu bạn chọn cả RAW và JPEG, ảnh sẽ được ghi lại đồng thời trên thẻ ở cả hai định dạng RAW và JPEG với chất lượng ghi ảnh đã được thiết lập trước đó. Hai ảnh sẽ được ghi lại với cùng số thứ tự tập tin (đuôi tập tin: .JPG cho JPEG và .CR2 cho RAW).
- Biểu tượng chất lượng ghi ảnh là như sau: **RAW** (RAW), **M RAW** (Ảnh RAW trung bình), **S RAW** (Ảnh RAW cỡ nhỏ), JPEG (JPEG), **▲** (Đẹp), **■** (Bình thường), **L** (Lớn), **M** (Vừa) và **S** (Nhỏ).

Ảnh RAW

Ảnh RAW là dữ liệu thô có được bằng cách chuyển đổi cảm biến ảnh sang dữ liệu kỹ thuật số. Ảnh được ghi vào thẻ nhớ y nguyên và bạn có thể chọn chất lượng ảnh như sau: **RAW**, **M RAW** hoặc **S RAW**.

Ảnh **RAW** có thể được xử lý với [ **1: RAW image processing (Xử lý ảnh RAW)**] (tr.400) và được lưu là ảnh JPEG. (Không thể xử lý các ảnh **M RAW** và **S RAW** bằng máy ảnh.) Vì bản thân ảnh RAW không đổi, nên bạn có thể xử lý ảnh RAW theo nhiều điều kiện xử lý khác nhau để tạo nên bất kỳ số lượng ảnh JPEG nào từ ảnh đó.

Bạn có thể sử dụng Digital Photo Professional (phần mềm EOS, tr.538) để xử lý ảnh RAW. Bạn có thể thực hiện nhiều điều chỉnh khác nhau như mong muốn để tạo nên bức ảnh JPEG, TIFF v.v... kết hợp những điều chỉnh này.



Phần mềm xử lý ảnh RAW

- Để hiển thị ảnh RAW trên máy tính, nên sử dụng Digital Photo Professional (DPP, phần mềm EOS).
- Các phiên bản trước của DPP không thể xử lý ảnh RAW chụp với máy ảnh. Nếu máy tính của bạn có phiên bản DPP trước đó, hãy nâng cấp lên với đĩa CD-ROM EOS DIGITAL Solution Disk đi kèm với máy ảnh này. (Phiên bản trước sẽ bị ghi đè.)
- Phần mềm được bán trên thị trường có thể không hiển thị được ảnh RAW chụp bằng máy ảnh này. Để tìm hiểu thông tin về tính tương thích, vui lòng liên hệ với nhà sản xuất phần mềm.

Cài đặt chất lượng ảnh với một lần chạm

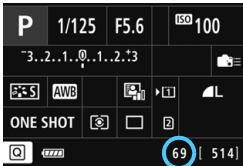
Với Điều khiển tùy chỉnh, bạn có thể gán chất lượng ghi ảnh cho nút <M-Fn> hoặc nút xem trước độ sâu trường ảnh để chuyển tức thời. Nếu gán [**One-touch image quality setting (Cài đặt chất lượng ảnh với một lần chạm)**] hoặc [**One-touch image quality (Chất lượng ảnh với một lần chạm)**] cho nút <M-Fn> hoặc nút xem trước độ sâu trường ảnh, bạn có thể nhanh chóng chuyển đến chất lượng ghi ảnh mong muốn và chụp ảnh.

Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo phần Điều khiển tùy chỉnh (tr.447).



Trong tab [**1: Record func+card/folder sel. (Chức năng ghi+chọn thẻ/thư mục)**], nếu đặt [**Record func. (Chức năng ghi)**] thành [**Rec. separately (Ghi riêng)**], bạn không thể chuyển qua Cài đặt chất lượng ảnh với một lần chạm.

Số ảnh chụp liên tục tối đa



Số ảnh chụp liên tục tối đa ước chừng được hiển thị trên góc dưới bên phải cả trong khung ngắm và trên màn hình cài đặt chức năng chụp.

Nếu số ảnh chụp liên tục tối đa đạt tới 99 hoặc cao hơn, “99” sẽ được hiển thị.



Số ảnh chụp liên tục tối đa hiển thị kể cả khi thẻ nhớ không được lắp vào máy ảnh. Đảm bảo thẻ nhớ được lắp trước khi chụp.

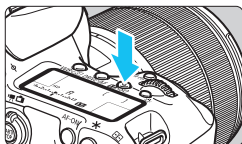


Số ảnh chụp liên tục tối đa được hiển thị là “99”, biểu thị bạn có thể chụp liên tục 99 ảnh hoặc nhiều hơn. Nếu số ảnh chụp liên tục tối đa giảm xuống còn 98 ảnh hoặc ít hơn và bộ nhớ đệm bên trong đầy, thông báo “**buSY**” sẽ hiển thị trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD. Tạm thời bạn sẽ không chụp được ảnh. Nếu bạn dừng chụp liên tục, số ảnh chụp liên tục tối đa sẽ tăng. Sau khi tất cả ảnh chụp được ghi vào thẻ nhớ, bạn có thể tiếp tục chụp với số ảnh chụp liên tục tối đa được liệt kê ở trang 153.

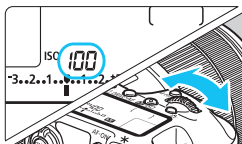
ISO: Thiết lập tốc độ ISO ☆

Thiết lập tốc độ ISO (độ nhạy ánh sáng của cảm biến ảnh) phù hợp với mức ánh sáng xung quanh. Khi chọn chế độ <A+>, tốc độ ISO sẽ được thiết lập tự động (tr.158).

Về tốc độ ISO khi quay phim, tham khảo các trang 319 và 323.



1 Nhấn nút <ISO>. (Ổ6)



2 Thiết lập tốc độ ISO.

- Trong khi xem bảng điều khiển LCD hoặc khung ngắm, xoay nút xoay <ISO>.
- Có thể thiết lập tốc độ ISO trong khoảng ISO 100 - ISO 16000 với mức tăng 1/3 điểm dừng.
- “A” biểu thị ISO tự động. Tốc độ ISO sẽ được tự động thiết lập (tr.158).

Hướng dẫn về tốc độ ISO

Tốc độ ISO	Tình huống chụp (Không sử dụng flash)	Phạm vi flash
ISO 100 - ISO 400	Ngoài trời nắng	Tốc độ ISO càng cao, phạm vi flash càng mở rộng.
ISO 400 - ISO 1600	Bầu trời u ám hoặc buổi tối	
ISO 1600 - ISO 16000, H1, H2	Trong nhà tối hoặc ban đêm	

* Tốc độ ISO cao sẽ làm ảnh bị nhiễu hạt nhiều hơn.



- Vì H1 (tương đương với ISO 25600) và H2 (tương đương với ISO 51200) là các thiết lập tốc độ ISO mở rộng nên hiện tượng nhiễu hạt (các điểm sáng, dài, v.v...) và màu sắc bất thường dễ nhận ra hơn, đồng thời độ phân giải sẽ thấp hơn bình thường.
- Nếu đặt [**3: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)**] thành [**Enable (Bật)**] (tr.182), không thể chọn tốc độ ISO 100/125/160, H1 (tương đương với ISO 25600) và H2 (tương đương với ISO 51200).
- Chụp ở nhiệt độ cao có thể khiến ảnh bị nhiễu hạt nhiều hơn. Phơi sáng lâu cũng có thể khiến màu trong ảnh không đồng đều.
- Khi chụp ở tốc độ ISO cao, có thể thấy rõ nhiễu hạt trên ảnh (ví dụ như điểm sáng và dài).
- Khi chụp ảnh trong điều kiện có thể gây ra nhiễu hạt, chẳng hạn như chụp ở cả tốc độ ISO cao, nhiệt độ cao và phơi sáng lâu, ảnh có thể không được ghi chính xác.
- Sử dụng tốc độ ISO cao và flash để chụp chủ thể gần, có thể dẫn đến ảnh bị dư sáng.
- Nếu cài đặt H2 (tương đương với ISO 51200) và quay phim, máy ảnh sẽ chuyển sang H1 (tương đương với ISO 25600) với chế độ quay phim phơi sáng bằng tay. Ngay cả khi chuyển về chế độ chụp ảnh, tốc độ ISO cũng không trở về H2.



- Trong [**2: ISO speed settings (Thiết lập tốc độ ISO)**], bạn có thể sử dụng [**ISO speed range (Phạm vi tốc độ ISO)**] để mở rộng phạm vi tốc độ ISO có thể cài đặt lên đến H2 (tương đương với ISO 51200) (tr.159).
- Ngay cả khi đặt [**1: ISO speed setting increments (Mức tăng thiết lập tốc độ ISO)**] thành [**1-stop (1 điểm dừng)**], bạn vẫn có thể chọn ISO 16000.

ISO tự động



Nếu đặt tốc độ ISO thành “A” (Tự động), tốc độ ISO thực tế được cài đặt sẽ hiển thị khi nhấn nửa chừng nút chụp.

Như hướng dẫn dưới đây, tốc độ ISO sẽ được tự động cài đặt phù hợp với chế độ chụp.

Chế độ chụp	Thiết lập tốc độ ISO
A⁺	Tự động cài đặt trong khoảng ISO 100 - ISO 6400
P/Tv/Av/M	Tự động cài đặt trong khoảng ISO 100 - ISO 16000 ^{*1}
B	ISO 400 ^{*1}
Sử dụng flash	ISO 400 ^{*1*2*3*4}

*1: Phạm vi tốc độ ISO thực tế tùy thuộc vào cài đặt [**Minimum (Tối thiểu)**] và [**Maximum (Tối đa)**] trong [**Auto ISO range (Phạm vi ISO tự động)**].

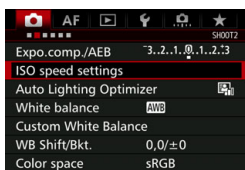
*2: Nếu sử dụng flash bổ sung gây ra hiện tượng dư sáng, có thể giảm tốc độ ISO xuống đến mức nhỏ nhất có thể là ISO 100 (ngoại trừ trong các chế độ <**M**> và <**B**>).

*3: Ngoại trừ trong chế độ <**A⁺**>.

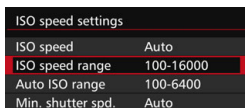
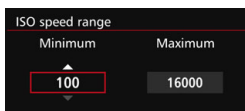
*4: Trong chế độ <**P**>, nếu thiết lập đèn Speedlite ngoài cho chế độ flash phản xạ, tốc độ ISO 400 - ISO 1600 sẽ được cài đặt tự động.

MENU Cài đặt phạm vi tốc độ ISO có thể chỉnh tay

Bạn có thể cài đặt phạm vi tốc độ ISO bằng tay (giới hạn tối thiểu và giới hạn tối đa). Bạn có thể thiết lập giới hạn tối thiểu trong khoảng từ ISO 100 đến H1 (tương đương với ISO 25600) và giới hạn tối đa trong khoảng từ ISO 200 đến H2 (tương đương với ISO 51200).

**1 Chọn [ISO speed settings (Thiết lập tốc độ ISO)].**

- Trong tab [2], chọn [ISO speed settings (Thiết lập tốc độ ISO)], rồi nhấn <SET>.

**2 Chọn [ISO speed range (Phạm vi tốc độ ISO)].****3 Đặt giới hạn tối thiểu.**

- Chọn ô giới hạn tối thiểu, rồi nhấn <SET>.
- Chọn tốc độ ISO, rồi nhấn <SET>.

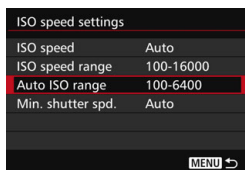
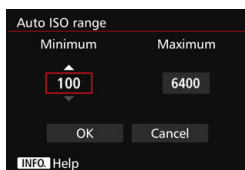
**4 Đặt giới hạn tối đa.**

- Chọn ô giới hạn tối đa, rồi nhấn <SET>.
- Chọn tốc độ ISO, rồi nhấn <SET>.

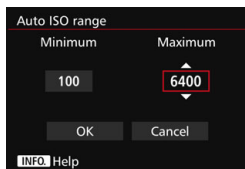
5 Chọn [OK].

MENU Cài đặt phạm vi tốc độ ISO cho ISO tự động

Bạn có thể cài đặt phạm vi tốc độ ISO tự động cho ISO tự động trong khoảng ISO 100 - ISO 16000. Bạn có thể thiết lập giới hạn tối thiểu trong khoảng ISO 100 - ISO 12800 và giới hạn tối đa trong khoảng ISO 200 - ISO 16000.

**1 Chọn [Auto ISO range (Phạm vi ISO tự động)].****2 Đặt giới hạn tối thiểu.**

- Chọn ô giới hạn tối thiểu, rồi nhấn **<SET>**.
- Chọn tốc độ ISO, rồi nhấn **<SET>**.

**3 Đặt giới hạn tối đa.**

- Chọn ô giới hạn tối đa, rồi nhấn **<SET>**.
- Chọn tốc độ ISO, rồi nhấn **<SET>**.

4 Chọn [OK].

 Cài đặt **[Minimum (Tối thiểu)]** và **[Maximum (Tối đa)]** cũng sẽ áp dụng cho tốc độ ISO tối thiểu và tối đa của chuyển chế độ an toàn tốc độ ISO (tr.438).

MENU Cài đặt tốc độ màn trập tối thiểu cho ISO tự động

Bạn có thể thiết lập tốc độ màn trập tối thiểu sao cho khi cài đặt ISO tự động, tốc độ màn trập được cài đặt tự động sẽ không quá thấp.

Thiết lập này thuận tiện trong các chế độ **<P>** và **<Av>** khi bạn sử dụng ống kính góc rộng để chụp chủ thể đang chuyển động hoặc khi sử dụng ống kính tele. Điều này giúp giảm rung máy ảnh và mờ chủ thể.

ISO speed settings	
ISO speed	Auto
ISO speed range	100-16000
Auto ISO range	100-6400
Min. shutter spd.	Auto

1 Chọn [Min. shutter spd. (Tốc độ màn trập tối thiểu)].

Thiết lập tự động

Min. shutter spd.
Auto(Standard)
Auto
Manual
Slower Faster

2 Cài đặt tốc độ màn trập tối thiểu mong muốn.

- Chọn [**Auto (Tự động)**] hoặc [**Manual (Chỉnh tay)**].
- Nếu chọn [**Auto (Tự động)**], xoay nút xoay  để thiết lập tốc độ mong muốn (chậm hơn hoặc nhanh hơn) so với tốc độ chuẩn, rồi nhấn **<(SET)>**.
- Nếu chọn [**Manual (Chỉnh tay)**], xoay nút xoay  để chọn tốc độ màn trập, rồi nhấn **<(SET)>**.

Thiết lập bằng tay

Min. shutter spd.
Manual(1/125)
Auto
Manual
1/8000 1/4000 1/2000 1/1000 1/500
1/250 1/125 1/60 1/30 1/15
1/8 1/4 0"5 1" 



- Nếu không thể đạt độ phơi sáng chính xác như mong muốn với giới hạn tốc độ ISO tối đa được thiết lập với [**Auto ISO range (Phạm vi ISO tự động)**], tốc độ màn trập chậm hơn [**Min. shutter spd. (Tốc độ màn trập tối thiểu)**] sẽ được thiết lập để đạt phơi sáng chuẩn.
- Chức năng này không áp dụng với đèn flash và chế độ quay phim.



Khi đặt [**Auto (Tự động): 0**], tốc độ màn trập tối thiểu sẽ nghịch đảo với độ dài tiêu cự ống kính. Mỗi bước chuyển từ [**Slower (Chậm hơn)**] sang [**Faster (Nhanh hơn)**] tương đương với một điểm dừng của tốc độ màn trập.

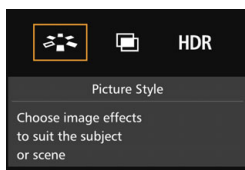
Chọn kiểu ảnh ☆

Chọn kiểu ảnh để đạt được đặc tính ảnh phù hợp với chủ thể hoặc sắc thái ảnh khi chụp.

Kiểu ảnh được tự động đặt thành [A] (Tự động) trong chế độ <[A+]>.

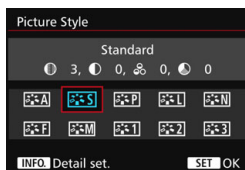


1 Nhấn nút </>.



2 Chọn [].

▶ Màn hình chọn kiểu ảnh sẽ xuất hiện.



3 Chọn kiểu ảnh.

▶ Kiểu ảnh sẽ được cài đặt và máy ảnh sẵn sàng chụp.

 Bạn cũng có thể chọn kiểu ảnh với [3: Picture Style (Kiểu ảnh)].

Đặc tính của kiểu ảnh

Auto (Tự động)

Tông màu được điều chỉnh phù hợp với cảnh. Màu sắc trông rực rỡ, đặc biệt đối với bầu trời xanh, cây cỏ, cảnh mặt trời lặn, những cảnh trong tự nhiên, ngoài trời và lúc hoàng hôn.



Thay đổi kiểu ảnh nếu không đạt được tông màu mong muốn với **[Auto (Tự động)]**.

Standard (Chuẩn)

Hình ảnh trông rực rỡ, sắc nét và sinh động. Đây là kiểu ảnh đa năng phù hợp với hầu hết các cảnh.

Portrait (Chân dung)

Làm tông màu da đẹp. Ảnh trông mịn hơn. Phù hợp để chụp chân dung cận cảnh.

Thay đổi **[Color tone (Tông màu)]** (tr.165) để điều chỉnh tông màu da.

Landscape (Phong cảnh)

Chế độ này làm nổi bật tông màu xanh da trời và xanh lá cây, đồng thời làm ảnh trong trẻo và sắc nét hơn. Có hiệu quả cho phong cảnh ấn tượng.

Neutral (Trung tính)

Thích hợp để xử lý ảnh trên máy tính. Cho màu sắc tự nhiên và hình ảnh dịu.

Faithful (Chân thực)

Thích hợp để xử lý ảnh trên máy tính. Màu sắc của chủ thể được chụp trong ánh sáng mặt trời ở nhiệt độ màu 5200K sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với thang màu của chủ thể. Ảnh sẽ trông có màu dịu.

Monochrome (Đơn sắc)

Tạo ra ảnh đen trắng.

 Không thể khôi phục màu cho ảnh đen trắng chụp ở định dạng JPEG. Nếu muốn chụp ảnh màu sau đó, hãy đảm bảo hủy cài đặt **[Monochrome (Đơn sắc)]**.

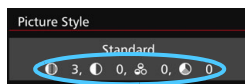
 Bạn có thể hiển thị < > trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD khi cài đặt chế độ **[Monochrome (Đơn sắc)]** (tr.443).

User Def. 1-3 (Người dùng xác định 1-3)

Bạn có thể đăng ký kiểu ảnh cơ bản như **[Portrait (Chân dung)]**, **[Landscape (Phong cảnh)]**, tập tin kiểu ảnh, v.v... và tùy ý điều chỉnh (tr.168). Bất kỳ kiểu ảnh nào không cài đặt chế độ người dùng xác định sẽ có thiết lập giống như kiểu ảnh **[Standard (Tiêu chuẩn)]**.

Ký hiệu

Các ký hiệu của màn hình chọn kiểu ảnh liên quan tới các thông số như **[Sharpness (Độ sắc nét)]** và **[Contrast (Độ tương phản)]**. Chữ số biểu thị cài đặt thông số, như đối với **[Sharpness (Độ sắc nét)]** và **[Contrast (Độ tương phản)]**, cho mỗi kiểu ảnh.



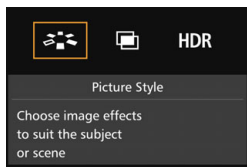
Ký hiệu

	Độ sắc nét
	Độ tương phản
	Bão hòa màu
	Tông màu
	Hiệu ứng bộ lọc (Đơn sắc)
	Hiệu ứng tông màu (Đơn sắc)

🔍 Tùy chỉnh kiểu ảnh ☆

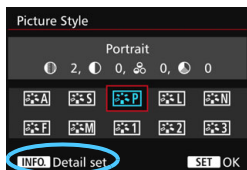
Bạn có thể tùy chỉnh kiểu ảnh bằng cách điều chỉnh các thông số riêng như **[Sharpness (Độ sắc nét)]** và **[Contrast (Độ tương phản)]**. Chụp thử vài ảnh để xem kết quả hiệu ứng. Để tùy chỉnh **[Monochrome (Đơn sắc)]**, tham khảo trang 167.

1 Nhấn nút <🔍>.



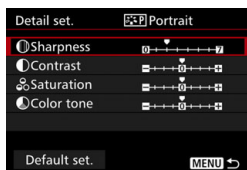
2 Chọn [🔍].

- ▶ Màn hình chọn kiểu ảnh sẽ xuất hiện.



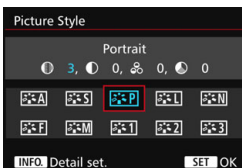
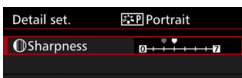
3 Chọn kiểu ảnh.

- Chọn kiểu ảnh, rồi nhấn nút <INFO.>.



4 Chọn thông số.

- Chọn thông số như **[Sharpness (Độ sắc nét)]**, rồi nhấn <SET>.



5 Thiết lập thông số.

- Điều chỉnh thông số mong muốn, rồi nhấn <SET>.
- Nhấn nút <MENU> để lưu các thông số đã điều chỉnh. Màn hình chọn kiểu ảnh sẽ xuất hiện lại.
- ▶ Các cài đặt thông số không phải mặc định sẽ hiển thị bằng màu xanh da trời.

Cài đặt thông số và hiệu ứng

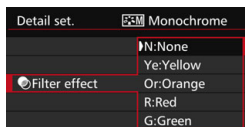
● Sharpness (Độ sắc nét)	0: Phác thảo kém sắc nét	+7: Phác thảo sắc nét
● Contrast (Độ tương phản)	-4: Độ tương phản thấp	+4: Độ tương phản cao
● Saturation (Bão hòa màu)	-4: Bão hòa màu thấp	+4: Bão hòa màu cao
● Color tone (Tông màu)	-4: Tông màu đỏ nhạt	+4: Tông màu vàng nhạt

- Bạn có thể đưa kiểu ảnh tương ứng về cài đặt thông số mặc định bằng cách chọn [**Default set. (Cài đặt mặc định)**] ở bước 4.
- Để chụp ảnh với kiểu ảnh đã điều chỉnh, đầu tiên chọn kiểu ảnh đã điều chỉnh, rồi chụp.

Điều chỉnh đơn sắc

Đối với chế độ đơn sắc, bạn cũng có thể thiết lập **[Filter effect (Hiệu ứng bộ lọc)]** và **[Toning effect (Hiệu ứng tông màu)]** ngoài **[Sharpness (Độ sắc nét)]** và **[Contrast (Độ tương phản)]** đã giải thích ở những trang trước.

Filter effect (Hiệu ứng bộ lọc)

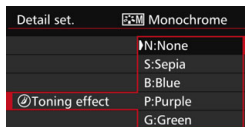


Với hiệu ứng bộ lọc áp dụng cho ảnh đơn sắc, đám mây trắng hoặc cây xanh trông sẽ nổi bật hơn.

Bộ lọc	Hiệu ứng mẫu
N: None (Không)	Ảnh đen trắng thông thường không có hiệu ứng bộ lọc.
Ye: Yellow (Vàng)	Bầu trời xanh trông sẽ tự nhiên hơn và đám mây trắng trông sẽ sống động hơn.
Or: Orange (Cam)	Bầu trời xanh trông sẽ tối hơn một chút. Hoàng hôn trông sẽ sáng hơn.
R: Red (Đỏ)	Bầu trời xanh trông sẽ khá tối. Lá rơi trông sẽ sống động và sáng hơn.
G: Green (Xanh lá cây)	Tông màu da và môi trông sẽ kém sinh động. Lá cây xanh trông sẽ sống động và sáng hơn.

 Tăng **[Contrast (Độ tương phản)]** sẽ làm cho hiệu ứng bộ lọc rõ ràng hơn.

Toning effect (Hiệu ứng tông màu)



Áp dụng hiệu ứng tông màu có thể tạo ảnh đơn sắc với màu được chọn. Hiệu ứng này có thể làm ảnh trông ấn tượng hơn. Có thể chọn những cài đặt sau: **[N:None (Không)]**, **[S:Sepia (Nâu đỏ)]**, **[B:Blue (Xanh da trời)]**, **[P:Purple (Tím)]** hoặc **[G:Green (Xanh lá cây)]**.

📷 Đăng ký kiểu ảnh ☆

Bạn có thể chọn kiểu ảnh cơ bản như **[Portrait (Chân dung)]** hoặc **[Landscape (Phong cảnh)]**, điều chỉnh thông số mong muốn và đăng ký trong **[User Def. 1 (Người dùng xác định 1)]**, **[User Def. 2 (Người dùng xác định 2)]** hoặc **[User Def. 3 (Người dùng xác định 3)]**.

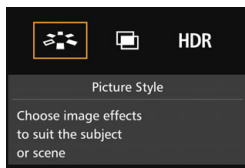
Bạn có thể tạo nhiều kiểu ảnh bằng cài đặt khác nhau cho các thông số độ sắc nét, độ tương phản, v.v...

Bạn cũng có thể điều chỉnh thông số kiểu ảnh đã đăng ký cho máy ảnh với EOS Utility (phần mềm EOS, tr.538).

1 Nhấn nút <📷>.

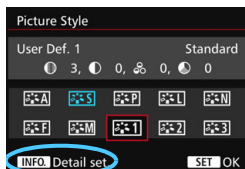
2 Chọn [📷].

▶ Màn hình chọn kiểu ảnh sẽ xuất hiện.



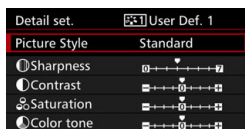
3 Chọn [User Def. * (Người dùng xác định *)].

- Chọn **[User Def. * (Người dùng xác định *)]**, rồi nhấn nút **<INFO.>**.



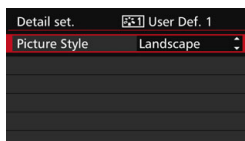
4 Nhấn <SET>.

- Chọn **[Picture Style (Kiểu ảnh)]**, rồi chọn **<SET>**.



5 Chọn kiểu ảnh cơ bản.

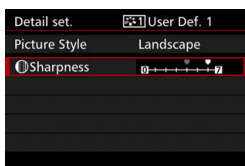
- Chọn kiểu ảnh cơ bản, rồi nhấn **<SET>**.
- Để điều chỉnh thông số kiểu ảnh đã đăng ký cho máy ảnh với EOS Utility (phần mềm EOS), chọn kiểu ảnh ở đây.





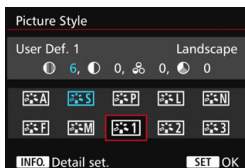
6 Chọn thông số.

- Chọn thông số như **[Sharpness (Độ sắc nét)]**, rồi nhấn **<SET>**.



7 Thiết lập thông số.

- Điều chỉnh thông số mong muốn, rồi nhấn **<SET>**.
Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo phần “Tùy chỉnh kiểu ảnh” (tr.165).
- Nhấn nút **<MENU>** để đăng ký kiểu ảnh đã sửa đổi. Sau đó, màn hình chọn kiểu ảnh sẽ xuất hiện lại.
- Kiểu ảnh cơ bản sẽ hiển thị bên phải của **[User Def. * (Người dùng xác định *)]**.



- Nếu đã đăng ký kiểu ảnh trong **[User Def. * (Người dùng xác định *)]**, thay đổi kiểu ảnh ở bước 5 sẽ làm vô hiệu các cài đặt thông số của kiểu ảnh được đăng ký.
- Nếu bạn thực hiện **[Clear all camera settings (Xóa tất cả cài đặt của máy ảnh)]** (tr.70), tất cả các cài đặt trong **[User Def. * (Người dùng xác định *)]** sẽ trở về mặc định. Đối với kiểu ảnh được đăng ký thông qua EOS Utility (phần mềm EOS), chỉ có thông số đã sửa đổi mới trở về cài đặt mặc định.

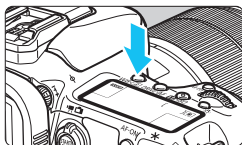


- Để chụp ảnh với kiểu ảnh vừa điều chỉnh, chọn **[User Def. * (Người dùng xác định *)]** đã đăng ký, rồi chụp.
- Để tìm hiểu quy trình đăng ký tập tin kiểu ảnh vào máy ảnh, tham khảo Hướng dẫn sử dụng EOS Utility (tr.538).

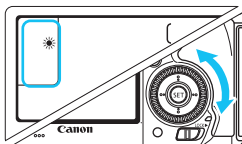
WB: Cài đặt cân bằng trắng ☆

Cân bằng trắng (WB) được dùng để làm trắng các vùng trắng trong ảnh. Thông thường, cài đặt [AWB] (Tự động) sẽ cho cân bằng trắng chính xác. Nếu không thu được màu tự nhiên với [AWB], bạn có thể chọn cân bằng trắng phù hợp với nguồn sáng hoặc thiết lập bằng tay bằng cách chụp các vật màu trắng.

<[A+]> được tự động thiết lập trong chế độ [AWB].



1 Nhấn nút <WB•☀>. (⦿6)



2 Chọn cài đặt cân bằng trắng.

- Trong khi xem bảng điều khiển LCD hoặc khung ngắm, xoay nút xoay <☀>.

(Ước chừng)

Hiện thị	Chế độ	Nhiệt độ màu (K: Kelvin)
AWB	Tự động	3000-7000
☀	Ban ngày	5200
🏠	Bóng râm	7000
☁	Nhiều mây, chạng vạng, hoàng hôn	6000
💡	Đèn dây tóc	3200
💡	Đèn huỳnh quang trắng	4000
⚡	Sử dụng flash	Thiết lập tự động*
📷	Tùy chỉnh (tr.171)	2000 -10000
K	Nhiệt độ màu (tr.173)	2500 -10000

* Áp dụng với đèn Speedlite có chức năng truyền nhiệt độ màu. Nếu không, nhiệt độ màu được cố định ở khoảng 6000 K.

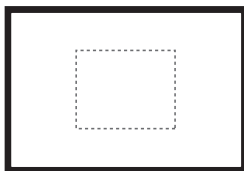
Bạn cũng có thể cài đặt cân bằng trắng với [📷2: White balance (Cân bằng trắng)].

Cân bằng trắng

Đối với mắt người, vật màu trắng trông sẽ có màu trắng trong ảnh mà không phụ thuộc vào loại ánh sáng. Đối với máy ảnh kỹ thuật số, nhiệt độ màu được điều chỉnh bằng phần mềm để làm trắng các khu vực màu trắng trong ảnh. Điều chỉnh này đảm nhiệm việc hiệu chỉnh màu sắc cơ bản. Với chức năng này, có thể chụp ảnh với màu sắc tự nhiên trong bóng râm.

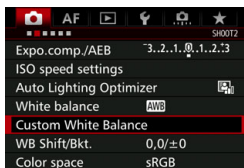
Cân bằng trắng tùy chỉnh

Cân bằng trắng tùy chỉnh cho phép bạn cài đặt cân bằng trắng bằng tay cho nguồn sáng cụ thể để đạt độ chính xác cao hơn. Thực hiện quy trình này trong nguồn sáng sử dụng thực tế.



1 Chụp vật màu trắng.

- Ngắm qua khung ngắm và hướng toàn bộ ô đường chấm (hiển thị trong hình minh họa) vào vật trắng đơn giản.
- Lấy nét bằng tay và chụp với mức phơi sáng chuẩn thiết lập cho chủ thể màu trắng.
- Bạn có thể sử dụng bất kỳ cân bằng trắng nào.



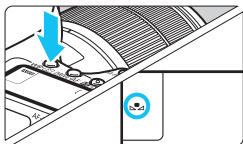
2 Chọn [Custom White Balance (Cân bằng trắng tùy chỉnh)].

- Trong tab [ 2], chọn [Custom White Balance (Cân bằng trắng tùy chỉnh)], rồi nhấn <SET>.
- ▶ Màn hình chọn cân bằng trắng tùy chỉnh sẽ xuất hiện.



3 Nhập dữ liệu cân bằng trắng.

- Xoay nút xoay < > để chọn ảnh được chụp trong bước 1, rồi nhấn < >.
- ▶ Trên màn hình hộp thoại xuất hiện, chọn [OK] và dữ liệu sẽ được nhập.
- Nhấn nút < > để thoát menu.



4 Nhấn nút < WB >. (Ổ6)

5 Chọn cân bằng trắng tùy chỉnh.

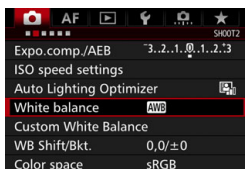
- Nhìn vào bảng điều khiển LCD và xoay nút xoay < > để chọn < >.

- ❗ Nếu độ phơi sáng thu được ở bước 1 khác nhiều so với phơi sáng chuẩn, có thể không đạt được cân bằng trắng chính xác.
- Ở bước 3, không thể chọn những ảnh sau: Ảnh chụp khi kiểu ảnh được thiết lập thành [**Monochrome (Đơn sắc)**], ảnh chụp đa phơi sáng và ảnh chụp với máy ảnh khác.

- 📷 Thay vì vật màu trắng, biểu đồ màu xám hoặc thẻ phản chiếu màu xám 18% (bán sẵn trên thị trường) có thể tạo cân bằng trắng chính xác hơn.
- Cân bằng trắng cá nhân sẽ được đăng ký với phần mềm EOS thông qua < >. Nếu bạn thực hiện bước 3, dữ liệu cân bằng trắng cá nhân đã đăng ký sẽ bị xóa.

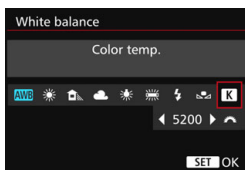
K Thiết lập nhiệt độ màu

Bạn có thể thiết lập nhiệt độ màu của cân bằng trắng theo số lượng. Đây là tính năng dành cho người dùng chuyên nghiệp.



1 Chọn [White balance (Cân bằng trắng)].

- Trong tab [2], chọn [White balance (Cân bằng trắng)], rồi nhấn <SET>.



2 Thiết lập nhiệt độ màu.

- Chọn [K].
- Xoay nút xoay <🔧> để thiết lập nhiệt độ màu, rồi nhấn <SET>.
- Có thể thiết lập nhiệt độ màu từ khoảng 2500 K đến 10000 K trong mức tăng 100 K.

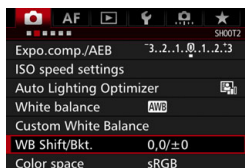


- Khi thiết lập nhiệt độ màu cho nguồn sáng nhân tạo, thiết lập hiệu chỉnh cân bằng trắng (đỏ sậm hoặc xanh lá cây) nếu cần thiết.
- Nếu bạn thiết lập [K] tới chỉ số đọc đo bằng bộ đo nhiệt độ màu bán sẵn trên thị trường, hãy chụp thử vài ảnh và điều chỉnh cài đặt để bù cho sự chênh lệch giữa chỉ số đọc của bộ đo nhiệt độ màu và chỉ số đọc nhiệt độ màu của máy ảnh.

WB Hiệu chỉnh cân bằng trắng ☆

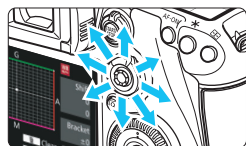
Bạn có thể sửa mức cân bằng trắng đã được thiết lập. Điều chỉnh này sẽ có cùng hiệu ứng như sử dụng bộ lọc chuyển đổi nhiệt độ màu hoặc bộ lọc bù màu có bán sẵn. Mỗi màu có thể được chỉnh thành một trong 9 mức. Chức năng này dành cho người sử dụng chuyên nghiệp đã quen sử dụng bộ lọc chuyển đổi nhiệt độ màu hoặc bù màu.

Hiệu chỉnh cân bằng trắng

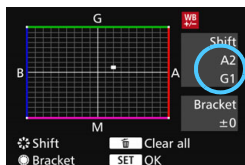


1 Chọn [WB Shift/Bkt. (Thay đổi cân bằng trắng/Cân bằng trắng hỗn hợp)].

- Trong tab [WB2], chọn [WB Shift/Bkt. (Thay đổi cân bằng trắng/Cân bằng trắng hỗn hợp)], rồi nhấn <SET>.



Cài đặt mẫu: A2, G1



2 Thiết lập hiệu chỉnh cân bằng trắng.

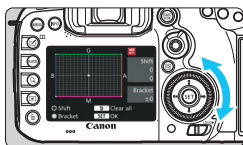
- Sử dụng nút <WB> để di chuyển dấu “■” đến vị trí thích hợp.
- B là màu xanh da trời, A là màu hồ phách, M là màu đỏ tía và G là màu xanh lá cây. Cân bằng màu của ảnh sẽ được chỉnh về màu đã chọn.
- Ở bên phải màn hình, biểu tượng “Shift” biểu thị hướng và lượng chỉnh sửa tương ứng.
- Nhấn nút <WB> sẽ hủy tất cả cài đặt [WB Shift/Bkt. (Thay đổi cân bằng trắng/Cân bằng trắng hỗn hợp)].
- Nhấn <SET> để thoát cài đặt.



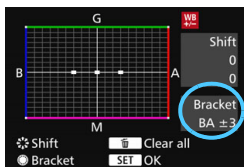
- Trong khi hiệu chỉnh cân bằng trắng, biểu tượng <WB> sẽ hiển thị trên bảng điều khiển LCD.
- Bạn có thể hiển thị <WB> trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD sau khi đã thiết lập hiệu chỉnh cân bằng trắng (tr.443).
- Một mức chỉnh màu xanh da trời/màu hồ phách tương ứng với khoảng 5 mired trong bộ lọc chuyển đổi nhiệt độ màu. (Mired: Đơn vị đo lường biểu thị mật độ của bộ lọc chuyển đổi nhiệt độ màu.)

Tự động cân bằng trắng hỗn hợp

Chỉ với một lần chụp, có thể ghi đồng thời 3 ảnh có tông màu khác nhau. Dựa trên nhiệt độ màu của cài đặt cân bằng trắng hiện tại, ảnh sẽ bù độ chênh lệch xanh da trời/hồ phách hoặc độ chênh lệch đỏ tía/xanh lá cây. Quá trình này gọi là cân bằng trắng hỗn hợp (WB-BKT). Có thể thực hiện cân bằng trắng hỗn hợp lên tới ± 3 mức trong tăng giảm mức đơn.



± 3 mức độ chênh lệch B/A
(Xanh da trời/Hồ phách)



Thiết lập lượng cân bằng trắng hỗn hợp.

- Ở bước 2 của “Hiệu chỉnh cân bằng trắng”, khi xoay nút xoay $\langle \odot \rangle$, dấu “■” trên màn hình sẽ chuyển thành “■■■” (3 điểm).
Xoay nút xoay sang phải để thiết lập B/A hỗn hợp (Xanh da trời/Hồ phách) và xoay sang trái để thiết lập M/G hỗn hợp (Đỏ tía/Xanh lá cây).
- Ở bên phải, “**Bracket (hỗn hợp)**” biểu thị hướng phơi sáng hỗn hợp và lượng hiệu chỉnh.
- Nhấn nút $\langle \text{WB} \rangle$ sẽ hủy tất cả cài đặt [WB Shift/Bkt. (Thay đổi cân bằng trắng/Cân bằng trắng hỗn hợp)].
- Nhấn $\langle \text{SET} \rangle$ để thoát cài đặt.

Thứ tự phơi sáng hỗn hợp

Ảnh sẽ được phơi sáng hỗn hợp theo thứ tự sau: 1. Cân bằng trắng chuẩn, 2. Độ chênh lệch xanh da trời (B) và 3. Độ chênh lệch hồ phách (A), hoặc 1. Cân bằng trắng chuẩn, 2. Độ chênh lệch đỏ tía (M) và 3. Độ chênh lệch xanh lá cây (G).

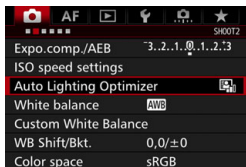
- Trong khi cân bằng trắng hỗn hợp, số ảnh chụp liên tục tối đa sẽ ít hơn và số lượng ảnh có thể chụp cũng sẽ giảm còn một phần ba số lượng thông thường.
- Vì có ba ảnh được ghi trong một lần chụp nên việc ghi ảnh vào thẻ sẽ mất thời gian lâu hơn.

- Bạn cũng có thể thiết lập hiệu chỉnh cân bằng trắng và AEB đồng thời với cân bằng trắng hỗn hợp. Nếu thiết lập AEB kết hợp với cân bằng trắng hỗn hợp, mỗi lần chụp sẽ ghi tổng số 9 ảnh.
- Khi đã cài đặt cân bằng trắng hỗn hợp, biểu tượng cân bằng trắng sẽ nhấp nháy.
- Bạn có thể thay đổi số ảnh cho cân bằng trắng hỗn hợp (tr.437).
- “**Bkt.**” là viết tắt của bracketing (phơi sáng hỗn hợp).

MENU Tự động hiệu chỉnh độ sáng và độ tương phản ☆

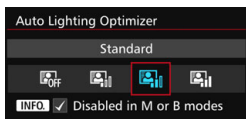
Nếu ảnh tối hoặc có độ tương phản thấp, độ sáng và độ tương phản sẽ được tự động điều chỉnh. Chức năng này được gọi là tự động tối ưu hóa ánh sáng. Cài đặt mặc định là **[Standard (Tiêu chuẩn)]**. Đối với ảnh JPEG, hiệu chỉnh được áp dụng khi chụp ảnh.

[Standard (Tiêu chuẩn)] được thiết lập tự động trong chế độ <A+>.



1 Chọn **[Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hoá ánh sáng)]**.

- Trong tab [**2**], chọn **[Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hoá ánh sáng)]**, rồi nhấn <SET>.



2 Chọn cài đặt.

- Chọn cài đặt mong muốn, rồi nhấn <SET>.

3 Chụp ảnh.

- Nếu cần, ảnh sẽ được ghi với độ sáng và độ tương phản đã chỉnh.



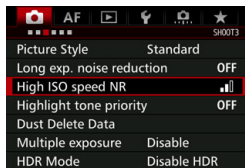
- Tùy thuộc vào điều kiện chụp, ảnh có thể nhiễu hạt hơn.
- Nếu mức Tự động tối ưu hóa ánh sáng quá mạnh và ảnh quá sáng, hãy cài đặt **[Low (Thấp)]** hoặc **[Disable (Tắt)]**.
- Nếu thiết lập cài đặt khác với **[Disable (Tắt)]** và sử dụng bù trừ phơi sáng hoặc bù trừ phơi sáng flash để làm tối phơi sáng, ảnh vẫn có thể bị sáng. Nếu muốn giảm phơi sáng, đặt chức năng này thành **[Disable (Tắt)]**.
- Nếu đặt [**3**: **Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)**] thành **[Enable (Bật)]**, Tự động tối ưu hóa ánh sáng sẽ được cài đặt tự động thành **[Disable (Tắt)]**.



Ở bước 2, nếu nhấn nút <INFO.> và bỏ chọn <✓> cài đặt **[Disabled in M or B modes (Tắt trong chế độ M hoặc B)]**, bạn có thể đặt **[Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)]** trong các chế độ <M> và .

Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao

Chức năng này làm giảm nhiễu hạt trên ảnh. Mặc dù giảm nhiễu hạt áp dụng cho tất cả tốc độ ISO nhưng hiệu quả nhất là ở tốc độ ISO cao. Ở tốc độ ISO thấp, nhiễu hạt ở những phần tối hơn trên ảnh (vùng tối) sẽ giảm nhiều hơn.



1 Chọn [High ISO speed NR (Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao)].

- Trong tab [3], chọn [High ISO speed NR (Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao)], rồi nhấn <SET>.



2 Thiết lập mức độ.

- Chọn mức độ giảm nhiễu hạt mong muốn, rồi nhấn <SET>.

● [NR] : Multi Shot Noise Reduction (Giảm nhiễu hạt đa ảnh)

Cài đặt này có được chất lượng ảnh cao hơn so với khi đặt giảm nhiễu hạt thành [High (Cao)]. Đối với từng ảnh đơn, 4 ảnh sẽ được chụp liên tiếp và tự động ghép lại thành một ảnh JPEG.

Nếu chất lượng ghi ảnh được đặt thành RAW hoặc RAW+JPEG, bạn không thể thiết lập [Multi Shot Noise Reduction (Giảm nhiễu hạt đa ảnh)].

3 Chụp ảnh.

- Ảnh sẽ được ghi với hiệu ứng giảm nhiễu hạt.

Khi đã thiết lập giảm nhiễu hạt đa ảnh, bạn có thể hiển thị <[!]> trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD (tr.443).

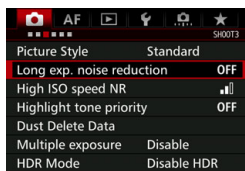


Thận trọng khi thiết lập giảm nhiễu hạt đa ảnh

- Nếu ảnh bị lệch đáng kể do rung máy, hiệu ứng giảm nhiễu hạt có thể bị giảm thiểu đáng kể.
- Nếu cầm máy ảnh bằng tay, giữ vững máy để tránh rung máy. Bạn nên sử dụng chân máy.
- Nếu chụp một chủ thể đang di chuyển, chủ thể chuyển động đó có thể để lại bóng mờ trên ảnh.
- Đối với các ảnh có dạng lặp đi lặp lại (lưới, vằn, v.v...), ảnh phẳng hay ảnh đơn sắc, tính năng chỉnh lệch ảnh có thể không hoạt động chính xác.
- Nếu độ sáng của chủ thể thay đổi khi chụp bốn ảnh liên tiếp, có thể gây ra hiện tượng phơi sáng không đều trên ảnh.
- Thời gian ghi ảnh vào thẻ sẽ dài hơn so với khi chụp thông thường. Trong khi xử lý ảnh, thông báo “**buSY**” sẽ hiển thị trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD và bạn không thể chụp ảnh cho đến khi quá trình xử lý hoàn tất.
- Bạn không thể sử dụng AEB và cân bằng trắng hỗn hợp.
- Cài đặt [**Distortion (Méo hình)**] sẽ tự động chuyển thành [**Disable (Tắt)**].
- Nếu đặt [**3: Long exp. noise reduction (Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu)**], [**3: Multiple exposure (Đa phơi sáng)**], [**3: HDR Mode (Chế độ HDR)**], AEB hoặc Cân bằng trắng hỗn hợp, không thể cài đặt [**Multi Shot Noise Reduction (Giảm nhiễu hạt đa ảnh)**].
- Không thể chụp với đèn flash. Tia giúp lấy nét sẽ phát ra theo cài đặt [**AF3: AF-assist beam firing (Đánh sáng tia giúp lấy nét)**].
- Bạn không thể thiết lập [**Multi Shot Noise Reduction (Giảm nhiễu hạt đa ảnh)**] để phơi sáng bulb và quay phim.
- Thiết lập này sẽ tự động chuyển sang [**Standard (Chuẩn)**] khi thực hiện bất kỳ thao tác nào tác sau đây: Chuyển công tắc nguồn thành <**OFF**>, thay pin, thay thẻ nhớ, chọn chế độ chụp <**A+**> hoặc <**B**>, thiết lập hoặc chuyển chất lượng ghi ảnh thành RAW hay RAW+JPEG hoặc chuyển sang chế độ quay phim.

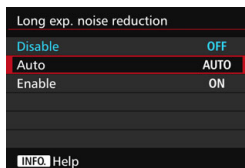
Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu

Có thể sử dụng giảm nhiễu hạt cho ảnh được phơi sáng từ 1 giây trở lên.



1 Chọn [Long exp. noise reduction (Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu)].

- Trong tab [3], chọn [Long exp. noise reduction (Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu)], rồi nhấn <SET>.



2 Thiết lập cài đặt mong muốn.

- Chọn cài đặt mong muốn, rồi nhấn <SET>.

● Auto (Tự động)

Với phơi sáng 1 giây hoặc lâu hơn, nếu máy ảnh phát hiện nhiễu hạt đặc trưng của phơi sáng lâu, giảm nhiễu hạt sẽ tự động thực hiện. Cài đặt **[Auto (Tự động)]** có hiệu quả trong hầu hết các trường hợp.

● Enable (Bật)

Giảm nhiễu hạt áp dụng cho tất cả phơi sáng 1 giây hoặc phơi sáng lâu hơn. Cài đặt **[Enable (Bật)]** có thể giảm nhiễu hạt mà không thể phát hiện với cài đặt **[Auto (Tự động)]**.

3 Chụp ảnh.

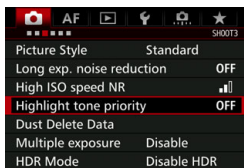
- Ảnh sẽ được ghi với hiệu ứng giảm nhiễu hạt.



- Khi đặt [**Auto (Tự động)**] và [**Enable (Bật)**], quá trình giảm nhiễu hạt sau khi chụp ảnh có thể mất thời gian tương tự như quá trình phơi sáng. Trong quá trình giảm nhiễu hạt, chế độ chụp vẫn được tiếp tục nếu đèn báo số ảnh chụp liên tục tối đa trong khung ngắm hiển thị “1” hoặc cao hơn.
- Cài đặt [**Enable (Bật)**] có thể làm ảnh chụp ở ISO 1600 trở lên bị nhiễu hạt nhiều hơn so với cài đặt [**Disable (Tắt)**] hoặc [**Auto (Tự động)**].
- Khi đặt [**Enable (Bật)**], nếu chụp phơi sáng lâu và hiển thị ảnh Live View, thông báo “**BUSY**” sẽ hiển thị trong quá trình giảm nhiễu. Hiển thị Live View sẽ không xuất hiện cho đến khi quá trình giảm nhiễu hạt hoàn tất. (Không thể chụp ảnh khác.)

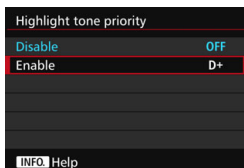
MENU Ưu tiên tông màu sáng ☆

Bạn có thể giảm thiểu các khu vực dư sáng.



1 Chọn [Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)].

- Trong tab [3], chọn [Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Enable (Bật)].

- Chi tiết vùng sáng được cải thiện. Dải tương phản mở rộng từ xám 18% tiêu chuẩn đến các màu sáng tươi. Độ nhạt màu giữa màu xám và màu sáng sẽ trở nên mượt hơn.

3 Chụp ảnh.

- Ảnh sẽ được ghi với hiệu ứng ưu tiên tông màu sáng.

⚠ Khi đặt [Enable (Bật)], hiện tượng nhiễu hạt có thể tăng nhẹ.

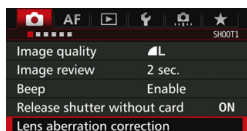
📄 Nếu đặt [Enable (Bật)], phạm vi có thể thiết lập sẽ là ISO 200 - ISO 16000. Ngoài ra, biểu tượng <D+> sẽ hiển thị trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD khi đã bật ưu tiên tông màu sáng.

MENU Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi và sắc sai của ống kính

Do đặc tính của ống kính, hiện tượng ánh sáng vùng ngoại vi giảm xuống làm cho các góc ảnh trông tối hơn. Màu bao quanh dọc theo đường viền của chủ thể được gọi là sắc sai. Và méo hình do đặc tính của ống kính được gọi là méo hình. Có thể hiệu chỉnh hiện tượng thiếu sáng và sắc sai của ống kính. Mặc định, hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi và sắc sai được đặt thành **[Enable (Bật)]**, và hiệu chỉnh méo hình được đặt thành **[Disable (Tắt)]**.

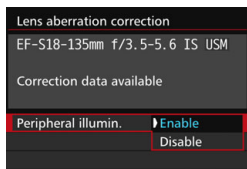
Nếu hiển thị **[Correction data not available (Không có dữ liệu chỉnh)]** tham khảo “Dữ liệu chỉnh ống kính” trên trang 185.

Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi



1 Chọn **[Lens aberration correction (Chỉnh quang sai của ống kính)]**.

- Trong tab **[1]**, chọn **[Lens aberration correction (Chỉnh quang sai của ống kính)]**, rồi nhấn **<SET>**.



2 Chọn cài đặt.

- Kiểm tra **[Correction data available (Có dữ liệu chỉnh)]** có hiển thị cho ống kính đã lắp không.
- Chọn **[Peripheral illumin. (Ánh sáng vùng ngoại vi)]**, rồi nhấn **<SET>**.
- Chọn **[Enable (Bật)]**, rồi nhấn **<SET>**.

3 Chụp ảnh.

- Ảnh sẽ được ghi với ánh sáng vùng ngoại vi đã hiệu chỉnh.

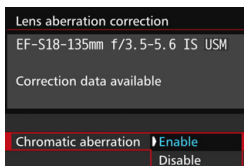


Tùy thuộc vào điều kiện chụp, nhiễu hạt có thể xuất hiện trên vùng ngoại vi ảnh.



- Lượng hiệu chỉnh được áp dụng sẽ thấp hơn lượng hiệu chỉnh tối đa có thể cài đặt với Digital Photo Professional (phần mềm EOS, tr.538).
- Tốc độ ISO càng cao thì lượng hiệu chỉnh sẽ càng thấp.

Hiệu chỉnh sắc sai



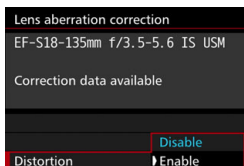
1 Chọn cài đặt.

- Kiểm tra [**Correction data available (Có dữ liệu chỉnh)**] có hiển thị cho ống kính đã lắp không.
- Chọn [**Chromatic aberration (Sắc sai)**], rồi nhấn <SET>.
- Chọn [**Enable (Bật)**], rồi nhấn <SET>.

2 Chụp ảnh.

- Ảnh sẽ được ghi với sắc sai đã hiệu chỉnh.

Hiệu chỉnh méo hình



1 Chọn cài đặt.

- Kiểm tra [**Correction data available (Có dữ liệu chỉnh)**] có hiển thị cho ống kính đã lắp không.
- Chọn [**Distortion (Méo hình)**], rồi nhấn <SET>.
- Chọn [**Enable (Bật)**], rồi nhấn <SET>.

2 Chụp ảnh.

- Ảnh sẽ được ghi với méo hình đã hiệu chỉnh.



- Khi bật hiệu chỉnh méo hình, máy ảnh sẽ ghi lại phạm vi ảnh hẹp hơn so với được nhìn qua khung ngắm. (Ngoại vi ảnh sẽ bị cắt một chút và độ phân giải giảm nhẹ.)
- Nếu bạn đặt [**Distortion (Méo hình)**] thành [**Enable (Bật)**], số ảnh chụp liên tục tối đa (tr.155) sẽ giảm.
- Méo hình sẽ không được hiệu chỉnh nếu bạn quay phim hoặc đặt chế độ HDR, đa phơi sáng hoặc giảm nhiễu hạt đa ảnh.
- Sử dụng hiệu chỉnh méo hình trong khi chụp Live View sẽ ảnh hưởng nhẹ tới góc nhìn.
- Khi bạn phóng to hình ảnh trong khi chụp Live View, hình ảnh hiển thị sẽ không được áp dụng hiệu chỉnh méo hình. Vì vậy, nếu ngoại vi ảnh được phóng to, một phần của phạm vi ảnh sẽ không được ghi trong bức ảnh thực có thể hiển thị.
- Hình ảnh được ghi khi bật hiệu chỉnh méo hình sẽ không được thêm dữ liệu xóa bụi (tr.409). Ngoài ra, (các) điểm AF sẽ không hiển thị (tr.361) khi bạn xem lại ảnh.

Dữ liệu chỉnh ống kính

Máy ảnh đã có dữ liệu hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi, dữ liệu hiệu chỉnh sắc sai và hiệu chỉnh méo hình của ống kính cho khoảng 30 ống kính. Nếu chọn [**Enable (Bật)**], hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi, hiệu chỉnh sắc sai và hiệu chỉnh méo hình sẽ tự động áp dụng cho bất kỳ ống kính nào đã đăng ký dữ liệu chỉnh trong máy ảnh.

Với EOS Utility (phần mềm EOS), bạn có thể kiểm tra ống kính đã đăng ký dữ liệu hiệu chỉnh trong máy ảnh. Bạn cũng có thể đăng ký dữ liệu chỉnh cho ống kính chưa đăng ký. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo Hướng dẫn sử dụng EOS Utility (tr.538) trên đĩa CD-ROM hướng dẫn sử dụng phần mềm.

Lưu ý khi chỉnh ống kính

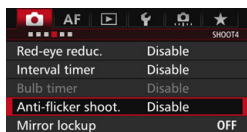
- Không thể áp dụng hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi, hiệu chỉnh sắc sai và hiệu chỉnh méo hình với các ảnh JPEG đã chụp.
- Khi sử dụng ống kính không phải của Canon, nên đặt các hiệu chỉnh thành **[Disable (Tắt)]**, ngay cả khi hiển thị **[Correction data available (Có dữ liệu chỉnh)]**.
- Nếu bạn sử dụng xem phóng to trong khi chụp Live View, hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi, hiệu chỉnh sắc sai và hiệu chỉnh méo hình sẽ không được phản ánh trong ảnh hiển thị trên màn hình.
- Lượng chỉnh sửa sẽ ít hơn nếu ống kính được sử dụng không có thông tin về khoảng cách.

Lưu ý khi chỉnh ống kính

- Nếu không nhìn thấy hiệu ứng chỉnh, phóng to và kiểm tra lại ảnh.
- Có thể áp dụng hiệu chỉnh ngay cả khi lắp ống nối hoặc bộ chuyển đổi kích thước thực.
- Nếu dữ liệu chỉnh cho ống kính đã lắp không được đăng ký vào máy ảnh, kết quả sẽ giống như khi đặt hiệu chỉnh thành **[Disable (Tắt)]**.

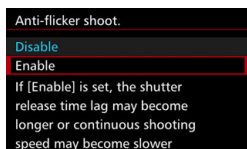
MENU Giảm nhấp nháy ☆

Khi chụp với tốc độ màn trập nhanh dưới nguồn sáng như đèn huỳnh quang, hiện tượng nhấp nháy của nguồn sáng gây ra những đường sọc ngang và có thể xuất hiện trên ảnh chụp. Nếu chụp liên tục dưới điều kiện này, ảnh chụp có thể không chuẩn màu hoặc phơi sáng. Với chụp chống nhấp nháy, máy ảnh sẽ nhận diện tần số nhấp nháy của nguồn sáng và giảm thiểu ảnh hưởng của nó lên phơi sáng hoặc màu sắc ảnh chụp.



1 Chọn [Anti-flicker shoot (Chụp chống nhấp nháy)].

- Trong tab [4], chọn [Anti-flicker shoot (Chụp chống nhấp nháy)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Enable (Bật)].

3 Chụp ảnh.

- Ảnh sẽ được chụp với phơi sáng và màu sắc đã giảm thiểu ảnh hưởng của hiện tượng nhấp nháy.



- Khi đặt [Enable (Bật)] và chụp dưới nguồn sáng nhấp nháy, thời gian trễ nhả nút chụp có thể kéo dài hơn một chút. Ngoài ra, tốc độ chụp liên tục có thể chậm hơn một chút và khoảng chụp có thể không đều.
- Chức năng này không hoạt động với chế độ chụp Live View và quay phim.
- Trong chế độ <P> hoặc <Av>, nếu tốc độ màn trập thay đổi khi chụp liên tục hoặc nếu bạn chụp nhiều ảnh của cùng một cảnh ở các tốc độ màn trập khác nhau, tông màu có thể không đồng đều. Để tránh tông màu không đồng đều, hãy sử dụng chế độ <Tv> hoặc <M> ở tốc độ màn trập cố định.
- Tông màu của ảnh được chụp khi đặt [Anti-flicker shoot. (Chụp chống nhấp nháy)] thành [Enable (Bật)] có thể trông khác so với khi cài đặt thành [Disable (Tắt)].
- Máy không thể phát hiện ánh sáng nhấp nháy ở tần số khác với 100 Hz hoặc 120 Hz. Ngoài ra, nếu tần số nhấp nháy của ánh sáng thay đổi khi chụp liên tục, không thể giảm được hiệu ứng nhấp nháy.



- Nếu chủ thể ở trước hậu cảnh tối hoặc có nguồn sáng mạnh trong ảnh, máy có thể không phát hiện được ánh sáng nhấp nháy.
- Dưới một số loại ánh sáng đặc biệt, máy ảnh có thể không giảm được hiệu ứng của ánh sáng nhấp nháy ngay cả khi biểu tượng < **Flicker!** > hiển thị.
- Tùy thuộc vào nguồn sáng, có thể không phát hiện được ánh sáng nhấp nháy chính xác.
- Nếu bạn bố cục lại ảnh, < **Flicker!** > có thể xuất hiện và biến mất không liên tục.
- Tùy thuộc vào nguồn sáng và điều kiện chụp ảnh, có thể không đạt được kết quả mong muốn ngay cả khi bạn sử dụng chức năng này.



- Nên chụp thử vài ảnh.
- Nếu < **Flicker!** > không hiển thị trong khung ngắm, hãy đánh dấu vào **[Flicker detection (Nhận diện nhấp nháy)]** trong **[Show/hide in viewfinder (Ẩn/hiện trong khung ngắm)]** (tr.78). Khi máy ảnh giảm hiệu ứng của ánh sáng nhấp nháy khi chụp ảnh, biểu tượng < **Flicker!** > sẽ sáng. Dưới nguồn sáng không nhấp nháy hoặc nếu không phát hiện được ánh sáng nhấp nháy, biểu tượng < **Flicker!** > sẽ không hiển thị.
- Nếu đánh dấu vào **[Flicker detection (Nhận diện nhấp nháy)]** và đặt chế độ **[CAMERA 4: Anti-flicker shoot. (Chụp chống nhấp nháy)]** thành **[Disable (Tắt)]**, đo sáng dưới nguồn sáng nhấp nháy sẽ khiến < **Flicker!** > nhấp nháy trong khung ngắm để cảnh báo. Nên thiết lập **[Enable (Bật)]** trước khi chụp.
- Trong chế độ < **AE+** >, hiệu ứng ánh sáng nhấp nháy sẽ giảm khi bạn chụp, nhưng biểu tượng < **Flicker!** > sẽ không hiển thị.
- Cũng có thể chụp chống nhấp nháy với đèn flash. Tuy nhiên, có thể không đạt được kết quả mong đợi khi chụp với đèn flash không dây.

MENU Thiết lập không gian màu ☆

Phạm vi màu sắc có thể được tạo ra gọi là “không gian màu”. Với máy ảnh này, bạn có thể thiết lập không gian màu cho ảnh chụp thành sRGB hoặc Adobe RGB. Khi chụp thông thường, nên sử dụng sRGB.

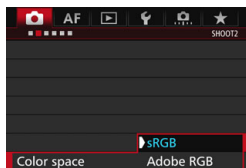
Không gian màu được cài đặt tự động thành [sRGB] trong chế độ <A+>.

1 Chọn [Color space (Không gian màu)].

- Trong tab [📷2], chọn [Color space (Không gian màu)], rồi nhấn <SET>.

2 Thiết lập không gian màu mong muốn.

- Chọn [sRGB] hoặc [Adobe RGB], rồi nhấn <SET>.



Adobe RGB

Không gian màu này chủ yếu sử dụng trong in thương mại và các mục đích công nghiệp khác. Không nên sử dụng cài đặt này nếu bạn không quen với xử lý ảnh, Adobe RGB và quy tắc thiết kế cho hệ thống tập tin máy ảnh (Design rule for Camera File system) 2.0 (Exif 2.21 hoặc cao hơn). Ảnh trông sẽ rất dị trong môi trường máy tính sRGB và với máy in không tương thích với quy tắc thiết kế cho hệ thống tập tin máy ảnh (Design rule for Camera File system) 2.0 (Exif 2.21 hoặc cao hơn). Do đó, bắt buộc phải xử lý hậu kỳ ảnh bằng phần mềm máy tính.



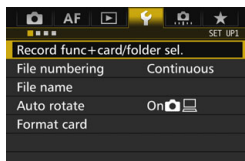
- Nếu ảnh được chụp ở không gian màu Adobe RGB, ký tự đầu trong tên tập tin sẽ là dấu gạch dưới “_”.
- Cấu hình ICC không được cung cấp kèm. Vui lòng tham khảo giải thích về cấu hình ICC trong Hướng dẫn sử dụng phần mềm (tr.541) trên CD-ROM.

MENU Tạo và chọn thư mục

Bạn có thể tùy ý tạo và chọn thư mục để lưu ảnh đã chụp.

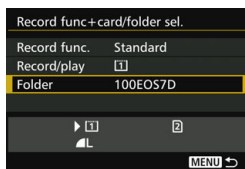
Thao tác này là tùy chọn, vì máy ảnh sẽ tự động tạo thư mục để lưu ảnh đã chụp.

Tạo thư mục

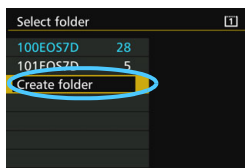


1 Chọn [Record func+card/folder sel. (Chức năng ghi+chọn thẻ/thư mục)].

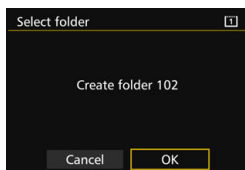
- Trong tab [**f**1], chọn [**Record func+card/folder sel. (Chức năng ghi+chọn thẻ/thư mục)**], rồi nhấn **<SET>**.



2 Chọn [Folder (Thư mục)].



3 Chọn [Create folder (Tạo thư mục)].



4 Chọn [OK].

- Thư mục mới với số thư mục tăng thêm một đơn vị sẽ được tạo.

Chọn thư mục



- Chọn một thư mục trên màn hình chọn thư mục, rồi nhấn **<SET>**.
- ▶ Thư mục sẽ lưu ảnh đã chụp được chọn.
- Ảnh chụp sau đó sẽ được ghi vào thư mục đã chọn.



Thư mục

Ví dụ thư mục **"100EOS7D"**, tên thư mục bắt đầu với ba chữ số (số thư mục), tiếp theo là năm ký tự chữ và số. Thư mục có thể chứa tối đa 9999 ảnh (số tập tin 0001 - 9999). Khi thư mục đầy, thư mục mới với số thư mục tăng thêm một đơn vị sẽ được tạo tự động. Ngoài ra, nếu cài đặt lại bằng tay (tr.196), thư mục mới sẽ được tạo tự động. Bạn có thể tạo thư mục được đánh số thứ tự từ 100 đến 999.

Tạo thư mục bằng máy tính

Mở thẻ trên màn hình và tạo thư mục mới có tên **"DCIM"**. Mở thư mục DCIM và tạo số lượng thư mục cần để lưu và quản lý ảnh. Tên thư mục phải theo định dạng **"100ABC_D"**. Ba chữ số trước là số thư mục, từ 100 đến 999. Năm ký tự cuối có thể là sự kết hợp bất kỳ của chữ viết hoa và viết thường từ A đến Z, số và dấu gạch dưới **"_"**. Tên thư mục không được bao gồm dấu cách. Ngoài ra, lưu ý rằng tên 2 thư mục không thể có 3 chữ số của số thư mục giống nhau (ví dụ: **"100ABC_D"** và **"100W_XYZ"**), ngay cả khi 5 ký tự còn lại trong mỗi tên khác nhau.

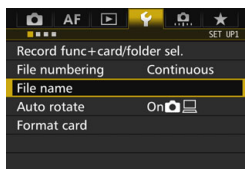
MENU Đổi tên tập tin

Tên tập tin có bốn ký tự chữ và số tiếp theo là số ảnh có bốn chữ số (tr.195) và (Ví dụ:) **BE3B0001.JPG** đuôi tập tin. Bốn ký tự chữ và số đầu

được cài đặt dựa trên số vận chuyển của nhà máy và riêng cho từng máy ảnh. Tuy nhiên, bạn có thể thay đổi chúng.

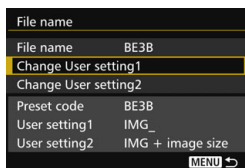
Với “Thiết lập người dùng1”, bạn có thể thay đổi và đăng ký bốn ký tự như ý muốn. Với “Thiết lập người dùng2”, nếu bạn đăng ký ba ký tự, ký tự thứ tư từ trái sang sẽ được tự động thêm vào để biểu thị kích cỡ ảnh.

Đăng ký hoặc đổi tên tập tin

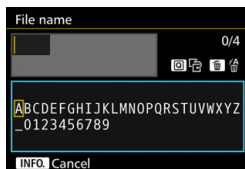


1 Chọn [File name (Tên tập tin)].

- Trong tab [1], chọn [File name (Tên tập tin)], rồi nhấn <SET>.

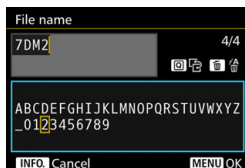


2 Chọn [Change User setting (Thay đổi cài đặt người dùng)*].



3 Nhập bất kỳ ký tự chữ và số.

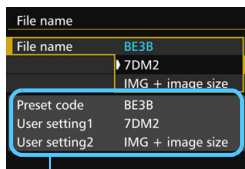
- Đối với Cài đặt người dùng1, nhập bốn ký tự. Đối với Cài đặt người dùng2, nhập ba ký tự.
- Nhấn nút <X> để xóa bất kỳ ký tự nào không cần thiết.
- Nhấn nút <Q>. Khung chữ sẽ được đánh dấu sáng màu và có thể bắt đầu nhập văn bản.



- Xoay nút xoay <⌚> hoặc nút <⌚> để di chuyển và chọn ký tự mong muốn. Sau đó nhấn <SET> để nhập ký tự.

4 Thoát cài đặt.

- Sau khi nhập đúng số ký tự, nhấn nút <MENU>, rồi chọn [OK].
- ▶ Tên tập tin đã đăng ký sẽ được lưu.



Cài đặt

5 Chọn tên tập tin đã đăng ký.

- Chọn [File name (Tên tập tin)], rồi nhấn <SET>.
- Chọn tên tập tin đã đăng ký, rồi nhấn <SET>.
- Nếu đã đăng ký Cài đặt người dùng2, chọn “***” (3 ký tự đã đăng ký) + kích cỡ ảnh”.



Ký tự đầu tiên không được là dấu gạch dưới “_”.



Cài đặt người dùng2

Khi bạn chọn “*** + kích cỡ ảnh” đã đăng ký với Cài đặt người dùng2 để chụp ảnh, ký tự chất lượng ghi ảnh sẽ được tự động thêm vào thành ký tự thứ tư trong tên tập tin tính từ bên trái. Ý nghĩa của ký tự chất lượng ghi ảnh như sau:

“***L” = L / L / RAW

“***M” = M / M / M RAW

“***S” = S1 / S1 / S RAW

“***T” = S2

“***U” = S3

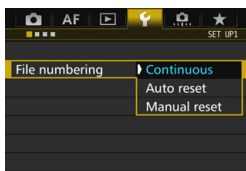
Ảnh khi truyền sang máy tính sẽ được tự động thêm vào ký tự thứ tư. Sau đó bạn có thể xem kích cỡ ảnh mà không phải mở ảnh. Có thể phân biệt ảnh RAW hoặc JPEG nhờ đuôi tập tin.



- Đuôi tập tin sẽ là “.JPG” đối với ảnh JPEG, “.CR2” đối với ảnh RAW và “.MOV” hoặc “.MP4” đối với phim.
- Khi bạn quay phim với Cài đặt người dùng2, ký tự thứ tư trong tên tập tin sẽ là dấu gạch dưới “_”.

MENU Phương pháp đánh số thứ tự tập tin

Tên tập tin gồm bốn chữ số giống như số khung trên một cuộn phim. Các ảnh chụp được chỉ định số tập tin liên tiếp từ 0001 đến 9999 và được lưu vào một thư mục. Bạn có thể thay đổi cách chỉ định số tập tin.



1 Chọn [File numbering (Đánh số thứ tự tập tin)].

- Trong tab [**1**], chọn **[File numbering (Đánh số thứ tự tập tin)]**, rồi nhấn **<SET>**.

2 Chọn phương pháp đánh số thứ tự tập tin.

- Chọn cài đặt mong muốn, rồi nhấn **<SET>**.

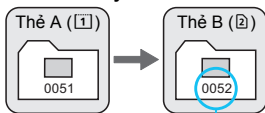
Liên tục

Tiếp tục đánh số thứ tự tập tin ngay cả sau khi thay thẻ nhớ hoặc tạo thư mục mới.

Ngay cả sau khi bạn thay thẻ nhớ, tạo thư mục hoặc chuyển thẻ đích (ví dụ như **[1] → [2]**), việc đánh số thứ tự tập tin sẽ tiếp tục theo thứ tự đến 9999 cho những ảnh được lưu. Cài đặt này giúp lưu tất cả ảnh được đánh số từ 0001 đến 9999 trên nhiều thẻ hoặc trong nhiều thư mục vào cùng một thư mục trên máy tính.

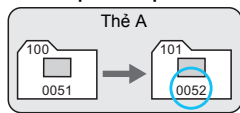
Nếu thẻ thay thế hoặc thư mục hiện có đã chứa ảnh được ghi từ trước, ảnh mới có thể được đánh số tiếp tục theo số thứ tự tập tin của ảnh hiện có trong thẻ hoặc thư mục. Sử dụng thẻ mới đã định dạng mỗi lần bạn muốn đánh số thứ tự tập tin liên tiếp.

Đánh số thứ tự tập tin sau khi thay thẻ nhớ



Số tập tin liên tiếp tiếp theo

Đánh số thứ tự tập tin sau khi tạo thư mục mới

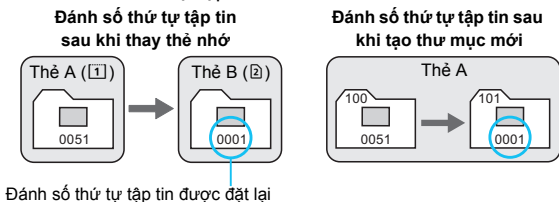


Tự động cài đặt lại

Bắt đầu đánh số thứ tự tập tin lại từ 0001 mỗi lần thay thẻ nhớ hoặc tạo thư mục mới.

Khi bạn thay thẻ nhớ, tạo thư mục hoặc chuyển thẻ đích (ví dụ như ① → ②), việc đánh số thứ tự tập tin sẽ tiếp tục theo thứ tự từ 0001 cho những ảnh được lưu. Cài đặt này giúp quản lý ảnh theo thẻ hoặc thư mục.

Nếu thẻ thay thế hoặc thư mục hiện có đã chứa ảnh được ghi từ trước, ảnh mới có thể được đánh số tiếp tục theo số thứ tự tập tin của ảnh hiện có trong thẻ hoặc thư mục. Sử dụng thẻ mới đã định dạng mỗi lần muốn lưu ảnh với số thứ tự tập tin bắt đầu từ 0001.



Cài đặt lại bằng tay

Cài đặt lại việc đánh số thứ tự tập tin từ 0001 hoặc để bắt đầu đánh số thứ tự từ 0001 trong thư mục mới.

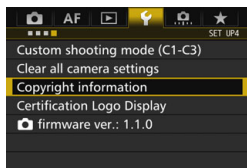
Khi cài đặt lại đánh số thứ tự tập tin bằng tay, thư mục mới sẽ được tạo tự động và số thứ tự tập tin của ảnh được lưu vào thư mục đó sẽ bắt đầu từ 0001.

Cài đặt này giúp bạn lưu ảnh chụp hôm qua và hôm nay vào 2 thư mục khác nhau. Sau khi cài đặt lại bằng tay, số thứ tự tập tin sẽ trở lại thành liên tục hoặc cài đặt lại tự động. (Màn hình xác nhận cài đặt lại bằng tay sẽ không hiển thị.)

! Nếu số tập tin trong thư mục 999 đạt đến 9999, bạn sẽ không thể chụp ảnh ngay cả khi thẻ vẫn còn dung lượng lưu trữ. Màn hình LCD sẽ hiển thị thông báo cho biết cần thay thế thẻ. Vui lòng thay thẻ mới.

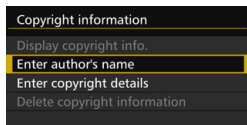
MENU Cài đặt thông tin bản quyền ☆

Sau khi cài đặt, thông tin bản quyền sẽ được ghi vào ảnh dưới dạng thông tin Exif.



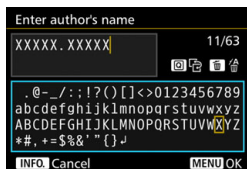
1 Chọn [Copyright information (Thông tin bản quyền)].

- Trong tab [4], chọn [Copyright information (Thông tin bản quyền)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn tùy chọn cần thiết lập.

- Chọn [Enter author's name (Nhập tên tác giả)] hoặc [Enter copyright details (Nhập chi tiết bản quyền)], rồi nhấn <SET>.



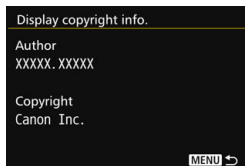
3 Nhập văn bản.

- Nhấn nút <Q>. Khung chữ sẽ được đánh dấu sáng màu và có thể bắt đầu nhập văn bản.
- Xoay nút xoay <DISP> hoặc nút <DISP> để di chuyển và chọn ký tự mong muốn. Sau đó nhấn <SET> để nhập ký tự.
- Bạn có thể nhập tối đa 63 ký tự.
- Để xóa ký tự, nhấn nút .
- Để xóa chế độ nhập văn bản, nhấn nút <INFO>, rồi chọn [OK] trên màn hình xác nhận.

4 Thoát cài đặt.

- Sau khi nhập văn bản, nhấn nút <MENU>, rồi chọn [OK].
- Thông tin đã được lưu.

Kiểm tra thông tin bản quyền



Khi chọn [**Display copyright info. (Hiển thị thông tin bản quyền)**] trong bước 2, bạn có thể kiểm tra thông tin đã nhập về [**Author (Tác giả)**] và [**Copyright (Bản quyền)**].

Xóa thông tin bản quyền

Khi chọn [**Delete copyright information (Xóa thông tin bản quyền)**] trong bước 2 ở trang trước, bạn có thể xóa thông tin về [**Author (Tác giả)**] và [**Copyright (Bản quyền)**].

 Nếu “Tác giả” hoặc “Bản quyền” được nhập dài quá sẽ không thể hiển thị đầy đủ khi chọn [**Display copyright info. (Hiển thị thông tin bản quyền)**].

 Bạn cũng có thể nhập hoặc kiểm tra thông tin bản quyền bằng EOS Utility (phần mềm EOS, tr.538).

5

Thiết lập GPS

Chương này giải thích các thiết lập của GPS tích hợp trên máy ảnh. EOS 7D Mark II (G) có thể nhận tín hiệu định vị vệ tinh từ vệ tinh GPS (Mỹ), vệ tinh GLONASS (Nga) và Hệ thống vệ tinh Quasi-Zenith (QZSS) “Michibiki” (Nhật Bản).

- Chức năng GPS được đặt mặc định thành **[Disable (Tắt)]**.
- Hướng dẫn này sử dụng thuật ngữ “GPS” để chỉ chức năng vệ tinh dẫn đường.

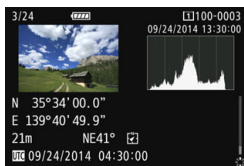
Khi [GPS] được đặt thành [Enable (Bật)] (tr.203), máy ảnh sẽ liên tục nhận tín hiệu GPS trong thời gian thực ngay cả khi tắt nguồn. Pin theo đó sẽ tiêu hao nhanh hơn và số ảnh có thể chụp sẽ giảm. Nếu bạn không sử dụng GPS, nên đặt [GPS] thành [Disable (Tắt)].



Khi sử dụng GPS, đảm bảo kiểm tra những nơi được phép sử dụng chức năng này và sử dụng theo đúng luật và quy định của quốc gia, khu vực đó. Đặc biệt phải chú ý khi sử dụng GPS ngoài quốc gia sở tại.

Tính năng của GPS

Định vị hình ảnh



- Thông tin định vị*¹ (vĩ độ, kinh độ, độ cao so với mực nước biển) và giờ quốc tế phối hợp*² có thể thêm vào ảnh.
- Hướng chụp có thể thêm vào ảnh khi sử dụng la bàn kỹ thuật số (dựa trên nam châm chỉ bắc).
- Có thể sử dụng những thông tin này để cho thấy vị trí và hướng chụp trên bản đồ hiển thị trên máy tính.

*1: Một số điều kiện di chuyển hoặc thiết lập GPS có thể khiến thông tin định vị thêm vào ảnh không chính xác.

*2: Giờ quốc tế phối hợp, viết tắt là UTC, về cơ bản giống như giờ GMT (Greenwich Mean Time).

Ghi chép tuyến đường du lịch

Bạn có thể sử dụng chức năng ghi chép GPS để tự động ghi chép thông tin vị trí của máy ảnh ở và khoảng thời gian đã cài đặt. Có thể xem thông tin ghi chép định vị này trên bản đồ hiển thị trên máy tính.

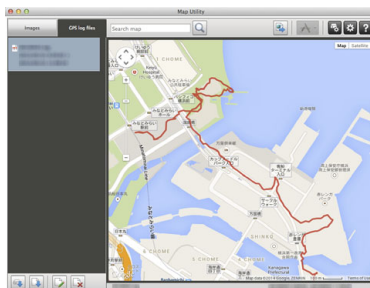
* Một số điều kiện di chuyển, vị trí hoặc thiết lập GPS có thể khiến thông tin ghi chép định vị thêm vào ảnh không chính xác.

Thiết lập thời gian cho máy ảnh

Có thể thiết lập thời gian máy ảnh bằng cách sử dụng tín hiệu GPS.

Xem ảnh và thông tin trên bản đồ ảo.

Vị trí chụp và tuyến đường du lịch có thể xem trên bản đồ hiển thị trên máy tính thông qua ứng dụng Map Utility (phần mềm EOS, tr.538).



Map data ©2014 ZENRIN -

Thận trọng khi sử dụng GPS

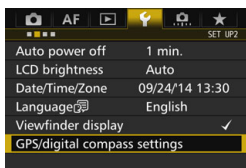
Chú ý những điều sau khi sử dụng chức năng GPS.

- Tại một số quốc gia và khu vực, việc sử dụng GPS bị cấm. Do đó, đảm bảo sử dụng GPS theo đúng luật và quy định của quốc gia hay khu vực sở tại. Đặc biệt phải chú ý khi sử dụng GPS ngoài quốc gia sở tại.
- Chú ý khi sử dụng chức năng GPS tại những nơi cấm vận hành thiết bị điện tử.
- Người khác có thể phát hiện và nhận ra bạn thông qua dữ liệu định vị bạn đã ghi chép trên ảnh hoặc phim. Chú ý khi chia sẻ ảnh, phim có ghi chép thông tin GPS hoặc tập tin ghi chép GPS với người khác, chẳng hạn như đăng lên mạng nơi nhiều người có thể nhìn thấy.
- Việc thu nhận tín hiệu GPS có thể chậm trong một số trường hợp.

Bắt tín hiệu GPS

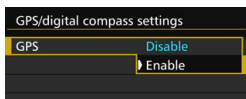
Để bắt tín hiệu GPS, mang máy ảnh ra ngoài trời, nơi không có chướng ngại vật. Hướng đỉnh máy ảnh lên trời, bỏ tay hoặc các vật khác ra khỏi đỉnh máy ảnh.

Trong điều kiện thu nhận tín hiệu tốt, mất khoảng 30 đến 60 giây để máy ảnh bắt được tín hiệu vệ tinh GPS sau khi đặt **[GPS]** thành **[Enable (Bật)]**. Kiểm tra để đảm bảo **[GPS]** đã hiển thị trên bảng điều khiển LCD, sau đó chụp ảnh.



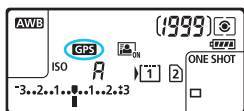
1 Chọn **[GPS/digital compass settings (Thiết lập GPS/la bàn kỹ thuật số)]**.

- Trong tab **[Y2]**, chọn **[GPS/digital compass settings (Thiết lập GPS/la bàn kỹ thuật số)]**, rồi nhấn **<SET>**.

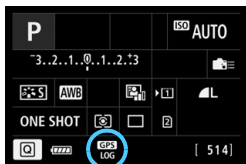


2 Đặt **[GPS]** thành **[Enable (Bật)]**.

Trạng thái định vị GPS



Trạng thái định vị GPS được chỉ thị bằng biểu tượng **[GPS]** trên bảng điều khiển LCD và trên màn hình cài đặt chức năng chụp.



Ổn định **[GPS] :** Đã bắt được tín hiệu
Nhấp nháy **[GPS] :** Vẫn chưa bắt được tín hiệu

Ảnh sẽ được ghi chép định vị nếu bạn chụp trong khi **[GPS]** hiển thị.



- Nếu chọn [**Enable (Bật)**], < **GPS** > sẽ hiển thị trên bảng điều khiển LCD ngay cả khi bạn chuyển công tắc nguồn máy ảnh sang <**OFF**>. Ngoài ra, vì máy ảnh nhận tín hiệu GPS trong thời gian thực, pin sẽ hết nhanh và số lượng ảnh có thể chụp sẽ giảm. Nếu bạn không sử dụng máy ảnh trong một thời gian dài, hãy đặt thành [**Disable (Tắt)**].
- Ăng-ten GPS được tích hợp xung quanh ngàm gắn. Mặc dù có thể thu được tín hiệu GPS khi gắn đèn Speedlite ngoài vào ngàm gắn nhưng độ nhạy thu sẽ giảm đôi chút.
- Không thể sử dụng bộ thu GPS GP-E2 (bán riêng).

Độ phủ sóng GPS kém

Trong các điều kiện sau đây, tín hiệu vệ tinh GPS sẽ không được thu đầy đủ. Kết quả là thông tin định vị có thể không được ghi lại hoặc không chính xác.

- Trong nhà, trong lòng đất, trong đường hầm hoặc rừng cây, giữa các tòa nhà hoặc trong các thung lũng.
- Gần đường điện cao áp hoặc điện thoại di động hoạt động trên băng tần 1,5 GHz.
- Máy ảnh để trong giỏ xách v.v...
- Khi đi du lịch xa.
- Khi đi du lịch qua những môi trường khác nhau.
- Do vệ tinh GPS di chuyển theo thời gian, chuyển động của vệ tinh có thể gây trở ngại cho việc định vị và khiến thông tin định vị bị thiếu hoặc không chính xác, ngay cả trong các điều kiện khác so với kể trên. Ngoài ra, thông tin ghi chép định vị cũng có thể bao gồm các tuyến đường đã qua ngay cả khi máy ảnh chỉ được sử dụng tại một địa điểm.



Máy ảnh có thể nhận được tín hiệu GPS ngay cả ở hướng thẳng đứng.

Xem thông tin GPS

GPS/digital compass settings	
GPS	Enable
Set up	

1 Chọn [Set up (Cài đặt)].

- Kiểm tra để đảm bảo rằng [GPS] được đặt thành [Enable (Bật)].
- Chọn [Set up (Cài đặt)], rồi nhấn .

GPS/digital compass settings	
Auto time setting	Disable
Position update interval	Every 15s
Digital compass	Disable
GPS information display	
Calibrate digital compass	
GPS Logger	Disable

2 Chọn [GPS information display (Hiển thị thông tin GPS)].

- ▶ Thông tin chi tiết GPS hiển thị.

GPS information display	
Latitude	N30°30'30.0"
Longitude	W30°30'30.0"
Elevation	50m
Direction	NE 45°
UTC	09/01/2014 00:00:00
Satellite reception	 3D

3 Chụp ảnh.

- Ảnh được chụp sau khi thu được tín hiệu GPS sẽ được ghi chép định vị.



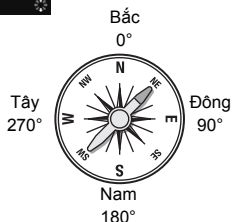
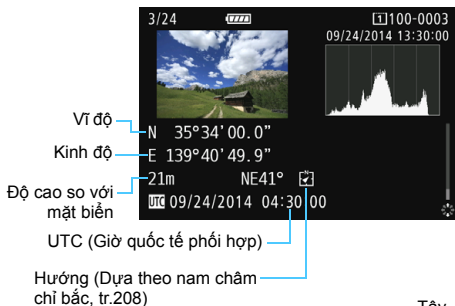
Nhìn chung, độ cao so với mặt nước biển không chính xác như vĩ độ và kinh độ do bản chất của GPS.



- Biểu tượng  biểu thị tình trạng tín hiệu. Khi <3D> hiển thị, có thể ghi lại độ cao so với mực nước biển. Tuy nhiên, không thể ghi lại độ cao so với mực nước biển khi <2D> hiển thị.
- UTC (Giờ quốc tế phối hợp) về cơ bản giống như giờ GMT (Greenwich Mean Time).
- Ở màn hình mẫu, hướng NE45° biểu thị hướng đông bắc 45°.

Thông tin ghi chép định vị

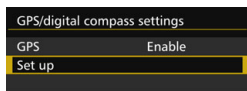
Xem lại ảnh và nhấn nút **<INFO.>** để hiển thị màn hình thông tin chụp (tr.359). Sau đó nghiêng nút **<INFO.>** lên hoặc xuống để kiểm tra thông tin ghi chép định vị.



- Khi quay phim, thông tin GPS vào thời điểm khi bắt đầu quay được ghi lại. Lưu ý rằng điều kiện tiếp nhận tín hiệu không được ghi lại.
- Địa điểm chụp có thể được xem trên bản đồ hiển thị trên máy tính, bằng cách sử dụng Map Utility (phần mềm EOS, tr.538).

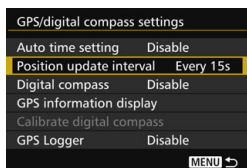
Thiết lập khoảng thời gian định vị

Có thể cài đặt khoảng thời gian để cập nhật thông tin ghi chép định vị. Mặc dù việc cập nhật thông tin ghi chép định vị trong khoảng ngắn hơn sẽ chính xác hơn, số ảnh có thể chụp sẽ bị giảm.

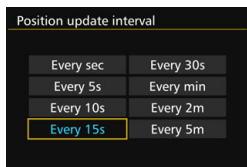


1 Chọn [Set up (Cài đặt)].

- Kiểm tra để đảm bảo rằng [GPS] được đặt thành [Enable (Bật)].
- Chọn [Set up (Cài đặt)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Position update interval (Khoảng thời gian cập nhật vị trí)].



3 Thiết lập khoảng thời gian cập nhật mong muốn.

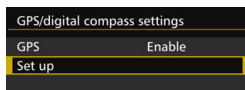
- Chọn khoảng thời gian cập nhật mong muốn, rồi nhấn <SET>.



- Khoảng thời gian càng ngắn, số lượng ảnh có thể chụp càng ít.
- Nếu bạn đang ở vị trí có điều kiện thu tín hiệu GPS kém, số lượng ảnh có thể chụp sẽ giảm.
- Bản chất của GPS có thể khiến các khoảng thời gian định vị không đồng đều.

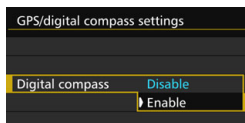
Sử dụng la bàn kỹ thuật số

Thông tin định hướng máy ảnh (hướng mà máy ảnh chĩa vào) có thể được thêm vào ảnh chụp.



1 Chọn [Set up (Cài đặt)].

- Kiểm tra để đảm bảo rằng [GPS] được đặt thành [Enable (Bật)].
- Chọn [Set up (Cài đặt)], rồi nhấn <SET>.

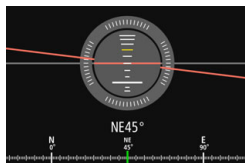


2 Đặt [Digital compass (La bàn kỹ thuật số)] thành [Enable (Bật)].

- Chọn [Digital compass (La bàn kỹ thuật số)], rồi nhấn <SET>.
- Chọn [Enable (Bật)], rồi nhấn <SET>.
- Nếu màn hình [Calibrate digital compass (Hiệu chỉnh la bàn kỹ thuật số)] xuất hiện, thực hiện bước 2 và 3 ở trang 210.

La bàn hiển thị trong khi chụp

Định hướng hiện tại của máy ảnh được hiển thị trên màn hình LCD.



- Khi bạn nhấn nút <INFO.> để hiển thị la bàn kỹ thuật số, hướng sẽ hiển thị ở phía dưới màn hình.



- Trong khi chụp Live View và quay phim, có thể xác định hướng thông qua biểu tượng mũi tên trong vòng tròn định vị trên hình mẫu này.

- Trong quá trình chụp liên tục, nếu bạn thay đổi hướng máy ảnh hoặc nghiêng máy ảnh lên hoặc xuống, thông tin hướng chính xác có thể không được ghi lại.
- Thông tin hướng không được ghi vào tập tin ghi chép (tr.213).

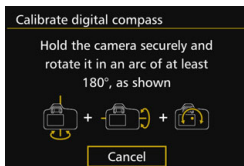
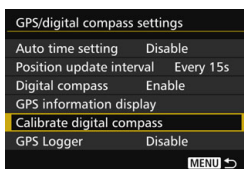


Do la bàn kỹ thuật số sử dụng cảm biến địa từ để nhận biết hướng, máy có thể không nhận được hướng đúng hoặc không thể hiệu chỉnh trong các môi trường sau.

- Trong hoặc gần các tòa nhà (bao gồm các tòa nhà văn phòng, nhà ở được xây dựng bằng bê tông cốt thép hoặc khối và các trung tâm mua sắm dưới lòng đất), các loại xe (bao gồm xe ô tô, xe lửa, máy bay và tàu thuyền) hoặc cấu trúc kim loại như thang máy
- Ở gần kim loại (bao gồm bàn thép và đồ nội thất), nam châm vĩnh cửu (bao gồm đồ trang sức từ tính) hoặc đồ điện tử gia dụng (bao gồm TV, máy tính, loa hoặc điện thoại di động)
- Gần đường điện cao áp (bao gồm cả tháp truyền), đường dây điện trên không (bao gồm cả tàu cung cấp năng lượng) hoặc các thiết bị kim loại (bao gồm cầu cạn và lan can)
- Ở vĩ độ cao

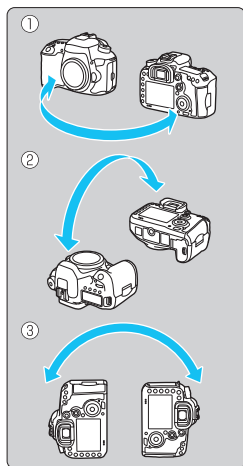
Hiệu chỉnh la bàn kỹ thuật số

Khi sử dụng chức năng GPS, nếu màn hình **[Calibrate digital compass (Hiệu chỉnh la bàn kỹ thuật số)]** xuất hiện hoặc nếu hướng hiển thị có vẻ đáng ngờ, hiệu chỉnh la bàn kỹ thuật số như sau. La bàn kỹ thuật số phải được hiệu chỉnh tại địa điểm chụp thực tế.



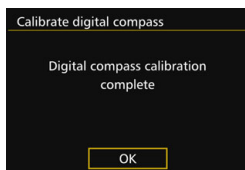
1 Chọn **[Calibrate digital compass (Hiệu chỉnh la bàn kỹ thuật số)]**.

- Kiểm tra để đảm bảo **[Digital compass (La bàn kỹ thuật số)]** đã được đặt thành **[Enable (Bật)]**.
- Chọn **[Calibrate digital compass (Hiệu chỉnh la bàn kỹ thuật số)]**, rồi nhấn **<SET>**.
- ▶ Máy ảnh sẽ sẵn sàng để hiệu chỉnh.



2 Di chuyển máy ảnh.

- (1) Đưa máy ảnh sang bên trái và bên phải ít nhất 180° .
- (2) Nghiêng máy ảnh lên và xuống ít nhất 180° .
- (3) Xoay máy ảnh ít nhất 180° .
 - Cần thận không để rơi máy ảnh.
 - Các bước (1), (2) và (3) có thể thực hiện theo bất kỳ thứ tự nào. Tiếp tục di chuyển máy ảnh cho đến khi hoàn tất việc hiệu chỉnh.
 - Nếu la bàn chưa được hiệu chỉnh sau khi bạn thực hiện bước này, xoay người sang phải hoặc sang trái và di chuyển máy ảnh một lần nữa.



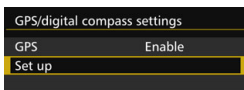
3 Thoát hiệu chỉnh.

- Khi hiệu chỉnh hoàn tất, màn hình cho biết hiệu chỉnh hoàn tất sẽ hiển thị.
- Việc hiệu chỉnh sẽ được hoàn tất bình thường ngay cả khi thông báo hoàn tất xuất hiện trong khi bạn vẫn đang di chuyển máy ảnh ở bước 2.

 Vì lý do an toàn, nên tháo ống kính khỏi máy ảnh trước khi thực hiện hiệu chỉnh.

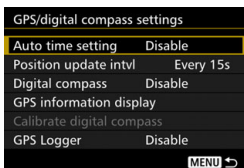
Cài đặt thời gian thu từ GPS trên máy ảnh

Có thể cài đặt thời gian trong máy ảnh từ các thông tin thời gian thu được từ tín hiệu GPS. Sai số là khoảng ± 1 giây.

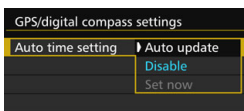


1 Chọn [Set up (Cài đặt)].

- Kiểm tra để đảm bảo rằng [GPS] được đặt thành [Enable (Bật)].
- Chọn [Set up (Cài đặt)], rồi nhấn $\langle \text{SET} \rangle$.



2 Chọn [Auto time setting (Cài đặt thời gian tự động)].



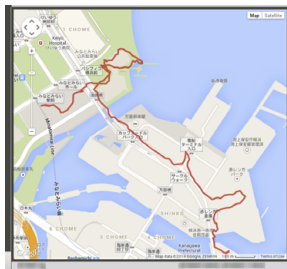
3 Chọn cài đặt mong muốn.

- Chọn [Auto update (Cập nhật tự động)] hoặc [Set now (Thiết lập bây giờ)], rồi nhấn $\langle \text{SET} \rangle$.
- [Auto update (Cập nhật tự động)] sẽ cập nhật thời gian khi máy ảnh được bật và nhận được tín hiệu GPS.



- Nếu không thể thu được tín hiệu từ ít nhất năm vệ tinh GPS, thời gian có thể không được tự động cập nhật. [Set now (Thiết lập bây giờ)] sẽ chuyển sang màu xám và không thể lựa chọn.
- Ngay cả khi chọn [Set now (Thiết lập bây giờ)], có thể không cập nhật được thời gian do thời gian thu tín hiệu GPS không lý tưởng.
- Khi [Auto time setting (Cài đặt thời gian tự động)] được đặt thành [Auto update (Cập nhật tự động)], không thể thiết lập ngày hoặc giờ bằng tay với [Date/Time/Zone (Ngày/Giờ/Múi giờ)] trong tab [42].
- Nếu bạn sử dụng bộ truyền không dây WFT-E7 (phiên bản 2/bản riêng) và không muốn thay đổi thời gian sau khi thực hiện [Sync time between cameras (Đồng bộ thời gian giữa các máy ảnh)], thiết lập [Auto time setting (Cài đặt thời gian tự động)] thành [Disable (Tắt)] ở bước 2.

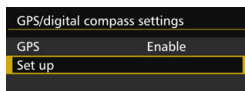
Ghi chép tuyến đường du lịch



Map data ©2014 ZENRIN -

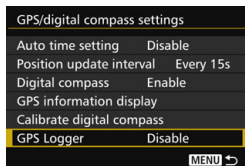
Khi sử dụng chức năng ghi chép GPS, thông tin ghi chép định vị tuyến đường mà máy ảnh đi qua sẽ tự động được ghi lại trong bộ nhớ trong của máy ảnh. Vị trí chụp và tuyến đường du lịch có thể xem trên bản đồ hiển thị trên máy tính thông qua ứng dụng Map Utility (phần mềm EOS, tr.538).

Lưu ý rằng chức năng ghi chép GPS sẽ tiếp tục ghi chép thông tin ngay cả khi tắt nguồn máy ảnh, bao gồm cả tự động tắt nguồn.



1 Chọn [Set up (Cài đặt)].

- Kiểm tra để đảm bảo rằng [GPS] được đặt thành [Enable (Bật)].
- Chọn [Set up (Cài đặt)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [GPS Logger (Bộ ghi chép GPS)].



3 Đặt [Log GPS position (Ghi chép vị trí GPS)] thành [Enable (Bật)].

- Chọn [Log GPS position (Ghi chép vị trí GPS)], rồi nhấn <SET>.
- Chọn [Enable (Bật)], rồi nhấn <SET>.



- Khi chức năng ghi chép GPS được bật, biểu tượng [LOG] sẽ xuất hiện trên màn hình cài đặt chức năng chụp (tr.203).
- Khi bạn đặt công tắc nguồn thành <OFF> hoặc khi chức năng tự động tắt nguồn hoạt động, <LOG> sẽ hiển thị trên bảng điều khiển LCD.

Thông tin ghi chép định vị

Thông tin định vị cho các tuyến đường máy ảnh đi qua được ghi nhận ở những khoảng thời gian được thiết lập với **[Position update interval (Khoảng thời gian cập nhật vị trí)]** (tr.207). Dữ liệu ghi chép được lưu trong bộ nhớ trong của máy ảnh theo ngày. Bảng dưới đây cho biết số ngày dữ liệu có thể được lưu lại.

Dung lượng dữ liệu ghi chép theo khoảng thời gian định vị (Ước chừng)

Khoảng thời gian cập nhật	Dữ liệu ghi chép	Khoảng thời gian cập nhật	Dữ liệu ghi chép
Mỗi 1 giây	4,1 ngày	Mỗi 30 giây	100 ngày
Mỗi 5 giây	20 ngày	Mỗi 1 phút	100 ngày
Mỗi 10 giây	41 ngày	Mỗi 2 phút	100 ngày
Mỗi 15 giây	61 ngày	Mỗi 5 phút	100 ngày

* Giả sử thời gian ghi chép dữ liệu mỗi ngày là 8 giờ.

- Dữ liệu ghi chép được lưu ở bộ nhớ trong có thể được truyền vào thẻ nhớ dưới dạng tập tin ghi chép (tr.214).
- Một tập tin ghi chép được tạo ra cho mỗi ngày. Tên tập tin ghi chép có ngày (YYYYMMDD) và một số, ví dụ: 14103100. Nếu múi giờ thay đổi (tr.47), một tập tin ghi chép mới sẽ được tạo ra.
- Nếu bộ nhớ trong của máy ảnh đầy, dữ liệu ghi chép mới nhất sẽ ghi đè dữ liệu ghi chép cũ nhất.

Tiêu hao pin trong khi ghi chép

Khi đặt **[GPS]** thành **[Enable (Bật)]**, máy ảnh sẽ tiếp tục nhận tín hiệu GPS trong khoảng thời gian thiết lập ngay cả khi máy ảnh bị tắt nguồn. Việc này sẽ hao tốn pin nhanh hơn, giảm số lượng các bức ảnh có thể chụp được. Ngoài ra, khi **[Log GPS position (Ghi chép vị trí GPS)]** được đặt thành **[Enable (Bật)]**, khoảng thời gian cập nhật ngắn hơn sẽ tiêu hao pin nhanh hơn.

Khi bạn không đi du lịch hoặc khi tín hiệu GPS yếu, nên đặt **[GPS]** thành **[Disable (Tắt)]**.

Tải dữ liệu ghi chép xuống máy tính

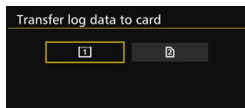
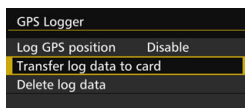
Các dữ liệu ghi chép ở bộ nhớ trong của máy ảnh có thể được tải xuống máy tính bằng EOS Utility (phần mềm EOS) hoặc tải xuống từ thẻ nhớ sau khi truyền dữ liệu vào thẻ.

Khi bạn sử dụng Map Utility (phần mềm EOS, tr.538) để mở tập tin ghi chép lưu trên máy tính, tuyến đường du lịch của máy ảnh sẽ được hiển thị trên bản đồ.

Nhập dữ liệu ghi chép bằng phần mềm EOS

Với máy ảnh kết nối với máy tính qua cáp nối đi kèm, bạn có thể tải dữ liệu ghi chép xuống máy tính bằng EOS Utility (phần mềm EOS). Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo Hướng dẫn sử dụng EOS Utility (CD-ROM).

Truyền dữ liệu ghi chép vào thẻ để tải xuống



- Khi đã chọn [**Transfer log data to card (Truyền dữ liệu ghi chép vào thẻ)**], bạn có thể truyền dữ liệu ghi ở bộ nhớ trong là các tập tin ghi chép vào thẻ CF [**1**] hoặc thẻ SD [**2**]. Lưu ý rằng khi các tập tin ghi chép được chuyển sang thẻ, dữ liệu ghi chép sẽ bị xóa vĩnh viễn khỏi bộ nhớ trong của máy ảnh.

- Các tập tin ghi chép được nhập vào thẻ sẽ được lưu trữ trong thư mục "GPS" của thư mục "MISC". Đuôi tập tin là ".LOG".
- Chọn [**Delete log data (Xóa dữ liệu ghi chép)**] sẽ xóa hoàn toàn các dữ liệu ghi chép lưu ở bộ nhớ trong. Thời gian xóa dữ liệu có thể mất khoảng một phút.

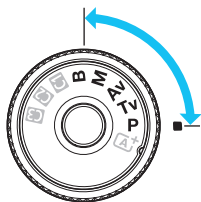


- Sử dụng cáp nối đi kèm hoặc cáp chính hãng Canon (tr.480). Khi kết nối với cáp nối, sử dụng đầu giữ cáp đi kèm (tr.34).
- Ăng-ten GPS nằm ở phía trên máy ảnh. Vì lý do này, ngay cả khi mang máy ảnh, chẳng hạn như trong giỏ xách, cố gắng giữ cho đỉnh của máy ảnh hướng lên trên và không đặt bất cứ vật gì lên trên máy ảnh.
- Cài đặt thời gian và ngày cho máy ảnh càng chính xác càng tốt. Ngoài ra, thiết lập múi giờ và giờ mùa hè chính xác cho vị trí chụp.
- Do thông tin định vị, ngày tháng và thời gian được ghi lại liên tục ngay cả khi tắt máy ảnh, pin sẽ tiếp tục bị tiêu hao. Khi bạn sử dụng lại máy ảnh, mức pin có thể đã thấp. Nếu cần thiết, sạc lại pin hoặc chuẩn bị một pin dự phòng đã sạc (bán riêng).

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

6

Thao tác nâng cao



Trong các chế độ chụp **<P>** **<Tv>** **<Av>** **<M>** ****, bạn có thể chọn tốc độ màn trập, khẩu độ và các cài đặt máy ảnh khác để thay đổi phơi sáng và đạt được kết quả mong muốn.

- Biểu tượng ☆ hiển thị ở phía trên bên phải của tiêu đề trang biểu thị chỉ sử dụng được chức năng này ở các chế độ: **<P>** **<Tv>** **<Av>** **<M>** ****.
- Sau khi nhấn nửa chừng nút chụp và nhả ra, các giá trị phơi sáng sẽ vẫn hiển thị trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD khoảng 4 giây (♂4).
- Để tìm hiểu các chức năng có thể thiết lập trong mỗi chế độ chụp, tham khảo trang 482.



Đặt công tắc **<LOCK▶>** sang trái.

P: Phơi sáng tự động

Máy ảnh sẽ tự động cài đặt tốc độ màn trập và khẩu độ thích hợp với độ sáng chủ thể. Chức năng này gọi là Program AE (Phơi sáng tự động).

* <P> là viết tắt của Program (Chương trình).

* AE là viết tắt của Auto Exposure (Phơi sáng tự động).



1 Đặt nút xoay chế độ thành <P>.



2 Lấy nét chủ thể.

- Nhìn qua khung ngắm và hướng điểm AF vào chủ thể. Sau đó, nhấn nửa chừng nút chụp.
- ▶ Khi lấy được nét, đèn báo lấy nét <●> trong khung ngắm sẽ phát sáng (trong chế độ lấy nét một lần).
- ▶ Tốc độ màn trập và khẩu độ sẽ được tự động thiết lập và hiển thị trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD.



3 Kiểm tra hiển thị.

- Khi thông số tốc độ màn trập và khẩu độ không nhấp nháy, máy ảnh đã đạt được độ phơi sáng chuẩn.



4 Chụp ảnh.

- Lấy bố cục ảnh và nhấn hoàn toàn nút chụp.



- Nếu tốc độ màn trập hiển thị ở “30” và chỉ số khẩu độ ở mức nhỏ hơn nhấp nháy thể hiện ảnh bị thiếu sáng. Hãy tăng tốc độ ISO hoặc sử dụng đèn flash.



- Nếu tốc độ màn trập hiển thị ở “8000” và chỉ số khẩu độ f lớn hơn nhấp nháy thể hiện ảnh bị dư sáng. Hãy giảm tốc độ ISO hoặc sử dụng bộ lọc ND (bán riêng) để giảm lượng ánh sáng đi vào ống kính.



Sự khác biệt giữa chế độ <P> và <A+>

Ở chế độ <A+>, nhiều chức năng như lấy nét tự động và chế độ đo sáng được cài đặt tự động để tránh làm hỏng ảnh. Các chức năng có thể thay đổi bị giới hạn. Ở chế độ <P>, chỉ có tốc độ màn trập và khẩu độ được tự động thiết lập. Bạn có thể tùy ý thiết lập lấy nét tự động, chế độ đo sáng và các chức năng khác (tr.482).

Thay đổi chương trình

- Trong chế độ phơi sáng tự động, trong khi giữ nguyên độ phơi sáng, bạn có thể thay đổi tổ hợp (chương trình) tốc độ màn trập và khẩu độ được máy ảnh đặt tự động. Chức năng này được gọi là Program shift (Thay đổi chương trình).
- Để thay đổi chương trình, nhấn nửa chừng nút chụp, rồi xoay nút xoay <  > cho tới khi hiển thị tốc độ màn trập hoặc khẩu độ mong muốn.
- Thay đổi chương trình sẽ tự động hủy khi hẹn giờ đo sáng ( 4) kết thúc (hiển thị cài đặt phơi sáng tắt).
- Không thể sử dụng chức năng thay đổi chương trình với đèn flash.

Tv: Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập

Trong chế độ này, bạn đặt tốc độ màn trập và máy ảnh sẽ tự động thiết lập khẩu độ để đạt được phơi sáng chuẩn phù hợp với độ sáng của chủ thể. Chế độ này được gọi là tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập. Tốc độ màn trập nhanh hơn có thể làm dừng chuyển động của chủ thể đang di chuyển. Tốc độ màn trập chậm hơn có thể tạo ra hiệu ứng mờ và truyền tải chuyển động một cách ấn tượng.

* <Tv> là viết tắt của Time value (Giá trị thời gian).



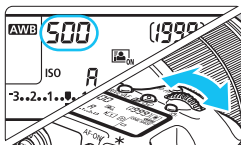
Chuyển động mờ
(Tốc độ màn trập chậm: 1/30 giây)



Làm dừng chuyển động
(Tốc độ màn trập nhanh: 1/2000 giây)



1 Đặt nút xoay chế độ thành <Tv>.



2 Thiết lập tốc độ màn trập mong muốn.

- Trong khi xem màn hình LCD hoặc khung ngắm, xoay nút xoay <AV/TV>.

3 Lấy nét chủ thể.

- Nhấn nửa chừng nút chụp.
- Khẩu độ được thiết lập tự động.



4 Kiểm tra hiển thị trong khung ngắm rồi chụp.

- Khi thông số khẩu độ không nhấp nháy, sẽ đạt được phơi sáng chuẩn.



- Chỉ số khẩu độ f ở mức nhỏ hơn nhấp nháy thể hiện ảnh bị thiếu sáng. Xoay nút xoay <  > để đặt tốc độ màn trập chậm hơn cho tới khi khẩu độ dừng nhấp nháy hoặc đặt tốc độ ISO cao hơn.



- Chỉ số khẩu độ f ở mức lớn hơn nhấp nháy thể hiện ảnh bị dư sáng. Xoay nút xoay <  > để đặt tốc độ màn trập nhanh hơn cho tới khi khẩu độ dừng nhấp nháy hoặc đặt tốc độ ISO thấp hơn.



Hiển thị tốc độ màn trập

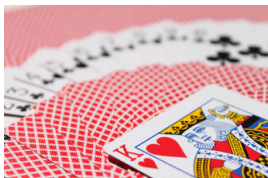
Tốc độ màn trập từ “8000” đến “4” biểu thị mẫu số của phân số tốc độ màn trập. Ví dụ, “125” biểu thị 1/125 giây, “0”5” biểu thị 0,5 giây và “15” là 15 giây.

Av: Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ

Trong chế độ này, bạn đặt khẩu độ mong muốn và máy ảnh sẽ tự động thiết lập tốc độ màn trập để đạt được phơi sáng chuẩn phù hợp với độ sáng của chủ thể. Chế độ này được gọi là tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ. Chỉ số khẩu độ f lớn hơn (độ mở khẩu độ nhỏ hơn) sẽ làm cho tiền cảnh và hậu cảnh rõ nét hơn trong phạm vi lấy nét hợp lý.

Ngược lại, chỉ số khẩu độ f nhỏ hơn (độ mở khẩu độ lớn hơn) sẽ làm cho tiền cảnh và hậu cảnh ít rõ nét hơn trong phạm vi lấy nét hợp lý.

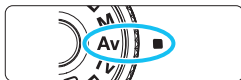
* <Av> là viết tắt của Aperture value (Giá trị khẩu độ) (độ mở của khẩu độ).



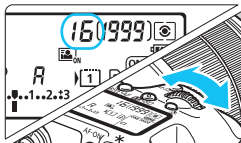
Hậu cảnh mờ
(Với chỉ số khẩu độ f nhỏ: $f/5.6$)



Tiền cảnh và hậu cảnh sắc nét
(Với chỉ số khẩu độ f lớn: $f/32$)



1 Đặt nút xoay chế độ thành <Av>.



2 Thiết lập khẩu độ mong muốn.

- Trong khi xem bảng điều khiển LCD hoặc khung ngắm, xoay nút xoay < >.

3 Lấy nét chủ thể.

- Nhấn nửa chừng nút chụp.
- Tốc độ màn trập được thiết lập tự động.



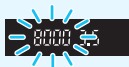
4 Kiểm tra hiển thị trong khung ngắm rồi chụp.

- Nếu thông số tốc độ màn trập không nhấp nháy, phơi sáng chuẩn vẫn đạt được.



- Tốc độ màn trập “30” nhấp nháy thể hiện ảnh bị thiếu sáng.

Xoay nút xoay  để đặt khẩu độ lớn hơn (chỉ số khẩu độ nhỏ hơn) cho tới khi tốc độ màn trập dừng nhấp nháy hoặc đặt tốc độ ISO cao hơn.



- Tốc độ màn trập “8000” nhấp nháy thể hiện ảnh bị dư sáng.

Xoay nút xoay  để đặt khẩu độ nhỏ hơn (chỉ số khẩu độ lớn hơn) cho tới khi tốc độ màn trập dừng nhấp nháy hoặc đặt tốc độ ISO thấp hơn.

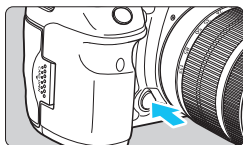


Thông số khẩu độ

Chỉ số khẩu độ f càng lớn, thì độ mở của khẩu độ sẽ càng nhỏ. Chỉ số khẩu độ f khác nhau tùy thuộc vào ống kính. Nếu không gắn ống kính nào vào máy ảnh, khẩu độ sẽ hiển thị “00”.

Xem trước độ sâu trường ảnh ☆

Độ mở của khẩu độ (chấn sáng) chỉ thay đổi tại thời điểm chụp ảnh. Còn lại, khẩu độ vẫn sẽ mở hoàn toàn. Do đó, khi bạn ngắm cảnh qua khung ngắm hoặc trên màn hình LCD, độ sâu trường ảnh trông sẽ hẹp.



Nhấn nút xem trước độ sâu trường ảnh để thu hẹp khẩu độ về cài đặt hiện thời và kiểm tra độ sâu trường ảnh (phạm vi lấy nét hợp lý).



- Chỉ số khẩu độ f càng lớn sẽ làm cho tiền cảnh và hậu cảnh rõ nét hơn trong phạm vi lấy nét hợp lý. Tuy nhiên, khung ngắm sẽ tối hơn.
- Khi xem ảnh Live View (tr.288), bạn có thể thay đổi khẩu độ và nhấn nút xem trước độ sâu trường ảnh để xem độ sâu trường ảnh thay đổi như thế nào.
- Phơi sáng sẽ bị khóa (khóa tự động phơi sáng) trong khi nhấn nút xem trước độ sâu trường ảnh.

M: Phơi sáng bằng tay

Trong chế độ này, bạn có thể thiết lập tốc độ màn trập và khẩu độ theo mong muốn. Để xác định phơi sáng, có thể tham khảo thang đo mức phơi sáng trong khung ngắm hoặc sử dụng thang đo độ phơi sáng bán sẵn trên thị trường. Phương pháp này được gọi là phơi sáng bằng tay.

* <M> là viết tắt của Manual (Bằng tay).

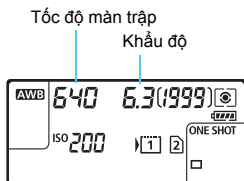


1 Đặt nút xoay chế độ thành <M>.

2 Thiết lập tốc độ ISO (tr.156).

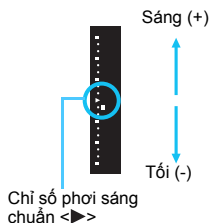
3 Thiết lập tốc độ màn trập và khẩu độ.

- Để thiết lập tốc độ màn trập, xoay nút xoay <⏏>.
- Để thiết lập khẩu độ, xoay nút xoay <⦿>.
- Nếu không thể thiết lập, đặt công tắc <LOCK▶> sang trái, rồi xoay nút xoay <⏏> hoặc <⦿>.



4 Lấy nét chủ thể.

- Nhấn nửa chừng nút chụp.
- ▶ Cài đặt phơi sáng sẽ được hiển thị trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD.
- Ở bên phải của khung ngắm, thang đo sáng <■> cho biết khoảng cách mức phơi sáng hiện tại so với mức phơi sáng chuẩn <▶>.



5 Thiết lập phơi sáng và chụp ảnh.

- Chọn mức phơi sáng và thiết lập tốc độ màn trập và khẩu độ mong muốn.
- Nếu mức phơi sáng vượt quá phơi sáng chuẩn ± 3 điểm dừng, đầu của thang đo sáng sẽ hiển thị <▲> hoặc <▼>.

Bù trừ phơi sáng với ISO tự động

Nếu tốc độ ISO được đặt thành **A** (AUTO), bạn có thể thiết lập bù trừ phơi sáng (tr.228) như sau.

- [2: Expo.comp./AEB (Bù trừ phơi sáng/AEB)]
- Trong [3: Custom Controls (Điều khiển tùy chỉnh)], dùng [SET: Expo comp (hold btn, turn) (Bù trừ phơi sáng (giữ nút, xoay O: Expo comp (hold down lever, turn) (Bù trừ phơi sáng (nhấn giữ cần gạt, xoay
- Điều khiển nhanh (tr.61)

Thiết lập lượng bù trừ phơi sáng trong khi kiểm tra thang đo sáng ở phần dưới của khung ngắm hoặc trên bảng điều khiển LCD.



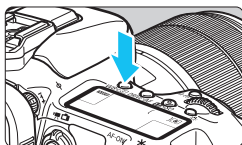
- Nếu thiết lập ISO tự động, thiết lập tốc độ ISO sẽ thay đổi phù hợp với tốc độ màn trập và khẩu độ để đạt được phơi sáng chuẩn. Do đó, có thể không thu được hiệu ứng phơi sáng mong muốn. Trong trường hợp này, hãy thiết lập bù trừ phơi sáng.
- Nếu không sử dụng flash khi đã thiết lập ISO tự động, bù trừ phơi sáng sẽ không được áp dụng ngay cả khi đã thiết lập lượng bù trừ phơi sáng.



- Trong [2: Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)], nếu bỏ dấu <✓> trong [**Disabled in M or B modes (Tắt trong chế độ M hoặc B)**] thì vẫn có thể cài đặt Tự động tối ưu hóa ánh sáng ngay cả trong chế độ <M> (tr.177).
- Khi thiết lập ISO tự động, bạn có thể nhấn nút <✱> để khóa tốc độ ISO.
- Nếu nhấn nút <✱> và bố cục lại ảnh, bạn có thể thấy mức phơi sáng trên thang đo sáng khác biệt so với khi nhấn nút <✱>.
- Nếu áp dụng bù trừ phơi sáng (tr.228) trong chế độ <P>, <Tv> hoặc <Av> rồi chuyển chế độ chụp thành <M> với ISO tự động được thiết lập, lượng bù trừ phơi sáng đã thiết lập sẽ vẫn giữ nguyên.
- Với ISO tự động được thiết lập và [1: ISO speed setting increments (Mức tăng thiết lập tốc độ ISO)] được đặt thành [**1/2-stop (1/2 điểm dừng)**], bất kỳ lượng bù trừ phơi sáng nào bằng 1/2 điểm dừng sẽ được thực hiện với tốc độ ISO (1/3 điểm dừng) và tốc độ màn trập. Tuy nhiên, tốc độ màn trập hiển thị sẽ không đổi.

Chọn chế độ đo sáng ☆

Bạn có thể chọn một trong bốn phương pháp để đo độ sáng của chủ thể. Ở chế độ <A+>, đo sáng toàn khung ảnh được tự động thiết lập.



1 Nhấn nút <WB> >. (Ổ6)



2 Chọn chế độ đo sáng.

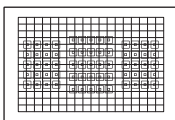
- Trong khi xem bảng điều khiển LCD hoặc khung ngắm, xoay nút xoay <  >.

:Đo sáng toàn khung ảnh

:Đo sáng từng phần

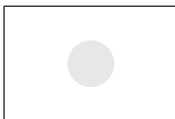
:Đo sáng điểm

:Đo sáng trung bình trung tâm



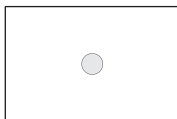
Đo sáng toàn khung ảnh

Đây là chế độ đo sáng đa năng phù hợp với cả các chủ thể ngược sáng. Máy ảnh sẽ tự động thiết lập phơi sáng để phù hợp với cảnh.



Đo sáng từng phần

Đo sáng từng phần có tác dụng khi hậu cảnh sáng hơn nhiều so với chủ thể do ngược sáng, v.v... Đo sáng từng phần bao phủ khoảng 6% trung tâm khu vực khung ngắm.



Đo sáng điểm

Chế độ này dùng để đo sáng một điểm cụ thể của chủ thể hoặc cảnh. Đo sáng điểm bao trùm khoảng 1,8% trung tâm khu vực khung ngắm. Vòng đo sáng điểm sẽ hiển thị trong khung ngắm.



Đo sáng trung bình trung tâm

Đo độ sáng ở trung tâm ảnh và sau đó lấy trung bình cho toàn cảnh.



- Trong chế độ  (Đo sáng toàn khung ảnh), cài đặt phơi sáng sẽ khóa khi bạn nhấn nửa chừng nút chụp và lấy được nét. Trong các chế độ  (Đo sáng từng phần),  (Đo sáng điểm) và  (Đo sáng trung bình trung tâm), phơi sáng sẽ được thiết lập tại thời điểm chụp ảnh. (Nhấn nửa chừng nút chụp sẽ không khóa phơi sáng.)
- Khi đã đặt < > (Đo sáng điểm), có thể hiển thị < > trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD (tr.443).

☑ Thiết lập bù trừ phơi sáng ☆

Bù trừ phơi sáng có thể làm sáng hơn (tăng phơi sáng) hoặc làm tối (giảm phơi sáng) phơi sáng chuẩn thiết lập bằng máy ảnh.

Có thể thiết lập bù trừ phơi sáng trong các chế độ chụp <P>, <Tv> và <Av>. Mặc dù bạn có thể thiết lập bù trừ phơi sáng tối đa ± 5 điểm dừng với mức tăng 1/3 điểm dừng, nhưng thang đo sáng trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD chỉ có thể hiển thị thiết lập tối đa ± 3 điểm dừng. Nếu bạn muốn thiết lập cài đặt bù trừ phơi sáng vượt quá ± 3 điểm dừng, hãy sử dụng điều khiển nhanh (tr.61) hoặc làm theo hướng dẫn dành cho [☑2: Expo.comp./AEB (Bù trừ phơi sáng/AEB)] ở trang kế tiếp.

Nếu đặt chế độ <M> với ISO tự động, tham khảo trang 225 để thiết lập bù trừ phơi sáng.

1 Kiểm tra phơi sáng.

- Nhấn nửa chừng nút chụp (☑4) và kiểm tra thang đo mức phơi sáng.

Tăng phơi sáng giúp ảnh sáng hơn



2 Thiết lập lượng bù trừ phơi sáng.

- Trong khi nhìn vào khung ngắm hoặc bảng điều khiển LCD, xoay nút xoay <☉>.
- Nếu không thể thiết lập, đặt công tắc <LOCK> sang trái, rồi xoay nút xoay <☉>.

Giảm phơi sáng giúp ảnh tối hơn



3 Chụp ảnh.

- Để hủy bù trừ phơi sáng, đặt thang đo sáng <☐/☐> ở chỉ số phơi sáng chuẩn (<☐> hoặc <☐>).

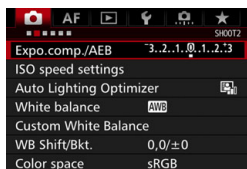
⚠ Nếu đặt [☑2: Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)] (tr.177) thành bất kỳ cài đặt nào ngoài [Disable (Tắt)], ảnh trông vẫn sáng ngay cả khi đã thiết lập lượng bù trừ phơi sáng giảm cho hình ảnh tối hơn.

- ☑
- Lượng bù trừ phơi sáng sẽ vẫn còn hiệu lực ngay cả sau khi bạn đặt công tắc nguồn thành <OFF>.
- Sau khi thiết lập lượng bù trừ phơi sáng, bạn có thể ngăn lượng bù trừ phơi sáng thay đổi bằng cách gạt nút <LOCK> về bên phải.
- Nếu lượng bù trừ phơi sáng vượt quá ± 3 điểm dừng, phía cuối thang đo sáng sẽ hiển thị <☐/▲> hoặc <☐/▼>.

Phơi sáng hỗn hợp tự động (AEB) ☆

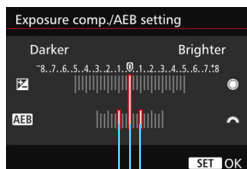
Bằng cách tự động thay đổi tốc độ màn trập hoặc khẩu độ, máy ảnh sẽ sử dụng phơi sáng hỗn hợp lên tới ± 3 điểm dừng với mức tăng 1/3 điểm dừng cho 3 lần chụp liên tiếp. Chức năng này được gọi là AEB (Phơi sáng hỗn hợp tự động).

* AEB là viết tắt của Auto Exposure Bracketing (Phơi sáng hỗn hợp tự động).



1 Chọn [Expo.comp./AEB (Bù trừ phơi sáng/AEB)].

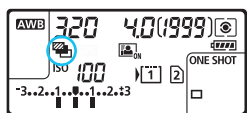
- Trong tab [ 2], chọn [Expo.comp./AEB (Bù trừ phơi sáng/AEB)], rồi nhấn <SET>.



Phạm vi AEB

2 Thiết lập phạm vi AEB.

- Xoay nút xoay < > để thiết lập phạm vi AEB. Nếu xoay < >, bạn có thể thiết lập bù trừ phơi sáng.
- Nhấn <SET> để thiết lập.
- ▶ Khi bạn thoát khỏi menu, < > và phạm vi phơi sáng hỗn hợp tự động sẽ được hiển thị trên bảng điều khiển LCD.



3 Chụp ảnh.

- Ba ảnh phơi sáng hỗn hợp sẽ được chụp tương ứng với kiểu chụp thiết lập trong thứ tự này: Phơi sáng chuẩn, giảm phơi sáng và tăng phơi sáng.
- Phơi sáng hỗn hợp tự động sẽ không tự động hủy. Để hủy phơi sáng hỗn hợp tự động, thực hiện theo bước 2 để tắt hiển thị phạm vi phơi sáng hỗn hợp tự động.



Phơi sáng chuẩn



Giảm phơi sáng



Tăng phơi sáng



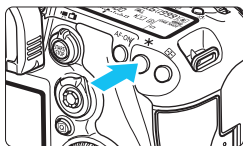
- Trong khi phơi sáng hỗn hợp tự động, <✱> trong khung ngắm và < > trên bảng điều khiển LCD sẽ nhấp nháy.
- Nếu kiểu chụp được đặt thành < > hoặc < S>, nhấn nút chụp ba lần cho mỗi lần chụp. Khi đặt chế độ < H>, < > hoặc < S> và bạn nhấn giữ hoàn toàn nút chụp, ba ảnh phơi sáng hỗn hợp sẽ được chụp liên tục và máy ảnh sẽ tự động dừng chụp. Khi đặt chế độ < 2> hoặc < 2>, ba ảnh phơi sáng hỗn hợp sẽ được chụp liên tục sau thời gian trì hoãn 10 giây hoặc 2 giây.
- Bạn có thể thiết lập phơi sáng hỗn hợp tự động kết hợp với bù trừ phơi sáng.
- Nếu phạm vi AEB vượt quá ± 3 điểm dừng, phía cuối thang đo sáng sẽ hiển thị <▶/▲> hoặc <◀/▼>.
- AEB không dùng được với đèn flash, phơi sáng bulb hoặc khi [Multi Shot Noise Reduction (Giảm nhiễu hạt đa ảnh)] hoặc [HDR Mode (Chế độ HDR)] được thiết lập.
- Phơi sáng hỗn hợp tự động sẽ tự động hủy khi bạn đặt công tắc nguồn thành <OFF> hoặc khi đèn flash chuẩn bị sáng.

* Khóa đo sáng ☆

Sử dụng khóa đo sáng khi khu vực lấy nét khác với khu vực đo độ phơi sáng hoặc khi bạn muốn chụp nhiều ảnh ở cùng cài đặt phơi sáng. Nhấn nút <☆> để khóa phơi sáng, sau đó bố cục lại ảnh và chụp. Chức năng này được gọi là khóa đo sáng. Chức năng này có hiệu quả với các chủ thể ngược sáng v.v...

1 Lấy nét chủ thể.

- Nhấn nửa chừng nút chụp.
- ▶ Cài đặt phơi sáng sẽ hiển thị.



2 Nhấn nút <☆>. (04)

- ▶ Biểu tượng <☆> phát sáng trong khung ngắm biểu thị đã khóa cài đặt phơi sáng (Khóa đo sáng).
- Mỗi lần bạn nhấn nút <☆>, cài đặt phơi sáng hiện tại sẽ khóa.



3 Bố cục lại ảnh và chụp.

- Thang đo sáng ở bên phải khung ngắm sẽ cho biết mức phơi sáng của khóa đo sáng và mức phơi sáng hiện tại.
- Nếu bạn muốn duy trì khóa đo sáng trong khi chụp nhiều ảnh, vui lòng nhấn giữ nút <☆> và nhấn nút chụp để chụp ảnh khác.

Hiệu ứng khóa đo sáng

Chế độ đo sáng (tr.226)	Phương pháp chọn điểm AF (tr.95)	
	Chọn tự động	Chọn bằng tay
 *	Khóa đo sáng áp dụng tại điểm AF lấy được nét.	Khóa đo sáng áp dụng tại điểm AF đã chọn.
  	Khóa đo sáng áp dụng tại điểm AF trung tâm.	

* Khi đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF>, khóa đo sáng áp dụng tại điểm AF trung tâm.



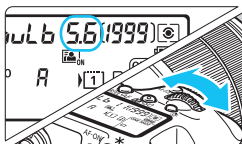
Không thể khóa đo sáng với phơi sáng bulb.

B: Phơi sáng bulb

Trong chế độ này, màn trập vẫn mở khi bạn nhấn giữ hoàn toàn nút chụp, và đóng lại khi bạn nhả nút chụp. Chức năng này được gọi là phơi sáng bulb. Sử dụng chế độ phơi sáng bulb để chụp cảnh ban đêm, pháo hoa, bầu trời và các chủ thể khác cần phơi sáng lâu.



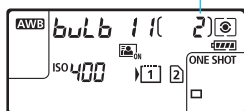
1 Đặt nút xoay chế độ thành .



2 Thiết lập khẩu độ mong muốn.

- Trong khi nhìn vào bảng điều khiển LCD hoặc khung ngắm, xoay nút xoay <  > hoặc <  >.

Thời gian đã phơi sáng



3 Chụp ảnh.

- Phơi sáng sẽ tiếp tục trong khi bạn vẫn nhấn hoàn toàn nút chụp.
- Thời gian đã phơi sáng sẽ hiển thị trên bảng điều khiển LCD.

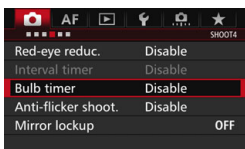
- Phơi sáng lâu sẽ tạo ra nhiều nhiễu hạt hơn bình thường.
- Nếu đặt ISO tự động, tốc độ ISO sẽ là ISO 400 (tr.158).
- Để phơi sáng bulb, nếu bạn sử dụng cả chế độ hẹn giờ và khóa gương lật thay vì hẹn giờ bulb, nhấn giữ hoàn toàn nút chụp (thời gian trì hoãn của chụp hẹn giờ + thời gian phơi sáng bulb). Nếu nhả nút chụp trong thời gian đếm ngược của chụp hẹn giờ, sẽ có âm thanh nhả màn trập nhưng không có ảnh nào được chụp. Nếu bạn sử dụng hẹn giờ bulb trong các điều kiện chụp tương tự, bạn không cần nhấn giữ hoàn toàn nút chụp.
- Không hướng máy ảnh về phía nguồn sáng mạnh, như mặt trời vào ngày nắng hoặc nguồn sáng nhân tạo mạnh. Làm như vậy có thể gây hỏng cảm biến hình ảnh hoặc các bộ phận bên trong máy ảnh.



- Sử dụng [**3: Long exp. noise reduction (Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu)**], bạn có thể giảm độ nhiễu tạo ra trong quá trình phơi sáng lâu (tr.180).
- Để phơi sáng bulb, nên sử dụng chân máy ảnh và hẹn giờ bulb. Cũng có thể sử dụng khóa gương lật (tr.248) với phơi sáng bulb.
- Bạn cũng có thể chụp phơi sáng bulb bằng cách sử dụng Công tắc điều khiển từ xa RS-80N3 hoặc Bộ điều khiển hẹn giờ từ xa TC-80N3 (cả hai được bán riêng, tr.250).
- Bạn cũng có thể sử dụng Bộ điều khiển từ xa RC-6 (bán riêng, tr.250) để phơi sáng bulb. Khi nhấn nút truyền của bộ điều khiển từ xa, phơi sáng bulb sẽ bắt đầu ngay lập tức hoặc 2 giây sau đó. Nhấn lại nút này để dừng phơi sáng bulb.

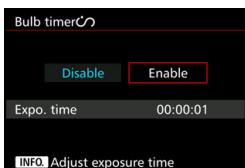
🌀 Hẹn giờ bulb ☆

Bạn có thể thiết lập sẵn thời gian phơi sáng của chế độ phơi sáng bulb. Với chức năng hẹn giờ bulb, bạn không cần nhấn giữ nút chụp trong quá trình phơi sáng bulb. Điều này giúp giảm rung máy ảnh. Chức năng hẹn giờ bulb chỉ có thể được thiết lập trong chế độ chụp **** (Bulb). Chức năng này không thể thiết lập được (hoặc sẽ không hoạt động) trong bất kỳ chế độ chụp nào khác.



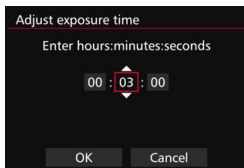
1 Chọn [Bulb timer (Hẹn giờ bulb)].

- Trong tab [**4**] chọn [**Bulb timer (Hẹn giờ bulb)**], rồi nhấn **<SET>**.



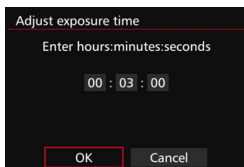
2 Chọn [Enable (Bật)].

- Chọn [**Enable (Bật)**], rồi nhấn nút **<INFO.>**.



3 Thiết lập thời gian phơi sáng mong muốn.

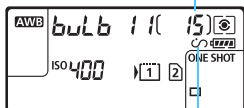
- Chọn giờ, phút hoặc giây.
- Nhấn <SET> để hiển thị <⏱>.
- Thiết lập số mong muốn, rồi nhấn <SET> (Quay lại <□>).



4 Chọn [OK].

- ▶ Thời gian đã thiết lập sẽ được hiển thị trên màn hình menu.
- ▶ <⏱> sẽ hiển thị trên bảng điều khiển LCD.

Thời gian đã phơi sáng



Hẹn giờ bulb

5 Chụp ảnh.

- ▶ Nhấn hoàn toàn nút chụp và quá trình phơi sáng bulb sẽ bắt đầu và tiếp tục cho đến khi hết thời gian thiết lập.
- Để hủy thiết lập hẹn giờ, đặt [Disable (Tắt)] ở bước 2.

- Nếu bạn nhấn hoàn toàn nút chụp trong khi quá trình hẹn giờ phơi sáng đang diễn ra, chức năng phơi sáng bulb sẽ dừng lại.
- Thực hiện bất kỳ thao tác nào sau đây sẽ hủy hẹn giờ bulb (chuyển thành [Disable (Tắt)]): Đặt công tắc nguồn thành <OFF>, hiển thị màn hình quay phim hoặc thay đổi chế độ chụp khỏi .

HDR: Chụp HDR (Dải tương phản động cao) ☆

Chi tiết vùng sáng và chi tiết vùng tối vẫn duy trì cho các tông dải tương phản động cao thậm chí đối với các cảnh có độ tương phản cao. Chụp HDR khá hiệu quả đối với ảnh phong cảnh và tĩnh vật.

Với chụp HDR, ba ảnh có độ phơi sáng khác nhau (phơi sáng chuẩn, ánh sáng tối và dư sáng) được chụp cho mỗi lần chụp rồi tự động ghép lại với nhau. Ảnh HDR được ghi lại là ảnh JPEG.

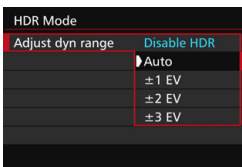
* HDR là viết tắt của High Dynamic Range (Dải tương phản động cao).



1 Nhấn nút < [HDR] >.

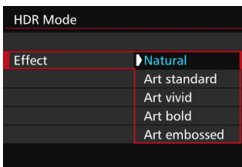
2 Chọn chế độ HDR.

- Chọn [HDR], rồi nhấn < (SET) >.
- ▶ Chế độ HDR sẽ xuất hiện.



3 Thiết lập [Adjust dyn range (Điều chỉnh dải động)].

- Chọn cài đặt dải động mong muốn rồi nhấn < (SET) >.
- Chọn [Auto (Tự động)] sẽ thiết lập tự động dải động tùy thuộc vào phạm vi tông màu tổng thể của ảnh.
- Số càng cao thì dải động sẽ càng rộng.
- Để thoát chế độ chụp HDR, chọn [Disable HDR (Tắt HDR)].



4 Đặt [Effect (Hiệu ứng)].

- Chọn hiệu ứng mong muốn, rồi nhấn < (SET) >.



• Bạn cũng có thể thiết lập chụp HDR với [CH3: HDR Mode (Chế độ HDR)].

Hiệu ứng

- **Natural (Tự nhiên)**

Để hình ảnh giữ được phạm vi sắc độ rộng nếu không các chi tiết vùng sáng và vùng tối sẽ bị mất.

- **Art standard (Tiêu chuẩn nghệ thuật)**

Mặc dù các chi tiết vùng sáng và vùng tối sẽ được giữ lại tốt hơn với **[Natural (Tự nhiên)]**, độ tương phản sẽ thấp hơn và chức năng làm mờ sẽ làm cho bức ảnh trông giống tranh vẽ. Đường nét của chủ thể sẽ có cạnh sáng (hoặc tối).

- **Art vivid (Rực rỡ nghệ thuật)**

Màu sắc bão hòa hơn với **[Art standard (Tiêu chuẩn nghệ thuật)]**, độ tương phản thấp và độ mờ tạo ra hiệu ứng đồ họa nghệ thuật.

- **Art bold (In đậm nghệ thuật)**

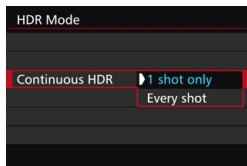
Màu sắc bão hòa nhất, khiến cho chủ thể nổi bật lên và ảnh trông giống tranh sơn dầu.

- **Art embossed (Chạm nổi nghệ thuật)**

Độ bão hòa màu sắc, độ sáng, độ tương phản và độ mờ được giảm xuống để khiến bức ảnh trông phẳng. Bức ảnh trông mờ và cũ. Đường nét của chủ thể sẽ có cạnh sáng (hoặc tối).

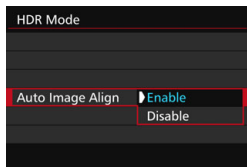
	Art standard (Tiêu chuẩn nghệ thuật)	Art vivid (Rực rỡ nghệ thuật)	Art bold (In đậm nghệ thuật)	Art embossed (Chạm nổi nghệ thuật)
Saturation (Bão hòa màu)	Tiêu chuẩn	Cao	Cao hơn	Thấp
Bold outline (Đường nét nổi bật)	Tiêu chuẩn	Yếu	Mạnh	Mạnh hơn
Brightness (Độ sáng)	Tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn	Nền tối
Tone (Tông màu)	Phẳng	Phẳng	Phẳng	Phẳng hơn

 Mỗi hiệu ứng sẽ được áp dụng dựa trên đặc tính của kiểu ảnh đã được thiết lập (tr.162).



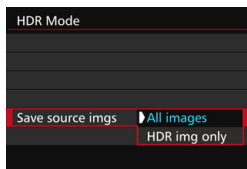
5 Thiết lập [Continuous HDR (HDR liên tục)].

- Chọn [**1 shot only (Chỉ 1 ảnh)**] hoặc [**Every shot (Mọi ảnh)**], rồi nhấn <SET>.
- Với chế độ [**1 shot only (Chỉ 1 ảnh)**], chụp HDR sẽ tự động bị hủy sau khi quá trình chụp kết thúc.
- Với chế độ [**Every shot (Mọi ảnh)**], chụp HDR sẽ tiếp tục cho tới khi cài đặt trong bước 3 được đặt thành [**Disable HDR (Tắt HDR)**].



6 Thiết lập [Auto Image Align (Tự động căn chỉnh ảnh)].

- Để chụp cầm tay, chọn [**Enable (Bật)**]. Khi sử dụng chân máy, chọn [**Disable (Tắt)**], rồi nhấn <SET>.



7 Thiết lập các ảnh cần lưu.

- Để lưu cả ba ảnh và ảnh HDR đã ghép, chọn [**All images (Tất cả ảnh)**], rồi nhấn <SET>.
- Để chỉ lưu ảnh HDR, chọn [**HDR img only (Chỉ ảnh HDR)**], rồi nhấn <SET>.

8 Chụp ảnh.

- Có thể chụp HDR qua khung ngắm và chụp Live View.
- ▶ Biểu tượng <H> sẽ hiển thị trên bảng điều khiển LCD.
- Khi bạn nhấn hoàn toàn nút chụp, 3 ảnh liên tiếp được chụp và ảnh HDR sẽ được ghi vào thẻ nhớ.

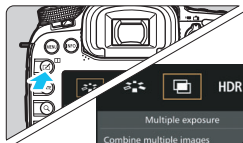
- Nếu chất lượng ghi ảnh được đặt thành RAW, ảnh HDR sẽ được ghi ở chất lượng  L. Nếu chất lượng ghi ảnh được đặt thành RAW+JPEG, ảnh HDR sẽ ghi ở chất lượng JPEG đã thiết lập.
- Không thể chụp HDR với chế độ mở rộng ISO (H1, H2). Có thể chụp HDR trong phạm vi ISO 100 - ISO 16000.
- Đèn flash sẽ không nhảy sáng trong khi chụp HDR.
- Trong khi chụp HDR, [Disable (Tắt)] sẽ được áp dụng cho [Distortion (Méo hình)], [⚙2: Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)], [⚙3: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)] và [⚙5: Expo. simulation (Mô phỏng phơi sáng)].
- Không thể cài đặt AEB.
- Nếu chụp chủ thể chuyển động, chuyển động của chủ thể có thể để lại bóng mờ trên ảnh.
- Trong chế độ chụp HDR, 3 hình ảnh được chụp với tốc độ màn trập khác nhau được cài đặt tự động. Vì thế, ngay cả trong chế độ chụp <Tv> và <M>, tốc độ màn trập sẽ thay đổi dựa trên tốc độ màn trập đã thiết lập.
- Để tránh rung máy, có thể đặt tốc độ ISO cao.



- Khi chụp ảnh HDR với [**Auto Image Align (Tự động căn chỉnh ảnh)**] đặt thành [**Enable (Bật)**], thông tin hiển thị điểm AF (tr.361) và dữ liệu xóa bụi (tr.409) sẽ không được thêm vào ảnh.
- Nếu bạn chụp HDR cầm tay trong khi [**Auto Image Align (Tự động căn chỉnh ảnh)**] được đặt thành [**Enable (Bật)**], ngoại vi ảnh sẽ bị cắt một chút và độ phân giải sẽ hơi giảm xuống. Ngoài ra, nếu không thể căn chỉnh ảnh chính xác do máy ảnh rung, v.v..., chức năng tự động căn chỉnh ảnh có thể không hoạt động. Lưu ý khi chụp với cài đặt ảnh sáng quá mức hoặc phơi sáng tối, chức năng tự động căn chỉnh ảnh sẽ không hoạt động chính xác.
- Nếu bạn thực hiện chụp HDR bằng tay trong khi đặt [**Auto Image Align (Tự động căn chỉnh ảnh)**] thành [**Disable (Tắt)**], 3 ảnh có thể không được căn chỉnh chính xác và làm giảm thiểu hiệu ứng HDR. Bạn nên sử dụng chân máy.
- Đối với các ảnh có dạng lặp đi lặp lại (lưới, vằn, v.v...), ảnh phẳng hay ảnh đơn sắc, tính năng tự động căn chỉnh ảnh có thể không hoạt động chính xác.
- Độ nhạt của màu trời hoặc tường trắng có thể không được ghi lại chính xác. Màu sắc bất thường, phơi sáng không đều hoặc nhiễu hạt có thể xuất hiện.
- Màu ảnh khu vực rọi sáng không tự nhiên khi chụp HDR dưới ánh sáng đèn huỳnh quang hoặc đèn LED.
- Với chế độ chụp HDR, ba hình ảnh sẽ được ghép vào với nhau sau khi bạn chụp ảnh. Vì thế, thời gian ghi ảnh HDR vào thẻ nhớ sẽ lâu hơn so với chế độ chụp thông thường. Trong khi xử lý ảnh, thông báo “**buSY**” sẽ hiển thị trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD và bạn không thể chụp ảnh cho đến khi quá trình xử lý hoàn tất.
- Nếu bạn thay đổi chế độ chụp hoặc chuyển sang quay phim sau khi thiết lập chụp HDR, cài đặt chụp HDR có thể bị xóa, cài đặt ([**Adjust dyn range (Điều chỉnh dải động)**]) có thể sẽ chuyển thành [**Disable HDR (Tắt HDR)**]).

Chụp đa phơi sáng ☆

Bạn có thể chụp hai đến chín ảnh ghép đa phơi sáng trong một ảnh. Nếu chụp ảnh đa phơi sáng với chế độ chụp Live View (tr.287), bạn có thể thấy từng ảnh phơi sáng được ghép như thế nào trong khi chụp ảnh.



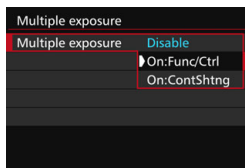
1 Nhấn nút  >.

2 Chọn **Multiple exposure (Chụp đa phơi sáng)**.

- Chọn [, rồi nhấn < >.
- ▶ Màn hình cài đặt chụp đa phơi sáng sẽ xuất hiện.

3 Đặt [**Multiple exposure (Chụp đa phơi sáng)**].

- Chọn [**On:Func/Ctrl (Bật:Chức năng/Điều khiển)**] hoặc [**On:ContShtng (Bật:Chụp liên tục)**], rồi nhấn < >.
- Để thoát chế độ chụp đa phơi sáng, chọn [**Disable (Tắt)**].



- **On: Func/Ctrl (Bật: Chức năng/Điều khiển) (Ưu tiên chức năng và kiểm soát)**

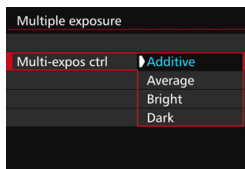
Thuận tiện khi bạn muốn chụp đa phơi sáng mà kiểm tra kết quả trong khi tiến hành. Trong quá trình chụp liên tục, tốc độ chụp liên tục sẽ giảm đáng kể.

- **On: ContShtng (Bật: Chụp liên tục) (Ưu tiên chụp liên tục)**

Được thiết kế để chụp đa phơi sáng liên tục chủ thể đang chuyển động. Có thể chụp liên tục, nhưng những chức năng sau bị tắt trong khi chụp: xem menu, hiển thị Live View, xem lại ảnh sau khi chụp, xem lại ảnh và xóa ảnh cuối cùng (tr.246).

Ngoài ra, chỉ có ảnh đa phơi sáng được lưu lại. (Các ảnh phơi sáng đơn được ghép vào ảnh đa phơi sáng sẽ không được lưu.)

 Bạn cũng có thể thiết lập đa phơi sáng với [**3: Multiple exposure (Chụp đa phơi sáng)**].



4 Đặt [Multi-expos ctrl (Điều khiển chụp đa phơi sáng)].

- Chọn phương pháp điều khiển chụp đa phơi sáng mong muốn, rồi nhấn $\langle \text{SET} \rangle$.

● Additive (Thêm)

Độ phơi sáng của mỗi ảnh phơi sáng đơn được tích lũy dần. Dựa trên **[No. of exposures (Số lượng ảnh phơi sáng)]**, thiết lập bù trừ phơi sáng âm. Tham khảo hướng dẫn cơ bản bên dưới để thiết lập bù trừ phơi sáng âm.

Hướng dẫn thiết lập bù trừ phơi sáng cho chụp đa phơi sáng

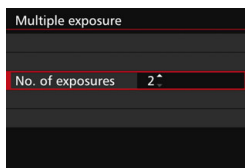
Hai phơi sáng: -1 điểm dừng, ba phơi sáng: -1,5 điểm dừng, bốn phơi sáng: -2 điểm dừng

● Average (Trung bình)

Dựa trên **[No. of exposures (Số lượng ảnh phơi sáng)]**, bù trừ phơi sáng âm được tự động thiết lập khi bạn chụp đa phơi sáng. Nếu bạn chụp đa phơi sáng cùng một cảnh, độ phơi sáng hậu cảnh của chủ thể sẽ tự động được điều chỉnh để đạt phơi sáng chuẩn.

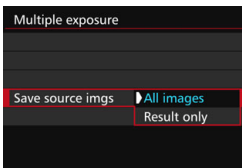
● Bright (Sáng)/Dark (Tối)

Độ sáng (hoặc tối) của ảnh cơ sở và các ảnh ghép vào được so sánh ở cùng vị trí, sau đó phần sáng (hoặc tối) sẽ được để lại trong ảnh. Tùy thuộc vào các màu chồng lấp, màu sắc sẽ được hòa trộn tùy theo tỷ lệ sáng (hoặc tối) của các ảnh được so sánh.



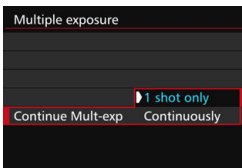
5 Đặt [No. of exposures (Số lượng ảnh đa phơi sáng)].

- Chọn số lượng ảnh phơi sáng, rồi nhấn $\langle \text{SET} \rangle$.
- Có thể thiết lập từ 2 đến 9 lần phơi sáng.



6 Thiết lập các ảnh cần lưu.

- Để lưu tất cả ảnh phơi sáng đơn và ảnh ghép đa phơi sáng, chọn **[All images (Tất cả ảnh)]**, rồi nhấn **<SET>**.
- Chỉ lưu ảnh ghép đa phơi sáng, chọn **[Result only (Chỉ kết quả)]**, rồi nhấn **<SET>**.



7 Đặt [Continue Mult-exp (Chụp đa phơi sáng liên tục)].

- Chọn **[1 shot only (Chỉ 1 ảnh)]** hoặc **[Continuously (Liên tục)]**, rồi nhấn **<SET>**.
- Với chế độ **[1 shot only (Chỉ 1 ảnh)]**, chụp đa phơi sáng sẽ tự động bị hủy sau khi quá trình chụp kết thúc.
- Với chế độ **[Continuously (Liên tục)]**, chế độ chụp đa phơi sáng tiếp tục đến khi cài đặt trong bước 3 được đặt thành **[Disable (Tắt)]**.



Số lượng ảnh đa phơi sáng còn lại

8 Thực hiện chụp đa phơi sáng lần đầu tiên.

- ▶ Khi đặt **[On:Func/Ctrl (Bật: Chức năng/Điều khiển)]**, ảnh chụp sẽ hiển thị.
- ▶ Biểu tượng **<[Icon]>** sẽ nhấp nháy.
- Số lượng ảnh đa phơi sáng còn lại hiển thị trong các dấu ngoặc vuông **[]** trong khung ngắm hoặc trên màn hình.
- Nhấn nút **<[Icon]>** để xem ảnh đã chụp (tr.246).

9 Chụp đa phơi sáng tiếp theo.

- ▶ Khi đặt [**On:Func/Ctrl (Bật: Chức năng/Điều khiển)**], ảnh ghép đa phơi sáng sẽ hiển thị.
- Đối với chế độ chụp Live View, ảnh ghép đa phơi sáng thành công sẽ được hiển thị. Nhấn nút <INFO.> để hiển thị live View.
- Sau khi chụp số lượng ảnh đa phơi sáng đã đặt, chế độ chụp đa phơi sáng sẽ thoát. Đối với chế độ chụp liên tục, sau khi bạn kết thúc chụp số lượng ảnh đa phơi sáng đã đặt đồng thời nhấn giữ nút chụp, chế độ chụp sẽ dừng.



- Chất lượng ghi ảnh, tốc độ ISO, kiểu ảnh, giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao và không gian màu, v.v... được cài đặt cho ảnh phơi sáng đơn đầu tiên cũng sẽ được thiết lập cho các ảnh phơi sáng tiếp theo.
- [**5: Aspect ratio (Tỷ lệ cỡ ảnh)**] sẽ cố định ở 3:2.
- Trong khi chụp đa phơi sáng, [**Disable (Tắt)**] sẽ áp dụng cho [**1: Lens aberration correction (Chỉnh quang sai của ống kính)**], [**2: Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)**] và [**3: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)**].
- Nếu [**3: Picture Style (Kiểu ảnh)**] được cài đặt thành [**Auto (Tự động)**], [**Standard (Chuẩn)**] sẽ được áp dụng để chụp ảnh.
- Nếu đặt cả [**On:Func/Ctrl (Bật: Chức năng/Điều khiển)**] và [**Additive (Thêm)**], ảnh hiển thị trong khi chụp có thể bị nhiễu hạt. Tuy nhiên, khi bạn kết thúc chụp số lượng ảnh phơi sáng đã thiết lập, giảm nhiễu hạt sẽ được áp dụng và ảnh chụp đa phơi sáng cuối cùng sẽ ít nhiễu hơn.
- Nếu bạn thực hiện chụp Live View trong khi [**On:ContShtng (Bật: Chụp liên tục)**] được cài đặt, chức năng Live View sẽ tự động dừng sau khi chụp ảnh đầu tiên. Từ ảnh thứ hai trở đi, chụp với khung ngắm.



Khi đặt [**On:Func/Ctrl (Bật: Chức năng/Điều khiển)**], bạn có thể nhấn nút <▶> để xem ảnh đa phơi sáng đã chụp hoặc xóa ảnh phơi sáng đơn cuối cùng (tr.246).

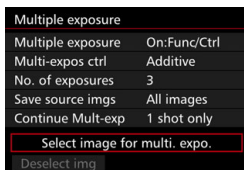


- Đối với chụp đa phơi sáng, độ phơi sáng càng nhiều, nhiều hạt, nhiều sắc độ và dải sẽ càng hiện rõ. Ngoài ra, vì tốc độ ISO cao làm tăng nhiễu hạt, do đó nên chụp với tốc độ ISO thấp.
- Nếu đặt **[Additive (Thêm)]**, sẽ cần thời gian để xử lý ảnh đa phơi sáng sau khi chụp. (Đèn truy cập sẽ sáng lâu hơn bình thường.)
- Nếu bạn thực hiện chụp Live View trong khi **[On:Func/Ctrl (Bật: Chức năng/Điều khiển)]** và **[Additive (Thêm)]** đều được đặt, chức năng Live View sẽ tự động dừng sau khi chụp đa phơi sáng.
- Trong bước 9, độ sáng và độ nhiễu hạt của ảnh đa phơi sáng được hiển thị trong quá trình chụp Live View sẽ khác với ảnh đa phơi sáng cuối cùng được ghi.
- Nếu đặt **[On:ContShtng (Bật: Chụp liên tục)]**, nhấn nút chụp sau khi chụp xong số lượng ảnh phơi sáng đã thiết lập.
- Nếu đặt công tắc nguồn thành **<OFF>**, thay pin hoặc nếu bạn chuyển sang chế độ quay phim, chế độ chụp đa phơi sáng sẽ bị hủy bỏ.
- Nếu bạn chuyển chế độ chụp thành **<A+>** hoặc **<C1/C2/C3>** trong khi chụp, chế độ chụp đa phơi sáng sẽ kết thúc.
- Nếu bạn kết nối máy ảnh với máy tính hoặc máy in, sẽ không thể chụp đa phơi sáng. Nếu bạn kết nối máy ảnh với máy tính hoặc máy in trong khi chụp, chế độ chụp đa phơi sáng sẽ dừng lại.

Ghép ảnh đa phơi sáng với ảnh được ghi trên thẻ

Bạn có thể chọn một ảnh được ghi trên thẻ làm ảnh đơn đầu tiên. Ảnh gốc của ảnh đã chọn sẽ không đổi.

Chỉ có thể chọn ảnh RAW. Không thể chọn ảnh **M RAW/S RAW** hoặc ảnh JPEG.



1 Chọn [Select image for multi. expo. (Chọn ảnh để thực hiện đa phơi sáng)].

▶ Ảnh trên thẻ sẽ được hiển thị.

2 Chọn ảnh.

- Xoay nút xoay < > để chọn ảnh được sử dụng làm ảnh phơi sáng đơn đầu tiên, rồi nhấn < >.
- Chọn [OK].
- ▶ Số thứ tự tập tin ảnh được chọn sẽ hiển thị ở cuối màn hình.

3 Chụp ảnh.

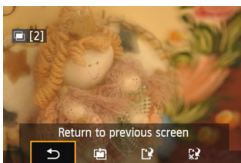
- Khi chọn ảnh đầu tiên, số lượng ảnh đa phơi sáng còn lại khi được đặt với [No. of exposures (Số lượng ảnh đa phơi sáng)] sẽ giảm đi một ảnh. Ví dụ, nếu [No. of exposures (Số lượng ảnh đa phơi sáng)] là 3, bạn chỉ có thể chụp được 2 ảnh.



- Không thể chọn những ảnh sau làm ảnh đơn đầu tiên: Ảnh chụp với [3: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)] được đặt thành [Enable (Bật)], ảnh có [Aspect ratio (Tỷ lệ cỡ ảnh)] được đặt khác với [3:2] (tr.297) và ảnh có thông tin cất ảnh (tr.445).
- [Disable (Tắt)] áp dụng cho [1: Lens aberration correction (Chỉnh quang sai của ống kính)], [2: Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)] và [3: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)] không phụ thuộc vào thiết lập của ảnh RAW được chọn làm ảnh phơi sáng đơn đầu tiên.
- Tốc độ ISO, Kiểu ảnh, giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao và không gian màu v.v... thiết lập cho bức ảnh **RAW** đầu tiên cũng sẽ áp dụng cho những bức ảnh tiếp theo.
- Nếu [3: Picture Style (Kiểu ảnh)] là Tự động cho ảnh RAW chọn làm ảnh đơn đầu tiên, chế độ Chuẩn sẽ được áp dụng để chụp ảnh.
- Không thể chọn ảnh được chụp bằng máy ảnh khác.

- Cũng có thể chọn một ảnh đa phơi sáng **RAW** làm ảnh phơi sáng đơn đầu tiên.
- Nếu chọn [**Deselect img (Bỏ chọn ảnh)**], ảnh đã chọn sẽ bị hủy.

Kiểm tra và xóa ảnh đa phơi sáng trong quá trình chụp



Khi đặt [**On:Func/Ctrl (Bật: Chức năng/Điều khiển)**] và chưa chụp xong số lượng ảnh phơi sáng thiết lập, bạn có thể nhấn nút <[Return to previous screen]> để xem ảnh ghép đa phơi sáng cho đến lúc đó. Bạn có thể kiểm tra ảnh và độ phơi sáng của ảnh. (Không thực hiện được khi đặt [**On:ContShtng (Bật: Chụp liên tục)**].) Nếu nhấn nút <[Exit without saving]>, các thao tác có thể thực hiện trong suốt quá trình chụp đa phơi sáng sẽ được hiển thị.

Thao tác	Mô tả
Undo last image (Xóa ảnh cuối cùng)	Xóa ảnh được chụp cuối cùng (chụp ảnh khác). Số lượng ảnh đa phơi sáng còn lại sẽ tăng thêm một ảnh.
Save and exit (Lưu và thoát)	Nếu đặt [Save source imgs: All images (Lưu ảnh gốc: Tất cả ảnh)], tất cả ảnh phơi sáng đơn và ảnh ghép đa phơi sáng sẽ được lưu trước khi thoát. Nếu đặt [Save source imgs: Result only (Lưu ảnh gốc: Chỉ lưu kết quả)], chỉ có ảnh ghép đa phơi sáng được lưu trước khi thoát.
Exit without saving (Thoát không lưu)	Không có ảnh nào được lưu trước khi thoát.
Return to previous screen (Trở về màn hình trước đó)	Màn hình trước khi bạn nhấn nút <[Return to previous screen]> sẽ xuất hiện lại.

Trong suốt quá trình chụp đa phơi sáng chỉ có thể xem lại các ảnh đa phơi sáng.

? Câu hỏi thường gặp

• Có giới hạn nào cho chất lượng ghi ảnh không?

Tất cả cài đặt chất lượng ghi ảnh JPEG đều có thể được chọn. Nếu đặt **M RAW** hoặc **S RAW**, ảnh ghép đa phơi sáng sẽ là ảnh **RAW**.

Cài đặt chất lượng ghi ảnh	Ảnh phơi sáng đơn	Ảnh ghép đa phơi sáng
JPEG	JPEG	JPEG
RAW	RAW	RAW
M RAW / S RAW	M RAW / S RAW	RAW
RAW+JPEG	RAW+JPEG	RAW+JPEG
M RAW / S RAW+JPEG	M RAW / S RAW+JPEG	RAW+JPEG

• Tôi có thể ghép các ảnh được ghi trên thẻ không?

Với chế độ **[Select image for multi. expo. (Chọn ảnh để thực hiện đa phơi sáng)]**, bạn có thể chọn ảnh phơi sáng đơn đầu tiên từ các ảnh được ghi trên thẻ (tr.245). Lưu ý rằng bạn không thể ghép những ảnh đã được ghi trên thẻ.

• Có thể chụp đa phơi sáng với chụp Live View không?

Với chế độ **[On:Func/Ctrl (Bật: Chức năng/Điều khiển)]** được đặt, bạn có thể chụp ảnh đa phơi sáng với chụp chế độ chụp Live View (tr.287). Lưu ý rằng **[5: Aspect ratio (Tỷ lệ cỡ ảnh)]** sẽ cố định ở **[3:2]**.

• Số thứ tự tập tin nào được sử dụng để lưu ảnh ghép đa phơi sáng?

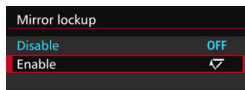
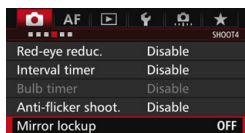
Nếu thiết lập lưu tất cả ảnh, số thứ tự tập tin ảnh ghép đa phơi sáng sẽ lần lượt theo thứ tự tiếp sau số tập tin ảnh phơi sáng đơn cuối cùng được sử dụng để tạo ảnh ghép đa phơi sáng.

• Chế độ tự động tắt nguồn có hiệu quả trong quá trình chụp đa phơi sáng không?

Chỉ cần đặt **[42: Auto power off (Tự động tắt nguồn)]** thành bất kỳ cài đặt nào ngoài **[Disable (Tắt)]**, nguồn sẽ tự động tắt sau 30 phút không hoạt động. Nếu chế độ tự động tắt nguồn hoạt động, chế độ chụp đa phơi sáng sẽ kết thúc và cài đặt chụp đa phơi sáng sẽ bị hủy. Trước khi bắt đầu chế độ chụp đa phơi sáng, chức năng tự động tắt nguồn sẽ hoạt động khi được thiết lập trên máy ảnh, và cài đặt chụp đa phơi sáng sẽ bị hủy.

Khóa gương lật ☆

Mặc dù sử dụng chế độ hẹn giờ hoặc công tắc điều khiển từ xa có thể giúp tránh rung máy ảnh, sử dụng khóa gương lật để tránh rung cơ học ở máy ảnh (rung gương) cũng có thể hữu ích khi bạn sử dụng ống kính tele hoặc chụp cận cảnh (chụp macro).



1 Cài đặt [Mirror lockup (Khóa gương lật)] thành [Enable (Bật)].

- Trong tab [4], chọn [Mirror lockup (Khóa gương lật)], rồi nhấn <SET>.
- Chọn [Enable (Bật)], rồi nhấn <SET>.

2 Lấy nét chủ thể, rồi nhấn hoàn toàn nút chụp.

- ▶ Gương sẽ nâng lên.

3 Nhấn hoàn toàn nút chụp lần nữa.

- ▶ Ảnh được chụp và gương hạ xuống.

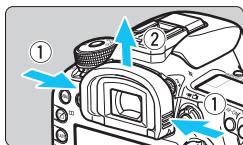
- ❗ Trong môi trường rất sáng như ở bãi biển hoặc dốc trượt tuyết vào ngày nắng, chụp ảnh ngay sau khi gương được khóa lại.
- Không hướng máy ảnh về phía mặt trời. Sức nóng từ mặt trời có thể gây cháy và hỏng màn trập.
- Trong quá trình khóa gương lật, cài đặt chức năng chụp và các thao tác menu, v.v... bị tắt.



- Chỉ có thể chụp một ảnh kể cả khi kiểu chụp được thiết lập thành chụp liên tục.
- Bạn cũng có thể sử dụng hẹn giờ hoặc hẹn giờ bulb với khóa gương lật.
- Sau khi được khóa 30 giây, gương lật sẽ tự động hạ xuống. Nhấn hoàn toàn nút chụp để khóa gương lật lần nữa.
- Để khóa gương lật, nên sử dụng chân máy ảnh và Công tắc điều khiển từ xa RS-80N3 (bán riêng) hoặc Bộ điều khiển hẹn giờ từ xa TC-80N3 (bán riêng) (tr.250).
- Bạn cũng có thể sử dụng bộ điều khiển từ xa (bán riêng, tr.250). Nên hẹn giờ bộ điều khiển từ xa thành 2 giây.

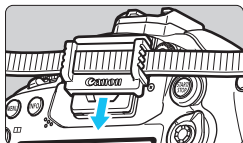
Sử dụng nắp thị kính

Khi sử dụng chức năng hẹn giờ, phơi sáng bulb hoặc công tắc điều khiển từ xa và không nhìn qua khung ngắm, ánh sáng khuếch tán lọt vào khung ngắm có thể khiến ảnh trông tối. Để tránh hiện tượng này xảy ra, nên sử dụng nắp thị kính (tr.33) được gắn vào dây đeo máy ảnh. Trong khi chụp Live View và quay phim, không cần phải gắn thêm nắp thị kính.



1 Tháo vành đỡ mắt.

- Cầm vào hai bên rồi trượt lên trên để tháo vành đỡ mắt ra.



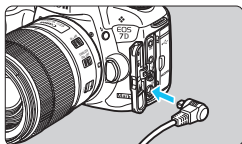
2 Lắp nắp thị kính.

- Trượt nắp thị kính xuống vào rãnh thị kính để lắp nắp.
- Sau khi chụp ảnh, tháo nắp thị kính và gắn vành đỡ mắt vào.

Sử dụng công tắc điều khiển từ xa

Bạn có thể kết nối Công tắc điều khiển từ xa RS-80N3 (bán riêng) hay Bộ điều khiển hẹn giờ từ xa TC-80N3 (bán riêng) hoặc bất kỳ phụ kiện EOS nào được trang bị với cổng kết nối loại N3 cho máy ảnh để chụp ảnh (tr.480).

Để sử dụng phụ kiện, hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng.



1 Mở nắp cổng kết nối.

2 Kết nối phích cắm với cổng kết nối điều khiển từ xa.

- Kết nối phích cắm như hình minh họa.
- Để ngắt kết nối phích cắm, nắm lấy phần bằng bạc và kéo.

Chụp bằng chức năng điều khiển từ xa



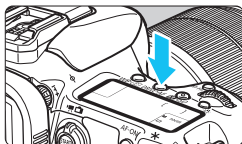
Đối với Bộ điều khiển từ xa RC-6 (bán riêng), bạn có thể chụp điều khiển từ xa tối đa khoảng 5 m/16,4 ft từ máy ảnh. Bạn có thể chụp ngay hoặc chụp sau 2 giây. Bạn cũng có thể sử dụng Bộ điều khiển từ xa RC-1 và RC-5.

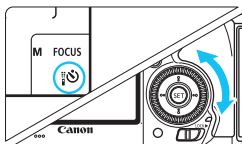
1 Lấy nét chủ thể.

2 Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF>.

- Bạn cũng có thể chụp với <AF>.

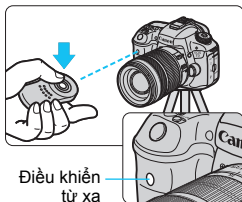
3 Nhấn nút <DRIVE>AF>. (ⓘ6)





4 Chọn chế độ chụp hẹn giờ.

- Khi nhìn vào bảng điều khiển LCD hoặc qua khung ngắm, xoay nút xoay < > để chọn < > hoặc < 2 >.



5 Nhấn nút truyền của bộ điều khiển từ xa.

- Hướng điều khiển từ xa về phía cảm biến điều khiển từ xa của máy ảnh và nhấn nút truyền.
- Đèn hẹn giờ phát sáng và ảnh được chụp.



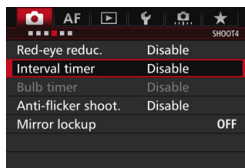
- Đèn huỳnh quang hoặc đèn LED có thể gây ra trục trặc cho máy ảnh do vô tình kích hoạt màn trập. Cố gắng giữ máy ảnh xa những nguồn sáng này.
- Nếu bạn hướng bộ điều khiển từ xa của TV vào máy ảnh và điều khiển có thể khiến máy ảnh bị lỗi khi vô tình kích hoạt màn trập.



Cũng có thể chụp điều khiển từ xa với các thiết bị như đèn Speedlite sê-ri EX có trang bị chức năng nhả từ xa.

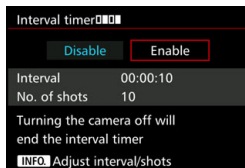
Chụp hẹn giờ ngắt quãng

Với chế độ hẹn giờ ngắt quãng, bạn có thể thiết lập quãng chụp và số lượng ảnh. Máy ảnh sẽ tự động lặp lại việc chụp một ảnh với quãng thời gian đã đặt cho đến khi chụp hết số lượng ảnh đã thiết lập.



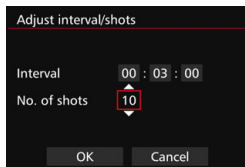
1 Chọn [Interval timer (Hẹn giờ ngắt quãng)].

- Trong tab [CAM4] (tab [CAM2] trong <[A+]>), chọn [Interval timer (Hẹn giờ ngắt quãng)], rồi nhấn <[SET]>.



2 Chọn [Enable (Bật)].

- Chọn [Enable (Bật)], rồi nhấn nút <[INFO]>.



3 Thiết lập quãng chụp và số lần chụp.

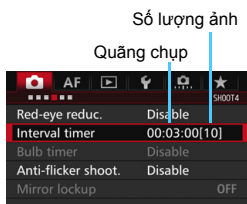
- Chọn giờ, phút, giây hoặc số lượng ảnh.
- Nhấn <[SET]> để hiển thị <[+]>.
- Thiết lập số mong muốn, rồi nhấn <[SET]> (Quay lại <[]>).

Interval (Quãng chụp)

Có thể thiết lập từ [00:00:01] đến [99:59:59].

No. of shots (Số lượng ảnh)

Có thể thiết lập từ [01] đến [99]. Nếu bạn đặt [00], máy ảnh sẽ tiếp tục chụp cho đến khi bạn dừng chế độ hẹn giờ ngắt quãng.

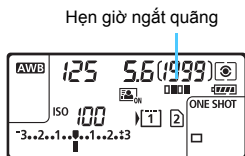


Số lượng ảnh

Quảng chụp

4 Chọn [OK].

- ▶ Cài đặt cho hẹn giờ ngắt quãng sẽ hiển thị trên màn hình menu.
- ▶ <[OK]> sẽ hiển thị trên bảng điều khiển LCD.



Hẹn giờ ngắt quãng

5 Chụp ảnh.

- ▶ Việc chụp ảnh sẽ bắt đầu dựa theo thiết lập hẹn giờ ngắt quãng.
- Trong khi chụp hẹn giờ ngắt quãng, <[OK]> sẽ nhấp nháy.
- Sau khi chụp xong số lượng ảnh đã thiết lập, chế độ chụp hẹn giờ ngắt quãng sẽ dừng và tự động hủy.



- Bạn nên sử dụng chân máy.
- Nên chụp thử vài ảnh.
- Sau khi bắt đầu chụp hẹn giờ ngắt quãng, bạn vẫn có thể nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh như bình thường. Tuy nhiên, bắt đầu từ 5 giây trước lần chụp hẹn giờ ngắt quãng tiếp theo, cài đặt chức năng chụp, thao tác menu, xem lại ảnh và các thao tác khác sẽ bị ngừng và máy ảnh sẵn sàng chụp.
- Nếu chụp ảnh hoặc đang xử lý ảnh khi đến lần chụp hẹn giờ ngắt quãng tiếp theo, lần chụp đó sẽ bị hủy. Điều này sẽ khiến số lượng ảnh chụp ở chế độ hẹn giờ ngắt quãng ít hơn so với số lượng ảnh đã thiết lập.
- Có thể kết hợp chụp hẹn giờ ngắt quãng với chế độ phơi sáng hỗn hợp tự động, cân bằng trắng hỗn hợp, đa phơi sáng và HDR.
- Bạn có thể chọn **[Disable (Tắt)]** hoặc chuyển công tắc nguồn về <**OFF**> để dừng chụp hẹn giờ ngắt quãng.



- Nếu như công tắc chế độ lấy nét của ống kính đặt thành <AF>, máy ảnh sẽ không chụp khi chưa lấy được nét. Đặt công tắc thành <MF> và trước tiên nên lấy nét bằng tay.
- Không thể thực hiện chụp hẹn giờ ngắt quãng với chế độ chụp Live View, quay phim, phơi sáng bulb hay khóa gương lật.
- Tự động tắt nguồn sẽ không có hiệu lực trong khi chụp hẹn giờ ngắt quãng. Để chụp hẹn giờ ngắt quãng trong thời gian dài, bạn nên sử dụng Bộ nối nguồn DC DR-E6 (bán riêng) và Bộ điều hợp AC AC-E6N (bán riêng) để sạc máy ảnh.
- Máy ảnh sẽ không thể chụp ở quãng chụp đã thiết lập nếu phơi sáng lâu hoặc tốc độ màn trập lâu hơn quãng chụp đã thiết lập. Vì thế máy ảnh sẽ chụp được ít ảnh hơn số lượng ảnh đã thiết lập cho chế độ chụp hẹn giờ ngắt quãng. Ngoài ra, khi tốc độ màn trập và quãng chụp hầu như bằng nhau hoặc gần nhau, số lượng ảnh có thể giảm đi.
- Máy ảnh có thể không chụp ở quãng chụp đã thiết lập nếu thời gian ghi của thẻ nhớ lâu hơn quãng chụp đã thiết lập, do hiệu suất thẻ nhớ hoặc cài đặt chụp, v.v...
- Nếu bạn sử dụng đèn flash với chế độ chụp hẹn giờ ngắt quãng, hãy đặt quãng chụp lâu hơn thời gian hồi đèn flash. Nếu không, đèn flash có thể không đánh sáng khi quãng chụp quá ngắn.
- Nếu quãng chụp quá ngắn, máy ảnh có thể không chụp ảnh hoặc chụp ảnh mà không lấy nét tự động.
- Chế độ chụp hẹn giờ ngắt quãng sẽ bị hủy và cài đặt lại thành **[Disable (Tắt)]** nếu bạn thực hiện bất kỳ thao tác sau đây: Đặt công tắc nguồn về <OFF>, hiển thị màn hình Live View hoặc màn hình quay phim, đặt chế độ chụp thành hay chụp tùy chỉnh, hoặc sử dụng EOS Utility (phần mềm EOS, tr.538).
- Sau khi bắt đầu chụp hẹn giờ ngắt quãng, bạn không thể sử dụng chế độ chụp điều khiển từ xa (tr.250) hoặc nhả chụp từ xa với đèn Speedlite ngoài dành riêng cho máy EOS.
- Trong khi chụp hẹn giờ ngắt quãng, nếu mắt bạn không giữ ở thị kính của khung ngắm, hãy gắn nắp thị kính (tr.249). Ánh sáng khúc tán lọt vào khung ngắm có thể làm hỏng phơi sáng.

7

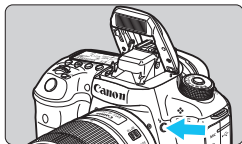
Chụp ảnh với đèn flash

Chương này giải thích cách chụp ảnh với đèn flash tích hợp và đèn Speedlite ngoài (sê-ri EX, bán riêng), cách cài đặt đèn flash với màn hình menu của máy ảnh và cách sử dụng đèn flash tích hợp khi chụp flash không dây.



- Không thể dùng flash khi quay phim. Đèn sẽ không đánh sáng.
- Không thể sử dụng phơi sáng hỗn hợp tự động với đèn flash.

⚡ Sử dụng đèn flash tích hợp



Trong các chế độ <P> <Tv> <Av> <M> , nhấn nút <⚡> để nâng đèn flash lên cho chụp ảnh flash. Trước khi chụp, kiểm tra để đảm bảo <⚡> được hiển thị trong khung ngắm. Sau khi chụp, dùng ngón tay ấn đèn flash tích hợp xuống cho đến khi khóa vào vị trí.

Ở chế độ <A+>, đèn flash tích hợp sẽ tự động nâng lên và đánh sáng trong điều kiện ánh sáng yếu hoặc ngược sáng. Bạn có thể bật hoặc tắt đánh sáng flash. Bảng dưới đây hiển thị cài đặt tốc độ màn trập và khẩu độ sẽ sử dụng với flash.

Chế độ chụp	Tốc độ màn trập	Khẩu độ
A+	Thiết lập tự động	Thiết lập tự động
P	Thiết lập tự động (1/250 giây - 1/60 giây)	Thiết lập tự động
Tv	Thiết lập bằng tay (1/250 giây - 30 giây)	Thiết lập tự động
Av	Thiết lập tự động (1/250 giây - 30 giây)	Thiết lập bằng tay
M	Thiết lập bằng tay (1/250 giây - 30 giây)	Thiết lập bằng tay
B	Phơi sáng sẽ tiếp tục trong khi bạn nhấn giữ nút chụp hoặc hẹn giờ bulb đang hoạt động.	Thiết lập bằng tay



Chụp ảnh có flash trong chế độ <Av>

Để có được phơi sáng flash chính xác, công suất flash sẽ được thiết lập tự động (phơi sáng flash tự động) để phù hợp với khẩu độ được thiết lập bằng tay. Tốc độ màn trập sẽ được thiết lập tự động từ 1/250 giây - 30 giây để phù hợp với độ sáng của cảnh.

Trong điều kiện ánh sáng yếu, chủ thể chính được phơi sáng với flash tự động, và hậu cảnh được phơi sáng với tốc độ màn trập chậm được thiết lập tự động. Cả chủ thể và hậu cảnh trông như được phơi sáng chuẩn (đồng bộ flash tốc độ chậm tự động). Nếu cầm máy ảnh bằng tay, giữ vững máy để tránh rung máy. Bạn nên sử dụng chân máy.

Để tránh tốc độ màn trập chậm, trong [1: Flash control (Điều khiển flash)], đặt [Flash sync. speed in Av mode (Tốc độ đồng bộ flash trong chế độ Av)] thành [1/250-1/60 sec. auto (1/250-1/60 giây tự động)] hoặc [1/250 sec. (fixed) (1/250 giây (cố định))]. (tr.265).

Phạm vi hiệu quả của flash tích hợp

(Ước chừng. Đơn vị m/ft)

Tốc độ ISO	EF-S18-135mm f/3.5-5.6 IS USM EF-S15-85mm f/3-5.6 IS USM	
	Góc rộng: f/3.5	Chụp xa: f/5.6
ISO 100	1-3,1 / 3,3-10,3	1-2,0 / 3,3-6,4
ISO 200	1-4,4 / 3,3-14,6	1-2,8 / 3,3-9,1
ISO 400	1-6,3 / 3,3-20,6	1-3,9 / 3,3-12,9
ISO 800	1,1-8,9 / 3,6-29,2	1-5,6 / 3,3-18,2
ISO 1600	1,6-12,6 / 5,2-41,2	1-7,9 / 3,3-25,8
ISO 3200	2,2-17,8 / 7,3-58,3	1,4-11,1 / 4,6-36,5
ISO 6400	3,1-25,1 / 10,3-82,5	2,0-15,7 / 6,4-51,6
ISO 12800	4,4-35,6 / 14,6-116,7	2,8-22,2 / 9,1-72,9
ISO 16000	5,0-39,9 / 16,4-130,9	3,1-24,9 / 10,2-81,8
H1 (tương đương ISO 25600)	6,3-50,3 / 20,6-165,0	3,9-31,4 / 12,9-103,1
H2 (tương đương ISO 51200)	8,9-71,1 / 29,2-233,3	5,6-44,4 / 18,2-145,8



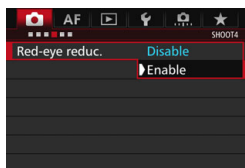
- Khi bạn sử dụng flash tích hợp, tháo loa che nắng và giữ khoảng cách với chủ thể ít nhất 1 m/3,3 ft.
- Nếu như loa che nắng được gắn vào hoặc nếu chủ thể ở quá gần, đèn flash tích hợp sẽ bị che khuất và phần cuối bức ảnh có thể bị tối.
- Không thực hiện chụp ảnh với đèn flash khi ngón tay bạn vẫn giữ đèn flash hoặc đèn không được nâng lên hết vì lý do nào đó.



Nếu sử dụng ống kính chụp siêu xa hoặc ống kính khẩu độ rộng và phần dưới của ảnh bị tối, hãy sử dụng đèn Speedlite ngoài (bán riêng, tr.261).

MENU Giảm mắt đỏ

Sử dụng đèn giảm mắt đỏ khi chụp ảnh flash có thể giảm hiện tượng mắt đỏ.



1 Chọn [Red-eye reduc. (Giảm mắt đỏ)].

- Trong tab [4] (tab [2] trong <[A]⁺>), chọn [**Red-eye reduc. (Giảm mắt đỏ)**], rồi nhấn <[SET]>.

2 Chọn [Enable (Bật)].

- Để chụp ảnh flash, khi bạn nhấn nút chụp nửa chừng, đèn giảm mắt đỏ sẽ phát sáng.

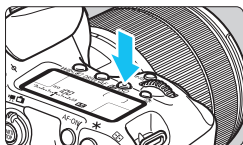


- Tính năng giảm mắt đỏ có hiệu quả nhất khi chủ thể nhìn vào đèn giảm mắt đỏ, căn phòng được chiếu sáng tốt và khi bạn ở gần chủ thể.
- Khi nhấn nửa chừng nút chụp, hiển thị tỷ lệ ở dưới cùng khung ngắm sẽ thu lại và tắt đi. Chụp ảnh sau khi tắt hiển thị tỷ lệ để có kết quả tốt nhất.
- Hiệu quả của giảm mắt đỏ sẽ khác nhau tùy thuộc vào chủ thể.

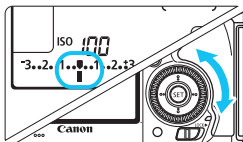


🔧 Bù trừ phơi sáng flash ☆

Thiết lập bù trừ phơi sáng flash nếu phơi sáng flash của chủ thể không đạt hiệu quả như mong muốn. Bạn có thể thiết lập bù trừ phơi sáng flash tối đa ± 3 điểm dừng với mức tăng 1/3 điểm dừng.



1 Nhấn nút <ISO>. (🔍6)



2 Thiết lập lượng bù trừ phơi sáng.

- Trong khi xem bảng điều khiển LCD hoặc khung ngắm, xoay nút xoay <🔍>.
- Để làm phơi sáng flash sáng hơn, xoay nút xoay <🔍> sang phải (tăng phơi sáng). Để làm phơi sáng flash tối hơn, xoay nút <🔍> sang trái (giảm phơi sáng).
- Sau khi chụp, thiết lập lượng bù trừ phơi sáng trở về số không.

Tăng phơi sáng giúp ảnh sáng hơn



Giảm phơi sáng giúp ảnh tối hơn



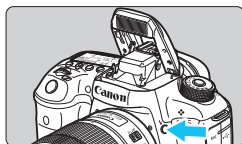
- ⚠ Nếu đặt [📷2: Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)] (tr.177) về bất cứ cài đặt nào ngoài [Disable (Tắt)], ảnh trông vẫn sáng ngay cả khi đã thiết lập giảm bù trừ phơi sáng flash.
- Nếu thiết lập bù trừ phơi sáng flash với đèn Speedlite ngoài (bán riêng), tr.261), bạn không thể thiết lập bù trừ phơi sáng flash trên máy ảnh. Nếu bù trừ phơi sáng được thiết lập cho cả máy ảnh và đèn Speedlite, cài đặt của đèn Speedlite sẽ vô hiệu hóa cài đặt của máy ảnh.



- Lượng bù trừ phơi sáng sẽ vẫn còn hiệu lực ngay cả sau khi bạn đặt công tắc nguồn thành <OFF>.
- Cũng có thể thiết lập bù trừ phơi sáng flash bằng [Built-in flash settings (Cài đặt flash tích hợp)] trong [📷1: Flash control (Điều khiển flash)] (tr.264).
- Cũng có thể sử dụng máy ảnh để thiết lập lượng bù trừ phơi sáng flash của đèn Speedlite ngoài dành riêng cho máy EOS giống như với đèn flash tích hợp.

✳ Khóa phơi sáng flash ☆

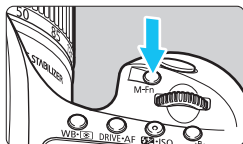
Khóa phơi sáng flash thu được và khóa lượng phơi sáng flash thích hợp cho phần ảnh mong muốn.



1 Nhấn nút <⚡>.

- ▶ Đèn flash tích hợp sẽ nâng lên.
- Nhấn nửa chừng nút chụp và nhìn qua khung ngắm để kiểm tra biểu tượng <⚡> đã phát sáng chưa.

2 Lấy nét chủ thể.



3 Nhấn nút <M-Fn>. (ⓘ16)

- Hướng trung tâm khung ngắm vào chủ thể bạn muốn khóa phơi sáng flash, rồi nhấn nút <M-Fn>.
- ▶ Đèn flash sẽ nháy đo sáng và công suất flash cần thiết được tính toán và lưu giữ trong bộ nhớ.
- ▶ Trong khung ngắm, thông báo “FEL” hiển thị trong giây lát và biểu tượng <⚡*> sẽ phát sáng. Ngoài ra, thang đo sáng đèn flash sẽ hiển thị như minh họa ở bên trái.
- Mỗi lần nhấn nút <M-Fn>, đèn flash sẽ nháy đo sáng và công suất flash được tính toán và lưu giữ trong bộ nhớ.



4 Chụp ảnh.

- Lấy bố cục ảnh và nhấn hoàn toàn nút chụp.
- ▶ Đèn flash đánh sáng khi chụp.

- ❗ Nếu chủ thể ở quá xa và nằm ngoài phạm vi hiệu quả của đèn flash, biểu tượng <⚡> sẽ nhấp nháy. Tiến gần chủ thể hơn và lặp lại các bước từ 2 đến 4.
- Không thể sử dụng khóa phơi sáng flash trong khi chụp Live View.

⚡ Sử dụng đèn Speedlite ngoài

Đèn Speedlite sê-ri EX dành riêng cho EOS

Chụp ảnh có flash với đèn Speedlite sê-ri EX (bán riêng) dễ dàng như với đèn flash tích hợp.

Để tìm hiểu hướng dẫn chi tiết, tham khảo hướng dẫn sử dụng của đèn Speedlite sê-ri EX. Máy ảnh này là máy ảnh Kiểu A, có thể sử dụng tất cả các tính năng của đèn Speedlite sê-ri EX.

Để thiết lập chức năng flash và chức năng tùy chỉnh flash với menu của máy ảnh, xem các trang 264-273.



Đèn Speedlite có đế gắn

Đèn Macro

- **Bù trừ phơi sáng flash**

Thiết lập chức năng này giống như đối với đèn flash tích hợp. Tham khảo trang 259.

- **Khóa phơi sáng flash**

Quy trình thiết lập về cơ bản tương tự như cho đèn flash tích hợp. Tham khảo trang 260.



Đối với dòng EOS, khi lấy nét bằng chức năng lấy nét tự động gấp khó khăn, đèn Speedlite ngoài sẽ tự động phát ra tia giúp lấy nét khi cần.

Đèn Speedlite Canon không phải sê-ri EX

- Với đèn Speedlite sê-ri EZ/E/EG/ML/TL được thiết lập thành chế độ flash tự động A-TTL hoặc TTL, flash chỉ có thể đánh sáng với công suất tối đa.

Đặt chế độ chụp của máy ảnh thành **<M>** (phơi sáng bằng tay) hoặc **<Av>** (tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ) và điều chỉnh cài đặt khẩu độ trước khi chụp.

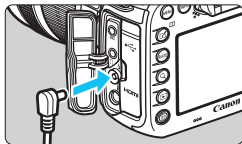
- Nếu đèn Speedlite có trang bị chế độ flash bằng tay, nên chụp ở chế độ flash bằng tay.

Thiết bị flash không phải của Canon

Tốc độ đồng bộ

Máy ảnh có thể đồng bộ với thiết bị flash cỡ nhỏ không phải của Canon ở tốc độ 1/250 giây trở xuống. Với các thiết bị flash lớn dành cho phòng chụp, cần đảm bảo kiểm tra đồng bộ flash trước khi chụp với tốc độ đồng bộ được thiết lập trong khoảng 1/60 giây đến 1/30 giây. Thời lượng phát flash của các thiết bị này dài hơn so với các thiết bị flash cỡ nhỏ và thay đổi tùy theo model.

Cổng cho máy tính



- Cổng cho máy tính có thể sử dụng với thiết bị flash có dây đồng bộ. Cổng cho máy tính có ren để ngăn ngừa ngắt kết nối không chủ ý.
- Cổng cho máy tính của máy ảnh không phân cực. Bạn có thể kết nối bất kỳ dây đồng bộ nào với cực.

Thận trọng trong khi chụp Live View

Nếu bạn sử dụng thiết bị flash không phải của Canon để chụp Live View, đặt **[6: Silent LV shoot. (Chụp Live View ngắt tiếng)]** thành **[Disable (Tắt)]** (tr.299). Đèn flash sẽ không đánh sáng nếu được đặt thành **[Mode 1 (Chế độ 1)]** hoặc **[Mode 2 (Chế độ 2)]**.



- Nếu sử dụng máy ảnh với thiết bị flash hoặc phụ kiện flash dành riêng cho thương hiệu máy ảnh khác, máy ảnh này có thể không hoạt động chính xác và gặp trục trặc.
- Không kết nối cổng cho máy tính của máy ảnh với bất kỳ thiết bị flash nào có điện áp đầu ra từ 250 V trở lên.
- Không lắp thiết bị flash điện áp cao vào ngàm gắn flash ngoài của máy ảnh. Flash có thể không đánh sáng.

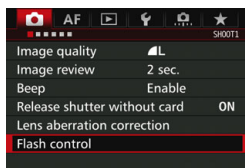


Có thể sử dụng đồng thời cả thiết bị flash gắn với ngàm gắn của máy ảnh và thiết bị flash kết nối với cổng cho máy tính.

MENU Cài đặt flash ☆

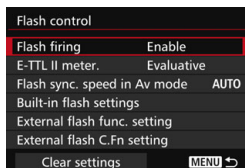
Với flash tích hợp hoặc đèn Speedlite ngoài sê-ri EX tương thích với các cài đặt chức năng flash, bạn có thể sử dụng màn hình menu của máy ảnh để thiết lập chức năng flash và chức năng tùy chỉnh của đèn Speedlite ngoài.

Nếu bạn sử dụng đèn Speedlite ngoài, gắn đèn Speedlite vào máy ảnh và bật đèn Speedlite trước khi cài đặt chức năng flash. Để biết chi tiết về chức năng flash của đèn Speedlite ngoài, tham khảo hướng dẫn sử dụng đèn Speedlite.



1 Chọn [Flash control (Điều khiển flash)].

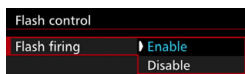
- Trong tab [1], chọn [Flash control (Điều khiển flash)], rồi nhấn <SET>.
- Màn hình điều khiển flash sẽ xuất hiện.



2 Chọn mục mong muốn.

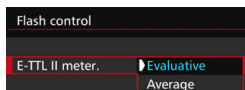
- Chọn mục cần cài đặt, rồi nhấn <SET>.

Đánh sáng flash



Để bật chụp ảnh có flash, thiết lập [Enable (Bật)]. Để chỉ bật tia giúp lấy nét, thiết lập [Disable (Tắt)].

Đo sáng tự động flash E-TTL II



Đối với phơi sáng thông thường, đặt thành [Evaluative (Toàn khung ảnh)]. Nếu thiết lập [Average (Trung bình)], phơi sáng flash sẽ được lấy trung bình cho toàn vùng được đo sáng. Tùy thuộc vào cảnh, có thể cần bù trừ phơi sáng flash. Cài đặt này dành cho người dùng chuyên nghiệp.

Tốc độ đồng bộ flash trong chế độ Av

Flash sync. speed in Av mode	
Auto	AUTO
1/250-1/60sec. auto	1/250 -1/60 A
1/250 sec. (fixed)	1/250
INFO Help	

Bạn có thể đặt tốc độ đồng bộ flash để chụp ảnh có flash ở chế độ tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ (**Av**).

- **AUTO: Auto (Tự động)**

Tốc độ đồng bộ flash được đặt tự động trong phạm vi từ 1/250 giây đến 30 giây để phù hợp với độ sáng của cảnh. Tính năng đồng bộ tốc độ cao cũng có thể thực hiện với đèn Speedlite ngoài.

- ^{1/250}_{-1/60} **A: 1/250-1/60sec. auto (1/250-1/60 giây tự động)**

Không cho phép thiết lập tốc độ màn trập chậm trong điều kiện ánh sáng yếu. Cài đặt này giúp tránh làm mờ chủ thể và rung máy. Tuy nhiên, khi chủ thể được phơi sáng chuẩn bằng flash, hậu cảnh có thể tối hơn.

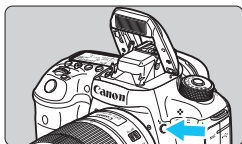
- **1/250: 1/250 sec. (fixed) (1/200 giây (cố định))**

Tốc độ đồng bộ flash cố định ở 1/250 giây. Cài đặt này giúp tránh làm chủ thể bị mờ và rung máy hiệu quả hơn so với [**1/250-1/60sec. auto (1/250-1/60 giây tự động)**]. Tuy nhiên, trong điều kiện ánh sáng yếu, hậu cảnh của chủ thể sẽ tối hơn so với [**1/250-1/60sec. auto (1/250-1/60 giây tự động)**].



Nếu đặt thành [**1/250-1/60sec. auto (1/250-1/60 giây tự động)**] hoặc [**1/250 sec. (fixed) (1/250 giây (cố định))**], đồng bộ tốc độ cao sẽ không thể thực hiện trong chế độ <**Av**> với đèn Speedlite ngoài.

Hiển thị trực tiếp màn hình cài đặt chức năng flash



Khi sử dụng đèn flash tích hợp hoặc đèn flash Speedlite ngoài sê-ri EX tương thích với cài đặt chức năng flash, bạn có thể nhấn nút **<Fn>** để hiển thị trực tiếp màn hình **[Built-in flash settings (Cài đặt flash tích hợp)]** hoặc màn hình **[External flash func. setting (Cài đặt chức năng flash ngoài)]** mà không cần hiển thị màn hình menu trước tiên.

● Với đèn flash tích hợp

Built-in flash settings	
Flash mode	E-TTL II
Shutter sync.	1st curtain
Shutter comp.	3, 2, 1, 0, 1, 2, 3
Wireless func.	Disable

Nhấn nút **<Fn>** hai lần.

- Nhấn nút lần nữa, đèn flash tích hợp sẽ nâng lên.
- Nhấn nút lần nữa để hiển thị màn hình **[Built-in flash settings (Cài đặt flash tích hợp)]**.

● Với đèn Speedlite ngoài

External flash func. setting		
ETTL	WIRELESS OFF	Zoom AUTO
▶▶	±0	FEB ±0
E-TTL II flash metering		

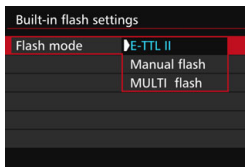
Nhấn nút **<Fn>**.

- Khi đèn Speedlite ngoài được bật, nhấn nút **<Fn>** để hiển thị màn hình **[External flash func. setting (Cài đặt chức năng flash ngoài)]**.

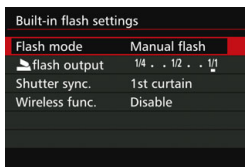
- ❗
- Khi nhấn nút **<Fn>** để hiển thị màn hình cài đặt chức năng flash ngoài, không thể cài đặt **[Flash firing (Đánh sáng flash)]**, **[E-TTL II meter. (Đo sáng E-TTL II)]** hoặc **[Flash sync. speed in Av mode (Tốc độ đồng bộ flash trong chế độ Av)]**. Thay vào đó, hãy cài đặt những chức năng này với **[1: Flash control (Điều khiển flash)]**
 - Nếu đặt **[Flash firing (Đánh sáng flash)]** thành **[Disable (Tắt)]** và nhấn nút **<Fn>**, màn hình **[Flash control (Điều khiển flash)]** sẽ xuất hiện (tr.264).

Cài đặt flash tích hợp

● Flash mode (Chế độ flash)

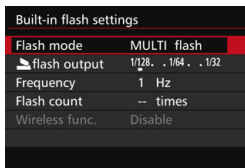


Thông thường, đặt cài đặt này thành **[E-TTL II]**. Chế độ này cho phép chụp phơi sáng tự động với flash tích hợp.



Để thiết lập bằng tay mức công suất flash, chọn **[Manual flash (Flash chỉnh tay)]**.

Chọn **[ flash output (công suất flash)]**, rồi đặt mức công suất flash trong khoảng 1/1 - 1/128 (mức tăng 1/3 điểm dừng) trước khi chụp. Chế độ này dành cho người sử dụng chuyên nghiệp.



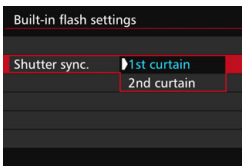
Khi chọn **[MULTI flash (ĐA flash)]**, bạn có thể sử dụng tốc độ màn trập chậm để chụp nhiều chuyển động của chủ thể đang di chuyển trong một bức ảnh.

Đầu tiên cài đặt **[ flash output (công suất flash)]**, **[Frequency (Tần suất)]** và **[Flash count (Đếm flash)]**, rồi chụp. Chế độ này dành cho người sử dụng chuyên nghiệp.



- Để tránh làm hỏng đèn flash do quá nóng, không sử dụng ĐA flash quá mười lần liên tiếp. Nếu sử dụng ĐA flash 10 lần, để cho đèn flash nghỉ trong ít nhất 10 phút trước khi đánh sáng flash lại.
- ĐA flash có công suất flash là 1/128 - 1/4.

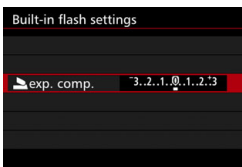
● Shutter synchronization (Đồng bộ màn trập)



Thông thường, đặt chế độ này thành **[1st curtain (Màn trập 1)]** để flash đánh sáng ngay lập tức sau khi phơi sáng bắt đầu.

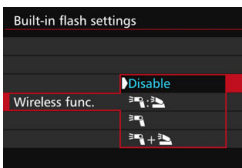
Nếu đặt thành **[2nd curtain (Màn trập 2)]**, flash sẽ đánh sáng ngay trước khi màn trập đóng. Khi kết hợp với tốc độ màn trập chậm, bạn có thể tạo ra vết sáng giống như từ đèn pha ô tô vào ban đêm với cảm giác tự nhiên hơn. Với đồng bộ màn trập 2, đèn flash sẽ đánh sáng hai lần: một lần khi bạn nhấn hoàn toàn nút chụp và một lần ngay trước khi phơi sáng kết thúc.

● Flash exposure compensation (Bù trừ phơi sáng flash)



Bạn có thể thiết lập bù trừ phơi sáng flash tối đa ± 3 điểm dừng với mức tăng 1/3 điểm dừng.

● Wireless functions (Chức năng không dây)



Với chức năng chụp ảnh bằng flash không dây (thông qua hệ thống truyền quang), bạn có thể sử dụng đèn flash tích hợp để điều khiển không dây đèn Speedlite ngoài.

Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo phần “Sử dụng đèn flash không dây” ở trang 274.

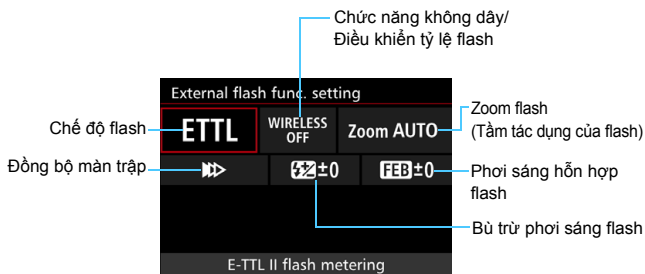
⚠ Khi sử dụng đồng bộ màn trập 2, thiết lập tốc độ màn trập từ 1/25 giây trở xuống. Nếu tốc độ màn trập là 1/30 giây trở lên, đồng bộ màn trập 1 sẽ được áp dụng tự động cho dù đã đặt **[2nd curtain (Màn trập 2)]**.

Cài đặt chức năng flash ngoài

Hiện thị màn hình và tùy chọn cài đặt sẽ khác nhau tùy vào model đèn Speedlite ngoài, chế độ flash hiện tại, cài đặt chức năng tùy chỉnh của đèn Speedlite, v.v...

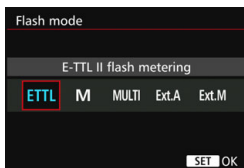
Để tìm hiểu các chức năng của đèn Speedlite (bán riêng), tham khảo hướng dẫn sử dụng đèn Speedlite.

Hiện thị mẫu



● Flash mode (Chế độ flash)

Bạn có thể chọn chế độ flash phù hợp với kiểu chụp flash mong muốn.



[E-TTL II flash metering (Đo sáng tự động flash E-TTL II)] là chế độ tiêu chuẩn của đèn Speedlite sê-ri EX dành cho chụp với flash tự động.

[Manual flash (Flash chỉnh tay)] dùng để tự cài đặt **[Flash output level (Mức công suất đèn flash)]**.

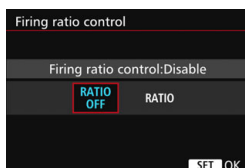
Về chế độ flash khác, tham khảo hướng dẫn sử dụng của đèn Speedlite tương ứng với chức năng đó.

● Wireless functions (Chức năng không dây) / Flash ratio control (Điều khiển tỷ lệ flash)



Có thể chụp flash không dây (đa điểm) với hệ thống truyền vô tuyến hoặc truyền quang.

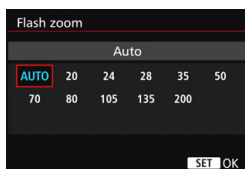
Để biết chi tiết về flash không dây, tham khảo hướng dẫn sử dụng đèn Speedlite tương thích với chế độ chụp flash không dây.



Với đèn flash cỡ lớn (MR-14EX II, v.v...) tương thích với các cài đặt chức năng đèn flash ngoài, bạn có thể đặt tỷ lệ flash giữa các ống flash hoặc đầu flash A và B, hoặc sử dụng đèn flash không dây với thiết bị phụ.

Để tìm hiểu chi tiết về cách điều chỉnh tỷ lệ flash, tham khảo hướng dẫn sử dụng của đèn flash cỡ lớn.

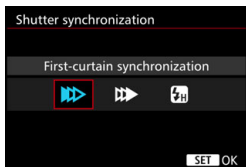
● Flash zoom (Tầm tác dụng của flash)



Với đèn Speedlite có đầu flash zoom, bạn có thể đặt tầm tác dụng của flash.

Thông thường, đặt cài đặt này thành **[AUTO (TỰ ĐỘNG)]** để máy ảnh tự động thiết lập tầm tác dụng của flash phù hợp với tiêu cự ống kính.

● Shutter synchronization (Đồng bộ màn trập)



Thông thường, đặt cài đặt này thành **[First-curtain synchronization (Đồng bộ màn trập thứ nhất)]** để flash đánh sáng ngay sau khi phôi sáng bắt đầu.

Nếu đặt **[Second-curtain synchronization (Đồng bộ màn trập thứ hai)]**, flash sẽ đánh sáng trước khi màn trập đóng. Khi kết hợp với tốc độ màn trập chậm, bạn có thể tạo ra vết sáng giống như từ đèn pha ô tô vào ban đêm với cảm giác tự nhiên hơn. Với đồng bộ màn trập 2, đèn flash sẽ đánh sáng hai lần: một lần khi bạn nhấn hoàn toàn nút chụp và một lần ngay trước khi phôi sáng kết thúc.

Nếu đặt **[High-speed synchronization (Đồng bộ tốc độ cao)]**, flash có thể được sử dụng ở tất cả các tốc độ của màn trập. Thiết lập này đặc biệt hiệu quả cho ảnh chụp chân dung sử dụng flash bổ sung khi bạn muốn ưu tiên cho cài đặt khẩu độ.

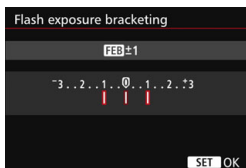
● Flash exposure compensation (Bù trừ phơi sáng flash)



Bạn có thể thiết lập bù trừ phơi sáng flash tối đa ± 3 điểm dừng với mức tăng $1/3$ điểm dừng.

Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo hướng dẫn sử dụng của đèn Speedlite.

● Flash exposure bracketing (Phơi sáng hỗn hợp flash)



Ba ảnh được chụp khi công suất flash tự động thay đổi.

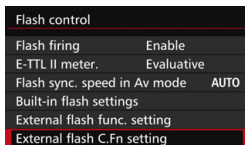
Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo hướng dẫn sử dụng đèn Speedlite có trang bị phơi sáng hỗn hợp flash.

 Khi sử dụng đồng bộ màn trập 2, thiết lập tốc độ màn trập từ 1/25 giây trở xuống. Nếu tốc độ màn trập là 1/30 giây trở lên, đồng bộ màn trập thứ nhất sẽ được áp dụng tự động cho dù [**Second-curtain synchronization (Đồng bộ màn trập thứ hai)**] được thiết lập.

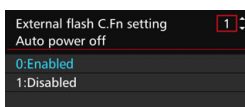
- 
- Với đèn Speedlite sê-ri không tương thích với cài đặt chức năng flash, bạn chỉ có thể đặt các thiết lập sau: [**Flash firing (Đánh sáng flash)**], [**E-TTL II meter. (Đo sáng E-TTL II)**], và [**Flash exposure compensation (Bù trừ phơi sáng flash)**] trong [**External flash func. setting (Cài đặt chức năng flash ngoài)**]. (Chức năng [**Shutter synchronization (Đồng bộ màn trập)**] cũng có thể được thiết lập cho một số đèn Speedlite sê-ri EX.)
 - Nếu thiết lập bù trừ phơi sáng flash với đèn Speedlite ngoài, không thể thiết lập bù trừ phơi sáng flash trên máy ảnh. Nếu bù trừ phơi sáng được thiết lập cho cả máy ảnh và đèn Speedlite ngoài, cài đặt của đèn Speedlite sẽ vô hiệu hóa cài đặt của máy ảnh.

Cài đặt chức năng tùy chỉnh đèn Speedlite ngoài

Để tìm hiểu chi tiết về chức năng tùy chỉnh của đèn Speedlite (bán riêng), tham khảo hướng dẫn sử dụng đèn Speedlite.



- 1 Chọn **[External flash C.Fn setting (Cài đặt chức năng tùy chỉnh flash ngoài)]**.



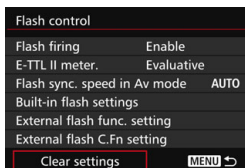
- 2 Thiết lập chức năng mong muốn.

- Chọn số lượng, rồi nhấn **<SET>**.
- Chọn cài đặt, rồi nhấn **<SET>**.

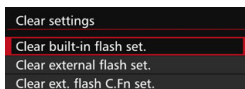


Với đèn Speedlite sê-ri EX, nếu chức năng tùy chỉnh **[Flash metering mode (Chế độ đo sáng flash)]** được đặt thành **[TTL flash metering (Đo sáng flash TTL)]** (flash tự động), đèn Speedlite sẽ luôn đánh sáng ở công suất tối đa.

Xóa cài đặt



- 1 Chọn **[Clear settings (Xóa cài đặt)]**.



- 2 Chọn cài đặt cần xóa.

- Chọn **[Clear built-in flash set. (Xóa cài đặt flash tích hợp)]**, **[Clear external flash set. (Xóa cài đặt flash ngoài)]** hoặc **[Clear ext. flash C.Fn set. (Xóa cài đặt chức năng tùy chỉnh của flash ngoài)]**, rồi nhấn **<SET>**.
- Trên hộp thoại xác nhận, chọn **[OK]**. Sau đó tất cả các cài đặt flash hay cài đặt chức năng tùy chỉnh sẽ bị xóa.



Không thể xóa hoặc thiết lập chức năng riêng của đèn Speedlite (P.Fn) với màn hình **[Flash control (Điều khiển flash)]** của máy ảnh. Thiết lập chức năng này với đèn Speedlite.

Sử dụng đèn flash không dây ☆

Đối với dòng máy Canon sê-ri EX, đèn flash tích hợp của máy ảnh có thể hoạt động như một thiết bị chính và đèn Speedlite ngoài có tính năng thiết bị phụ không dây. Nó có thể kích hoạt đánh sáng (các) đèn Speedlite không dây thông qua hệ thống truyền quang.

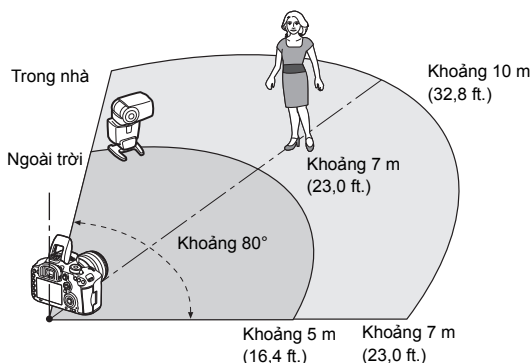
Đảm bảo đã tham khảo các thông tin về chụp ảnh flash không dây (hệ thống truyền quang) trong hướng dẫn sử dụng đèn Speedlite.

Vị trí và cài đặt thiết bị phụ

Để biết thông tin về đèn Speedlite (thiết bị phụ), tham khảo hướng dẫn sử dụng và thiết lập như sau. Các cài đặt khác với cài đặt cho tính năng điều khiển của thiết bị phụ dưới đây đều được thiết lập bằng máy ảnh. Có thể sử dụng và điều khiển cùng lúc các loại thiết bị phụ khác nhau.

- (1) Thiết lập đèn Speedlite ngoài làm thiết bị phụ.
- (2) Đặt kênh truyền quang của đèn Speedlite với cùng kênh được thiết lập trong máy ảnh.*¹
- (3) Để điều chỉnh tỷ lệ flash, thiết lập nhóm đánh sáng của thiết bị phụ.
- (4) Bố trí máy ảnh và (các) thiết bị phụ trong phạm vi hiển thị dưới đây.
- (5) Hướng cảm biến không dây của thiết bị phụ vào máy ảnh.*²

Ví dụ về thiết lập flash không dây



- *1: Nếu đèn Speedlite không có chức năng cài đặt kênh truyền, đèn có thể hoạt động không phụ thuộc vào kênh được thiết lập trong máy ảnh.
- *2: Trong phòng nhỏ, thiết bị phụ có thể vẫn hoạt động ngay cả khi bộ cảm biến không dây không hướng về máy ảnh. Tín hiệu không dây của máy ảnh có thể được tường dội lại và thu nhận bởi các thiết bị phụ. Khi sử dụng đèn Speedlite sê-ri EX với đầu flash và cảm biến không dây cố định, hãy đảm bảo đèn đánh sáng khi chụp ảnh.

● **Hủy tắt nguồn tự động của thiết bị phụ**

Để hủy tắt nguồn tự động của thiết bị phụ, nhấn vào nút <M-Fn> của máy ảnh.



Không thể sử dụng chức năng thiết bị chính của máy ảnh để chụp ảnh flash không dây với truyền sóng vô tuyến.

Các cấu hình chụp flash không dây

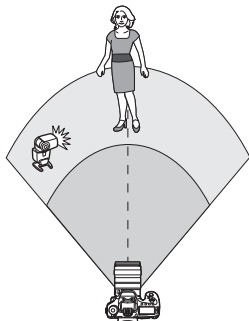
Bảng dưới đây thể hiện cấu hình có thể dùng cho chụp flash không dây. Chọn cấu hình phù hợp với chủ thể, điều kiện chụp, số lượng đèn Speedlite được dùng, v.v...

						Đèn Speedlite ngoài		Flash tích hợp	Trang	Cài đặt	
						Số lượng	A:B Tỷ lệ flash			C Bù trừ phơi sáng flash	Chức năng không dây
Chụp hoàn toàn tự động (flash tự động E-TTL II)	Đơn	-	-	-	tr.277		Tất cả 				
	Đơn	-	-	Được sử dụng	tr.279	 : 	-				
	Đa	-	-	-	tr.280		Tất cả 				
	Đa	Thiết lập	-	-	tr.281		 (A:B)				
	Đa	Thiết lập	Thiết lập	-	tr.282		 (A:B C)				
	Đa	-	-	Được sử dụng	tr.283	 + 	Tất cả  và 				
	Đa	Thiết lập	-	Được sử dụng		 + 	 (A:B) 				
	Đa	Thiết lập	Thiết lập	Được sử dụng		 + 	 (A:B C) 				
	• Bù trừ phơi sáng flash					tr.284					
	• Khóa phơi sáng flash										

	Đèn Speedlite ngoài		Flash tích hợp	Trang	Cài đặt	
	Số lượng	Công suất flash A, B, C			Chức năng không dây	Nhóm đánh sáng
Flash chính tay	Đơn/Đa	-	-	tr.285		Tất cả
	Đa	Thiết lập	-			(A:B:C)
	Đơn/Đa	-	Được sử dụng		+	Tất cả và
	Đa	Thiết lập	Được sử dụng		+	(A:B:C)

Ngay cả khi bị tắt trong cài đặt máy ảnh, đèn flash tích hợp vẫn sẽ đánh sáng để điều khiển thiết bị phụ thông qua hệ thống truyền quang. Do đó, flash được đánh sáng để điều khiển thiết bị phụ có thể xuất hiện trong ảnh tùy vào điều kiện chụp.

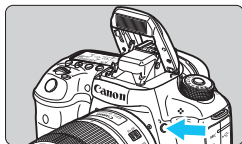
Chụp hoàn toàn tự động với một đèn Speedlite ngoài



Chức năng này hiển thị cài đặt cơ bản nhất cho việc chụp flash không dây tự động hoàn toàn với một đèn Speedlite ngoài.

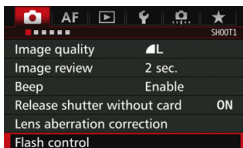
Các bước 1 đến 4 và 6 áp dụng cho tất cả các chế độ chụp flash không dây. Do đó, các bước này bị bỏ qua trong các cài đặt flash không dây khác được giải thích trong các trang sau đây.

Trên màn hình menu, các biểu tượng < / > cho biết thông tin về đèn Speedlite ngoài và các biểu tượng < / > cho biết thông tin về đèn flash tích hợp.



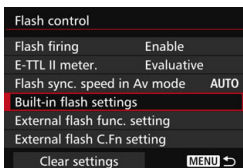
1 Nhấn nút < > để nâng đèn flash tích hợp lên.

- Đảm bảo nâng đèn flash tích hợp lên để chụp flash không dây.



2 Chọn [Flash control (Điều khiển flash)].

- Trong tab [1], chọn [Flash control (Điều khiển flash)].



3 Chọn [Built-in flash settings (Cài đặt flash tích hợp)].

Built-in flash settings	
Flash mode	E-TTL II
Shutter sync.	1st curtain

4 Đặt [Flash mode (Chế độ flash)] thành [E-TTL II].

Built-in flash settings	
Flash mode	E-TTL II
Shutter sync.	1st curtain
Wireless func.	☑
Channel	1

5 Đặt [Wireless func. (Chức năng không dây)] thành [☑].

Built-in flash settings	
Flash mode	E-TTL II
Shutter sync.	1st curtain
Wireless func.	☑
Channel	1
Firing group	☑ All

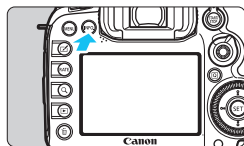
6 Đặt [Channel (Kênh)].

- Đặt kênh (1-4) giống như kênh của thiết bị phụ.

Built-in flash settings	
Flash mode	E-TTL II
Shutter sync.	1st curtain
Wireless func.	☑
Channel	1
Firing group	☑ All
exp. comp.	-3..-1..0..1..2..3

7 Đặt [Firing group (Nhóm đánh sáng)] thành [☑ All (Tất cả)].

- Thiết bị phụ có thể được thiết lập cho bất kỳ nhóm đánh sáng nào (A, B hay C).



8 Đánh sáng thử đèn flash.

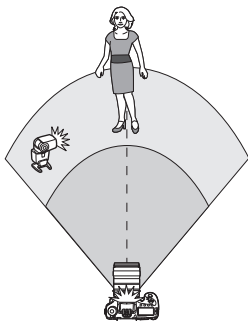
- Kiểm tra thiết bị phụ đã sẵn sàng đánh sáng chưa, sau đó khi màn hình [Built-in flash settings (Cài đặt flash tích hợp)] hiển thị, nhấn nút <INFO.>.
- Thiết bị phụ sẽ đánh sáng.

9 Chụp ảnh.

- Thiết lập máy ảnh và chụp giống như với chụp flash thông thường.
- Để kết thúc chụp flash không dây, đặt [Wireless func. (Chức năng không dây)] thành [Disable (Tắt)].

- Nên đặt [E-TTL II meter. (Đo sáng E-TTL II)] thành [Evaluative (Toàn khung ảnh)].
- Không thể chụp ĐA flash không dây.

Chụp hoàn toàn tự động với một đèn Speedlite ngoài và flash tích hợp



Đây là chức năng chụp flash không dây hoàn toàn tự động với một đèn Speedlite và đèn flash tích hợp.

Bạn có thể thay đổi tỷ lệ flash giữa đèn Speedlite ngoài và flash tích hợp để điều chỉnh vùng tối trên chủ thể.

Built-in flash settings	
Flash mode	E-TTL II
Shutter sync.	1st curtain
Wireless func.	
Channel	1
Flash exp. comp	3..2..1..0..1..2..3
	2:1 • 1:1 • 1:2
INFO Test flash firing	

1 Đặt [Wireless func. (Chức năng không dây)] thành [ : ].

Built-in flash settings	
Flash mode	E-TTL II
Shutter sync.	1st curtain
Wireless func.	
Channel	1
Flash exp. comp	3..2..1..0..1..2..3
	2:1 • 1:1 • 1:2
INFO Test flash firing	

2 Thiết lập tỷ lệ flash mong muốn và chụp ảnh.

- Chọn [ : ] và thiết lập tỷ lệ flash trong khoảng 8:1 đến 1:1. Không thể thiết lập tỷ lệ flash về bên phải 1:1.



- Nếu đèn flash tích hợp không đánh sáng đủ sáng, đặt tốc độ ISO cao hơn (tr.156).
- Tỷ lệ flash 8:1 đến 1:1 tương đương từ 3:1 đến 1:1 điểm dừng (mức tăng 1/2 điểm dừng).

Chụp hoàn toàn tự động với nhiều đèn Speedlite ngoài

Có thể xử lý các thiết bị phụ của nhiều đèn Speedlite như một thiết bị flash hoặc chia tách thành nhiều nhóm thiết bị phụ với tỷ lệ flash có thể được thiết lập. Cài đặt cơ bản được trình bày dưới đây. Thay đổi cài đặt **[Firing group (Nhóm đánh sáng)]** để có thể chụp với nhiều cài đặt flash không dây và đèn Speedlite.

Built-in flash settings	
Flash mode	E-TTL II
Shutter sync.	1st curtain
Wireless func.	☞
Channel	1
Firing group	All
exp. comp.	-3..2..1..0..1..2..3
INFO Test flash firing	

Cài đặt cơ bản:

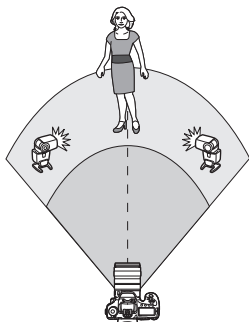
Flash mode (Chế độ flash) : E-TTL II

Wireless func.

(Chức năng không dây) : ☞

Channel (Kênh) : (Giống như các thiết bị phụ)

● [☞All (Tất cả☞)] Sử dụng nhiều đèn Speedlite phụ như một thiết bị flash



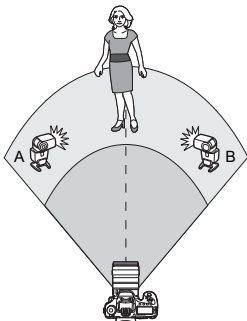
Chức năng này thuận tiện khi bạn cần công suất flash lớn. Tất cả các thiết bị phụ sẽ đánh sáng với cùng công suất và được điều khiển để đạt phơi sáng chuẩn. Dù các thiết bị phụ có thuộc nhóm đánh sáng nào (A, B hay C), tất cả sẽ đánh sáng như một nhóm.

Built-in flash settings	
Flash mode	E-TTL II
Shutter sync.	1st curtain
Wireless func.	☞
Channel	1
Firing group	All
exp. comp.	-3..2..1..0..1..2..3
INFO Test flash firing	

1 Đặt [Firing group (Nhóm đánh sáng)] thành [☞All (Tất cả☞)].

2 Chụp ảnh.

● [(A:B)] Nhiều thiết bị phụ trong nhiều nhóm



Bạn có thể chia các thiết bị phụ thành các nhóm A và B và thay đổi tỷ lệ flash để đạt hiệu ứng ánh sáng mong muốn. Tham khảo hướng dẫn sử dụng đèn Speedlite và thiết lập một thiết bị phụ vào nhóm đánh sáng A và thiết bị phụ khác vào nhóm đánh sáng B. Bố trí các đèn Speedlite như hình minh họa.

Built-in flash settings	
Shutter sync.	1st curtain
Wireless func.	
Channel	1
Firing group	 (A:B)
 exp. comp.	-3..2..1..0..1..2..3
A:B fire ratio	2:1 · 1:1 · 1:2
INFO Test flash firing	

1 Đặt [Firing group (Nhóm đánh sáng)] thành [(A:B)].

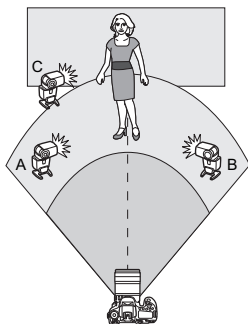
Built-in flash settings	
Shutter sync.	1st curtain
Wireless func.	
Channel	1
Firing group	 (A:B)
 exp. comp.	-3..2..1..0..1..2..3
A:B fire ratio	2:1 · 1:1 · 1:2
INFO Test flash firing	

2 Đặt tỷ lệ flash A:B và chụp.

- Chọn [A:B fire ratio (Tỷ lệ đánh sáng A:B)] và cài đặt tỷ lệ flash.

 Tỷ lệ flash 8:1 đến 1:1 đến 1:8 tương đương 3:1 đến 1:1 đến 1:3 điểm dừng (mức tăng 1/2 điểm dừng).

● [(A:B C)] Nhiều thiết bị phụ trong nhiều nhóm



Đây là biến thể của cài đặt [ (A:B)]. Cài đặt này có nhóm C loại bỏ bóng hậu cảnh tạo bởi nhóm A và B.

Xem hướng dẫn sử dụng đèn Speedlite và đặt ba thiết bị phụ vào nhóm đánh sáng A, B và C tương ứng. Bố trí đèn Speedlite như hình minh họa.

Built-in flash settings	
Shutter sync.	1st curtain
Wireless func.	
Channel	1
Firing group	 (A:B C)
A:B fire ratio	2:1 · 1:1 · 1:2
A,B exp. comp.	-3..2..1..0..1..2..3
INFO Test flash firing	

1 Đặt [Firing group (Nhóm đánh sáng)] thành [(A:B C)].

Built-in flash settings	
Wireless func.	
Channel	1
Firing group	 (A:B C)
A:B fire ratio	2:1 · 1:1 · 1:2
A,B exp. comp.	-3..2..1..0..1..2..3
Grp.C exp. comp	-3..2..1..0..1..2..3
INFO Test flash firing	

2 Thiết lập tỷ lệ flash A:B và lượng bù trừ phơi sáng flash cho nhóm C rồi chụp.

- Chọn [A:B fire ratio (Tỷ lệ đánh sáng A:B)] và cài đặt tỷ lệ flash.
- Chọn [Grp.C exp. comp. (Bù trừ phơi sáng nhóm C)] và đặt lượng bù trừ phơi sáng flash.



- Nếu đặt [Firing group (Nhóm đánh sáng)] thành [ (A:B)], thiết bị phụ ở nhóm C sẽ không đánh sáng.
- Nhóm đánh sáng C hướng về phía chủ thể chính có thể gây ra dư sáng.

Chụp hoàn toàn tự động với flash tích hợp và nhiều đèn Speedlite ngoài

Cũng có thể thêm flash tích hợp vào chế độ chụp flash không dây được giải thích trong các trang 280-282.

Cài đặt cơ bản được trình bày dưới đây. Thay đổi cài đặt **[Firing group (Nhóm đánh sáng)]** để có thể chụp với cài đặt flash không dây của nhiều đèn Speedlites có bổ sung flash tích hợp.

Built-in flash settings	
Flash mode	E-TTL II
Shutter sync.	1st curtain
Wireless func.	+
Channel	1
exp. comp.	-3..2..1..0..1..2..3
Firing group	All and
INFO Test flash firing	

1 Cài đặt cơ bản:

Flash mode (Chế độ flash) : E-TTL II

Wireless func.

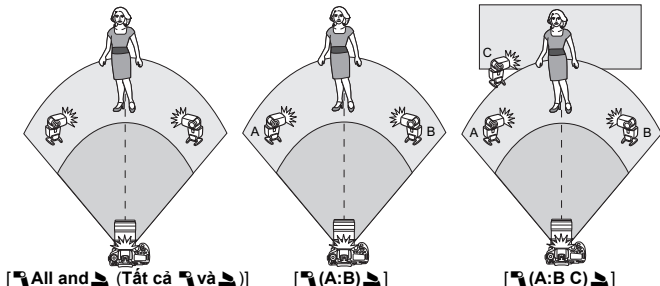
(Chức năng không dây): +

Channel (Kênh) : (Giống như các thiết bị phụ)

Built-in flash settings	
Firing group	All and (A:B) (A:B C)

2 Đặt [Firing group (Nhóm đánh sáng)].

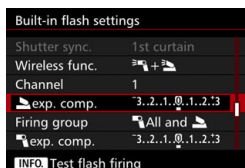
- Chọn một trong các nhóm sau:
[All and (Tất cả và)],
[(A:B)] hoặc [(A:B C)].
- Với [(A:B)], đặt tỷ lệ flash A:B và chụp.
- Với [(A:B C)], đặt tỷ lệ flash A:B và lượng bù trừ phơi sáng flash cho nhóm C rồi chụp.



Chụp flash không dây sáng tạo

● Bù trừ phơi sáng flash

Khi đặt **[Flash mode (Chế độ flash)]** thành **[E-TTL II]**, bù trừ phơi sáng flash có thể được thiết lập. Thiết lập bù trừ phơi sáng flash có thể được thiết lập (xem dưới đây) khác nhau tùy thuộc vào cài đặt **[Wireless func. (Chức năng không dây)]** và **[Firing group (Nhóm đánh sáng)]**.



Bù trừ phơi sáng flash

Bù trừ phơi sáng flash được áp dụng cho đèn flash tích hợp và tất cả các đèn Speedlite ngoài.

exp. comp. (bù trừ phơi sáng)

Bù trừ phơi sáng flash được áp dụng cho đèn flash tích hợp.

exp. comp. (bù trừ phơi sáng)

Bù trừ phơi sáng flash được áp dụng cho tất cả các đèn Speedlite ngoài.

A, B exp. comp. (Bù trừ phơi sáng nhóm A, B)

Bù trừ phơi sáng flash được áp dụng cho cả hai nhóm A và B.

Grp.C exp. comp. (Bù trừ phơi sáng nhóm C)

Bù trừ phơi sáng flash được áp dụng cho nhóm C.

● Khóa phơi sáng flash

Nếu đặt **[Flash mode (Chế độ flash)]** thành **[E-TTL II]**, bạn có thể nhấn nút **<M-Fn>** để thực hiện khóa phơi sáng flash (tr.260).

Cài đặt bằng tay công suất flash cho chụp flash không dây.

Khi đặt [Flash mode (Chế độ flash)] thành [Manual flash (Flash chỉnh tay)], phơi sáng flash có thể được thiết lập bằng tay. Cài đặt công suất flash có thể được thiết lập ([flash output (công suất flash)], [Group A output (Công suất nhóm A)], v.v...) sẽ khác nhau tùy thuộc vào cài đặt [Wireless func. (Chức năng không dây)] (xem bên dưới).

Built-in flash settings	
Flash mode	Manual flash
Shutter sync.	1st curtain
Wireless func.	
Channel	1
Firing group	All
flash output	1/4 . . 1/2 . . 1/1
INFO Test flash firing	

Wireless func.: (Chức năng không dây):

- **Firing group: All (Nhóm đánh sáng: Tất cả**
Cài đặt công suất flash bằng tay được áp dụng cho tất cả các đèn Speedlite ngoài.
- **Firing group: (A:B:C) (Nhóm đánh sáng: (A:B:C))**
Có thể chia các thiết bị phụ thành các nhóm A, B và C và thiết lập công suất flash riêng biệt cho từng nhóm.

Wireless func. (Chức năng không dây): +

- **Firing group: All and (Nhóm đánh sáng: Tất cả và**
Có thể thiết lập công suất flash riêng biệt cho (các) đèn Speedlite ngoài và flash tích hợp.
- **Firing group: (A:B:C) (Nhóm đánh sáng: (A:B:C)**
Có thể chia các thiết bị phụ thành các nhóm A, B và C và thiết lập công suất flash riêng biệt cho từng nhóm. Cũng có thể thiết lập công suất flash cho đèn flash tích hợp.

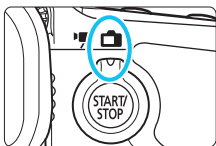


Đèn flash tích hợp sẽ có công suất 1/4 - 1/128 khi thiết lập + .

[illegible]

8

Chụp với màn hình LCD (Chụp Live View)



Bạn có thể chụp khi đang xem ảnh trên màn hình LCD của máy ảnh. Chức năng này được gọi là “Chụp Live View”.

Bật chế độ chụp Live View bằng cách đặt công tắc chụp Live View/Quay phim thành <  >.

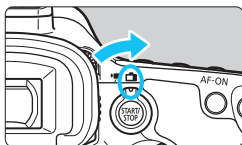
- Nếu bạn cầm máy ảnh và chụp khi đang xem màn hình LCD, máy ảnh rung có thể làm mờ ảnh. Bạn nên sử dụng chân máy.



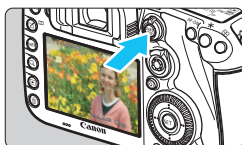
Chụp Live View từ xa

Với EOS Utility (phần mềm EOS, tr.538) cài đặt trên máy tính, bạn có thể kết nối máy ảnh với máy tính và chụp từ xa khi đang xem màn hình máy tính. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo Hướng dẫn sử dụng phần mềm (tr.541) trên đĩa CD-ROM.

Chụp với màn hình LCD



- 1** Đặt công tắc chụp Live View/
Quay phim thành .



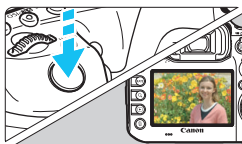
- 2** **Hiện thị ảnh Live View.**

- Nhấn nút .
- ▶ Ảnh Live View sẽ xuất hiện trên màn hình LCD.
- Ảnh Live View sẽ khớp với độ sáng của ảnh chụp thực tế xác thực hơn.



- 3** **Lấy nét chủ thể.**

- Khi nhấn nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ lấy nét theo phương pháp AF đang được thiết lập (tr.301).



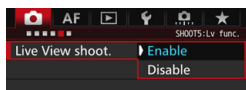
- 4** **Chụp ảnh.**

- Nhấn hoàn toàn nút chụp.
- ▶ Ảnh sẽ được chụp và hiển thị trên màn hình LCD.
- ▶ Sau khi hiển thị xem lại kết thúc, máy ảnh sẽ tự động trở về chế độ chụp Live View.
- Nhấn nút  để thoát khỏi chế độ chụp Live View.



- Phạm vi xem ảnh là khoảng 100% (khi đặt chất lượng ghi ảnh thành JPEG ).
- Trong chế độ chụp **<P>** **<Tv>** **<Av>** **<M>** ****, bạn có thể nhấn nút xem trước độ sâu trường ảnh để kiểm tra độ sâu trường ảnh.
- Khi chụp liên tục, độ phơi sáng thiết lập cho ảnh đầu tiên sẽ được áp dụng cho các ảnh sau đó.
- Bạn có thể sử dụng điều khiển từ xa (bán riêng, tr.250) để chụp Live View.

Bật chế độ chụp Live View



Đặt [**5: Live View shoot. (Chụp Live View)**] (tab [**3**] trong <**A⁺**>) thành [**Enable (Bật)**].

Số ảnh có thể chụp ở chế độ chụp Live View

(Số ảnh ước chừng)

Nhiệt độ	Nhiệt độ phòng (23°C / 73°F)	Nhiệt độ thấp (0°C / 32°F)
Không sử dụng flash	270	260
Sử dụng flash đối với 50% ảnh	250	240

- Số liệu trên dựa trên điều kiện Pin LP-E6N được sạc đầy và tiêu chuẩn thử nghiệm CIPA (Camera & Imaging Products Association).
- Với Pin LP-E6N được sạc đầy, máy ảnh có thể chụp Live View liên tục trong khoảng 2 giờ 20 phút ở nhiệt độ phòng (23C/73F) và khoảng 2 giờ 10 phút ở nhiệt độ thấp (0°C / 32°F).



- Không hướng máy ảnh về phía nguồn sáng mạnh, như mặt trời vào ngày nắng hoặc nguồn sáng nhân tạo mạnh. Làm như vậy có thể gây hỏng cảm biến hình ảnh hoặc các bộ phận bên trong máy ảnh.
- Những lưu ý chung khi chụp Live View nằm ở trang 312-313.**



- Bạn cũng có thể lấy nét bằng cách nhấn nút <**AF-ON**>.
- Khi sử dụng flash, màn trập sẽ phát ra 2 âm thanh, nhưng chỉ có một ảnh được chụp. Ngoài ra, thời gian chuẩn bị để chụp ảnh sau khi nhấn hoàn toàn nút chụp sẽ hơi lâu hơn so với chụp bằng khung ngắm.
- Nếu máy ảnh không hoạt động trong thời gian dài, nguồn sẽ tự động tắt theo cài đặt [**2: Auto power off (Tự động tắt nguồn)**] (tr.69). Nếu đặt [**2: Auto power off (Tự động tắt nguồn)**] thành [**Disable (Tắt)**], chụp Live View sẽ tự động kết thúc sau 30 phút (nguồn máy ảnh vẫn bật).
- Sử dụng cáp HDMI HTC-100 (bán riêng) để hiển thị ảnh Live View trên màn hình TV (tr.387). Lưu ý rằng không có âm thanh đầu ra. Nếu hình ảnh không xuất hiện trên màn hình TV, đặt [**3: Video system (Hệ thống video)**] chính xác thành [**For NTSC (Cho NTSC)**] hoặc [**For PAL (Cho PAL)**] (tùy thuộc vào chuẩn video của TV).

Hiển thị thông tin

- Mỗi lần nhấn nút <INFO.>, hiển thị thông tin sẽ thay đổi.



* Tham khảo Hướng dẫn sử dụng Thẻ Wi-Fi W-E1.



- Biểu đồ có thể hiển thị khi đặt [ **5: Expo. simulation: Enable (Mô phỏng phơi sáng: Bật)**] (tr.298).
- Bạn có thể hiển thị cân bằng điện tử bằng cách nhấn nút **<INFO.>** (tr.76). Lưu ý rằng nếu phương pháp AF được đặt thành [**┐ +Tracking (┐ +Theo dõi)**] hoặc máy ảnh được kết nối với TV qua cáp HDMI, cân bằng điện tử không thể hiển thị.
- Biểu tượng **<Exp.SIM>** hiển thị màu trắng cho biết rằng ảnh Live View có độ sáng gần với độ sáng của ảnh chụp thực tế.
- Biểu tượng **<Exp.SIM>** nhấp nháy cho biết rằng ảnh Live View có độ sáng khác với ảnh chụp thực tế do điều kiện ánh sáng yếu hoặc ánh sáng chói. Tuy nhiên, ảnh chụp thực tế sẽ phản ánh cài đặt phơi sáng. Lưu ý rằng ảnh chụp sẽ thấy rõ nhiều hạt hơn ảnh thực tế.
- Nếu sử dụng giảm nhiễu hạt đa ảnh, phơi sáng bulb hoặc đèn flash, biểu tượng **<Exp.SIM>** và biểu đồ sẽ được tô xám (để tham khảo). Trong điều kiện ánh sáng yếu hoặc ánh sáng chói, biểu đồ có thể không hiển thị chính xác.



Không nên giữ máy ảnh ở một vị trí trong thời gian dài.

Ngay cả khi máy ảnh không tỏa nhiệt nhiều, tiếp xúc lâu với một bộ phận của máy có thể gây đỏ da, giộp da hoặc bỏng do tiếp xúc ở nhiệt độ thấp. Nên sử dụng chân máy nếu bạn có vấn đề về tuần hoàn máu hoặc da nhạy cảm, hay khi sử dụng máy ảnh ở nơi có nhiệt độ cao.

Biểu tượng cảnh

Trong chế độ chụp <A⁺>, máy ảnh tự động phát hiện kiểu cảnh và thiết lập các cài đặt phù hợp với cảnh. Kiểu cảnh được nhận dạng sẽ hiển thị ở góc trên bên phải màn hình. Đối với một số cảnh hoặc điều kiện chụp nhất định, biểu tượng hiển thị có thể không khớp với cảnh thực.

Chủ thể Nền	Chân dung ^{*1}		Không phải chân dung			Màu nền
		Chuyển động	Cảnh thiên nhiên và ngoài trời	Chuyển động	Cận cảnh ^{*2}	
Nền sáng						Màu xám
Ngược sáng						
Nền bao gồm bầu trời xanh						Màu xanh da trời nhạt
Ngược sáng						
Hoàng hôn	*3				*3	Màu cam
Đèn spotlight						Màu xanh da trời đậm
Nền tối						
Sử dụng chân máy	*4*5	*3	*4*5	*3		

*1:Chỉ hiển thị khi phương pháp AF được đặt thành [L⁺+Tracking (L⁺+Theo dõi)]. Nếu thiết lập phương pháp AF khác, biểu tượng “Không phải chân dung” sẽ hiển thị ngay cả khi phát hiện được chủ thể người.

*2:Hiển thị khi ống kính được lắp có thông tin khoảng cách. Đối với ống nối hoặc ống kính cận cảnh, biểu tượng hiển thị có thể không khớp với cảnh thực.

*3:Biểu tượng phù hợp với cảnh được phát hiện sẽ hiển thị.

*4:Hiển thị khi đáp ứng tất cả các điều kiện sau: Cảnh chụp tối, cảnh ban đêm và máy ảnh được gắn lên chân máy.

*5:Hiển thị với tất cả loại ống kính sau:

- EF-S18-55mm f/3.5-5.6 IS STM
- EF-S55-250mm f/4-5.6 IS II
- EF300mm f/2.8L IS II USM
- EF400mm f/2.8L IS II USM
- Ống kính có hệ thống ổn định hình ảnh được bán trên thị trường từ năm 2012.

*4+*5:Nếu phù hợp cả hai điều kiện *4 và *5, tốc độ màn trập sẽ trở nên chậm.

Mô phỏng hình ảnh cuối cùng

Mô phỏng hình ảnh cuối cùng cho thấy kết quả của các cài đặt hiện tại cho kiểu ảnh, cân bằng trắng và các chức năng khác trong ảnh Live View, do vậy bạn có thể xem ảnh chụp trông như thế nào.

Ảnh Live View sẽ tự động cho thấy hiệu ứng của các cài đặt liệt kê bên dưới.

Mô phỏng hình ảnh cuối cùng trong khi chụp Live View

- Kiểu ảnh
 - *Tất cả các cài đặt ví dụ như độ sắc nét, độ tương phản, bão hòa màu hoặc tông màu sẽ được phản ánh.
- Cân bằng trắng
- Hiệu chỉnh cân bằng trắng
- Chế độ đo sáng
- Phơi sáng (khi đặt [ 5: Expo. simulation: Enable (Mô phỏng phơi sáng: Bật)]).
- Độ sâu trường ảnh (với nút xem trước độ sâu trường ảnh ở chế độ BẬT)
- Tự động tối ưu hóa ánh sáng
- Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi
- Hiệu chỉnh sắc sai
- Hiệu chỉnh méo hình
- Ưu tiên tông màu sáng
- Tỷ lệ cỡ ảnh (xác nhận khu vực ảnh)



Các lưu ý khi hiệu chỉnh méo hình trong khi chụp Live View được trình bày ở trang 185.

Cài đặt chức năng chụp

Cài đặt WB//DRIVE/AF//ISO/

Khi hiển thị ảnh Live View, nếu bạn nhấn nút <WB•>, <DRIVE•AF>, <•ISO> hoặc <>, màn hình cài đặt sẽ xuất hiện trên màn hình LCD và bạn có thể xoay nút xoay <> hoặc <> để cài đặt chức năng chụp tương ứng.

- Bạn có thể nhấn nút <WB•>, rồi nhấn nút <INFO.> để thiết lập thay đổi cân bằng trắng và cân bằng trắng hỗn hợp.

 Khi cài đặt  (Đo sáng từng phần) hoặc  (Đo sáng điểm), vòng đo sáng sẽ hiển thị ở giữa.

Q Điều khiển nhanh

Trong các chế độ <P> <Tv> <Av> <M> , có thể thiết lập **Phương pháp AF**, **Kiểu chụp**, **Chế độ đo sáng**, **Thẻ để ghi/xem lại và chất lượng ảnh**, **Cân bằng trắng**, **Kiểu ảnh**, **Tự động tối ưu hoá ánh sáng**.

Trong chế độ <A+>, bạn có thể thiết lập các mục in đậm và đánh sáng flash.



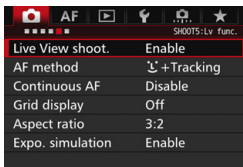
1 Nhấn nút <Q> (10).

- ▶ Các chức năng có thể cài đặt sẽ hiển thị.

2 Chọn và cài đặt chức năng.

- Sử dụng nút <1/2> để lựa chọn chức năng.
- ▶ Cài đặt của chức năng đã chọn sẽ hiển thị trên màn hình.
- Xoay nút xoay <1/2> hoặc <1/2> để cài đặt.
- Để cài đặt chất lượng ghi ảnh RAW, nhấn <SET>.
- Để chọn thẻ ghi/xem lại, thay đổi cân bằng trắng/hỗn hợp hoặc thông số kiểu ảnh, nhấn nút <INFO>.
- Nhấn <SET> để kết thúc cài đặt và quay lại chụp Live View.

MENU Cài đặt chức năng menu



Khi đặt công tắc chụp Live View/quay phim thành <[]>, các tùy chọn menu chụp Live View sẽ xuất hiện dưới tab [5] và [6] (tab [3] trong <[+]>).

Các chức năng có thể cài đặt trên màn hình menu bên trái chỉ áp dụng cho chụp Live View. Không thể sử dụng các chức năng này khi chụp qua khung ngắm (cài đặt không có hiệu lực).

- **Live View shooting (Chụp Live View)**

Bạn có thể đặt chức năng chụp Live View thành [**Enable (Bật)**] hoặc [**Disable (Tắt)**].

- **AF method (Phương pháp AF)**

Bạn có thể chọn [**L+Tracking (L+Theo dõi)**], [**FlexiZone - Multi (Vùng linh hoạt - đa điểm)**] hoặc [**FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)**]. Để tìm hiểu về phương pháp AF, tham khảo trang 301-309.

- **Continuous AF (Lấy nét liên tục)**

Cài đặt mặc định là [**Disable (Tắt)**].

Máy ảnh sẽ lấy nét thô chủ thể liên tục. Nhấn nửa chừng nút chụp sẽ giúp nhanh chóng lấy được nét. Nếu đặt thành [**Enable (Bật)**], ống kính sẽ hoạt động thường xuyên và tốn pin nhiều hơn. Điều này có thể làm giảm số lượng ảnh có thể chụp do thời lượng pin ngắn hơn.

Nếu bạn muốn đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <**MF**> trong khi lấy nét liên tục, trước tiên tạm dừng chụp Live View.

- Grid display (Hiển thị khung lưới)**

Khi đặt thành [3x3 

- Aspect ratio (Tỷ lệ cỡ ảnh) ***

Bạn có thể đặt tỷ lệ cỡ ảnh thành [3:2], [4:3], [16:9] hoặc [1:1]. Khu vực xung quanh ảnh Live View được che bằng màu đen khi tỷ lệ cỡ ảnh đặt là: [4:3] [16:9] [1:1].

Ảnh JPEG sẽ được lưu lại với tỷ lệ cỡ ảnh đã đặt. Ảnh RAW luôn được lưu lại với tỷ lệ cỡ ảnh [3:2]. Do thông tin tỷ lệ cỡ ảnh được thêm vào ảnh RAW, có thể tạo ra ảnh với tỷ lệ cỡ ảnh đã thiết lập khi xử lý ảnh RAW bằng máy ảnh hoặc phần mềm EOS. Khi hiển thị ảnh RAW trên máy ảnh, đường tỷ lệ cỡ ảnh sẽ hiển thị để thể hiện khu vực ảnh.

Chất lượng ảnh	Tỷ lệ cỡ ảnh và độ phân giải (Ước chừng)			
	3:2	4:3	16:9	1:1
L / RAW	5472x3648 (20,0 megapixel)	4864x3648 (17,7 megapixel)	5472x3072* (16,8 megapixel)	3648x3648 (13,3 megapixel)
M	3648x2432 (8,9 megapixel)	3248x2432* (7,9 megapixel)	3648x2048* (7,5 megapixel)	2432x2432 (5,9 megapixel)
M RAW	4104x2736 (11,2 megapixel)	3648x2736 (10,0 megapixel)	4104x2310* (9,5 megapixel)	2736x2736 (7,5 megapixel)
S1/S RAW	2736x1824 (5,0 megapixel)	2432x1824 (4,4 megapixel)	2736x1536* (4,2 megapixel)	1824x1824 (3,3 megapixel)
S2	1920x1280 (2,5 megapixel)	1696x1280* (2,2 megapixel)	1920x1080 (2,1 megapixel)	1280x1280 (1,6 megapixel)
S3	720x480 (350.000 pixel)	640x480 (310.000 pixel)	720x408* (290.000 pixel)	480x480 (230.000 pixel)



- Cài đặt chất lượng ghi ảnh được đánh dấu bằng dấu sao không khớp chính xác với tỷ lệ cỡ ảnh tương ứng.
- Khu vực ảnh đã ghi có tỷ lệ cỡ ảnh được đánh dấu bằng dấu sao có thể sai khác một chút so với được hiển thị. Kiểm tra ảnh trên màn hình LCD khi chụp.
- Ở tỷ lệ cỡ ảnh 1:1, nếu sử dụng máy ảnh khác để in trực tiếp ảnh được chụp bằng máy ảnh này, ảnh có thể không được in chính xác.

• **Exposure simulation (Mô phỏng phơi sáng)** *

Mô phỏng phơi sáng mô phỏng và hiển thị độ sáng thực tế (phơi sáng) của ảnh.

• **Enable (Bật)** ()

Độ sáng của ảnh hiển thị sẽ gần giống độ sáng thực tế (phơi sáng) của ảnh kết quả. Nếu thiết lập bù trừ phơi sáng, độ sáng của ảnh sẽ thay đổi tương ứng.

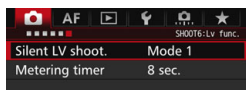
• **During** () (/)

Thông thường, ảnh được hiển thị ở độ sáng chuẩn để làm cho ảnh Live View dễ nhìn. Ảnh sẽ được hiển thị gần với độ sáng thực tế (phơi sáng) của ảnh kết quả chỉ khi giữ nút xem trước độ sâu trường ảnh.

• **Disable (Tắt)** ()

Ảnh được hiển thị ở độ sáng chuẩn để làm cho ảnh Live View dễ nhìn. Ngay cả khi đặt bù trừ phơi sáng, ảnh sẽ được hiển thị ở độ sáng chuẩn.

6 ☆



● Silent LV shooting (Chụp Live View ngắt tiếng) ☆

● Mode 1 (Chế độ 1)

Bạn có thể loại bỏ tiếng ồn máy ảnh khi chụp. Cũng có thể chụp liên tục. Nếu đặt <H>, bạn có thể chụp liên tục với tốc độ chụp tối đa gần 10,0 fps.

● Mode 2 (Chế độ 2)

Khi bạn nhấn hoàn toàn nút chụp, máy sẽ chỉ chụp một ảnh đơn. Trong khi bạn nhấn và giữ nút chụp, hoạt động của máy ảnh sẽ dừng. Sau đó, khi quay lại vị trí nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ tiếp tục hoạt động. Do đó, tiếng chụp sẽ được giảm thiểu. Ngay cả khi đặt chụp liên tục, máy sẽ chỉ chụp một ảnh đơn.

● Disable (Tắt)

Đảm bảo đặt ở chế độ **[Disable (Tắt)]** nếu bạn sử dụng ống kính TS-E (trừ các loại được liệt kê trong phần  dưới đây) để di chuyển hoặc nghiêng ống kính hoặc nếu bạn sử dụng ống nối. Nếu đặt **[Mode 1 (Chế độ 1)]** hoặc **[Mode 2 (Chế độ 2)]**, phơi sáng có thể không đạt chuẩn hoặc không đồng đều.



- Nếu sử dụng **[Mode 1 (Chế độ 1)]** để chụp liên tiếp, cài đặt **[Disable (Tắt)]** sẽ được áp dụng cho lần chụp thứ hai và những lần sau đó.
- Khi chụp với đèn flash, cài đặt **[Disable (Tắt)]** sẽ được áp dụng không phụ thuộc vào cài đặt **[Silent LV shoot. (Chụp Live View tắt tiếng)]**. (Không thể chụp ngắt tiếng.)
- Khi sử dụng thiết bị flash không phải của Canon, đặt ở chế độ **[Disable (Tắt)]**. Đèn flash sẽ không đánh sáng nếu được đặt thành **[Mode 1 (Chế độ 1)]** hoặc **[Mode 2 (Chế độ 2)]**.
- Nếu đặt **[Mode 2 (Chế độ 2)]** và sử dụng bộ điều khiển từ xa (tr.250), thao tác sẽ giống như **[Mode 1 (Chế độ 1)]**.



Với ống kính TS-E17mm f/4L hoặc TS-E24mm f/3.5L II, bạn có thể sử dụng **[Mode 1 (Chế độ 1)]** hoặc **[Mode 2 (Chế độ 2)]**.

- **Metering timer (Hẹn giờ đo sáng) [☆]**

Bạn có thể thay đổi thời gian hiển thị cài đặt phơi sáng (thời gian khóa đo sáng).



Chụp Live View sẽ tạm dừng khi thực hiện bất kỳ thao tác nào sau đây.
Nhấn nút < START/STOP > để tiếp tục chụp Live View.

- Chọn [**3: Dust Delete Data (Dữ liệu xóa bụi)**], [**3: Sensor cleaning (Làm sạch cảm biến)**], [**4: Clear all camera settings (Xóa tất cả cài đặt của máy ảnh)**] hoặc [**4: firmware ver. (Phiên bản firmware)**].

Sử dụng lấy nét tự động để lấy nét (Phương pháp AF)

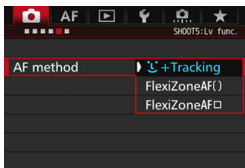
Thay đổi tốc độ AF phụ thuộc vào phương pháp điều khiển AF

Tong khi chụp Live View và quay phim, phương pháp điều khiển AF được sử dụng (phát hiện lệch pha bằng cảm biến hình ảnh hoặc phát hiện tương phản) sẽ tự động chuyển đổi tùy thuộc vào ống kính và chức năng sử dụng, chẳng hạn như xem phóng to. Điều này có thể ảnh hưởng lớn đến tốc độ AF và máy ảnh sẽ lấy nét lâu hơn (phát hiện lệch pha thường cho phép lấy nét AF nhanh hơn). Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang web của Canon.

Chọn phương pháp AF

Bạn có thể chọn phương pháp AF phù hợp với điều kiện chụp hoặc chủ thể. Máy ảnh cung cấp các phương pháp AF sau: [**⌂**(face)+Tracking (**⌂**(khuôn mặt)+Theo dõi)] (tr.302), [**FlexiZone** - Multi (Vùng linh hoạt - đa điểm)] (tr.304) và [**FlexiZone** - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)] (tr.306).

Để lấy nét chính xác, đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF>, phóng to ảnh và thực hiện lấy nét bằng tay (tr.310).



Chọn phương pháp AF.

- Dưới tab [**⌂5**] (tab [**⌂3**] trong <[**A**⁺>), chọn [**AF method (Phương pháp AF)**].
- Chọn phương pháp AF mong muốn, rồi nhấn <[**SET**]>.
- Khi hiển thị ảnh Live View, bạn có thể nhấn nút <DRIVE•AF> để chọn phương pháp AF.

☺ (khuôn mặt)+Theo dõi: AF☺ (khuôn mặt)

Máy ảnh phát hiện và lấy nét khuôn mặt của chủ thể người. Nếu chủ thể chuyển động, điểm AF <☺> cũng di chuyển để theo dõi lấy nét khuôn mặt.

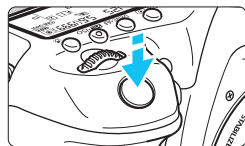
1 Hiện thị ảnh Live View.

- Nhấn nút <START/STOP>.
- ▶ Ảnh Live View sẽ xuất hiện trên màn hình LCD.



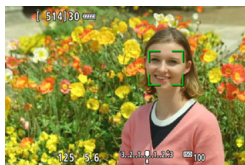
2 Chọn điểm AF.

- Khung <☺> sẽ xuất hiện trên khuôn mặt được phát hiện để lấy nét.
- Khung <☺> hiển thị trong trường hợp nhiều khuôn mặt được phát hiện. Sử dụng nút <☺> để di chuyển khung <☺> đến khuôn mặt muốn lấy nét.
- Nếu không có khuôn mặt nào được phát hiện, máy ảnh sẽ chuyển sang chế độ vùng linh hoạt - đa điểm để thực hiện tự động chọn (tr.304).



3 Lấy nét chủ thể.

- Nhấn nửa chừng nút chụp để lấy nét.
- ▶ Khi lấy được nét, điểm AF chuyển sang màu xanh lá cây và máy ảnh phát ra tiếng bíp.
- ▶ Nếu không lấy được nét, điểm AF sẽ chuyển sang màu cam.



4 Chụp ảnh.

- Kiểm tra lấy nét và phơi sáng, rồi nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh (tr.288).

● Lấy nét chủ thể không phải là khuôn mặt người

Nhấn nút <AF-ON> hoặc <SET> sẽ hiển thị khung AF <AF-ON> ở trung tâm. Sau đó sử dụng nút <AF-ON> để di chuyển khung AF vào chủ thể mong muốn. Khi lấy được nét, khung AF sẽ theo dõi chủ thể ngay cả khi chủ thể di chuyển hoặc bạn muốn thay đổi bố cục ảnh.



- Tính năng nhận diện khuôn mặt sẽ không hoạt động nếu khuôn mặt của chủ thể nằm ngoài vùng lấy nét. Để tránh trường hợp này xảy ra, đặt [CAM 5: Continuous AF (Lấy nét liên tục)] thành [Enable (Bật)].
- Máy ảnh có thể nhận diện nhầm các chủ thể khác thành khuôn mặt người.
- Tính năng nhận diện khuôn mặt sẽ không hoạt động nếu khuôn mặt quá nhỏ/quá lớn trong ảnh, quá sáng/quá tối hoặc bị che khuất một phần.
- Khung <AF-ON> có thể chỉ bao quanh một phần khuôn mặt.



- Do máy ảnh không thể tự động lấy nét khuôn mặt được phát hiện gần rìa bức ảnh, khung <AF-ON> sẽ mờ đi. Trong trường hợp này, nhấn nửa chừng nút chụp để lấy nét chủ thể tự động bằng phương pháp Vùng linh hoạt - đa điểm.
- Hình dáng khung AF <AF-ON> thay đổi tùy thuộc vào kích thước và hình dáng của chủ thể.

Vùng linh hoạt - đa điểm: AF()

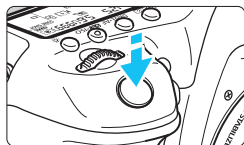
Bạn có thể chọn tối đa 31 điểm AF cho vùng lấy nét rộng (chọn tự động). Vùng lấy nét rộng này cũng có thể được chia thành 9 vùng lấy nét (lựa chọn vùng).



Khung khu vực



Khung theo vùng



1 Hiện thị ảnh Live View.

- Nhấn nút **<START/STOP>**.
- ▶ Ảnh Live View sẽ xuất hiện trên màn hình LCD.

2 Chọn điểm AF. ☆

- Nhấn nút **<AF-ON>** hoặc **<SET>** để chuyển giữa chọn tự động và lựa chọn vùng. Ở chế độ **<A>**, chọn tự động được tự động thiết lập.
- Sử dụng nút **<AF-ON>** để lựa chọn vùng. Nhấn lại nút **<AF-ON>** hoặc **<SET>** để quay lại vùng trung tâm.

3 Lấy nét chủ thể.

- Hướng điểm AF vào chủ thể và nhấn nửa chừng nút chụp.
- ▶ Khi lấy được nét, điểm AF chuyển sang màu xanh lá cây và máy ảnh phát ra tiếng bíp.
- ▶ Nếu không lấy được nét, khung khu vực sẽ chuyển sang màu cam.



4 Chụp ảnh.

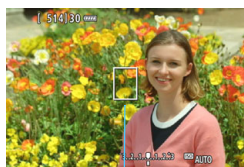
- Kiểm tra lấy nét và phơi sáng, rồi nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh (tr.288).



- Khi tính năng chọn điểm AF tự động không lấy được nét vào chủ thể mục tiêu, hãy chọn vùng hoặc chuyển phương pháp AF thành **[FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)]** và lấy nét lại.
- Tùy thuộc vào **[5: Aspect ratio (Tỷ lệ cỡ ảnh)]**, số lượng điểm AF sẽ khác nhau. Tỷ lệ cỡ ảnh **[3:2]** có 31 điểm AF. Tỷ lệ cỡ ảnh **[4:3]** và **[1:1]** có 25 điểm AF. Tỷ lệ cỡ ảnh **[16:9]** có 21 điểm AF. Ngoài ra, ở tỷ lệ cỡ ảnh **[16:9]**, có ba vùng.
- Ở chế độ quay phim, có 21 điểm AF (hoặc 25 điểm AF nếu độ phân giải là **[640x480]** và ba vùng (hoặc chín vùng nếu độ phân giải là **[640x480]**).

Vùng linh hoạt - 1 điểm: AF □

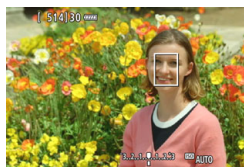
Máy ảnh sử dụng một điểm AF để lấy nét. Tính năng này giúp lấy nét một chủ thể cụ thể.



Điểm AF

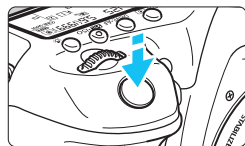
1 Hiện thị ảnh Live View.

- Nhấn nút <  >.
- ▶ Ảnh Live View sẽ xuất hiện trên màn hình LCD.
- ▶ Điểm AF <  > xuất hiện.
- Khi đang quay phim, nếu đặt [**Movie Servo AF (Lấy nét Servo phim)**] thành [**Enable (Bật)**], điểm AF sẽ hiển thị ở kích thước lớn hơn.



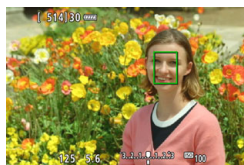
2 Di chuyển điểm AF.

- Sử dụng nút <  > để di chuyển điểm AF đến vị trí muốn lấy nét. (Không thể di chuyển đến phần rìa của màn hình.)
- Nhấn nút <  > hoặc <  > sẽ đưa điểm AF về trung tâm màn hình.



3 Lấy nét chủ thể.

- Hướng điểm AF vào chủ thể và nhấn nửa chừng nút chụp.
- ▶ Khi lấy được nét, điểm AF chuyển sang màu xanh lá cây và máy ảnh phát ra tiếng bíp.
- ▶ Nếu không lấy được nét, điểm AF sẽ chuyển sang màu cam.



4 Chụp ảnh.

- Kiểm tra lấy nét và phơi sáng, rồi nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh (tr.288).

Lưu ý khi lấy nét tự động (AF)

Thao tác lấy nét tự động

- Ngay cả khi đã lấy được nét, bạn có thể lấy nét lại bằng cách nhấn nửa chừng nút chụp.
- Độ sáng của ảnh có thể thay đổi trong và sau thao tác lấy nét tự động.
- Nếu nguồn sáng thay đổi khi ảnh Live View hiển thị, màn hình có thể nhấp nháy và khó thực hiện lấy nét hơn. Trong trường hợp này, thoát chụp Live View và thực hiện lấy nét dưới nguồn sáng thực.
- Nếu đặt [**⌂**+Tracking (**⌂**+Theo dõi)], chế độ xem phóng to sẽ không thể sử dụng.
- Khi đặt thành [**FlexiZone - Multi (Vùng linh hoạt - đa điểm)**] và nhấn nút <Q>, trung tâm của vùng đã chọn (hoặc trung tâm ảnh được chọn tự động) sẽ được phóng to.
- Khi đặt thành [**FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)**] và nhấn nút <Q>, khu vực được điểm AF bao trùm sẽ phóng to. Khi xem hình ảnh được phóng to, nhấn nửa chừng nút chụp sẽ thực hiện lấy nét. Nếu khó lấy nét ở chế độ xem phóng to, bạn có thể trở về màn hình bình thường và lấy nét tự động. Lưu ý rằng tốc độ AF có thể khác nhau giữa chế độ xem bình thường và chế độ xem phóng to.
- Nếu phóng to chế độ xem sau khi lấy nét bằng [**FlexiZone - Multi (Vùng linh hoạt - đa điểm)**] hoặc [**FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)**] ở chế độ xem bình thường, ảnh có thể không được lấy nét chính xác.



- Khi đang ở chế độ xem phóng to, AF phát hiện tương phản sẽ được sử dụng bất kể loại ống kính nào được dùng. Do đó, tốc độ AF sẽ giảm xuống.
- Khi đang ở chế độ xem phóng to, máy sẽ không thực hiện lấy nét liên tục (tr.296).
- Khi xem ở chế độ phóng to, hình ảnh sẽ hiển thị mà không áp dụng hiệu chỉnh méo hình.

Các điều kiện chụp khó lấy nét

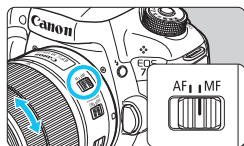
- Chủ thể có độ tương phản thấp, ví dụ bầu trời xanh, bề mặt phẳng có màu đồng nhất hoặc khi các chi tiết vùng sáng hoặc vùng tối bị mất.
- Chủ thể dưới ánh sáng yếu.
- Sọc vân và các dạng chỉ có độ tương phản theo hướng ngang.
- Chủ thể có dạng lặp đi lặp lại (cửa sổ của tòa nhà cao tầng, bàn phím máy tính, v.v...).
- Đường mảnh và đường viền của chủ thể.
- Chủ thể dưới nguồn sáng có độ sáng, màu sắc hoặc hình dạng luôn thay đổi.
- Cảnh ban đêm hoặc các điểm sáng.
- Dưới ánh sáng đèn huỳnh quang hoặc đèn LED khi ảnh nhấp nháy.
- Chủ thể cực nhỏ.
- Chủ thể ở phần rìa của bức ảnh.
- Chủ thể phản chiếu ánh sáng mạnh.
- Chủ thể ở gần và xa được bao trùm bởi điểm AF (ví dụ như động vật trong chuồng).
- Chủ thể liên tục di chuyển trong phạm vi điểm AF và không thể giữ nguyên hình do rung máy hoặc chủ thể bị mờ.
- Chủ thể đang di chuyển đến gần hoặc ra xa khỏi máy ảnh.
- Lấy nét tự động khi chủ thể nằm rất xa ngoài vùng lấy nét.
- Áp dụng hiệu ứng lấy nét mềm với ống kính lấy nét mềm.
- Áp dụng bộ lọc hiệu ứng đặc biệt.
- Nhiều hạt (chấm, dải, v.v...) xuất hiện trên màn hình trong thời gian lấy nét tự động.



- Nếu không thể lấy nét tự động, đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành **<MF>** rồi lấy nét bằng tay.
- Nếu chủ thể ở ngoài rìa bức ảnh và hơi nằm ngoài vùng lấy nét, hướng điểm AF trung tâm hoặc vùng trung tâm quanh chủ thể cần lấy nét, lấy nét lại, rồi chụp ảnh.
- Máy ảnh sẽ không đánh sáng tia giúp lấy nét. Tuy nhiên, nếu sử dụng đèn Speedlite sê-ri EX (bán riêng) được trang bị đèn LED, đèn LED sẽ bật để hỗ trợ lấy nét khi cần.
- Trong chế độ xem phóng to, máy ảnh bị rung sẽ khiến khó lấy nét hơn. Bạn nên sử dụng chân máy.

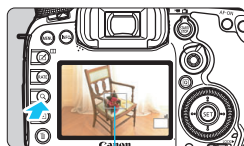
MF: Lấy nét bằng tay

Bạn có thể phóng to ảnh và lấy nét chính xác với MF (lấy nét bằng tay).



1 Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF>.

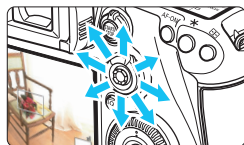
- Xoay vòng lấy nét của ống kính để lấy nét thô.



2 Hiện thị khung phóng to.

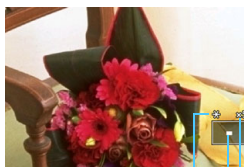
- Nhấn nút <Q>.
- ▶ Khung phóng to sẽ xuất hiện.

Khung phóng to



3 Di chuyển khung phóng to.

- Nhấn nút <⬤> để di chuyển khung phóng to đến vị trí muốn lấy nét.
- Nhấn nút <⬤> sẽ đưa khung phóng to về trung tâm màn hình.



Khóa đo sáng

Vị trí khu vực phóng to

Phóng to (Khoảng)

4 Phóng to ảnh.

- Mỗi lần nhấn nút <Q>, hệ số phóng to trong phạm vi khung sẽ thay đổi như sau:

→ Xem bình thường → 1x → 5x → 10x →

- Khi ở chế độ xem phóng to, bạn có thể sử dụng nút <⬤> để di chuyển quanh ảnh phóng to.

5 Lấy nét bằng tay.

- Khi xem ảnh phóng to, xoay vòng lấy nét của ống kính để lấy nét.
- Sau khi lấy được nét, nhấn nút <Q> để trở về chế độ xem bình thường.

6 Chụp ảnh.

- Kiểm tra phơi sáng, rồi nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh (tr.288).

Các lưu ý chung khi chụp Live View

Chất lượng ảnh

- Khi chụp ở tốc độ ISO cao, có thể thấy rõ nhiều hạt trên ảnh (ví dụ như điểm sáng và dài).
- Chụp ở nhiệt độ cao có thể gây nhiễu ảnh và màu trong ảnh không đều.
- Sử dụng chụp Live View liên tục trong thời gian dài có thể làm nhiệt độ bên trong máy ảnh tăng lên và chất lượng ảnh xấu đi. Tắt chụp Live View khi không sử dụng.
- Chụp phơi sáng lâu khi nhiệt độ bên trong máy ảnh cao có thể làm chất lượng ảnh xấu đi. Tắt chụp Live View và đợi vài phút trước khi chụp lại.

Biểu tượng cảnh báo nhiệt độ bên trong máy ảnh < > màu trắng và < > màu đỏ.

- Nếu nhiệt độ bên trong máy ảnh cao do chụp Live View trong thời gian dài hoặc trong điều kiện nhiệt độ xung quanh cao, biểu tượng <  > màu trắng hoặc <  > màu đỏ sẽ xuất hiện.
- Biểu tượng <  > màu trắng cho biết chất lượng ảnh sẽ xấu đi. Bạn nên tạm thời thoát chế độ chụp Live View để nhiệt độ bên trong máy ảnh giảm xuống trước khi chụp lại.
- Biểu tượng <  > màu đỏ cho biết chụp Live View sẽ nhanh chóng tự động tắt. Trong trường hợp này, không thể chụp lại cho đến khi nhiệt độ bên trong máy ảnh giảm xuống. Thoát chụp Live View hoặc tắt nguồn và để máy ảnh tạm dừng hoạt động trong chốc lát.
- Sử dụng chụp Live View ở nhiệt độ cao trong thời gian dài có thể làm cho các biểu tượng <  > và <  > xuất hiện sớm hơn. Tắt máy ảnh khi không chụp.
- Nếu nhiệt độ bên trong máy ảnh cao, chất lượng của ảnh chụp với tốc độ ISO cao hoặc phơi sáng lâu có thể giảm sút ngay cả trước khi biểu tượng <  > màu trắng hiển thị.

Kết quả chụp

- Ở chế độ xem phóng to, thông số tốc độ màn trập và khẩu độ sẽ hiển thị bằng màu đỏ. Nếu chụp ảnh ở chế độ xem phóng to, phơi sáng có thể không đạt được hiệu quả mong muốn. Trở về chế độ xem bình thường trước khi chụp ảnh.
- Ngay cả khi chụp ảnh ở chế độ xem phóng to, ảnh vẫn được chụp ở chế độ xem bình thường.



Các lưu ý chung khi chụp Live View

Ảnh Live View

- Trong điều kiện ánh sáng yếu hoặc ánh sáng chói, ảnh Live View có thể không phản ánh được độ sáng của ảnh chụp.
- Ngay cả khi đặt tốc độ ISO thấp, nhiễu hạt có thể thấy rõ trên ảnh Live View dưới ánh sáng yếu. Tuy nhiên, khi chụp, ảnh ghi sẽ có rất ít nhiễu hạt. (Chất lượng ảnh của ảnh Live View khác so với chất lượng ảnh của ảnh ghi.)
- Nếu nguồn sáng trong ảnh thay đổi, màn hình có thể nhấp nháy. Trong trường hợp này, thoát chụp Live View và tiếp tục chụp Live View dưới nguồn sáng thực.
- Hướng máy ảnh theo hướng khác có thể làm mất độ sáng chính xác của ảnh Live View trong giây lát. Chờ mức độ sáng ổn định rồi tiến hành chụp.
- Nếu xuất hiện nguồn sáng rất chói trong ảnh, khu vực sáng có thể hiển thị thành màu đen trên màn hình LCD. Tuy nhiên, ảnh chụp thực tế sẽ hiển thị chính xác khu vực sáng.
- Trong điều kiện ánh sáng yếu, nếu đặt [**☛2: LCD brightness (Độ sáng LCD)**] ở một mức độ sáng nhất định, ảnh Live View có thể xuất hiện nhiễu hạt hoặc nhiễu sắc độ. Tuy nhiên, nhiễu hạt hoặc nhiễu sắc độ sẽ không ghi lại trong ảnh chụp.
- Khi phóng to ảnh, độ sắc nét của ảnh có thể trông rõ ràng hơn trong ảnh thực.

Chức năng tùy chỉnh

- Trong khi chụp Live View, một số chức năng tùy chỉnh sẽ không hoạt động (cài đặt không có hiệu lực). Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang tr.434-435.

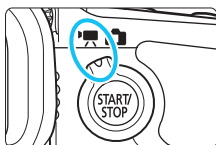
Ống kính và Flash

- Chức năng lấy nét được thiết lập sẵn chỉ có thể thực hiện trong chụp Live View khi sử dụng ống kính chụp (siêu) xa có trang bị sẵn chế độ lấy nét, được bán trên thị trường từ nửa cuối năm 2011.
- Không thể khóa phơi sáng flash khi sử dụng đèn flash tích hợp. Khóa phơi sáng flash và đánh sáng flash mẫu sẽ không hoạt động với đèn Speedlite ngoài.

[illegible]

9

Quay phim



Chế độ quay phim được bật bằng cách đặt công tắc chụp Live View/ Quay phim sang <  >.

- Về thẻ nhớ để ghi phim, tham khảo trang 5.
- Nếu bạn cầm máy ảnh và quay phim, máy ảnh rung có thể làm mờ phim. Bạn nên sử dụng chân máy.



Full HD 1080

Full HD 1080 chỉ khả năng tương thích với độ phân giải cao với 1080 điểm ảnh dọc (đường quét).

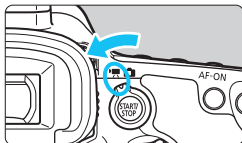


Quay phim

Quay phim phơi sáng tự động

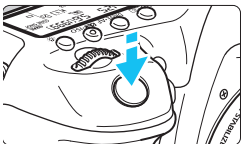
Khi đặt chế độ quay phim khác với chế độ <A⁺>, <P> hoặc , điều khiển phơi sáng tự động sẽ hoạt động để phù hợp với độ sáng hiện tại của cảnh. Điều khiển phơi sáng sẽ giống nhau trong tất cả các chế độ chụp.

1 Đặt nút xoay chế độ thành <A⁺>, <P> hoặc .



2 Đặt công tắc chụp Live View/ Quay phim ở chế độ <Movie>.

- ▶ Gương lật phát ra âm thanh, sau đó ảnh sẽ xuất hiện trên màn hình LCD.



3 Lấy nét chủ thể.

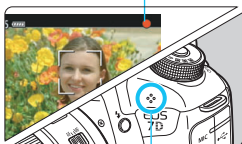
- Trước khi quay phim, thực hiện lấy nét tự động hoặc lấy nét bằng tay (tr.301-311).
- Khi nhấn nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ lấy nét theo phương pháp AF hiện tại.

4 Quay phim.

- Nhấn nút <START/STOP> để bắt đầu quay phim.
- ▶ Trong khi đang quay phim, dấu “●” sẽ hiển thị ở phía trên bên phải màn hình.
- ▶ Âm thanh sẽ được ghi qua micro tích hợp.
- Để dừng quay phim, nhấn lại nút <START/STOP>.



Ghi phim



Micro tích hợp

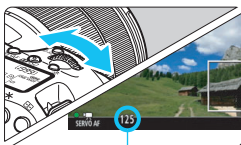
Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập

Khi chế độ quay phim là **<Tv>**, bạn có thể đặt bằng tay tốc độ màn trập cho quay phim. Tốc độ ISO và khẩu độ sẽ được đặt tự động để thích hợp với độ sáng và có được phơi sáng chuẩn.



1 Đặt nút xoay chế độ thành **<Tv>**.

2 Đặt công tắc chụp Live View/ Quay phim ở chế độ **<'>**.



Tốc độ màn trập

3 Thiết lập tốc độ màn trập mong muốn.

- Trong khi nhìn vào màn hình LCD, xoay nút xoay **<W>**. Tốc độ màn trập có thể thiết lập tùy thuộc vào tốc độ khung hình.

• **29.97P 25.00P 24.00P 23.98P** :

1/4000 giây - 1/30 giây

• **59.94P 50.00P** : 1/4000 giây - 1/60 giây

4 Lấy nét và quay phim.

- Quy trình lấy nét và quay phim tương tự bước 3 và 4 trong phần “Quay phim phơi sáng tự động” (tr.316).



- Không nên thay đổi tốc độ màn trập khi đang quay phim do những thay đổi về độ phơi sáng sẽ được ghi lại.
- Sử dụng tốc độ màn trập từ 1/30 giây đến 1/125 giây để quay phim chủ thể động. Tốc độ màn trập càng nhanh, thì chuyển động của chủ thể trông càng kém mượt.
- Nếu thay đổi tốc độ màn trập khi đang quay phim dưới đèn huỳnh quang hoặc đèn LED, hiện tượng nhấp nháy có thể bị ghi lại.

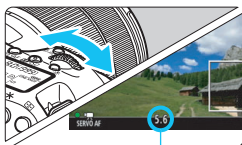
Av Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ

Khi chế độ quay phim là **<Av>**, bạn có thể đặt bằng tay khẩu độ cho quay phim. Tốc độ ISO và tốc độ màn trập sẽ được đặt tự động để thích hợp với độ sáng và có được phơi sáng chuẩn.



1 Đặt nút xoay chế độ thành **<Av>**.

2 Đặt công tắc chụp Live View/
Quay phim ở chế độ **<📹>**.



Khẩu độ

3 Thiết lập khẩu độ mong muốn.

- Trong khi nhìn vào màn hình LCD, xoay nút xoay **<🔧>**.



4 Lấy nét và quay phim.

- Quy trình lấy nét và quay phim tương tự bước 3 và 4 trong phần “Quay phim phơi sáng tự động” (tr.316).

! Không nên thay đổi khẩu độ khi đang quay phim vì những thay đổi về độ phơi sáng do tác động của khẩu độ ống kính sẽ bị ghi lại.

Tốc độ ISO ở chế độ <A⁺>

- Ở chế độ <A⁺>, tốc độ ISO được tự động thiết lập trong phạm vi ISO 100 - ISO 16000.

Tốc độ ISO trong chế độ <P>, <Tv>, <Av> và

- Tốc độ ISO sẽ được tự động thiết lập trong phạm vi ISO 100 - ISO 16000.
- Trong [**2: ISO speed settings (Thiết lập tốc độ ISO)**], (tr.159), nếu trong [**ISO speed range (Phạm vi tốc độ ISO)**], [**Maximum (Tối đa)**] được đặt thành [**H1 (25600)**] trong chế độ <P>, <Av> hoặc , phạm vi ISO tự động sẽ mở rộng lên mức H1 (tương đương với ISO 25600). Ngay cả khi đặt [**Maximum (Tối đa)**] và [**Minimum (Tối thiểu)**] trong phạm vi hẹp hơn phạm vi ISO mặc định (ISO 100 - ISO 16000), cài đặt đó cũng không có hiệu lực.
- Nếu [**3: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)**] được đặt thành [**Enable (Bật)**] (tr.182), phạm vi ISO tự động sẽ là ISO 200 - ISO 16000.
- Trong [**2: ISO speed settings (Thiết lập tốc độ ISO)**], không thể thiết lập [**Auto ISO range (Phạm vi ISO tự động)**] và [**Min. shutter spd. (Tốc độ màn trập tối thiểu)**] (tr.160-161) để quay phim. Ngoài ra, không thể thiết lập [**ISO speed range (Phạm vi tốc độ ISO)**] trong chế độ <Tv>.

Đối với [**ISO speed range (Phạm vi tốc độ ISO)**], nếu [**Maximum (Tối đa)**] được đặt thành [**H2 (51200)**] và bạn chuyển từ chụp ảnh sang quay phim, phạm vi ISO tự động tối đa cho quay phim sẽ là H1 (tương đương với ISO 25600, ngoại trừ trong các chế độ <A⁺> và <Tv>). Không thể mở rộng đến ISO 51200.



Lưu ý cho các chế độ <A⁺>, <P>, <Tv>, <Av> và

- Ở chế độ <A⁺>, biểu tượng của cảnh được nhận dạng sẽ hiển thị ở góc trên bên trái màn hình (tr.321).
- Bạn có thể khóa phơi sáng (AE lock (khóa đo sáng)) bằng cách nhấn nút <★> (ngoại trừ trong chế độ <A⁺>, tr.231). Cài đặt phơi sáng sẽ hiển thị thời gian thiết lập với [**6: Metering timer (Hẹn giờ đo sáng)**]. Nếu thực hiện khóa đo sáng khi đang quay phim, bạn có thể hủy khóa đo sáng bằng cách nhấn nút <☒>. (Cài đặt khóa đo sáng được lưu giữ cho đến khi nhấn nút <☒>.)
- Bạn có thể thiết lập bù trừ phơi sáng tối đa ±3 điểm dừng bằng cách đặt công tắc <LOCK▶> về bên trái và xoay nút xoay <☉> (ngoại trừ trong chế độ <A⁺>).
- Nhấn nửa chừng nút chụp để hiển thị tốc độ ISO và tốc độ màn trập ở cuối màn hình. Đây là cài đặt phơi sáng cho chụp ảnh (tr.325). Cài đặt phơi sáng cho quay phim sẽ không hiển thị. Lưu ý rằng cài đặt phơi sáng cho quay phim có thể khác so với chụp ảnh.
- Trong các chế độ <A⁺>, <P> và , tốc độ màn trập và khẩu độ sẽ không được ghi trong thông tin Exif của phim.

Sử dụng đèn Speedlite sê-ri EX (bán riêng) có trang bị đèn LED

Khi quay phim ở các chế độ <A⁺>, <P>, <Tv>, <Av> và , máy ảnh này hỗ trợ chức năng tự động bật đèn LED của đèn Speedlite trong điều kiện ánh sáng yếu. **Để tìm hiểu hướng dẫn chi tiết, tham khảo hướng dẫn sử dụng của đèn Speedlite sê-ri EX.**

Biểu tượng cảnh

Khi quay phim ở chế độ <A⁺>, biểu tượng tượng trưng cho cảnh được phát hiện sẽ hiển thị và các thiết lập quay phim được điều chỉnh cho phù hợp với cảnh đó. Đối với một số cảnh hoặc điều kiện chụp nhất định, biểu tượng hiển thị có thể không khớp với cảnh thực.

Chủ thể \ Nền	Chân dung ^{*1}	Không phải chân dung		Màu nền
		Cảnh thiên nhiên và ngoài trời	Cận cảnh ^{*2}	
Nền sáng				Màu xám
Ngược sáng				
Nền bao gồm bầu trời xanh				Màu xanh da trời nhạt
Ngược sáng				
Hoàng hôn	^{*3}		^{*3}	Màu cam
Đèn spotlight				Màu xanh da trời đậm
Nền tối				

*1: Chỉ hiển thị khi phương pháp AF được đặt thành [**-tracking** (**Theo dõi**)].

Nếu thiết lập phương pháp AF khác, biểu tượng “Không phải chân dung” sẽ hiển thị ngay cả khi phát hiện được chủ thể người.

*2: Hiển thị khi ống kính được lắp có thông tin khoảng cách. Đối với ống nối hoặc ống kính cận cảnh, biểu tượng hiển thị có thể không khớp với cảnh thực.

*3: Biểu tượng phù hợp với cảnh được phát hiện sẽ hiển thị.

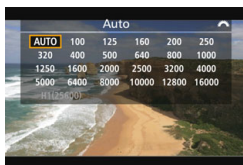
Quay phim phơi sáng bằng tay

Bạn có thể cài đặt tốc độ màn trập, khẩu độ và tốc độ ISO để quay phim bằng tay. Quay phim với phơi sáng bằng tay dành cho người dùng chuyên nghiệp.



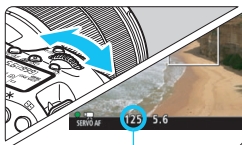
1 Đặt nút xoay chế độ thành <M>.

2 Đặt công tắc chụp Live View/ Quay phim ở chế độ <[icon]>.

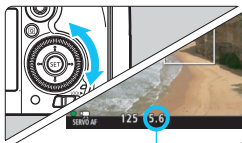


3 Thiết lập tốc độ ISO.

- Nhấn nút <[icon]>.
- ▶ Màn hình thiết lập tốc độ ISO sẽ xuất hiện trên màn hình LCD.
- Xoay nút xoay <[icon]> để thiết lập tốc độ ISO.
- Để tìm hiểu chi tiết về tốc độ ISO, tham khảo trang tiếp theo.



Tốc độ màn trập



Khẩu độ

4 Thiết lập tốc độ màn trập và khẩu độ.

- Nhấn nửa chừng nút chụp và kiểm tra thang đo mức phơi sáng.
- Để thiết lập tốc độ màn trập, xoay nút xoay <[icon]>. Tốc độ màn trập có thể thiết lập tùy thuộc vào tốc độ khung hình.
- 29.97P 25.00P 24.00P 23.98P :
1/4000 giây - 1/30 giây
- 59.94P 50.00P : 1/4000 giây - 1/60 giây
- Để thiết lập khẩu độ, xoay nút xoay <[icon]>.
- Nếu không thể thiết lập, đặt công tắc <LOCK▶> sang trái, rồi xoay nút xoay <[icon]> hoặc <[icon]>.

5 Lấy nét và quay phim.

- Quy trình lấy nét và quay phim tương tự bước 3 và 4 trong phần “Quay phim phơi sáng tự động” (tr.316).

Tốc độ ISO ở chế độ <M>

- Ở chế độ **[Auto (Tự động)] (A)**, tốc độ ISO được tự động thiết lập trong phạm vi ISO 100 - ISO 16000. Trong **[2: ISO speed settings (Thiết lập tốc độ ISO)]**, nếu trong **[ISO speed range (Phạm vi tốc độ ISO)]**, cài đặt **[Maximum (Tối đa)]** được đặt thành **[H1 (25600)]** (tr.159), phạm vi ISO tự động sẽ không mở rộng lên mức tối đa H1. Ngay cả khi bạn đặt **[Maximum (Tối đa)]** và **[Minimum (Tối thiểu)]** trong phạm vi hẹp hơn phạm vi ISO mặc định (ISO 100 - ISO 16000), cài đặt đó cũng không có hiệu lực.
- Bạn có thể thiết lập tốc độ ISO bằng tay trong phạm vi ISO 100 - ISO 16000 ở mức tăng 1/3 điểm dừng. Trong **[2: ISO speed settings (Thiết lập tốc độ ISO)]**, nếu trong **[ISO speed range (Phạm vi tốc độ ISO)]**, cài đặt **[Maximum (Tối đa)]** được đặt thành **[H1 (25600)]**, giá trị tối đa của phạm vi cài đặt lập tốc ISO bằng tay sẽ được mở rộng lên mức tối đa H1 (tương đương với ISO 25600). Bạn cũng có thể đặt **[Maximum (Tối đa)]** và **[Minimum (Tối thiểu)]** trong phạm vi hẹp hơn phạm vi mặc định (ISO 100 - ISO 16000).
- Nếu **[3: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)]** được đặt thành **[Enable (Bật)]** (tr.182), phạm vi thiết lập ISO tự động hay chỉnh tay sẽ là ISO 200 - ISO 16000.
- Trong **[2: ISO speed settings (Thiết lập tốc độ ISO)]**, không thể thiết lập **[Auto ISO range (Phạm vi ISO tự động)]** và **[Min. shutter spd. (Tốc độ màn trập tối thiểu)]** (tr.160-161) để quay phim.



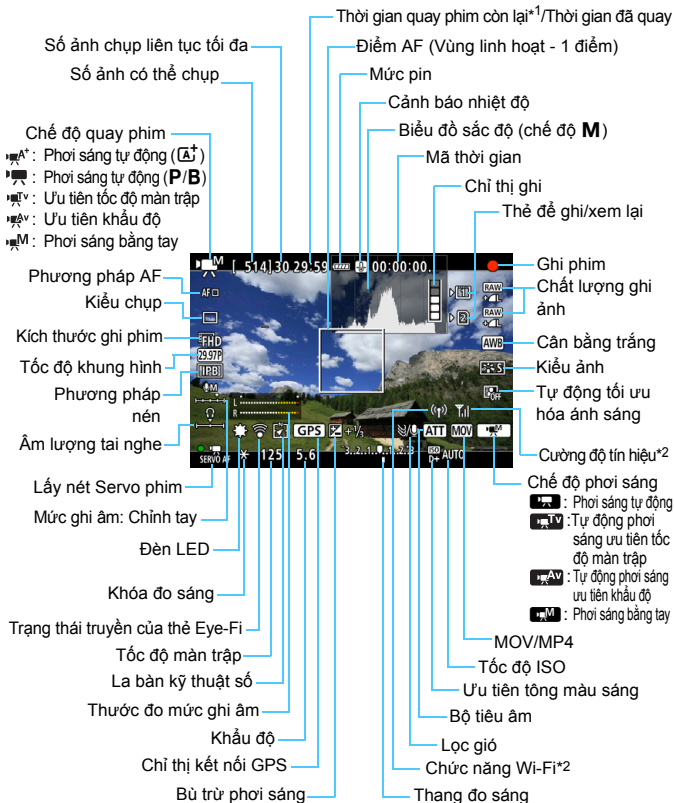
- Trong **[ISO speed range (Phạm vi tốc độ ISO)]**, nếu đặt **[Maximum (Tối đa)]** thành **[H2 (51200)]** và bạn chuyển từ chụp ảnh sang quay phim, tốc độ ISO tối đa cho phạm vi ISO chính tay trong khi quay phim sẽ là H1 (tương đương ISO 25600). Không thể mở rộng đến ISO 51200.
- Không nên thay đổi tốc độ màn trập hoặc khẩu độ khi đang quay phim do những thay đổi về độ phơi sáng sẽ được ghi lại.
- Sử dụng tốc độ màn trập từ 1/30 giây đến 1/125 giây để quay phim chủ thể động. Tốc độ màn trập càng nhanh, thì chuyển động của chủ thể trông càng kém mượt.
- Nếu thay đổi tốc độ màn trập khi đang quay phim dưới đèn huỳnh quang hoặc đèn LED, hiện tượng nhấp nháy có thể bị ghi lại.



- Trong tab **[ 3: Custom Controls (Điều khiển tùy chỉnh)]**, nếu đặt chế độ **[ SET: Expo comp (hold btn, turn ) (Bù trừ phơi sáng (giữ nút, xoay))]** (tr.457), bạn có thể thiết lập bù trừ phơi sáng trong khi ISO tự động được thiết lập.
- Khi thiết lập ISO tự động, bạn có thể nhấn nút **< >** để khóa tốc độ ISO.
- Nếu nhấn nút **< >** và bố cục lại ảnh, bạn có thể thấy sự khác biệt về độ phơi sáng trên thang đo mức phơi sáng (tr.325) so với khi nhấn nút **< >**.
- Nhấn nút **<INFO.>** để hiển thị biểu đồ.

Hiển thị thông tin

- Mỗi lần nhấn nút <INFO.>, hiển thị thông tin sẽ thay đổi.



*1: Dành cho từng clip phim.

*2: Tham khảo Hướng dẫn sử dụng Thẻ Wi-Fi W-E1.



- Bạn có thể hiển thị cân bằng điện tử bằng cách nhấn nút **<INFO.>** (tr.76).
- Lưu ý nếu phương pháp AF được thiết lập ở chế độ [**┐** +**Tracking** (**┐** + **Theo dõi**)] hoặc máy ảnh được kết nối với TV bằng cáp HDMI (tr.387), máy ảnh không thể hiển thị cân bằng điện tử.
- Cân bằng điện tử không thể hiển thị khi đang quay phim. Cân bằng điện tử sẽ biến mất khi bắt đầu quay phim.)
- Khi bắt đầu quay phim, thời gian quay phim còn lại sẽ chuyển thành thời gian đã quay.



Thận trọng khi quay phim

- Không hướng máy ảnh về phía nguồn sáng mạnh, như mặt trời vào ngày nắng hoặc nguồn sáng nhân tạo mạnh. Làm như vậy có thể gây hỏng cảm biến hình ảnh hoặc các bộ phận bên trong máy ảnh.
- Trong tab [**1: Record func+card/folder sel. (Chức năng ghi+chọn thẻ/thư mục)**], ngay cả khi đặt [**Record func. (Chức năng ghi)**] thành [**Rec. to multiple (Ghi vào nhiều phương tiện)**] (tr.149), cũng không thể ghi phim lên cả thẻ CF [**1**] và thẻ SD [**2**]. Nếu đặt chức năng [**Rec. separately (Ghi riêng)**] hoặc [**Rec. to multiple (Ghi vào nhiều phương tiện)**], phim sẽ được ghi lên thẻ được đặt để [**Playback (Xem lại)**].
- Nếu đặt thành **<AWB>** và thay đổi tốc độ ISO hoặc khẩu độ khi quay phim, cân bằng trắng cũng có thể bị thay đổi.
- Nếu quay phim dưới đèn huỳnh quang hoặc đèn LED, phim có thể bị nhấp nháy.
- Bạn nên quay thử một vài đoạn phim tại nơi bạn sẽ thực hiện zoom trong quá trình quay phim. Zoom trong khi quay phim có thể ghi lại sự thay đổi độ phơi sáng hay tiếng ồn hoạt động của ống kính, hoặc hình ảnh có thể bị mất nét.
- Trong khi quay phim, không thể phóng to ảnh ngay cả khi nhấn nút **<Q>**.
- Chú ý không để ngón tay, v.v... che lấp micro (tr.316).
- Không thể thiết lập [**Multi Shot Noise Reduction (Giảm nhiễu hạt đa ảnh)**] (tr.178) và [**Distortion (Méo hình)**] (tr.184). (Hai chức năng đó sẽ không hoạt động.)
- Quá trình quay phim sẽ kết thúc nếu kết nối hoặc ngắt kết nối cáp HDMI trong khi quay phim.
- Các lưu ý chung khi quay phim nằm ở trang 353-354.
- Nếu cần, tham khảo thêm phần Các lưu ý chung khi chụp Live View ở các trang 312-313.



Lưu ý khi quay phim

- Cài đặt liên quan đến phim nằm trong tab [📷4] và [📷5] (tr.344). Trong chế độ <A+>, những cài đặt này nằm ở tab [📷2] và [📷3].
- Phim sẽ được ghi thành từng tập tin phim riêng biệt cho mỗi lần quay. Nếu kích thước tập tin vượt quá 4 GB, tập tin mới sẽ tự động được tạo cho mỗi xấp xỉ 4 GB tiếp theo.
- Phim có phạm vi hình ảnh khoảng 100% (nếu kích thước ghi phim đặt thành $\overline{\text{FHD}}$).
- Bạn cũng có thể lấy nét hình ảnh bằng cách nhấn nút <AF-ON>.
- Trong [📷5: 📷 button function (Chức năng nút 📷)], nếu chọn [📷AF/📷] [📷/📷], bạn có thể nhấn nút chụp hoàn toàn để bắt đầu hay dừng quay phim (tr.350).
- Âm thanh được ghi dưới dạng âm thanh stereo bằng micro tích hợp của máy ảnh (tr.316).
- Bạn cũng có thể ghi âm thanh stereo bằng cách kết nối Micro thu âm stereo định hướng DM-E1 (bán riêng) với ngõ vào micro ngoài của máy ảnh (tr.23) vì micro ngoài được ưu tiên.
- Sử dụng cáp HDMI HTC-100 (bán riêng) để hiển thị phim trên màn hình TV (tr.387). Nếu hình ảnh không xuất hiện trên màn hình TV, kiểm tra xem [📺3: Video system (Hệ thống video)] có được đặt chính xác thành [For NTSC (Cho NTSC)] hoặc [For PAL (Cho PAL)] (tùy thuộc vào chuẩn video của TV).
- Bạn có thể nghe được âm thanh trong lúc quay phim bằng cách kết nối tai nghe stereo (bán trên thị trường) có chân cắm mini đường kính 3,5 mm với lỗ cắm tai nghe của máy ảnh (tr.23).
- Bạn có thể sử dụng Điều khiển từ xa RC-6 (bán riêng, tr.250) để bắt đầu hoặc tạm dừng quay phim khi kiểu chụp được đặt là <📷📷> hoặc <📷📷2>. Đặt công tắc hẹn giờ chụp thành <2> (trí hoãn 2 giây), rồi nhấn nút truyền. Nếu công tắc được đặt thành <●> (chụp ngay lập tức), máy ảnh sẽ thực hiện chụp ảnh.
- Với Pin LP-E6N được sạc đầy, tổng thời gian quay phim sẽ như sau: Ở nhiệt độ 23°C/73°F: khoảng 1 tiếng 40 phút, ở nhiệt độ 0°C/32°F: khoảng 1 tiếng 30 phút.
- Chức năng lấy nét được cài đặt sẵn cho quay phim chỉ có thể thực hiện nếu sử dụng ống kính chụp (siêu) xa có trang bị chức năng lấy nét đặt trước. Loại ống kính này được bán trên thị trường từ nửa cuối năm 2011.



Không nên giữ máy ảnh ở một vị trí trong thời gian dài.

Ngay cả khi máy ảnh không tỏa nhiệt nhiều, tiếp xúc lâu với một bộ phận của máy có thể gây đỏ da, giộp da hoặc bỏng do tiếp xúc ở nhiệt độ thấp. Nên sử dụng chân máy nếu bạn có vấn đề về tuần hoàn máu hoặc da nhạy cảm, hay khi sử dụng máy ảnh ở nơi có nhiệt độ cao.

Mô phỏng hình ảnh cuối cùng

Mô phỏng hình ảnh cuối cùng cho thấy kết quả của các thiết lập hiện tại cho kiểu ảnh, cân bằng trắng và các chức năng khác trong ảnh, do vậy bạn có thể xem ảnh chụp trông như thế nào.

Trong khi quay phim, hình ảnh hiển thị sẽ tự động cho thấy hiệu ứng của các cài đặt liệt kê bên dưới.

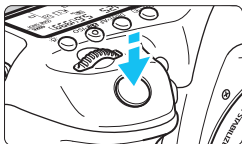
Mô phỏng hình ảnh cuối cùng cho quay phim

- Kiểu ảnh

*Tất cả các cài đặt ví dụ như độ sắc nét, độ tương phản, bão hòa màu hoặc tông màu sẽ được phản ánh.

- Cân bằng trắng
- Hiệu chỉnh cân bằng trắng
- Phơi sáng
- Độ sâu trường ảnh
- Tự động tối ưu hóa ánh sáng
- Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi
- Hiệu chỉnh sắc sai
- Ưu tiên tông màu sáng

Chụp ảnh trong khi quay phim



Trong khi quay phim, bạn có thể chụp ảnh bằng cách nhấn hoàn toàn nút chụp.

Chụp ảnh trong khi quay phim

- Chụp ảnh trong khi quay phim sẽ khiến phim bị dừng hình trong khoảng 1 giây.
- Ảnh chụp sẽ được ghi vào thẻ và khi ảnh Live View hiển thị, quá trình quay phim sẽ tự động tiếp tục.
- Phim và ảnh được ghi thành tập tin riêng biệt trên thẻ.
- Trong [**1: Record func+card/folder sel. (Chức năng ghi+chọn thẻ/thư mục)**], nếu đặt [**Record func. (Chức năng ghi)**] (tr.148) thành [**Standard (Chuẩn)**] hoặc [**Auto switch card (Tự động chuyển thẻ)**], phim và ảnh sẽ được lưu ở cùng một thẻ. Nếu cài đặt [**Rec. separately (Ghi riêng)**] hoặc [**Rec. to multiple (Ghi vào nhiều phương tiện)**], phim sẽ ghi vào thẻ được đặt cho chế độ [**Playback (Xem lại)**] (tr.150). Ảnh sẽ được ghi ở chất lượng ghi ảnh thiết lập cho thẻ tương ứng.
- Các chức năng cụ thể cho chụp ảnh được trình bày bên dưới. Các chức năng khác tương tự như khi quay phim.

Chức năng	Cài đặt
Image-recording Quality (Chất lượng ghi ảnh)	Tương tự cài đặt của [1: Image quality (Chất lượng ảnh)]. Với kích thước ghi phim [1920x1080] hoặc [1280x720], tỷ lệ cỡ ảnh sẽ là 16:9. Với kích thước ghi phim [640x480], tỷ lệ cỡ ảnh sẽ là 4:3.
ISO Speed* (Tốc độ ISO*)	<A⁺>: ISO 100 - ISO 6400 <P>, <Tv>, <Av> và <B>: ISO 100 - ISO 16000 <M>: Tham khảo phần "Tốc độ ISO trong chế độ <M>" ở trang 323.
Exposure Setting (Cài đặt phơi sáng)	<A⁺>, <P> và <B>: Tự động thiết lập tốc độ màn trập và khẩu độ. <Tv>: Thiết lập tốc độ màn trập bằng tay và thiết lập khẩu độ tự động. <Av>: Thiết lập khẩu độ bằng tay và thiết lập tốc độ màn trập tự động. <M>: Thiết lập tốc độ màn trập và khẩu độ bằng tay.

* Nếu thiết lập chế độ ưu tiên tông màu sáng, phạm vi tốc độ ISO sẽ bắt đầu từ ISO 200.



- Nếu thiết lập **FHD 59.94P** (59,94 fps) hoặc **50.00P** (50,00 fps) hoặc nếu đặt [**5**:  **button function (Chức năng nút **)] thành [**AF**/**AF**] hoặc [**AF**/**AF**], bạn sẽ không thể chụp ảnh.
- Chụp ảnh trong khi quay phim sẽ có tầm bao phủ khoảng 99% với **FHD** hoặc **FHD** và khoảng 98% với **4K** (khi chất lượng ghi ảnh đặt thành **JPEG** **L**).
- Không thể sử dụng AEB.
- Flash sẽ không đánh sáng ngay cả khi được sử dụng.
- Có thể chụp ảnh liên tục trong khi quay phim. Tuy nhiên, ảnh chụp sẽ không hiển thị trên màn hình. Tùy thuộc vào chất lượng ghi ảnh khi đang ghi, số lượng ảnh chụp trong khi chụp liên tục, vận hành thẻ, v.v..., chế độ quay phim có thể tự động ngừng.
- Có thể lấy nét tự động khi quay phim. Tuy nhiên, trường hợp sau có thể xảy ra:
 - Lấy nét có thể trở nên quá xa trong giây lát.
 - Độ sáng của phim được ghi có thể thay đổi.
 - Phim được ghi có thể bị dừng hình trong giây lát.
 - Lưu ý rằng máy ảnh có thể ghi lại tiếng hoạt động của ống kính.
 - Nếu không lấy được nét, bạn sẽ không thể chụp ảnh.



- Trong khi quay phim, có thể áp dụng bù trừ phơi sáng tối đa ± 3 điểm dừng cho chụp ảnh.
- Nếu bạn muốn chụp ảnh liên tục khi đang quay phim, nên sử dụng thẻ tốc độ cao. Nên đặt chất lượng ghi ảnh thấp hơn và giảm số lần chụp liên tục.
- Bạn có thể chụp ảnh trong tất cả các kiểu chụp.
- Có thể đặt hẹn giờ trước khi bắt đầu quay phim. Khi đang quay phim, máy ảnh sẽ chuyển sang chụp từng ảnh.

Cài đặt chức năng quay phim

Cài đặt WB/DRIVE/AF/ISO/

Nếu nhấn nút <WB>, <DRIVE>, <AF> hoặc <ISO> khi hình ảnh đang hiển thị trên màn hình LCD, màn hình cài đặt sẽ xuất hiện trên màn hình LCD và bạn có thể xoay nút xoay hoặc để thiết lập chức năng tương ứng.

- Trong khi chụp phơi sáng bằng tay (tr.322), bạn có thể nhấn nút <ISO> để thiết lập tốc độ ISO.
- Bạn có thể nhấn nút <WB>, rồi nhấn nút <INFO> để thiết lập thay đổi cân bằng trắng và cân bằng trắng hỗn hợp.
- Lưu ý không thể cài đặt các chế độ sau: <Chế độ đo sáng>, <Bù trừ phơi sáng flash>, <HDR> Chế độ HDR và <Đa phơi sáng>.

Điều khiển nhanh

Trong các chế độ <P>, <Tv>, <Av>, <M> và , có thể thiết lập **Phương pháp AF**, **Kiểu chụp**, **Kích thước ghi phim**, **Mức ghi âm** (chỉ thiết lập bằng tay), **Âm lượng** (tai nghe), **Thẻ để ghi/xem lại và chất lượng ảnh** (ảnh), **Cân bằng trắng**, **Kiểu ảnh** và **Tự động tối ưu hoá ánh sáng**.

Trong chế độ <A+>, chỉ thiết lập được các chức năng in đậm nêu trên.



1 Nhấn nút <Q> (10).

- Các chức năng có thể cài đặt sẽ hiển thị.

2 Chọn và cài đặt chức năng.

- Sử dụng nút <Q> để lựa chọn chức năng.
- Cài đặt của chức năng đã chọn sẽ hiển thị trên màn hình.
- Xoay nút xoay hoặc để cài đặt.
- Để thiết lập kích thước ghi phim hoặc cài đặt chất lượng ảnh thành RAW, nhấn <SET>.

- Để chọn thẻ ghi/xem lại, thay đổi cân bằng trắng/hỗn hợp hoặc thông số kiểu ảnh, nhấn nút **<INFO.>**.
- Nhấn **<SET>** sẽ đưa máy ảnh trở lại chế độ quay phim.

MENU Cài đặt kích thước ghi phim

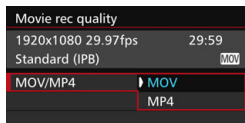


Với [**4**]: **Movie rec quality (Chất lượng ghi phim)**] (tab [**2**] trong **<[A]>**), bạn có thể đặt định dạng ghi phim, kích thước ghi phim (kích thước, tốc độ khung hình, phương pháp nén) và các chức năng khác.

Tốc độ khung hình hiển thị trên màn hình [**Movie rec. size (Kích thước ghi phim)**] sẽ chuyển tự động tùy thuộc vào cài đặt [**3**: **Video system (Hệ thống video)**] (tr.493).

MOV/MP4

Bạn có thể chọn định dạng ghi phim.



MOV MOV

Phim được ghi trong định dạng MOV (đuôi tập tin: ".MOV"). để tiện cho việc chỉnh sửa trên máy tính.

MP4 MP4

Phim được ghi trong định dạng MP4 (đuôi tập tin: ".MP4"). So với định dạng MOV, định dạng MP4 tương thích với phạm vi hệ thống xem lại lớn hơn.

Kích thước ghi phim

Bạn có thể chọn kích thước phim, tốc độ khung hình và phương pháp nén.



- Kích thước ảnh

FHD 1920x1080

Chất lượng ghi hình độ phân giải cao (Full HD). Tỷ lệ cỡ ảnh sẽ là 16:9.

HD 1280x720

Chất lượng ghi hình độ phân giải cao (HD). Tỷ lệ cỡ ảnh sẽ là 16:9.

VGA 640x480

Chất lượng ghi hình độ phân giải chuẩn. Tỷ lệ cỡ ảnh sẽ là 4:3.

- **Tốc độ khung hình** (fps: số khung hình trên giây)

29.97P 29,97 fps/ 59.94P 59,94 fps

Dành cho khu vực có định dạng TV là NTSC (Bắc Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mê-xi-cô, v.v...).

25.00P 25,00 fps/ 50.00P 50,00 fps

Dành cho khu vực có định dạng TV là PAL (Châu Âu, Nga, Trung Quốc, Ô-xtrây-li-a, v.v...).

23.98P 23,98 fps/ 24.00P 24,00 fps

Chủ yếu dành cho phim. Để tìm hiểu về 24.00P, tham khảo trang 335.



Phim được ghi với tốc độ **59.94** (59,94fps) hoặc **50.00** (50,00fps) có thể không được xem lại hoàn chỉnh trên các thiết bị khác do quá trình xử lý tải dữ liệu nặng khi xem lại.



Tốc độ khung hình hiển thị trên màn hình kích thước ghi phim phụ thuộc vào **[F3: Video system (Hệ thống video)]** được đặt thành **[For NTSC (Cho NTSC)]** hay **[For PAL (Cho PAL)]**.

● Phương pháp nén

ALL-I (Để chỉnh sửa/I-only)

Mỗi lần nén một khung để ghi. Mặc dù kích thước tập tin lớn hơn so với IPB (Tiêu chuẩn) và IPB (Nhẹ), phim sẽ thích hợp để chỉnh sửa hơn.

IPB (Tiêu chuẩn)

Nén nhiều khung hiệu quả trong một lần để ghi. Do kích thước tập tin nhỏ hơn ALL-I (Để chỉnh sửa), bạn có thể quay phim lâu hơn (với thẻ giống nhau).

IPB (Nhẹ)

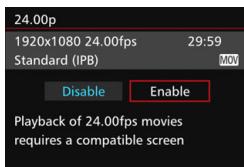
Có thể chọn khi định dạng ghi phim được đặt thành **[MP4]**. Phim được quay ở tốc độ bit chậm hơn so với IPB (Tiêu chuẩn), nên kích thước tập tin nhỏ hơn và tương thích với phạm vi hệ thống xem lại lớn hơn. Trong ba phương pháp khả dụng, phương pháp này cho phép tổng thời gian quay phim dài nhất có thể với thẻ dung lượng cố định.



- Nếu đặt ở tốc độ  **59.94P** (59,94 fps) hoặc  (50,00 fps), một số chức năng nhất định sẽ không thể sử dụng.
 - Lấy nét Servo phim không hoạt động.
 - Sẽ áp dụng chế độ lấy nét theo nhận diện độ tương phản. (Thời gian lấy nét có thể lâu hơn bình thường).
 - Không thể chụp ảnh được.
- Nếu bạn thay đổi thiết lập của **[4:3: Video system (Hệ thống video)]**, hãy thiết lập lại kích thước ghi phim.

24,00p

Quay phim ở tốc độ khung hình 24,00 fps. Dành cho chất lượng Full HD.



Nếu đặt [**Enable (Bật)**], phim sẽ được quay trong **FHD 24.00P ALL-I** hoặc **FHD 24.00P IPB**.

Nếu đã đặt [**Movie rec. size (Kích thước ghi phim)**] và đặt [**24.00p (24,00p)**] thành [**Enable (Bật)**], hãy đặt lại [**Movie rec. size (Kích thước ghi phim)**].

Lưu ý với [24.00p: Enable (24,00p: Bật)]

- Không thể thiết lập [**3: Video system (Hệ thống video)**].
- Không thể thiết lập [**3: HDMI frame rate (Tốc độ khung hình HDMI)**] (tr.352). Phim sẽ có tín hiệu là 1080/24,00p thông qua HDMI. Đoạn phim có thể không hiện ra nếu kết nối máy ảnh với TV v.v... không tương thích với tín hiệu 1080/24,00p thông qua HDMI.
- Nếu thiết lập lại thành [**Disable (Tắt)**], [**3: HDMI frame rate (Tốc độ khung hình HDMI)**] sẽ được thiết lập thành [**Auto (tự động)**].
- Kích thước ghi phim cũng không trở lại ban đầu ngay cả khi bạn đặt trở về [**Disable (Tắt)**]. Hãy thiết lập lại kích thước ghi phim.

Tổng thời gian quay phim và kích thước tập tin trên phút

● Ở định dạng MOV

(Ước chừng)

Chất lượng ghi phim			Tổng thời gian quay phim trên thẻ			Kích thước tập tin
			4 GB	8 GB	16 GB	
FHD	59.94P 50.00P	IPB	8 phút	17 phút	34 phút	440 MB/phút
	29.97P 25.00P 24.00P 23.98P	ALL-I	5 phút	11 phút	23 phút	654 MB/phút
	29.97P 25.00P 24.00P 23.98P	IPB	16 phút	33 phút	1 giờ 7 phút	225 MB/phút
HD	59.94P 50.00P	ALL-I	6 phút	13 phút	26 phút	583 MB/phút
	59.94P 50.00P	IPB	19 phút	38 phút	1 giờ 17 phút	196 MB/phút
VGA	29.97P 25.00P	IPB	50 phút	1 giờ 41 phút	3 giờ 22 phút	75 MB/phút

● Ở định dạng MP4

(Ước chừng)

Chất lượng ghi phim			Tổng thời gian quay phim trên thẻ			Kích thước tập tin
			4 GB	8 GB	16 GB	
FHD	59.94P 50.00P	IPB	8 phút	17 phút	35 phút	431 MB/phút
	29.97P 25.00P 24.00P 23.98P	ALL-I	5 phút	11 phút	23 phút	645 MB/phút
	29.97P 25.00P 24.00P 23.98P	IPB	17 phút	35 phút	1 giờ 10 phút	216 MB/phút
	29.97P 25.00P	IPB 	43 phút	1 giờ 26 phút	2 giờ 53 phút	87 MB/phút
HD	59.94P 50.00P	ALL-I	6 phút	13 phút	26 phút	574 MB/phút
	59.94P 50.00P	IPB	20 phút	40 phút	1 giờ 21 phút	187 MB/phút
	29.97P 25.00P	IPB 	2 giờ 5 phút	4 giờ 10 phút	8 giờ 20 phút	30 MB/phút
VGA	29.97P 25.00P	IPB	57 phút	1 giờ 55 phút	3 giờ 50 phút	66 MB/phút
	29.97P 25.00P	IPB 	2 giờ 43 phút	5 giờ 26 phút	10 giờ 53 phút	23 MB/phút

 Nhiệt độ bên trong máy ảnh tăng lên có thể khiến quá trình quay phim kết thúc trước thời gian ghi tối đa được trình bày trong bảng (tr.353).

● Tập tin phim vượt quá 4 GB

Ngay cả khi tập tin phim vượt quá 4 GB, bạn vẫn có thể tiếp tục quay mà không bị gián đoạn.

Trong thời gian quay phim, khoảng 30 giây trước khi tập tin phim đạt đến kích thước 4GB, thời gian đã quay hoặc mã thời gian hiển thị trên màn hình quay phim sẽ bắt đầu nhấp nháy. Nếu tiếp tục quay phim và kích thước tập tin vượt quá 4 GB, tập tin phim mới sẽ được tạo tự động và thời gian đã quay hoặc mã thời gian sẽ dừng nhấp nháy. Khi xem lại phim, bạn sẽ phải xem riêng từng tập tin phim. Không thể tự động xem lại tập tin phim theo thứ tự liên tục. Sau khi kết thúc xem lại phim, chọn tập tin phim tiếp theo để xem.

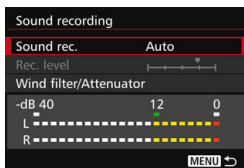
● Giới hạn thời gian quay phim

Thời gian ghi tối đa của một clip phim là 29 phút 59 giây. Nếu thời gian quay phim đạt đến 29 phút 59 giây, máy ảnh sẽ tự động dừng quay phim. Nhấn nút < $\frac{\text{START}}{\text{STOP}}$ > để tiếp tục quay phim. (Phim được ghi thành tập tin mới.)



Khi quay phim, nếu kích thước tập tin vượt quá 4 GB, thông báo “**buSY**” sẽ xuất hiện một lúc trên bảng điều khiển LCD. Không thể chụp ảnh khi thông báo “**buSY**” hiển thị trên màn hình.

MENU Cài đặt ghi âm



Bạn có thể quay phim trong khi đang ghi âm bằng micro mono tích hợp hoặc Micro thu âm stereo định hướng DM-E1 (bán riêng). Bạn cũng có thể tùy ý điều chỉnh mức ghi âm.

Cài đặt ghi âm nằm trong tab

[📷4: Sound recording (Ghi âm)]

(tab **[📷2]** trong **<[A+]>**).

Ghi âm/Mức ghi âm

Auto (Tự động) : Mức ghi âm được điều chỉnh tự động. Điều khiển mức tự động sẽ hoạt động tùy theo mức âm thanh.

Manual (Chỉnh tay) : Dành cho người dùng chuyên nghiệp. Bạn có thể điều chỉnh mức ghi âm theo 64 mức.

Chọn **[Rec. level (Mức ghi)]** và xem thước đo mức khi xoay nút xoay **<🕒>** để điều chỉnh mức ghi âm. Trong khi thang đo giữ mức cao nhất (3 giây), điều chỉnh sao cho thước đo mức thỉnh thoảng nhấp sáng dấu “12” (-12 dB) ở bên phải biểu thị âm thanh cực đại. Nếu vượt quá “0”, âm thanh sẽ bị méo.

Disable (Tắt) : Không ghi âm. Do đó, âm thanh sẽ không truyền qua cổng HDMI (tr.350).

Lọc gió/Bộ tiêu âm

Wind filter (Lọc gió) : Khi đặt **[Enable (Bật)]**, lọc gió sẽ giảm tiếng gió khi quay phim ngoài trời. Tính năng này chỉ hoạt động với micro tích hợp. Lưu ý rằng **[Enable (Bật)]** giảm những âm thanh trầm thấp, do vậy hãy đặt thành **[Disable (Tắt)]** khi không có gió. Âm thanh sẽ được ghi tự nhiên hơn so với **[Enable (Bật)]**.

Attenuator (Bộ tiêu âm) : Tự động ngăn chặn âm thanh biến dạng do tiếng ồn lớn. Ngay cả khi đặt **[Sound rec. (Ghi âm)]** thành **[Auto (Tự động)]** hay **[Manual (Chỉnh tay)]** trước khi quay, âm thanh quá to vẫn có thể dẫn đến méo tiếng. Trong trường hợp này, đặt tính năng này thành **[Enable (Bật)]**.

● Sử dụng micro

Thông thường, micro tích hợp ghi âm dưới dạng âm thanh mono. Bạn cũng có thể ghi âm stereo bằng cách kết nối Micro thu âm stereo định hướng DM-E1 (bán riêng) với ngõ vào micro ngoài của máy ảnh (tr.23) vì micro ngoài được ưu tiên.

● Sử dụng tai nghe

Bạn có thể nghe được âm thanh trong lúc quay phim bằng cách kết nối tai nghe stereo (bán trên thị trường) có chân cắm mini đường kính 3,5 mm với lỗ cắm tai nghe của máy ảnh (tr.23). Nếu sử dụng Micro thu âm stereo định hướng DM-E1 (bán riêng), bạn có thể nghe âm thanh nổi. Để chỉnh âm lượng của tai nghe, nhấn nút $\langle \text{Q} \rangle$ và chọn $\langle \text{Q} \rangle$. Sau đó xoay nút $\langle \text{Q} \rangle$ để điều chỉnh (tr.331). Bạn cũng có thể sử dụng tai nghe trong khi xem lại phim.



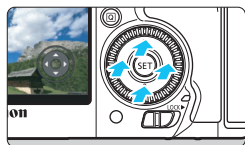
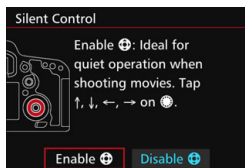
Khi sử dụng tai nghe, âm thanh đầu ra không được áp dụng giảm nhiễu. Do đó, âm thanh nghe thấy sẽ khác so với âm thực tế được ghi trong phim.



- Trong chế độ $\langle \text{A}^+ \rangle$, có thể cài đặt [**Sound recording (Ghi âm)**] thành [**On (Bật)**] hoặc [**Off (Tắt)**]. Nếu đặt [**On (Bật)**], mức ghi âm sẽ được điều chỉnh tự động (giống như với [**Auto (Tự động)**]), nhưng chức năng lọc gió sẽ không hoạt động.
- Khi kết nối máy ảnh với TV bằng cáp HDMI, âm thanh cũng sẽ truyền ra (trừ khi đặt [**Sound recording (Ghi âm)**] thành [**Off (Tắt)**]). Nếu âm thanh từ TV gây ra tiếng vọng, hãy đặt máy ảnh ra xa hơn khỏi TV hoặc vặn nhỏ âm lượng TV.
- Âm lượng tai nghe cũng có thể chỉnh bằng cách nhấn nút $\langle \text{Q} \rangle$, rồi nhấn giữ nút $\langle \text{RATE} \rangle$ và di chuyển nút $\langle \text{Q} \rangle$ lên hoặc xuống.
- Không thể điều chỉnh cân bằng âm lượng giữa L (trái) và R (phải).
- Âm thanh ghi ở tỷ lệ mẫu 48 kHz/16 bit.
- Nếu đặt [**5: Silent Control (Điều khiển yên lặng)**] thành [**Enable (Bật)**] (tr.340), có thể điều chỉnh mức ghi âm với bảng cảm ứng $\langle \text{Q} \rangle$ để tiếng thao tác êm hơn trong khi quay phim.

MENU Điều khiển yên lặng

Bạn có thể thay đổi thiết lập tốc độ ISO, mức ghi âm, v.v... mà không tạo ra quá nhiều tiếng ồn khi quay phim.



Khi đặt [**📷5: Silent Control (Điều khiển yên lặng)**] thành [**Enable** **⊕** (Bật **⊕**)], bạn có thể sử dụng bảng cảm ứng <**⊕**> trên vòng tròn bên trong của nút xoay điều khiển nhanh.

Bạn có thể chỉ chạm vào phía trên, dưới, trái hay phải của <**⊕**> để thao tác một cách yên lặng. Trong khi quay phim, có thể nhấn nút <**Q**> để hiển thị màn hình điều khiển nhanh và thay đổi những chức năng sau với <**⊕**>.

Chức năng có thể thiết lập	Chế độ chụp				
	A⁺	P/B	Tv	Av	M
Tốc độ màn trập	-	-	○	○	○
Khẩu độ	-	-	-	○	○
Tốc độ ISO	-	-	-	-	○
Bù trừ phơi sáng	-	○	○	○	○*1
Mức ghi âm*2	-	○	○	○	○
Âm lượng	○	○	○	○	○

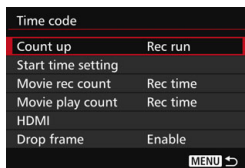
*1: Khi đặt ISO tự động.

*2: Khi đặt [Sound recording: Manual (Ghi âm: Chính tay)].

- ⚠ Nếu đặt [**📷5: Silent Control (Điều khiển yên lặng)**] thành [**Enable** **⊕** (Bật **⊕**)], không thể thay đổi cài đặt điều khiển nhanh với nút xoay điều khiển nhanh <**⌂**> trong khi quay phim.
- Ngay cả khi yên lặng thay đổi khẩu độ với <**⊕**>, đoạn phim vẫn sẽ ghi lại âm thanh thay đổi khẩu độ của ống kính.
- Nếu có nước hoặc vết bẩn dính trên <**⊕**>, thao tác chạm có thể không hoạt động. Trong trường hợp đó, hãy dùng một miếng vải sạch để lau <**⊕**>. Nếu vẫn không được, đợi một lúc rồi thử lại.

📷 Trước khi quay phim, có thể sử dụng <**⊕**> với cài đặt [**Rec. level (Mức ghi)**] để điều chỉnh mức ghi âm.

MENU Cài đặt mã thời gian



Mã thời gian là tham chiếu thời gian được ghi tự động để đồng bộ phim trong khi quay phim. Mã luôn được ghi bằng các đơn vị sau: giờ, phút, giây và khung. Chủ yếu dùng trong khi chỉnh sửa phim. Sử dụng [**5: Time code (Mã thời gian)**] (tab [**3**] trong <[A]⁺>) để cài đặt mã thời gian.

Tổng thời gian

- Rec run (Thời gian ghi thực)** : Chỉ cộng thêm mã thời gian khi đang quay phim. Mã thời gian sẽ tiếp tục theo tuần tự số tập tin phim được ghi.
- Free run (Ghi tùy ý)** : Cộng thêm mã thời gian cho dù đang quay hay không.

Cài đặt thời gian bắt đầu

Bạn có thể đặt thời gian bắt đầu của mã thời gian.

- Manual input setting (Cài đặt đầu vào bằng tay)** : Bạn có thể tùy ý đặt giờ, phút, giây và khung.
- Reset (Cài đặt lại)** : Thời gian được đặt với [**Manual input setting (Cài đặt đầu vào bằng tay)**] và [**Set to camera time (Đặt thành thời gian máy ảnh)**] được cài đặt lại thành “00:00:00.” hoặc “00:00:00:” (tr.343).
- Set to camera time (Đặt thành thời gian máy ảnh)** : Đặt giờ, phút và giây phù hợp với đồng hồ trong máy ảnh. “Khung” sẽ được đặt về 00.



- Chụp ảnh trong khi quay phim sẽ gây ra chênh lệch giữa thời gian thực tế và mã thời gian.
- Nếu đặt [**Free run (Ghi tùy ý)**] và thay đổi thời gian, vùng hoặc giờ mùa hè (tr.47), mã thời gian sẽ bị ảnh hưởng.
- Nếu sử dụng một máy ảnh khác để xem phim MP4 quay bằng máy ảnh này, mã thời gian có thể không hiển thị đúng.

Số phim được quay

Bạn có thể chọn nội dung hiển thị trên màn hình quay phim.

Rec time (Thời gian ghi): Biểu thị thời gian kể từ khi bắt đầu quay phim.

Time code (Mã thời gian): Biểu thị mã thời gian trong khi quay phim.

Số phim xem lại

Bạn có thể chọn nội dung hiển thị trên màn hình xem lại phim.

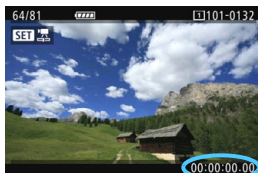
Rec time (Thời gian ghi): Hiển thị thời gian ghi và thời gian xem lại trong khi xem lại phim.

Time code (Mã thời gian): Hiển thị mã thời gian trong khi xem lại phim.

Đặt [Time code (Mã thời gian)] :



Trong khi quay phim



Trong khi xem lại phim



- Mã thời gian luôn được ghi vào tập tin phim không phụ thuộc vào cài đặt [Movie rec count (Số phim được ghi)].
- Cài đặt [Movie play count (Số lần xem lại phim)] phía dưới [5: Time code (Mã thời gian)] chuyển tương ứng với cài đặt [3: Movie play count (Số lần xem lại phim)]. Thay đổi một trong hai cài đặt sẽ tự động thay đổi cài đặt còn lại.
- “Khung” không hiển thị khi quay phim hoặc khi xem lại phim.

HDMI

● Time code (Mã thời gian)

Có thể thêm mã thời gian vào phim phát ra từ cổng HDMI (tr.352).

Enable (Bật) : Thêm mã thời gian vào phim phát ra từ cổng HDMI.

Disable (Tắt) : Không thêm mã thời gian vào phim phát ra từ cổng HDMI.

● Record command (Lệnh ghi)

Khi ghi phim được phát ra từ cổng HDMI tới thiết bị ghi ngoài, máy ảnh có thể đồng bộ chức năng bắt đầu/dừng quay phim với quá trình ghi của thiết bị ghi ngoài.

Enable (Bật) : Đồng bộ chức năng bắt đầu/dừng quá trình ghi của thiết bị ghi ngoài với chức năng bắt đầu/dừng quay phim của máy ảnh.

Disable (Tắt) : Điều khiển quá trình bắt đầu/dừng ghi từ thiết bị ghi ngoài.



Để kiểm tra xem thiết bị ghi ngoài có tương thích với [Time code (Mã thời gian)] hoặc [Rec command (Lệnh ghi)] hay không, hãy tham vấn nhà sản xuất.

Chỉnh khung

Nếu cài đặt tốc độ khung hình là 29.97P (29,97 fps) hoặc 59.94P (59,94 fps), số lượng khung theo mã thời gian có thể gây ra sai lệch giữa thời gian thực tế và mã thời gian. Sai lệch này sẽ được hiệu chỉnh tự động. Chức năng hiệu chỉnh này gọi là “chỉnh khung”.

Enable (Bật) : Hiệu chỉnh sai lệch tự động bằng cách bỏ qua mã số thời gian (DF: Chỉnh khung).

Disable (Tắt) : Không hiệu chỉnh sai lệch (NDF: Không chỉnh khung).

Mã thời gian sẽ được hiển thị như sau:

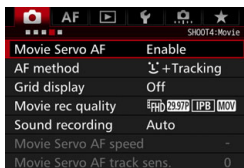
Bật (DF) : 00:00:00. (Thời gian xem lại: 00:00:00.00)

Tắt (NDF) : 00:00:00: (Thời gian xem lại: 00:00:00.00)



Chỉnh khung không sử dụng được nếu tốc độ khung hình là 23.98P (23,98 fps), 24.00P (24,00 fps), 25.00P (25,00 fps) hoặc 50.00P (50,00 fps). (Nếu thiết lập 23.98P / 24.00P hoặc nếu đặt [4:3: Video system (Hệ thống video)] thành [For PAL (Cho PAL)], [Drop frame (Chỉnh khung)] sẽ không hiển thị.)

MENU Cài đặt chức năng menu



Nếu đặt công tắc chụp Live View/Quay phim thành <MF>, các tùy chọn menu quay phim sẽ xuất hiện trong tab [CAMERA 4] và [CAMERA 5] (tab [CAMERA 2] [CAMERA 3] trong <MENU>).

● Movie Servo AF (Lấy nét Servo phim)

Máy ảnh sẽ lấy nét liên tục chủ thể khi quay phim. Cài đặt mặc định là [Enable (Bật)].

Khi đặt thành [Enable (Bật)]:

- Máy ảnh sẽ liên tục lấy nét chủ thể ngay cả khi không nhấn nửa chừng nút chụp.
- Do ống kính hoạt động liên tục nên pin sẽ tiêu tốn năng lượng và thời gian quay phim sẽ giảm (tr.327).
- Với một số loại ống kính, tiếng ồn hoạt động của ống kính trong khi lấy nét có thể bị ghi lại. Trong trường hợp này, bạn có thể sử dụng Micro thu âm stereo định hướng DM-E1 (bán riêng) để giảm tiếng ồn hoạt động của ống kính trong phim. Ngoài ra, sử dụng một ống kính như EF-S18-135mm f/3.5-5.6 IS USM cũng sẽ giảm tiếng ồn hoạt động của ống kính.
- Trong khi lấy nét Servo phim, nếu muốn đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF>, đầu tiên đặt công tắc chụp Live View/Quay phim ở chế độ <CAMERA>.

! Lấy nét Servo phim sẽ không thực hiện được nếu thiết lập FHD 59.94P (59,94 fps) hoặc 50.00P (50,00 fps). Ngoài ra, thời gian lấy nét có thể lâu hơn do sử dụng kiểu AF phát hiện độ tương phản.

- Nếu muốn tiếp tục lấy nét ở một điểm nhất định hoặc tránh ghi lại tiếng ồn do hoạt động của ống kính, bạn có thể tạm dừng lấy nét Servo phim như sau. Khi dừng lấy nét Servo phim, điểm AF sẽ chuyển thành màu xám. Nếu thực hiện các bước dưới đây, quá trình lấy nét Servo phim sẽ tiếp tục.
 - Nhấn nút <L>.
 - Trong [**3: Custom controls (Điều khiển tùy chỉnh)**], nếu một nút được gán chức năng [**AF stop (Dừng lấy nét tự động)**], bạn có thể tạm dừng lấy nét Servo phim trong khi nhấn giữ nút đó. Khi thả nút ra, quá trình lấy nét Servo phim sẽ tiếp tục.
 - Khi tạm dừng lấy nét Servo phim, nếu bạn trở lại chế độ quay phim sau khi nhấn nút <MENU> hoặc <▶> để thay đổi phương pháp AF hoặc thực hiện một số thao tác khác, lấy nét Servo phim sẽ tự động tiếp tục.

Khi đặt thành [Disable (Tắt)]:

- Nhấn nửa chừng nút chụp hoặc nhấn nút <AF-ON> để lấy nét.

● AF method (Phương pháp AF)

Phương pháp AF tương tự như được trình bày trên trang 301-309. Bạn có thể chọn [**┐+Tracking (┐+Theo dõi)**], [**FlexiZone - Multi (Vùng linh hoạt - đa điểm)**] hoặc [**FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)**].



Thận trọng khi đặt [Movie Servo AF (Lấy nét Servo phim)] thành [Enable (Bật)]

- **Các điều kiện chụp khó lấy nét**
 - Chủ thể chuyển động nhanh đang di chuyển đến gần hoặc ra xa khỏi máy ảnh.
 - Chủ thể chuyển động ở khoảng cách gần phía trước máy ảnh.
 - Tham khảo phần “Các điều kiện chụp khó lấy nét” ở trang 308.
- Lấy nét Servo phim sẽ tạm dừng trong chế độ xem phóng to hoặc khi đang zoom.
- Trong khi quay phim, nếu chủ thể đang di chuyển đến gần hoặc ra xa, hoặc nếu di chuyển máy ảnh theo chiều dọc hoặc chiều ngang (lĩa máy), hình ảnh phim được ghi có thể mờ rộng hoặc co lại (thay đổi hệ số phóng to ảnh) trong giây lát.

- **Grid display (Hiển thị khung lưới)**

Khi đặt thành [3x3 

Lưu ý rằng khung lưới sẽ không hiển thị khi quay phim.

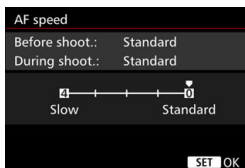
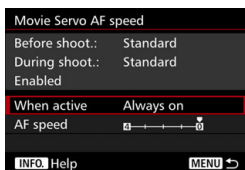
- **Movie recording quality (Chất lượng ghi phim)**

Bạn có thể thiết lập định dạng phim (MOV hoặc MP4), kích thước ghi phim và 24,00p. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 332.

- **Sound recording (Ghi âm)**

Bạn có thể điều chỉnh cài đặt ghi âm. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 338.

● Movie Servo AF speed (Tốc độ lấy nét Servo phim) ☆



Bạn có thể thiết lập tốc độ AF và điều kiện hoạt động của chức năng lấy nét Servo phim.

Chức năng này có thể thiết lập được khi đặt chức năng [**Movie Servo AF (Lấy nét Servo phim)**] thành [**Enable (Bật)**] và [**AF method (Phương pháp AF)**] thành [**FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)**]. Ngoài ra, chức năng này chỉ được bật khi sử dụng ống kính tương thích với chế độ chuyển đổi lấy nét chậm khi quay phim*.

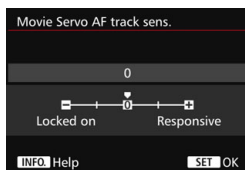
- When active (Thời gian kích hoạt)** : [**Always on (Luôn bật)**] thiết lập tốc độ điều chỉnh AF luôn hoạt động khi quay phim (trước và trong khi quay phim). [**During shooting (Trong khi quay)**] thiết lập tốc độ chỉnh AF chỉ hoạt động trong khi quay phim.
- AF speed (Tốc độ AF)** : Có thể thiết lập tốc độ chỉnh AF (tốc độ chuyển đổi lấy nét) thành một trong năm mức, từ tốc độ tiêu chuẩn sang tốc độ chậm để đạt được hiệu ứng mong muốn.

* Các ống kính hỗ trợ chức năng chuyển đổi lấy nét chậm khi quay phim
Ống kính USM bán trên thị trường từ năm 2009 trở đi và ống kính STM (ví dụ: EF-S 18-135mm f/3.5-5.6 IS STM) hỗ trợ chức năng chuyển đổi lấy nét chậm khi quay phim. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang web của Canon.

Chức năng lấy nét Servo phim sẽ không hoạt động nếu thiết lập **FFHD 59.94P** (59,94 fps) hoặc **50.00P** (50,00 fps), vì thế các cài đặt ở trên sẽ không khả dụng.

Nếu [**AF method (Phương pháp AF)**] được đặt thành [**⌂ + Tracking (⌂ + Theo dõi)**] hoặc [**FlexiZone - Multi (Vùng linh hoạt - đa điểm)**], tốc độ điều chỉnh AF sẽ tương đương với cài đặt [**Standard (Tiêu chuẩn)**].

● **Movie Servo AF tracking sensitivity (Độ nhạy theo dõi lấy nét Servo phim)** ☆



Bạn có thể thay đổi độ nhạy theo dõi lấy nét Servo phim theo một trong năm mức. Thay đổi này ảnh hưởng đến phản ứng độ nhạy theo dõi lấy nét AF khi điểm AF mất dấu chủ thể, như khi di chuyển màn hình hoặc khi có chướng ngại vật vào điểm AF. Chức năng này khả dụng khi cài đặt **[Movie Servo AF (Lấy nét Servo phim)]** thành **[Enable (Bật)]** và **[AF method (Phương pháp AF)]** thành **[FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)]**.

Locked on: -2 (Khóa: -2) / Locked on: -1 (Khóa: -1)

Cài đặt này khiến cho máy ảnh có chiều hướng không theo dõi chủ thể khác nếu điểm AF mất dấu chủ thể ban đầu. Cài đặt -2 khiến cho máy ảnh ít có chiều hướng theo dõi chủ thể khác hơn cài đặt -1. Cài đặt này trở nên có hiệu quả khi bạn muốn ngăn không cho điểm AF nhanh chóng theo dõi chủ thể không phải là chủ thể dự định trong khi lia máy hoặc khi có chướng ngại vật đi vào điểm AF.

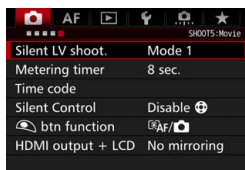
Responsive: +2 (Nhạy cảm: +2) / Responsive: +1 (Nhạy cảm: +1)

Cài đặt này khiến cho máy ảnh phản ứng tốt hơn khi theo dõi chủ thể bao trùm điểm AF. Cài đặt +2 khiến cho điểm AF phản ứng nhanh hơn cài đặt +1. Hiệu quả khi bạn muốn liên tục theo dõi chủ thể di chuyển khi khoảng cách của chủ thể tới máy ảnh thay đổi hoặc lấy nét nhanh chóng vào một chủ thể khác.

⚠ Chức năng lấy nét Servo phim sẽ không hoạt động nếu thiết lập **FHD 59.94P (59,94 fps)** hoặc **50.00P (50,00 fps)**, vì thế những thiết lập trên sẽ trở nên không khả dụng.

📄 Nếu **[AF method (Phương pháp AF)]** được đặt thành **[⌂+Tracking (⌂+Theo dõi)]** hoặc **[FlexiZone - Multi (Vùng linh hoạt - đa điểm)]**, độ nhạy theo dõi lấy nét sẽ tương đương với cài đặt **[0]**.

5



- **Silent LV shooting (Chụp Live View ngắt tiếng) ***

Chức năng này sẽ áp dụng khi đang chụp ảnh. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 299.

- **Metering timer (Hẹn giờ đo sáng) ***

Bạn có thể thay đổi thời gian hiển thị cài đặt phơi sáng (thời gian khóa đo sáng).

- **Time code (Mã thời gian)**

Bạn có thể đặt mã thời gian. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 341-343.

- **Silent Control (Điều khiển yên lặng)**

Khi đã đặt [Enable (Bật)], bạn có thể sử dụng bảng cảm ứng < > và màn hình điều khiển nhanh để thay đổi cài đặt một cách yên lặng trong khi quay phim. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 340.

● button function (Chức năng nút)

Bạn có thể cài đặt chức năng bằng cách nhấn nửa chừng hoặc hoàn toàn nút chụp trong khi quay phim.

Cài đặt	Nhấn nửa chừng	Nhấn hoàn toàn
	Đo sáng và AF	Chụp ảnh
	Chỉ đo sáng	Chụp ảnh
	Đo sáng và AF	Bắt đầu/dừng quay phim
	Chỉ đo sáng	Bắt đầu/dừng quay phim

Nếu đã đặt [] hoặc [], ngoài việc nhấn nút <START/STOP>, bạn có thể bắt đầu/dừng quay phim bằng cách nhấn hoàn toàn nút chụp hay sử dụng Công tắc điều khiển từ xa RS-80N3 hoặc Bộ điều khiển hẹn giờ từ xa TC-80N3 (cả hai đều bán riêng, tr.250). Tuy nhiên không chụp được ảnh nếu đặt [] hoặc [](tr.329).

 Trong khi quay phim, cài đặt [ button function (Chức năng nút )] sẽ ghi đè lên bất cứ chức năng nào được gán cho nút chụp bằng [.3: Custom Controls (Điều khiển tùy chỉnh)].

● HDMI output + LCD (Ngõ ra HDMI + LCD)

Chức năng này dùng để ghi phim HDMI lên một thiết bị ghi ngoài. Cài đặt mặc định là [**No mirroring (Không phản chiếu)**].

[No mirroring (Không phản chiếu)]

- Khi bắt đầu phát phim qua cổng HDMI, màn hình LCD của máy ảnh sẽ tắt.
- Các thông tin về quay phim, điểm AF và những chi tiết khác bị che đi trên phim phát ra từ cổng HDMI. Tuy nhiên, khi xem trên màn hình ngoài kết nối với thiết bị ghi ngoài, bạn có thể nhấn nút <INFO.> để chuyển thành phim không bị che lấp thông tin.
- Nếu như không kết nối cổng HDMI với thiết bị ngoài mà chỉ xem phim trên màn hình LCD của máy ảnh, bạn không thể cài đặt thành phim không bị che lấp thông tin bằng cách nhấn nút <INFO.>.
- Khi ghi đoạn phim không bị che lấp thông tin, hãy sử dụng màn hình ngoài để đảm bảo rằng các thông tin quay phim, điểm AF và các chi tiết khác không hiển thị (xác nhận rằng phim được xuất ra không có thông tin bị che lấp) trước khi ghi.

[Mirroring (Phản chiếu)]

- Phim đồng thời hiển thị trên màn hình LCD và qua cổng HDMI.
- Phim phát ra từ cổng HDMI không hiển thị thông tin quay phim, khung AF và các chi tiết khác (phim không có thông tin che lấp).

Nếu không chạm vào máy ảnh trong hơn 30 phút khi phát qua HDMI, hãy chọn **[No mirroring (Không phản chiếu)]** và đặt **[F2: Auto power off (Tự động tắt nguồn)]** thành **[Disable (Tắt)]** (tr.69).

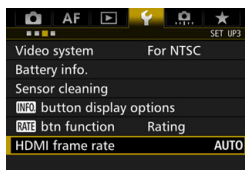


- Nếu phim qua HDMI không có thông tin che lấp, dung lượng thẻ còn lại, dung lượng pin còn lại, cảnh báo nhiệt độ bên trong (tr.353) và các cảnh báo khác sẽ không hiển thị trên màn hình của thiết bị được truyền qua HDMI. Hãy thận trọng khi cài đặt **[No mirroring (Không phản chiếu)]**. Nếu đã cài đặt **[Mirroring (Phản chiếu)]**, bạn có thể kiểm tra các cảnh báo trên màn hình LCD của máy ảnh.
- Khi không quay phim, nguồn sẽ tự động tắt sau khi hết khoảng thời gian **[F2: Auto power off (Tự động tắt nguồn)]**. Nếu đã chọn **[Mirroring (Phản chiếu)]** và đặt **[F2: Auto power off (Tự động tắt nguồn)]** thành **[Disable (Tắt)]**, quá trình truyền qua cổng HDMI sẽ dừng (dừng quay phim) nếu bạn không chạm vào máy ảnh trong 30 phút.
- Phim HDMI sẽ không hiển thị nếu bạn xem lại ảnh hoặc hiển thị menu, ngay cả khi đã cài đặt **[Mirroring (Phản chiếu)]**.
- Tránh chụp ảnh (tr.329) trong khi đang ghi dữ liệu HDMI ra thiết bị ghi ngoài. Một số thiết bị ghi ngoài có thể không đồng bộ mã thời gian hoặc âm thanh với hình ảnh của phim hoặc có thể tạo ra nhiễu âm, khiến cho phim không được ghi đúng như đã định.
- Tùy thuộc vào môi trường xem, độ sáng của phim do máy ảnh quay có thể trông khác với phim phát ra từ cổng HDMI được ghi vào thiết bị ghi ngoài.



- Bạn có thể thay đổi thông tin hiển thị bằng cách nhấn nút **<INFO.>**.
- Bạn có thể gắn mã thời gian vào phim phát ra từ cổng HDMI (tr.343).
- Phim qua HDMI cũng có âm thanh (trừ khi cài đặt **[Sound recording (Ghi âm)]** thành **[Off (Tắt)]**).

3



HDMI frame rate (Tốc độ khung hình HDMI)

Đối với phim HDMI, bạn có thể thiết lập tốc độ khung hình thành **[Auto (Tự động)]**, **[59.94i (59,94i)]/[50.00i (50,00i)]**, **[59.94p (59,94p)]/[50.00p (50,00p)]** hoặc **[23.98p (23,98p)]**. Hãy thiết lập tốc độ khung hình tương thích với thiết bị ghi ngoài có bán trên thị trường mà bạn sử dụng để ghi phim qua cổng HDMI.

 Không thể thiết lập tốc độ khung hình nếu **[24.00p (24,00p)]** cho **[Movie rec quality (Chất lượng ghi phim)]** được đặt thành **[Enable (Bật)]**.

- 
 - Tốc độ khung hình có thể chọn lựa phụ thuộc vào cài đặt [**3: Video system (Hệ thống video)**]. Nếu phim không xuất hiện trên thiết bị đầu ra HDMI, hãy đặt [**3: Video system (Hệ thống video)**] chính xác thành **[For NTSC (Cho NTSC)]** hoặc **[For PAL (Cho PAL)]** (tùy thuộc vào chuẩn video của thiết bị đầu ra).
 - Tốc độ khung hình sẽ được cài đặt tự động nếu tốc độ khung hình được thiết lập bằng tay không tương thích với thiết bị ghi ngoài.
 - Nếu [**3: HDMI frame rate (Tốc độ khung hình HDMI)**] là **[59.94i (59,94i)]** hoặc **[59.94p (59,94p)]** được thiết lập cùng với kích thước ghi phim **[23.98p (23,98p)]** (23,98 fps), phim sẽ bị biến đổi thông qua mô hình kéo thả 2:3.



Các lưu ý chung khi quay phim

Biểu tượng cảnh báo nhiệt độ bên trong máy ảnh <H> màu trắng và <H> màu đỏ

- Nếu nhiệt độ bên trong máy ảnh cao do quay phim trong thời gian dài hoặc điều kiện nhiệt độ xung quanh cao, biểu tượng <H> màu trắng hoặc <H> màu đỏ sẽ xuất hiện.
- Biểu tượng <H> màu trắng cho biết chất lượng ảnh sẽ xấu đi. Bạn nên dừng chụp ảnh một lúc và để máy ảnh nguội đi. Do chất lượng hình ảnh của phim khó có thể bị ảnh hưởng, bạn có thể tiếp tục quay phim.
- Biểu tượng <H> màu đỏ nhấp nháy cho biết quá trình quay phim sẽ sớm dừng tự động. Trong trường hợp này, không thể chụp lại cho đến khi nhiệt độ bên trong máy ảnh giảm xuống. Tắt nguồn và để máy ảnh tạm dừng hoạt động trong chốc lát.
- Quay phim ở nhiệt độ cao trong thời gian dài có thể làm cho các biểu tượng <H> hoặc <H> xuất hiện sớm hơn. Tắt máy ảnh khi không chụp.

Ghi âm và chất lượng hình

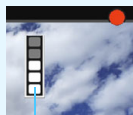
- Nếu ống kính được lắp có hệ thống ổn định hình ảnh và công tắc ổn định hình ảnh (IS) đặt thành <ON>, hệ thống ổn định hình ảnh sẽ luôn hoạt động ngay cả khi không nhấn nửa chừng nút chụp. Hệ thống ổn định hình ảnh tiêu tốn năng lượng pin và có thể làm rút ngắn tổng thời gian quay phim hoặc giảm số lượng ảnh có thể chụp. Nếu sử dụng chân máy hoặc nếu không cần sử dụng hệ thống ổn định hình ảnh, bạn nên đặt công tắc IS thành <OFF>.
- Micro tích hợp sẽ thu lại tiếng hoạt động và tiếng thao tác của máy ảnh trong khi quay phim. Bạn có thể sử dụng Micro thu âm stereo định hướng DM-E1 (bán riêng) để giảm các tiếng này trong phim.
- Chỉ được kết nối micro ngoài vào ngõ vào micro ngoài của máy ảnh.
- Khi sử dụng phơi sáng tự động hoặc tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập, nếu độ sáng khi quay phim thay đổi, phim có thể tạm thời bị dừng hình. Trong trường hợp đó, hãy quay phim với tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ hoặc phơi sáng bằng tay.
- Nếu xuất hiện nguồn sáng rất chói trong ảnh, khu vực sáng có thể hiển thị thành màu đen trên màn hình LCD. Phim sẽ được ghi gần như chính xác giống khi xuất hiện trên màn hình LCD.
- Trong điều kiện ánh sáng yếu, ảnh có thể xuất hiện nhiều hạt hoặc không đều màu. Phim sẽ được ghi gần như chính xác giống khi xuất hiện trên màn hình LCD.
- Nếu xem lại phim trên thiết bị khác, chất lượng hình ảnh hoặc âm thanh có thể xấu đi hoặc không thể xem lại (ngay cả khi thiết bị đó hỗ trợ định dạng MOV/MP4).



Các lưu ý chung khi quay phim

Ghi âm và chất lượng hình

- Nếu sử dụng thẻ có tốc độ ghi chậm, thang đo 5 mức sẽ xuất hiện ở bên phải màn hình trong thời gian quay phim. Thang đo này cho biết lượng dữ liệu chưa được ghi vào thẻ (dung lượng còn lại của bộ nhớ đệm bên trong). Thẻ có tốc độ ghi càng chậm, thang đo tăng lên càng nhanh. Nếu thang đo ở mức cao nhất, quá trình quay phim sẽ tự động dừng lại. Nếu thẻ có tốc độ ghi nhanh, thang đo sẽ không xuất hiện hoặc mức thang (nếu hiển thị) sẽ ít tăng lên. Trước tiên, quay thử một vài đoạn phim để kiểm tra tốc độ ghi của thẻ.
- Nếu đèn báo cho thấy thẻ nhớ đã đầy và tự động dừng quay phim, âm thanh gần cuối phim có thể không được ghi lại hoàn toàn.
- Nếu tốc độ của thẻ ghi giảm (do phân mảnh) và đèn báo xuất hiện, bạn có thể giải quyết vấn đề này bằng cách định dạng thẻ CF (tr.67) hoặc định dạng thẻ SD ở mức thấp (tr.67-68).



Đèn báo

Chụp ảnh trong khi quay phim

- Về chất lượng ảnh, tham khảo phần “Chất lượng ảnh” ở trang 312.

10

Xem lại ảnh

Chương này giới thiệu cách xem lại hoặc xóa ảnh/phim, cách hiển thị ảnh/phim trên màn hình TV và các chức năng liên quan đến xem lại.

Ảnh được chụp và lưu lại bằng thiết bị khác

Máy ảnh không thể hiển thị chính xác ảnh được chụp bằng máy ảnh khác, ảnh được chỉnh sửa bằng máy tính hoặc khi tập tin ảnh đã bị đổi tên.

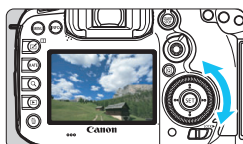
▶ Xem lại ảnh

Hiển thị từng ảnh



1 Phát lại ảnh.

- Nhấn nút <▶>.
- ▶ Ảnh chụp sau cùng hoặc ảnh xem sau cùng sẽ xuất hiện.



2 Chọn ảnh.

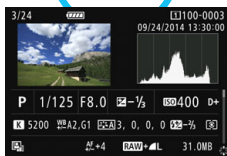
- Để xem lại ảnh bắt đầu từ ảnh chụp cuối cùng, xoay nút xoay <◀> ngược chiều kim đồng hồ. Để xem lại ảnh bắt đầu từ ảnh chụp đầu tiên, xoay nút xoay theo chiều kim đồng hồ.
- Mỗi lần nhấn nút <INFO.>, hiển thị thông tin sẽ thay đổi.



Không có thông tin



Hiển thị thông tin cơ bản



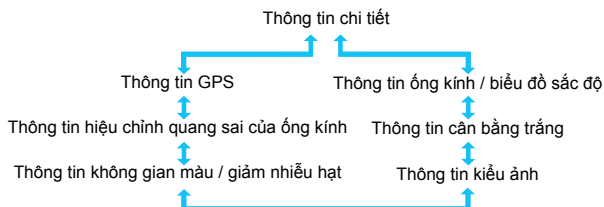
Hiển thị thông tin chụp

3 Thoát xem lại ảnh.

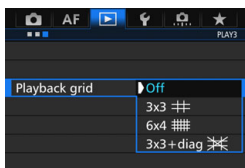
- Nhấn nút <▶> để thoát xem lại ảnh và quay lại trạng thái sẵn sàng chụp.

Hiển thị thông tin chụp

Khi hiển thị màn hình thông tin chụp (tr.356), bạn có thể nghiêng nút <◀▶> lên hoặc xuống để thay đổi thông tin chụp hiển thị ở dưới cùng màn hình như sau. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 359-360.



MENU Hiển thị khung lưới



Trong chế độ hiển thị ảnh đơn và chế độ hiển thị hai ảnh (tr.368), bạn có thể hiển thị khung lưới trên ảnh xem lại.

Với [**▶ 3: Playback grid (Khung lưới xem lại)**], có thể chọn [**3x3** , [**6x4** ] hoặc [**3x3+diag** ] (**3x3+chéo** ).

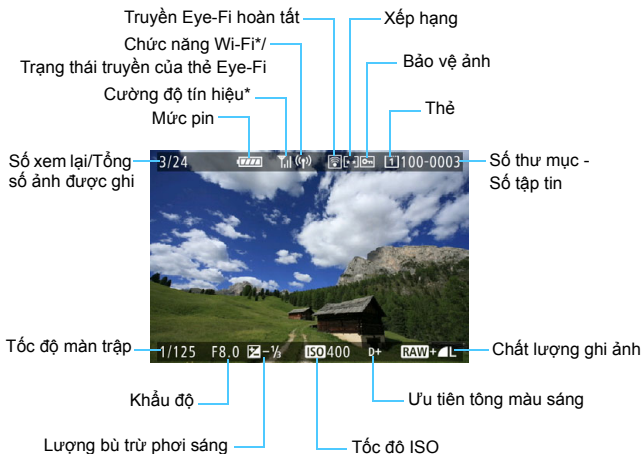
Đây là chức năng tiện lợi để kiểm tra độ nghiêng theo chiều ngang và dọc, cũng như bố cục ảnh.

 Khung lưới không được hiển thị khi xem lại phim.

INFO.: Hiện thị thông tin chụp

Thông tin mẫu cho ảnh

● Hiện thị thông tin cơ bản



* Tham khảo Hướng dẫn sử dụng Thẻ Wi-Fi W-E1.

● Hiển thị thông tin chụp

● Thông tin chi tiết

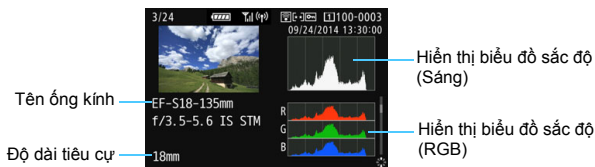


- * Khi chụp với chất lượng ảnh RAW+JPEG, kích thước tập tin ảnh RAW sẽ được hiển thị.
- * Trong quá trình chụp ảnh có flash mà không bù trừ phơi sáng flash, biểu tượng <F> sẽ hiển thị.
- * Biểu tượng <HDR> và lượng điều chỉnh dải tương phản sẽ hiển thị đối với ảnh được chụp ở chế độ HDR.
- * Biểu tượng <D+> sẽ hiển thị đối với ảnh chụp đa phơi sáng.
- * Biểu tượng <NR> sẽ hiển thị đối với ảnh được chụp với giảm nhiễu hạt đa ảnh.
- * Biểu tượng <P> hiển thị cho biết ảnh được chụp trong khi quay phim.
- * Biểu tượng <L> hiển thị cho biết ảnh được điều chỉnh bằng chức năng xử lý ảnh RAW của máy ảnh hoặc thay đổi kích thước và sau đó được lưu lại.

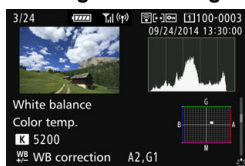


Một số thông tin chụp có thể sẽ không hiển thị nếu ảnh được chụp bằng máy ảnh khác.

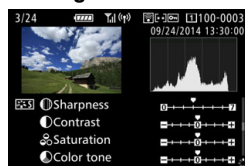
• Thông tin ống kính / biểu đồ sắc độ



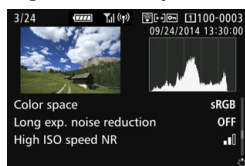
• Thông tin cân bằng trắng



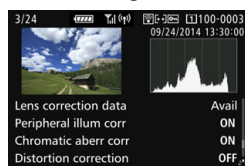
• Thông tin kiểu ảnh



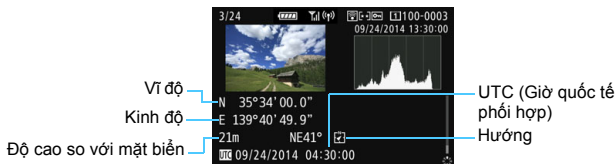
• Thông tin không gian màu / giảm nhiễu hạt



• Thông tin hiệu chỉnh quang sai của ống kính



• Thông tin GPS



 Màn hình thông tin GPS sẽ không hiển thị nếu thông tin GPS không được ghi cho ảnh.

Hiển thị thông tin phim mẫu



- Chế độ <A> và <M>: Tốc độ màn trập, khẩu độ và tốc độ ISO sẽ không hiển thị.
- Chế độ <Tv>: Khẩu độ và tốc độ ISO sẽ không hiển thị.
- Chế độ <Av>: Tốc độ màn trập và tốc độ ISO sẽ không hiển thị.
- Chế độ <M> + ISO tự động: Tốc độ ISO sẽ không hiển thị.

● Cảnh báo vùng sáng

Khi đặt [**3: Highlight alert (Cảnh báo vùng sáng)**] thành [**Enable (Bật)**], khu vực dư sáng sẽ nhấp nháy. Để thu được nhiều chi tiết ảnh hơn ở các khu vực dư sáng, thiết lập bù trừ phơi sáng về số âm rồi chụp lại.

● Hiển thị điểm AF

Khi [**3: AF point disp. (Hiển thị điểm AF)**] được đặt thành [**Enable (Bật)**], điểm AF lấy được nét sẽ hiển thị bằng màu đỏ. Nếu đặt chọn điểm AF tự động, máy ảnh có thể sẽ hiển thị nhiều điểm AF.

● Biểu đồ sắc độ

Biểu đồ độ sáng hiển thị phân phối mức phơi sáng và độ sáng tổng thể. Biểu đồ RGB là để kiểm tra độ bão hòa màu và độ nhạt màu. Màn hình có thể được thay đổi bằng [▶ 3: Histogram disp. (Hiện thị biểu đồ)].

Hiện thị [Brightness (Độ sáng)]

Biểu đồ này là đồ thị hiển thị phân phối mức độ sáng của ảnh. Trục ngang biểu diễn mức độ sáng (tối hơn ở bên trái và sáng hơn ở bên phải), và trục dọc biểu diễn số lượng điểm ảnh tồn tại cho mỗi mức độ sáng. Càng nhiều điểm ảnh về phía bên trái, ảnh sẽ càng tối. Càng nhiều điểm ảnh về phía bên phải, ảnh sẽ càng sáng. Nếu có quá nhiều điểm ảnh ở bên trái, chi tiết vùng tối sẽ mất. Nếu có quá nhiều điểm ảnh ở bên phải, chi tiết vùng sáng sẽ mất. Độ nhạt màu ở khoảng giữa sẽ được tái tạo. Kiểm tra ảnh và biểu đồ độ sáng có thể cho biết độ lệch của mức phơi sáng và độ nhạt màu tổng thể.

Biểu đồ mẫu



Ảnh tối



Độ sáng bình thường



Ảnh sáng

Hiện thị [RGB]

Biểu đồ này là đồ thị hiển thị phân phối của mức độ sáng của mỗi màu chính trong ảnh (RGB hoặc đỏ, xanh lá cây và xanh da trời). Trục ngang biểu diễn mức độ sáng của màu (tối hơn ở bên trái và sáng hơn ở bên phải), và trục dọc biểu diễn số lượng điểm ảnh tồn tại cho mỗi mức độ sáng của màu. Càng nhiều điểm ảnh về phía bên trái, ảnh càng tối và độ ẩm màu càng ít. Càng nhiều điểm ảnh về phía bên phải, ảnh càng sáng và màu càng đậm hơn. Nếu có quá nhiều điểm ảnh ở bên trái, thông tin màu tương ứng sẽ bị thiếu. Nếu có quá nhiều điểm ảnh ở bên phải, màu sẽ quá bão hòa và không có độ nhạt màu.

Kiểm tra biểu đồ RGB của ảnh có thể cho biết tình trạng độ bão hòa và độ nhạt màu của màu, cũng như độ lệch cân bằng trắng.

Tìm kiếm ảnh nhanh chóng

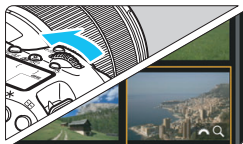
Hiển thị nhiều ảnh trên một màn hình (Hiển thị bảng kê)

Bạn có thể tìm kiếm ảnh nhanh chóng với hiển thị bảng kê 4, 9, 36 hoặc 100 ảnh trên một màn hình.



1 Nhấn nút <Q>.

- Trong khi xem lại ảnh hoặc khi máy ảnh đã sẵn sàng chụp, nhấn nút <Q>.
- [ Q] sẽ hiển thị ở phía dưới bên phải màn hình.



2 Chuyển sang hiển thị bảng kê.

- Xoay nút xoay < > ngược chiều kim đồng hồ.
- Hiển thị bảng kê 4 ảnh sẽ xuất hiện. Ảnh đã chọn được tô sáng bằng khung màu cam.
- Tiếp tục xoay nút xoay < > ngược chiều kim đồng hồ sẽ chuyển từ hiển thị bảng kê 9 ảnh sang 36 ảnh, rồi sang 100 ảnh. Nếu xoay nút xoay theo chiều kim đồng hồ, sẽ chuyển từ hiển thị bảng kê 100 ảnh, 36 ảnh, 9 ảnh, 4 ảnh sang 1 ảnh.



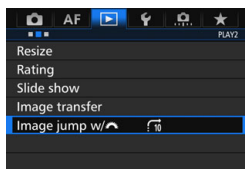
3 Chọn ảnh.

- Xoay nút xoay < > để di chuyển khung màu cam và chọn ảnh.
- Nhấn nút <Q> để tắt biểu tượng [ Q], rồi xoay nút xoay < > để chuyển sang màn hình kế tiếp hoặc ảnh trước đó.
- Nhấn <SET> trong hiển thị bảng kê để hiển thị ảnh đã chọn dưới dạng từng ảnh.



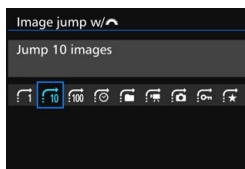
🔍 Nhảy qua các ảnh (Hiện thị nhảy ảnh)

Với hiện thị từng ảnh, bạn có thể xoay nút xoay <🔄> để nhảy qua các ảnh về phía trước hoặc phía sau theo kiểu nhảy ảnh đã thiết lập.



1 Chọn [Image jump w/🔄] (Nhảy ảnh với 🔄).

- Trong tab [▶️2], chọn [Image jump w/🔄] (Nhảy ảnh với 🔄), rồi nhấn <SET>.



2 Chọn kiểu nhảy ảnh.

- Chọn kiểu nhảy ảnh, rồi nhấn <SET>.

▶️1: Hiện thị từng ảnh

▶️10: Nhảy 10 ảnh

▶️100: Nhảy 100 ảnh

📅: Hiện thị theo ngày

📁: Hiện thị theo thư mục

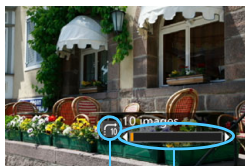
🎞️: Chỉ hiện thị phim

📷: Chỉ hiện thị ảnh

🔒: Chỉ hiện thị ảnh được bảo vệ

★: Hiện thị theo xếp hạng ảnh (tr.373)

Xoay nút xoay <🔄> để chọn.



Kiểu nhảy ảnh

Vị trí xem lại

3 Duyệt ảnh với chức năng nhảy ảnh.

- Nhấn nút < ▶ > để xem lại ảnh.
- Trên hiển thị từng ảnh, xoay nút xoay < ⏮ >.
- ▶ Bạn có thể duyệt ảnh theo cách thức đã đặt.



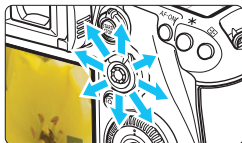
- Để tìm kiếm ảnh theo ngày chụp, chọn [**Date (Ngày)**].
- Để tìm kiếm ảnh theo thư mục, chọn [**Folder (Thư mục)**].
- Nếu thẻ có chứa cả phim và ảnh, chọn [**Movies (Phim)**] hoặc [**Stills (Ảnh)**] để hiển thị một trong hai loại.
- Nếu không có ảnh phù hợp với cài đặt [**Protect (Bảo vệ)**] hoặc [**Rating (Xếp hạng)**], bạn không thể duyệt ảnh bằng nút xoay < ⏮ >.

🔍 Phóng to ảnh

Bạn có thể phóng to ảnh đã chụp khoảng 1,5x đến 10x trên màn hình LCD.



Vị trí khu vực phóng to



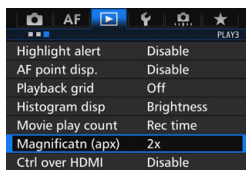
1 Phóng to ảnh.

- Ảnh có thể được phóng to trong các trường hợp sau: 1. Trong khi xem lại ảnh (hiển thị từng ảnh), 2. Trong khi xem lại ảnh sau khi chụp, và 3. Từ trạng thái sẵn sàng chụp.
- Nhấn nút <Q>.
- Xem phóng to sẽ xuất hiện. Khu vực phóng to và [🔍 Q] sẽ hiển thị ở phía dưới bên phải màn hình.
- Tỷ lệ phóng to ảnh sẽ tăng khi xoay nút xoay <🔍> ngược chiều kim đồng hồ. Bạn có thể phóng to ảnh tối đa lên 10x.
- Tỷ lệ phóng to ảnh sẽ giảm khi xoay nút xoay <🔍> theo chiều kim đồng hồ. Chỉ trong trường hợp 1 và 3, tiếp tục xoay nút xoay sẽ chuyển sang hiển thị bảng kê (tr.363).

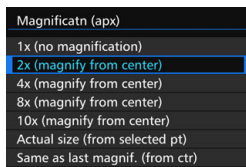
2 Di chuyển quanh ảnh.

- Sử dụng nút <🔍> để di chuyển quanh ảnh phóng to.
- Để thoát hiển thị phóng to, nhấn nút <Q> hoặc <▶> sẽ trở về hiển thị từng ảnh.

- Trong trường hợp 1 và 3, bạn có thể xoay nút xoay <🔍> để xem ảnh khác trong khi giữ nguyên chế độ phóng to.
- Không thể phóng to phim.

MENU Cài đặt phóng to

Trong tab [3] khi chọn [**Magnificatn (apx) (Phóng to (khoảng))**], bạn có thể thiết lập vị trí phóng to ban đầu cho chế độ hiển thị phóng to.



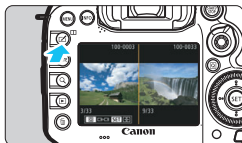
- **1x (no magnification) (1x (không phóng to))**
Ảnh không được phóng to. Hiển thị phóng to sẽ bắt đầu với ảnh đơn.
- **2x, 4x, 8x, 10x (magnify from center) (2x, 4x, 8x, 10x (phóng to từ trung tâm))**
Hiển thị phóng to bắt đầu ở trung tâm ảnh tại mức phóng to đã chọn.
- **Actual size (from selected point) (Kích thước thực tế (từ điểm được chọn))**
Điểm ảnh của ảnh được ghi sẽ hiển thị ở mức xấp xỉ 100%. Hiển thị phóng to bắt đầu tại điểm AF được lấy nét. Nếu ảnh được chụp ở chế độ lấy nét bằng tay, hiển thị phóng to sẽ bắt đầu ở trung tâm ảnh.
- **Same as last magnification (from center) (Giống như lần phóng to gần nhất (từ trung tâm))**
Mức phóng to sẽ giống như lần gần nhất bạn thoát hiển thị phóng to bằng nút < > hoặc < Q >. Hiển thị phóng to bắt đầu ở trung tâm ảnh.



Đối với ảnh chụp ở chế độ [**Ⓛ+Tracking (Ⓛ+Theo dõi)**] hoặc [**FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)**] (tr.301) hoặc khi [**Distortion (Méo hình)**] được đặt thành [**Enable (Bật)**] (tr.184), hiển thị phóng to sẽ bắt đầu ở trung tâm ảnh ngay cả khi đã đặt [**Actual size (from selected pt) (Kích thước thực tế (từ điểm được chọn))**].

So sánh ảnh (Hiện thị hai ảnh)

Bạn có thể so sánh hai ảnh đặt cạnh nhau trên màn hình LCD. Trong chế độ hiển thị hai ảnh, bạn có thể sử dụng hiển thị phóng to, hiển thị nhảy ảnh, bảo vệ, xếp hạng và xóa ảnh.



1 Đặt hiển thị hai ảnh.

- Trong khi xem lại ảnh, nhấn nút .
- Hiện thị bằng kẻ hai ảnh sẽ xuất hiện. Ảnh đã chọn được tô sáng bằng khung màu cam.



2 Chọn ảnh cần so sánh.

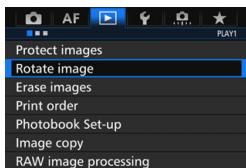
- Nhấn  sẽ chuyển khung màu cam giữa hai ảnh.
- Xoay nút xoay  để chọn ảnh.
- Lặp lại quy trình này để chọn ảnh khác cần so sánh.
- Nếu ảnh bên trái và phải giống nhau, biểu tượng  sẽ xuất hiện ở phía trên bên trái của cả hai ảnh.
- Nhấn nút  để đặt mức phóng to giống nhau và khu vực phóng to cho cả hai ảnh. (Cài đặt phóng to sẽ phù hợp với ảnh không được tô sáng bằng khung màu cam.)
- Giữ nút  để hiển thị ảnh được tô sáng bằng khung màu cam làm ảnh đơn.
- Để trở lại hiển thị trước, nhấn nút .



- Nhấn nút **<INFO.>** để thay đổi hiển thị thông tin.
- Không thể xem lại phim ở chế độ hiển thị hai ảnh.

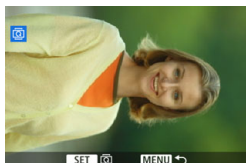
Xoay ảnh

Bạn có thể xoay ảnh hiển thị theo hướng mong muốn.



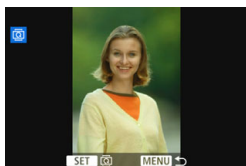
1 Chọn [Rotate image (Xoay ảnh)].

- Trong tab [1], chọn [Rotate image (Xoay ảnh)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn ảnh.

- Xoay nút xoay <⌚> để chọn ảnh cần xoay.
- Bạn có thể chọn ảnh trên hiển thị bằng kê (tr.363).



3 Xoay ảnh.

- Mỗi lần nhấn <SET>, ảnh sẽ xoay theo chiều kim đồng hồ như sau: 90° → 270° → 0°.
- Để xoay ảnh khác, lặp lại bước 2 và 3.

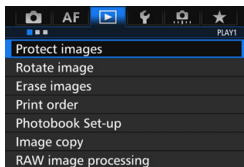


- Nếu đặt [**1: Auto rotate (Xoay tự động)**] thành [**On**] (Bật) (tr.397) trước khi chụp ảnh dọc, không cần xoay ảnh như thao tác trên.
- Nếu ảnh đã xoay không hiển thị theo hướng thiết lập trong khi xem lại ảnh, đặt [**1: Auto rotate (Xoay tự động)**] thành [**On**] (Bật).
- Không thể xoay phim.

Bảo vệ ảnh

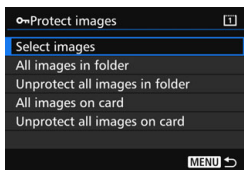
Bảo vệ ảnh khỏi vô tình bị xóa.

MENU Bảo vệ từng ảnh



1 Chọn [Protect images (Bảo vệ ảnh)].

- Trong tab [ 1], chọn [Protect images (Bảo vệ ảnh)], rồi nhấn <  >.



2 Chọn [Select images (Chọn ảnh)].

- Ảnh sẽ hiển thị.

Biểu tượng bảo vệ ảnh



3 Chọn ảnh.

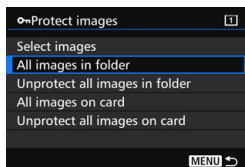
- Xoay nút xoay <  > để chọn ảnh sẽ bảo vệ.
- Có thể chọn ảnh hoặc phim trên hiển thị bằng kê (tr.363).

4 Bảo vệ ảnh.

- Nhấn <  > để bảo vệ ảnh đã chọn. Biểu tượng <  > sẽ xuất hiện ở phía trên cùng của màn hình.
- Để hủy bảo vệ ảnh, nhấn lại <  >. Biểu tượng <  > sẽ biến mất.
- Để bảo vệ ảnh khác, lặp lại bước 3 và 4.

MENU Bảo vệ tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ

Bạn có thể bảo vệ tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ cùng một lúc.



Khi chọn [**All images in folder (Tất cả ảnh trong thư mục)**] hoặc [**All images on card (Tất cả ảnh trên thẻ)**] trong [**1: Protect images (Bảo vệ ảnh)**], tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ sẽ được bảo vệ.

Để hủy bảo vệ ảnh, chọn [**Unprotect all images in folder (Hủy bảo vệ tất cả ảnh trong thư mục)**] hoặc [**Unprotect all images on card (Hủy bảo vệ tất cả ảnh trên thẻ)**].

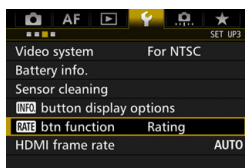
 Nếu định dạng thẻ (tr.67), các ảnh được bảo vệ cũng sẽ bị xóa.



- Bạn cũng có thể đặt bảo vệ phim.
- Không thể xóa ảnh được bảo vệ bằng chức năng xóa của máy ảnh. Để xóa ảnh được bảo vệ, trước tiên phải hủy bảo vệ ảnh.
- Nếu bạn xóa tất cả ảnh (tr.395), thì sẽ chỉ còn lại ảnh được bảo vệ. Tính năng này giúp xóa các ảnh không cần thiết cùng một lúc.
- Khi chọn [**All images on card (Tất cả ảnh trên thẻ)**] hoặc [**Unprotect all images on card (Hủy bảo vệ tất cả ảnh trên thẻ)**], ảnh sẽ được bảo vệ hoặc hủy bảo vệ trên thẻ đã chọn cho [**Record/play (Ghi/phát)**] hoặc [**Playback (Xem lại)**] trong [**1: Record func+card/folder sel. (Chức năng ghi+chọn thẻ/thư mục)**].

Bảo vệ ảnh với nút <RATE>

Trong khi xem lại ảnh, bạn có thể sử dụng nút <RATE> để bảo vệ ảnh.



1 Chọn [RATE] btn function (Chức năng nút RATE)].

- Trong tab [43], chọn [RATE] button function (Chức năng nút RATE)], rồi nhấn <SET>.

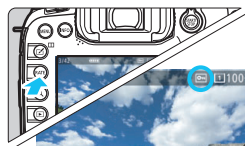


2 Chọn [Protect (Bảo vệ)].



3 Chọn ảnh.

- Nhấn nút <▶> để xem lại ảnh.
- Xoay nút xoay <◉> để chọn ảnh sẽ bảo vệ.
- Có thể chọn ảnh hoặc phim trên hiển thị bằng kê (tr.363).



4 Bảo vệ ảnh.

- Khi nhấn nút <RATE>, ảnh sẽ được bảo vệ và biểu tượng <ON> sẽ xuất hiện.
- Để hủy bảo vệ ảnh, nhấn lại nút <RATE>. Biểu tượng <ON> sẽ biến mất.

Thiết lập xếp hạng

Bạn có thể xếp hạng ảnh (ảnh và phim) với một trong năm dấu xếp hạng sau: [★]/[★★]/[★★★]/[★★★★]/[★★★★★]. Chức năng này được gọi là xếp hạng.

Xếp hạng ảnh bằng nút <RATE>

1 Chọn ảnh.

- Trong khi xem lại ảnh, xoay nút xoay <⌚> để chọn ảnh hoặc phim cần xếp hạng.
- Có thể chọn ảnh hoặc phim trên hiển thị bằng kê (tr.363).



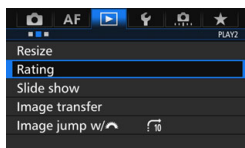
2 Xếp hạng ảnh.

- Mỗi lần nhấn nút <RATE>, dấu xếp hạng sẽ thay đổi: [★]/[★★]/[★★★]/[★★★★]/[★★★★★]/None (Không).
- Để xếp hạng ảnh khác, lặp lại các bước 1 và 2.



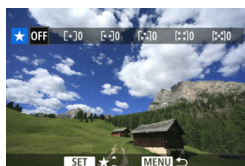
- Nếu đã đặt [**3: RATE** btn function (Chức năng nút **RATE**)] thành [**Protect (Bảo vệ)**], thay đổi thành [**Rating (Xếp hạng)**].
- Nếu nhấn nút <[Q]> khi chọn [**Rating (Xếp hạng)**] trong [**3: RATE** btn function (Chức năng nút **RATE**)], có thể thiết lập dấu xếp hạng được chọn khi nhấn nút <RATE>.

MENU Thiết lập xếp hạng bằng menu



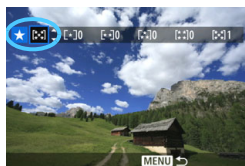
1 Chọn [Rating (Xếp hạng)].

- Trong tab [▶ 2], chọn [Rating (Xếp hạng)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn ảnh.

- Xoay nút xoay <☉> để chọn ảnh hoặc phim cần xếp hạng.
- Nếu nhấn nút <Q> và xoay nút xoay <☉> ngược chiều kim đồng hồ, bạn có thể chọn ảnh từ chế độ hiển thị ba ảnh. Để trở lại chế độ hiển thị từng ảnh, xoay nút xoay <☉> theo chiều kim đồng hồ.



3 Xếp hạng ảnh.

- Nhấn <SET> và khung tô sáng màu xanh da trời sẽ xuất hiện như minh họa trên ảnh chụp màn hình.
- Xoay nút xoay <☉> để chọn thứ hạng, rồi nhấn <SET>.
- Tổng số ảnh và phim xếp đồng hạng sẽ được đếm và hiển thị cho mỗi xếp hạng.
- Để xếp hạng ảnh khác, lặp lại các bước 2 và 3.



Máy ảnh có thể hiển thị tối đa 999 ảnh đồng hạng. Nếu có nhiều hơn 999 ảnh được xếp đồng hạng, biểu tượng [###] sẽ hiển thị.



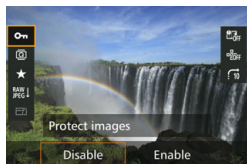
Lợi ích của xếp hạng ảnh

- Khi đặt thành [▶2: Image jump w/  (Nhảy ảnh với )], bạn có thể chỉ hiển thị các ảnh có xếp hạng cụ thể.
- Khi đặt thành [▶2: Slide show (Trình chiếu)], bạn chỉ có thể xem lại ảnh có xếp hạng cụ thể.
- Với Digital Photo Professional (phần mềm EOS, tr.538), bạn có thể chỉ chọn ảnh có xếp hạng cụ thể (chỉ với tập tin ảnh).
- Với Windows 8.1, Windows 8, Windows 7 hoặc Windows Vista, bạn có thể xem xếp hạng của mỗi tập tin trong hiển thị thông tin của tập tin hoặc trong phần mềm xem ảnh đi kèm (chỉ với tập tin ảnh).

Điều khiển nhanh trong khi xem lại

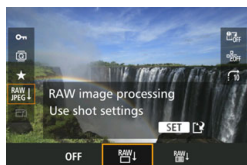
Trong khi xem lại, bạn có thể nhấn nút  để thiết lập các chức năng sau [: **Protect images (Bảo vệ ảnh)**], [: Rotate image (Xoay ảnh)], [: **Rating (Xếp hạng)**], [: RAW image processing (Xử lý ảnh RAW) (chỉ với ảnh RAW)], [: Resize (Thay đổi cỡ ảnh) (chỉ với ảnh JPEG)], [: **Highlight alert (Cảnh báo vùng sáng)**], [: **AF point display (Hiển thị điểm AF)**], và [: Image jump w/ ] (**Nhảy ảnh với **)).

Đối với phim, chỉ có thể thiết lập các chức năng được in đậm ở trên.



1 Nhấn nút .

- Trong khi xem lại ảnh, nhấn nút .
- Tùy chọn điều khiển nhanh sẽ xuất hiện.



2 Chọn một mục và thiết lập.

- Nghiêng nút  lên hoặc xuống để chọn chức năng.
- Cài đặt của chức năng đã chọn sẽ hiển thị ở cuối màn hình.
- Xoay nút xoay  để thiết lập.
- Đối với chức năng xử lý ảnh RAW và thay đổi cỡ ảnh, nhấn  và thiết lập chức năng. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo phần “Xử lý ảnh RAW” ở trang 400 và phần “Thay đổi cỡ ảnh” ở trang 405. Để hủy, nhấn nút .

3 Thoát cài đặt.

- Nhấn nút  để thoát màn hình điều khiển nhanh.



Để xoay ảnh, đặt [**1: Auto rotate (Xoay tự động)**] thành [**On**  ] (**Bật**  ). Nếu đặt [**1: Auto rotate (Xoay tự động)**] thành [**On** ] (**Bật** ) hoặc [**Off (Tắt)**], cài đặt [ **Rotate image (Xoay ảnh)**] sẽ được áp dụng cho ảnh, nhưng máy ảnh sẽ không hiển thị xoay ảnh.



- Nhấn nút < > trong khi hiển thị bảng kê sẽ chuyển sang hiển thị từng ảnh và màn hình điều khiển nhanh sẽ xuất hiện. Nhấn lại nút < > để trở về hiển thị bảng kê.
- Đối với ảnh chụp bằng máy ảnh khác, các chức năng có thể chọn sẽ bị hạn chế.

Thưởng thức phim

Bạn có thể xem lại phim theo 3 cách sau đây:

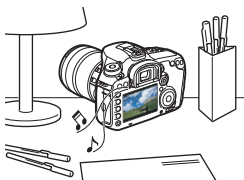
Xem lại trên TV (tr.387)



Kết nối máy ảnh với TV bằng Cáp HDMI HTC-100 (bán riêng) để xem lại ảnh và phim của máy ảnh trên TV.

- ❗ Do máy ghi đĩa cứng không có cổng HDMI IN, máy ảnh không thể kết nối với máy ghi đĩa cứng bằng cáp HDMI.
- Ngay cả khi kết nối máy ảnh với máy ghi đĩa cứng bằng cáp USB, bạn cũng không thể xem lại hay lưu phim và ảnh.

Xem lại trên màn hình LCD của máy ảnh (tr.380-381)



Bạn có thể xem lại phim trên màn hình LCD của máy ảnh. Bạn cũng có thể cắt phim để chỉnh sửa cảnh đầu tiên và cảnh cuối cùng của phim và xem lại ảnh và phim trên thẻ ở chế độ trình chiếu tự động.

- ❗ Phim đã chỉnh sửa bằng máy tính không thể được ghi vào thẻ và xem lại trên máy ảnh.

Xem lại và chỉnh sửa phim trên máy tính (tr.538)

Các tập tin phim đã ghi trên thẻ có thể được truyền sang máy tính và xem lại hoặc chỉnh sửa bằng phần mềm cài đặt sẵn hoặc phần mềm thông dụng tương thích với định dạng ghi phim.



Nếu sử dụng phần mềm bán sẵn trên thị trường để xem lại hoặc chỉnh sửa phim, cần đảm bảo phần mềm tương thích với tập tin MOV hoặc MP4. Để tìm hiểu chi tiết về các phần mềm này, liên hệ với nhà sản xuất phần mềm.

Xem phim



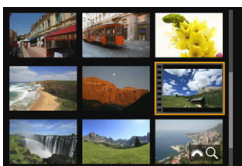
1 Phát lại ảnh.

- Nhấn nút <  > để hiển thị ảnh.



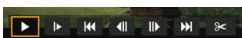
2 Chọn phim.

- Xoay nút xoay <  > để chọn phim cần xem.
- Trên hiển thị từng ảnh, biểu tượng < **SET**  > ở phía trên bên trái biểu thị cho phim.
- Ở hiển thị bảng kê, lỗ rỗng cửa ở rìa bên trái ảnh thu nhỏ biểu thị tập tin phim. **Do không thể xem phim khi hiển thị bảng kê, nhấn <  > để chuyển sang hiển thị từng ảnh.**



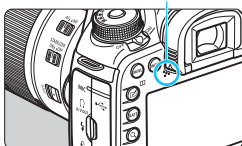
3 Trong màn hình hiển thị từng ảnh, nhấn < >.

- ▶ Bảng điều khiển xem lại phim sẽ xuất hiện ở cuối màn hình.



4 Xem lại phim.

- Chọn [] (Xem), rồi nhấn <  >.
- ▶ Phim sẽ bắt đầu phát.
- Nhấn <  > để tạm dừng xem lại phim.
- Trong khi xem lại phim, bạn có thể điều chỉnh âm lượng bằng cách xoay nút xoay <  >.
- Để tìm hiểu chi tiết về quy trình xem lại, tham khảo trang tiếp theo.



Loa (để phát âm thanh)

- Trước khi nghe âm thanh phim qua tai nghe, vặn nhỏ âm lượng để tránh làm tổn thương tai.
- Máy ảnh không thể phát lại phim được quay bằng máy ảnh khác.

Bảng điều khiển xem lại phim

Thao tác	Mô tả xem lại
 Xem	Nhấn <SET> để chuyển giữa xem lại và tạm dừng phim.
 Chuyển động chậm	Điều chỉnh tốc độ chuyển động chậm bằng cách xoay nút xoay <◀▶>. Tốc độ chuyển động chậm hiển thị ở phía trên bên phải màn hình.
 Khung hình đầu tiên	Hiển thị khung hình đầu tiên của phim.
 Khung hình trước	Mỗi lần nhấn <SET>, khung hình trước đó sẽ hiển thị. Nhấn giữ <SET> để tua lại phim.
 Khung hình tiếp theo	Mỗi lần nhấn <SET>, phim sẽ phát từng khung hình một. Nhấn giữ <SET> để tua nhanh phim.
 Khung hình cuối	Hiển thị khung hình cuối của phim.
 Chỉnh sửa	Hiển thị màn hình chỉnh sửa (tr.382).
	Vị trí xem lại
phút' giây"	Thời gian xem lại (phút:giây với cài đặt [Movie play count: Rec time (Thời lượng chiếu phim: Thời gian ghi)])
hh:mm:ss.ff (DF) hh:mm:ss.ff (NDF)	Mã thời gian (giờ:phút:giây:khung hình với cài đặt [Movie play count: Time code (Thời lượng chiếu phim: Mã thời gian)])
 Âm lượng	Xoay nút xoay <◀▶> để điều chỉnh âm lượng của loa tích hợp (tr.380) hoặc tai nghe.
	Để trở về hiển thị từng ảnh, nhấn nút <MENU>.



- Với Pin LP-E6N được sạc đầy, thời gian xem lại liên tục ở nhiệt độ phòng (23°C/73°F) đạt khoảng 3 tiếng 20 phút.
- Kết nối tai nghe bán sẵn trên thị trường có trang bị chân cắm nhỏ đường kính 3,5 mm với cổng tai nghe của máy ảnh (tr.23) để nghe âm thanh phim (tr.339).
- Khi kết nối máy ảnh với TV để xem lại phim (tr.387), có thể điều chỉnh âm lượng của phim bằng TV. (Không thể thay đổi âm lượng của phim bằng cách xoay nút xoay <◀▶>.) Nếu có âm thanh vọng lại, đặt máy ảnh ra xa khỏi TV hoặc vặn nhỏ âm lượng TV.
- Nếu chụp ảnh trong khi quay phim, ảnh sẽ hiển thị trong khoảng 1 giây khi xem lại phim.

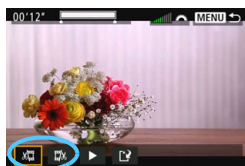
✂ Chỉnh sửa cảnh đầu tiên và cuối cùng của phim

Bạn có thể chỉnh sửa cảnh đầu tiên và cảnh cuối cùng của phim ở mức tăng một giây.



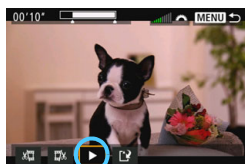
1 Trên màn hình xem lại phim, chọn [✂].

- ▶ Bảng điều khiển chỉnh sửa phim sẽ xuất hiện ở cuối màn hình.



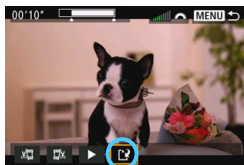
2 Chỉ rõ đoạn phim sẽ cắt để chỉnh sửa.

- Chọn [⏮] (Cắt đoạn đầu) hoặc [⏭] (Cắt đoạn cuối), rồi nhấn <SET>.
- Nghiêng nút <⏮> sang bên trái hoặc phải để xem các khung hình trước hoặc sau. Nhấn giữ phím để tua đi hoặc tua lại các khung hình. Xoay nút xoay <⏮> để xem lại từng khung hình một.
- Sau khi quyết định đoạn phim sẽ cắt để chỉnh sửa, nhấn <SET>. Phần được tô sáng bằng màu xám là phần sẽ được giữ lại.



3 Kiểm tra phim đã chỉnh sửa.

- Chọn [▶] và nhấn <SET> để xem lại phim đã chỉnh sửa.
- Để thay đổi chỉnh sửa, quay lại bước 2.
- Để hủy chỉnh sửa, nhấn nút <MENU>, rồi chọn [OK] trên màn hình xác nhận.



4 Lưu lại phim đã chỉnh sửa.

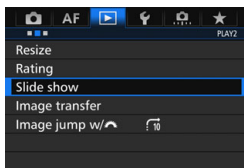
- Chọn [**S**], rồi nhấn <Ⓢ>.
- ▶ Màn hình lưu sẽ xuất hiện.
- Để lưu phim đã chỉnh sửa thành đoạn phim mới, chọn [**New file (Tập tin mới)**]. Để lưu và ghi đè tập tin phim gốc, chọn [**Overwrite (Ghi đè)**], rồi nhấn <Ⓢ>.
- Trên màn hình xác nhận, chọn [**OK**] để lưu lại phim đã chỉnh sửa và trở về màn hình xem lại phim.



- Do phim được chỉnh sửa ở mức tăng khoảng 1 giây (vị trí chỉnh sửa được đánh dấu bằng biểu tượng [✕] ở trên cùng màn hình), vị trí chính xác của phim được chỉnh sửa có thể khác so với vị trí mà bạn chỉ định.
- Nếu thẻ không có đủ dung lượng trống, không thể lập [**New file (Tập tin mới)**].
- Khi mức pin yếu, bạn không thể chỉnh sửa phim. Hãy sử dụng pin đã sạc đầy.
- Không thể sử dụng máy ảnh này để chỉnh sửa các phim quay bằng máy ảnh khác.

MENU Trình chiếu (Tự động xem lại)

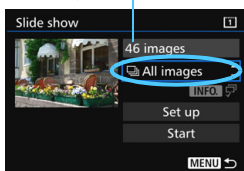
Bạn có thể xem lại ảnh trên thẻ dưới dạng trình chiếu tự động.



1 Chọn [Slide show (Trình chiếu)].

- Trong tab [▶2], chọn [Slide show (Trình chiếu)], rồi nhấn <SET>.

Số lượng ảnh sẽ xem



2 Chọn ảnh sẽ xem.

- Chọn tùy chọn mong muốn trên màn hình, rồi nhấn <SET>.

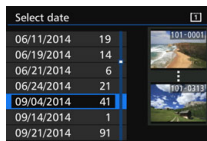
Tất cả ảnh/Phim/Ảnh/Bảo vệ

- Chọn một trong các tùy chọn sau:
[📁 All images (Tất cả ảnh)] [🎞 Movies (Phim)] [📷 Stills (Ảnh)]
[🛡 Protect (Bảo vệ)]. Sau đó, nhấn <SET>.

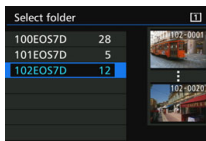
Ngày/Thư mục/Xếp hạng

- Chọn một trong các tùy chọn sau:
[📅 Date (Ngày)] [📁 Folder (Thư mục)] [★ Rating (Xếp hạng)].
- Khi biểu tượng <INFO. ✓> được tô sáng, nhấn nút <INFO.>.
- Chọn cài đặt mong muốn, rồi nhấn <SET>.

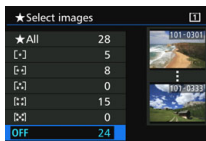
Ngày



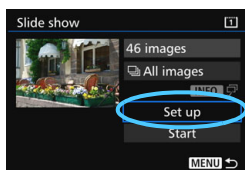
Thư mục



Xếp hạng



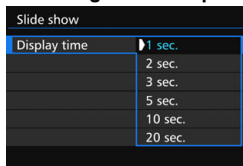
Mục	Mô tả xem lại
All images (Tất cả ảnh)	Xem lại tất cả ảnh và phim trên thẻ.
Date (Ngày)	Xem lại ảnh và phim được chụp/quay vào ngày chụp/quay đã chọn.
Folder (Thư mục)	Xem lại ảnh và phim trong thư mục đã chọn.
Movies (Phim)	Xem lại phim trên thẻ.
Stills (Ảnh)	Xem lại ảnh trên thẻ.
Protected (Đã bảo vệ)	Chỉ xem lại ảnh và phim đã được bảo vệ trên thẻ.
Rating (Xếp hạng)	Xem lại ảnh và phim có xếp hạng đã chọn.



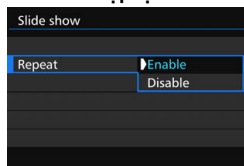
3 Định cấu hình [Set up (Cài đặt)] mong muốn.

- Chọn [Set up (Cài đặt)], rồi nhấn <SET>.
- Thiết lập cài đặt [Display time (Thời gian hiển thị)] và [Repeat (Lặp lại)] cho ảnh.
- Sau khi hoàn tất cài đặt, nhấn nút <MENU>.

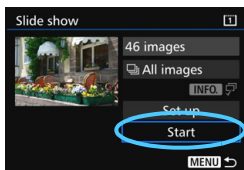
Thời gian hiển thị



Lặp lại



Khi chọn [All images (Tất cả ảnh)], bạn có thể xem lại các ảnh trên thẻ đã chọn cho [Record/play (Ghi/phát)] hoặc [Playback (Xem lại)] trong tab [🔊 1: Record func+card/folder sel. (Chức năng ghi+chọn thẻ/thư mục)].



4 Bắt đầu trình chiếu.

- Chọn [**Start (Bắt đầu)**], rồi nhấn <SET>.
- ▶ Sau khi [**Loading image... (Đang tải ảnh...)**] hiển thị, trình chiếu sẽ bắt đầu.

5 Thoát trình chiếu.

- Để thoát trình chiếu và quay lại màn hình cài đặt, nhấn nút <MENU>.

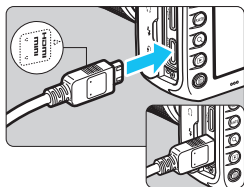


- Nhấn <SET> để tạm dừng trình chiếu. Trong khi tạm dừng, biểu tượng [II] sẽ hiển thị ở phía trên bên trái ảnh. Nhấn lại <SET> để tiếp tục trình chiếu.
- Trong khi xem lại tự động, nhấn nút <INFO> để thay đổi định dạng hiển thị ảnh (tr.356).
- Trong khi xem lại phim, điều chỉnh âm lượng bằng cách xoay nút xoay <VOLUME>.
- Trong khi xem lại tự động hoặc tạm dừng, bạn có thể xoay nút xoay <DISC> để xem ảnh khác.
- Trong khi xem lại tự động, tính năng tự động tắt nguồn sẽ không hoạt động.
- Thời gian hiển thị sẽ khác nhau tùy thuộc vào ảnh.
- Để xem trình chiếu trên TV, tham khảo trang 387.

Xem ảnh trên TV

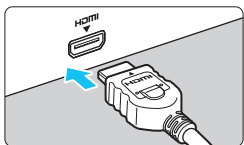
Kết nối máy ảnh với TV bằng cáp HDMI (bán riêng) để xem ảnh và phim của máy ảnh trên TV. Đối với cáp HDMI, bạn nên sử dụng Cáp HDMI HTC-100 (bán riêng).

Nếu hình ảnh không xuất hiện trên màn hình TV, đặt chính xác [▼ 3: Video system (Hệ thống video)] thành [For NTSC (Cho NTSC)] hoặc [For PAL (Cho PAL)] (tùy thuộc vào chuẩn video của TV).



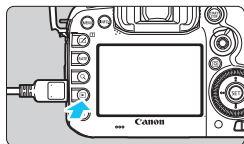
1 Kết nối cáp HDMI với máy ảnh.

- Quay logo <▲ HDMI MINI> của chân cắm về phía trước máy ảnh, rồi cắm chân cắm vào cổng <HDMI OUT>.



2 Kết nối cáp HDMI tới TV.

- Kết nối cáp HDMI tới cổng HDMI IN của TV.



3 Bật TV và chuyển ngõ vào video của TV để chọn cổng đã kết nối.

4 Đặt công tắc nguồn của máy ảnh thành <ON>.

5 Nhấn nút <▶>.

- ▶ Ảnh sẽ xuất hiện trên màn hình TV. (Màn hình LCD của máy ảnh không hiển thị thông tin.)
- Ảnh sẽ tự động hiển thị ở độ phân giải tối ưu của TV.
- Nhấn nút <INFO.> để thay đổi định dạng hiển thị.
- Để xem lại phim, tham khảo trang 380.

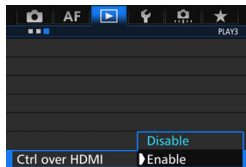


- Điều chỉnh âm lượng của phim bằng TV. Không thể điều chỉnh âm lượng của phim bằng máy ảnh.
- Tắt máy ảnh và TV trước khi kết nối hoặc ngắt kết nối cáp giữa máy ảnh và TV.
- Tùy thuộc vào model TV, phần ảnh hiển thị có thể bị cắt bớt.
- Không kết nối đầu ra của bất kỳ thiết bị nào khác tới cổng <HDMI OUT> của máy ảnh. Làm vậy có thể gây trục trặc cho máy ảnh.
- Một số TV không thể phát phim đã quay.

Sử dụng TV HDMI CEC

Nếu TV được kết nối tới máy ảnh bằng cáp HDMI tương thích với HDMI CEC*, bạn có thể sử dụng điều khiển từ xa của TV để thực hiện thao tác xem lại.

* Chức năng chuẩn HDMI cho phép các thiết bị HDMI điều khiển lẫn nhau, do vậy bạn có thể điều khiển các thiết bị này bằng bộ điều khiển từ xa.



1 Đặt [Ctrl over HDMI (Điều khiển qua HDMI)] thành [Enable (Bật)].

- Trong tab [▶ 3], chọn [Ctrl over HDMI (Điều khiển qua HDMI)], rồi nhấn <SET>.
- Chọn [Enable (Bật)], rồi nhấn <SET>.

2 Kết nối máy ảnh với TV.

- Sử dụng cáp HDMI để kết nối máy ảnh với TV.
- ▶ Đầu vào của TV sẽ tự động chuyển thành cổng HDMI được kết nối với máy ảnh. Nếu không chuyển tự động, sử dụng điều khiển từ xa của TV để chọn cổng HDMI IN sẽ kết nối cáp.

3 Nhấn nút <[]> trên máy ảnh.

- Ảnh sẽ xuất hiện trên màn hình TV và bạn có thể sử dụng điều khiển từ xa của TV để xem lại ảnh.

4 Chọn ảnh.

- Hướng điều khiển từ xa về phía TV và nhấn nút ←/→ để chọn ảnh.

5 Nhấn nút Enter của điều khiển từ xa.

- Menu xuất hiện và bạn có thể thực hiện các thao tác xem lại được trình bày ở bên trái.
- Nhấn nút ←/→ của điều khiển từ xa để chọn tùy chọn mong muốn, rồi nhấn nút Enter. Để trình chiếu, nhấn nút ↑/↓ để chọn một tùy chọn, rồi nhấn nút Enter.
- Nếu chọn **[Return (Quay lại)]** và nhấn nút Enter, menu sẽ biến mất và bạn có thể sử dụng nút ←/→ để chọn ảnh.

Menu xem lại ảnh



Menu xem lại phim



- : Quay lại
- : Bảng kê 9 ảnh
- : Xem phim
- : Trình chiếu
- INFO.** : Hiển thị thông tin chụp
- : Xoay ảnh



Trong khi hiển thị hai ảnh (tr.368), không thể sử dụng điều khiển từ xa của TV để xem lại. Nếu muốn xem lại bằng điều khiển từ xa của TV, trước tiên nhấn nút <[]> để trở về chế độ hiển thị ảnh đơn.

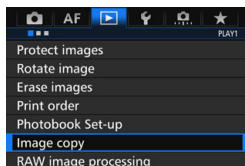


- Một số TV yêu cầu bạn phải bật kết nối HDMI CEC trước. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo hướng dẫn sử dụng của TV.
- Mặc dù một số TV tương thích với HDMI CEC, nhưng các TV này cũng có thể không hoạt động chính xác. Trong trường hợp này, đặt **[]3: Ctrl over HDMI (Điều khiển qua HDMI)** thành **[Disable (Tắt)]**, rồi sử dụng máy ảnh để điều khiển thao tác xem lại.

Sao chép ảnh

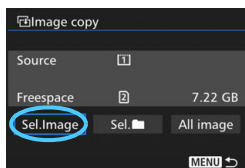
Có thể sao chép ảnh ghi trên thẻ này sang một thẻ khác.

MENU Sao chép từng ảnh



1 Chọn [Image copy (Sao chép ảnh)].

- Trong tab [ 1], chọn [Image copy (Sao chép ảnh)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Sel. Image (Chọn ảnh)].

- Kiểm tra nguồn sao chép, số thẻ đích và dung lượng còn lại của thẻ.
- Chọn [Sel. Image (Chọn ảnh)], rồi nhấn <SET>.

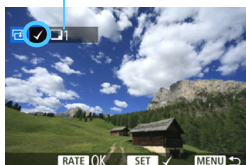


3 Chọn thư mục.

- Chọn thư mục chứa ảnh cần sao chép, rồi nhấn <SET>.
- Kiểm tra các ảnh hiển thị phía bên phải để chọn thư mục mong muốn.
- Máy ảnh sẽ hiển thị các ảnh trong thư mục được chọn.

 Nguồn sao chép là thẻ chọn cho [Record/play (Ghi/phát)] hoặc [Playback (Xem lại)] trong tab [ 1: Record func+card/folder sel. (Chức năng ghi+chọn thẻ/thư mục)].

Tổng số ảnh được chọn

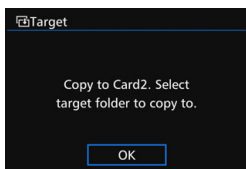


4 Chọn ảnh cần sao chép.

- Xoay nút xoay <⌂> để chọn ảnh cần sao chép, rồi nhấn <SET>.
- ▶ Biểu tượng [✓] sẽ xuất hiện ở phía trên bên trái màn hình.
- Nếu nhấn nút <Q> và xoay nút xoay <⌂> ngược chiều kim đồng hồ, bạn có thể chọn ảnh từ chế độ hiển thị ba ảnh. Để trở lại chế độ hiển thị từng ảnh, xoay nút xoay <⌂> theo chiều kim đồng hồ.
- Để chọn ảnh khác cần sao chép, lặp lại bước 4.

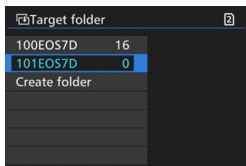
5 Nhấn nút <RATE>.

- Sau khi chọn tất cả ảnh để sao chép, nhấn nút <RATE>.



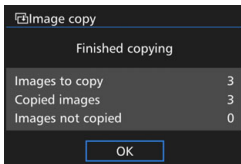
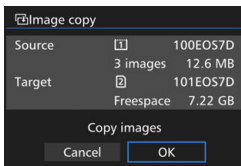
6 Chọn [OK].

- Kiểm tra thẻ sẽ sao chép ảnh, rồi chọn [OK].



7 Chọn thư mục đích.

- Chọn thư mục đích để sao chép ảnh sang, rồi nhấn <SET>.
- Để tạo thư mục mới, chọn [Create folder (Tạo thư mục)].



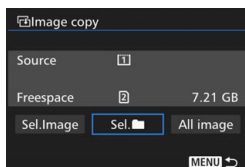
8 Chọn [OK].

- Kiểm tra thông tin thẻ nguồn và thẻ đích, rồi chọn **[OK]**.

- ▶ Quá trình sao chép sẽ bắt đầu và tiến trình sao chép hiển thị.
- Khi hoàn tất sao chép, kết quả sẽ hiển thị. Chọn **[OK]** để trở về màn hình ở bước 2.

MENU Sao chép tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ

Bạn có thể sao chép tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ cùng một lúc.



Trong tab [ **1: Image copy (Sao chép ảnh)**], khi chọn [**Sel. [Folder Icon]** (Chọn [Folder Icon])] hoặc [**All image (Tất cả ảnh)**], bạn có thể sao chép tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ.



- Tên tập tin của ảnh được sao chép sẽ giống với tên tập tin của ảnh gốc.
- Nếu đặt [**Sel.Image (Chọn ảnh)**], không thể sao chép ảnh trong nhiều thư mục cùng một lúc. Chọn ảnh trong từng thư mục để sao chép lần lượt.
- Nếu ảnh được sao chép sang thư mục/thẻ đích chứa ảnh có cùng số tập tin, các thông báo sau sẽ hiển thị: [**Skip image and continue (Bỏ qua ảnh và tiếp tục)**] [**Replace existing image (Thay thế ảnh hiện tại)**] [**Cancel copy (Hủy sao chép)**]. Chọn phương thức sao chép, rồi nhấn **<SET>**.
 - [**Skip image and continue (Bỏ qua ảnh và tiếp tục)**]: Tất cả ảnh trong thư mục gốc có cùng số tập tin với ảnh trong thư mục đích sẽ bị bỏ qua và không được sao chép.
 - [**Replace existing image (Thay thế ảnh hiện tại)**]: Tất cả ảnh trong thư mục đích có cùng số tập tin với ảnh gốc (bao gồm ảnh được bảo vệ) sẽ bị ghi đè.

Nếu ảnh có lệnh in (tr.423) bị ghi đè, bạn sẽ phải đặt lại lệnh in.

- Thông tin lệnh in của ảnh, thông tin truyền ảnh và thông tin sắp xếp sách ảnh sẽ không được lưu giữ khi sao chép ảnh.
- Không thể chụp trong khi thực hiện sao chép. Chọn [**Cancel (Hủy)**] trước khi chụp.

Xóa ảnh

Bạn có thể xóa từng ảnh hoặc xóa nhiều ảnh cùng một lúc. Ảnh được bảo vệ (tr.370) sẽ không bị xóa.

-  **Không thể khôi phục được ảnh đã bị xóa. Đảm bảo chỉ xóa những ảnh không cần thiết. Thực hiện bảo vệ ảnh để ngăn những ảnh quan trọng khỏi vô tình bị xóa. Tính năng xóa ảnh RAW+JPEG sẽ xóa cả ảnh RAW và ảnh JPEG.**

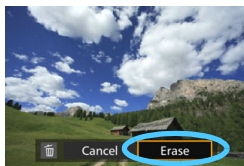
Xóa từng ảnh



1 Xem lại ảnh sẽ xóa.

2 Nhấn nút .

▶ Menu xóa sẽ xuất hiện.



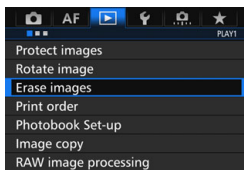
3 Xóa ảnh.

- Chọn [**Erase (Xóa)**], rồi nhấn  >. Ảnh đang hiển thị sẽ bị xóa.

 Đặt [ 4: Default Erase option (Tùy chọn xóa mặc định)] thành [**Erase** selected (Đã chọn [Xóa])] sẽ giúp xóa ảnh nhanh hơn (tr.446).

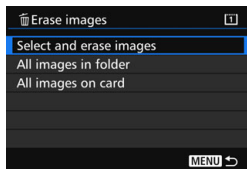
MENU Đánh dấu vào ảnh để xóa cùng một lúc

Đánh dấu  vào các ảnh cần xóa để xóa nhiều ảnh cùng một lúc.



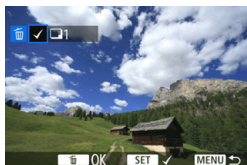
1 Chọn [**Erase images (Xóa ảnh)**].

- Trong tab [ 1], chọn [**Erase images (Xóa ảnh)**], rồi nhấn  >.



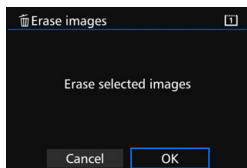
2 Chọn [Select and erase images (Chọn và xóa ảnh)].

- ▶ Ảnh sẽ hiển thị.
- Nếu nhấn nút <Q> và xoay nút xoay <⌚> ngược chiều kim đồng hồ, bạn có thể chọn ảnh từ chế độ hiển thị ba ảnh. Để trở lại chế độ hiển thị từng ảnh, xoay nút xoay <⌚> theo chiều kim đồng hồ.



3 Chọn ảnh sẽ xóa.

- Xoay nút xoay <⌚> để chọn ảnh cần xóa, rồi nhấn <SET>.
- ▶ Dấu chọn [✓] hiển thị ở phía trên bên trái màn hình.
- Để chọn ảnh khác sẽ xóa, lặp lại bước 3.



4 Xóa ảnh.

- Nhấn nút <⌫>, rồi nhấn [OK].
- ▶ Ảnh đã chọn sẽ bị xóa cùng một lúc.

MENU Xóa tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ

Bạn có thể xóa tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ cùng một lúc. Khi đặt [▶ 1: Erase images (Xóa ảnh)] thành [All images in folder (Tất cả ảnh trong thư mục)] hoặc [All images on card (Tất cả ảnh trên thẻ)], tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ sẽ bị xóa.

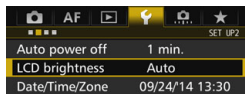


- Định dạng lại thẻ để xóa tất cả ảnh, bao gồm ảnh được bảo vệ (tr.67).
- Khi chọn [All images on card (Tất cả ảnh trên thẻ)], các ảnh trên thẻ đã chọn cho [Record/play (Ghi/phát)] hoặc [Playback (Xem lại)] trong tab [▶ 1: Record func+card/folder sel. (Chức năng ghi+chọn thẻ/thư mục)] sẽ bị xóa.

Thay đổi cài đặt xem lại ảnh

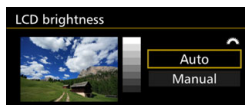
MENU Điều chỉnh độ sáng màn hình LCD

Độ sáng màn hình LCD sẽ được điều chỉnh tự động để đạt hiển thị tối ưu tùy theo mức ánh sáng xung quanh. Bạn cũng có thể thiết lập mức độ sáng điều chỉnh tự động (sáng hơn hoặc tối hơn) hoặc điều chỉnh độ sáng bằng tay.



1 Chọn [LCD brightness (Độ sáng LCD)].

- Trong tab [Y 2], chọn [LCD brightness (Độ sáng LCD)], rồi nhấn <SET>.



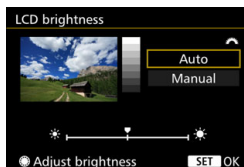
2 Chọn [Auto (Tự động)] hoặc [Manual (Chỉnh tay)].

- Xoay nút xoay <DIAL> để chọn.

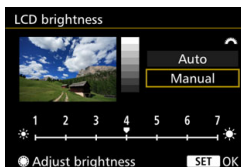
3 Điều chỉnh độ sáng.

- Trong khi xem biểu đồ màu xám, xoay nút xoay <DIAL>, rồi nhấn <SET>.
- Có thể điều chỉnh [Auto (Tự động)] ở một trong ba mức và [Manual (Chỉnh tay)] ở một trong bảy mức.

Điều chỉnh tự động

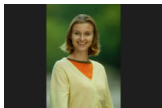


Điều chỉnh bằng tay

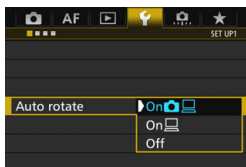


! Khi đặt [Auto (Tự động)], chú ý không dùng tay che khuất cảm biến ánh sáng xung quanh (tr.24) ở phía dưới bên trái nút xoay điều khiển nhanh, v.v...

- Để kiểm tra độ phơi sáng của ảnh, tham khảo biểu đồ (tr.362).
- Trong khi xem lại, nhấn nút <DISP> sẽ hiển thị màn hình ở bước 2.

MENU Tự động xoay ảnh dọc

Ảnh dọc được xoay tự động để hiển thị theo chiều dọc thay vì theo chiều ngang trên màn hình LCD của máy ảnh và trên máy tính. Bạn có thể thay đổi cài đặt cho tính năng này.

**1 Chọn [Auto rotate (Xoay tự động)].**

- Trong tab [**1**], chọn [**Auto rotate (Xoay tự động)**], rồi nhấn **<SET>**.

2 Thiết lập xoay tự động.

- Chọn cài đặt mong muốn, rồi nhấn **<SET>**.

- On** (**Bật**)

Ảnh dọc được xoay tự động trong quá trình xem lại trên màn hình LCD của máy ảnh và trên máy tính.

- On** (**Bật**)

Ảnh dọc chỉ được xoay tự động trên máy tính.

- Off (Tắt)**

Ảnh dọc không được xoay tự động.



Tính năng xoay tự động sẽ không hoạt động với ảnh dọc được chụp khi đặt tính năng xoay tự động thành [**Off (Tắt)**]. Ảnh sẽ không xoay ngay cả khi sau đó bạn chuyển sang [**On (Bật)**] để xem lại.



- Ảnh dọc sẽ không được xoay tự động khi xem lại ảnh ngay sau khi chụp.
- Nếu chụp ảnh dọc khi máy ảnh hướng lên hoặc hướng xuống, ảnh có thể không được xoay tự động khi xem lại.
- Nếu ảnh dọc không xoay tự động trên màn hình máy tính, phần mềm bạn đang sử dụng không hỗ trợ xoay ảnh. Nên sử dụng phần mềm EOS.

[illegible]

11

Xử lý hậu kỳ ảnh

Bạn có thể xử lý ảnh RAW bằng máy ảnh hoặc thay đổi kích cỡ (giảm độ phân giải của) ảnh JPEG.

- Biểu tượng ☆ hiển thị ở phía trên bên phải của tiêu đề trang biểu thị chỉ sử dụng được chức năng này ở các chế độ: <P> <Tv> <Av> <M> .

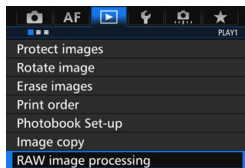


- Máy ảnh không thể xử lý ảnh được chụp bằng máy ảnh khác.
- Xử lý hậu kỳ ảnh trình bày trong chương này không thể thực hiện khi máy ảnh được kết nối với máy tính thông qua cáp nối.

RAW JPEG↓ Xử lý ảnh RAW trên máy ảnh ☆

Bạn có thể xử lý ảnh **RAW** trên máy ảnh và lưu thành ảnh JPEG. Do ảnh RAW không bị thay đổi, bạn có thể xử lý ảnh RAW theo các điều kiện khác nhau để tạo nhiều ảnh JPEG từ ảnh RAW đó.

Lưu ý rằng ảnh **M RAW** và **S RAW** không xử lý được trên máy ảnh. Sử dụng phần mềm Digital Photo Professional (phần mềm EOS, tr.538) để xử lý những ảnh này.



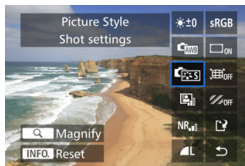
1 Chọn [RAW image processing (Xử lý ảnh RAW)].

- Trong tab [▶ 1], chọn [RAW image processing (Xử lý ảnh RAW)], rồi nhấn <SET>.
- Ảnh **RAW** sẽ hiển thị.



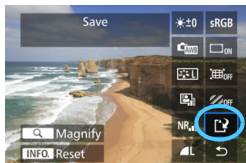
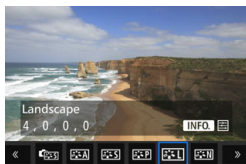
2 Chọn ảnh.

- Xoay nút xoay <◉> để chọn ảnh.
- Nếu nhấn nút <Q> và xoay nút xoay <◉> ngược chiều kim đồng hồ, có thể chọn ảnh từ chế độ hiển thị bằng kẻ.



3 Xử lý ảnh.

- Nhấn <SET> để hiển thị tùy chọn xử lý ảnh RAW (tr.402).
- Sử dụng nút <◉> để chọn tùy chọn, rồi xoay nút xoay <◉> để thiết lập.
- Ảnh hiển thị sẽ phản ánh “điều chỉnh độ sáng”, “cân bằng trắng” và tất cả các cài đặt được điều chỉnh khác.
- Nhấn nút <INFO.> để trở về cài đặt cho ảnh khi chụp.



Hiện thị màn hình cài đặt

- Nhấn <SET> để hiển thị màn hình cài đặt. Xoay nút xoay <◀> hoặc <▶> để thay đổi cài đặt. Nhấn <SET> để kết thúc cài đặt và quay lại màn hình trước đó.

4 Lưu ảnh.

- Chọn [L] (Lưu), rồi nhấn <SET>.
- Chọn [OK] để lưu ảnh.
- Kiểm tra thư mục đích và số tập tin ảnh, rồi chọn [OK].
- Để xử lý ảnh khác, lặp lại từ bước 2 đến bước 4.

Xem phóng to

Nhấn nút <Q> ở bước 3 để phóng to ảnh. Chất lượng ảnh phóng to sẽ khác nhau tùy thuộc vào cài đặt **[Image quality (Chất lượng ảnh)]** trong **[RAW image processing (Xử lý ảnh RAW)]**. Với nút <◀>, bạn có thể di chuyển quanh ảnh phóng to. Để hủy hiển thị phóng to, nhấn lại nút <Q>.

Ảnh với cài đặt tỷ lệ cỡ ảnh

Ảnh chụp với tỷ lệ cỡ ảnh (tr.406) được đặt thành **[4:3]**, **[16:9]** hoặc **[1:1]** sẽ hiển thị với các đường kẻ biểu thị khu vực ảnh. Ảnh JPEG tạo từ ảnh RAW được lưu lại với tỷ lệ cỡ ảnh đã đặt.

Lựa chọn xử lý ảnh RAW

- ☼ ±0 **Điều chỉnh độ sáng**

Bạn có thể điều chỉnh độ sáng tối đa ± 1 điểm với mức tăng 1/3 điểm. Ảnh hiển thị phản ánh hiệu quả của các cài đặt đã thiết lập.

- AWB **Cân bằng trắng** (tr.170)

Bạn có thể chọn cân bằng trắng. Nếu chọn [K] và nhấn nút <INFO.>, bạn có thể thiết lập nhiệt độ màu. Ảnh hiển thị phản ánh hiệu quả của các cài đặt đã thiết lập.

- FA **Kiểu ảnh** (tr.162)

Bạn có thể chọn kiểu ảnh. Nhấn nút <INFO.> để điều chỉnh độ sắc nét và các thông số khác. Ảnh hiển thị phản ánh hiệu quả của các cài đặt đã thiết lập.

- TR **Tự động tối ưu hoá ánh sáng** (tr.177)

Bạn có thể cài đặt chức năng tự động tối ưu hóa ánh sáng. Ảnh hiển thị phản ánh hiệu quả của các cài đặt đã thiết lập.

- NR **Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao** (tr.178)

Bạn có thể cài đặt chức năng giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao. Ảnh hiển thị phản ánh hiệu quả của các cài đặt đã thiết lập. Phóng to ảnh (tr.401) nếu không nhìn thấy rõ các hiệu ứng.

- L **Chất lượng ảnh** (tr.151)

Bạn có thể cài đặt chất lượng ảnh khi tạo ảnh định dạng JPEG.

● **Không gian màu** (tr.189)

Bạn có thể chọn không gian màu sRGB hoặc Adobe RGB. Do màn hình LCD của máy ảnh không tương thích với Adobe RGB, cho dù thiết lập không gian màu là sRGB hay Adobe RGB, ảnh hiển thị trông không quá khác nhau.

● **Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi** (tr.183)

Khi đặt thành **[Enable (Bật)]**, ảnh đã chỉnh sửa sẽ hiển thị. Nếu không nhìn thấy rõ các hiệu ứng, bạn có thể phóng to ảnh (tr.401) và kiểm tra 4 góc màn hình. Sử dụng máy ảnh để thực hiện hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi sẽ không có hiệu quả rõ ràng như khi thực hiện với Digital Photo Professional (phần mềm EOS). Trong trường hợp này, sử dụng Digital Photo Professional để thực hiện hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi.

● **Hiệu chỉnh méo hình** (tr.184)

Có thể hiệu chỉnh hiện tượng méo hình do đặc tính của ống kính. Khi đặt thành **[Enable (Bật)]**, ảnh đã chỉnh sửa sẽ hiển thị. Vùng ngoại vi ảnh sẽ bị cắt trong ảnh chỉnh sửa.

Do độ phân giải của ảnh có thể trông kém rõ nét hơn, điều chỉnh thông số độ sắc nét của kiểu ảnh nếu cần.

● **Hiệu chỉnh sắc sai** (tr.184)

Có thể thực hiện hiệu chỉnh sắc sai (màu bao quanh dọc theo đường viền của chủ thể) do đặc tính của ống kính. Khi đặt thành **[Enable (Bật)]**, ảnh đã chỉnh sửa sẽ hiển thị. Phóng to ảnh (tr.401) nếu không nhìn thấy rõ các hiệu ứng.

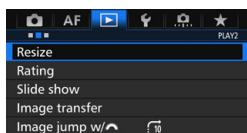
Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi, hiệu chỉnh méo hình và hiệu chỉnh sắc sai

Để thực hiện hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi, hiệu chỉnh méo hình và hiệu chỉnh sắc sai bằng máy ảnh, bạn cần đăng ký dữ liệu hiệu chỉnh của ống kính sử dụng để chụp với máy ảnh. Nếu dữ liệu hiệu chỉnh của ống kính chưa được đăng ký, sử dụng EOS Utility (phần mềm EOS, tr.538) để tiến hành đăng ký.

-  ● Xử lý ảnh RAW trên máy ảnh sẽ có hiệu quả khác với xử lý ảnh RAW với phần mềm Digital Photo Professional.
- Khi xử lý ảnh với **[Distortion (Méo hình)]** đặt thành **[Enable (Bật)]**, thông tin hiển thị điểm AF (tr.361) và dữ liệu xóa bụi (tr.409) sẽ không được thêm vào ảnh.

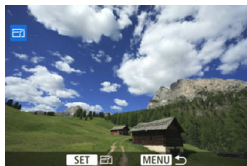
Thay đổi cỡ ảnh JPEG

Bạn có thể thay đổi cỡ ảnh JPEG để giảm độ phân giải và lưu thành ảnh mới. Chức năng thay đổi cỡ ảnh chỉ có thể thực hiện với ảnh JPEG L/M/S1/S2. Không thể thay đổi cỡ ảnh JPEG S3 và ảnh RAW.



1 Chọn [Resize (Thay đổi cỡ ảnh)].

- Trong tab [▶2], chọn [Resize (Thay đổi cỡ ảnh)], rồi nhấn <SET>.
- Ảnh sẽ hiển thị.



2 Chọn ảnh.

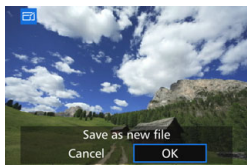
- Xoay nút xoay <◂/◃> để chọn ảnh muốn thay đổi cỡ ảnh.
- Nếu nhấn nút <Q> và xoay nút xoay <◂/◃> ngược chiều kim đồng hồ, có thể chọn ảnh từ chế độ hiển thị bảng kê.



Cỡ ảnh mong muốn

3 Chọn cỡ ảnh mong muốn.

- Nhấn <SET> để hiển thị cỡ ảnh.
- Chọn cỡ ảnh mong muốn, rồi nhấn <SET>.



4 Lưu ảnh.

- Chọn [OK] để lưu ảnh đã thay đổi kích cỡ.
- Kiểm tra thư mục đích và số tập tin ảnh, rồi chọn [OK].
- Để thay đổi kích cỡ của ảnh khác, lặp lại các bước 2 đến 4.

Tùy chọn thay đổi cỡ ảnh theo cỡ ảnh gốc

Cỡ ảnh gốc	Cài đặt thay đổi cỡ ảnh có sẵn			
	M	S1	S2	S3
L	☐	☐	☐	☐
M	☐	☐	☐	☐
S1	☐	☐	☐	☐
S2	☐	☐	☐	☐

Cỡ ảnh

Cỡ ảnh theo tỷ lệ được trình bày trong bảng bên dưới. Dấu sao cho biết số liệu chất lượng ghi ảnh không khớp chính xác với tỷ lệ cỡ ảnh. Trong trường hợp này, ảnh sẽ bị cắt một chút.

Chất lượng ảnh	Tỷ lệ cỡ ảnh và độ phân giải (Ước chừng)			
	3:2	4:3	16:9	1:1
M	3648x2432 (8,9 megapixel)	3248x2432* (7,9 megapixel)	3648x2048* (7,5 megapixel)	2432x2432 (5,9 megapixel)
S1	2736x1824 (5,0 megapixel)	2432x1824 (4,4 megapixel)	2736x1536* (4,2 megapixel)	1824x1824 (3,3 megapixel)
S2	1920x1280 (2,5 megapixel)	1696x1280* (2,2 megapixel)	1920x1080 (2,1 megapixel)	1280x1280 (1,6 megapixel)
S3	720x480 (350.000 pixel)	640x480 (310.000 pixel)	720x408* (290.000 pixel)	480x480 (230.000 pixel)

12

Làm sạch cảm biến

Máy ảnh được trang bị thiết bị tự động làm sạch cảm biến để tự động giữ sạch bụi bám vào mặt trước của cảm biến.

Dữ liệu xóa bụi cũng được lưu trong ảnh để các điểm bám bụi còn sót lại sẽ được xóa tự động bằng Digital Photo Professional (phần mềm EOS, tr.538).

Đối với vết bẩn bám vào mặt trước của cảm biến

Ngoài việc bụi bên ngoài rơi vào trong máy ảnh, trong một số ít trường hợp, dầu bôi trơn của các bộ phận bên trong máy ảnh có thể bám vào mặt trước cảm biến. Nếu vết bẩn vẫn còn sau khi làm sạch cảm biến tự động, bạn nên mang máy đến trung tâm bảo hành của Canon để làm sạch cảm biến.

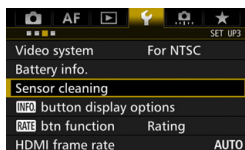


Trong khi thiết bị tự động làm sạch cảm biến đang vận hành, bạn có thể bấm nửa chừng nút chụp để dừng thao tác và bắt đầu chụp ngay.

Làm sạch cảm biến tự động

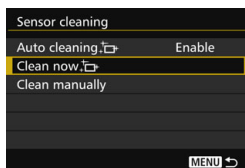
Bất cứ khi nào đặt công tắc nguồn thành <ON> hoặc <OFF>, thiết bị tự động làm sạch cảm biến sẽ hoạt động để giữ sạch bụi trên mặt trước của cảm biến. Thông thường, không cần chú ý tới hoạt động này. Tuy nhiên, bạn có thể thực hiện làm sạch cảm biến bằng tay hoặc tắt chức năng này.

Làm sạch cảm biến ngay



1 Chọn [Sensor cleaning (Làm sạch cảm biến)].

- Trong tab [43], chọn [Sensor cleaning (Làm sạch cảm biến)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Clean now] (Làm sạch ngay)].

- Chọn [Clean now ] (Làm sạch ngay )], rồi nhấn <SET>.
- Chọn [OK].
- Màn hình sẽ cho biết cảm biến đang được làm sạch. (Máy ảnh có thể phát ra tiếng động nhỏ.) Mặc dù màn trập phát ra âm thanh nhưng ảnh sẽ không được chụp.



- Để có kết quả tốt nhất, thực hiện làm sạch cảm biến khi máy ảnh được đặt thẳng đứng và ổn định trên bàn hoặc bề mặt phẳng khác.
- Ngay cả khi thực hiện làm sạch lại cảm biến, kết quả sẽ không cải thiện nhiều. Khi quá trình làm sạch cảm biến kết thúc, tùy chọn [Clean now ] (Làm sạch ngay )] sẽ trở lại trạng thái tạm tắt.

Tắt làm sạch cảm biến tự động

- Ở bước 2, chọn [Auto cleaning ] (Tự động làm sạch )] và đặt thành [Disable (Tắt)].
- Khi đặt công tắc nguồn thành <ON> hoặc <OFF>, làm sạch cảm biến sẽ không thực hiện nữa.

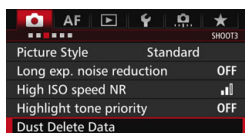
MENU Thêm dữ liệu xóa bụi ☆

Thông thường, thiết bị tự động làm sạch cảm biến sẽ loại bỏ hầu hết bụi có thể nhìn thấy trên ảnh chụp. Tuy nhiên, trong trường hợp vẫn nhìn thấy bụi, bạn có thể thêm dữ liệu xóa bụi vào ảnh để xóa các chấm bụi này. Dữ liệu xóa bụi được Digital Photo Professional (phần mềm EOS, tr.538) sử dụng để xóa tự động các chấm bụi.

Chuẩn bị

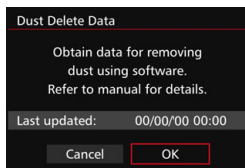
- Chuẩn bị vật màu trắng, ví dụ như một tờ giấy.
- Đặt tiêu cự ống kính từ 50 mm trở lên.
- Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF> và đặt lấy nét thành vô cực (∞). Nếu ống kính không có thước đo khoảng cách, xoay máy ảnh hướng về phía bạn và xoay vòng lấy nét theo chiều kim đồng hồ.

Lấy dữ liệu xóa bụi



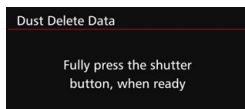
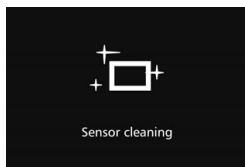
1 Chọn [Dust Delete Data (Dữ liệu xóa bụi)].

- Trong tab [3], chọn [Dust Delete Data (Dữ liệu xóa bụi)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [OK].

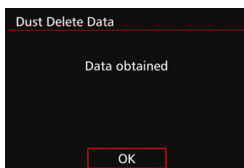
- ▶ Thông báo sẽ xuất hiện sau khi quá trình tự động làm sạch cảm biến kết thúc. Mặc dù màn trập phát ra âm thanh trong khi làm sạch cảm biến, nhưng ảnh sẽ không được chụp.





3 Chụp vật màu trắng đồng nhất.

- Ở khoảng cách 20 cm - 30 cm (0,7 ft. - 1,0 ft.), lấp đầy khung ngắm với vật thể có màu trắng đồng nhất, không có hoa văn, rồi chụp ảnh.
- ▶ Ảnh sẽ được chụp ở chế độ tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ với khẩu độ f/22.
- Do ảnh sẽ không được lưu, nên vẫn lấy được dữ liệu ngay cả khi không có thẻ trong máy ảnh.
- ▶ Khi chụp xong ảnh, máy ảnh sẽ bắt đầu thu thập dữ liệu xóa bụi. Khi có được dữ liệu xóa bụi, thông báo sẽ xuất hiện.
- Nếu không lấy dữ liệu thành công, thông báo lỗi sẽ xuất hiện. Thực hiện theo quy trình “Chuẩn bị” ở trang trước, rồi chọn **[OK]**. Chụp lại ảnh.



Dữ liệu xóa bụi

Sau khi có được dữ liệu xóa bụi, dữ liệu được thêm vào tất cả các ảnh JPEG và RAW chụp sau đó. Trước khi chụp ảnh quan trọng, bạn nên cập nhật dữ liệu xóa bụi bằng cách lấy lại dữ liệu.

Để tìm hiểu chi tiết về cách sử dụng Digital Photo Professional (phần mềm EOS, tr.538) để xóa chấm bụi, tham khảo hướng dẫn sử dụng phần mềm trên đĩa CD-ROM (tr.541).

Dữ liệu xóa bụi được thêm vào ảnh quá nhỏ nên hầu như không ảnh hưởng đến kích thước tập tin ảnh.

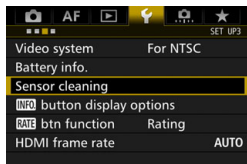


Đảm bảo sử dụng vật màu trắng đồng nhất ví dụ như tờ giấy trắng mới. Hoa văn và thiết kế trên vật thể có thể được nhận biết là dữ liệu bụi và ảnh hưởng đến tính chính xác của việc xóa bụi bằng phần mềm EOS.

MENU Làm sạch cảm biến bằng tay ☆

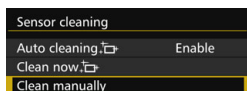
Bụi không loại bỏ được bằng chức năng tự động làm sạch cảm biến có thể được loại bỏ bằng tay với bóng thổi có bán sẵn, v.v... Trước khi làm sạch cảm biến, tháo ống kính khỏi máy ảnh.

Cảm biến hình ảnh rất mỏng manh. Nếu cần làm sạch trực tiếp trên cảm biến, vui lòng đưa máy ảnh đến Trung tâm bảo hành của Canon.



1 Chọn [Sensor cleaning (Làm sạch cảm biến)].

- Trong tab [Y3], chọn **[Sensor cleaning (Làm sạch cảm biến)]**, rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Clean manually (Làm sạch bằng tay)].



3 Chọn [OK].

- Trong giây lát, gương lật sẽ được lật lên và màn trập sẽ mở.
- Thông báo "**CLn**" sẽ nhấp nháy trên bảng điều khiển LCD.

4 Làm sạch cảm biến.

5 Kết thúc làm sạch cảm biến.

- Đặt công tắc nguồn thành <OFF>.



- Nếu sử dụng pin, đảm bảo pin được sạc đầy.
- Nếu sử dụng Bộ pin BG-E16 (bán riêng) lắp pin AA/LR6, bạn sẽ không thể làm sạch cảm biến bằng tay.



Về nguồn điện, đề nghị sử dụng Bộ nối nguồn DC DR-E6 (bán riêng) và Bộ điều hợp AC AC-E6N (bán riêng).



- **Khi đang làm sạch cảm biến, tuyệt đối không thực hiện các thao tác sau đây. Nếu cắt nguồn, màn trập sẽ đóng và có thể gây hư hại cho màn trập và cảm biến hình ảnh.**
 - **Đặt công tắc nguồn thành <OFF>.**
 - **Tháo hoặc lắp pin.**
- Bề mặt của cảm biến hình ảnh rất mỏng manh. Cần thận khi làm sạch cảm biến.
- Sử dụng bóng thổi không kèm chổi. Chổi có thể làm xước cảm biến.
- Không đưa đầu bóng thổi vào trong ngàm ống kính của máy ảnh. Nếu tắt nguồn, màn trập sẽ đóng và có thể gây hư hại cho màn trập và gương lật.
- Tuyệt đối không sử dụng bình xịt không khí hoặc khí nén để làm sạch cảm biến. Lực thổi có thể làm hỏng cảm biến hoặc khí xịt có thể đóng băng trên cảm biến và làm xước cảm biến.
- Khi đang làm sạch cảm biến, nếu mức pin yếu, tiếng bíp sẽ phát ra để cảnh báo. Tạm dừng làm sạch cảm biến.
- Nếu vẫn còn vết bẩn không thể loại bỏ bằng bóng thổi, vui lòng mang máy ảnh đến Trung tâm bảo hành của Canon để làm sạch cảm biến.

13

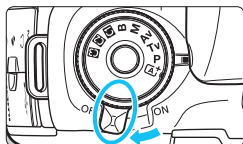
In ảnh và truyền ảnh vào máy tính

- **In ảnh (tr.416)**
Bạn có thể kết nối máy ảnh trực tiếp với máy in và in ảnh trong thẻ. Máy ảnh tương thích với tiêu chuẩn in trực tiếp “PictBridge”.
- **Định dạng lệnh in kỹ thuật số (DPOF) (tr.423)**
DPOF (Digital Print Order Format - Định dạng lệnh in ảnh số) cho phép in ảnh đã ghi trong thẻ theo các hướng dẫn in bao gồm chọn ảnh, số lượng in, v.v... Bạn có thể in nhiều ảnh cùng một lúc hoặc đặt in với tiệm rửa ảnh.
- **Truyền ảnh vào máy tính (tr.427)**
Bạn có thể kết nối máy ảnh với máy tính và thao tác máy ảnh để truyền ảnh ghi trên thẻ sang máy tính.
- **Chỉ định ảnh cho sách ảnh (tr.431)**
Bạn có thể chỉ định ảnh trong thẻ để in thành sách ảnh.

Chuẩn bị in

Quy trình in trực tiếp có thể được thực hiện hoàn toàn bằng máy ảnh với màn hình LCD.

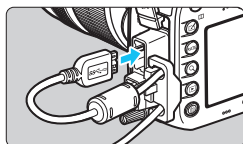
Kết nối máy ảnh với máy in



1 Đặt công tắc nguồn của máy ảnh thành <OFF>.

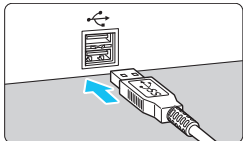
2 Cài đặt máy in.

- Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo hướng dẫn sử dụng của máy in.



3 Kết nối máy ảnh với máy in.

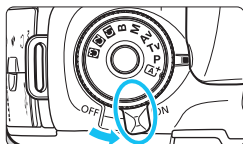
- Sử dụng cáp nối kèm theo máy ảnh.
- Khi kết nối cáp với máy ảnh, hãy sử dụng đầu giữ cáp (tr.34). Kết nối cáp với cổng digital với biểu tượng <SS> của chân cắm hướng về phía sau máy ảnh.
- Để kết nối với máy in, tham khảo hướng dẫn sử dụng của máy in.



4 Bật máy in.

5 Đặt công tắc nguồn của máy ảnh thành <ON>.

- ▶ Một số máy in có thể phát ra tiếng bíp.





6 Phát lại ảnh.

- Nhấn nút <  >.
- ▶ Ảnh sẽ xuất hiện với biểu tượng <  > ở phía trên bên trái màn hình biểu thị máy ảnh đã được kết nối với máy in.



- Đảm bảo máy ảnh có cổng kết nối PictBridge.
- Sử dụng cáp nối đi kèm hoặc cáp chính hãng Canon (tr.480). Khi kết nối với cáp nối, sử dụng đầu giữ cáp đi kèm (tr.34).
- Bạn không thể in phim.
- Bạn không thể sử dụng máy ảnh với máy in chỉ tương thích với CP Direct hoặc Bubble Jet Direct.
- Nếu xuất hiện tiếng bíp dài ở bước 5, máy in có thể gặp trục trặc. Giải quyết vấn đề hiển thị trong thông báo lỗi (tr.422).
- Bạn sẽ không thể in nếu thiết lập chế độ giảm nhiễu hạt đa ảnh hoặc chế độ HDR.



- Bạn cũng có thể in các ảnh RAW được chụp bằng máy ảnh này.
- Nếu sử dụng pin để cấp nguồn cho máy ảnh, đảm bảo pin được sạc đầy. Với pin được sạc đầy, bạn có thể thực hiện in trong khoảng 3 giờ.
- Tắt máy ảnh và máy in trước khi ngắt kết nối cáp. Giữ chân cắm (không giữ dây) để rút cáp ra.
- Đối với in trực tiếp, đề nghị sử dụng Bộ nối nguồn DC DR-E6 (bán riêng) và Bộ điều hợp AC AC-E6N (bán riêng) để cung cấp nguồn cho máy ảnh.

In ảnh

Thông tin hiển thị trên màn hình và tùy chọn cài đặt sẽ khác nhau tùy thuộc vào máy in. Một số cài đặt có thể không có sẵn. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo hướng dẫn sử dụng của máy in.

Biểu tượng kết nối máy in



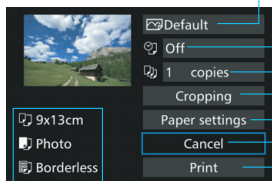
1 Chọn ảnh sẽ in.

- Kiểm tra biểu tượng <🖨️> được hiển thị ở phía trên bên trái của màn hình LCD.
- Xoay nút xoay <🕒> để chọn ảnh sẽ in.

2 Nhấn <SET>.

- ▶ Màn hình cài đặt in sẽ xuất hiện.

Màn hình cài đặt in



Đặt hiệu ứng in (tr.418).

Đặt in ngày hoặc số tập tin thành bật hoặc tắt (tr.419).

Đặt số lượng sẽ in (tr.419).

Đặt khu vực in (tr.421).

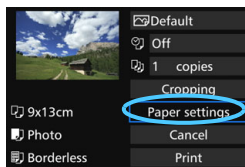
Đặt khổ giấy, kiểu giấy và bố cục giấy (tr.417).

Quay lại màn hình ở bước 1.

Bắt đầu in.

Hiển thị khổ giấy, kiểu giấy và bố cục giấy đã đặt.

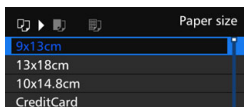
*** Tùy thuộc vào máy in, một số cài đặt nhất định như in ngày, số tập tin và cắt ảnh có thể không chọn được.**



3 Chọn [Paper settings (Cài đặt giấy)].

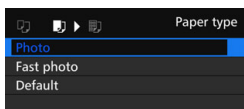
- ▶ Màn hình cài đặt giấy sẽ xuất hiện.

Cài đặt khổ giấy



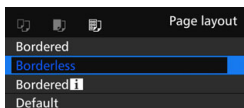
- Chọn khổ giấy được nạp vào máy in, rồi nhấn <SET>.
- Màn hình kiểu giấy sẽ xuất hiện.

Cài đặt kiểu giấy



- Chọn kiểu giấy được nạp vào máy in, rồi nhấn <SET>.
- Màn hình trình bày ảnh sẽ xuất hiện.

Cài đặt trình bày ảnh

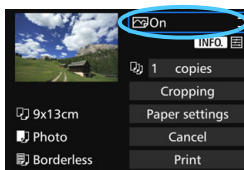


- Chọn trình bày ảnh, rồi nhấn <SET>.
- Màn hình cài đặt in sẽ xuất hiện lại.

Bordered (Có viền)	Bản in sẽ có viền trắng dọc theo rìa ảnh.
Borderless (Không có viền)	Bản in sẽ không có viền. Trong trường hợp máy in chỉ có thể in có viền, bản in sẽ được in có viền.
Bordered [icon] (Có viền [icon])	Thông tin chụp* ¹ sẽ được in trên viền của bản in có kích thước từ 9x13 cm trở lên.
xx-up (nhân xx)	Tùy chọn để in 2, 4, 8, 9, 16 hoặc 20 ảnh trên một tờ.
20-up [icon] (nhân 20 [icon]) 35-up [icon] (nhân 35 [icon])	20 hoặc 35 ảnh sẽ được in dưới dạng hình thu nhỏ trên giấy khổ A4 hoặc Letter* ² . • [20-up [icon] (nhân 20 [icon])] sẽ in thông tin chụp* ¹ .
Default (Mặc định)	Trình bày ảnh sẽ khác nhau tùy thuộc vào model máy in hoặc cài đặt của máy in.

*1: Thông tin từ dữ liệu Exif như tên máy ảnh, tên ống kính, chế độ chụp, tốc độ màn trập, lượng bù trừ phơi sáng, tốc độ ISO, cân bằng trắng, v.v... sẽ được in.

*2: Sau khi đặt lệnh in với "Định dạng lệnh in ảnh kỹ thuật số (DPOF)" (tr.423), bạn nên in theo "In trực tiếp ảnh đã đặt lệnh in" (tr.426).



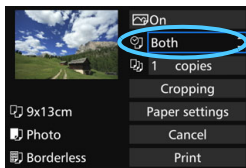
4 Đặt hiệu ứng in.

- Cài đặt các hiệu ứng nếu cần. Nếu không, chuyển đến bước 5.
- **Nội dung được hiển thị trên màn hình thay đổi tùy thuộc vào máy in.**
- Chọn cài đặt, rồi nhấn <SET>.
- Chọn hiệu ứng in mong muốn, rồi nhấn <SET>.
- Nếu biểu tượng <INFO> được tô sáng, bạn cũng có thể điều chỉnh hiệu ứng in (tr.420).

Hiệu ứng in	Mô tả
On (Bật)	Ảnh sẽ được in với chế độ màu tiêu chuẩn của máy in. Dữ liệu Exif của ảnh được dùng để chỉnh sửa tự động.
Off (Tắt)	Không áp dụng chỉnh sửa tự động.
VIVID (Rực rỡ)	Ảnh sẽ được in với độ bão hòa cao hơn để tạo màu xanh da trời và xanh lá cây trông sống động hơn.
NR (Giảm nhiễu)	Giảm nhiễu ảnh trước khi in.
B/W B/W (Đen trắng)	In ảnh đen trắng với màu đen thật.
B/W Cool tone (Đen trắng tông lạnh)	In ảnh đen trắng với màu đen xanh có tông lạnh.
B/W Warm tone (Đen trắng tông ấm)	In ảnh đen trắng với màu đen vàng có tông ấm.
Natural (Tự nhiên)	In ảnh với màu và độ tương phản thực. Không áp dụng điều chỉnh màu tự động.
Natural M (Tự nhiên M)	Các đặc tính in giống với cài đặt “Natural” (Tự nhiên). Tuy nhiên, cài đặt này cho phép điều chỉnh in mịn hơn so với “Natural” (Tự nhiên).
Default (Mặc định)	Chức năng in sẽ khác nhau tùy thuộc vào máy in. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo hướng dẫn sử dụng của máy in.

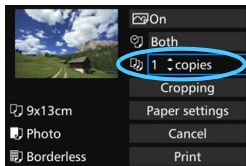
* Khi bạn thay đổi hiệu ứng in, các thay đổi sẽ được hiển thị ở phía trên bên trái màn hình. Lưu ý rằng ảnh được in có thể trông khác so với ảnh hiển thị vì ảnh hiển thị chỉ là gần chính xác. Điều này cũng xảy ra với [Brightness (Độ sáng)] và [Adjust levels (Điều chỉnh mức)] ở trang 420.

ⓘ Khi tạo bản in ảnh RAW hoặc RAW+JPEG kích thước lớn, nên in ảnh L JPEG tạo bởi quá trình xử lý ảnh RAW (tr.400) hoặc in qua phần mềm Digital Photo Professional (phần mềm EOS, tr.538).



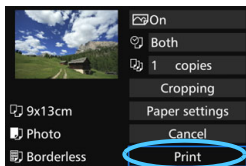
5 Đặt in ngày và số tập tin.

- Cài đặt các tính năng này nếu cần.
- Chọn <☞>, rồi nhấn <SET>.
- Thiết lập cài đặt in mong muốn, rồi nhấn <SET>.



6 Đặt số lượng bản in.

- Thiết lập tính năng này nếu cần.
- Chọn <☞>, rồi nhấn <SET>.
- Chọn số lượng bản sao, rồi nhấn <SET>.



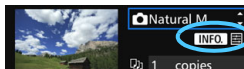
7 Bắt đầu in.

- Chọn [Print (In)], rồi nhấn <SET>.



- Cài đặt [**Default (Mặc định)**] cho hiệu ứng in và các tùy chọn khác là cài đặt mặc định của máy in do nhà sản xuất máy in quy định. Để tìm hiểu về cài đặt [**Default (Mặc định)**], tham khảo hướng dẫn sử dụng của máy in.
- Tùy thuộc vào kích thước tập tin của ảnh và chất lượng ghi ảnh, có thể mất một khoảng thời gian để bắt đầu in sau khi chọn [**Print (In)**].
- Thời gian in ảnh đã chỉnh độ nghiêng (tr.421) sẽ dài hơn.
- Để dừng in, nhấn <SET> khi thông báo [**Stop (Dừng)**] hiển thị rồi chọn [OK].
- Nếu bạn thực hiện [**4: Clear all camera settings (Xóa tất cả cài đặt của máy ảnh)**] (tr.70), tất cả cài đặt sẽ trở về mặc định.

Điều chỉnh hiệu ứng in



Chọn hiệu ứng in ở bước 4 trang 418. Khi các biểu tượng <INFO> được tô sáng, bạn có thể nhấn nút <INFO>, rồi điều chỉnh hiệu ứng in. Những hiệu ứng in có thể điều chỉnh hoặc thông tin được hiển thị sẽ phụ thuộc vào lựa chọn ở bước 4.

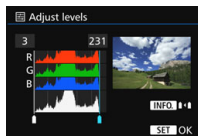
Brightness (Độ sáng)

Bạn có thể điều chỉnh độ sáng ảnh.

Adjust levels (Điều chỉnh mức)

Khi chọn [Manual (Chỉnh tay)], bạn có thể thay đổi phân phối của biểu đồ và điều chỉnh độ sáng và độ tương phản của ảnh.

Khi màn hình điều chỉnh mức hiển thị, nhấn nút <INFO> để thay đổi vị trí của con trỏ <I>. Xoay nút xoay <R> để tùy ý điều chỉnh mức tối (0 - 127) hoặc mức sáng (128 - 255).



Brightener (Tác nhân làm sáng)

Có hiệu quả khi khuôn mặt của chủ thể trông tối do chụp ngược sáng. Khi đặt thành [On (Bật)], khuôn mặt sẽ được làm sáng.

Red-eye corr. (Chỉnh mắt đỏ)

Có hiệu quả khi chủ thể có mắt đỏ do chụp flash. Khi đặt thành [On (Bật)], hiện tượng mắt đỏ sẽ được chỉnh sửa.



- Các hiệu ứng [Brightener (Tác nhân làm sáng)] và [Red-eye corr. (Chỉnh mắt đỏ)] sẽ không hiển thị trên màn hình.
- Khi chọn [Detail set. (Cài đặt chi tiết)], bạn có thể điều chỉnh [Contrast (Độ tương phản)], [Saturation (Bão hòa màu)], [Color tone (Tông màu)] và [Color balance (Cân bằng màu)]. Để điều chỉnh [Color balance (Cân bằng màu)], sử dụng nút <A>. B là màu xanh da trời, A là màu hồ phách, M là màu đỏ tía và G là màu xanh lá cây. Cân bằng màu của ảnh sẽ được chỉnh về màu đã chọn.
- Nếu chọn [Clear all (Xóa tất cả)], tất cả các cài đặt hiệu ứng in sẽ trở về mặc định.

Cắt ảnh

Chỉnh nghiêng ảnh



Bạn có thể cắt ảnh và in bản phóng to của phần đã cắt như một cách bố cục lại ảnh.

Thực hiện cắt ảnh trước khi in. Nếu thay đổi cài đặt in sau khi đặt cắt ảnh, bạn vẫn phải thực hiện cắt ảnh trước khi in.

1 Trên màn hình cài đặt in, chọn [Cropping (Cắt ảnh)].

2 Đặt kích cỡ, vị trí và tỷ lệ cỡ ảnh của khung cắt ảnh.

- Khu vực ảnh nằm trong khung cắt ảnh sẽ được in. Bạn có thể thay đổi tỷ lệ cỡ ảnh của khung cắt ảnh bằng [Paper settings (Cài đặt giấy)].

Thay đổi kích thước khung cắt ảnh

Xoay nút xoay < > để thay đổi kích thước khung cắt ảnh. Khung cắt ảnh càng nhỏ, hệ số phóng to ảnh để in càng lớn.

Di chuyển khung cắt ảnh

Sử dụng nút < > để di chuyển khung trên ảnh theo chiều dọc hoặc chiều ngang. Di chuyển cho đến khi khung cắt ảnh bao trùm khu vực mong muốn.

Chuyển hướng của khung cắt ảnh

Nhấn nút < INFO > sẽ chuyển khung cắt ảnh giữa hướng dọc và hướng ngang. Điều này cho phép tạo bản in hướng dọc từ ảnh ngang.

Chỉnh nghiêng ảnh

Xoay nút xoay < > để nghiêng ảnh trong khoảng -10 và +10 độ với mức tăng 0,5 độ. Khi điều chỉnh nghiêng ảnh, biểu tượng < > trên màn hình sẽ chuyển sang màu xanh da trời.

3 Nhấn < SET > để thoát tính năng cắt ảnh.

- ▶ Màn hình cài đặt in sẽ xuất hiện lại.
- Bạn có thể kiểm tra khu vực ảnh được cắt ở phía trên bên trái của màn hình cài đặt in.



- Nếu tỷ lệ cỡ ảnh của ảnh sẽ khác với tỷ lệ cỡ ảnh của giấy in, ảnh có thể bị cắt đáng kể nếu bạn in ảnh không có viền. Nếu bị cắt, số lượng điểm ảnh sẽ giảm làm bản in trông nhiều hơn.
- Nếu in thông tin chụp trên ảnh chụp ở tốc độ ISO mở rộng (H1 or H2), tốc độ ISO chính xác có thể sẽ không được in.
- Tùy thuộc vào model máy in, khu vực ảnh đã cắt có thể không được in như bạn đã chỉ định.
- Khung cắt ảnh được tạo càng nhỏ, bản in sẽ trông càng nhiều hạt hơn.
- Kiểm tra màn hình LCD của máy ảnh khi cắt ảnh. Nếu bạn nhìn vào ảnh trên màn hình TV, khung cắt ảnh có thể không được hiển thị chính xác.



Xử lý lỗi máy in

Nếu tiến trình in không tiếp tục sau khi bạn đã giải quyết lỗi máy in (không có mực, không có giấy, v.v...) và chọn **[Continue (Tiếp tục)]**, thao tác các nút trên máy in để tiếp tục in. Để tìm hiểu chi tiết về thao tác tiếp tục in, tham khảo hướng dẫn sử dụng của máy in.

Thông báo lỗi

Nếu xảy ra vấn đề trực trực khi đang in, thông báo lỗi sẽ xuất hiện trên màn hình LCD của máy ảnh. Nhấn **<SET>** để dừng in. Tiếp tục in sau khi đã khắc phục các vấn đề trực trực. Để tìm hiểu chi tiết về cách khắc phục vấn đề in, tham khảo hướng dẫn sử dụng của máy in.

Lỗi giấy

Kiểm tra và đảm bảo giấy được nạp đúng cách vào máy in.

Lỗi mực

Kiểm tra mức mực của máy in và hộp mực thải.

Lỗi phản cứng

Kiểm tra máy in có xảy ra vấn đề trực trực khác ngoài lỗi về giấy và mực không.

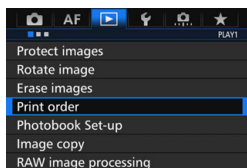
Lỗi tập tin

Không thể in ảnh được chọn qua PictBridge. Không thể in ảnh do máy ảnh khác chụp hoặc ảnh đã được chỉnh sửa bằng máy tính.

Định dạng lệnh in kỹ thuật số (DPOF)

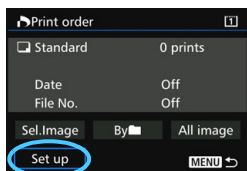
Bạn có thể đặt kiểu in, ngày in và số tập tin sẽ in. Cài đặt in sẽ được áp dụng cho tất cả các ảnh đã đặt lệnh in. (Không thể thiết lập các cài đặt này riêng cho từng ảnh.)

Đặt tùy chọn in



1 Chọn [Print order (Lệnh in)].

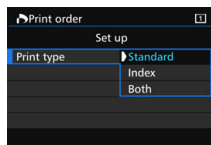
- Trong tab [1], chọn [Print order (Lệnh in)], rồi nhấn <SET>.



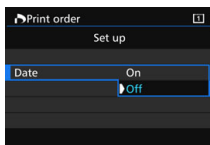
2 Chọn [Set up (Cài đặt)].

3 Đặt tùy chọn mong muốn.

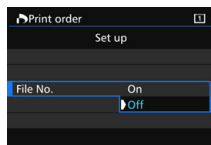
- Đặt [Print type (Kiểu in)], [Date (Ngày)] và [File No. (Số tập tin)].
- Chọn tùy chọn sẽ đặt, rồi nhấn <SET>.
- Chọn cài đặt mong muốn, rồi nhấn <SET>.



Kiểu in



Ngày



Số tập tin

Print type (Kiểu in)	 Standard (Tiêu chuẩn)	In một ảnh trên một trang.
	 Index (Bảng kê)	Nhiều ảnh thu nhỏ được in trên một trang.
	 Both (Cả hai)	Cả định dạng tiêu chuẩn và định dạng bảng kê đều được in.
Date (Ngày)	On (Bật)	[On (Bật)] sẽ in ngày đã ghi lên bản in.
	Off (Tắt)	
File number (Số tập tin)	On (Bật)	[On (Bật)] sẽ in số tập tin lên bản in.
	Off (Tắt)	

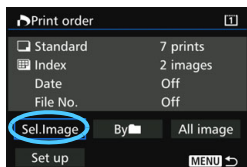
4 Thoát cài đặt.

- Nhấn nút <MENU>.
- ▶ Màn hình lệnh in sẽ xuất hiện lại.
- Tiếp theo, chọn [**Sel.Image (Chọn ảnh)**], [**By [] (Theo thư mục [])**] hoặc [**All image (Tất cả ảnh)**] để đặt lệnh in ảnh cần in.

- Không thể đặt lệnh in cho ảnh RAW và phim. Ảnh RAW có thể được in với PictBridge (tr.413).
- Ngay cả khi đặt [**Date (Ngày)**] và [**File No. (Số tập tin)**] thành [**On (Bật)**], ngày hoặc số tập tin có thể sẽ không được in, tùy thuộc vào cài đặt kiểu in và model máy in.
- Với kiểu in [**Index (Bảng kê)**], không thể đặt [**Date (Ngày)**] và [**File No. (Số tập tin)**] thành [**On (Bật)**] cùng một lúc.
- Khi in với DPOF, nên sử dụng thẻ có thông số kỹ thuật lệnh in đã được cài đặt. Không thể in nếu bạn chỉ xuất ảnh khỏi thẻ và in.
- Một số máy in và tiệm rửa ảnh tương thích DPOF có thể không in được ảnh như bạn chỉ định. Tham khảo hướng dẫn sử dụng của máy in trước khi in hoặc kiểm tra với tiệm rửa ảnh về tính tương thích khi đặt lệnh in.
- Không chỉ định lệnh in mới cho thẻ chứa ảnh đã đặt lệnh in bằng máy ảnh khác. Bạn có thể ghi đè lệnh in. Ngoài ra, lệnh in có thể không thực hiện được, tùy thuộc vào loại ảnh.

Đặt lệnh in

Sel.Image (Chọn ảnh)



Số lượng

Tổng số ảnh được chọn



Dấu chọn

Biểu tượng bảng kê

Chọn ảnh và đặt lệnh in từng ảnh.

Nếu nhấn nút <Q> và xoay nút xoay <☀> ngược chiều kim đồng hồ, bạn có thể chọn ảnh từ chế độ hiển thị ba ảnh. Để trở lại chế độ hiển thị từng ảnh, xoay nút xoay <☀> theo chiều kim đồng hồ. Nhấn nút <MENU> để lưu lệnh in vào thẻ.

Standard (Tiêu chuẩn) / Both (Cả hai)

Nhấn <SET> để đặt lệnh in cho một bản in của ảnh hiển thị. Xoay nút xoay <☀> để đặt số lượng bản in, tối đa 99 bản.

Index (Bảng kê)

Nhấn <SET> để đánh dấu chọn vào ô [✓]. Ảnh sẽ được gộp vào in bảng kê.

By [Folder] (Theo thư mục [Folder])

Chọn [Mark all in folder (Đánh dấu tất cả trong thư mục)] và chọn thư mục. Lệnh in một bản sao của tất cả ảnh trong thư mục sẽ được đặt. Nếu chọn [Clear all in folder (Xóa tất cả trong thư mục)] và chọn thư mục, lệnh in cho tất cả ảnh trong thư mục đó sẽ bị hủy.

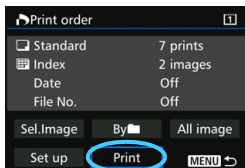
All image (Tất cả ảnh)

Nếu bạn chọn [Mark all on card (Đánh dấu tất cả trên thẻ)], một bản sao của tất cả ảnh trong thẻ sẽ được đặt để in. Nếu chọn [Clear all on card (Xóa tất cả trên thẻ)], lệnh in sẽ được xóa cho tất cả ảnh trong thẻ.



- Lưu ý rằng lệnh in không bao gồm ảnh RAW và phim ngay cả khi đặt [By [Folder] (Theo thư mục [Folder])] hoặc [All image (Tất cả ảnh)].
- Khi sử dụng máy in PictBridge, không in nhiều hơn 400 ảnh cho một lệnh in. Nếu bạn chỉ định nhiều hơn số lượng này, tất cả ảnh sẽ không được in.

In trực tiếp ảnh đã đặt lệnh in



Với máy in PictBridge, bạn có thể dễ dàng in ảnh với DPOF.

1 Chuẩn bị in.

- Tham khảo trang 414.

Thực hiện theo quy trình “Kết nối máy ảnh với máy in” đến bước 5.

2 Trong tab [▶ 1], chọn [Print order (Lệnh in)].

3 Chọn [Print (In)].

- [Print (In)] sẽ chỉ hiển thị nếu máy ảnh được kết nối với máy in và có thể thực hiện in.

4 Đặt [Paper settings (Cài đặt giấy)] (tr.416).

- Đặt hiệu ứng in (tr.418) nếu cần.

5 Chọn [OK].

- Trước khi in, đảm bảo khổ giấy đã được đặt.
- Một số máy in có thể không in được số tập tin.
- Nếu đặt [Bordered (Có viền)], một số máy in có thể in ngày trên viền.
- Tùy thuộc vào máy in, ngày có thể bị mờ nếu in trên nền sáng hoặc in trên viền.
- Trong [Adjust levels (Điều chỉnh mức)], bạn không thể chọn [Manual (Chỉnh tay)].

- Nếu bạn đã dừng in và muốn tiếp tục in các ảnh còn lại, chọn [Resume (Tiếp tục)]. Lưu ý rằng không thể tiếp tục in khi xảy ra bất kỳ trường hợp nào sau đây:
 - Bạn đã thay đổi lệnh in hoặc xóa bất kỳ ảnh đã đặt lệnh in nào trước khi tiếp tục in.
 - Khi đặt thành bảng kê, bạn đã thay đổi cài đặt giấy trước khi tiếp tục in.
 - Khi dừng in, dung lượng còn lại của thẻ ít.
- Nếu xảy ra vấn đề trục trặc trong quá trình in, tham khảo trang 422.

Truyền ảnh vào máy tính

Bạn có thể kết nối máy ảnh với máy tính và thao tác máy ảnh để truyền ảnh trên thẻ sang máy tính. Tính năng này được gọi là truyền ảnh trực tiếp.

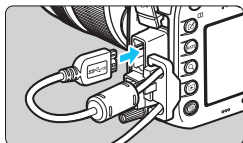
Bạn có thể thực hiện truyền ảnh trực tiếp bằng máy ảnh khi nhìn vào màn hình LCD.

Ảnh truyền sang máy tính sẽ được lưu trong thư mục **[Pictures (Ảnh)]** hoặc **[My Pictures (Ảnh của tôi)]** và được sắp xếp theo ngày chụp.

 **Trước khi kết nối máy ảnh với máy tính, cài đặt phần mềm EOS trên đĩa CD-ROM EOS DIGITAL Solution Disk vào máy tính.** Để tìm hiểu về quy trình cài đặt phần mềm EOS, tham khảo trang 540.

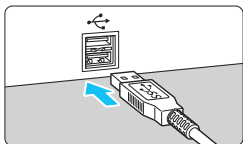
Chuẩn bị truyền ảnh

1 Đặt công tắc nguồn của máy ảnh thành <OFF>.

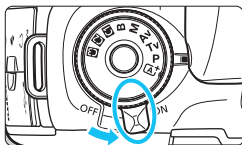


2 Kết nối máy ảnh với máy tính.

- Sử dụng cáp nối kèm theo máy ảnh.
- Khi kết nối cáp với máy ảnh, hãy sử dụng đầu giữ cáp (tr.34). Kết nối cáp với cổng digital với biểu tượng  của chân cắm hướng về phía sau máy ảnh.
- Kết nối chân cắm của cáp với cổng USB của máy tính.



 Sử dụng cáp nối đi kèm hoặc cáp chính hãng Canon (tr.480). Khi kết nối với cáp nối, sử dụng đầu giữ cáp đi kèm (tr.34).



3 Đặt công tắc nguồn của máy ảnh thành <ON>.

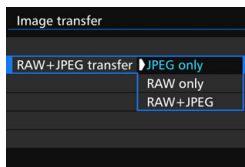
- Khi máy tính hiển thị màn hình để chọn chương trình, chọn **[EOS Utility]**.
- ▶ Màn hình EOS Utility sẽ xuất hiện trên máy tính.

! Sau khi màn hình EOS Utility xuất hiện, không thao tác EOS Utility. Nếu màn hình khác ngoài cửa sổ chính của EOS Utility xuất hiện, **[Direct transfer (Truyền trực tiếp)]** ở bước 5 trong trang 430 sẽ không hiển thị. (Bạn sẽ không thể sử dụng chức năng truyền ảnh.)



- Nếu màn hình EOS Utility không xuất hiện, tham khảo Hướng dẫn sử dụng phần mềm (CD-ROM, tr.541).
- Tắt máy ảnh và máy in trước khi ngắt kết nối cáp. Giữ chân cắm (không giữ dây) để rút cáp ra.

MENU Truyền ảnh RAW+JPEG

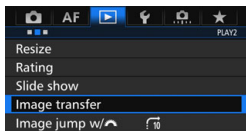


Đối với ảnh RAW+JPEG, bạn có thể chỉ định ảnh cần truyền.

Trong bước 2 ở trang tiếp theo, chọn **[RAW+JPEG transfer (Truyền RAW+JPEG)]** và chọn ảnh cần truyền: **[JPEG only (Chỉ JPEG)]**, **[RAW only (Chỉ RAW)]** hoặc **[RAW+JPEG]**.

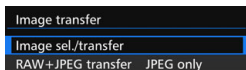
MENU Chọn ảnh cần truyền

Sel.Image (Chọn ảnh)

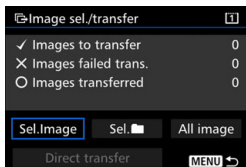


1 Chọn [Image transfer (Truyền ảnh)].

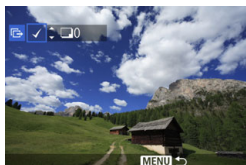
- Trong tab [2], chọn [Image transfer (Truyền ảnh)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Image sel./transfer (Chọn/truyền ảnh)].



3 Chọn [Sel.Image (Chọn ảnh)].

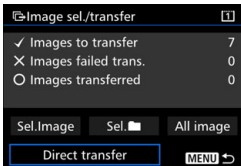


4 Chọn ảnh cần truyền.

- Xoay nút xoay <Q> để chọn ảnh cần truyền, rồi nhấn <SET>.
- Xoay nút xoay <Q> để hiển thị biểu tượng [✓] ở phía trên bên trái màn hình, rồi nhấn <SET>.
- Nếu nhấn nút <Q> và xoay nút xoay <Q> ngược chiều kim đồng hồ, có thể chọn ảnh từ chế độ hiển thị ba ảnh. Để trở lại chế độ hiển thị từng ảnh, xoay nút xoay <Q> theo chiều kim đồng hồ.
- Để chọn ảnh khác cần truyền, lặp lại bước 4.



- Khi chọn [Sel.Image (Chọn ảnh)], bạn có thể kiểm tra trạng thái truyền ảnh ở phía trên bên trái màn hình: Không có dấu: Chưa chọn. ✓: Đã chọn để truyền. ✗: Truyền không thành công. ○: Truyền thành công.
- Bạn cũng có thể thực hiện quy trình [RAW+JPEG transfer (Truyền RAW+JPEG)] (tr.428) và các bước 1 đến 4 bên trên khi máy ảnh không kết nối với máy tính.



5 Truyền ảnh.

- Trên màn hình máy tính, kiểm tra để đảm bảo cửa sổ chính của EOS Utility đã hiển thị.
- Chọn [**Direct transfer (Truyền trực tiếp)**], rồi nhấn **<SET>**.
- Trên màn hình xác nhận, chọn [**OK**] và ảnh sẽ được truyền sang máy tính.
- Cũng có thể truyền ảnh đã chọn với [**Sel. [Folder] (Chọn [Thư mục])**] và [**All image (Tất cả ảnh)**] theo cách này.

• Sel. [Folder] (Chọn [Thư mục])

Chọn [**Sel. [Folder] (Chọn [Thư mục])**] và chọn [**Folder images not transfer'd (Ảnh chưa truyền trong thư mục)**]. Khi bạn chọn một thư mục, tất cả ảnh chưa truyền sang máy tính trong thư mục đó sẽ được chọn. Chọn [**Folder images failed transf. (Ảnh truyền không thành công trong thư mục)**] để chọn các ảnh đã truyền không thành công trong thư mục được chọn.

Chọn [**Clear folder transf. history (Xóa lịch sử truyền thư mục)**] để xóa lịch sử truyền ảnh trong thư mục được chọn. Sau khi xóa lịch sử truyền, bạn có thể chọn [**Folder images not transfer'd (Ảnh chưa truyền trong thư mục)**] và truyền lại tất cả ảnh trong thư mục.

• All image (Tất cả ảnh)

Nếu chọn [**All image (Tất cả ảnh)**] và chọn [**Card images not transferred (Ảnh chưa truyền trên thẻ)**], tất cả ảnh chưa truyền sang máy tính trên thẻ sẽ được chọn.

Để tìm hiểu về mô tả của tùy chọn [**Card images failed transfer (Ảnh truyền không thành công trên thẻ)**] và [**Clear card's transf. history (Xóa lịch sử truyền trên thẻ)**], tham khảo phần “Chọn [Folder]” phía trên.

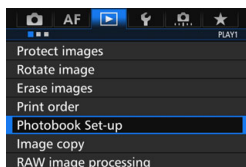
- Nếu màn hình khác ngoài cửa sổ chính của EOS Utility xuất hiện trên máy tính, [**Direct transfer (Truyền trực tiếp)**] sẽ không hiển thị.
- Trong quá trình truyền ảnh, một số tùy chọn menu sẽ không thể sử dụng.

- Có thể truyền phim.
- Có thể thực hiện chụp trong khi truyền ảnh.

Chỉ định ảnh cho sách ảnh

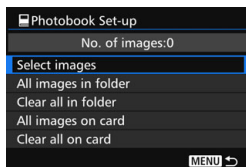
Bạn có thể chỉ định tối đa 998 ảnh để in trong sách ảnh. Khi sử dụng EOS Utility (phần mềm EOS) để truyền ảnh tới máy tính, các ảnh chỉ định sẽ được sao chép vào thư mục riêng. Chức năng này thích hợp để đặt sách ảnh online.

Chỉ định một ảnh mỗi lần

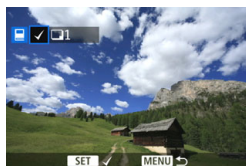


1 Chọn [Photobook Set-up (Lập sách ảnh)].

- Trong tab [ 1], chọn [Photobook set-up (Lập sách ảnh)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Select images (Chọn ảnh)].

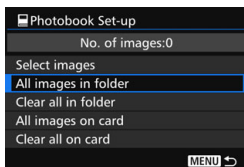


3 Chọn ảnh sẽ chỉ định.

- Nhấn các phím < > để chọn ảnh sẽ chỉ định, rồi nhấn <SET>.
- Nếu nhấn nút <Q> và xoay nút xoay < > ngược chiều kim đồng hồ, có thể chọn ảnh từ chế độ hiển thị ba ảnh. Để trở lại chế độ hiển thị từng ảnh, xoay nút xoay < > theo chiều kim đồng hồ.
- Để chọn ảnh khác cần truyền, lặp lại bước 3. Số lượng ảnh chỉ định sẽ hiển thị.

Chỉ định tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ

Bạn có thể chỉ định tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ cùng một lúc.



Khi đặt [1: Photobook Set-up (Lập sách ảnh)] thành [All images in folder (Tất cả ảnh trong thư mục)] hoặc [All images on card (Tất cả ảnh trên thẻ)], tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ sẽ được chỉ định.

Để hủy bảo vệ ảnh, chọn [Clear all in folder (Xóa tất cả trong thư mục)] hoặc [Clear all on card (Xóa tất cả trên thẻ)].

- Không thể chỉ định ảnh RAW và phim.
- Không dùng các ảnh chỉ định cho sách ảnh ở máy ảnh khác cho sách ảnh ở máy ảnh này. Cài đặt cho sách ảnh có thể bị ghi đè.

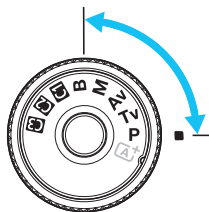
14

Tùy chỉnh máy ảnh

Bạn có thể tùy chỉnh các chức năng khác nhau của máy ảnh để phù hợp với sở thích chụp ảnh cá nhân bằng chức năng tùy chỉnh.

Ngoài ra, bạn có thể lưu cài đặt máy ảnh hiện tại dưới các vị trí <C1> <C2> <C3> của nút xoay chế độ.

Các tính năng giải thích ở chương này cũng có thể được cài đặt và sử dụng trong các chế độ chụp sau: <P> <Tv> <Av> <M> .



MENU Chức năng tùy chỉnh ☆

🔧 1: Exposure (Phơi sáng)

		 LV Shooting (Chụp Live View)	 Movie Shooting (Quay phim)
Exposure level increments (Mức tăng phơi sáng)	tr.436	☐	☐
ISO speed setting increments (Mức tăng thiết lập tốc độ ISO)		☐	Trong M
Bracketing auto cancel (Tự động hủy phơi sáng hỗn hợp)		☐	(Ảnh có cân bằng trắng hỗn hợp)
Bracketing sequence (Thứ tự phơi sáng hỗn hợp)	tr.437	☐	
Number of bracketed shots (Số ảnh phơi sáng hỗn hợp)		☐	
Safety shift (Chuyển chế độ an toàn)	tr.438	☐	
Same exposure for new aperture (Phơi sáng giống nhau cho khẩu độ mới)	tr.439	☐	

🔧 2: Exposure/Drive (Phơi sáng/Kiểu chụp)

Set shutter speed range (Đặt phạm vi tốc độ màn trập)	tr.440	☐	☐
Set aperture range (Đặt phạm vi khẩu độ)		☐	☐
Continuous shooting speed (Tốc độ chụp liên tục)	tr.441	☐	(Ảnh)

 Các chức năng tùy chỉnh bị tô đen không hoạt động khi chụp Live View (LV) hoặc quay phim. (Cài đặt bị tắt.)

⦿.3: Display/Operation (Hiển thị/Thao tác)

		📷 LV Shooting (Chụp Live View)	🎥 Movie Shooting (Quay phim)
Focusing screen (Màn hình lấy nét)	tr.442		
Warnings ⓘ in viewfinder (Cảnh báo ⓘ trong khung ngắm)	tr.443		
LV shooting area display (Hiển thị khu vực chụp Live View)		○	
Dial direction during Tv/Av (Hướng xoay nút xoay trong Tv/Av)	tr.444	○	○
Multi function lock (Khóa đa chức năng)		○	○
Custom Controls (Điều khiển tùy chỉnh)		Tùy thuộc vào cài đặt	

⦿.4: Others (Khác)

Add cropping information (Thêm thông tin cắt ảnh)	tr.445	○	
Default Erase option (Tùy chọn xóa mặc định)	tr.446	(Trong khi xem lại)	
Retract lens on power off (Thu ống kính khi tắt nguồn)		○	○

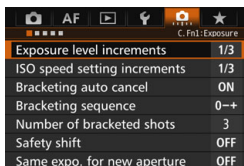
⦿.5: Clear (Xóa)

Chọn [⦿.5: Clear all Custom Func. (C.Fn) (Xóa tất cả chức năng tùy chỉnh (C.Fn))] sẽ xóa tất cả cài đặt chức năng tùy chỉnh.



Ngay cả khi thực hiện [⦿.5: Clear all Custom Func.(C.Fn) (Xóa tất cả chức năng tùy chỉnh (C.Fn))], cài đặt cho [⦿.3: Focusing screen (Màn hình lấy nét)] và [⦿.3: Custom Controls (Điều khiển tùy chỉnh)] sẽ vẫn được giữ nguyên không đổi.

MENU Cài đặt chức năng tùy chỉnh ☆



Trong tab [, bạn có thể tùy chỉnh các chức năng khác nhau của máy ảnh để phù hợp với sở thích chụp ảnh cá nhân. Các cài đặt không phải mặc định sẽ hiển thị bằng màu xanh da trời.

C.Fn1: Phơi sáng

Exposure level increments (Mức tăng phơi sáng)

1/3: 1/3 điểm dừng

1/2: 1/2 điểm dừng

Đặt mức tăng 1/2 điểm dừng cho tốc độ màn trập, khẩu độ, bù trừ phơi sáng, AEB, bù trừ phơi sáng flash, v.v... Mức này phù hợp nếu bạn muốn điều chỉnh độ phơi sáng ở các mức tăng kém mịn hơn so với mức tăng 1/3 điểm dừng.

 Khi đặt [**1/2-stop (1/2 điểm dừng)**], mức phơi sáng sẽ hiển thị như hình bên dưới.



ISO speed setting increments (Mức tăng thiết lập tốc độ ISO)

1/3: 1/3 điểm dừng

1/1: 1 điểm dừng

 Ngay cả khi đặt [**1-stop (1 điểm dừng)**], bạn có thể thiết lập tốc độ ISO 16000.

Bracketing auto cancel (Tự động hủy phơi sáng hỗn hợp)

ON: Bật

Nếu đặt công tắc nguồn thành <**OFF**>, AEB và cân bằng trắng hỗn hợp sẽ bị hủy bỏ. AEB cũng sẽ bị hủy bỏ nếu đèn flash đã sẵn sàng đánh sáng hoặc bạn chuyển sang quay phim.

OFF: Tắt

AEB và cân bằng trắng hỗn hợp sẽ không bị hủy bỏ ngay cả khi đặt công tắc nguồn thành <**OFF**>. (Nếu đèn flash đã sẵn sàng đánh sáng hoặc bạn chuyển sang quay phim, AEB sẽ bị tạm thời hủy bỏ, nhưng phạm vi AEB vẫn được giữ lại.)

Bracketing sequence (Thứ tự phơi sáng hỗn hợp)

Có thể thay đổi thứ tự chụp AEB và thứ tự cân bằng trắng hỗn hợp.

0+: 0, -, +

-0+: -, 0, +

+0-: +, 0, -

AEB	Cân bằng trắng hỗn hợp	
	Hướng B/A	Hướng M/G
0 : Phơi sáng chuẩn	0 : Cân bằng trắng chuẩn	0 : Cân bằng trắng chuẩn
- : Giảm phơi sáng	- : Chênh lệch xanh da trời	- : Chênh lệch đỏ đậm
+ : Tăng phơi sáng	+ : Chênh lệch hổ phách	+ : Chênh lệch xanh lá cây

Number of bracketed shots (Số ảnh phơi sáng hỗn hợp)

Số ảnh chụp với AEB và cân bằng trắng hỗn hợp có thể được thay đổi từ 3 ảnh mặc định thành 2 ảnh, 5 ảnh hoặc 7 ảnh.

Khi đặt **[Bracketing sequence: 0, -, + (Thứ tự phơi sáng hỗn hợp: 0, -, +)]**, ảnh chụp hỗn hợp sẽ được chụp như trong bảng sau.

3: 3 ảnh

2: 2 ảnh

5: 5 ảnh

7: 7 ảnh

(mức tăng 1 điểm dừng)

	Ảnh đầu tiên	Ảnh thứ 2	Ảnh thứ 3	Ảnh thứ 4	Ảnh thứ 5	Ảnh thứ 6	Ảnh thứ 7
3: 3 ảnh	Tiêu chuẩn (0)	-1	+1				
2: 2 ảnh	Tiêu chuẩn (0)	±1					
5: 5 ảnh	Tiêu chuẩn (0)	-2	-1	+1	+2		
7: 7 ảnh	Tiêu chuẩn (0)	-3	-2	-1	+1	+2	+3



Nếu đặt **[2 shots (2 ảnh)]**, bạn có thể chọn phía + hoặc - khi thiết lập phạm vi AEB. Đặt cân bằng trắng hỗn hợp sẽ gây ra giảm phơi sáng theo hướng B/A hoặc M/G.

Safety shift (Chuyển chế độ an toàn)

OFF: Tắt

Tv/Av: Tốc độ màn trập/Khẩu độ

Hoạt động trong chế độ tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập (**Tv**) và tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ (**Av**). Nếu độ sáng của chủ thể thay đổi và không thể đạt được phơi sáng chuẩn trong phạm vi phơi sáng tự động, máy ảnh sẽ tự động thay đổi những cài đặt được thiết lập bằng tay để đạt phơi sáng chuẩn.

ISO: Tốc độ ISO

Hoạt động trong chế độ phơi sáng tự động (**P**), tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập (**Tv**) và tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ (**Av**). Nếu độ sáng của chủ thể thay đổi và không thể đạt phơi sáng chuẩn trong phạm vi phơi sáng tự động, máy ảnh sẽ tự động thay đổi tốc độ ISO đã được thiết lập bằng tay để đạt phơi sáng chuẩn.



- Trong [**2: ISO speed settings (Thiết lập tốc độ ISO)**], ngay cả khi [**ISO speed range (Phạm vi tốc độ ISO)**] hoặc [**Min. shutter spd. (Tốc độ màn trập tối thiểu)**] không còn là cài đặt mặc định, chuyển chế độ an toàn sẽ hoạt động nếu không đạt được phơi sáng chuẩn.
- Tốc độ ISO tối thiểu và tối đa của chuyển chế độ an toàn sử dụng tốc độ ISO được thiết lập bởi cài đặt [**Auto ISO range (Phạm vi ISO tự động)**] (tr.160). Tuy nhiên, nếu tốc độ ISO được thiết lập bằng tay nằm ngoài [**Auto ISO range (Phạm vi ISO tự động)**], chuyển chế độ an toàn sẽ tác động tăng hoặc giảm lên tốc độ ISO đặt bằng tay.
- Chuyển chế độ an toàn sẽ tác động nếu cần thiết ngay cả khi sử dụng flash.

Same exposure for new aperture (Phơi sáng giống nhau cho khẩu độ mới)

Khi thiết lập chế độ **<M>** (chụp phơi sáng bằng tay) và đặt tốc độ ISO bằng tay (khác với ISO tự động), chỉ số khẩu độ f lớn nhất có thể chuyển thành số cao hơn (khẩu độ nhỏ hơn) nếu bạn thực hiện một trong các thao tác sau: 1. Thay ống kính, 2. Lắp hoặc tháo ống nối, hoặc 3. Sử dụng ống kính zoom có chỉ số khẩu độ f lớn nhất thay đổi. Nếu bạn chụp với cài đặt phơi sáng này, ảnh sẽ bị thiếu sáng với một lượng do chỉ số khẩu độ f lớn nhất thay đổi lên số cao hơn. Tuy nhiên, bằng cách thay đổi tự động tốc độ ISO hoặc tốc độ màn trập (Tv), bạn có thể đạt được độ phơi sáng giống như trước khi thực hiện thao tác 1, 2 hoặc 3.

OFF: Tắt

Các thay đổi tự động trong cài đặt để duy trì độ phơi sáng đã chỉ định sẽ không được áp dụng. Tốc độ ISO, tốc độ màn trập và khẩu độ đã đặt sẽ được sử dụng để chụp. Nếu bạn thực hiện thao tác 1, 2 hoặc 3 và chỉ số khẩu độ f lớn nhất tăng lên, điều chỉnh tốc độ ISO và tốc độ màn trập trước khi chụp.

ISO: Tốc độ ISO

Nếu bạn thực hiện thao tác 1, 2 hoặc 3, tốc độ ISO sẽ tự động tăng để bù vào lượng tăng lên của chỉ số khẩu độ f lớn nhất. Theo đó ảnh sẽ có được độ phơi sáng giống như trước khi bạn thực hiện thao tác 1, 2 hoặc 3.

Tv: Tốc độ màn trập

Nếu bạn thực hiện thao tác 1, 2 hoặc 3, tốc độ màn trập thấp hơn sẽ được đặt tự động để bù vào lượng tăng lên của chỉ số khẩu độ f lớn nhất. Theo đó ảnh sẽ có được độ phơi sáng giống như trước khi bạn thực hiện thao tác 1, 2 hoặc 3.



- Chức năng này không hoạt động với ống kính macro có chỉ số khẩu độ f thực tế thay đổi khi tỷ lệ phóng to thay đổi.
- Chức năng này không hoạt động với phim.
- Nếu đặt **[Shutter speed (Tốc độ màn trập)]** và không thể duy trì phơi sáng trong phạm vi đã đặt với **[2: Set shutter speed range (Đặt phạm vi tốc độ màn trập)]**, tốc độ màn trập sẽ không tự động thay đổi.
- Nếu đặt **[ISO speed (Tốc độ ISO)]** và không thể duy trì phơi sáng trong phạm vi đã đặt với **[ISO speed range (Phạm vi tốc độ ISO)]**, tốc độ ISO sẽ không tự động thay đổi.
- Nếu bạn thực hiện thao tác 1, 2 hoặc 3 và máy ảnh tắt (công tắc nguồn được đặt thành **<OFF>**, v.v...) trong khi duy trì phơi sáng, mức phơi sáng mong muốn sẽ được cập nhật đến mức phơi sáng tại thời điểm máy ảnh tắt.



- Chức năng này cũng hoạt động khi chỉ số f cao nhất thay đổi (khẩu độ nhỏ nhất).
- Nếu đặt **[ISO speed (Tốc độ ISO)]** hoặc **[Shutter speed (Tốc độ màn trập)]**, thực hiện thao tác 1, 2 hoặc 3, rồi hủy thao tác 1, 2 hoặc 3 mà không thay đổi tốc độ ISO, tốc độ màn trập hoặc khẩu độ bằng tay để máy ảnh trở về trạng thái ban đầu, cài đặt phơi sáng gốc sẽ được khôi phục.
- Nếu đặt **[ISO speed (Tốc độ ISO)]** và tốc độ ISO tăng đến tốc độ ISO mở rộng, tốc độ màn trập có thể thay đổi để duy trì phơi sáng.

C.Fn2: Phơi sáng/Kiểu chụp

Set shutter speed range (Đặt phạm vi tốc độ màn trập)

Có thể đặt phạm vi tốc độ màn trập. Trong các chế độ **<Tv>** **<M>**, bạn có thể đặt tốc độ màn trập bằng tay trong phạm vi tốc độ màn trập đã thiết lập. Trong các chế độ **<P>** **<Av>**, tốc độ màn trập sẽ được đặt tự động trong phạm vi tốc độ màn trập đã thiết lập.

Highest speed (Tốc độ cao nhất)

Có thể đặt trong phạm vi từ 1/8000 giây đến 15 giây.

Lowest speed (Tốc độ thấp nhất)

Có thể đặt trong phạm vi từ 30 giây đến 1/4000 giây.

Set aperture range (Đặt phạm vi khẩu độ)

Có thể đặt phạm vi khẩu độ. Trong các chế độ **<Av>** **<M>** ****, bạn có thể đặt khẩu độ bằng tay trong phạm vi khẩu độ đã thiết lập. Trong các chế độ **<P>** **<Tv>**, khẩu độ sẽ được đặt tự động trong phạm vi khẩu độ đã thiết lập.

Min. aperture (Max. f/) (Khẩu độ nhỏ nhất (f lớn nhất))

Có thể đặt trong phạm vi từ f/9.1 đến f/1.4.

Max. aperture (Min. f/) (Khẩu độ lớn nhất (f nhỏ nhất))

Có thể đặt trong phạm vi từ f/1.0 đến f/64.



Phạm vi khẩu độ có thể đặt sẽ khác nhau tùy thuộc vào khẩu độ lớn nhất và nhỏ nhất của ống kính.

Continuous shooting speed (Tốc độ chụp liên tục)

Bạn có thể đặt tốc độ chụp liên tục cho chụp liên tục tốc độ cao <  H >, chụp liên tục tốc độ thấp <  > và chụp liên tục ngắt tiếng <  S >.

High speed (Tốc độ cao)

Bạn có thể đặt trong phạm vi từ 2 đến 10 khung hình trên một giây (fps).

Low speed (Tốc độ thấp)

Bạn có thể đặt trong phạm vi từ 1 đến 9 khung hình trên một giây (fps).

Silent continuous shooting (Chụp liên tục ngắt tiếng)

Bạn có thể đặt trong phạm vi từ 1 đến 4 khung hình trên một giây (fps).



Nếu đặt [ 4: Anti-flicker shoot. (Chụp chống nhấp nháy)] (tr.187) thành [Enable (Bật)] hoặc đặt EOS iTR AF (tr.130) thành [Enable (Bật)], máy ảnh có thể sẽ không chụp được ở tốc độ chụp liên tục đã thiết lập.

C.Fn3: Hiển thị/Thao tác

Focusing Screen (Màn hình lấy nét)

Bạn có thể thay đổi sang màn hình lấy nét tùy chọn (bán riêng) theo nhu cầu chụp.

Nếu thay đổi màn hình lấy nét, đảm bảo thay đổi cài đặt này cho phù hợp với loại màn hình lấy nét để có thể đạt được phơi sáng chuẩn.

Std.: Eh-A

Màn hình tiêu chuẩn đi kèm với máy ảnh. Màn hình lấy nét tiêu chuẩn Precision Matte.

Eh-S: Eh-S

Màn hình lấy nét Super Precision Matte giúp phân biệt điểm lấy nét dễ dàng hơn màn hình lấy nét tiêu chuẩn Precision Matte Eh-A. Màn hình này lý tưởng đối với ống kính chụp nhanh có khẩu độ lớn nhất f/2.8 hoặc lớn hơn. Thích hợp để lấy nét bằng tay. Tuy nhiên, nếu khẩu độ lớn nhất của ống kính nhỏ hơn f/2.8, khung ngắm sẽ trông tối hơn so với màn hình lấy nét Eh-A.



- Cài đặt màn hình lấy nét sẽ không bị xóa ngay cả khi chọn [ 5: Clear all Custom Func. (C.Fn) (Xóa tất cả chức năng tùy chỉnh (C.Fn))].
- Để thay đổi màn hình lấy nét, tham khảo hướng dẫn sử dụng màn hình lấy nét. Nếu màn hình lấy nét không hướng xuống dưới cùng giá đỡ, nghiêng máy ảnh về trước.

Warnings ! in viewfinder (Cảnh báo ! trong khung ngắm)

Khi thiết lập một trong các chức năng sau đây, biểu tượng <❗> có thể xuất hiện trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD (tr.26-27). Chọn chức năng bạn muốn biểu tượng cảnh báo xuất hiện và nhấn <SET> để đánh dấu chọn <✓>. Sau đó chọn [OK] để đăng ký cài đặt.

When monochrome [MONO] is set (Khi đơn sắc [MONO] được đặt)

Nếu đặt kiểu ảnh thành [Monochrome (Đơn sắc)] (tr.164), biểu tượng cảnh báo sẽ xuất hiện.

When WB is corrected (Khi hiệu chỉnh cân bằng trắng)

Nếu đặt hiệu chỉnh cân bằng trắng (tr.174), biểu tượng cảnh báo sẽ xuất hiện.

When one-touch image quality is set (Khi đặt chất lượng ảnh với một lần chạm)

Nếu thay đổi chất lượng ảnh bằng chức năng chất lượng ảnh với một lần chạm (tr.458), biểu tượng cảnh báo sẽ xuất hiện.

When [NR] is set (Khi [NR] được đặt)

Nếu đặt [NR3: High ISO speed NR (Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao)] thành [Multi Shot Noise Reduction (Giảm nhiễu hạt đa ảnh)] (tr.178), biểu tượng cảnh báo sẽ xuất hiện.

When spot metering is set (Khi đặt đo sáng điểm)

Nếu đặt chế độ đo sáng thành [Spot metering (Đo sáng điểm)] (tr.227), biểu tượng cảnh báo sẽ xuất hiện.



Khi bạn đặt bất kỳ chức năng có đánh dấu chọn [✓], biểu tượng <❗> cũng sẽ xuất hiện cho cài đặt tương ứng (ngoại trừ khi Giảm nhiễu hạt đa ảnh được đặt) trên màn hình cài đặt chụp (tr.60, 471).

LV shooting area display (Hiện thị khu vực chụp Live View)

Khi đặt tỷ lệ cỡ ảnh của chụp Live View (tr.297) thành [4:3], [16:9] hoặc [1:1], bạn có thể thiết lập kiểu hiển thị cho khu vực chụp.

 : Được che

 : Có viền

Dial direction during Tv/Av (Hướng xoay nút xoay trong Tv/Av)

 : Thông thường

 : Hướng nghịch đảo

Hướng xoay của nút xoay khi đặt tốc độ màn trập và khẩu độ có thể được nghịch đảo.

Trong chế độ chụp <M>, hướng xoay của nút xoay < > và < > sẽ được nghịch đảo. Trong các chế độ chụp khác, chỉ hướng xoay của nút xoay < > được nghịch đảo. Hướng xoay của nút xoay < > trong chế độ <M> và hướng xoay để thiết lập bù trừ phơi sáng trong chế độ <P>, <Tv> và <Av> sẽ giống nhau.

Multi function lock (Khóa đa chức năng)

Gạt công tắc <LOCK▶> sang bên phải có thể ngăn các nút < >, < >, < > và < > không vô tình thay đổi cài đặt.

Chọn điều khiển máy ảnh muốn khóa, rồi nhấn <SET> để đánh dấu chọn [✓]. Chọn [OK] để đăng ký cài đặt.

 **Nút xoay chính**

 **Nút xoay điều khiển nhanh**

 **Nút điều khiển đa năng**

 **Nút gạt lựa chọn vùng AF**



- Nếu đã đặt công tắc <LOCK▶> và thay đổi điều khiển máy ảnh đã bị khóa, biểu tượng <L> sẽ xuất hiện trong khung ngắm và bảng điều khiển LCD. Ngoài ra, thông báo [LOCK (KHÓA)] sẽ xuất hiện trong hiển thị cài đặt chụp (tr.60).
- Nếu bạn khóa, nút xoay < > sẽ bị khóa theo mặc định.
- Ngay cả khi nút xoay < > được đánh dấu chọn [✓], bạn vẫn có thể sử dụng bảng cảm ứng < >.

Custom Controls (Điều khiển tùy chỉnh)

Bạn có thể tùy ý chỉ định các chức năng thường dùng cho các nút và nút xoay. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 447.

C.Fn4: Khác

Add cropping information (Thêm thông tin cắt ảnh)

Nếu bạn đặt thông tin cắt ảnh, các đường dọc của tỷ lệ cỡ ảnh đã đặt sẽ xuất hiện trên ảnh Live View. Sau đó, bạn có thể bố cục ảnh chụp như thể chụp với máy ảnh định dạng vừa hoặc lớn (6x6 cm, 4x5 inch, v.v...). Khi chụp ảnh, thông tin tỷ lệ cỡ ảnh khi cắt ảnh bằng phần mềm EOS sẽ được đính kèm trên ảnh. (Ảnh được ghi vào thẻ không bị cắt.) Sau khi truyền ảnh vào máy tính, bạn có thể sử dụng Digital Photo Professional (phần mềm EOS, tr.538) để dễ dàng cắt ảnh theo tỷ lệ cỡ ảnh đã đặt.

OFF : Tắt

6:6 : Tỷ lệ cỡ ảnh 6:6

3:4 : Tỷ lệ cỡ ảnh 3:4

4:5 : Tỷ lệ cỡ ảnh 4:5

6:7 : Tỷ lệ cỡ ảnh 6:7

5:6 : Tỷ lệ cỡ ảnh 10:12

5:7 : Tỷ lệ cỡ ảnh 5:7



- Nếu đặt [5: Aspect ratio (Tỷ lệ cỡ ảnh)] thành bất cứ tỷ lệ nào ngoài [3:2], thông tin cắt ảnh sẽ không được đính kèm vào ảnh.
- Thông tin cắt ảnh cũng sẽ được đính kèm khi chụp qua khung ngắm. Tuy nhiên, thông tin cắt ảnh sẽ không hiển thị.
- Nếu thông tin cắt ảnh được thêm vào ảnh RAW, bạn sẽ không thể cắt ảnh bằng chức năng xử lý ảnh RAW của máy ảnh.

Default Erase option (Tùy chọn xóa mặc định)

Trong khi xem lại ảnh và xem lại ảnh sau khi chụp, nếu bạn nhấn nút , menu xóa sẽ hiển thị (tr.394). Bạn có thể thiết lập tùy chọn, **[Cancel (Hủy)]** hoặc **[Erase (Xóa)]**, để chọn trước trên màn hình này. Nếu đặt **[Erase (Xóa)]**, bạn có thể chỉ cần nhấn  để xóa ảnh dễ dàng.

 : Đã chọn **[Cancel (Hủy)]**

 : Đã chọn **[Erase (Xóa)]**



Nếu đặt **[Erase (Xóa)]**, cẩn thận tránh vô tình xóa ảnh.

Thu ống kính khi tắt nguồn

Cơ chế thu ống kính này được sử dụng khi gắn các ống kính có mô tơ STM (chẳng hạn như ống kính EF40mm f/2.8 STM) vào máy ảnh. Bạn có thể đặt thiết lập này để tự động thu ống kính khi đặt công tắc nguồn của máy ảnh thành **<OFF>**.

ON: Enable (Bật)

OFF: Disable (Tắt)



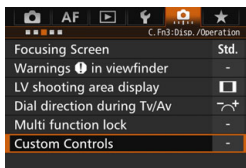
- Khi tự động tắt nguồn, ống kính sẽ không thu lại cho dù đã được thiết lập.
- Trước khi tháo ống kính, đảm bảo ống kính đã được thu lại.



Khi đặt thành **[Enable (Bật)]**, chức năng này có hiệu lực với mọi thiết lập công tắc chế độ lấy nét của ống kính (AF hoặc MF).

3: Điều khiển tùy chỉnh ☆

Bạn có thể tùy ý chỉ định các chức năng thường dùng cho các nút và nút xoay.



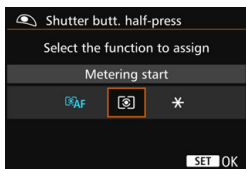
1 Chọn [3: Custom Controls (Điều khiển tùy chỉnh)].

- Trong tab [3], chọn [Custom Controls (Điều khiển tùy chỉnh)], rồi nhấn <SET>.
- Màn hình điều khiển tùy chỉnh để chọn nút và nút xoay điều khiển sẽ xuất hiện.



2 Chọn nút bấm hoặc nút xoay của máy ảnh.

- Chọn nút bấm hoặc nút xoay của máy ảnh, rồi nhấn <SET>.
- Tên của điều khiển và chức năng có thể đặt sẽ hiển thị.



3 Đặt chức năng.

- Chọn chức năng, rồi nhấn <SET>.
- Nếu biểu tượng [INFO] xuất hiện ở phía dưới cùng bên trái, bạn có thể nhấn nút <INFO> và thiết lập các tùy chọn liên quan khác.

4 Thoát cài đặt.

- Khi nhấn <SET> để thoát, màn hình ở bước 2 sẽ xuất hiện.
- Nhấn nút <MENU> để thoát.



Khi xuất hiện màn hình ở bước 2, nhấn nút <⏏> để chuyển cài đặt điều khiển tùy chỉnh về mặc định. Lưu ý rằng cài đặt [3: Custom Controls (Điều khiển tùy chỉnh)] sẽ không bị xóa ngay cả khi bạn chọn [5: Clear all Custom Func. (C.Fn) (Xóa tất cả chức năng tùy chỉnh (C.Fn))].

Các chức năng có thể đặt cho điều khiển máy ảnh

Chức năng		Trang				
AF	 AF	Khởi động đo sáng và AF	452		 *1	 *1
	AF-OFF	Dừng lấy nét tự động	454			
	AF- 	Chuyển sang chức năng AF đã đăng ký				
	 MỘT LẦN  AI SERVO - LẤY NÉT LIÊN TỤC					
	 HP	Chuyển sang điểm AF đã đăng ký	455			
	 SEL  HP	Điểm AF đã chọn  Điểm AF trung tâm/đã đăng ký				
		Chọn trực tiếp điểm AF				
		Chọn trực tiếp điểm AF: Hướng dọc				
	Chọn trực tiếp vùng AF					
Exposure (Phơi sáng)		Khởi động đo sáng	456			
		Khóa đo sáng				
		Khóa đo sáng (khi nhấn nút chụp)				
	 H	Khóa đo sáng (giữ)				
	*AF-OFF	Khóa đo sáng, dừng lấy nét tự động				
	FEL	Khóa phơi sáng flash				
	ISO 	Đặt tốc độ ISO (giữ nút, xoay )	457			
	ISO 	ISO (giữ cần gạt xuống, xoay )				
	ISO 	Đặt tốc độ ISO ( trong khi đo sáng)				
	 	Bù trừ phơi sáng (giữ nút, xoay )				
	 	Bù trừ phơi sáng (giữ cần gạt xuống, xoay )				
	Tv	Cài đặt tốc độ màn trập ở chế độ M				
Av	Cài đặt khẩu độ ở chế độ M	458				

	LENS *	M-Fn	SET				
	☐						
☐	☐						
☐ *2	☐ *2						
☐	☐						
☐ *3	☐ *3						
							☐ *4
					☐	☐ *5	
					☐		
							☐
☐	☐	☐					☐
☐	☐	☐					☐
☐		☐					
			☐				
					☐		
			☐				
							☐
				☐	☐		
				☐	☐		

* Nút dừng AF (LENS) chỉ có trên ống kính IS siêu xa.

Chức năng			Trang		AF-ON	
Ảnh	RAW JPEG	Cài đặt chất lượng ảnh với một lần chạm	458			
	RAW JPEG H	Chất lượng ảnh với một lần chạm (giữ)				
		Chất lượng ảnh				
		Kiểu ảnh	459			
Thao tác		Xem trước độ sâu trường ảnh	459			
		Khởi động IS				
	MENU	Hiển thị menu				
		Đăng ký/gọi ra chức năng chụp			○ *7	○ *7
		Xem lại ảnh	460			
		Phóng to/Thu nhỏ (nhấn SET, xoay )				
		Xoay vòng:  • ISO /Kiểu chụp • AF/ WB • 				
	UNLOCK 	Mở khóa khi nhấn nút				
		Cài đặt chức năng flash				
	OFF	Không có chức năng (Tắt)			○	○

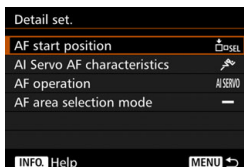
	LENS *	M-Fn	SET				
☐ *6		☐ *6					
☐ *6		☐ *6					
			☐				
			☐				
☐							
☐	☐						
			☐				
			☐				
			☐				
		☐					
☐							
			☐				
☐			☐	☐	☐	☐	☐

* Nút dừng AF (**LENS**) chỉ có trên ống kính IS siêu xa.

AF: Khởi động đo sáng và AF

Khi nhấn nút được đặt chức năng này, thao tác đo sáng và AF sẽ được thực hiện.

*1: Khi được gán cho nút <AF-ON> hoặc <✳>, thao tác nhấn nút <INFO.> trong khi màn hình cài đặt hiển thị sẽ cho phép bạn thiết lập cài đặt AF chi tiết. Khi chụp, nhấn nút <AF-ON> hoặc <✳> sẽ thực hiện lấy nét tự động như đã thiết lập.



● AF start position (Vị trí bắt đầu lấy nét tự động)

Khi [Registered AF point (Điểm AF đã đăng ký)] được đặt, bạn có thể nhấn các nút <AF-ON> hoặc <✳> để chuyển sang điểm AF đã đăng ký.

Đăng ký điểm AF

- Thiết lập chế độ chọn vùng AF thành một trong các chế độ sau: AF một chấm điểm (chọn bằng tay), AF một điểm (chọn bằng tay), Mở rộng điểm AF (chọn bằng tay), Mở rộng điểm AF (chọn bằng tay, các điểm bao quanh) hoặc AF 65 điểm tự động chọn. Không thể chọn Lấy nét tự động theo vùng (chọn vùng bằng tay) và Lấy nét tự động theo vùng lớn (chọn vùng bằng tay).
- Chọn điểm AF bằng tay.
- Nhấn giữ nút <AF-ON> và nhấn nút <✳>. Máy ảnh sẽ phát ra tiếng bíp và điểm AF sẽ được đăng ký. Nếu đặt chế độ chọn vùng AF thành cài đặt khác với AF 65 điểm tự động chọn, điểm AF đã đăng ký sẽ nhấp nháy.



- Khi điểm AF được đăng ký, các cài đặt sau sẽ hiển thị:
 - AF 65 điểm tự động chọn: [] HP (HP: Vị trí ban đầu)
 - AF chấm điểm, AF 1 điểm, Mở rộng vùng AF: SEL [] (Trung tâm), SEL HP (Ngoài trung tâm)
- Khi đăng ký với SEL [] hoặc SEL HP, điểm AF đã đăng ký sẽ nhấp nháy.
- Để hủy điểm AF đã đăng ký, nhấn giữ nút <AF-ON> và nhấn nút <✳>. Điểm AF đã đăng ký cũng sẽ bị hủy nếu bạn chọn [4: Clear all camera settings (Xóa tất cả cài đặt của máy ảnh)].

- **AI Servo AF characteristics (Đặc tính lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục)** (tr.110)
Nhấn nút <AF-ON> hoặc <✱> để thực hiện lấy nét tự động với trường hợp đã đặt từ [Case1 (Trường hợp 1)] đến [Case6 (Trường hợp 6)].
- **AF operation (Thao tác lấy nét tự động)** (tr.88)
Nhấn nút <AF-ON> hoặc <✱> để thực hiện lấy nét tự động bằng thao tác đã đặt.
- **AF area selection mode (Chế độ chọn vùng AF)** (tr.92)
Nhấn nút <AF-ON> hoặc <✱> để thực hiện lấy nét tự động với chế độ chọn vùng AF đã đặt.

Nếu bạn muốn tiếp tục sử dụng điểm AF đã chọn hiện tại khi nhấn nút <AF-ON> hoặc <✱>, đặt [AF start position (Vị trí bắt đầu lấy nét tự động)] thành [Manually selected AF point (Điểm AF đã chọn bằng tay)]. Nếu bạn muốn giữ đặc tính lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục, thao tác lấy nét tự động và chế độ chọn vùng AF đã đặt hiện tại, chọn [Maintain current setting (Duy trì cài đặt hiện tại)].



- Nếu đặt [AF4: Orientation linked AF point (Điểm AF theo hướng chụp)] thành [Separate AF pts: Area+pt (Điểm AF riêng biệt: Vùng+điểm)] hoặc [Separate AF pts: Pt only (Điểm AF riêng biệt: Chỉ điểm)], bạn có thể đăng ký riêng điểm AF sẽ sử dụng để chụp dọc (cầm hướng lên hoặc xuống) và ngang.
- Nếu đặt cả [AF start position: Registered AF point (Vị trí bắt đầu lấy nét tự động: Điểm AF đã đăng ký)] và [AF area selection mode (Chế độ chọn vùng AF)], [Registered AF point (Điểm AF đã đăng ký)] sẽ hoạt động.

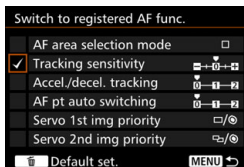
AF-OFF: Dừng lấy nét tự động

AF sẽ dừng khi nhấn nút được đặt chức năng này. Chức năng này giúp dừng lấy nét khi thực hiện lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục.

AF--: Chuyển sang chức năng AF đã đăng ký

Sau khi thiết lập và gán chức năng này với nút, bạn có thể áp dụng các cài đặt sau bằng cách nhấn giữ nút đã gán cho lấy nét tự động: Chế độ chọn vùng AF (tr.92), Độ nhạy theo dõi (tr.115), Tăng/giảm tốc độ theo dõi (tr.116), Tự động chuyển đổi điểm AF (tr.117), Ưu tiên lấy nét Servo ảnh đầu tiên (tr.119) và Ưu tiên lấy nét Servo ảnh thứ 2 (tr.120). Chức năng này giúp thay đổi đặc tính AF khi thực hiện lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục.

*2: Trên màn hình cài đặt, nhấn nút <INFO.> để hiển thị màn hình cài đặt chi tiết. Xoay nút xoay <◁> hoặc <▷> để chọn thông số cần đăng ký, rồi nhấn <SET> để đánh dấu chọn [✓]. Khi chọn thông số và nhấn <SET>, bạn có thể điều chỉnh thông số. Nhấn nút <MENU> để chuyển cài đặt về mặc định.



ONE SHOT / AI SERVO : Lấy nét một lần ↔ Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục

Bạn có thể đổi thao tác lấy nét tự động. Ở chế độ lấy nét một lần, khi nhấn nút được đặt chức năng này, máy ảnh sẽ chuyển sang chế độ lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục. Ở chế độ lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục, máy ảnh sẽ chỉ chuyển sang chế độ lấy nét một lần khi bạn nhấn nút. Chức năng này giúp chuyển đổi liên tục giữa Lấy nét một lần và Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục với chủ thể liên tục chuyển động và dừng lại.

HP : Chuyển sang điểm AF đã đăng ký

Trong khi đo sáng, nếu bạn nhấn nút được gán cho chức năng này, máy ảnh sẽ chuyển sang điểm AF đã đăng ký.

*3: Trên màn hình cài đặt, khi nhấn nút <INFO.>, bạn có thể chọn [Switch only when btn is held (Chỉ chuyển khi giữ nút)] hoặc [Switch each time btn is pressed (Chuyển mỗi lần nhấn nút)]. Để đăng ký điểm AF, tham khảo trang 452.

HP : **Điểm AF đã chọn ↔ Điểm AF trung tâm/đã đăng ký**

Trong khi đo sáng, nghiêng <  > sang bên phải sẽ chuyển giữa điểm AF hiện tại và điểm AF trung tâm hoặc điểm AF đã đăng ký.

*4: Trên màn hình cài đặt, khi nhấn nút < **INFO.** >, bạn có thể chọn [**Switch to center AF point (Chuyển sang điểm AF trung tâm)**] hoặc [**Switch to registered AF point (Chuyển sang điểm AF đã đăng ký)**]. Để đăng ký điểm AF, tham khảo trang 452.

: **Chọn trực tiếp điểm AF**

Trong khi đo sáng, bạn có thể chọn trực tiếp điểm AF bằng nút xoay nút <  > hoặc <  > mà không cần nhấn nút <  >. Chọn điểm AF bên trái hoặc phải bằng nút xoay <  >. (Thứ tự vòng cho chế độ lấy nét tự động theo vùng và lấy nét tự động theo vùng lớn.)

*5: Trên màn hình cài đặt điều khiển đa năng, khi nhấn nút < **INFO.** >, bạn có thể nhấn vào trung tâm của nút <  > để chọn [**Switch to center AF point (Chuyển sang điểm AF trung tâm)**] hoặc [**Switch to registered AF point (Chuyển sang điểm AF đã đăng ký)**]. Để đăng ký điểm AF, tham khảo trang 452.

: **Chọn trực tiếp điểm AF: Hướng dọc**

Trong khi đo sáng, bạn có thể xoay nút xoay <  > để chọn trực tiếp điểm AF ở phía trên hoặc phía dưới mà không cần nhấn nút <  >. (Thứ tự vòng cho chế độ lấy nét tự động theo vùng và lấy nét tự động theo vùng lớn.)

: **Chọn trực tiếp vùng AF**

Trong khi đo sáng, bạn có thể sử dụng <  > để chọn trực tiếp chế độ chọn vùng AF mà không cần nhấn nút <  >.

 Nếu [**Direct AF point selection (Chọn trực tiếp điểm AF)**] được gán cho nút <  >, bạn không thể sử dụng nút <  > để cuộn lên hoặc xuống màn hình hiển thị thông tin chụp (tr.356, 359) trong khi xem lại ảnh ngay sau khi chụp.

: Khóa động đo sáng

Khi nhấn nửa chừng nút chụp, chỉ có đo phơi sáng được thực hiện.

: Khóa phơi sáng

Khi nhấn nút được gán cho chức năng này, bạn có thể khóa phơi sáng (AE Lock) trong khi đo sáng. Chức năng này giúp lấy nét và đo sáng tại các khu vực khác nhau hoặc khi bạn muốn chụp nhiều ảnh với cùng cài đặt phơi sáng.

: Khóa phơi sáng (khi nhấn nút)

Phơi sáng sẽ được khóa (AE Lock) khi nhấn nút chụp.

_H : Khóa phơi sáng (giữ)

Khi nhấn nút được gán cho chức năng này, phơi sáng sẽ bị khóa (AE Lock). Khóa phơi sáng vẫn duy trì cho đến khi bạn nhấn lại nút này. Chức năng này giúp lấy nét và đo sáng tại các khu vực khác nhau hoặc khi bạn muốn chụp nhiều ảnh với cùng cài đặt phơi sáng.

_{AF-OFF} : Khóa đo sáng, Dừng lấy nét tự động

Khi nhấn nút được gán cho chức năng này, bạn có thể khóa phơi sáng (AE Lock) và máy ảnh sẽ dừng lấy nét tự động. Chức năng này giúp khóa phơi sáng vào thời điểm dừng lấy nét tự động trong khi thực hiện lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục.

_{FL} : Khóa phơi sáng flash

Trong khi chụp sử dụng flash, nhấn nút được gán chức năng này máy sẽ nháy đo sáng và ghi lại công suất flash cần dùng (Khóa phơi sáng flash).

 Nếu gán [AE lock (while button pressed) (Khóa phơi sáng (khi nhấn nút))] cho nút chụp, tất cả các nút được gán cho [AE lock (Khóa phơi sáng)] hoặc [AE lock (hold) (Khóa phơi sáng (giữ))] đều sẽ hoạt động như [AE lock (while button pressed) (Khóa phơi sáng (khi nhấn nút))].

ISO : Đặt tốc độ ISO (giữ nút, xoay)

Bạn có thể đặt tốc độ ISO bằng cách nhấn giữ <SET> và xoay nút xoay < >.

Nếu sử dụng điều khiển này khi ISO tự động được đặt, thiết lập tốc độ ISO bằng tay sẽ có hiệu lực. Không thể đặt ISO tự động. Nếu sử dụng chức năng này trong chế độ <M>, bạn có thể điều chỉnh lượng phơi sáng với tốc độ ISO trong khi duy trì tốc độ màn trập và khẩu độ hiện thời.

ISO : ISO (giữ cần gạt xuống, xoay)

Bạn có thể đặt tốc độ ISO bằng cách nghiêng <⬅> sang bên phải và xoay nút xoay < >. Phạm vi có thể đặt giống với ISO .

ISO : Đặt tốc độ ISO (trong khi đo sáng)

Trong khi đo sáng, bạn có thể đặt tốc độ ISO bằng cách xoay nút xoay < >. Phạm vi có thể đặt giống với ISO .

: Bù trừ phơi sáng (giữ nút, xoay)

Bạn có thể thiết lập bù trừ phơi sáng bằng cách nhấn giữ <SET> và xoay nút xoay < >. Thao tác này thuận tiện cho việc thiết lập bù trừ phơi sáng khi phơi sáng bằng tay <M> và ISO tự động được đặt.

: Bù trừ phơi sáng (giữ cần gạt xuống, xoay)

Bạn có thể thiết lập bù trừ phơi sáng bằng cách nghiêng <⬅> sang bên phải và xoay nút xoay < >. Thao tác này thuận tiện cho việc thiết lập bù trừ phơi sáng khi phơi sáng bằng tay <M> và ISO tự động được đặt.

Tv: Cài đặt tốc độ màn trập trong chế độ M

Trong chế độ phơi sáng bằng tay <M>, bạn có thể đặt tốc độ màn trập với nút xoay < > hoặc < >.

Av: Cài đặt khẩu độ trong chế độ M

Trong chế độ phơi sáng bằng tay <M>, bạn có thể đặt khẩu độ với nút xoay <🕒> hoặc <🌅>.

RAW/JPEG: Cài đặt chất lượng ảnh với một lần chạm

Nhấn nút được gán cho chức năng này sẽ chuyển sang cài đặt chất lượng ghi ảnh đã thiết lập. Khi cài đặt này hoạt động, chất lượng ghi ảnh (JPEG/RAW) sẽ nhấp nháy trong khung ngắm ([Image quality (Chất lượng ảnh)] trong [Show/hide in viewfinder (Ẩn/hiện trong khung ngắm)]) được đánh dấu chọn). Sau khi kết thúc chụp, cài đặt chất lượng ảnh với một lần chạm sẽ bị hủy và chất lượng ghi ảnh sẽ chuyển về chất lượng trước đó.

*6: Trên màn hình cài đặt, nhấn nút <INFO.> để chọn chất lượng ghi ảnh cho chức năng này.

RAW/JPEG H: Chất lượng ảnh với một lần chạm (giữ)

Nhấn nút được gán cho chức năng này sẽ chuyển sang cài đặt chất lượng ghi ảnh đã thiết lập. Khi cài đặt này hoạt động, chất lượng ghi ảnh (JPEG/RAW) sẽ nhấp nháy trong khung ngắm ([Image quality (Chất lượng ảnh)] trong [Show/hide in viewfinder (Ẩn/hiện trong khung ngắm)]) được đánh dấu chọn). Ngay cả sau khi chụp, cài đặt chất lượng ảnh với một lần chạm cũng sẽ không bị hủy. Để chuyển về cài đặt chất lượng ghi ảnh trước đó, nhấn lại nút được gán cho chức năng này.

*6: Trên màn hình cài đặt, nhấn nút <INFO.> để chọn chất lượng ghi ảnh cho chức năng này.

🔍: Chất lượng ảnh

Nhấn <SET> để hiển thị màn hình cài đặt chất lượng ghi ảnh (tr.151) trên màn hình LCD.

🔊 Nếu đặt RAW hoặc RAW+JPEG cho cài đặt chất lượng ghi ảnh sẽ chuyển với [One-touch image quality setting (Cài đặt chất lượng ảnh với một lần chạm)] và [One-touch image quality (hold) (Chất lượng ảnh với một lần chạm (giữ))], [Multi Shot Noise Reduction (Giảm nhiễu hạt đa ảnh)] (tr.178) sẽ không hoạt động sau khi chuyển. Đối với [🔊3: High ISO speed noise reduct'n (Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao)], [Standard (Tiêu chuẩn)] sẽ được áp dụng cho chụp.

📄 Trong khi chuyển sang cài đặt chất lượng ảnh với một lần chạm, bạn có thể hiển thị <🔊> trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD (tr.443).

: Kiểu ảnh

Nhấn <SET> để hiển thị màn hình cài đặt lựa chọn kiểu ảnh trên màn hình LCD (tr.162).

: Xem trước độ sâu trường ảnh

Khi nhấn nút xem trước độ sâu trường ảnh, khẩu độ sẽ được khóa lại và bạn có thể kiểm tra trường ảnh (tr.223).

: Khởi động IS

Khi bật công tắc IS của ống kính thành <ON>, hệ thống ổn định hình ảnh của ống kính sẽ hoạt động khi bạn nhấn nút được gán cho chức năng này (tr.53).

MENU: Hiển thị menu

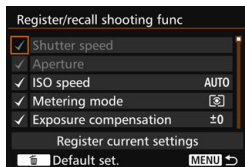
Nhấn <SET> sẽ hiển thị menu trên màn hình LCD.

: Đăng ký/gọi ra chức năng chụp

Bạn có thể thiết lập bằng tay các chức năng chụp chính như tốc độ màn trập, khẩu độ, tốc độ ISO, chế độ đo sáng, chế độ chọn vùng AF và đăng ký các chức năng này với máy ảnh. Chỉ khi nhấn giữ nút được gán cho chức năng này, bạn mới có thể gọi ra và sử dụng cài đặt chức năng chụp đã đăng ký để chụp.

*7: Trên màn hình cài đặt, nhấn nút <INFO.> để hiển thị cài đặt chi tiết. Xoay nút xoay <DISP> hoặc <INFO.> để chọn chức năng cần đăng ký, rồi nhấn <SET> để đánh dấu chọn [✓]. Khi chọn thông số và nhấn <SET>, bạn có thể điều chỉnh thông số. Nhấn nút <DISP> để chuyển cài đặt về mặc định.

Bảng cách chọn **[Register current settings (Đăng ký cài đặt hiện tại)]**, cài đặt hiện tại của máy ảnh sẽ được đăng ký. Để đăng ký điểm AF, tham khảo trang 452.



▶ : Xem lại ảnh

Nhấn <SET> để xem lại ảnh.

🔍 : Phóng to/Thu nhỏ (nhấn SET, xoay 🌞)

Nhấn <SET> để phóng to hoặc thu nhỏ ảnh ghi trên thẻ. Tham khảo trang 366 để biết quy trình thao tác. Trong khi chụp Live View hoặc quay phim (ngoại trừ 📷+Theo dõi), bạn cũng có thể phóng to ảnh (tr.307, 310).

📷 : Xoay vòng: 📷 • ISO/Kiểu chụp • AF/WB • 📷

Nhấn nút <M-Fn> sẽ thay đổi chức năng có thể thiết lập theo thứ tự tự sau: 📷 • ISO → DRIVE • AF → WB • 📷.

UNLOCK 🔒 : Mở khóa khi nhấn nút

Ngay cả khi đặt công tắc <LOCK▶> sang bên phải, chỉ khi nhấn giữ nút xem trước độ sâu trường ảnh, bạn mới có thể sử dụng các nút và nút xoay điều khiển máy ảnh hạn chế bởi chức năng [🔍.3: Multi function lock (Khóa đa chức năng)].

📷/📷 : Cài đặt chức năng flash

Nhấn <SET> sẽ hiển thị màn hình cài đặt chức năng cho đèn flash tích hợp hoặc đèn Speedlite ngoài.

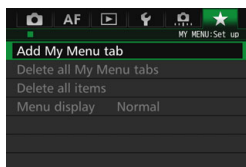
OFF: Không có chức năng (tắt)

Sử dụng cài đặt này khi bạn không muốn cài đặt nút chức năng.

MENU Đăng ký Danh mục riêng ☆

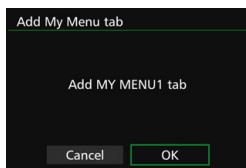
Trong tab Danh mục riêng, bạn có thể đăng ký các mục menu và chức năng tùy chỉnh mà bạn thường xuyên thay đổi cài đặt. Bạn cũng có thể đặt tên cho các tab menu đã đăng ký và nhấn nút <MENU> để hiển thị tab Danh mục riêng trước tiên.

Thêm tab Danh mục riêng



1 Chọn [Add My Menu tab (Thêm tab Danh mục riêng)].

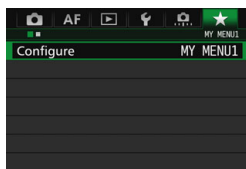
- Trong tab [★], chọn [Add My Menu tab (Thêm tab Danh mục riêng)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [OK].

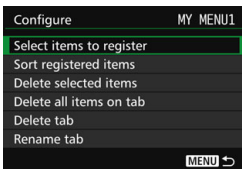
- Tab [MY MENU1 (DANH MỤC RIÊNG 1)] được tạo.
- Bạn có thể tạo tối đa năm tab menu bằng cách lặp lại bước 1 và 2.

Đăng ký các mục menu trong tab Danh mục riêng

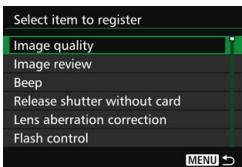


1 Chọn [Configure: MY MENU* (Định cấu hình: DANH MỤC RIÊNG*)].

- Xoay nút xoay <⚙️> và chọn [Configure: MY MENU* (Định cấu hình: DANH MỤC RIÊNG*)] (tab để đăng ký mục menu), rồi nhấn <SET>.



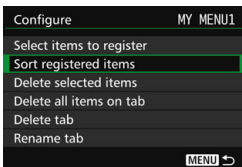
2 Chọn [Select items to register (Chọn mục để đăng ký)].



3 Đăng ký mục mong muốn.

- Chọn mục mong muốn, rồi nhấn <SET>.
- Chọn [OK] trên hộp thoại xác nhận.
- Bạn có thể đăng ký tối đa 6 mục.
- Để trở về màn hình ở bước 2, nhấn nút <MENU>.

Cài đặt tab Danh mục riêng



Bạn có thể sắp xếp và xóa các mục trong tab menu và đặt lại tên hoặc xóa tab menu.

• Sort registered items (Sắp xếp các mục đã đăng ký)

Bạn có thể thay đổi thứ tự các mục đã đăng ký trong danh mục riêng. Chọn [Sort registered items (Sắp xếp các mục đã đăng ký)] và chọn mục bạn muốn thay đổi thứ tự. Sau đó, nhấn <SET>. Khi biểu tượng [◆] hiển thị, xoay nút xoay <⦿> để thay đổi thứ tự, rồi nhấn <SET>.

• Delete selected items (Xóa các mục đã chọn) / Delete all items on tab (Xóa tất cả các mục trên tab)

Bạn có thể xóa mục đã đăng ký. [Delete selected items (Xóa các mục đã chọn)] sẽ xóa từng mục mỗi lần và [Delete all items on tab (Xóa tất cả các mục trên tab)] sẽ xóa tất cả các mục đã đăng ký.

● Delete tab (Xóa tab)

Bạn có thể xóa tab Danh mục riêng đang hiển thị. Chọn [**Delete tab (Xóa tab)**] để xóa tab [**MY MENU* (DANH MỤC RIÊNG*)**].

● Rename tab (Đặt lại tên tab)

Bạn có thể đặt lại tên tab Danh mục riêng từ [**MY MENU* (DANH MỤC RIÊNG*)**].

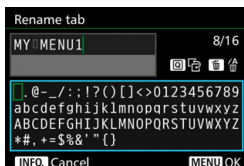
1 Chọn [Rename tab (Đặt lại tên tab)].

2 Nhập văn bản.

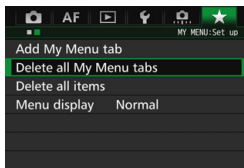
- Nhấn nút <  > để xóa bất kỳ ký tự nào không cần thiết.
- Nhấn nút <  >. Khung chữ sẽ được đánh dấu sáng màu và có thể bắt đầu nhập văn bản.
- Xoay nút xoay <  > hoặc nút <  > để di chuyển  và chọn ký tự mong muốn. Sau đó nhấn <  > để nhập ký tự.
- Bạn có thể nhập tối đa 16 ký tự.

3 Thoát cài đặt.

- Sau khi nhập văn bản, nhấn nút < **MENU** >, rồi chọn [**OK**].
- ▶ Tên đã được lưu.



Xóa tất cả các tab Danh mục riêng / Xóa tất cả các mục



Bạn có thể xóa tất cả các tab Danh mục riêng và tất cả các mục Danh mục riêng.

- **Delete all My Menu tabs (Xóa tất cả các tab Danh mục riêng)**

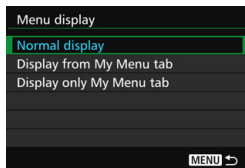
Bạn có thể xóa tất cả các tab Danh mục riêng. Khi chọn **[Delete all My Menu tabs (Xóa tất cả các tab Danh mục riêng)]**, tất cả tab từ **[MY MENU1 (DANH MỤC RIÊNG 1)]** đến **[MY MENU5 (DANH MỤC RIÊNG 5)]** sẽ bị xóa và tab **[★]** sẽ trở về mặc định.

- **Delete all items (Xóa tất cả các mục)**

Bạn có thể xóa tất cả các mục đăng ký trong tab **[MY MENU1 (DANH MỤC RIÊNG 1)]** đến **[MY MENU5 (DANH MỤC RIÊNG 5)]** và giữ lại tab. Tab menu sẽ được giữ lại. Khi chọn **[Delete all items (Xóa tất cả các mục)]**, tất cả các mục đăng ký trong tab đã tạo sẽ bị xóa.

ⓘ Nếu bạn thực hiện **[Delete tab (Xóa tab)]** hoặc **[Delete all My Menu tabs (Xóa tất cả các tab Danh mục riêng)]**, tên tab đã đặt lại với **[Rename tab (Đặt lại tên tab)]** cũng sẽ bị xóa.

Cài đặt hiển thị menu

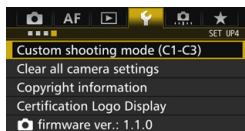


Bạn có thể chọn [**Menu display (Hiển thị menu)**] để thiết lập màn hình menu sẽ hiển thị trước tiên khi nhấn nút **<MENU>**.

- **Normal display (Hiển thị bình thường)**
Hiển thị màn hình menu đã hiển thị gần nhất.
- **Display from My Menu tab (Hiển thị từ tab Danh mục riêng)**
Hiển thị với tab [**★**] đã chọn
- **Display only My Menu tab (Chỉ hiển thị tab Danh mục riêng)**
Chỉ hiển thị tab [**★**]. (Các tab , **AF**, ,  và  sẽ không hiển thị.)

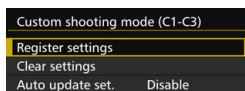
: Đăng ký chế độ chụp tùy chỉnh ☆

Bạn có thể đăng ký cài đặt hiện thời của máy ảnh, chẳng hạn như chế độ chụp, chức năng menu và cài đặt chức năng tùy chỉnh, như chế độ chụp tùy chỉnh tại vị trí <>, <> và <> của nút xoay chế độ.

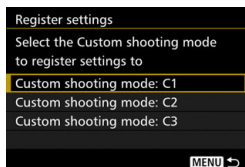


1 Chọn [Custom shooting mode (C1-C3) (Chế độ chụp tùy chỉnh (C1-C3))].

- Trong tab [>], chọn [Custom shooting mode (C1-C3) (Chế độ chụp tùy chỉnh (C1-C3))], rồi nhấn <>.



2 Chọn [Register settings (Đăng ký cài đặt)].



3 Đăng ký chế độ chụp tùy chỉnh.

- Chọn chế độ chụp tùy chỉnh để đăng ký, rồi nhấn <>.
- Chọn [OK] trên hộp thoại xác nhận.
- ▶ Cài đặt hiện tại của máy ảnh (tr.467-468) sẽ được đăng ký tại vị trí C* của nút xoay chế độ.

Cập nhật tự động

Nếu thay đổi cài đặt trong khi chụp ở chế độ <>, <> hoặc <>, chế độ chụp tùy chỉnh tương ứng sẽ tự động cập nhật để phản ánh thay đổi trong cài đặt. Để bật tự động cập nhật, ở bước 2 đặt [Auto update set. (Cài đặt cập nhật tự động)] thành [Enable (Bật)].

Hủy chế độ chụp tùy chỉnh đã đăng ký

Ở bước 2, nếu chọn [Clear settings (Xóa cài đặt)], máy ảnh sẽ trở về cài đặt mặc định mà không có chế độ chụp tùy chỉnh nào được đăng ký.

Cài đặt đã đăng ký

● Shooting functions (Chức năng chụp)

Chế độ chụp, Tốc độ màn trập, Khẩu độ, Tốc độ ISO, Thao tác lấy nét tự động, Chế độ chọn vùng AF, Điểm AF, Kiểu chụp, Chế độ đo sáng, Lượng bù trừ phơi sáng, Lượng bù trừ phơi sáng flash

● Menu functions (Chức năng menu)

[1] Chất lượng ảnh, Thời gian xem lại ảnh, Tiếng bíp, Nhả màn trập khi không lắp thẻ, Hiệu chỉnh quang sai của ống kính, Đánh sáng flash, Đo sáng flash E-TTL II, Tốc độ đồng bộ flash trong chế độ Av

[2] Bù trừ phơi sáng/AEB, Thiết lập tốc độ ISO, Tự động tối ưu hóa ánh sáng, Cân bằng trắng, Cân bằng trắng tùy chỉnh, Thay đổi cân bằng trắng/Cân bằng trắng hỗn hợp, Không gian màu

[3] Kiểu ảnh, Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu, Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao, Ưu tiên tông màu sáng, Đa phơi sáng (cài đặt), Chế độ HDR (cài đặt)

[4] Giảm mắt đỏ, Hẹn giờ ngắt quãng, Hẹn giờ bulb, Chụp chống nhấp nháy, Khóa gương lật

[5 (Chụp Live View)]

Chụp Live View, Phương pháp AF, Lấy nét liên tục, Hiển thị khung lưới, Tỷ lệ cỡ ảnh, Mô phỏng phơi sáng

[6] Chụp Live View ngắt tiếng, Hẹn giờ đo sáng

[4 (Phim)]

Lấy nét Servo phim, Phương pháp AF, Hiển thị khung lưới, Chất lượng ghi phim, Ghi âm, Tốc độ AF khi lấy nét Servo phim, Độ nhạy theo dõi lấy nét Servo phim

[5 (Phim)]

Chụp Live View ngắt tiếng, Hẹn giờ đo sáng, Số phim được ghi, Số lần xem lại phim, Điều khiển yên lặng, Chức năng nút , Đầu ra HDMI +LCD

[AF1] Trường hợp 1, Trường hợp 2, Trường hợp 3, Trường hợp 4, Trường hợp 5, Trường hợp 6

[AF2] Ưu tiên AI Servo ảnh đầu tiên, Ưu tiên AI Servo ảnh thứ 2

[AF3] Lấy nét tay điện tử của ống kính, Đánh sáng tia giúp lấy nét, Lấy nét một lần ưu tiên nhả màn trập

- [AF4] Điều khiển ống kính khi không thể lấy nét tự động, Điểm AF có thể chọn, Chọn chế độ chọn vùng AF, Phương pháp lựa chọn vùng AF, Điểm AF theo hướng chụp, Điểm AF ban đầu  Lấy nét AI Servo - Lấy nét liên tục, Chọn điểm AF tự động: EOS iTR AF
- [AF5] Kiểu lựa chọn điểm AF bằng tay, Hiển thị điểm AF khi lấy nét, Chiều sáng hiển thị trong khung ngắm, Trạng thái AF trong khung ngắm, Vi chỉnh AF
- [2] Trình chiếu (cài đặt), Nhảy ảnh với 
- [3] Cảnh báo dư sáng, Hiển thị điểm AF, Khung lưới khi xem lại, Hiển thị biểu đồ, Số lần xem lại phim, Phóng to (khoảng)
- [1] Đánh số thứ tự tập tin, Xoay tự động, Cài đặt Eye-Fi
- [2] Tự động tắt nguồn, Độ sáng màn hình LCD, Hiển thị trong khung ngắm, Ghi chép vị trí GPS
- [3] Tự động làm sạch, Tùy chọn hiển thị nút **INFO**, Chức năng nút **RATE**, Tốc độ khung hình HDMI
- [1] Mức tăng phơi sáng, Mức tăng thiết lập tốc độ ISO, Tự động hủy phơi sáng hỗn hợp, Thứ tự phơi sáng hỗn hợp, Số ảnh phơi sáng hỗn hợp, Chuyển chế độ an toàn, Phơi sáng giống nhau cho khẩu độ mới
- [2] Đặt phạm vi tốc độ màn trập, Đặt phạm vi khẩu độ, Tốc độ chụp liên tục
- [3] Hiển thị vùng chụp Live View, Hướng xoay nút xoay trong Tv/Av, Khóa đa chức năng, Điều khiển tùy chỉnh
- [4] Thêm thông tin cắt ảnh, Tùy chọn xóa mặc định, Thu ống kính khi tắt nguồn

 Cài đặt Danh mục riêng sẽ không được đăng ký trong chế độ chụp tùy chỉnh.

-   Ngay cả khi đặt nút xoay chế độ thành <1>, <2> hoặc <3>, bạn vẫn có thể thay đổi cài đặt chức năng chụp và cài đặt menu.
-  Nhấn nút <**INFO**> để kiểm tra chế độ chụp được đăng ký trong <1>, <2> và <3> (tr.470-471).

15

Tham khảo

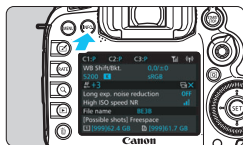
Chương này cung cấp thông tin tham khảo về tính năng máy ảnh, phụ kiện hệ thống, v.v...



Logo chứng nhận

Chọn [**4: Certification Logo Display (Hiển thị Logo chứng nhận)**] rồi nhấn **<SET>** để hiển thị các logo chứng nhận của máy ảnh. Các logo chứng nhận khác có thể có trong Hướng dẫn sử dụng, trên thân máy và trên bao bì sản phẩm.

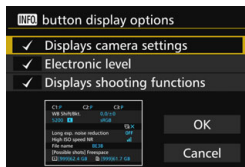
Chức năng nút INFO.



Nếu bạn nhấn nút <INFO.> khi máy ảnh sẵn sàng để chụp, màn hình [Displays camera settings (Hiển thị cài đặt máy ảnh)], [Electronic level (Cân bằng điện tử)] (tr.76) và [Displays shooting function (Hiển thị chức năng chụp)] (tr.471) sẽ hiển thị lần lượt.

Trong tab [F3], [INFO button display options (Tùy chọn hiển thị nút INFO)] cho phép lựa chọn các tùy chọn hiển thị khi nhấn nút <INFO.>.

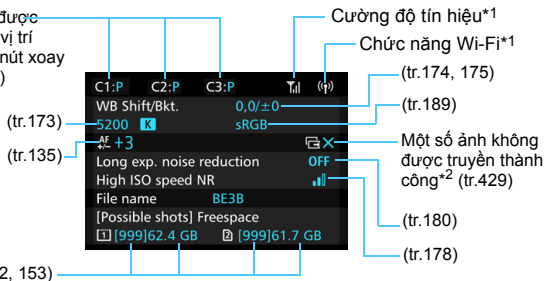
- Chọn tùy chọn mong muốn rồi nhấn <SET> để đánh dấu chọn [✓].
- Sau khi chọn xong, chọn [OK].



- Lưu ý rằng không thể bỏ dấu [✓] cho cả 3 tùy chọn hiển thị.
- Màn hình mẫu [Displays camera settings (Hiển thị cài đặt máy ảnh)] hiển thị bằng tiếng Anh cho tất cả ngôn ngữ.
- [Electronic level (Cân bằng điện tử)] sẽ không hiển thị nếu không được chọn, nhưng sẽ hiển thị khi chụp Live View và quay phim khi bạn nhấn nút <INFO.>.

Cài đặt máy ảnh

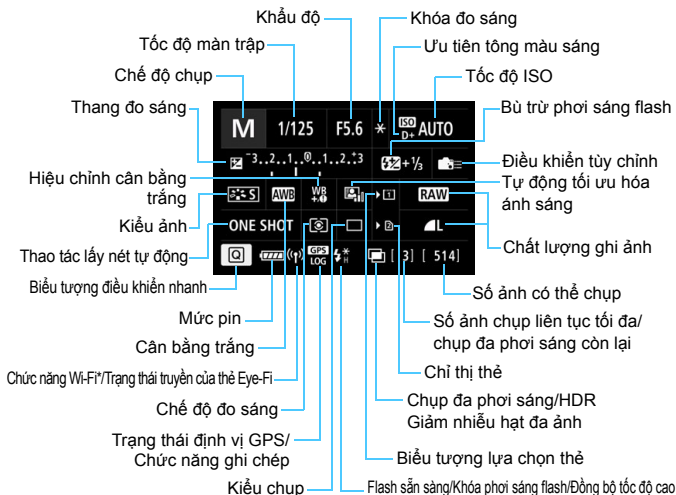
Chế độ chụp được đăng ký dưới vị trí [C1 C2 C3] của nút xoay chế độ (tr.466)



*1: Tham khảo Hướng dẫn sử dụng Thẻ Wi-Fi W-E1.

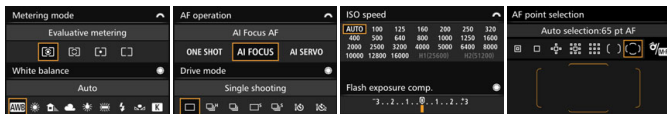
*2: Biểu tượng này sẽ hiển thị khi có một số ảnh bị truyền thất bại.

Cài đặt chức năng chụp



* Tham khảo Hướng dẫn sử dụng Thẻ Wi-Fi W-E1.

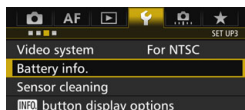
- Nhấn nút để bật điều khiển nhanh của cài đặt chụp (tr.61).
- Khi nhấn nút , , hoặc , màn hình cài đặt sẽ hiển thị và bạn có thể sử dụng , , hoặc để thiết lập.



Nếu tắt nguồn trong khi màn hình “Cài đặt chức năng chụp” hoặc “Cân bằng điện tử” hiển thị, màn hình này sẽ xuất hiện lại khi bật nguồn. Để hủy, nhấn nút **<INFO.>** để thoát màn hình “Cài đặt chức năng chụp”, rồi nhấn nút tắt nguồn.

MENU Kiểm tra thông tin pin

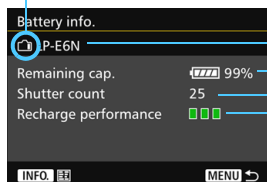
Bạn có thể kiểm tra lượng pin trên màn hình LCD. Mỗi Pin LP-E6N/LP-E6 đều có số sê-ri riêng, bạn có thể đăng ký nhiều pin với máy ảnh. Khi sử dụng tính năng này, bạn có thể kiểm tra lượng pin còn lại và lịch sử sử dụng của pin đã đăng ký.



Chọn [Battery info. (Thông tin pin)].

- Trong tab [43], chọn [Battery info. (Thông tin pin)], rồi nhấn <[SET]>.
- Màn hình thông tin pin sẽ xuất hiện.

Vị trí pin



Kiểu pin và nguồn điện gia đình được sử dụng.8

Biểu tượng mức pin (tr.46) hiển thị cùng với lượng pin còn lại với mức tăng 1%.

Số ảnh chụp với mức pin hiện tại. Số ảnh chụp sẽ được cài đặt lại khi pin được sạc.

Hiệu suất sạc của pin được hiển thị theo một trong 3 mức.

- (Xanh lá cây): Hiệu suất sạc tốt.
- (Xanh lá cây): Hiệu suất sạc bị giảm sút.
- (Đỏ): Bạn nên mua pin mới.



- Bạn nên sử dụng Pin LP-E6N/LP-E6 chính hãng của Canon. Dùng pin không chính hãng của Canon sẽ khiến máy ảnh không đạt được hiệu suất cao nhất hoặc gặp trục trặc.
- Nếu Bảng pin BG-E16 (bán riêng) và Bộ truyền dữ liệu không dây WFT-E7 (phiên bản 2, bán riêng) đều được gắn vào máy ảnh, màn hình sẽ chỉ hiển thị thông tin pin của BG-E16. Thông tin Pin của WFT-E7 (phiên bản 2) không được hiển thị.



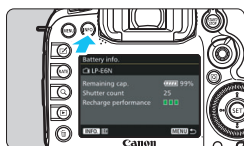
- Số lần chụp là số ảnh đã chụp. (Không bao gồm phim.)
- Thông tin của Pin LP-E6N/LP-E6 lắp trong Bảng pin BG-E16 (bán riêng) đều được hiển thị. Nếu sử dụng pin AA/LR6, chỉ có mức pin hiển thị.



Nếu không thể kết nối được với pin hoặc việc kết nối xảy ra sự cố bất thường, máy sẽ hiển thị **[Use this battery? (Sử dụng pin này?)]**. Nếu chọn **[OK]**, bạn có thể tiếp tục chụp. Tuy nhiên, tùy vào pin sử dụng, màn hình hiển thị thông tin pin có thể không xuất hiện hoặc hiển thị không chính xác.

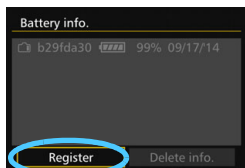
Đăng ký pin với máy ảnh

Bạn có thể đăng ký tối đa 6 Pin LP-E6N/LP-E6 với máy ảnh. Để đăng ký nhiều pin với máy ảnh, thực hiện theo quy trình dưới đây đối với từng loại pin.



1 Nhấn nút <INFO.>.

- Khi màn hình hiển thị thông tin pin xuất hiện, nhấn nút <INFO.>.
- ▶ Màn hình lịch sử sử dụng pin sẽ xuất hiện.
- ▶ Nếu pin chưa được đăng ký, màn hình sẽ hiển thị màu xám.



2 Chọn [Register (Đăng ký)].

- ▶ Hộp thoại xác nhận sẽ xuất hiện.

3 Chọn [OK].

- ▶ Pin sẽ được đăng ký và màn hình lịch sử sử dụng pin sẽ xuất hiện.
- ▶ Số pin tô xám sẽ chuyển sang màu trắng.
- Nhấn nút <MENU>. Màn hình hiển thị thông tin pin sẽ xuất hiện.

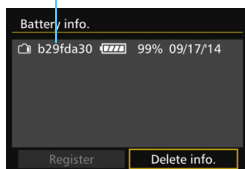


- Không thể đăng ký pin nếu máy ảnh có gắn Bảng pin BG-E16 (bán riêng) sử dụng pin AA/LR6 hoặc được cấp nguồn bởi Bộ nối nguồn DC DR-E6 (bán riêng) và Bộ điều hợp AC AC-E6N (bán riêng).
- Nếu đã đăng ký 6 pin, không thể chọn **[Register (Đăng ký)]**. Để xóa thông tin pin không cần thiết, tham khảo trang 475.

Ghi nhãn số sê-ri trên pin

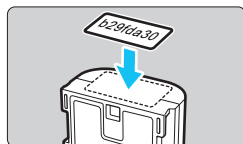
Sử dụng nhãn ghi bán trên thị trường để ghi nhãn Pin LP-E6N/LP-E6 đã đăng ký theo số sê-ri của pin.

Số sê-ri



1 Ghi số sê-ri trên nhãn.

- Ghi số sê-ri hiển thị trên màn hình lịch sử sử dụng pin trên nhãn có kích thước khoảng 25 mm x 15 mm / 1,0 in. x 0,6 in.



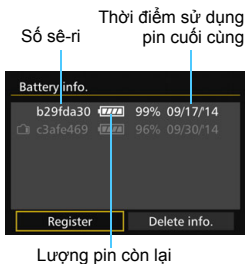
2 Tháo pin và dán nhãn.

- Đặt công tắc nguồn thành **<OFF>**.
- Mở nắp ngăn chứa pin và tháo pin.
- Dán nhãn theo hình minh họa (trên mặt không có tiếp xúc điện).
- Lặp lại quy trình này với tất cả các pin để dễ dàng xem số sê-ri của pin.

- Không dán nhãn trên các phần khác của pin ngoài bộ phận minh họa trong hình ở bước 2. Dán nhãn không đúng cách sẽ khiến khó lắp pin hoặc không thể khởi động máy ảnh.
- Nếu sử dụng Bảng pin BG-E16 (bán riêng), nhãn có thể bị bong nếu bạn tháo lắp pin thường xuyên. Nếu nhãn bị bong, thay nhãn mới.

Kiểm tra lượng pin còn lại của pin đã đăng ký

Bạn có thể kiểm tra lượng pin còn lại của pin (kể cả pin không lắp trong máy) cũng như thời điểm sử dụng pin cuối cùng.



Tìm số sê-ri.

- Tham khảo nhãn ghi số sê-ri của pin và tìm số sê-ri trên màn hình lịch sử sử dụng pin.
- ▶ Bạn có thể kiểm tra lượng pin còn lại của pin tương ứng cũng như thời điểm sử dụng pin cuối cùng.

Xóa thông tin pin đã đăng ký

1 Chọn [Delete info. (Xóa thông tin)].

- Thực hiện theo bước 2 ở trang 473 để chọn [Delete info. (Xóa thông tin)], rồi nhấn <SET>.

2 Chọn thông tin pin cần xóa.

- Chọn thông tin pin cần xóa, rồi nhấn <SET>.
- ▶ Dấu chọn [✓] sẽ xuất hiện.
- Để xóa thông tin của pin khác, lặp lại các bước trên.

3 Nhấn nút <EXIT>.

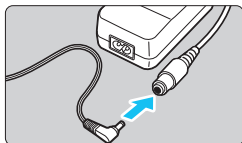
- ▶ Màn hình hộp thoại xác nhận sẽ xuất hiện.

4 Chọn [OK].

- ▶ Thông tin pin sẽ được xóa và màn hình ở bước 1 sẽ xuất hiện lại.

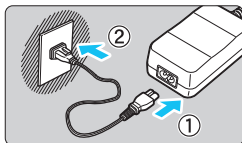
Sử dụng ổ điện gia đình

Bạn có thể sử dụng Bộ nối nguồn DC DR-E18 và Bộ điều hợp AC AC-E6N (cả hai đều bán riêng) để cung cấp nguồn cho máy ảnh bằng ổ điện gia đình.



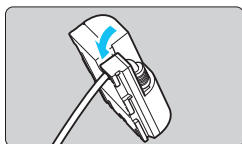
1 Kết nối bộ nối nguồn DC.

- Kết nối bộ nối nguồn DC với khe cắm của bộ điều hợp AC.



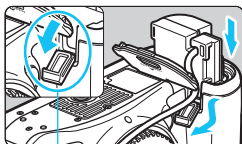
2 Kết nối dây nguồn.

- Cắm dây nguồn như hình minh họa.
- Sau khi sử dụng máy ảnh, rút phích cắm khỏi ổ điện.



3 Đặt dây nguồn vào rãnh cắm.

- Cần thận lắp dây nguồn của bộ nối nguồn DC để không làm hỏng dây.



4 Lắp bộ nối nguồn DC.

- Mở nắp ngăn chứa pin và tháo nắp hốc dây bộ nối nguồn DC.
- Cần thận cắm bộ nối nguồn DC đến khi cắm chặt và đặt dây nguồn qua hốc dây.
- Đóng nắp.

Nắp hốc dây DC

! Không cắm hoặc rút dây nguồn hoặc bộ nối nguồn DC khi đặt công tắc nguồn của máy ảnh thành **<ON>**.

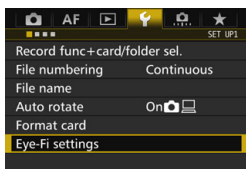
Sử dụng thẻ Eye-Fi

Sau khi cài đặt thẻ Eye-Fi bán trên thị trường, bạn có thể tự động truyền ảnh đã chụp đến máy tính hoặc tải lên dịch vụ trực tuyến qua mạng LAN không dây.

Truyền ảnh là chức năng của thẻ Eye-Fi. Để tham khảo hướng dẫn về cách cài đặt và sử dụng thẻ Eye-Fi hoặc để khắc phục các vấn đề trực tiếp về truyền ảnh, khảo hướng dẫn sử dụng thẻ Eye-Fi hoặc liên hệ với nhà sản xuất thẻ.

 Sản phẩm này không đảm bảo hỗ trợ các chức năng thẻ Eye-Fi (bao gồm truyền không dây). Trong trường hợp thẻ Eye-Fi gặp trục trặc, vui lòng liên hệ nhà sản xuất thẻ. Ngoài ra, lưu ý rằng tại nhiều quốc gia hoặc khu vực, việc sử dụng thẻ Eye-Fi phải được phê chuẩn. Nếu không được phê chuẩn, không được phép sử dụng thẻ này. Nếu không chắc chắn thẻ có được phê chuẩn để sử dụng tại khu vực sở tại, xác nhận lại với nhà sản xuất thẻ.

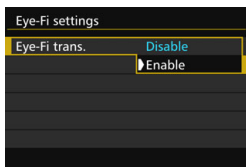
1 Lắp thẻ Eye-Fi (tr.41).



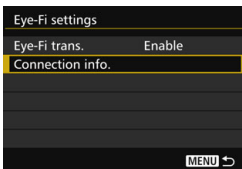
2 Chọn [Eye-Fi settings (Cài đặt Eye-Fi)].

- Trong tab [ 1], chọn [Eye-Fi settings (Cài đặt Eye-Fi)], rồi nhấn <SET>.
- Menu này chỉ hiển thị khi cắm thẻ Eye-Fi vào máy ảnh.

3 Bật truyền Eye-Fi.



- Chọn [Eye-Fi trans. (Truyền Eye-Fi)], rồi nhấn <SET>.
- Chọn [Enable (Bật)], rồi nhấn <SET>.
- Nếu đặt [Disable (Tắt)], quá trình truyền tự động sẽ không thực hiện được ngay cả khi cắm thẻ Eye-Fi (biểu tượng trạng thái truyền ).



4 Hiển thị thông tin kết nối.

- Chọn [**Connection info. (Thông tin kết nối)**], rồi nhấn <SET>.



5 Kiểm tra [Access point SSID: (Điểm truy cập SSID:)].

- Kiểm tra điểm truy cập có hiển thị [Access point SSID: (Điểm truy cập SSID:)] hay không.
- Bạn có thể kiểm tra phiên bản firmware và địa chỉ MAC của thẻ Eye-Fi.
- Nhấn nút <MENU> để thoát menu.



Biểu tượng trạng thái truyền

6 Chụp ảnh.

- ▶ Ảnh được truyền và biểu tượng <📶> chuyển từ màu xám (không kết nối) sang một trong các biểu tượng dưới đây.
- Biểu tượng 📶 sẽ xuất hiện trong thông tin chụp cho biết ảnh đã truyền (tr.359).

📶 (Màu xám) **Not connected** : Không kết nối với điểm truy cập.
(Không kết nối)

📶 (Nhấp nháy) **Connecting...** : Đang kết nối với điểm truy cập.
(Đang kết nối...)

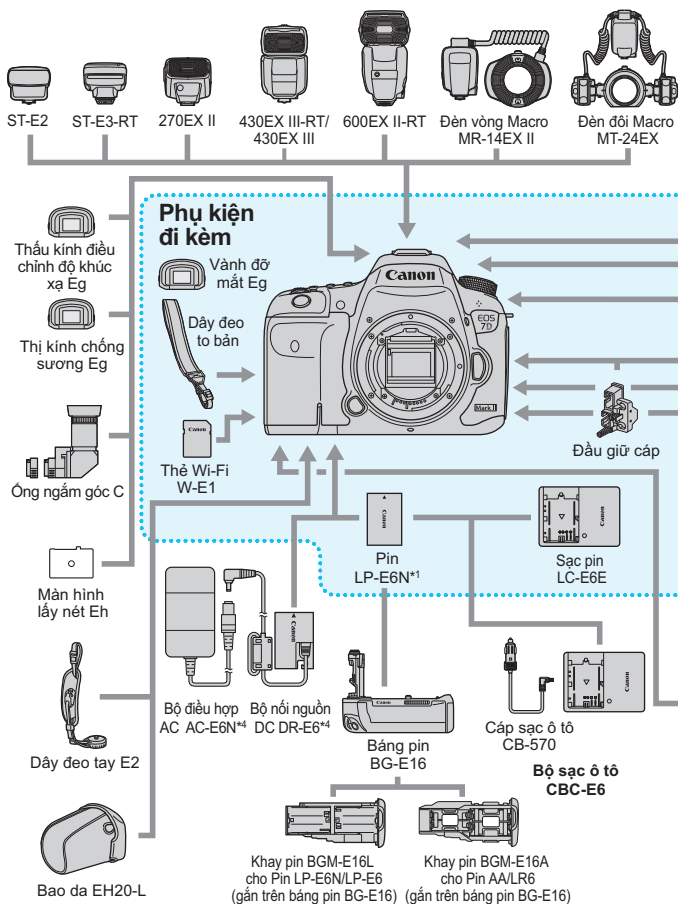
📶 (Sáng) **Connected** : Đã kết nối với điểm truy cập.
(Đã kết nối)

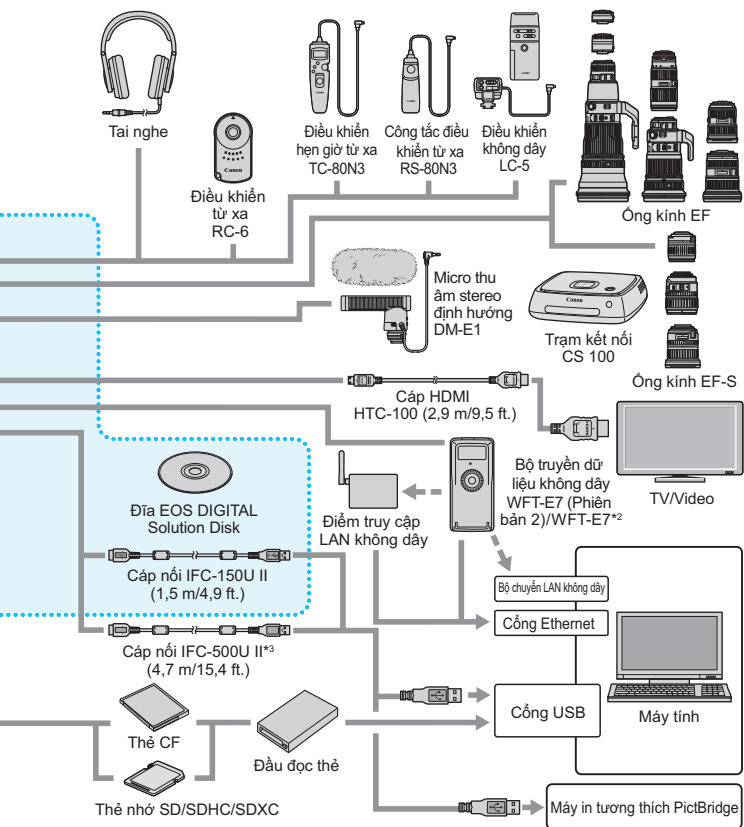
📶 (↑) **Transferring...** : Đang truyền ảnh đến điểm truy cập.
(Đang truyền...)

Thận trọng khi sử dụng thẻ Eye-Fi

- Biểu tượng “” biểu thị đã xảy ra lỗi trong khi truy xuất thông tin thẻ. Tắt và bật lại công tắc nguồn của máy ảnh.
- Ngay cả khi đặt [**Eye-Fi trans. (Truyền Eye-Fi)**] thành [**Disable (Tắt)**], thẻ vẫn có thể truyền tín hiệu. Tại bệnh viện, sân bay và một số nơi cấm truyền Wi-Fi, vui lòng tháo thẻ Eye-Fi khỏi máy ảnh.
- Nếu chức năng truyền ảnh không hoạt động, kiểm tra thẻ Eye-Fi và cài đặt của máy tính. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo hướng dẫn sử dụng thẻ.
- Tùy thuộc vào điều kiện kết nối của mạng LAN không dây, quá trình truyền ảnh có thể bị kéo dài hoặc có thể gián đoạn.
- Thẻ Eye-Fi có thể nóng lên khi truyền.
- Pin sẽ tiêu hao nhanh hơn.
- Trong khi truyền ảnh, chức năng tự động tắt nguồn sẽ không hoạt động.
- Nếu sử dụng thẻ LAN không dây khác ngoài thẻ Eye-Fi, [**Eye-Fi settings (Cài đặt Eye-Fi)**] sẽ không xuất hiện. Ngoài ra, biểu tượng trạng thái truyền < > cũng sẽ không xuất hiện.

Sơ đồ hệ thống





*1: Cũng có thể sử dụng Pin LP-E6.

*2: Để sử dụng model WFT-E7 cũ hơn (không phải phiên bản 2), cần cập nhật firmware và sử dụng Cáp nối IFC-40AB II hoặc IFC-150AB II.

*3: Với IFC-500U II, tốc độ giao tiếp sẽ tương đương với USB tốc độ cao (USB 2.0).

*4: Cũng có thể sử dụng Bộ điều hợp AC ACK-E6.

* Độ dài của tất cả cáp được nêu chỉ mang tính tương đối.

Bảng chức năng khả dụng theo chế độ chụp

Chụp ảnh

● : Cài đặt mặc định ○ : Người dùng có thể chọn □ : Không thể chọn/Tắt

Chức năng			P	Tv	Av	M	B
Tắt cả các cài đặt chất lượng ảnh có thể chọn		○	○	○	○	○	○
ISO speed (Tốc độ ISO)	Tự động đặt/ISO tự động	●	○	○	○	○	○
	Thiết lập bằng tay	□	○	○	○	○	○
Picture Style (Kiểu ảnh)	Tự động đặt/Tự động	●	○	○	○	○	○
	Chọn bằng tay	□	○	○	○	○	○
White balance (Cân bằng trắng)	Tự động	●	○	○	○	○	○
	Đặt trước	□	○	○	○	○	○
	Tùy chọn	□	○	○	○	○	○
	Thiết lập nhiệt độ màu	□	○	○	○	○	○
	Chỉnh sửa/Phối sáng hỗn hợp	□	○	○	○	○	○
Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)		●	○	○	○	○	○
Long exposure noise reduction (Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu)		□	○	○	○	○	○
High ISO speed noise reduction (Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao)		●	○	○	○	○	○
Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)		□	○	○	○	○	○
Lens aberration correction (Hiệu chỉnh quang sai của ống kính)	Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi	○	○	○	○	○	○
	Hiệu chỉnh sắc sai	○	○	○	○	○	○
	Hiệu chỉnh méo hình	○	○	○	○	○	○
Anti-flicker shooting (Chụp chống nhấp nháy)		●	○	○	○	○	○
Color space (Không gian màu)	sRGB	●	○	○	○	○	○
	Adobe RGB	□	○	○	○	○	○
AF (Lấy nét tự động)	Lấy nét một lần	□	○	○	○	○	○
	Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục	□	○	○	○	○	○
	Tự động lấy nét AI	●	○	○	○	○	○
	Chế độ chọn vùng AF	□	○	○	○	○	○
	Điểm AF	●	○	○	○	○	○
	Lấy nét bằng tay (MF)	○	○	○	○	○	○
	Tia giúp lấy nét	● ^{*1}	○	○	○	○	○
	Ví chỉnh AF	□	○	○	○	○	○
	⌂ (khuôn mặt)+Theo dõi ^{*2}	○	○	○	○	○	○
	Vùng linh hoạt - đa điểm ^{*2}	○	○	○	○	○	○
	Vùng linh hoạt - 1 điểm ^{*2}	○	○	○	○	○	○
	Lấy nét liên tục ^{*2}	○	○	○	○	○	○

Chức năng			P	Tv	Av	M	B
Metering (Đo sáng)	Đo sáng toàn khung ảnh						
	Đo sáng từng phần						
	Đo sáng điểm						
	Đo sáng trung bình trung tâm						
Exposure (Phơi sáng)	Thay đổi chương trình						
	Khóa đo sáng					 *3	
	Bù trừ phơi sáng					 *4	
	AEB						
	Xem trước độ sâu trường ảnh						
	Chụp HDR						
	Chụp đa phơi sáng						
	Hẹn giờ ngắt quãng ^{*5}						
	Hẹn giờ bulb						
Drive (Kiểu chụp)	Chụp từng ảnh						
	Chụp liên tục tốc độ cao						
	Chụp liên tục tốc độ thấp						
	Chụp từng ảnh ngắt tiếng						
	Chụp liên tục ngắt tiếng						
	Hẹn giờ 10 giây/Điều khiển từ xa						
	Hẹn giờ 2 giây/Điều khiển từ xa						
Built-in flash (Đèn flash tích hợp)	Tự động đánh sáng						
	Flash bật (Luôn đánh sáng)						
	Flash tắt						
	Giảm mắt đỏ						
	Khóa phơi sáng flash						
	Bù trừ phơi sáng flash						
	Điều khiển không dây						
External Speedlite (Đèn Speedlite ngoài)	Cài đặt chức năng						
	Cài đặt chức năng tùy chỉnh						
Live View shooting (Chụp Live View)							
Quick Control (Điều khiển nhanh)							

*1: Nếu đèn flash tích hợp được đặt thành , tia giúp lấy nét sẽ không phát ra.

*2: Chỉ có thể cài đặt khi chụp Live View.

*3: Với ISO tự động, bạn có thể đặt tốc độ ISO cố định.

*4: Chỉ có thể cài đặt khi thiết lập ISO tự động.

*5: Chỉ có thể cài đặt khi chụp với khung ngắm.

Quay phim

●: Thiết lập tự động ○: Người dùng có thể chọn □: Không thể chọn/Tắt

Chức năng		Phim					Ảnh  ^{*1}			
			P/B	Tv	Av	M		P/B/Tv/Av	M	
										
Tắt cả các cài đặt chất lượng ảnh có thể chọn (phim)		○	○	○	○	○				
Tắt cả các cài đặt chất lượng ảnh có thể chọn (ảnh)						○	○	○		
ISO speed (Tốc độ ISO)	Tự động đặt/ISO tự động	●	●	●	●	○	●	●	○	
	Thiết lập bằng tay					○			○	
Picture Style (Kiểu ảnh)	Tự động đặt/Tự động	●	○	○	○	○	●	○	○	
	Chọn bằng tay		○	○	○	○		○	○	
White balance (Cân bằng trắng)	Tự động	●	○	○	○	○	●	○	○	
	Đặt trước		○	○	○	○		○	○	
	Tùy chọn		○	○	○	○		○	○	
	Thiết lập nhiệt độ màu		○	○	○	○		○	○	
	Chỉnh		○	○	○	○		○	○	
	Hỗn hợp							○	○	
Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)		●	○	○	○	○	●	○	○	
Long exposure noise reduction (Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu)										
High ISO speed noise reduction (Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao) ^{*2}		●	○	○	○	○	●	○	○	
Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)			○	○	○	○		○	○	
Lens aberration correction (Hiệu chỉnh quang sai của ống kính)	Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi	○	○	○	○	○	○	○	○	
	Hiệu chỉnh sắc sai	○	○	○	○	○	○	○	○	
	Hiệu chỉnh méo hình									
Color space (Không gian màu)	sRGB	●	●	●	●	●	●	○	○	
	Adobe RGB							○	○	
AF (Lấy nét tự động)	 +Theo dõi	○	○	○	○	○	○	○	○	
	Vùng linh hoạt - đa điểm	○	○	○	○	○	○	○	○	
	Vùng linh hoạt - 1 điểm	○	○	○	○	○	○	○	○	
	Lấy nét bằng tay (MF)	○	○	○	○	○	○	○	○	
	Lấy nét Servo phim	○	○	○	○	○	○	○	○	

*1 : Biểu tượng  biểu thị ảnh chụp khi đang quay phim.

*2 : Không thể thiết lập Giảm nhiễu hạt đa ảnh.

Chức năng		Phím					Ảnh  *1			
			P/B	Tv	Av	M		P/B/Tv/Av	M	
								  		
Metering (Đo sáng)		●	●	●	●	●	●	●	●	
Exposure (Phơi sáng)	Thay đổi chương trình									
	Khóa đo sáng		○	○	○	*3		○	*3	
	Bù trừ phơi sáng		○	○	○	○*4		○	○*4	
	AEB									
	Xem trước độ sâu trường ảnh									
Drive (Kiểu chụp)	Chụp từng ảnh						○	○	○	
	Chụp liên tục tốc độ cao						○	○	○	
	Chụp liên tục tốc độ thấp						○	○	○	
	Chụp từng ảnh ngắt tiếng						○	○	○	
	Chụp liên tục ngắt tiếng						○	○	○	
	Hẹn giờ 10 giây/Điều khiển từ xa*5						○	○	○	
	Hẹn giờ 2 giây/Điều khiển từ xa*5						○	○	○	
Built-in flash/External Speedlite (Đèn flash tích hợp/Đèn Speedlite ngoài)										
Sound recording (Ghi âm)		○	○	○	○	○				
Time code (Mã thời gian)		○	○	○	○	○				
Quick Control (Điều khiển nhanh)		○	○	○	○	○	○	○	○	

*3 : Với ISO tự động, bạn có thể đặt tốc độ ISO cố định.

*4 : Với ISO tự động, bạn có thể thiết lập bù trừ phơi sáng.

*5 : Chỉ hoạt động trước khi bắt đầu quay phim.

Cài đặt menu

Chụp bằng khung ngắm và chụp Live View

: Shooting 1 (Chụp 1) (Đỏ)

Trang

Image quality (Chất lượng ảnh)	RAW / M RAW / S RAW	151
	L / L / M / M / S1 / S1 / S2 / S3	
Image review time (Thời gian xem lại ảnh)	Off (Tắt) / 2 sec. (2 giây) / 4 sec. (4 giây) / 8 sec. (8 giây) / Hold (Giữ)	70
Beep (Bíp)	Enable (Bật) / Disable (Tắt)	69
Release shutter without card (Nhả màn trập khi không lắp thẻ)	Enable (Bật) / Disable (Tắt)	42
Lens aberration correction (Hiệu chỉnh quang sai của ống kính)	Peripheral illumination (Ánh sáng vùng ngoại vi): Enable (Bật) / Disable (Tắt)	183
	Chromatic aberration (Sắc sai): Enable (Bật) / Disable (Tắt)	
	Distortion (Méo hình): Disable (Tắt) / Enable (Bật)	
Flash control (Điều khiển flash)	Flash firing (Đánh sáng flash) / E-TTL II meter. (Đo sáng E-TTL II) / Flash sync. speed in Av mode (Tốc độ đồng bộ flash trong chế độ Av) / Built-in flash settings (Cài đặt flash tích hợp) / External flash function settings (Cài đặt chức năng flash ngoài) / External flash C.Fn settings (Cài đặt chức năng tùy chỉnh flash ngoài) / Clear settings (Xóa cài đặt)	264



- Tùy chọn menu được tô bóng không hiển thị trong chế độ <A+>.
- Chức năng hiển thị trong tab [ 1: Image quality (Chất lượng ảnh)] tùy thuộc vào cài đặt [Record func. (Chức năng ghi)] (tr.148) trong tab [ 1: Record func+card/folder sel. (Chức năng ghi+chọn thẻ/thư mục)]. Nếu đặt [Rec. separately (Ghi riêng)], hãy đặt chất lượng ảnh cho từng thẻ.
- Khi quay phim, một số mục menu sẽ không hiển thị. Ngoài ra, tab [ 6] cũng sẽ không xuất hiện.

📷: Shooting 2 (Chụp 2) (Đỏ)

Trang

Exposure compensation/AEB setting (Thiết lập bù trừ phơi sáng/AEB)*	Điều chỉnh với mức tăng 1/3 điểm dừng hoặc 1/2 điểm dừng trong khoảng ± 5 điểm dừng (AEB ± 3 điểm dừng)	228 229
ISO speed settings (Thiết lập tốc độ ISO)	ISO speed (Tốc độ ISO) / ISO speed range (Phạm vi tốc độ ISO) / Auto ISO range (Phạm vi ISO tự động) / Minimum shutter speed (Tốc độ màn trập tối thiểu)	156
Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)	Disable (Tắt) / Low (Thấp) / Standard (Tiêu chuẩn) / High (Cao) Tắt trong chế độ M hoặc B	177
White balance (Cân bằng trắng)	AWB / / / / / / / (Khoảng 2500 - 10000)	170
Custom White Balance (Cân bằng trắng tùy chỉnh)	Cài đặt bằng tay cân bằng trắng	171
White balance shift/bracketing (Thay đổi cân bằng trắng/Cân bằng trắng hỗn hợp)	Hiệu chỉnh cân bằng trắng: chênh lệch B/A/M/G, mỗi màu có 9 mức chỉnh Cân bằng trắng hỗn hợp: chênh lệch B/A và M/G, tăng mức đơn theo ± 3 mức	174
Color space (Không gian màu)	sRGB / Adobe RGB	189

* Khi quay phim, [Expo.comp./AEB (Bù trừ phơi sáng/AEB)] sẽ chuyển thành [Exposure comp. (Bù trừ phơi sáng)].

📷: Shooting 3 (Chụp 3) (Đỏ)

Picture Style (Kiểu ảnh)	Auto (Tự động) / Standard (Tiêu chuẩn) / Portrait (Chân dung) / Landscape (Phong cảnh) / Neutral (Trung tính) / Faithful (Chân thực) / Monochrome (Đơn sắc) / User Def. 1-3 (Người dùng xác định 1-3)	162
Long exposure noise reduction (Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu)	Disable (Tắt) / Auto (Tự động) / Enable (Bật)	180
High ISO speed noise reduction (Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao)	Disable (Tắt) / Low (Thấp) / Standard (Tiêu chuẩn) / High (Cao) / Multi Shot Noise Reduction (Giảm nhiễu hạt đa ảnh)	178
Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)	Disable (Tắt) / Enable (Bật)	182
Dust Delete Data (Dữ liệu xóa bụi)	Sử dụng phần mềm EOS để lấy dữ liệu sẽ dùng để xóa chấm bụi	409
Multiple exposure (Chụp đa phơi sáng)	Multiple exposure (Chụp đa phơi sáng) / Multiple exposure control (Điều khiển chụp đa phơi sáng) / Number of exposures (Số lượng ảnh đa phơi sáng) / Save source images (Lưu ảnh gốc) / Continue multiple exposure (Tiếp tục chụp đa phơi sáng)	240
HDR Mode (Chế độ HDR)	Adjust dynamic range (Điều chỉnh dải tương phản) / Effect (Hiệu ứng) / Continuous HDR (HDR liên tục) / Auto Image Align (Cân chỉnh ảnh tự động) / Save source images (Lưu ảnh gốc)	235

📷: Shooting 4 (Chụp 4)* (Đỏ)

Trang

Red-eye reduction (Giảm mắt đỏ)	Disable (Tắt) / Enable (Bật)	258
Interval timer (Hẹn giờ ngắt quãng)	Disable (Tắt) / Enable (Bật) (Quãng chụp / Số ảnh chụp)	252
Bulb timer (Hẹn giờ bulb)	Disable (Tắt) / Enable (Bật) (Thời gian phơi sáng)	233
Anti-flicker shooting (Chụp chống nhấp nháy)	Disable (Tắt) / Enable (Bật)	187
Mirror lockup (Khóa gương lật)	Disable (Tắt) / Enable (Bật)	248

* Trong chế độ <[A]⁺>, các tùy chọn menu này sẽ hiển thị dưới tab [📷2].

📷: Shooting 5 (Chụp 5)* (Đỏ)

Live View shooting (Chụp Live View)	Enable (Bật) / Disable (Tắt)	289
AF method (Phương pháp AF)	☑️+Tracking (☑️+Theo dõi) / FlexiZone - Multi (Vùng linh hoạt - đa điểm) / FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)	301
Continuous AF (Lấy nét liên tục)	Disable (Tắt) / Enable (Bật)	296
Grid display (Hiển thị khung lưới)	Off (Tắt) / 3x3 田 / 6x4 田田 / 3x3+diag 田田 (3x3+chéo 田田)	297
Aspect ratio (Tỷ lệ cỡ ảnh)	3:2 / 4:3 / 16:9 / 1:1	297
Exposure simulation (Mô phỏng phơi sáng)	Enable (Bật) / During 📷 (Trong khi 📷) / Disable (Tắt)	298

* Trong chế độ <[A]⁺>, các tùy chọn menu này sẽ hiển thị dưới tab [📷3].

📷: Shooting 6 (Chụp 6) (Đỏ)

Silent LV shooting (Chụp Live View ngắt tiếng)	Mode 1 (Chế độ 1) / Mode 2 (Chế độ 2) / Disable (Tắt)	299
Metering timer (Hẹn giờ đo sáng)	4 sec. (4 giây) / 8 sec. (8 giây) / 16 sec. (16 giây) / 30 sec. (30 giây) / 1 min. (1 phút) / 10 min. (10 phút) / 30 min. (30 phút)	300

AF: AF1 (Tím)

Trang

Case 1 (Trường hợp 1)	Cài đặt đa chức năng	111
Case 2 (Trường hợp 2)	Tiếp tục theo dõi chủ thể, bỏ qua chương ngại vật có thể xuất hiện	111
Case 3 (Trường hợp 3)	Lấy nét ngay chủ thể đột ngột tiến vào điểm AF	112
Case 4 (Trường hợp 4)	Đổi với chủ thể tăng/giảm tốc nhanh	112
Case 5 (Trường hợp 5)	Đổi với chủ thể di chuyển nhanh thất thường theo bất kỳ hướng nào (tắt ở chế độ AF một điểm)	113
Case 6 (Trường hợp 6)	Đổi với chủ thể thay đổi tốc độ và di chuyển tự do (tắt ở chế độ AF một điểm)	114

AF: AF2 (Tím)

AI Servo 1st image priority (Ưu tiên AI Servo ảnh đầu tiên)	Release priority (Ưu tiên nhả màn trập) / Equal priority (Ưu tiên cân bằng) / Focus priority (Ưu tiên lấy nét)	119
AI Servo 2nd image priority (Ưu tiên AI Servo ảnh thứ 2)	Shooting speed priority (Ưu tiên tốc độ chụp) / Equal priority (Ưu tiên cân bằng) / Focus priority (Ưu tiên lấy nét)	120

AF: AF3 (Tím)

Lens electronic MF (Lấy nét tay điện tử của ống kính)	Enable after One-Shot AF (Bật sau khi lấy nét một lần) / Disable after One-Shot AF (Tắt sau khi lấy nét một lần) / Disable in AF mode (Tắt trong chế độ AF)	121
AF-assist beam firing (Đánh sáng tia giúp lấy nét)	Enable (Bật) / Disable (Tắt) / Enable external flash only (Chỉ bật flash ngoài) / IR AF assist beam only (Chỉ dùng tia giúp lấy nét hồng ngoại)	122
One-Shot AF release priority (Lấy nét một lần ưu tiên nhả màn trập)	Release priority (Ưu tiên nhả màn trập) / Focus priority (Ưu tiên lấy nét)	123

AF: AF4 (Tím)

Trang

Lens drive when AF impossible (Điều khiển ống kính khi không thể lấy nét tự động)	Continue focus search (Tiếp tục tìm kiếm lấy nét) / Stop focus search (Dừng tìm kiếm lấy nét)	124
Selectable AF point (Điểm AF có thể chọn)	65 points (65 điểm) / 21 points (21 điểm) / 9 points (9 điểm)	125
Select AF area selection mode (Chọn chế độ lựa chọn vùng AF)	Manual selection: Spot AF (Chọn bằng tay: AF chấm điểm) / Manual selection: 1 point AF (Chọn bằng tay: AF 1 điểm) / Expand AF area (Mở rộng vùng AF: "□"/ Expand AF area: Surround (Mở rộng vùng AF: Bao quanh) / Manual selection: Zone AF (Chọn bằng tay: Lấy nét tự động theo vùng) / Manual selection: Large Zone AF (Chọn bằng tay: Lấy nét tự động theo vùng lớn) / Auto selection: 65 point AF (Chọn tự động: AF 65 điểm)	126
AF area selection method (Phương pháp lựa chọn vùng AF)	 → M-Fn button (Nút M-Fn) /  → Main Dial (Nút xoay chính)	127
Orientation linked AF point (Điểm AF theo hướng chụp)	Same for both vertical/horizontal (Giống nhau với chụp ngang/chụp dọc) / Separate AF points: Area+point (Điểm AF riêng biệt: Vùng+điểm) / Separate AF points: Point only (Điểm AF riêng biệt: Chỉ điểm)	127
Initial AF point, (○) AI Servo AF (Điểm AF ban đầu, (○) Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục)	Initial (○) AF point selected (Điểm AF (○) đã chọn ban đầu) / Manual   AF point (Điểm AF   chọn bằng tay) / Auto (Tự động)	129
Auto AF point selection: EOS iTR AF (Chọn điểm AF tự động: EOS iTR AF)	Enable (Bật) / Disable (Tắt)	130

AF: AF5 (Tím)

Manual AF point selection pattern (Kiểu lựa chọn điểm AF bằng tay)	Stops at AF area edges (Dừng ở rìa vùng AF) / Continuous (Liên tục)	131
AF point display during focus (Điểm AF hiển thị trong khi lấy nét)	Selected (constant) (Đã chọn (không đổi)) / All (constant) (Tất cả (không đổi)) / Selected (pre-AF, focused) (Đã chọn (trước AF, lấy được nét)) / Selected (focused) (Đã chọn (lấy được nét)) / Disable display (Tắt hiển thị)	132
VF display illumination (Chiếu sáng hiển thị trong khung ngắm)	Auto (Tự động) / Enable (Bật) / Disable (Tắt)	133
	AF point during AI Servo AF (Điểm AF trong khi lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục): Non illuminated (Không phát sáng) / Illuminated (phát sáng)	
AF status in viewfinder (Trạng thái AF trong khung ngắm)	Show in field of view (Hiển thị trong trường ảnh) / Show outside view (Hiển thị ngoài trường ảnh)	134
AF Microadjustment (Vi chỉnh AF)	Disable (Tắt) / All by same amount (Tất cả với cùng một lượng) / Adjust by lens (Điều chỉnh theo ống kính)	135

▶: **Playback 1 (Xem lại 1)** (Xanh da trời)

Trang

Protect images (Bảo vệ ảnh)	Bảo vệ ảnh	370
Rotate image (Xoay ảnh)	Xoay ảnh	369
Erase images (Xóa ảnh)	Xóa ảnh	394
Print order (Lệnh in)	Chỉ ra các ảnh được in (DPOF)	426
Photobook Set-up (Lập sách ảnh)	Chỉ định ảnh cho sách ảnh	431
Image copy (Sao chép ảnh)	Sao chép ảnh giữa các thẻ	390
RAW image processing (Xử lý ảnh RAW)	Xử lý ảnh RAW	400

▶: **Playback 2 (Xem lại 2)** (Xanh da trời)

Resize (Thay đổi cỡ ảnh)	Giảm độ phân giải của ảnh JPEG	405
Rating (Xếp hạng)	[OFF (TẮT)] / [] / [] / [] / [] / []	373
Slide show (Trình chiếu)	Set Playback description (Mô tả xem lại) / Display time (Thời gian hiển thị) / Repeat, and start auto playback (Lặp lại và bắt đầu xem lại tự động)	384
Image transfer (Truyền ảnh)	Image selection/transfer (Chọn/truyền ảnh) / RAW+JPEG transfer (Truyền RAW+JPEG)	429
Image jump w/  (Nhảy ảnh với )	1 image (1 ảnh) / 10 images (10 ảnh) / 100 images (100 ảnh) / Date (Ngày) / Folder (Thư mục) / Movies (Phim) / Stills (Ảnh) / Protect (Bảo vệ) / Rating (Xếp hạng)	364

▶: **Playback 3 (Xem lại 3)** (Xanh da trời)

Highlight alert (Cảnh báo vùng sáng)	Disable (Tắt) / Enable (Bật)	361
AF point display (Hiển thị điểm AF)	Disable (Tắt) / Enable (Bật)	361
Playback grid (Khung lưới khi xem lại)	Off (Tắt) / 3x3  / 6x4  / 3x3+diag  (3x3+chéo )	357
Histogram display (Hiển thị biểu đồ)	Brightness (Độ sáng) / RGB	362
Movie playback count (Số lần xem lại phim)*	Rec time (Thời gian ghi) / Time code (Mã thời gian)	342
Magnification (approx.) (Phóng to (khoảng))	1x (no magnification) (1x (không phóng to)) / 2x (magnify from center) (2x (phóng to từ trung tâm)) / 4x (magnify from center) (4x (phóng to từ trung tâm)) / 8x (magnify from center) (8x (phóng to từ trung tâm)) / 10x (magnify from center) (10x (phóng to từ trung tâm)) / Actual size (from selected point) (Kích thước thực tế (từ điểm được chọn)) / Same as last magnification (from center) (Giống như lần phóng to gần nhất (từ trung tâm))	367
Control over HDMI (Điều khiển qua HDMI)	Disable (Tắt) / Enable (Bật)	388

* Cài đặt này liên kết tới [Movie play count (Số lần xem lại phim)] của [Time code (Mã thời gian)] trong tab [5 (Phim)].

🔧: Set-up 1 (Cài đặt 1) (Vàng)

Trang

Record function+card/ folder selection (Chức năng ghi+chọn thẻ/thư mục)	Chức năng ghi: Standard (Tiêu chuẩn) / Auto switch card (Tự động chuyển thẻ) / Record separately (Ghi riêng) / Record to multiple (Ghi vào nhiều phương tiện)	148
	Record/playback (Ghi/phát) / Playback (Xem lại): [1] / [2]	150
	Folder (Thư mục): Tạo và chọn thư mục	190
File numbering (Đánh số thứ tự tập tin)	Continuous (Liên tục) / Auto reset (Tự động cài đặt lại) / Manual reset (Đặt lại bằng tay)	195
File name (Tên tập tin)	Mã đặt trước / Cài đặt người dùng 1 / Cài đặt người dùng 2	192
Auto rotate (Xoay tự động)	On   (Bật  ) / On  (Bật ) / Off (Tắt)	397
Format card (Định dạng thẻ)	Xóa dữ liệu trên thẻ bằng cách định dạng thẻ	67
Eye-Fi settings (Cài đặt Eye-Fi)	Hiện thị khi thẻ Eye-Fi có bán trên thị trường được lắp vào	477

🔧: Set-up 2 (Cài đặt 2) (Vàng)

Auto power off (Tự động tắt nguồn)	1 min. (1 phút) / 2 min. (2 phút) / 4 min. (4 phút) / 8 min. (8 phút) / 15 min. (15 phút) / 30 min. (30 phút) / Disable (Tắt)	69
LCD brightness (Độ sáng LCD)	Auto (Tự động): Có thể điều chỉnh theo một trong ba mức độ sáng	396
	Manual (Chỉnh tay): Có thể điều chỉnh theo một trong bảy mức độ sáng	
Date/Time/Zone (Ngày/Giờ/Múi giờ)	Date (year, month, day) (Ngày (năm, tháng, ngày)) / Time (hr., min., sec.) (Giờ (giờ, phút, giây)) / Daylight saving time (Giờ mùa hè) / Time zone (Múi giờ)	47
Language (Ngôn ngữ) 	Chọn ngôn ngữ giao diện	49
Viewfinder display (Hiện thị trong khung ngắm)	Viewfinder level (Cân bằng trong khung ngắm): Hide (Ẩn) / Show (Hiện thị)	76
	VF grid display (Hiện thị khung lưới trong khung ngắm): Disable (Tắt) / Enable (Bật)	75
	Show/hide in viewfinder (Ẩn/hiện trong khung ngắm): Shooting mode (Chế độ chụp) / White balance (Cân bằng trắng) / Drive mode (Kiểu chụp) / AF operation (Thao tác lấy nét tự động) / Metering mode (Chế độ đo sáng) / Image quality (Chất lượng ảnh) / Flicker detection (Nhận diện nhấp nháy)	78
GPS/digital compass settings (Thiết lập GPS/ la bàn kỹ thuật số)	Thiết lập chức năng GPS và la bàn kỹ thuật số	199

🔧: Set-up 3 (Cài đặt 3) (Vàng)

Trang

Video system (Hệ thống video)	For NTSC (Cho NTSC) / For PAL (Cho PAL)	332 387
Battery information (Thông tin pin)	Power source (Nguồn) / Remaining capacity (Lượng pin còn lại) / Shutter count (Số lần chụp) / Recharge performance (Hiệu suất sạc) / Battery registration (Đăng ký pin) / Serial number (Số sê-ri) / Battery history (Lịch sử sử dụng pin)	472
Sensor cleaning (Làm sạch cảm biến)	Auto cleaning  (Tự động làm sạch ): Enable (Bật) / Disable (Tắt)	408
	Clean now  (Làm sạch ngay )	
	Clean manually (Làm sạch bằng tay)	411
INFO button display options (Tùy chọn hiển thị nút INFO)	Displays camera settings (Hiển thị cài đặt máy ảnh) / Electronic level (Cân bằng điện tử) / Displays shooting functions (Hiển thị chức năng chụp)	470
RATE button function (Chức năng nút RATE)	Rating (Xếp hạng) / Protect (Bảo vệ)	373 372
HDMI frame rate (Tốc độ khung hình HDMI)*	Auto (Tự động) / 59,94i / 50,00i / 59,94p / 50,00p / 23,98p	352
Communication settings (Cài đặt giao tiếp)	Hiển thị khi máy ảnh có gắn Bộ truyền dữ liệu không dây WFT-E7 (phiên bản 2, bản riêng).	-
Chức năng Wi-Fi	Hiển thị khi đang sử dụng W-E1.	-

* Tùy chọn hiển thị trên màn hình sẽ khác tùy thuộc vào cài đặt [Video system (Hệ thống video)].

🔧: Set-up 4 (Cài đặt 4) (Vàng)

Custom shooting mode (C1-C3) (Chế độ chụp tùy chỉnh (C1-C3))	Đăng ký cài đặt máy ảnh hiện tại tại vị trí  ,  và  của nút xoay chế độ	466
Clear all camera settings (Xóa tất cả các cài đặt của máy ảnh)	Khôi phục cài đặt mặc định của máy ảnh	70
Copyright information (Thông tin bản quyền)	Display copyright information (Hiển thị thông tin bản quyền) / Enter author's name (Nhập tên tác giả) / Enter copyright details (Nhập chi tiết bản quyền) / Delete copyright information (Xóa thông tin bản quyền)	197
Certification Logo Display (Hiển thị logo chứng nhận)	Hiển thị một số logo chứng nhận của máy ảnh	469
 firmware ver. (phiên bản firmware)	Chọn để cập nhật firmware của máy ảnh, ống kính, đèn Speedlite hoặc bộ truyền tập tin không dây	-



Khi sử dụng chức năng GPS hoặc bộ truyền dữ liệu không dây, đảm bảo kiểm tra những nơi được phép sử dụng thiết bị và sử dụng theo quy định của quốc gia và khu vực sở tại.

☰ : Custom Functions (Chức năng tùy chỉnh) (Da cam)

Trang

C.Fn1: Exposure (Phơi sáng)	Tùy chỉnh các chức năng máy ảnh theo mong muốn	436
C.Fn2: Exposure/Drive (Phơi sáng/Kiểu chụp)		440
C.Fn3: Display/Operation (Hiển thị/Thao tác)		442
C.Fn4: Others (Khác)		445
C.Fn5: Clear (Xóa)	Xóa tất cả các chức năng tùy chỉnh	435

★ : My Menu (Danh mục riêng) (Xanh lá cây)

Add My Menu tab (Thêm tab Danh mục riêng)	Thêm tab Danh mục riêng 1-5	461
Delete all My Menu tabs (Xóa tất cả các tab Danh mục riêng)	Xóa tất cả các tab Danh mục riêng	464
Delete all items (Xóa tất cả các mục)	Xóa tất cả các mục trong tab Danh mục riêng 1-5	464
Menu display (Hiển thị menu)	Normal display (Hiển thị thông thường) / Display from My Menu tab (Hiển thị từ tab Danh mục riêng) / Display only My Menu tab (Chỉ hiển thị tab Danh mục riêng)	465

Quay phim

: Shooting 4 (Chụp 4)*¹ (Movie (Phim)) (Đồ)

Trang

Movie Servo AF (Lấy nét Servo phim)	Enable (Bật) / Disable (Tắt)	344
AF method (Phương pháp AF)	┐+Tracking (┐+Theo dõi) / FlexiZone - Multi (Vùng linh hoạt - đa điểm) / FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)	345
Grid display (Hiển thị khung lưới)	Off (Tắt) / 3x3 田 / 6x4 田田 / 3x3+diag 田田 (3x3+chéo 田田)	346
Movie recording quality (Chất lượng ghi phim)	MOV / MP4	332
	Movie recording size (Kích thước ghi phim): • 1920x1080 / 1280x720 / 640x480 • NTSC: 59,94p / 29,97p / 23,98p PAL: 50,00p / 25,00p • ALL-I (Để chỉnh sửa) / IPB (Tiêu chuẩn) / IPB (Nhẹ)	333
	24,00p: Disable (Tắt) / Enable (Bật)	335
Sound recording (Ghi âm)* ²	Sound recording (Ghi âm): Auto (Tự động) / Manual (Chỉnh tay) / Disable (Tắt)	338
	Recording level (Mức ghi âm)	
	Wind filter (Lọc gió): Disable (Tắt) / Enable (Bật)	
	Attenuator (Bộ tiêu âm): Disable (Tắt) / Enable (Bật)	
Movie Servo AF speed (Tốc độ lấy nét Servo phim)	When active (Thời gian kích hoạt): Always on (Luôn bật) / During shooting (Trong khi quay)	347
	AF speed (Tốc độ AF) : Slow (Chậm) (4, 3, 2, 1) / Standard (Tiêu chuẩn)	
Movie Servo AF tracking sensitivity (Độ nhạy theo dõi lấy nét Servo phim)	Locked on (Khóa) (-1, -2) / 0 / Responsive (Nhạy) (+1, +2)	348

* Trong chế độ <[A]⁺>, các tùy chọn menu này sẽ hiển thị dưới tab [ 2].

* Trong chế độ chụp <[A]⁺>, cài đặt [Sound recording (Ghi âm)] sẽ là [On (Bật)]
[Off (Tắt)].

📷: Shooting 5 (Chụp 5)*¹ (Movie (Phim)) (Đỏ)

Trang

Silent LV shooting (Chụp Live View ngắt tiếng)	Mode 1 (Chế độ 1) / Mode 2 (Chế độ 2) / Disable (Tắt)	349
Metering timer (Hẹn giờ đo sáng)	4 sec. (4 giây) / 8 sec. (8 giây) / 16 sec. (16 giây) / 30 sec. (30 giây) / 1 min. (1 phút) / 10 min. (10 phút) / 30 min. (30 phút)	349
Time code (Mã thời gian)	Count up (Tổng số) / Start time setting (Cài đặt thời gian bắt đầu) / Movie recording count (Số phim được ghi) / Movie play count (Số lần xem lại phim) ^{*2} / HDMI / Drop frame (Chỉnh khung) ^{*3}	341
Silent Control (Điều khiển yên lặng)	Enable  (Bật ) / Disable  (Tắt )	340
 button function (Chức năng nút )	 /  /  /  /  /  /  / 	350
HDMI output + LCD (Ngõ ra HDMI + LCD)	No mirroring (Không phản chiếu) / Mirroring (Phản chiếu)	350

*1: Trong chế độ <[A]⁺>, các tùy chọn menu này sẽ hiển thị dưới tab [ 3].

*2: Cài đặt này liên kết tới [Movie play count (Số lần xem lại phim)] trong tab [ 3].

*3: Hiển thị khi đặt  (59,94 fps) hoặc  (29,97 fps).

Hướng dẫn giải quyết vấn đề trực trực

Nếu máy ảnh xảy ra vấn đề trực trực, trước tiên bạn nên tham khảo hướng dẫn giải quyết các vấn đề trực trực này. Nếu hướng dẫn không giúp giải quyết được vấn đề, vui lòng liên hệ với đại lý hoặc Trung tâm bảo hành gần nhất của Canon.

Vấn đề trực trực liên quan đến nguồn

Pin không sạc lại.

- Nếu lượng pin còn lại là 94% hoặc cao hơn, pin sẽ không được sạc (tr.472).
- Không sử dụng bất kỳ loại pin nào ngoại trừ Pin LP-E6N/LP-E6 chính hãng.

Đèn báo sạc chớp nháy nhanh.

- Nếu (1) có trực trực với sạc pin hoặc pin hoặc (2) không giao tiếp được với pin (đối với pin không phải của Canon), mạch bảo vệ sẽ dừng quá trình sạc và đèn báo sẽ chớp nháy nhanh màu da cam. Trong trường hợp (1), tháo sạc pin ra khỏi nguồn. Tháo và lắp lại pin vào sạc. Đợi một khoảng thời gian rồi cắm lại sạc vào nguồn điện. Nếu vẫn xảy ra trực trực, liên hệ với đại lý hoặc Trung tâm bảo hành gần nhất của Canon.

Đèn báo sạc không nháy sáng.

- Nếu nhiệt độ của pin cắm trong sạc cao, sạc pin sẽ không hoạt động để đảm bảo an toàn (đèn tắt). Trong quá trình sạc, nếu nhiệt độ pin tăng cao do bất kỳ lý do nào, sạc pin sẽ tự động ngừng hoạt động (đèn chớp nháy). Khi nhiệt độ pin giảm xuống, quá trình sạc sẽ tự động tiếp tục.

Máy ảnh không hoạt động ngay cả khi đặt công tắc nguồn thành <ON>.

- Đảm bảo rằng nắp ngăn chứa pin đã đóng (tr.40).
- Đảm bảo rằng pin đã lắp đúng cách vào máy ảnh (tr.40).
- Sạc lại pin (tr.38).
- Đảm bảo nắp khe cắm thẻ đã đóng (tr.41).

Đèn truy cập nhấp nháy ngay cả khi đặt công tắc nguồn thành <OFF>.

- Nếu tắt nguồn khi đang ghi ảnh vào thẻ, đèn truy cập vẫn sáng hoặc tiếp tục nhấp nháy trong vài giây. Khi ghi ảnh xong, nguồn sẽ tự động tắt.

Thông báo [Cannot communicate with battery (Không thể giao tiếp với pin)] hiển thị.

- Không sử dụng bất kỳ loại pin nào ngoại trừ Pin LP-E6N/LP-E6 chính hãng.
- Tháo và lắp lại pin (tr.40).
- Nếu điểm tiếp xúc của pin bị bẩn, sử dụng khăn vải mềm để lau.

Pin rất nhanh hết.

- Sử dụng pin sạc đầy (tr.38).
- Hiệu suất pin có thể bị giảm. Xem [🔧3: Battery info. (Thông tin pin)] để kiểm tra mức hiệu suất sạc pin (tr.472). Nếu hiệu suất pin kém, thay pin mới.
- Số ảnh có thể chụp sẽ giảm khi thực hiện bất kỳ thao tác nào sau đây:
 - Nhấn nửa chừng nút chụp trong một khoảng thời gian dài.
 - Thường xuyên kích hoạt AF mà không chụp ảnh.
 - Sử dụng hệ thống ổn định hình ảnh của ống kính.
 - Sử dụng màn hình LCD thường xuyên.
 - Chụp Live View hoặc quay phim liên tục trong một khoảng thời gian dài.
 - Sử dụng GPS.
 - [GPS] được đặt thành [Enable (Bật)] ngay cả sau khi tắt nguồn máy ảnh.
 - Chức năng giao tiếp của thẻ Eye-Fi đang hoạt động.

Máy ảnh tự tắt.

- Tự động tắt nguồn hoạt động. Nếu bạn không muốn sử dụng tự động tắt nguồn, đặt [🔧2: Auto power off (Tự động tắt nguồn)] thành [Disable (Tắt)] (tr.69).
- Ngay cả khi đặt [🔧2: Auto power off (Tự động tắt nguồn)] thành [Disable (Tắt)], màn hình LCD vẫn tắt sau khi máy ảnh không sử dụng trong 30 phút. (Nguồn máy ảnh không tắt.)

Chức năng tự động tắt nguồn không hoạt động.

- Trong khi chụp hẹn giờ ngắt quãng, chức năng tự động tắt nguồn không hoạt động. (tr.252).

Vấn đề trực trực liên quan đến chụp

Không thể lắp ống kính.

- Máy ảnh không thể sử dụng ống kính EF-M (tr.50).

Khung ngắm không sáng.

- Lắp pin đã sạc vào máy ảnh (tr.38).

Không thể chụp hoặc ghi ảnh.

- Đảm bảo cắm thẻ đúng cách (tr.41).
- Nếu bạn sử dụng thẻ SD, trượt mấu chống ghi của thẻ để bật chức năng ghi/xóa (tr.41).
- Nếu thẻ đầy, thay thẻ hoặc xóa những ảnh không cần thiết để có thêm dung lượng trống (tr.41, 394).
- Nếu thực hiện thao tác lấy nét một lần và đèn xác nhận lấy nét <●> trong khung ngắm nhấp nháy, bạn sẽ không thể chụp ảnh. Nhấn nửa chừng nút chụp lần nữa để lấy nét tự động lại hoặc lấy nét bằng tay (tr.55, 142).

Không thể sử dụng thẻ.

- Nếu thông báo lỗi thẻ hiển thị, tham khảo trang 44 hoặc 512.

Không thể khóa lấy nét và bố cục lại ảnh.

- Đặt thao tác lấy nét tự động thành lấy nét một lần (tr.89). Không thể khóa lấy nét trong chế độ lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục hay khi servo hoạt động trong chế độ tự động lấy nét AI (tr.85).

Phải nhấn hoàn toàn nút chụp hai lần để chụp ảnh.

- Nếu [4: Mirror lockup (Khóa gương lật)] được đặt thành [Enable (Bật)], đặt lại thành [Disable (Tắt)].

Ảnh bị mất nét.

- Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <AF> (tr.50).
- Nhấn nút chụp nhẹ nhàng để tránh rung máy (tr.54-55).
- Nếu ống kính có hệ thống ổn định hình ảnh, đặt công tắc IS thành <ON>.
- Trong điều kiện ánh sáng yếu, tốc độ màn trập có thể trở nên chậm. Bạn có thể sử dụng tốc độ màn trập nhanh hơn (tr.220), đặt tốc độ ISO cao hơn (tr.156), sử dụng flash (tr.256, 261) hoặc chân máy.

Có ít điểm AF.

- Tùy thuộc vào ống kính được gắn, số điểm AF có thể sử dụng và mô hình lấy nét sẽ khác nhau. Ống kính được phân loại thành bảy nhóm từ A đến G. Kiểm tra xem ống kính của bạn thuộc nhóm nào. Đối với ống kính trong nhóm từ E đến G, số điểm AF có thể sử dụng sẽ ít hơn (tr.104-105).

Điểm AF nhấp nháy hoặc có hai điểm AF hiển thị.

- Điểm AF tại khu vực đã đăng ký đang nhấp nháy (tr.96, 452).
- Điểm AF (hoặc vùng) chọn bằng tay và điểm AF đã đăng ký sẽ hiển thị (tr.95, 452).

Điểm AF không chớp sáng đỏ.

- Điểm AF chớp sáng đỏ khi lấy nét trong điều kiện ánh sáng yếu.
- Trong các chế độ <P>, <Tv>, <Av>, <M> và , bạn có thể thiết lập để điểm AF chớp sáng đỏ hoặc không chớp sáng khi lấy được nét (tr.133).

Tốc độ AF thay đổi tùy thuộc vào ống kính sử dụng.

- Trong khi chụp Live View và quay phim, phương pháp điều khiển AF (phát hiện lệch pha bằng cảm biến hình ảnh hoặc phát hiện tương phản) sẽ tự động chuyển đổi tùy thuộc vào loại ống kính và chức năng sử dụng, chẳng hạn như xem phóng to. Do đó, tốc độ AF có thể thay đổi đáng kể và thời gian lấy nét lâu hơn.

Mất một khoảng thời gian dài để lấy nét.

- Nếu đang ở chế độ Vùng linh hoạt - đa điểm, thời gian lấy nét chủ thể sẽ lâu hơn tùy thuộc vào điều kiện chụp. Chuyển sang chế độ FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm) hoặc lấy nét bằng tay.
- Nếu đặt kích thước ghi phim thành **FFHD 59.94P** (59,94 fps) hoặc **50.00P** (50,00 fps), phát hiện tương phản sẽ được sử dụng cho điều khiển AF.

Tốc độ chụp liên tục chậm.

- Tùy thuộc vào tốc độ màn trập, khẩu độ, điều kiện của chủ thể, độ sáng, v.v..., tốc độ chụp liên tục có thể chậm hơn (tr.144).
- Khi EOS iTR AF đang hoạt động (tr.130), tốc độ chụp liên tục tối đa đặt với **<H>** sẽ xấp xỉ 9,5 ảnh/giây. Ngoài ra, trong các điều kiện ánh sáng yếu, tốc độ chụp liên tục có thể giảm.
- Nếu đặt **[Anti-flicker shoot. (Chụp chống nhấp nháy)]** thành **[Enable (Bật)]** và chụp dưới ánh sáng nhấp nháy, tốc độ chụp liên tục có thể sẽ chậm hơn, hoặc khoảng chụp liên tục có thể không đồng đều. Ngoài ra, thời gian trễ cho đến khi nhấn nút chụp có thể sẽ lâu hơn một chút so với bình thường (tr.187).

Số ảnh chụp liên tục tối đa giảm dần.

- Nếu bạn chụp vật thể có chi tiết nhỏ chẳng hạn như bãi cỏ, kích thước tập tin sẽ lớn hơn và số ảnh chụp liên tục tối đa thực tế có thể thấp hơn số lượng ảnh đề cập ở trang 153.

Không thể đặt ISO 100. Không thể chọn tốc độ ISO mở rộng.

- Nếu đặt [ 3: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)] thành [Enable (Bật)], phạm vi tốc độ ISO có thể đặt sẽ là ISO 200 - ISO 16000. Ngay cả khi mở rộng phạm vi tốc độ ISO có thể bật với [ISO speed range (Phạm vi tốc độ ISO)], bạn không thể chọn H1 (tương đương với ISO 25600) hoặc H2 (tương đương với ISO 51200). Khi đặt [ 3: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)] thành [Disable (Tắt)], có thể thiết lập ISO 100/125/160, H1 hoặc H2 (tr.182).

Mặc dù đã giảm bù trừ phơi sáng, nhưng ảnh vẫn quá sáng.

- Đặt [ 2: Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)] thành [Disable (Tắt)]. Khi đặt thành [Low (Thấp)], [Standard (Tiêu chuẩn)] hoặc [High (Cao)], cho dù bạn đã giảm bù trừ phơi sáng hoặc bù trừ phơi sáng flash, ảnh vẫn có thể quá sáng (tr.177).

Không thể thiết lập bù trừ phơi sáng khi đặt cả phơi sáng bằng tay và ISO tự động.

- Tham khảo trang 225 để thiết lập bù trừ phơi sáng.
- Ngay cả khi đã thực hiện bù trừ phơi sáng, bù trừ phơi sáng cũng sẽ không áp dụng cho chụp ảnh có flash.

Không thể thiết lập Giảm nhiễu hạt đa ảnh.

- Nếu chất lượng ghi ảnh được đặt thành RAW hoặc RAW+JPEG, bạn không thể thiết lập [Multi Shot Noise Reduction (Giảm nhiễu hạt đa ảnh)].

Ảnh Live View hoặc hình ảnh quay phim không hiển thị trong khi chụp đa phơi sáng.

- Nếu đặt [On:ContShtng (Bật:Chụp liên tục)], chức năng hiển thị Live View, xem lại ảnh sau khi chụp hoặc xem lại ảnh sẽ không thể sử dụng trong khi chụp (tr.240).

Ảnh chụp đa phơi sáng được chụp với chất lượng RAW.

- Khi chất lượng ảnh được đặt thành **M RAW** hoặc **S RAW**, ảnh chụp đa phơi sáng sẽ được ghi ở chất lượng **RAW** (tr.247).

Khi sử dụng chế độ <Av> với flash, tốc độ màn trập bị giảm.

- Nếu bạn chụp vào ban đêm khi hậu cảnh tối, tốc độ màn trập sẽ tự động giảm xuống (chụp đồng bộ chậm) để cả chủ thể và hậu cảnh đều được phơi sáng chuẩn. Để tránh tốc độ màn trập chậm, trong [**1: Flash control (Điều khiển flash)**], đặt [**Flash sync. speed in Av mode (Tốc độ đồng bộ flash trong chế độ Av)**] thành [**1/250-1/60 sec. auto (1/250-1/60 giây tự động)**] hoặc [**1/250 sec. (fixed) (1/250 giây (cố định))**] (tr.265).

Đèn flash tích hợp tự động nâng lên.

- Trong chế độ <**A⁺**>, đèn flash tích hợp sẽ tự động nâng lên khi cần thiết.

Đèn flash tích hợp đánh sáng liên tục và phát ra âm thanh.

- Dưới ánh sáng yếu, đèn flash tích hợp sẽ đánh sáng liên tục như tia giúp lấy nét (tr.91) để giúp lấy nét dễ dàng hơn. Đèn cũng sẽ phát ra âm thanh khi đánh sáng. Đây là hiện tượng bình thường và không phải vấn đề trực trực.

Đèn flash tích hợp không đánh sáng.

- Nếu bạn sử dụng đèn flash tích hợp quá thường xuyên trong một khoảng thời gian ngắn, flash có thể sẽ dừng đánh sáng trong một lúc để bảo vệ thiết bị flash.

Đèn flash ngoài không đánh sáng.

- Nếu bạn sử dụng thiết bị flash không phải của Canon với chế độ chụp Live View, đặt [**6: Silent LV shoot. (Chụp Live View ngắt tiếng)**] thành [**Disable (Tắt)**] (tr.299).

Đèn flash ngoài luôn đánh sáng với công suất tối đa.

- Nếu sử dụng thiết bị flash không phải đèn Speedlite sê-ri EX, flash sẽ luôn đánh sáng với công suất tối đa (tr.262).
- Khi cài đặt chức năng tùy chọn cho **[Flash metering mode (Chế độ đo sáng flash)]** của đèn Speedlite ngoài được đặt thành **[TTL flash metering (Đo sáng flash TTL)]** (flash tự động), đèn flash sẽ luôn đánh sáng với công suất tối đa (tr.273).

Không thể thiết lập bù trừ phơi sáng flash cho đèn Speedlite ngoài.

- Nếu đặt bù trừ phơi sáng flash trên đèn Speedlite ngoài, bạn sẽ không thể đặt bù trừ phơi sáng flash bằng máy ảnh. Khi hủy bù trừ phơi sáng flash của đèn Speedlite (đặt thành 0), bạn có thể đặt bù trừ phơi sáng flash bằng máy ảnh.

Không thể đặt đồng bộ tốc độ cao ở chế độ <Av>.

- Trong [**1: Flash control (Điều khiển flash)**], đặt **[Flash sync. speed in Av mode (Tốc độ đồng bộ flash trong chế độ Av)]** thành **[Auto (Tự động)]** (tr.265).

Máy ảnh phát ra tiếng động nhỏ khi bị rung.

- Khi các bộ phận bên trong máy ảnh hơi chuyển động, bạn có thể sẽ nghe thấy âm thanh nhỏ.

Màn trập tạo ra 2 âm thanh chụp khi chụp Live View.

- Nếu sử dụng flash, màn trập sẽ tạo ra 2 âm thanh mỗi lần chụp (tr.289).

Trong khi chụp Live View hoặc quay phim, biểu tượng màu trắng hoặc màu đỏ hiển thị.

- Biểu thị nhiệt độ bên trong máy ảnh tăng cao. Nếu biểu tượng  màu trắng hiển thị, chất lượng ảnh có thể xấu đi. Nếu biểu tượng  màu đỏ hiển thị, chụp Live View hoặc quay phim sẽ nhanh chóng tự động dừng (tr.312, 353).

Quay phim tự dừng lại.

- Nếu tốc độ ghi của thẻ chậm, quay phim có thể tự động dừng. Về thẻ nhớ để ghi phim, tham khảo trang 5. Để tìm hiểu tốc độ ghi của thẻ, tham khảo trang web của nhà sản xuất thẻ.
- Nếu thời gian quay phim đạt đến 29 phút 59 giây, máy ảnh sẽ tự động dừng quay phim.

Không thể sử dụng Lấy nét Servo phim.

- Kích thước ghi phim được đặt thành $\overline{\text{FHD}}$ 59.94P (59,94 fps) hoặc 50.00P (50,00 fps).

Không thể đặt tốc độ ISO cho quay phim.

- Nếu chế độ chụp là $\langle \text{A}^+ \rangle$, $\langle \text{P} \rangle$, $\langle \text{Tv} \rangle$, $\langle \text{Av} \rangle$ và $\langle \text{B} \rangle$, tốc độ ISO sẽ được thiết lập tự động. Ở chế độ $\langle \text{M} \rangle$, bạn có thể tùy ý đặt tốc độ ISO (tr.323).

Tốc độ ISO thiết lập bằng tay thay đổi khi chuyển sang chế độ quay phim.

- Nếu bạn quay phim với mức phơi sáng đặt bằng tay ở H2 (tương đương với ISO 51200), thiết lập tốc độ ISO sẽ chuyển sang H1 (tương đương với ISO 25600). Ngay cả khi chuyển về chụp ảnh, tốc độ ISO cũng không trở lại mức H2.

Phơi sáng thay đổi trong khi quay phim.

- Nếu thay đổi tốc độ màn trập hoặc khẩu độ trong khi quay phim, thay đổi của phơi sáng có thể sẽ được ghi lại.
- Zoom ống kính trong khi quay phim có thể dẫn đến các thay đổi phơi sáng cho dù khẩu độ lớn nhất của ống kính có thay đổi hay không. Do vậy, thay đổi của phơi sáng có thể sẽ được ghi lại.

Ảnh nháy nháy hoặc đường sọc ngang xuất hiện trong khi quay phim.

- Nháy nháy, đường sọc ngang (nhiều) hoặc phơi sáng không đều có thể xuất hiện do ánh sáng đèn huỳnh quang, đèn LED hoặc các nguồn sáng khác trong khi quay phim. Ngoài ra, các thay đổi của phơi sáng (độ sáng) hoặc tông màu cũng có thể được ghi lại. Ở chế độ <M>, tốc độ màn trập chậm có thể giảm thiểu các trục trực này.

Chủ thể bị méo trong khi quay phim.

- Nếu bạn di chuyển nhanh máy ảnh sang trái hoặc sang phải (di chuyển tốc độ cao) hoặc chụp chủ thể chuyển động, ảnh có thể bị méo.

Không thể chụp ảnh trong khi quay phim.

- Kích thước ghi phim được đặt thành **HFHD 59.94P** (59,94 fps) hoặc **50.00P** (50,00 fps).

Quay phim dừng lại khi chụp ảnh trong khi quay phim.

- Để chụp ảnh trong khi quay phim, bạn nên sử dụng thẻ CF có khả năng truyền UDMA hoặc thẻ SD UHS-I.
- Cài đặt chất lượng ảnh thấp hơn hoặc giảm số lượng ảnh chụp liên tục sẽ khắc phục hiện tượng này.

Mã thời gian bị tắt.

- Chụp ảnh trong khi quay phim sẽ gây ra chênh lệch giữa thời gian thực tế và mã thời gian. Nếu bạn muốn chỉnh sửa phim với mã thời gian, không nên chụp ảnh trong khi quay phim.

Không lưu được ảnh chụp.

- Khi sử dụng Thẻ Wi-Fi W-E1, nếu không có thẻ CF trong khe cắm thẻ thì máy ảnh không lưu được ảnh.

Vấn đề trực trực khi thao tác

Không thể thay đổi cài đặt với nút xoay <>, nút xoay <>, <> hoặc <>.

- Gạt công tắc <LOCK▶> sang bên trái (nhà khóa, tr.59).
- Kiểm tra cài đặt [.3: **Multi function lock (Khóa đa chức năng)**] (tr.444).

Nút hoặc nút xoay của máy ảnh không hoạt động như mong muốn.

- Kiểm tra cài đặt [.3: **Custom Controls (Điều khiển tùy chỉnh)**] (tr.447).

Vấn đề trực trực về hiển thị

Màn hình menu hiển thị ít tab và tùy chọn hơn.

- Trong chế độ <+>, chỉ một số tab và tùy chọn menu hiển thị. Thiết lập chế độ chụp thành <P> <Tv> <Av> <M> (tr.64).
- Trong tab [★], [Menu display (Hiển thị menu)] được đặt thành [Display only My Menu tab (Chỉ hiển thị tab Danh mục riêng)] (tr.465).

Ký tự đầu tiên trong tên tập tin là dấu gạch dưới (“_”).

- Đặt không gian màu thành sRGB. Nếu đặt thành Adobe RGB, ký tự đầu tiên là dấu gạch dưới (tr.189).

Ký tự thứ tư trong tên thư mục thay đổi.

- Với [1: **File name (Tên tập tin)**], chọn tên tập tin duy nhất của máy ảnh hoặc tên tập tin đã đăng ký trong cài đặt Người dùng 1 (tr.192).

Số thứ tự tập tin không bắt đầu từ 0001.

- Nếu thẻ đã chứa ảnh ghi, số thứ tự ảnh có thể không bắt đầu từ 0001 (tr.195).

Ngày và giờ chụp hiển thị không chính xác.

- Kiểm tra để đảm bảo ngày và giờ được đặt chính xác (tr.47).
- Kiểm tra múi giờ và giờ mùa hè (tr.47-48).

Ngày và giờ không xuất hiện trong ảnh.

- Ngày và giờ chụp không xuất hiện trong ảnh. Ngày và giờ được ghi vào dữ liệu ảnh thành thông tin chụp. Bạn có thể in ngày và giờ vào ảnh bằng cách sử dụng ngày và giờ được ghi trong thông tin chụp (tr.419, 423).

Khi [###] hiển thị.

- Nếu số lượng ảnh đã ghi trên thẻ vượt quá số lượng ảnh có thể hiển thị, [###] sẽ xuất hiện (tr.375).

Trong khung ngắm, tốc độ hiển thị điểm AF chậm.

- Trong điều kiện nhiệt độ thấp, tốc độ hiển thị điểm AF có thể chậm hơn do đặc tính thiết bị hiển thị điểm AF (tinh thể lỏng). Tốc độ hiển thị sẽ trở lại bình thường ở điều kiện nhiệt độ phòng.

Màn hình LCD không hiển thị ảnh rõ ràng.

- Nếu màn hình LCD bị bẩn, sử dụng khăn vải mềm để lau màn hình.
- Trong môi trường nhiệt độ thấp hoặc cao, màn hình LCD có thể hiển thị chậm hoặc trông đen hơn. Máy ảnh sẽ trở lại bình thường ở điều kiện nhiệt độ phòng.

[Eye-Fi settings (Thiết lập Eye-Fi)] không xuất hiện.

- [Eye-Fi settings (Thiết lập Eye-Fi)] chỉ xuất hiện khi cắm thẻ Eye-Fi vào máy ảnh. Nếu đặt mấu chống ghi của thẻ Eye-Fi đến vị trí **LOCK (KHÓA)**, bạn sẽ không thể kiểm tra trạng thái kết nối của thẻ hoặc tắt truyền thẻ Eye-Fi (tr.477).

Vấn đề trực trực khi xem lại

Một phần ảnh nhấp nháy màu đen.

- [ 3: Highlight alert (Cảnh báo vùng sáng)] được đặt thành [Enable (Bật)] (tr.361).

Ô vuông màu đỏ hiển thị trên ảnh.

- [ 3: AF point disp. (Hiển thị điểm AF)] được đặt thành [Enable (Bật)] (tr.361).

Không thể xóa ảnh.

- Nếu ảnh được bảo vệ, bạn không thể xóa ảnh (tr.370).

Không thể xem lại phim.

- Phim đã chỉnh sửa bằng máy tính không thể phát lại trên máy ảnh.

Khi xem lại phim, bạn có thể nghe thấy tiếng thao tác của máy ảnh.

- Khi quay phim, tiếng động quay nút xoay hoặc ống kính có thể bị ghi lại. Bạn nên sử dụng Micro thu âm stereo định hướng DM-E1 (bán riêng) (tr.339).

Phim có những đoạn dừng hình.

- Khi quay phim phơi sáng tự động, nếu có thay đổi đáng kể về mức phơi sáng, tiến trình ghi sẽ dừng ngay lập tức cho đến khi độ sáng ổn định. Trong trường hợp này, quay phim ở chế độ <M> (tr.322).

Không có hình ảnh trên TV.

- Đặt chính xác [**▼3: Video system (Hệ thống video)**] thành [**For NTSC (Cho NTSC)**] hoặc [**For PAL (Cho PAL)**].
- Kiểm tra để đảm bảo đã cắm chặt phích cắm của cáp HDMI (tr.387).
- Nếu đặt [**▶5: HDMI output+LCD (Đầu ra HDMI+LCD)**] thành [**Mirroring (Phản chiếu)**], phim sẽ xuất hiện trên TV qua đầu ra HDMI ngay cả khi xem lại.

Có nhiều tập tin phim trong một lần quay phim.

- Nếu kích thước tập tin phim đạt đến 4 GB, một tập tin phim khác sẽ được tạo tự động (tr.337).

Đầu đọc thẻ không nhận thẻ.

- Tùy thuộc vào đầu đọc thẻ và hệ điều hành máy tính, thẻ CF dung lượng lớn hoặc thẻ SDXC có thể không được nhận dạng đúng. Trong trường hợp này, kết nối máy ảnh với máy tính bằng cáp nối, rồi truyền ảnh đến máy tính bằng cách sử dụng EOS Utility (phần mềm EOS, tr.538).

Không thể xử lý ảnh RAW.

- Ảnh **M RAW** và **S RAW** không xử lý được trên máy ảnh. Sử dụng phần mềm EOS, Digital Photo Professional để xử lý (tr.538).

Không thể thay đổi cỡ ảnh.

- Không thể thay đổi kích thước ảnh JPEG **S3** và ảnh **RAW / M RAW / S RAW** trên máy ảnh (tr.405).

Vấn đề trực trực về làm sạch cảm biến

Màn trập phát ra tiếng động trong khi làm sạch cảm biến.

- Nếu chọn [**Clean now**  (**Làm sạch ngay** )], màn trập sẽ phát ra tiếng động mà không chụp ảnh (tr.408).

Chức năng làm sạch cảm biến tự động không hoạt động.

- Nếu bạn liên tục xoay công tắc nguồn **<ON>** / **<OFF>** trong khoảng thời gian ngắn, biểu tượng  có thể không hiển thị (tr.45).

Vấn đề trực trực về in ảnh

Có ít hiệu ứng in hơn so với danh sách trong hướng dẫn sử dụng.

- Nội dung được hiển thị trên màn hình thay đổi tùy thuộc vào máy in. Hướng dẫn sử dụng liệt kê tất cả các hiệu ứng in có sẵn (tr.418).

Vấn đề trực trực khi kết nối với máy tính

Giao tiếp giữa máy ảnh được kết nối và máy tính không hoạt động.

- Khi sử dụng EOS Utility (phần mềm EOS), đặt [ **4: Interval timer** (**Hẹn giờ ngắt quãng**)] thành [**Disable (Tắt)**] (tr.252).

Không thể truyền ảnh vào máy tính.

- Cài đặt phần mềm EOS (đĩa CD-ROM EOS DIGITAL Solution Disk) vào máy tính (tr.538).
- Kiểm tra để đảm bảo cửa sổ chính của EOS Utility hiển thị.

Mã lỗi



Mã lỗi

Nếu máy ảnh gặp trục trặc, thông báo lỗi sẽ xuất hiện. Thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình.

Nguyên nhân và biện pháp giải quyết

Mã	Thông báo lỗi và cách giải quyết
01	Kết nối giữa máy ảnh và ống kính gặp trục trặc. Làm sạch các điểm tiếp xúc của ống kính.
	→ Lau tất cả tiếp xúc điện trên máy ảnh và ống kính, sử dụng ống kính của Canon, hoặc tháo và lắp lại pin (tr.21, 22, 40).
02	Không thể truy cập vào thẻ*. Lắp lại/thay đổi thẻ* hoặc định dạng thẻ* bằng máy ảnh.
	→ Tháo và lắp lại thẻ, thay thẻ hoặc định dạng thẻ (tr.41, 67).
04	Không thể lưu ảnh do thẻ* đã đầy. Thay thẻ*.
	→ Thay thẻ, xóa ảnh không cần thiết hoặc định dạng thẻ (tr.41, 67, 394).
05	Đèn flash tích hợp không nâng lên. Tắt máy ảnh và bật lại.
	→ Vận hành công tắc nguồn (tr.45).
06	Không thể làm sạch cảm biến. Tắt máy ảnh và bật lại.
	→ Vận hành công tắc nguồn (tr.45).
10, 20 30, 40 50, 60 70, 80 99	Không thể chụp do lỗi. Tắt máy ảnh và bật lại hoặc lắp lại pin.
	→ Vận hành công tắc nguồn, tháo và lắp lại pin hoặc sử dụng ống kính Canon (tr.40, 45).

* Nếu không xử lý được trục trặc, ghi lại mã lỗi và liên hệ với Trung tâm bảo hành gần nhất của Canon.

Thông số kỹ thuật

• Loại

Loại:	Máy ảnh kỹ thuật số phản xạ ống kính đơn AF/AE có flash tích hợp
Phương tiện ghi:	Thẻ CF (Loại I, hỗ trợ UDMA 7) Thẻ nhớ SD/SDHC*/SDXC* * Tương thích với thẻ UHS-I.
Kích thước cảm biến hình ảnh:	Khoảng 22,4 x 15,0 mm
Ống kính tương thích:	Ống kính EF của Canon (bao gồm các ống kính EF-S) * Ngoại trừ ống kính EF-M (chiều dài tiêu cự tương đương 35 mm gấp khoảng 1,6 lần tiêu cự hiển thị trên ống kính)
Ngàm ống kính:	Ngàm Canon EF

• Cảm biến hình ảnh

Loại:	Cảm biến CMOS
Số điểm ảnh hiệu dụng:	Khoảng 20,20 megapixel * Làm tròn đến 3 số sau dấu phẩy.
Tỷ lệ cơ ảnh:	3:2
Tính năng xóa bụi:	Tự động/Bằng tay, Thêm dữ liệu xóa bụi

• Hệ thống ghi

Định dạng ghi:	Quy tắc thiết kế cho Hệ thống tập tin máy ảnh (DCF) 2.0
Loại ảnh:	JPEG, RAW (Nguyên bản Canon 14 bit), có thể ghi đồng thời ảnh RAW+JPEG
Độ phân giải được ghi:	L (Lớn) : Khoảng 20,0 megapixel (5472 x 3648) M (Trung bình): Khoảng 8,90 megapixel (3648 x 2432) S1 (Nhỏ 1) : Khoảng 5,0 megapixel (2736 x 1824) S2 (Nhỏ 2) : Khoảng 2,50 megapixel (1920 x 1280) S3 (Nhỏ 3) : Khoảng 350.000 pixel (720 x 480) RAW : Khoảng 20,0 megapixel (5472 x 3648) M-RAW : Khoảng 11,2 megapixels (4104 x 2736) S-RAW : Khoảng 5,0 megapixels (2736 x 1824)
Chức năng ghi:	Tiêu chuẩn, Tự động chuyển thể, Ghi riêng, Ghi vào nhiều thể
Tạo/chọn thư mục:	Có thể
Tên tập tin:	Mã đặt trước / Cài đặt người dùng 1 / Cài đặt người dùng 2
Đánh số thứ tự tập tin:	Liên tục, Tự động cài đặt lại, Đặt lại bằng tay

• Xử lý ảnh trong khi chụp

Kiểu ảnh:	Tự động, Tiêu chuẩn, Chân dung, Phong cảnh, Trung tính, Chân thực, Đơn sắc, Người dùng xác định 1- 3
Cân bằng trắng:	Có thể đặt Tự động, Đặt trước (Ban ngày, Bóng râm, Nhiều mây, Đèn dây tóc, Đèn huỳnh quang trắng, Flash), Tùy chỉnh, Cài đặt nhiệt độ màu (khoảng 2500-10000K), Chỉnh cân bằng trắng và cân bằng trắng hỗn hợp * Cung cấp chức năng truyền thông tin nhiệt độ màu flash
Giảm nhiễu:	Có thể áp dụng cho chụp phơi sáng lâu và chụp tốc độ ISO cao
Chỉnh độ sáng ảnh tự động:	Có thể đặt Tự động tối ưu hóa ánh sáng
Ưu tiên tông màu sáng:	Được cung cấp
Chỉnh quang sai của ống kính:	Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi, Hiệu chỉnh sắc sai, Hiệu chỉnh méo hình
Chống nhấp nháy:	Có

• Khung ngắm

Loại:	Lăng kính năm mặt ngang tầm mắt
Tầm bao phủ:	Chiều dọc/Chiều ngang khoảng 100% (với điểm đặt mắt khoảng 22mm)
Phóng to:	Khoảng 1,00x (-1 m^{-1} với ống kính 50mm ở vô cực)
Điểm đặt mắt:	Khoảng 22mm (từ trung tâm ống kính thị kính ở -1 m^{-1})
Điều chỉnh độ khúc xạ tích hợp:	Khoảng $-3,0 - +1,0 \text{ m}^{-1}$ (dpt)
Màn hình lấy nét:	Màn hình tiêu chuẩn Eh-A, có thể thay thế
Hiển thị khung lưới:	Được cung cấp
Cân bằng điện tử:	Được cung cấp
Màn hình cài đặt chức năng:	Chế độ chụp, Cân bằng trắng, Kiểu chụp, Thao tác AF, Chế độ đo sáng, Chất lượng ảnh: JPEG/RAW, Nhận diện nhấp nháy, Ký hiệu cảnh báo !, Trạng thái AF
Gương lật:	Loại trả về nhanh
Xem trước độ sâu trường ảnh:	Được cung cấp

• Lấy nét tự động

Loại:	Đăng ký ảnh thứ cấp TTL, phát hiện lệch pha với cảm biến AF chuyên dụng
Điểm AF:	65 (Điểm AF chữ thập: Tối đa 65 điểm) * Số điểm AF, điểm chữ thập và chữ thập đúp có thể sử dụng sẽ thay đổi tùy theo ống kính. * Điểm chữ thập đúp thực hiện lấy nét ở f/2.8 với điểm AF trung tâm. (Ngoại trừ một số ống kính có khẩu độ tối đa từ f/2.8 trở lên)
Phạm vi quét sáng:	EV -3 - 18 (Điều kiện: điểm AF trung tâm nhạy với f/2.8, AF một lần, nhiệt độ phòng, ISO 100)
Thao tác lấy nét:	Lấy nét một lần, Lấy nét tự động AI, Lấy nét AI servo- lấy nét liên tục, Lấy nét bằng tay (MF)
Chế độ chọn vùng lấy nét tự động:	AF một chấm điểm (Chọn bằng tay), AF một điểm (Chọn bằng tay), Mở rộng điểm AF (chọn bằng tay: lên, xuống, sang trái và sang phải), Mở rộng điểm AF (chọn bằng tay: xung quanh), Lấy nét tự động theo vùng (chọn vùng bằng tay), Lấy nét tự động theo vùng lớn (chọn vùng bằng tay), AF 65 điểm tự động chọn
Điều kiện tự động chọn điểm AF:	Dựa trên cài đặt EOS iTR AF (Bật chức năng AF kết hợp thông tin khuôn mặt người/màu) * iTR: Theo dõi và nhận diện thông minh
Công cụ định cấu hình AF:	Trường hợp 1 - 6
Đặc tính lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục:	Độ nhảy theo dõi, Tăng/giảm tốc độ theo dõi, Tự động chuyển đổi điểm AF
Chức năng tùy chỉnh AF:	17 chức năng
Điều chỉnh độ nét AF:	Vì chỉnh AF (Cùng lượng chỉnh cho các loại ống kính hoặc Chỉnh theo loại ống kính)
Tia giúp lấy nét:	Flash tích hợp phát ra một loạt tia sáng

• Điều chỉnh phơi sáng

Chế độ đo sáng:	Cầm biến đo sáng RGB+IR khoảng 150.000 pixel và kiểu đo sáng TTL 252 vùng ở khẩu độ tối đa Hệ thống EOS iSA (Intelligent Subject Analysis - Phân tích chủ thể thông minh) • Đo sáng toàn khung ảnh (liên kết tới tất cả các điểm AF) • Đo sáng từng phần (ở trung tâm khoảng 6% khung ngắm) • Đo sáng điểm (ở trung tâm khoảng 1,8% khung ngắm) • Đo sáng trung bình trung tâm
Phạm vi đo sáng:	EV 0 - 20 (ở nhiệt độ phòng, ISO 100)
Điều khiển phơi sáng:	Tự động phơi sáng (Tự động nhận cảnh thông minh, Chương trình), Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập, Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ, Phơi sáng bằng tay, Phơi sáng bulb
Tốc độ ISO:(chỉ số phơi sáng khuyến dùng)	Tự động nhận cảnh thông minh: ISO 100 - ISO 6400 được đặt tự động P, Tv, Av, M, B: Auto ISO, ISO 100 - ISO 16000 (mức tăng 1/3- hoặc mức tăng chẵn) hoặc mở rộng ISO thành H1 (tương đương ISO 25600) hoặc H2 (tương đương ISO 51200)
Cài đặt tốc độ ISO:	Phạm vi tốc độ ISO, phạm vi ISO tự động và ISO tự động với tốc độ màn trập tối thiểu có thể đặt
Bù trừ phơi sáng:	Chỉnh tay: ± 5 điểm dừng ở mức tăng 1/3 hoặc 1/2 điểm dừng AEB: ± 3 điểm dừng ở mức tăng 1/3 hoặc 1/2 điểm dừng (Có thể kết hợp với bù phơi sáng bằng tay)
Khóa đo sáng:	Tự động: Áp dụng với lấy nét một lần có đo sáng toàn khung ảnh khi lấy được nét Chỉnh tay: Bằng nút khóa đo sáng
Hẹn giờ khoảng chụp:	Có thể thiết lập khoảng chụp và lần chụp
Hẹn giờ bulb:	Có thể thiết lập thời gian phơi sáng bulb

• Chụp HDR

Điều chỉnh dải tương phản:	Tự động, ± 1 , ± 2 , ± 3
Hiệu ứng:	Tự nhiên, Tiêu chuẩn nghệ thuật, Rực rỡ nghệ thuật, In đậm nghệ thuật, Chạm nổi nghệ thuật
Tự động căn chỉnh ảnh:	Được cung cấp

• Chụp đa phơi sáng

Phương pháp chụp:	Ưu tiên chức năng/điều khiển, Ưu tiên chụp liên tục
Số ảnh chụp đa phơi sáng:	2 đến 9 ảnh
Điều khiển đa phơi sáng:	Thêm, Trung bình, Sáng, Tối

• Màn trập

Loại: Màn trập loại mặt phẳng tiêu cự, điều khiển điện tử
 Tốc độ màn trập: 1/8000 giây đến 30 giây (tổng phạm vi tốc độ màn trập; phạm vi khả dụng thay đổi theo chế độ chụp), phơi sáng bulb, đồng bộ flash ở 1/250 giây.

• Hệ thống kiểu chụp

Kiểu chụp: Chụp từng ảnh, Chụp liên tục tốc độ cao, Chụp liên tục tốc độ thấp, Chụp từng ảnh ngắt tiếng, Chụp liên tục ngắt tiếng, Hẹn giờ 10 giây/điều khiển từ xa, Hẹn giờ 2 giây/điều khiển từ xa
 Tốc độ chụp liên tục: Chụp liên tục tốc độ cao:
 Tối đa khoảng 10,0 ảnh/giây (có thể thiết lập thành 10 đến 2 ảnh/giây)
 * Tối đa khoảng 9,5 ảnh/giây với EOS iTR AF.
 Chụp liên tục tốc độ thấp:
 Khoảng 3,0 ảnh/giây (có thể thiết lập thành 9 đến 1 ảnh/giây)
 Chụp liên tục ngắt tiếng:
 Khoảng 4,0 ảnh/giây (có thể thiết lập thành 4 đến 1 ảnh/giây)
 Số ảnh chụp liên tục tối đa: JPEG Lớn/Đẹp: Khoảng 130 ảnh (khoảng 1090 ảnh)
 RAW: khoảng 24 ảnh (approx. 31 ảnh)
 RAW+JPEG Lớn/Đẹp: Khoảng 18 ảnh (khoảng 19 ảnh)
 * Số liệu dựa trên tiêu chuẩn thử nghiệm của Canon (Tỷ lệ cỡ ảnh: 3 x 2, ISO 100 và kiểu ảnh tiêu chuẩn) trên thẻ CF 8 GB.
 * Số liệu trong dấu ngoặc đơn áp dụng cho thẻ CF chế độ 7 UDMA dựa trên các tiêu chuẩn thử nghiệm của Canon.

• Flash

Flash tích hợp: Flash có thể thu lại, tự động nâng lên
 Chỉ số hướng dẫn: Khoảng 11/36,1 (ISO 100, tính bằng m/ft.)
 Tầm tác dụng của flash: Tương đương góc ngắm của ống kính 15mm
 Thời gian hồi đèn: Khoảng 3 giây
 Đèn Speedlite ngoài: Tương thích với đèn Speedlite sê-ri EX
 Đo sáng flash: Flash tự động E-TTL II
 Bù trừ phơi sáng flash: Trong khoảng ± 3 điểm dừng với mức tăng 1/3 hoặc 1/2 điểm dừng
 Khóa phơi sáng flash: Được cung cấp
 Cổng cho máy tính: Được cung cấp

Điều khiển flash: Cài đặt chức năng flash tích hợp, Cài đặt chức năng đèn Speedlite ngoài, Cài đặt chức năng tùy chỉnh đèn Speedlite ngoài
Có thể điều khiển flash không dây qua truyền tín hiệu quang học

• Chụp Live View

Phương pháp lấy nét: Hệ thống CMOS AF Pixel đôi/hệ thống AF phát hiện tương phản (Khuôn mặt+Theo dõi, Vùng linh hoạt - đa điểm, Vùng linh hoạt - một điểm), Lấy nét bằng tay (có thể xem phóng to khoảng 5x và 10x để kiểm tra lấy nét)

Lấy nét liên tục: Được cung cấp

Phạm vi quét sáng: EV 0 - 18 (ở nhiệt độ phòng, ISO 100)

Chế độ đo sáng: Evaluative metering (Đo sáng toàn khung ảnh) (315 vùng), Partial metering (Đo sáng từng phần) (khoảng 10% màn hình Live View), Spot metering (Đo sáng điểm) (khoảng 2,6% màn hình Live View), Center-weighted average metering (Đo sáng trung bình trung tâm)

Phạm vi đo sáng: EV 0 - 20 (ở nhiệt độ phòng, ISO 100)

Tỷ lệ cỡ ảnh: 3:2, 4:3, 16:9, 1:1

Chụp ngắt tiếng: Có cung cấp (Chế độ 1 và 2)

Hiển thị khung lưới: 3 loại

• Quay phim

Định dạng ghi: MOV/MP4

Phim: MPEG-4 AVC / H.264

Tỷ lệ bit (trung bình) có thể thay đổi

Âm thanh: MOV: Linear PCMPCM tuyến tính, MP4: AAC

Kích thước ghi và tốc độ khung hình:

Full HD (1920x1080): 59,94p/50,00p/29,97p/25,00p/24,00p/23,98p

HD (1280x720) : 59,94p/50,00p/29,97p/25,00p

SD (640x480) : 29,97p/25,00p

Phương pháp nén: ALL-I (Để chỉnh sửa/I-only), IPB (Tiêu chuẩn), IPB (Nặng)
* IPB (Nặng) chỉ dành cho MP4.

Kích thước tập tin:

[MOV]

- Full HD (59,94p/50,00p)/IPB (Tiêu chuẩn)
: Khoảng 440 MB/phút
- Full HD (29,97p/25,00p/24,00p/23,98p)/ALL-I
: Khoảng 654 MB/phút
- Full HD (29,97p/25,00p/24,00p/23,98p)/IPB (Tiêu chuẩn)
: Khoảng 225 MB/phút
- HD (59,94p/50,00p)/ALL-I : Khoảng 583 MB/phút
- HD (59,94p/50,00p)/IPB (Tiêu chuẩn)
: Khoảng 196 MB/phút
- SD (29,97p/25,00p)/IPB (Tiêu chuẩn)
: Khoảng 75 MB/phút

[MP4]

- Full HD (59,94p/50,00p)/IPB (Tiêu chuẩn)
: Khoảng 431 MB/phút
- Full HD (29,97p/25,00p/24,00p/23,98p)/ALL-I
: Khoảng 645 MB/phút
- Full HD (29,97p/25,00p/24,00p/23,98p)/IPB (Tiêu chuẩn)
: Khoảng 216 MB/phút
- Full HD (29,97p/25,00p)/IPB (Nhẹ)
: Khoảng 87 MB/phút
- HD (59,94p/50,00p)/ALL-I : Khoảng 574 MB/phút
- HD (59,94p/50,00p)/IPB (Tiêu chuẩn)
: Khoảng 187 MB/phút
- HD (29,97p/25,00p)/IPB (Nhẹ)
: Khoảng 30 MB/phút
- SD (29,97p/25,00p)/IPB (Tiêu chuẩn)
: Khoảng 66 MB/phút
- SD (29,97p/25,00p)/IPB (Nhẹ)
: Khoảng 23 MB/phút

Yêu cầu về thẻ:(Tốc độ ghi/đọc)

[Thẻ CF]

ALL-I: 30 MB/giây trở lên
 IPB (Tiêu chuẩn), Full HD 59,94p/50,00p: 30 MB/giây trở lên
 IPB (Tiêu chuẩn), trừ những yêu cầu trên: 10 MB/giây trở lên
 IPB (Nhẹ): 10 MB/giây trở lên (Chỉ MP4)

[Thẻ SD]

ALL-I: 20 MB/giây trở lên
 IPB (Tiêu chuẩn), Full HD 59,94p/50,00p: 20 MB/giây trở lên
 IPB (Tiêu chuẩn), trừ những yêu cầu trên: 6 MB/giây trở lên
 IPB (Nhẹ): 4 MB/giây trở lên (Chỉ MP4)

Phương pháp lấy nét:	Tương tự lấy nét khi chụp Live View Tùy chỉnh lấy nét Servo phim
Chế độ đo sáng:	Đo sáng trung bình trung tâm và Đo sáng toàn khung ảnh với cảm biến hình ảnh * Đặt tự động bằng chế độ lấy nét.
Phạm vi đo sáng:	EV 0 - 20 (ở nhiệt độ phòng, ISO 100)
Điều khiển phơi sáng:	Chụp phơi sáng tự động (Phơi sáng tự động cho quay phim), Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập, Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ, Phơi sáng bằng tay
Bù trừ phơi sáng:	Trong khoảng ± 3 điểm dừng với mức tăng 1/3 hoặc 1/2 điểm dừng
Tốc độ ISO:(chỉ số phơi sáng khuyến dùng)	Tự động nhận cảnh thông minh, Tv: Tự động thiết lập trong khoảng ISO 100 - ISO 16000 P, Av, B: Tự động thiết lập trong khoảng ISO 100 - ISO 16000, có thể mở rộng đến H1 (tương đương ISO 25600) M: ISO Tự động (tự động thiết lập trong khoảng ISO 100 - ISO 16000), đặt bằng tay ISO 100 - ISO 16000 (với mức tăng 1/3- hoặc mức tăng chẵn), có thể mở rộng đến H1 (tương đương ISO 25600)
Mã thời gian:	Có hỗ trợ
Chỉnh khung:	Tương thích với 59,94p/29,97p
Ghi âm:	Cung cấp micrô mono tích hợp, cổng micrô stereo ngoài Có thể đặt mức ghi âm, bộ lọc gió đi kèm, bộ tiêu âm đi kèm
Tai nghe:	Cung cấp cổng tai nghe và có thể điều chỉnh âm lượng
Hiển thị khung lưới:	3 loại
Chụp ảnh khi đang quay phim:	Có thể * Trừ khi đặt thành Full HD 59,94p/50,00p
Hiển thị 2 màn hình:	Có thể đồng thời hiển thị màn hình LCD và phim xuất ra từ HDMI
Đầu ra HDMI:	Cũng có thể xuất ra phim không hiển thị thông tin. * Có thể chọn Tự động/59,94i/50,00i/59,94p/50,00p/23,98p

• Màn hình LCD

Loại:	Màn hình tinh thể lỏng, màu TFT
Kích thước và điểm màn hình:	Rộng 7,7 cm (3,0 in.) (3:2) với khoảng 1,04 triệu điểm
Điều chỉnh độ sáng:	Tự động (Tối, Tiêu chuẩn, Sáng), Bằng tay (7 mức)
Cân bằng điện tử:	Được cung cấp
Ngôn ngữ giao diện:	25
Hiện thị trợ giúp:	Có thể

• Xem lại

Định dạng hiển thị ảnh:	Hiển thị từng ảnh (không có thông tin chụp), Hiển thị từng ảnh (có thông tin đơn giản), Hiển thị từng ảnh (Hiển thị thông tin chụp: Thông tin chi tiết, Ống kính/biểu đồ sắc độ, Cân bằng trắng, Kiểu ảnh, Không gian màu/giảm nhiễu hạt, Hiệu chỉnh sắc sai ống kính, GPS), Hiển thị bằng kê (4/9/36/100 ảnh), Hiển thị hai ảnh
Cảnh báo dư sáng:	Khu vực dư sáng sẽ nhấp nháy
AF point display (Hiển thị điểm AF):	Được cung cấp
Hiển thị khung lưới:	3 loại
Xem phóng to:	Khoảng 1,5x-10x, có thể đặt vị trí và tỷ lệ phóng to ban đầu
Phương pháp duyệt ảnh:	Một ảnh, Nhảy 10 ảnh hoặc 100 ảnh, Theo ngày chụp, Theo thư mục, Theo phim, Theo ảnh, Theo ảnh được bảo vệ, Theo xếp hạng
Xoay ảnh:	Được cung cấp
Rating (Xếp hạng):	Được cung cấp
Xem lại phim:	Cho phép (Màn hình LCD, HDMI) Loa tích hợp
Trình chiếu:	Tất cả ảnh, Theo ngày, Theo thư mục, Theo phim, Theo ảnh, Theo ảnh được bảo vệ, Theo xếp hạng
Chống xóa ảnh:	Có thể
Sao chụp ảnh:	Có thể

• Xử lý hậu kỳ

Xử lý ảnh RAW trên máy ảnh:	Hiệu chỉnh độ sáng, Cân bằng trắng, Kiểu ảnh, Tự động tối ưu hóa ánh sáng, Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao, Chất lượng ghi ảnh JPEG, Không gian màu, Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi, Hiệu chỉnh méo hình, Hiệu chỉnh sắc sai
Thay đổi cỡ ảnh:	Được cung cấp

• In trực tiếp

Máy in tương thích:	Máy in tương thích PictBridge
Ảnh có thể in:	Ảnh JPEG và RAW
Đặt lệnh in:	Tương thích DPOF phiên bản 1.1

• Truyền ảnh

Tập tin có thể truyền:	Ảnh (ảnh JPEG, RAW, RAW+JPEG), Phim
------------------------	-------------------------------------

• Chức năng GPS

Vệ tinh tương thích:	Vệ tinh GPS (Hoa Kỳ), Vệ tinh GLONASS (Nga), Hệ thống vệ tinh Quasi-Zenith (QZSS) "MICHIBIKI" (Nhật)
Thông tin định vị kèm theo ảnh:	Vĩ độ, Kinh độ, Độ cao so với mặt biển, Hướng, Giờ quốc tế phối hợp (UTC), điều kiện tín hiệu vệ tinh
Khoảng cập nhật định vị:	1 giây / 5 giây / 10 giây / 15 giây / 30 giây / 1 phút / 2 phút / 5 phút
Thiết lập thời gian:	Thiết lập dữ liệu thời gian GPS cho máy ảnh
La bàn kỹ thuật số:	Sử dụng cảm biến thuộc địa từ 3 trục và cảm biến gia tốc 3 trục để định hướng
Dữ liệu ghi chép:	1 tập tin mỗi ngày, định dạng NMEA * Thay đổi múi giờ sẽ tạo tập tin mới. * Dữ liệu ghi chép lưu trong bộ nhớ bên trong dưới dạng tập tin ghi chép có thể được truyền vào thẻ nhớ hoặc tải xuống đến máy tính.
Xóa dữ liệu ghi chép:	Có thể

• Chức năng tùy chỉnh

Chức năng tùy chỉnh:	19
Danh mục riêng:	Có thể đăng ký tối đa 5 màn hình
Chế độ chụp tùy chỉnh:	Đăng ký dưới mục C1, C2 hoặc C3 của nút xoay chế độ
Thông tin bản quyền:	Có thể nhập và ghi kèm văn bản

• Giao diện

Cổng DIGITAL:	SuperSpeed USB (USB 3.0) Giao tiếp máy tính, in trực tiếp, kết nối bộ truyền tập tin không dây WFT-E7 (Phiên bản 2)
Cổng HDMI mini OUT:	Loại C (tự động chuyển đổi độ phân giải), tương thích CEC
Ngõ vào micro ngoài:	Giắc cắm nhỏ stereo đường kính 3,5 mm
Cổng tai nghe:	Giắc cắm nhỏ stereo đường kính 3,5 mm
Cổng kết nối điều khiển từ xa:	Dành cho bộ điều khiển từ xa loại N3
Điều khiển từ xa không dây:	Bộ điều khiển từ xa RC-6
Thẻ Eye-Fi:	Có hỗ trợ

• Thiết bị nguồn

Pin:	Pin LP-E6N/LP-E6, số lượng 1 * Có thể sử dụng nguồn điện xoay chiều (AC) với các phụ kiện ổ điện gia đình. * Nếu máy ảnh được gắn Báng pin BG-E16, có thể sử dụng Pin AA/LR6.
Thông tin pin:	Lượng pin còn lại, số lần chụp, hiệu suất sạc và số pin có thể đăng ký
Số ảnh có thể chụp (Dựa trên tiêu chuẩn thử nghiệm CIPA):	Chụp qua khung ngắm: khoảng 670 ảnh ở nhiệt độ 23°C/73°F, và khoảng 640 ảnh ở nhiệt độ 0°C/32°F Chụp Live View: khoảng 250 ảnh ở nhiệt độ 23°C/73°F, và khoảng 240 ảnh ở nhiệt độ 0°C/32°F
Thời gian quay phim:	Khoảng 1 giờ 40 phút ở nhiệt độ 23°C/73°F Khoảng 1 giờ 30 phút ở nhiệt độ 0°C/32°F * Với Pin LP-E6N sạc đầy.

• Kích thước và trọng lượng

Kích thước (R x C x D):	Khoảng 148,6 x 112,4 x 78,2 mm / 5,85 x 4,43 x 3,08 in.
Trọng lượng:	Khoảng 910 g / 32,10 oz. (Bao gồm pin, thẻ CF, thẻ nhớ SD) Khoảng 820 g / 28,92 oz. (Chỉ riêng thân máy ảnh)

• Môi trường vận hành

Phạm vi nhiệt độ vận hành:	0°C - 40°C / 32°F - 104°F
Độ ẩm vận hành:	85% hoặc thấp hơn

• Pin LP-E6N

Loại:	Pin lithium-ion có thể sạc lại
Điện áp định mức:	7,2 V DC
Dung lượng pin:	1865 mAh
Phạm vi nhiệt độ vận hành:	0°C - 40°C / 32°F - 104°F
Độ ẩm vận hành:	85% hoặc thấp hơn
Kích thước (R x C x D):	Khoảng 38,4 x 21,0 x 56,8 mm / 1,5 x 0,8 x 2,2 in.
Trọng lượng:	Khoảng 80 g / 2,82 oz. (không bao gồm nắp bảo vệ)

• Sạc pin LC-E6E

Pin tương thích:	Pin LP-E6N/LP-E6
Ổ cắm dây nguồn:	Khoảng 1 m / 3,3 ft.
Thời gian sạc:	Khoảng 2 giờ 30 phút
Đầu vào định mức:	100 - 240 V AC (50/60 Hz)
Đầu ra định mức:	8,4 V DC/1,2 A
Phạm vi nhiệt độ vận hành:	5°C - 40°C / 41°F - 104°F
Độ ẩm vận hành:	85% hoặc thấp hơn
Kích thước (R x C x D):	Khoảng 69,0 x 33,0 x 93,0 mm / 2,7 x 1,3 x 3,7 in.
Trọng lượng:	Khoảng 110 g / 3,9 oz. (không bao gồm dây nguồn)

• EF-S18-135mm f/3.5-5.6 IS USM

Độ dài tiêu cự / Tốc độ:	18 mm-135 mm / f/3.5-5.6
Cấu trúc ống kính:	16 thành phần chia thành 12 nhóm
Khẩu độ nhỏ nhất:	f/22 - 36
Góc ngắm:	* f/22-38 khi đặt khẩu độ với mức tăng 1/2 điểm dừng Khoảng rộng chéo: 74°20' - 11°30' Khoảng rộng dọc: 45°30' - 6°20' Khoảng rộng ngang: 64°30' - 9°30'
Khoảng cách lấy nét gần nhất:	0,39 m / 1,28 ft.
Độ phóng đại tối đa:	0,28x (ở độ dài tiêu cự 135 mm)
Trường ảnh:	Khoảng 248 x 372 - 53 x 80 mm / 9,8 x 14,6 - 2,1 x 3,1 in. (ở 0,39 m / 1,28 ft.)
Kích thước kính lọc:	67 mm
Đường kính x chiều dài tối đa:	Khoảng 77,4 x 96,0 mm / 3,0 x 3,8 in.
Trọng lượng:	Khoảng 515 g / 18,2 oz.
Loa che nắng:	EW-73D (bán riêng)
Nắp ống kính:	E-67 II
Túi đựng:	LP1116 (bán riêng)

• EF-S15-85mm f/3.5-5.6 IS USM

Độ dài tiêu cự / Tốc độ: 15 mm-85 mm / f/3.5-5.6

Cấu trúc ống kính: 17 thành phần chia thành 12 nhóm

Khẩu độ nhỏ nhất: f/22 - 36

* f/22-38 khi đặt khẩu độ với mức tăng 1/2 điểm dừng

Góc ngắm: Khoảng rộng ngang: 84°30' - 18°25'

Khoảng rộng dọc: 53°30' - 10°25'

Khoảng rộng ngang: 74°10' - 15°25'

Khoảng cách lấy nét gần 0,35 m / 1,15 ft.

nhất:

Độ phóng đại tối đa: 0,21x (ở độ dài tiêu cự 85 mm)

Trường ảnh: Khoảng 255 x 395 - 75 x 108 / 10,0 x 15,6 - 3,0 x 4,3 in. (ở 0,35 m / 1,15 ft.)

Kích thước kính lọc: 72 mm

Đường kính x chiều dài Khoảng 81,6 x 87,5 mm / 3,2 x 3,4 in.

tối đa:

Trọng lượng: Khoảng 575 g / 20,3 oz.

Loa che nắng: EW-78E (bán riêng)

Nắp ống kính: E-72 II

Túi đựng: LP1116 (bán riêng)

- Để tìm hiểu thông số kỹ thuật của Thẻ Wi-Fi W-E1, tham khảo phần “Lưu ý cơ bản và thông tin pháp lý của Thẻ Wi-Fi W-E1” (tr.4).
- Tất cả dữ liệu ở trên đều căn cứ theo các tiêu chuẩn thử nghiệm của Canon cũng như tiêu chuẩn thử nghiệm và quy tắc của CIPA (Camera & Imaging Products Association).
- Kích thước, đường kính tối đa, chiều dài và trọng lượng được liệt kê ở trên dựa trên Hướng dẫn của CIPA (ngoại trừ trọng lượng riêng của thân máy ảnh).
- Thông số kỹ thuật của sản phẩm và bề ngoài có thể thay đổi mà không thông báo trước.
- Nếu có vấn đề xảy ra với ống kính không phải của Canon được lắp vào máy ảnh, vui lòng tham vấn nhà sản xuất ống kính.

Nhãn hiệu

- Adobe là nhãn hiệu của Adobe Systems Incorporated.
- Microsoft và Windows là nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu đã được đăng ký của Microsoft Corporation tại Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác.
- Macintosh và Mac OS là nhãn hiệu đã được đăng ký của Apple Inc. tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác.
- CompactFlash là nhãn hiệu của SanDisk Corporation.
- Logo SDXC là nhãn hiệu của SD-3C, LLC.
- HDMI, logo HDMI và High-Definition Multimedia Interface là các nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu được đăng ký của HDMI Licensing LLC.
- Google™, Google Maps™ và Google Earth™ là nhãn hiệu của Google Inc.
- Map Utility sử dụng Google Maps™ để hiển thị ảnh và tuyến đường du lịch trên bản đồ.
- Các nhãn hiệu khác thuộc sở hữu của các hãng tương ứng.

Giới thiệu về cấp phép MPEG-4

"This product is licensed under AT&T patents for the MPEG-4 standard and may be used for encoding MPEG-4 compliant video and/or decoding MPEG-4 compliant video that was encoded only (1) for a personal and non-commercial purpose or (2) by a video provider licensed under the AT&T patents to provide MPEG-4 compliant video. No license is granted or implied for any other use for MPEG-4 standard."

* Thông báo hiển thị bằng tiếng Anh như được yêu cầu.

Bạn nên sử dụng phụ kiện Canon chính hãng

Sản phẩm này được thiết kế để đạt hiệu quả tối ưu khi sử dụng với các phụ kiện chính hãng của Canon.

Canon sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ hư hỏng nào đối với sản phẩm này và/hoặc tai nạn, chẳng hạn như cháy, v.v... do trục trặc của các phụ kiện không chính hãng Canon (ví dụ như rò rỉ và/hoặc nổ pin). Lưu ý rằng bảo hành không áp dụng đối với sửa chữa do trục trặc của phụ kiện không chính hãng Canon, tuy nhiên bạn có thể yêu cầu sửa chữa và chấp nhận thanh toán chi phí.



Pin LP-E6N/LP-E6 chỉ dành riêng cho sản phẩm của Canon. Sử dụng pin với sạc pin hay sản phẩm không tương thích có thể gây trục trặc cho pin hoặc tai nạn, Canon sẽ không chịu trách nhiệm cho các sự cố này.

Cảnh báo an toàn

Chú ý những điều sau để tránh gây hại, chấn thương cho bạn và người khác. Bảo đảm hiểu kỹ và thực hiện theo hướng dẫn trước khi sử dụng sản phẩm.

Nếu có vấn đề trực trực hoặc hư hỏng sản phẩm, liên hệ Trung tâm bảo hành gần nhất của Canon hoặc đại lý bán hàng nơi bạn mua sản phẩm.



Cảnh báo : Thực hiện theo những cảnh báo dưới đây. Nếu không, có thể gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Để tránh hỏa hoạn, nhiệt độ quá nóng, rò rỉ hóa chất, nổ hoặc điện giật, hãy thực hiện theo các biện pháp an toàn dưới đây:
 - Không sử dụng pin, nguồn điện và phụ kiện không được quy định trong hướng dẫn này. Không sử dụng pin tự chế tạo hoặc được chỉnh sửa.
 - Không làm đoản mạch, tháo rời hoặc chỉnh sửa pin. Không đốt nóng hoặc hàn pin. Không để pin tiếp xúc với lửa hoặc nước. Không để pin chịu va chạm vật lý mạnh.
 - Không lắp các cực pin ngược chiều.
 - Không sạc pin trong môi trường có nhiệt độ ngoài phạm vi nhiệt độ cho phép. Ngoài ra, không sạc pin quá thời gian chỉ định trong hướng dẫn sử dụng.
 - Không cầm bất kỳ vật lạ bằng kim loại nào vào các tiếp xúc điện của máy ảnh, phụ kiện, cáp kết nối, v.v...
- Khi vứt bỏ pin, bọc cách ly các tiếp xúc điện bằng băng dính để ngăn tiếp xúc với các vật kim loại hoặc pin khác. Việc này giúp chống cháy nổ.
- Trong khi sạc pin, khói hoặc mùi lạ sẽ phát ra nếu pin quá nóng. Rút phích cắm của sạc pin ra khỏi ổ điện để ngừng sạc nhằm chống cháy nổ. Nếu không, có thể gây cháy, bỏng hoặc giật điện.
- Nếu pin bị rò rỉ, đổi màu, biến dạng hoặc phát ra khói hoặc mùi lạ, cần tháo pin ngay lập tức. Cần thận không để bị bỏng trong quá trình xử lý. Có thể gây cháy, điện giật hoặc bỏng da nếu tiếp tục sử dụng.
- Ngăn các chất rò rỉ của pin khỏi tiếp xúc với mắt, da và quần áo. Các chất này có thể gây mù hoặc các vấn đề da liễu. Nếu chất rò rỉ của pin tiếp xúc với mắt, da hoặc quần áo, dùng nhiều nước để xối rửa khu vực bị ảnh hưởng nhưng không được chà xát. Gặp bác sĩ ngay lập tức.
- Không để bất kỳ dây điện nào gần nguồn nhiệt. Nhiệt có thể làm biến dạng dây điện hoặc làm chảy lớp cách điện và gây cháy hoặc điện giật.
- Không nên giữ máy ảnh ở một vị trí trong thời gian dài. Ngay cả khi máy ảnh không tỏa nhiệt nhiều, tiếp xúc lâu với một bộ phận của máy có thể gây đỏ da, gộp da hoặc bỏng do tiếp xúc ở nhiệt độ thấp. Nên sử dụng chân máy nếu bạn có vấn đề về tuần hoàn máu hoặc da nhạy cảm, hay khi sử dụng máy ảnh ở nơi có nhiệt độ cao.
- Không đánh sáng flash vào người đang lái ô tô hay các phương tiện khác. Việc này có thể gây tai nạn.

- Khi không sử dụng máy ảnh hoặc phụ kiện, bảo đảm đã tháo pin và rút dây nguồn khỏi thiết bị trước khi cất giữ, để tránh điện giật, sinh nhiệt, cháy hoặc ăn mòn.
- Không sử dụng thiết bị ở nơi có khí dễ cháy để tránh cháy nổ.
- Nếu bạn đánh rơi thiết bị và vỏ bị vỡ hở ra để lộ các bộ phận bên trong, không chạm vào các bộ phận bên trong máy, do có khả năng bị điện giật.
- Không tháo rời hoặc chỉnh sửa thiết bị. Các bộ phận điện áp cao bên trong có thể gây điện giật.
- Không nhìn vào mặt trời hoặc nguồn sáng cực chói qua máy ảnh hoặc ống kính. Làm vậy có thể gây hỏng thị lực của bạn.
- Cất giữ thiết bị ngoài tầm với của trẻ em và trẻ sơ sinh, ngay cả khi đang sử dụng thiết bị. Dây đeo hoặc dây điện có thể vô tình gây nghẹt thở, điện giật hoặc chấn thương. Nghẹt thở hoặc chấn thương cũng có thể phát sinh do trẻ em hoặc trẻ sơ sinh nuốt phải linh kiện hoặc phụ kiện của máy ảnh. Nếu trẻ em hoặc trẻ sơ sinh nuốt phải linh kiện hoặc phụ kiện, cần tham vấn bác sĩ ngay lập tức.
- Không bảo quản hay sử dụng thiết bị ở những nơi nhiều bụi hoặc ẩm ướt. Hơn nữa, luôn gắn nắp bảo vệ khi bảo quản pin để tránh đoản mạch. Làm vậy sẽ tránh được tia lửa, sinh nhiệt, điện giật hoặc cháy.
- Trước khi sử dụng máy ảnh bên trong máy bay hoặc bệnh viện, kiểm tra xem có được phép sử dụng máy ảnh hay không. Sóng điện từ do máy ảnh phát ra có thể gây nhiễu các dụng cụ của máy bay hoặc thiết bị y tế của bệnh viện.
- Để chống cháy và điện giật, thực hiện theo các biện pháp an toàn dưới đây:
 - Luôn cắm hoàn toàn phích cắm điện vào ổ.
 - Không cầm phích cắm điện bằng tay ướt.
 - Khi rút phích cắm điện, cầm chặt và kéo phích cắm thay vì dây điện.
 - Không làm xước, cắt hoặc uốn cong quá mức dây điện hoặc đặt vật nặng lên dây điện. Ngoài ra không vặn hoặc thắt nút dây điện.
 - Không kết nối quá nhiều phích cắm điện vào cùng một ổ điện.
 - Không sử dụng dây điện bị đứt hoặc hỏng lớp cách điện.
- Rút phích cắm điện định kỳ và dùng khăn khô lau sạch bụi bám quanh ổ điện. Nếu xung quanh nhiều bụi, ẩm ướt hoặc có dầu, bụi trên ổ điện có thể bị ẩm và làm đoản mạch ổ điện gây ra cháy.
- Không kết nối trực tiếp pin với nguồn điện hoặc với lỗ châm thuốc trên ô tô. Pin có thể rò rỉ, sinh nhiệt hoặc nổ, gây tia lửa, cháy hoặc gây chấn thương.
- Khi cho trẻ em sử dụng sản phẩm, cần được người lớn hướng dẫn cẩn thận. Luôn giám sát khi trẻ dùng máy. Sử dụng không đúng cách có thể gây điện giật hoặc chấn thương.
- Không để ống kính hoặc máy ảnh có lắp ống kính dưới nắng mà không lắp nắp ống kính. Nếu không, ống kính có thể hội tụ các tia nắng và gây cháy.
- Không dùng vải che hoặc bọc thiết bị. Nhiệt bị tích bên trong sẽ khiến vỏ bị biến dạng hoặc bắt lửa.
- Cẩn thận không để ướt máy ảnh. Nếu đánh rơi máy ảnh vào nước hoặc nếu nước hoặc mảnh kim loại rơi vào trong máy ảnh, nhanh chóng tháo pin để chống cháy và điện giật.
- Không sử dụng chất pha loãng sơn, benzen hoặc dung môi hữu cơ khác để làm sạch sản phẩm. Các chất này có thể gây cháy hoặc nguy hại đối với sức khỏe.



Thận trọng : Thực hiện theo những cảnh báo dưới đây. Nếu không, có thể xảy ra hư hỏng hoặc chấn thương.

- Không sử dụng hoặc bảo quản thiết bị ở trong xe dưới nắng nóng hoặc gần nguồn nhiệt. Sản phẩm có thể trở nên nóng và gây bỏng da. Làm vậy cũng có thể gây rò rỉ hoặc nổ pin, làm cho hiệu suất kém đi hoặc tuổi đời sản phẩm bị rút ngắn.
- Không di chuyển máy ảnh khi máy đang lắp vào chân máy. Làm vậy có thể gây chấn thương. Ngoài ra, đảm bảo chân máy đủ vững chắc để đỡ máy ảnh và ống kính.
- Không để sản phẩm trong môi trường nhiệt độ thấp trong thời gian dài. Sản phẩm sẽ trở nên lạnh và có thể gây chấn thương khi tiếp xúc.
- Không đánh sáng flash gần mắt người do có thể gây hại cho mắt.
- Không sử dụng ổ đĩa không thích hợp để chạy đĩa CD-ROM kèm theo.
Nếu bạn sử dụng đĩa với máy nghe nhạc CD, có thể gây hỏng loa cùng phụ kiện. Khi sử dụng tai nghe, cũng có thể gây chấn thương tai bởi âm thanh quá lớn.

THẬN TRỌNG

CÓ NGUY CƠ CHÁY NỔ NẾU THAY PIN BẰNG LOẠI PIN KHÔNG ĐÚNG. VỨT BỎ PIN ĐÃ SỬ DỤNG THEO QUY ĐỊNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG.

[illegible]

[illegible]

[illegible]

16

Tải ảnh về máy tính / Phần mềm

Chương này giải thích cách truyền ảnh từ máy ảnh sang máy tính, cung cấp thông tin tổng quan về phần mềm trong đĩa EOS DIGITAL Solution Disk (CD-ROM) và hướng dẫn cách cài đặt phần mềm này trên máy tính.

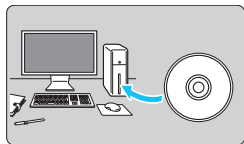


**Đĩa EOS DIGITAL
Solution Disk**
(Phần mềm)

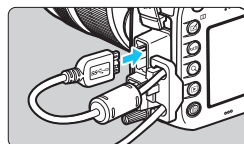
Tải ảnh xuống máy tính

Bạn có thể sử dụng phần mềm EOS để tải ảnh từ máy ảnh xuống máy tính theo hai cách sau.

Tải xuống bằng cách kết nối máy ảnh với máy tính

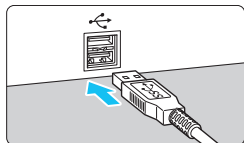


1 Cài đặt phần mềm (tr.540).



2 Sử dụng cáp nối đi kèm để kết nối máy ảnh với máy tính cá nhân.

- Sử dụng cáp nối kèm theo máy ảnh.
- Khi kết nối cáp với máy ảnh, hãy sử dụng đầu giữ cáp (tr.34). Kết nối cáp với cổng digital với biểu tượng <SS> của chân cắm hướng về phía sau máy ảnh.
- Kết nối chân cắm của cáp với cổng USB của máy tính cá nhân.



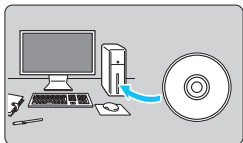
3 Sử dụng phần mềm EOS Utility để truyền ảnh.

- Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo hướng dẫn sử dụng phần mềm trên đĩa CD-ROM (tr.541).

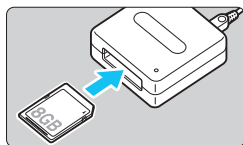
⚠ Sử dụng cáp nối đi kèm hoặc cáp chính hãng Canon (tr.480). Khi kết nối với cáp nối, sử dụng đầu giữ cáp đi kèm (tr.34).

Tải ảnh xuống bằng đầu đọc thẻ

Bạn cũng có thể dùng đầu đọc thẻ để tải ảnh xuống máy tính cá nhân.



1 Cài đặt phần mềm (tr.540).



2 Cắm thẻ vào đầu đọc thẻ.

3 Sử dụng phần mềm Digital Photo Professional để tải ảnh.

- Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo Hướng dẫn sử dụng Digital Photo Professional (tr.541).



Khi tải ảnh từ máy ảnh xuống máy tính cá nhân bằng đầu đọc thẻ mà không dùng phần mềm EOS, hãy sao chép thư mục DCIM trên thẻ vào máy tính.

Giới thiệu về phần mềm



Đĩa EOS DIGITAL Solution Disk

Đĩa này có chứa các phần mềm khác nhau cho máy ảnh kỹ thuật số EOS.

(Hướng dẫn sử dụng phần mềm không được bao gồm trong đĩa này. Hãy tham khảo trang 541.)

EOS Utility

Với máy ảnh được kết nối với máy tính, phần mềm EOS Utility cho phép truyền ảnh chụp và phim quay bằng máy ảnh tới máy tính. Bạn cũng có thể sử dụng phần mềm này để đặt các cài đặt khác nhau của máy ảnh và chụp từ xa qua máy tính được kết nối với máy ảnh.

Digital Photo Professional

Phần mềm này dành cho người dùng chụp ảnh RAW. Bạn có thể xem, chỉnh sửa và in ảnh RAW và JPEG.

* Một vài chức năng sẽ khác nhau giữa phiên bản cài đặt trên hệ thống máy tính 64-bit và phiên bản cài đặt trên hệ thống máy tính 32-bit.

Picture Style Editor

Bạn có thể chỉnh sửa kiểu ảnh, tạo và lưu các tập tin kiểu ảnh. Phần mềm này dành cho người dùng chuyên nghiệp có kinh nghiệm về xử lý ảnh.

Map Utility

Có thể hiển thị vị trí chụp trên bản đồ trong màn hình máy tính bằng cách sử dụng thông tin vị trí định vị được ghi. Lưu ý rằng bạn cần kết nối internet để cài đặt và sử dụng Map Utility.

- **Tải xuống từ trang web của Canon**

Bạn có thể tải xuống phần mềm sau và Hướng dẫn sử dụng phần mềm từ trang web của Canon.

www.canon.com/icpd

EOS MOVIE Utility

Phần mềm này cho phép bạn phát lại phim đã quay, phát liên tiếp các tập tin phim đã tách hoặc ghép các tập tin phim đã tách lại thành một tập tin riêng. Bạn cũng có thể chụp khung hình phim và lưu lại thành ảnh.

Cài đặt phần mềm



- **Không kết nối máy ảnh với máy tính trước khi cài đặt phần mềm. Phần mềm sẽ không được cài đặt chính xác.**
- Nếu máy tính đã cài đặt phiên bản trước đó của phần mềm, thực hiện theo quy trình dưới đây để cài đặt phiên bản mới nhất (Phiên bản trước đó sẽ được ghi đè).

1 Cho đĩa EOS DIGITAL Solution Disk vào máy tính.

- Trên máy Macintosh, nhấp đúp để mở biểu tượng CD-ROM hiển thị trên màn hình máy tính, rồi nhấp đúp vào **[setup]**.

2 Nhấp vào [Easy Installation] và thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình để cài đặt.

3 Lấy đĩa CD-ROM ra sau khi phần mềm được cài đặt.

Tải xuống và xem Hướng dẫn sử dụng phần mềm (tập tin PDF)

Bạn cần kết nối internet để tải Hướng dẫn sử dụng phần mềm (tập tin PDF). Không thể tải trong môi trường không có kết nối internet.

1 Tải xuống Hướng dẫn sử dụng phần mềm (tập tin PDF).

- Kết nối internet và truy cập trang web dưới đây của Canon.
www.canon.com/icpd
- Chọn quốc gia hoặc khu vực cư trú của bạn và tải xuống Hướng dẫn sử dụng.

2 Xem Hướng dẫn sử dụng phần mềm (tập tin PDF).

- Nhấp đúp vào Hướng dẫn sử dụng (tập tin PDF) đã tải xuống để mở.
- Để xem Hướng dẫn sử dụng (tập tin PDF), cần cài đặt Adobe Acrobat Reader DC hoặc phần mềm xem PDF khác của Adobe (nên sử dụng phiên bản mới nhất).
- Bạn có thể tải miễn phí Adobe Acrobat Reader DC từ internet.
- Để tìm hiểu về cách sử dụng phần mềm xem PDF, tham khảo mục Trợ giúp của phần mềm.

Chỉ mục

Số

1280x720 (phim).....	333
1920x1080 (phim).....	333
24,00p.....	335
640x480 (phim).....	333

A

Adobe RGB.....	189
AEB (Phơi sáng hỗn hợp tự động).....	229, 436
AF.....	87
AF theo nhóm.....	102
Bố cục lại ảnh.....	85
Chế độ chọn vùng AF.....	92, 94
Chọn điểm AF.....	95, 455
Chữ thể khó lấy nét.....	141, 308
Công cụ định cấu hình AF.....	110
Đăng ký điểm AF.....	452
Điểm AF.....	92, 97
f/8 AF.....	105
Lấy nét bằng tay (MF).....	142, 310
Mất nét.....	53, 54, 500
Mở rộng điểm AF.....	92, 97
Nút AF-ON.....	
(Khởi động AF).....	55, 448, 450
Nút gạt lựa chọn vùng AF.....	58
Phương pháp AF.....	301, 345
Thao tác lấy nét tự động.....	88
Thông tin khuôn mặt.....	130
Thông tin màu.....	130
Tia giúp lấy nét.....	91, 122
Tiếng bip.....	69
Tùy chỉnh.....	119
Vi chỉnh AF.....	135
AF 65 điểm tự động chọn.....	93, 99
AF chấm điểm.....	97
AF một chấm điểm.....	92, 97
AF một điểm.....	92, 97
AI FOCUS (Lấy nét tự động AI).....	90
AI SERVO (Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục)	
Cảm biến AF.....	101

Chỉ thị thao tác lấy nét tự

động.....	91, 133
Điểm AF chớp sáng đỏ.....	91, 133
Độ nhạy theo dõi.....	115
Tăng/giảm tốc độ theo dõi lấy nét.....	116
Tự động chuyển đổi điểm AF.....	117
ALL-I (Để chỉnh sửa/I-only).....	334

Ảnh

Bảng kê.....	363
Bảo vệ ảnh.....	370
Biểu đồ.....	362
Cảnh báo vùng sáng.....	361
Đánh số thứ tự.....	195
Hiện thị điểm AF.....	361
Hiện thị hai ảnh.....	368
Hiện thị nhảy ảnh (duyet ảnh).....	364
Kích thước.....	153, 336, 359
Phóng to.....	366
Sao chép.....	390
Tải ảnh (xuống máy tính).....	536
Thông tin chụp.....	358
Trình chiếu.....	384
Truyền.....	427
Tự động xem lại.....	384
Xem lại.....	355
Xem trên TV.....	378, 387
Xếp hạng.....	373
Xóa.....	394
Xoay ảnh bằng tay.....	369
Xoay tự động.....	397
Ảnh đen trắng.....	164, 167
Ảnh đơn sắc.....	164, 167
Ảnh sáng tạo.....	162, 235, 240
Av (Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ).....	222, 318
A/V OUT (Ngõ ra audio/video).....	378

Â

Âm lượng (xem lại phim).....	381
------------------------------	-----

B

B (Bulb).....	232, 316
---------------	----------

Bảng cảm ứng	59, 340
Bảng điều khiển LCD	25
Bảng pin	46, 480
Bảo hòa màu	166
Bảo vệ ảnh	370
Biểu đồ (Độ sáng/RGB)	362
Biểu tượng	8
Biểu tượng cảnh	292, 321
Biểu tượng cảnh báo	443
Biểu tượng MENU	8
Biểu tượng ☆ (vùng sáng tạo)	8
Bình thường (chất lượng ghi ảnh)	151, 153
Bộ điều hợp AC	476
Bộ tiêu âm	338
Bù trừ phơi sáng	228
Bù trừ phơi sáng với ISO tự động	225
BUSY	155

C

C (Chụp tùy chỉnh)	466
Các mục menu bị mờ	66
Cài đặt chất lượng ảnh với một lần chạm	155, 458
Cài đặt chức năng chụp	471
Cài đặt lại bằng tay	196
Cảm biến AF	101
Cảm biến ánh sáng bên ngoài	24, 396
Cân bằng điện tử	76
Cân bằng trắng (WB)	170
Chỉnh	174
Hỗn hợp	175
Riêng	172
Thiết lập nhiệt độ màu	173
Tùy chọn	171
Cân bằng trắng riêng	173
Cân bằng trắng tùy chỉnh	171
Cảnh báo an toàn	528
Cảnh báo nhiệt độ	312, 353
Cảnh báo vùng sáng	361

Cáp	3, 387, 414, 427, 480, 536
Cắt ảnh (để in)	421
Cấu hình ICC	189
Chất lượng ghi ảnh	151, 332
Chế độ chụp	29
Av (Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ)	222
B (Bulb)	232
C (Chụp tùy chỉnh)	466
A+ (Tự động nhận cảnh thông minh)	82
M (Phơi sáng bằng tay)	224
P (Phơi sáng tự động)	218
TV (Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập)	220
Chế độ chụp tùy chỉnh	466
Chế độ đo sáng	226
Chiếu sáng (bảng điều khiển LCD)	60
Chiếu sáng (điểm AF)	133
Chọn bằng tay (AF)	97
Chọn trực tiếp điểm AF	455
Chức năng ghi	148
Chức năng khả dụng theo chế độ chụp	482
Chụp chống nhấp nháy	187
Chụp đa phơi sáng	240
Chụp điều khiển từ xa	250
Chụp flash không dây	274
Chụp hẹn giờ	145, 251
Chụp liên tục	143
Chụp liên tục tốc độ cao	143
Chụp Live View	86, 287
Chụp ngắt tiếng	299
Điều khiển nhanh	295
Hẹn giờ đo sáng	300
Hiển thị khung lưới	297
Hiển thị thông tin	290
Khuôn mặt+Theo dõi	302
Lấy nét bằng tay (MF)	310
Mô phỏng phơi sáng	298
Số ảnh có thể chụp	289

Tỷ lệ cỡ ảnh.....	297
Vùng linh hoạt - đa điểm	304
Vùng linh hoạt - một điểm	306
Chụp ngắt tiếng	
Chụp LV ngắt tiếng	299, 349
Chụp từng ảnh.....	143
Chuyển chế độ an toàn.....	438
CLn	411
Cổng cho máy tính.....	262
Cổng Digital	23, 34, 414, 427, 536
Công tắc chế độ lấy nét	50, 142, 310
Công tắc điều khiển từ xa.....	250
Cổng USB (DIGITAL).....	414, 427, 536

D

D+	182
Danh mục riêng	461
Dấu gạch dưới " _ "	189, 194
Dấu xếp hạng	373
Dây đeo	33
DPOF	
(Định dạng lệnh in kỹ thuật số).....	423
Dữ liệu xóa bụi.....	409

Đ

Đăng ký hướng chụp	127
Đánh số thứ tự tập tin liên tiếp	195
Đề chỉnh sửa (ALL-I)	334
Đèn báo lấy nét.....	82
Đèn flash (Đèn Speedlite).....	255
Bù trừ phơi sáng flash.....	271, 261
Chế độ flash	269
Chức năng tùy chỉnh	273
Đèn flash tích hợp	256
Đèn flash ngoài	261
Điểm tiếp xúc đồng bộ flash	22
Điều khiển flash	264
Đồng bộ màn trập	
(Màn trập 1/2).....	271
Flash chỉnh tay	269, 285
Giảm mắt đỏ.....	258
Khóa phơi sáng flash	260, 261

Không dây.....	270, 274
Phạm vi hiệu quả	257
Tốc độ đồng bộ flash	262, 265
Tốc độ đồng bộ flash trong	
chế độ Av.....	265
Đèn Speedlite ngoài→Đèn flash	
Đèn truy cập.....	43, 44
Đẹp (chất lượng ghi ảnh)	151
Điểm AF ban đầu	129
Điều chỉnh độ khúc xạ.....	54
Điều khiển đa năng	58
Điều khiển tùy chỉnh.....	62, 447
Độ nhạy theo dõi lấy nét	110
Độ phân giải cao (Full HD).....	315, 333
Độ sắc nét.....	166
Đo sáng điểm	227
Đo sáng toàn khung ảnh	226
Đo sáng trung bình	
trung tâm	227
Đo sáng từng phần	226
Độ tương phản.....	166, 177
Đồng bộ màn trập	271
Đồng bộ màn trập 1	271
Đồng bộ màn trập 2	271
Đuôi tập tin	194

E

exFAT	68
-------------	----

G

Ghi chép.....	212
Dữ liệu ghi chép.....	213
Ghi riêng.....	149
Ghi tùy ý	341
Ghi vào nhiều phương tiện	149
Giảm mắt đỏ.....	258
Giảm nhiễu hạt	
Phơi sáng lâu.....	180
Tốc độ ISO cao	178
Giảm nhiễu hạt đa ảnh.....	178
Giờ mùa hè	48
Giờ quốc tế phối hợp	200

GPS 199

H

HD 333
HDMI 34, 343, 350, 352, 387
HDMI CEC 388
HDR 235
Hệ số chuyển đổi hình ảnh 50
Hệ thống video 332
Hẹn giờ 10 giây hoặc 2 giây 145
Hẹn giờ đo sáng 300, 349
Hẹn giờ ngắt quãng 252
Hiển thị bảng kê 363
Hiển thị hai ảnh 368
Hiển thị một ảnh 356
Hiển thị nhảy ảnh 364
Hiển thị thông tin chụp 358
Hiển thị thu nhỏ 363
Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi... 183
Hiệu chỉnh sắc sai 184
Hiệu ứng bộ lọc 167
Hiệu ứng tổng màu (Đơn sắc) 167
Hốc gắn chân máy 24
Hướng 206, 208
Hướng dẫn tính năng 79

I

In
Cài đặt giấy 417
Cắt ảnh 421
Chỉnh nghiêng ảnh 421
Hiệu ứng in 418
Lập sách ảnh 431
Lệnh in (DPOF) 423
Trình bày ảnh 417
In ảnh 413
In trực tiếp 414
IPB (Nhẹ/Tiêu chuẩn) 334
iTR AF 130

J

JPEG 151, 153

K

Khóa đa chức năng 59, 444
Khóa đo sáng 231
Khóa gương lật 248
Khóa lấy nét 85
Khóa phơi sáng flash 260, 261
Không gian màu 189
Khung AF theo vùng 93, 99
Khung lưới 297, 346, 357
Khung ngắm 27
Cân bằng điện tử 77
Điều chỉnh độ khúc xạ 54
Hiển thị thông tin 78
Khung lưới 75
Kích thước tập tin 153, 336, 359
Kiểu ảnh 162, 165, 168
Kiểu chụp 143

L

La bàn kỹ thuật số 208
Hiệu chỉnh 209
Làm sạch (cảm biến hình ảnh) 407
Làm sạch cảm biến 407
Lập sách ảnh 431
Lấy nét bằng tay (MF) 142, 310
Lấy nét kiểu chéo 101
Lấy nét liên tục 296
Lấy nét tự động → AF
Lấy nét tự động theo vùng 93, 98
Lấy nét tự động theo vùng lớn 93, 99
Loa 24, 380
Loa che nắng 52
Lọc gió 338
Lỗi 512
Lớn (chất lượng ghi ảnh) 153

M

M (Phơi sáng bằng tay) 224, 322
Mã lỗi 512
Mã thời gian 341
Màn hình lấy nét 442, 480

Màn hình LCD	21
Cài đặt chức năng chụp	471
Cân bằng điện tử	76
Điều chỉnh độ sáng	396
Hiển thị menu	64, 486
Xem lại ảnh	355
Mất chi tiết vùng sáng	361
Máy ảnh	
Giữ máy ảnh	54
Hiển thị cài đặt	470
Rung máy	53, 54, 248
Xóa cài đặt máy ảnh	70
Menu	64
Cài đặt	486
Danh mục riêng	461
Quy trình cài đặt	65
M-Fn	94, 127, 260
Micro	316, 339
Mô phỏng hình ảnh cuối cùng	293, 328
Mô phỏng phơi sáng	298
MỘT ẢNH (lấy nét một lần)	89
MOV	332
MP4	332
M-RAW	
(RAW Trung bình)	151, 153, 154
Mức ghi	338
Mức tăng phơi sáng	436
Múi giờ	47

N

Nắp thị kính	33, 249
Nâu đỏ (Đơn sắc)	167
Ngàm gắn flash ngoài	22, 261
Ngăn bụi ảnh	407
Ngày/Giờ	47
Ngõ ra tiếng/video	387
Ngôn ngữ	49
Nguồn	45
Hiệu suất sạc	472
Kiểm tra pin	46, 472
Ổ điện gia đình	476

Sạc	38
Số ảnh có thể chụp	289
Thông tin pin	472
Tự động tắt nguồn	69
Nhả màn trập khi không lắp thẻ	42
Nhấn hoàn toàn	55
Nhấn nửa chừng	55
Nhẹ (IPB)	334
Nhiệt độ màu	170, 173
Nhỏ (chất lượng ghi ảnh)	153, 405
NTSC	333, 387, 493
Nút chụp	55
Nút gạt lựa chọn vùng AF	58
Nút INFO	60, 290, 325, 356, 470
Nút xoay chế độ	56
Nút xoay chính	56
Nút xoay điều khiển nhanh	57

Ô

Ổ điện gia đình	476
Ổ định hình ảnh (ống kính)	53
Ống kính	30, 50
Hiệu chỉnh ánh sáng	
vùng ngoại vi	183
Hiệu chỉnh méo hình	184
Hiệu chỉnh sắc sai	184
Nhả khóa	51
Ổ định hình ảnh	53

P

P (Phơi sáng tự động)	218, 316
PAL	333, 387, 493
Phần mềm	538
Phiên bản firmware	493
Phim	315
AI SERVO (Lấy nét AI Servo) ..	344
Ảnh	329
Bộ tiêu âm	338
Chế độ AF	331
Chỉnh khung	343
Chỉnh sửa cảnh đầu tiên và cuối cùng	382

Chụp ngắt tiếng	349
Điều khiển nhanh.....	331
Điều khiển yên lặng	340
Độ nhảy	
theo dõi lấy nét Servo phim	348
Ghi âm	338
Ghi tùy ý	341
Hẹn giờ đo sáng	349
Hiện thị thông tin.....	325
Khóa đo sáng	320
Khung lưới.....	346
Kích thước ghi phim	333
Kích thước tập tin	336, 337
Lệnh ghi.....	343
Lọc gió	338
Mã thời gian.....	341
Micro.....	316, 339
Ngõ ra HDMI.....	350
Nút quay phim	350
Phương pháp AF.....	345
Phương pháp nén	334
Quay phim phơi sáng bằng tay....	322
Quay phim phơi sáng tự động....	316
Số lần ghi/xem lại	342
Tai nghe	339
Thời gian ghi thực	341
Thời gian quay phim.....	336
Thường thức phim.....	378
Tốc độ khung hình	333
Tốc độ lấy nét Servo phim.....	347
Tự động phơi sáng ưu tiên	
khẩu độ.....	318
Tự động phơi sáng ưu tiên	
tốc độ màn trập.....	317
Xem lại.....	378, 380
Xem trên TV	378, 387
Phim độ phân giải cao (HD).....	333
Phơi sáng bằng tay	224, 322
Phơi sáng bulb.....	232
Hẹn giờ bulb	233
Phơi sáng hỗn hợp	175, 229
Phơi sáng hỗn hợp flash.....	271
Phơi sáng lâu.....	232

Phơi sáng tự động.....	316
Thay đổi chương trình	219
Phóng to	307, 310, 366
Vị trí bắt đầu	367
Phụ kiện	3
PictBridge.....	413
Pin	38, 40, 46, 472
Pixel.....	151

Q



(Điều khiển nhanh)	61, 295, 331, 376
--------------------------	-------------------

R

RAW	151, 153, 154
RAW+JPEG.....	151, 153

S

Số ảnh chụp liên tục tối đa... ..	153, 155
Số ảnh có thể chụp	46, 153, 289
Sơ đồ hệ thống.....	480
S-RAW (RAW Nhỏ)	151, 153, 154
sRGB.....	189

T

Tải ảnh (xuống máy tính).....	536
Tai nghe.....	339
Tăng giảm tốc độ	
theo dõi lấy nét.....	116
Tạo/Chọn thư mục	190
Tên bộ phận	22
Tên tập tin	192
Thang đo sáng	26, 27, 290, 325
Thay đổi cỡ ảnh	405
Thẻ	5, 21, 67
Chống ghi.....	41
Định dạng.....	67
Định dạng mức thấp	68
Hướng dẫn giải quyết vấn	
đề trực trặc	44, 68
Trình nhắc thẻ	42
Thẻ CF → Thẻ	
Thẻ Eye-Fi.....	477

Thẻ nhớ → Thẻ	
Thẻ Wi-Fi W-E1	3, 4, 19, 36
Thiết bị flash không phải của Canon	262
Thiết lập thời gian tự động	211
Thời gian ghi thực	341
Thời gian xem lại ảnh	70
Thông tin bản quyền	197
Thông tin cắt ảnh	445
Thông tin chi tiết	359
Tiêu chuẩn (IPB)	334
Tốc độ ISO	156, 319, 323
Cài đặt tự động (Tự động)	158
Mở rộng ISO	159
Mức tăng cài đặt	436
Phạm vi cài đặt bằng tay	159
Phạm vi cài đặt tự động	160
Tốc độ màn trập tối thiểu	161
Tốc độ khung hình	333, 352
Tông màu	166
Trình chiếu	384
Trợ giúp	79
Trực trực	497
Trung bình	
(Chất lượng ghi ảnh)	405
Trường hợp	110
Tự động cài đặt lại	196
Tự động chọn (AF)	93, 99
Tự động chuyển thẻ	149
Tự động nhận cảnh thông minh	82
Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ	222, 318
Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập	220, 317
Tự động tắt nguồn	45
Tự động tối ưu hoá ánh sáng	81, 177
Tự động xem lại	384
Tv (Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập)	220, 317
Tỷ lệ cỡ ảnh	297

U

Ultra DMA (UDMA)	42
UTC	200

Ư

Ưu tiên tông màu	182
Ưu tiên tông màu sáng	182

V

Vành đỡ mắt	249
Vi chỉnh	135

X

Xem lại	355
Xem trên TV	378, 387
Xem trước độ sâu trường ảnh	223
Xóa ảnh	394
Xoay (ảnh)	369, 397, 421
Xoay tự động	397
Xử lý ảnh RAW	400

[illegible]



Nội dung tài liệu dựa trên tiêu chuẩn thử nghiệm của Canon, nếu có bất kỳ sai sót do quá trình in ấn hoặc dịch thuật, rất mong được lượng thứ.

Thông số kỹ thuật và thiết kế của máy ảnh có thể thay đổi mà không báo trước. Màn hình và thuật ngữ sử dụng trong hướng dẫn này có thể khác biệt hoặc thay đổi so với thực tế.

Những ống kính và phụ kiện được nhắc đến trong Hướng dẫn sử dụng được cập nhật cho đến tháng 6 năm 2016. Để tìm hiểu thông tin về tính tương thích của máy ảnh với các ống kính và phụ kiện mới hơn, vui lòng liên hệ Trung tâm bảo hành của Canon.